

VƯƠNG HỒNG SÊN

# Thú chơi cổ NGOẠN



NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

VƯƠNG HỒNG SEN

SỔ TAY  
NGƯỜI CHƠI  
CỔ NGOẠN



NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1990

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Thú chơi cổ ngoạn (sưu tầm và thường thức đồ xưa) là một niềm vui, một nếp sống tao nhã, thanh cao của những người thường là đúng tuổi, yêu văn hóa nghệ thuật, trọng truyền thống, có trí thức, hâm mê sưu tầm, nghiên cứu cội nguồn các cổ vật tranh, tượng, đồ sứ, gốm, đồ gỗ, tiền kẽm, đồng, vàng, v.v... là sản phẩm, tác phẩm của các nền văn minh xa xưa, của các triều đại Âu, Á..., được lưu giữ tới nay.

Đây là một hoạt động văn hóa lành mạnh, cao đẹp phải biết trọng, nâng niu, gìn giữ và thường thức cổ vật, hiểu biết từ nguồn gốc xuất xứ, giá trị các chất liệu, đến nghệ thuật và cả người làm ra và sáng tạo. Người chơi cổ vật đã tự rèn luyện và trang bị cho mình một vốn kiến thức quý giá về lịch sử, văn hóa, văn minh của dân tộc mình và của nhân loại. Ở nước ta cũng như ở nhiều nước trên thế giới, có những người mà nhà riêng đắt thật sự là một viện bảo tàng nhỏ, quý giá, góp phần làm giàu cho tài sản quốc gia. Đó là chưa nói về giá trị kinh tế: những di vật càng xưa, càng có bờ dày của thời gian, càng hiếm, thì càng có một giá trị kinh tế lớn.

Học giả Vương Hồng Sển, một nhà văn hóa uyên bác, cũng là một nhà sưu tập cổ vật có nhiều kinh nghiệm, một trí già cao niên với vốn sống dày dặn đã dành thì giờ viết cho chúng ta và riêng cho những ai say mê chơi cổ ngoạn, cuốn sách quý "Sổ tay người chơi cổ ngoạn", khi tác giả bước vào tuổi "thất thập cổ lai"... Về Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh được lòng ưu ái cho in cuốn sách quý của tác giả, một ông cụ 89 tuổi xuân vẫn đang hăng say "chạy nước rút viết cho hết cái gì đang sôi sục trong óc..." để truyền lại cho lớp cháu con những nếp sống văn hóa chất朴 từ những gì tinh anh của cha ông chúng ta mà tác giả đã tích lũy và kế thừa. Vẫn ông viết với giọng tâm tình gọi cảm, bình dị và dí dỏm, chân thành và chất phác của người Nam Bộ với tinh thần văn của lớp trí thức thời ông.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh

## NHỚ :

Thầy cũ, Ông *Bernard BOUROTTTE*,

Xin thành kính dâng quyển này, in lần đầu 3.700 cuốn  
để tưởng niệm.

Ông dạy môn sử địa tại trường *Chasseloup-Laubat* (Sài Gòn) trong ba năm : 1920 đến 1923.

Ông dào luyện nhiều thể hệ sinh viên ở Sài Gòn, Huế, Hà Nội, Phnom-pênh, rồi Sài Gòn.

Kể về sử Việt, sử Miền, Ông là người biết nhiều hơn ai...

Ông về mất tại quê nhà ở *Les Sept Pauvres*, tỉnh *Lisieux* (*Calvados*, Pháp) ngày 11-10-1968; vợ là bà *Andrée Bouratte* mất trước Ông, ngày 15 - 12 - 1967.

Tại nghiệp vợ chồng già, không con nối hậu, bà di Ông  
ở lại làm gì ?

Nhớ ơn dạy dỗ hết lòng, nhớ hai ngày 8 và 9 tháng 6  
năm 1963, sống với hai Ông bà tại nhà cổ *Lisieux*, như trong  
giác mộng.

Tưởng niệm muộn nhưng chí thành.

Ngày 9-6-1972

V.H.S.

## TỰA

*Sách không để tựa, tra trên như người thiều mû khăn; phải có "nón" để hợp lẽ khai màu. Ra đi hằng hái bao nhiêu, - tôi muốn nói khi bắt tay soạn tập nhỏ này, - nay về tối mức, chán chê buồn buồn, khó nói, buồn thùi buồn thùi, thiều diều buồn đút ruột.*

*Sách ! Mày thè chết yếu ! Giá giấy lèn, nhau công măc, hình dà mà tinh giá ghê hồn, còn gì nữa ? Chỉ tội nghiệp thân sách, làm vật tặng hào, không dám được dồng xu cạo gió. Một xá xí phẩm dư thừa, "có cúng chợ đóng, không thì chợ cúng nhôm, không không bùa nào".*

*Duy tác giả là khó : đe dọa chập chồng, hưng đâu còn mà tiếp tục viết ?*

*... Mọi việc êm đẹp, đều nhờ ơn một người, - Ông Cố Trung Nguon. Nếu nói làm vậy, quý vị thấy nhảm tai, xin miễn đọc bài tựa và cứ nhảy qua trường khác.*

*... "Cuốn sổ tay của người chơi cổ ngoạn", phần đầu, nêu ra vài ba món từng nghiên cứu; phần sau chừa để ba hoa chung quanh vài kinh nghiệm riêng.*

*... Cuốn sách này như tên đã gọi, cho biết thêm : Thế nào là cổ vật ?*

*Thế nào là thực hành ?*

*... Bác sĩ, được sự, có sách dâng đến tận nhà, mình thua dâng. Lại thua luôn anh lùi xích lô máy khi anh ăn điểm tâm, thấy mà té mắt.*

Trót lừa một nghề thua hết cả thiên hạ, có khi mửa máu không đủ bối  
tờ giấy lộn. Gầm lại Húc nhỏ không chọn nghề bác sĩ, tại sợ thầy ma.  
Tuy không làm được sự, chờ nghệ thuật biết mệt hoa là, có kém ai, từ  
hoa biết nói đến hoa có gốc rõ. Nhưng kinh sanh xứ phèn, muối làm thi  
sĩ cũng không xong, vì tên cây cỏ miền Nam toàn là tục tĩu. Đây gì đây  
thúi dít ? Hoa gì hoa cặc chó ? Cây gì cây dái ngựa ? Ông thần thơ cũng  
phải chạy. Người phu xe là sướng nhất : quần dùi, xà lòn, lù coi cũng  
không ai nói.

Cái số "không già cư nhất định", khiến nhà ở một chỗ, không dài  
nửa tấc đất, thế mà bấy lâu mang số 5 đường Nguyễn Thiện Thuật, bỗng  
đầu năm đổi làm số 11, nay mới mấy ngày rày, sửa lại số 911. Vậy xin rao  
khắp bà con cõi bắc, coi chừng kèo lộn nhà. Lỗi không phải tại tôi. Chán  
nản vì bác sĩ bắt ăn cơm cũ muối.

Thế mà giá thử giờ phút này lão thần lòi ba sườn tay cầm luối hái  
dến, sẽ bắt lão xốc giùm bó cùi lên vai, chờ viết xong vài ba tập nữa,  
như lão không chờ được thì hãy di chỗ khác, tôi không cần biết.

Dài dã dào ngược từ lâu, không phải mới. Sách dã hoàn thành lâu  
hoắc, nay mới làm bài tựa.

Cẩn tự.

Gia Định, ngày 8 tháng Giêng tây năm 1972

(20 tháng mười một năm Tân Hợi).

Văn Đường Phù, Đạt cõi trai

Vương Hồng Sển

# 1

## LỜI TỰ THUẬT CỦA MỘT CÔ TÂN THỜI CÓ CHỒNG MÊ DÍA HÁT.

(Riêng tặng các cô có chồng ham thích sưu tập)

Tôi có chồng năm 23 tuổi, vừa ra trường Đại học Văn khoa Huế, cũng vừa buông cuốn sách. Tưởng thành thời vài năm để chọn lựa, ai dè số kiếp, biết làm sao? Trang lứa của tôi, có đứa đã tay bồng tay ấm, vì chúng nó có bông sắc, tóc thê chưa chấm vai, chồng đã cướp. Không phải tôi xấu xí, nhưng vì cha mẹ dư ăn, kén rẽ, bọn dao mò đều hư. Mừng theo chữ với nghĩa mà cái xuân thòn thòn, gặp anh này thì té ra mình già kén kẹp hom, không lấy trai từ lại dụng phải mọi anh lừa xương nhà sạn, nghe đâu anh đã mệt lần thay vợ. Tôi không tủi phận lại còn cả khuyên chị em nên lựa bạn đi đường trọng tuối và già kinh nghiệm, vì mẹ tôi thường nhắc thứ trai tân là ngỗng dực, thà chồng có tuối, vững lèo lái và biết cẩn trọng vợ hơn. Tôi xin thêm: chắc yên thân hơn. Về sự yên thân thì khỏi nói, anh có sự nghiệp sẵn, có ba cái ô tô, nhà chánh ở Sài Gòn, nhà mát ở Long Hải, duy mỗi lần

ra đó đều gặp ma xin tiền, nên nhà có hai mà ở một. Vả lại tôi thường ngồi xe, ít khi ở nhà. Liều yếu dựa bóng tung, gọi yến thân nghe chuông chuông, vì tôi ví thân như liều, c không đúng danh từ, tôi đánh sơ nít một cây, bơi lội như rái, và khi tôi lái xe thì phải biết. Muốn mua một bao diêm, tôi xẹt một cái vù, bất chấp đèn xanh đèn đỏ, duy dừng ai hỏi tôi có biết đi chợ không, vì đi chợ là cái thá gì, trong khi trong nhà đã có ba người hòa đầu quân, một nấu đồ Tây hạng đeo dây cordon, không phải huy chương Bắc đầu, nhưng chánh thị là đầu bếp giỏi (cordon bleu), một thiện nghệ đồ Tàu, và chị vú già, dừng tưởng lơ mơ, khéo trở bữa từ bún bò, bún thang đến bò giá tréo, vịt ba món : xương khia, cỗ làm đồ nhấp nháy, nhứt là bộ lồng chưng ăn với ghém bắp chuối hột, ôi cha, nhắc đến mà thèm chảy nước miếng ! Chừng nào ba người ấy đồng hèi thôi một lượt, có lẽ chừng ấy tôi phải xách rổ, á mà quên, còn nhà hàng quán nhót, lại nữa ai bỏ tật ngủ nướng cho mình ?

Quả là nói chuyện trời nghiêng đất méo. Quên giời thiệu : chòng tôi có tật hút píp. Píp có trên một trăm ống, một bộ môn không ai có, đến anh chàng Ismael còn chạy mệt nữa là. Hương gây mùi nhói, biết hút mà thay đổi píp hoài hoài thì hút ống điếu cối thêm vč cái nghi, riêng chòng tôi khi ngồi chém chệ nơi văn phòng, miệng ngậm ống kéo nghe bắp bắp, cái píp tròn láng làm cho cái trán bớt sỏi, hay là anh khéo lựa mình như đã lựa ống điếu !

Chòng tôi ưa sưu tập đĩa hát. Trong nhà đã có đủ

thứ máy tinh vi, từ cái phát thanh National, đến cái truyền hình Sanyo, máy thu băng và máy hát rất kim thời, ảnh để chật một phòng rộng lớn, khi tôi viết đến đây, tôi tưởng tượng những người đọc văn tôi, át thèm thường địa vị của tôi, hạnh phúc của tôi, nhứt là nếu đọc giá ấy là một mạng phụ chảng may phòng không chích bóng hay một cô tân khoa đang kén cá chọn canh, làm sao khỏi thèm thường cảnh ấm êm, sau buổi cơm tôi, chàng ngồi phì phà ống cối, nàng ngồi mơ mộng xem báo có hình màu, quanh quẩn bên tiếng hát du dương từ các máy ấy phát ra. Nhưng hãy khoan hối hả, hãy để tôi nói hết rồi sẽ biết.

Chồng tôi ham sưu tập đĩa hát cũ, từ đĩa Cô Ba Ngoạn, tuồng giấu "lên ăn tiệm tiên lầu biếu xào tôm mì thốt thần" đến đĩa Ông Huỳnh Trí Phú, "Cô Hai Huê làm Nguyệt Kiều xuống tóc đi tu", tôi thì tân thời thấy đĩa Cô Bảy Phùng Há nhại Jéséphine - Baker bài "hai mồi ăn tình" (Zè dor zà múa : J 'ai deux amours), mình muốn nghe hết sức, nắn nิ ảnh, ảnh lại ép nghe hát bài : "lùng tung phèng là lùng tung phèng" ! Nay tôi nói rồi, ai có muốn nhào vô thì tôi xin mời. Từ ba năm nay, tôi sống trong cảnh đó, Thiên thai hay là địa ngục(?), cũng khó nói cho thông. Đang ngủ lim dim thì cây kèn song hỷ phát lên rồi giọng hát khách gần nhà. Năm suy nghĩ một chút cũng không được, cũng tại vì có chồng mê sẩm đĩa hát xưa !

Nói chí phải, khi cưới tôi thì ảnh đâu có như vầy nè ! Nói chí đáng, cũng tại mình hết thảy. Khi hai đứa

tôi lấy nhau, chồng tôi là một người ham trộng hoa lan và là người giàu hoa lan bực nhứt bực nhì trong vùng Sài Gòn lên tận Thủ Đức và Đà Lạt. Một giống lan lạ ở bên Xiêm bên Tây, hễ người ta có thì ành cũng phải có, tiễn rồng bạc biển chôn vào mẩy kiếng hoa giüm miệng lại như một bài thơ "hàm tiếu", khen cho Trời Già cũng biết ninh đầm. Riêng tôi thì ưa thể thao, nhưng cũng thầm thích cho chồng tôi chọn thú tiêu khiển chơi hoa lan, vì nó cầm chọn người đàn ông rú rú dưới giàn hoa tối ngày, và dấu nó đẹp cách mẩy, cũng không biết giựt chồng như nhiều thứ lan hai cẳng. Khi lên xe hoa, mẹ tôi đã dặn : đừng cho chồng hút xá, mè gái mè l., chơi hoa có lợi nhiều hơn là có hại.

Quanh năm hạnh phúc lạ lùng trôi như nước chảy dưới cầu, tôi yên trí, ngày ngày cùng chị em bạn gái, đua nhau xách xe đi tắm "bích xinh", phơi nắng hay tranh giải quần vọn, trong khi chồng tôi vẫn run rút "môn trung bất xuất", - một cây kén cất kiếng cầm tay, một nón lá che đầu, bất sáu tia lá, không làm chánh trị, cũng không nhập hội này hội kia... Hoan hô thú chơi lan đã giúp tôi không biết cái ghen là gì !

Chúng tôi kết hôn với nhau tính đã ba năm tròn, mà tôi chưa được cái vui "đi thử thò". Cuối năm Kỷ Dậu (1969), chồng tôi bỗng cho tôi một cái vui bất ngờ là mua cho tôi một biệt thự trên Đà Lạt. Chứng trao tờ bằng khoán, tôi thấy tôi đứng tên một mình, hỏi, mới biết cái nhá ý của chàng là mua làm quà biếu tôi, chứ mua xe mua cẩm thạch hoài lồ lòi, : "Miễn anh

màn đời được ở cạnh bên em". Lời nói chí tình khiến tôi cảm động và thêm kháng khít.

Hôm lên nhận nhà, tôi mới rõ đây can trái và số kiếp con người có khi bé bỏng còn nhỏ hơn đầu kim mồi chỉ. Đời sống hai đứa tôi bỏng thay đổi cũng vì mua cái biệt thự ở Đà Lạt này. Lão chủ cũ nhận liền rời ra đi mình không, để lại trọn vuông nhà, hoa viên chậu kiểng luôn và thập vật từ khi tết nhuyễn, không lấy đi món nào, trong số nên để ý một cái máy hát cũ hiệu Columbia, thứ hai dây thiều, lại với máy chục chòng dĩa hát chưa đầy một tủ lớn. Lúc ấy tôi vẫn tưởng đó là những dấu tích già, vô thường phai, của một ông già quen sống độc thân ích kỷ, tôi không dè đó là một thứ bùa ngải ma quái đã ốm vợ chồng tôi, khiến bỏng lẫn hời thay đổi tánh tình và cũng giàn ương như lão không mấy chốc.

Từ lện Đà Lạt chuyễn ấy, không biết bao tố ở đâu mà mưa gió lu bù, không thể ló mũi ra đường được, thành thử hai tôi dành năm nhà, và không biết làm gì để giặt thì giờ, tôi hôm đầu, chúng tôi lấy dĩa hát ra lau sạch sẽ, đặt lên cái mâm tròn có lót nỉ xanh, lên dây thiều và cho máy chạy.

Cái máy bời lâu ngày ít dùng nên đóng mốc, nhưng vốn là thứ có đến hai dây thiều nên rất mạnh, chừng thấm dầu, nó chạy ngọt lành, còn có nước bùm tai. Ban đầu tôi nghe rì rì như tiếng mèo kêu, rồi kế tiếp đến tiếng rột rột như ai xốc miếng sành miếng chén, rồi bỏng đâu tiếng thê thê như dưới âm phủ kêu vọng lên :

"Đây là dĩa của thầy Năm Tú ở tại Mỹ Tho, hát cho hàng Pathé-phono nghe chơi : luồng Phản Đường, lớp Tiết Cương iết Thiết Khuê Phản".

Tôi lật đật gọi chồng xin tắt máy, không biết có cái gì đang nạo óc già óc non, nhức đầu quá chịu không nổi.

Nhưng một lần đầu, tôi nghe chồng tôi cãi lại : "Dĩa hay hỏng muốn chết, không cho tôi nghe thì tôi lấy xe xuống câu lạc bộ Bờ Hồ đánh phé với ông..."

Cái ông làm sao tôi vừa nghe nhắc tên, bỗng hết nhức đầu ngay, và thà để chồng tôi tiếp tục hát máy, hơn là để cho đi đánh đòn đánh đọ với một người dù tật xấu, giỏi chửi thề, giỏi cá ngựa, xì phé và tán gái là số một, thêm có tài uống Whisky thay nước lạnh nước trà.

Ở Đà Lạt được một tuần, vợ chồng tôi trở về Sài Gòn, nhưng mấy dĩa hát và cái máy Columbia cũng tháp tùng về theo; tôi phải ngồi trước với ảnh, mua một nhánh lai đơn cũng không được, vì trọn thùng sau đều dành cho cái máy hát và những dĩa là dĩa.

Rồi cũng kể từ ngày ấy, đường lối tự do của tôi mãi lần lù náo không hay, tôi bối rối lội và bối rối đánh vợt, trái lại phải theo ông chồng và chiều ý ông để giữ cho vui cửa vui nhà. Tôi biết đủ hết các tiệm lạc son có trữ và bán dĩa hát máy cũ, như đường Trần Quí Cáp có Chêc dơ nhứt đòn, trước ở túp lều ọp ẹp thì dơ đáy đã dành, nay có tiền xây cất nhà lầu, mà dơ vẫn còn dơ; anh lính trữ từ cái ống khói đèn đèn cái dĩa chử

Tho, cái nào cũng đầy bụi bặm, còn những đĩa hát anh để trên lâu, trong xó kẹt, phải chen vào và đừng sợ mấy con nhện và bầy gián tinh hôi thì mới hòng với tôi lấy ra đem lụa. Ở đường Hai Bà Trưng, qua khỏi dốc Cầu Kiệu, có hai tiệm ngó mặt nhau, mà chủ nhà không thuận với nhau, tuy vẫn người đồng hương tỉnh Phước Kiển qua đây, cũng vì tranh giành mối hàng, một anh tôi gọi Chèc cười, vì mình trả giá nào anh cũng nhẹ rắng làm ngoại giao, đúng giá mới thôi cười lấy giấy gói món đồ trao và nhận tiền rồi thì cười trở lại. Còn tiệm kia, người chủ họ Hồng, đã có treo tấm biển đề hai chữ mạ vàng "CHÍ THÀNH", mà thật anh nhở cần cù chí thú làm ăn, mà thành sự nghiệp. Tuy anh là chủ tiệm mà những việc nặng nhọc, khiêng ván khênh tủ, anh vẫn phụ lực cùng bạn ở, chẳng bao giờ nề hà, nên tôi lờ chẳng bao giờ sanh nạnh. Anh siêng đi tinh kiếm hàng, nên nhà anh tuy lạc sơn mà có bán dù thư. Từ tủ thờ tủ cần của các đại gia suy sụp đến chén xưa đĩa cổ, nhưng chúng tôi chỉ hỏi mua đĩa hát. Và sau mấy năm biển cổ, anh chỉ tìm được đĩa cài lương và đĩa hát Tây, còn đĩa hát bội, ít khi gặp còn toàn hào. Khu Trường Tiễn, ở vỉa hè đường Công Lý, ngang nhà thuốc Diệu Tâm, có một cô tạo được một quán xinh xinh bán đĩa hát nửa sạc, nhưng nơi đây chúng tôi ít mua được đĩa nào vừa ý, vì cô bán toàn đĩa nhạc Jazz hay đĩa nhạc phòng trà, mà chồng tôi đã có máy thâu thanh và truyền hình tối tân, nên đâu thích loại đĩa ấy. Chẳng bao lâu vì ít vốn, thuê tiền chồ nặng, thêm cạnh tranh không lại người Tàu, nên nay quán của cô đã sang chủ

khác và quán này nay bán sách cũ chờ không bán đĩa hát xưa. Có một hiệu Tân Phước Hòa ở tận trong Chợ Lớn mới, ngang bến xe đò đường Càn Ðuốc, lóng trước bán đĩa hát nhiều, nay chê lời ít không đủ bù phí tổn di mua, nên không bán nữa. Máy nhà này, giữ nguyên tắc không sám máy hát và bán đĩa với điều kiện "mua rồi không trả lại" họ không bao giờ biết dùng cây chổi lồng già quết bụi, cũng không sán nước rửa tuy, khiến nên mỗi lần đi thăm hiếu, chúng tôi cụ bị theo cam tươi để giải khát, và chuối ngon để đỡ lòng, vì chỉ có hai thức ăn ấy, nhờ có vỏ nên không sợ hiếu độc của những bụi xập kỵ nịnh (thập kỵ niêm) của đĩa hát từng trú nơi các nhà tôi đã kể.

Nhiều khi với vài bạn cũng lặm đĩa hát như chồng tôi, bèn rủ nhau xuống tận Mỹ (mà là Mỹ Tho) và lên tận Tây (mà Tây Ninh), nhưng phần nhiều đều thất vọng, vì hai nơi giàu lúa và giàu cao su, sau mấy năm chiến tranh không đứt, nay chỉ còn máy truyền hình và rất nhiều radio xách tay, các đĩa hát và máy hát xưa đã làm mòn cho hình lúa kyn ly, người và sinh mạng còn không yên, huống chi gia tư tề nhuyễn.

Một buổi chiều thứ bảy kia, chồng tôi tự lái xe đi đến chặng vọng tôi mới về nhà, cầm nước cầm chừng, ông chỉ mê một cuốn mua được tại nhà sách Xuân Thu đường Tự Do, xem lại đó là cuốn sách mầu rao hàng "Hàng đĩa Béka năm 1938".

Cuốn sách dẹp lép mà ông xem nặng hơn tôi, và khi lén lẫu trong phòng ngủ chỉ có sự hiện diện của nó. Tôi liếc thấy :

- Dĩa cò Hai Đá ca Vọng cổ : Gió bặt lạnh lung (Béka);
- Dĩa "Thương ai?" điệu "Tương tư" và dĩa "Đêm khuya" điệu xèng xê do cô Ngọc Nữ ca, có kèn và violon phụ họa (Béka);

Rồi nào Bóng trăng tròn vạnh, Sầu chong tráng dĩa,  
 Cách trở sông Tương, Tiếng chuông Linh Mụ, khi bồng mạc, khi sa mạc, khi hò mai đầy, khi Nam bình, khi Nam ai, lại có dĩa hát bội gánh Huỳnh Trí Phú, trọn bộ bốn dĩa tuồng San Hậu, hay nhất là lối cò Hai Huê thủ vai bà Nguyệt Kiều xuống tóc đi tu...

Chèng tôi đã ngủ mòn, tôi với lấy đọc bài quảng cáo dĩa điệu "xang xù lúu" của Diệp Văn Kỳ, (con ông Diệp Văn Cương) sau:

a) mặt trước, "Trong đời mấy mặt chơi" :

Trong đời mấy mặt chơi ?

Đủ âu yếm là lời, cuộc suy trayan cười ?

Nào giải nhân, chói mồi đào má hạnh,

Phấn diêm, hồng trang, giồng tiên điện Hân.

Người chung tình, kè thanh thú,

Mùi hương trời, đê yêu dấu,

Khi câu ca, tiếng hát,

Khi chén rượu đầy với, thế mai phong lưu".

Tôi hát buồn ngủ, rãng đọc tiếp :

b) Mặt sau, "Con người phải mua vui" :

"Con người phải mua vui,  
Để tiêu khiển chút chơi, giải khuây sự đỗi.  
Làng tao nhơn, với cung đàn chén rượu,  
Cái cảnh phù sah, có chi lụy mìnħ,  
Nào công hồn, những khanh tướng.  
Gò đất vàng, nấm xương trắng,  
Trăm nǎm trong thâm thoát,  
Như giấc mộng Huỳnh Lương, nghĩ chẳng ra chi!".

Tôi muốn đọc tiếp, mà mí mắt chống hắt lên; nhứt định sáng ngày xúi ảnh tìm cho ra dìa này, mặc thế mấy cũng mua. Vốn tôi không ưa dìa hát cũ, vì nó kêu rè rè, nhưng tôi lại thích câu ca cũ đượm mùi văn chương. Không chỉ tôi cũng có chứng chì cử nhân, và ý tôi muốn viết tiếp thầy tôi về "Nǎm chục nǎm mè hát".

Sáng ngày tôi nói ý định cho chồng biết, bộ mặt ảnh bỗng sáng như hoa vông mới nở, và buổi chiều giờ ăn cơm, tôi nhận được một chiếc cà rá kim cương, với điều kiện cùng nhau tát cạn biển đồng, vừa mò kim mày hát và mò mẩy mặt tròn tròn đen đen, đẹp đẽ, chưa giọng các cô đào hát hội : "Lưu Kim Đính hạ san do cô Ba Cang hát khách qua Nam"; "đào Sáu Sển hát Nam ai sang Nam xuân, vai vợ Trần Nhựt Chánh dắt mẹ đi tìm chồng"; đào Hai Quyên vai công tử hột hát

giọng trợ trợ, trong luồng "Lục Phụng Dương và Bàng Bưu", nhưng thú thật kim cương vẫn quyến rũ tôi hơn mấy dĩa này nhiều.

Thật tình tôi rất ghét dĩa hát đã cũ, nếu sang băng nhựa thì còn khá, nhưng kể về vấn chương thì dĩa hát xưa câu văn đặt để thâm trầm, khi hát lên chất chứa tôi không nghe được nên không thích, băng như được ai chép ra giấy và cất nghĩa rành mạch, thì tự nhiên nó thấm vào xương tủy; ai không thích không mê văn hát bội thì chưa phải đúng là người Việt Nam !

Chồng tôi thường nói lục lạo mãi ở Sài Gòn thì khó tìm được dĩa hay, phải có công đi đó đi đây, trên những vùng có nhiều người thành thạo về nghề hát bội xưa và những nhà sưu tập dĩa cũ thì họa may, xin phép thâu băng để dành những tài liệu cũ này, chờ hưng hờ thì không bao lâu sẽ mất hết những gì là di tích nền văn hóa cổ truyền của ông cha ta để lại.

Chồng tôi ước ao được người giới thiệu, ra Phước Tuy xin ông Đốc phủ Lê Thành Long cho nghe những dĩa hát thật cũ có ghi giọng hát của Bà Chung, Bà Bồn là hai dão biết rành chữ Nho và đã hát cho ông Diệp Văn Cương nghe, lúc người nghe dậy đức vua Đồng Khánh ở Huế và lui về Sài Gòn nhận vai giáo sư Việt Văn trưởng Xách lu. Tôi viết một câu nhỏ như trên mà phạm không biết bao nhiêu lỗi về danh từ dùng sai thời đại, vì phải nói dậy *langue annamite*, chứ trước đây Việt văn là gì, ai biết, và trưởng Xách lu, nay đã lu mờ. Có báo viết "Sách lu" càng thêm tệ, phải gọi chánh danh

dùng tên theo Tây đã đặt là trường Chasseloup-Laubat, có lẽ phải hơn.

Thú thật, lúc ấy tôi ngồi nghe mà như vứt nghe sấm, chờ kíc ấy ai nói tôi mê đắm hát như chồng thì si đố lầm ta. Và tôi đâu có chịu.

Sở dĩ chồng tôi lầm vì đắm hát bội, thật ra không phải tại vụ mua nhà trên Đà Lạt, rồi bị ốm bởi mấy cái đĩa tròn tròn giữa rún có khoét lỗ và chung quanh lỗ có dán giấy chữ vàng, hiệu Béka, Columbia, Pathé (xưa hơn cả) hay La voix de son maître, tôi gọi tắt "con chó", vì có in hình con cầu ngồi lắng nghe tiếng của chủ từ trong ống loa vọng ra.

Tôi nhớ lại chồng tôi bắt đầu mê nghe đắm hát xưa là từ ngày làm quen với ông Năm, mỗi lần đến nhà vẫn kể truyện xưa tích cũ và nhắc lại những giọng phù trầm của đào kép dĩ vang, chồng tôi sẵn có tách ưa sưu tập vần chương, nên muôn thâu thập lại những gì thuộc văn hóa ngày xưa, chờ ông Mai Thọ Truyền, thì khó trong cậy vào rồi.

Lão già Năm có văn nói thật cám dỗ, khiến nên chồng tôi là một thê tháo gia, nay cũng ít ra sân chơi đánh vần, và rảnh được phút nào là lái xe đi lục lạo các tiệm lạc son, hoặc đi hỏi thăm chỗ nào có bán đắm hát cũ thôi dùng.

Từ ngày bắt sưu tập đắm, tôi có mờ một cuốn sổ tay, biên giá và sở phí những đắm mua được, tuy vậy cứ mỗi tháng cộng sổ, tôi thấy ít hao tổn hơn lúc chúng tôi lai

vâng nhà ca lâu lửu quán, câu lạc bộ và bistro xinh, nhứt là nhà xác tây đường Hồng Thập Tự.

Chúng tôi biết thêm được vài tinh mièn Hậu Giang, Sa Đéc, Vĩnh Long, và biết được nhiều thú vui rè tiền; nem khóm Bến Lức, nem Cai Lậy, trái cây ngon tươi xứ Vũng, cam quýt Cái Tàu, nghĩ ra mấy cái đĩa đèn đèn mặt dẹp ấy dạy chúng tôi về mâm sứ địa nhiều hơn mấy ông giáo chầu xưa tại trường, nói không phải để vong ân các thầy Đại học.

Cũng từ đó trên chiếc xe đò Fiatsport của chúng tôi, phải tích trữ luôn luôn một nắp chuối chín bồi, mấy trái dừa xiêm lột vỏ sẵn, và cái khăn nhỏ có thấm dầu Cologne, vì mỗi lần đi thám hiểm các tiệm lạc son, thì không biết được trước giờ nào sẽ về đến nhà, cái cảnh ăn dạo mì chú Dầu Sa Đéc, cơm thố My Tho, bì hún Chợ Bún là thường. Có lúc ra đi là định mau đĩa hát, mà hận về chờ nhóc xe nào khóm nào sầu riêng, măng cụt; có một chuyến đi Gò Vấp lại chờ về một tá gà con Mỹ lông đòn, nếu Hạnh phúc biết nói, thì tiếng kêu chít của mấy chú chưa mọc lông cánh này là đúng cái vô tư lự và không biết có ngày mai của hai chúng tôi. Tại nhà tôi có nuôi một con gà mái, nó đang ấp trứng trên nệm ghe xa lông. Mai này có khách đến dùng cơm tối, không biết phải đợi chờ ta đi đâu bây giờ ?

Nhiều bữa gặp ngày hén, mua được đĩa ướt áo, về tới nhà chưa kịp cởi giày thay áo, anh tôi đã đặt đĩa mới mua cho mấy chạy thử vài lụa. Tiếng kèn song hỷ thời xưa hối bài hát khách "... tràm Nhan Lương, tru Văn Xú..."

chưa dứt câu, anh tôi đã lấy dĩa xuồng, phủi bụi kỵ lưỡng rồi đem cất. Tôi không nhịn được, xin để nghe cho hết bài; nhưng anh tôi nói : "Nghe bấy nhiêu đủ rồi, đây là lớp Quan Công đưa anh là Lưu hoàng thúc phó hội Châu Du; để khi khác; hát lẩm nó trầy đi, uổng lẩm !".

Rồi chồng tôi bất chấp tôi bức tức, ung dung lấy keo dán số mục lục thư tự, lấy mực vàng tô lại cái nhãn hiệu giữa rún, phủi tay huýt sáo miệng, trọn ngày nhân viên lên xin việc gì cũng chấp thuận, chỉ có tôi là phản ván, không biết có nên ghen với cái dĩa mặt đen kia hay không?

Từ ngày anh tôi sanh bệnh mê dĩa hát cũ, tôi phải nhượng một gian phòng gần phòng sách, trước đây dành cho bà con thân quyến lục tỉnh lên đây ở tạm, nay anh tôi dọn thành phòng âm thanh và chưa dĩa hát và những băng nhựa thâu lại các bài bản xưa hiếm có, vừa cổ nhạc cũng như tân nhạc. Nếu không có gì trả ngại, một ngày gần đây chánh phủ muốn lập trường "quốc dân âm nhạc học hiệu" (Conservatoire national de musique et de déclamation), tôi chắc phải cần dùng đến những tài liệu vô giá này. Tạm thời, tôi phải chịu cảnh cô liêu chích bóng, vì có chồng cũng như không chồng, mọi việc anh đều giao hết cho tôi quyết đoán, tôi ngày anh chỉ lo vặn nước lavabo trong trữ dĩa, bản thân rửa từ cái dĩa cho sạch lớp bụi phong trần cũ, rửa rồi lau sạch không để cho tên bồi phòng phụ giúp, rồi lấy va sơ lin quét nhẹ lên hai mặt, o bế lại cái nhãn hiệu kè chử vàng cho thêm đẹp, rồi lấy giấy mịn lót hai bên và cho

cái đĩa cứng lèn kẽ tú, đựng gần bên những đĩa khác, và những tập ảnh chứa hình các đào kép trữ danh Đông Tây, từ Maurice Chevalier, Joséphine Baker, Lý Lê Hoa, Năm Phi, Tư Sặng không quên có Bảy Phùng Há, Ái Liên, Tư Út, Năm Châu, chí đến Bạch Tuyết, Ngọc Giàu, Bảy Thông, Tư Thạch, Tám Thủu, cô Sáu Ngọc Sương, gần đủ mặt. Tôi vốn không mê tín dị đoan, thuyết luân hồi tôi cũng thờ ơ, mà tôi dám chắc anh này có mắc nợ các hồn ma áy, khiến nên có tiền mà không tận hưởng, anh đi làm cái việc mất công mất linh này, thậm chí có nhiều nghệ sĩ vẫn còn sống nhẫn, anh vẫn không quen biết, nhưng những người nào có vòi dĩa, đều được anh thờ trong phòng riêng này. Trên một cái bàn dài mặt đá vân thạch, anh sắp đủ thứ bàn chải lông, gie lau thật mềm, da nai thuộc "peau de chamois" bóng đá, và mấy bộ hộp đựng kim hát máy, nay đã không còn bán mà không biết anh kiếm ở đâu ra từ kim sa phía đến kim thép Bekar, khi trước hát rồi là vụt bỏ, nay anh bắt tôi mài từ cây và không dám bỏ mất cây nào. Anh nói mài kim, tiết kiệm được tiền mua acetone để sơn móng tay, và thay vì mất ngày giờ giữa móng, nay giữa kim chẳng là có ích hơn? Anh có cây kéo bén, và một lọ keo tốt, tôi động đến không được, và anh thích thú ngồi cả buổi dài o bế từ cái mác (marque) cũ, hay những chử lu mờ nhăn hiệu, anh nhai y hệt không sai một nét, còn khéo hơn họ sửa vé số và già giấy bạc nhà băng.

Thết rồi nhà nào bán đồ lạc sơn anh cũng đều quen, các tiệm cầm đồ cũ từ Bà Chiểu vó chợ Phú Lâm anh đều

thuộc nằm lòng, chỗ nào còn giữ dĩa hát xưa anh đều rõ, anh chịu cực xuống đến Cần Thơ nài dĩa hát của tướng Năm Lửa, lên tận đầu cầu tòa bồ Sa Đéc tìm nhà Tư Hanh là đại lý các hàng dĩa chầu xưa hỏi thăm nài những dĩa và hộp kim còn sót lại, và anh không tiếc tiền đãng quăng cáo trên nhiều tờ báo, với câu vấn tắt "Ở số nhà 11 đường Ng. Th. Th. Gia Định, bằng lòng mua dĩa hát máy cũ : Giá cao". Báo hại tôi, chuyện nhà làm không hối, mà còn nhận tiếp và trả lời điện thoại, từ 8 giờ sáng đến 6 giờ chiều, mỗi mươi, mươi lăm phút là có gọi :

- Tôi còn ở trên gác một chồng dĩa Thầy Năm Tú, mà phải giá bao nhiêu, tôi mới bằng lòng bán : của ông bà để lại.

- Tôi đi Lục Tỉnh có góp được nhiều dĩa hát bội còn như mới. Mời ông đến nhà, lựa và nói chuyện giá cả.

- Tôi mới di cư vào đây, có dĩa chầu mới do cô Mộng Hoàn hát, hay lắm. Xin mời cụ đến thương lượng.

Nguyên tôi thuở này chỉ ưa thể thao, nay buộc tôi làm những việc như ép lòng nhiều khi tôi muốn liệng cái ống nồi xuống đất, vì đã sôi gan nhiều lần, nhưng nghĩ lại mình là con nhà gia giáo, rồi dần xuống cho thuận vợ thuận chồng... Hôm nay nghe nhắc tên cô đào Đàm Mộng Hoàn, tôi bỗng nhớ lại nguyên văn bài bát cũ của thầy dạy ở Đại Học Huế, kể chuyện ông Phó Bảng Nguyên Can Mộng, tôi làm cua (faire la cour), có đề bài thơ như sau dưới bức ảnh chung trong phòng Đàm thị :

"Nghĩ ngồi chỉ mà đứng mãi đây ?  
Chẳng cười, chẳng nói, điệu như ngây.  
Ngắm cơ thể sự vòng quay mãi.  
Vì chữ chung tình, Mộng vẫn say.  
Thân phận liêu bồ, tờ giấy trắng.  
Nếp nhà băng tuyết, kiếp tu dày.  
Này trắng đáy nước, hoa trong kính,  
Thường đến tinh thần đã mẩy tay ?"  
Tôi còn nhớ thầy Việt văn có nhấn mạnh hai câu :  
"Ngắm cơ thể sự Vòng quay mãi,  
Vì chữ chung tình Mộng vẫn say.

và thầy cái nghĩa : *Vòng* là nghĩa chữ *Hoàn* là tên cô đào, *Vòng* tức *Hoàn*, đối với *Mộng* là tên ông Phó Bảng, mà cũng chữ đầu trong tên cô Đàm, vừa có sắc vừa có tài. Tôi thường đã quên hết những gì học trong trường, dè đâu hôm nay nhờ mẩy cái dĩa, nhớ lại ông Phó Bảng năm xưa gò gáp từ câu đến thế, là có dụng ý rồi; tôi lại thấy ra đời còn học mãi, và trong lòng bót khinh mẩy cái dĩa tròn mặt đen, giữa rún có xoi lỗ tròn và biết nói tiếng người.

Tôi ghi chép hết tất cả các tin tức và chiều nào cũng chờ chồng về, trình bày minh bạch, ông nhà tôi lên chân, lại ra lệnh vẫn tắt, cái còn hơn ông tướng cầm binh ra trận.

Nhưng cũng nhờ dịp này mà chúng tôi thám hiểm nhiều nhà trong xóm hóc, và tôi mới biết được đồng bào tôi nghèo quá, thiếu thốn mọi bề. Tôi tưởng đến những đêm gió lạnh bão bùng, mình ăn no mặc ấm, sanh sửa mua chơi xa xí, trong khi những đồng bào đáng thương này chỉ có hai mái thiếc cũ che cầm chừng, cửa phèn trống trước trống sau, từ ấy tôi thêm một công việc hữu ích là mỗi lần ra đi cho chồng mua dĩa, tôi ôm mền cũ, áo quần cũ đem theo và phân phát cho những người tôi được chứng kiến nỗi cơ hàn. Tôi làm được những điều ty tiểu ấy, mà thấy nhẹ bớt tấm lòng và thấy việc ra khỏi nhà đi mua lếu cũng chưa phải là cực vô ích.

Chuyến xuất hành nào mà không mua chắc được món nào, thì bữa ấy chồng tôi mặt nặng như treo chì, không nói nặng, tôi cũng tránh tiếp xúc, và hai đứa đi ngủ sớm.

Bữa nào may thời mua được dĩa lụa chưa có, thì ảnh huýt sáo chịu không nổi, vì dở khết. Bữa ấy chắc chắn tôi được một ngày mát mẻ, dầu tôi trở chừng, chồng tôi cũng nhịn thua. Tôi nghĩ lại, nên cho ảnh mua sắm cho phi tinh, cảm trở làm chỉ cho sanh sự bất hòa, ngoại giao căng thẳng.

Tôi lại thấy từ đây, hạnh phúc trong gia đình không tùy hai tôi, mà vẫn tùy nơi mấy miếng nhựa đèn vành tròn, có lần chỉ chạm sâu cả hai mặt, khi còn lành lě thì giúp vui xả hội, khi cũ ròn biết cả lấm nỗi di nỗi lại như mấy mẹ chồng già, và khi nứt bể, đâm nát ra bụi, lấy cầm máu đắp lên vết thương, chờ lương y cũng đỡ.

Chồng tôi nay như cái máy, không sống bằng ngũ giác và chỉ thâu thập âm thanh bằng hai tai rất thính : sự tiến bộ của văn minh là như vậy hay sao ?

Bao nhiêu bạn bè cũ, chồng tôi đều lánh xa. Bao nhiêu tập quán trước, cũng bớt : ít ngồi nhà hàng tấn dốc, nghỉ việc đi đánh phê sáng đêm, và tôi cũng đỡ việc thهو cảnh giờ về.

Ngày chúa nhựt, đi chầu lê về, hai tôi thả một vòng đường Tự Do chiếu lê, rồi lật đặt chạy xe về nhà tiếp rước đám bạn mới : nhóm chuyên môn về dĩa hát xưa. Họ tè tựu lại nhà chúng tôi, để khoe của : người này mới mua được bộ dĩa cõi Tư Sạng ca bài "Mẹ dạy con thuở về nhà chồng"; người khác khoe mình chỉ tồn cõi một cái ống điếu cõi đầu bằng ngà, đổi được trên sôc, bộ dĩa xưa cõi Mười Hai ca Tư Đại lóp Bá Lý Hè, sau mươi chín năm xa cách, nay vợ chồng mới thấy mặt nhau.

Cũng vì cách đặt để bài ca xưa này, nghe nói do Ông Kinh lịch Quần ở Vĩnh Long soạn, mà nước trà vỡ hết, mấy bình và bát đĩa trong nhà ráo trời.

Ông già Năm bắt bẻ, rằng theo "Ông già già" nào đó, thì :

1) Câu 9 lóp xang dài : "Kè chân trời người góc biển, đổi đưa mình *tương tri* hất kiến", - hai chữ "tương tri" vô nghĩa, và nên sửa lại "tương tu", nghe hữu lý hơn. Ông Năm hóp một ngum trà rồi tiếp : "Có lẽ hai chữ này, tác giả viết đúng là "tương tu", nhưng vì tam sao thất bồn nên trong bộ Thành ngữ điển tích, bản in kỷ 2 trường 27 vẫn in "tương tri", chữ tri và chữ tu rất gần, dễ lầm và

nay nên sửa lại "tương tu" mới đúng văn cổ nhân;

2) Còn như lớp chót, Ông Năm tiếp, hai câu rất, đẽ  
dứt bài ca, là :

"Giữa tiệc trung, sóng gọn doanh tròng,

Quảng ly rượu, khóc cùng người tình chung".

Ông già Năm nhịp nhịp cẳng, béc răng : đã "tiệc trung" mà còn thêm chữ "giữa" thì trùng nghĩa, và thừa đi một chữ, và nên đổi lại :

"Chốn tiệc trung, sóng gọn doanh tròng,

Quảng ly rượu, khóc cùng người tình chung.

Và lại, ông tiếp, chữ "chốn", nhán mạnh dây dồn và gán giọng ca, bao nhiêu nghệ thuật ở chỗ đó, bao nhiêu dụng ý của người cò phu ham cạn, đều gói vào một chữ ấy thôi, dàn một tiếng mà "xót dạ anh hùng" là thế, người ca vô ý đẽ mất ý nghĩa câu văn hay, cũng tại tính người mình ưa sửa văn thiên hạ. Làm như chỉ có mình mới biết làm văn mà thôi.

Cử tọa tán thường bằng một tràng vỗ tay, coi lại hai dĩa nho tươi và lòn bon, đã không còn trái nào.

Tội nghiệp ông Năm được khen, cao hứng đến quên ăn, và tiếp kể chuyện với giọng mộc họng thường ngày :

"Tôi không phải nhà tâm lý. Hai bài ca xưa vô dĩa vče  
lịch Bà Lý Hè in trong bộ "Thành ngữ diển tích" đều hay  
đáo đẽ, người đời nay đặt không lâm ly đến bực đó được.

và đều cho đó là hai "bản thầy". Nhưng nói đέ bò qua, và xin lỗi cõi nhân tiền bối, không biết lỗi bời đâu, mà hai bài trong như ngọc chuối, lại để lọt hai hột đậu sương, đó là :

1 - Về bài Văn thiên tường. (Kinh lịch Quần, 1916 - 1917), câu 14 và 15, 16 :

14) "Thương ai cái thân sao lưu lạc, lang quân người  
Bá Lý Hè, vưng chịu chúa vè Tân.

15) "Ngày hàng ngày càng trông, tay đất con trè,

16) "Bé xanh mây giăng chør trời, bóng ác đương  
chen, màu khói tòa, vče cành trời buồn xo.

2 - Về bài Tứ Đại, trong "Thành ngữ điển tích" ghi  
tác giả khuyết danh, (tr. 28) nhưng tôi định cũng cùng  
một ông Kịch lịch Quần đặt chør không ai vò đó. - như  
trong lớp xang ván, từ câu 24 đến câu 29 :

24) "Hỡi nợ duyên ! Thέ khi chàng công danh đắc lộ,

25) "Thêm nhiều cô hầu, nên lắp thảm tình sâu.

26) "Chẳng nhớ những hồi cháo rau, đusat tình nhau  
trong buổi sang giàu.

27) "Gáng gượng ôm trè con :

28) "Lặn suối trèo non, bước qua đường, xin ăn theo buổi :

29) "Dò lặn qua Tân, cho tận mặt Bá lang :"

Đến đây, ông Năm nói : "Vân làm ly bì đất, mỗi lần

nghe ca tôi khôn cầm giọt lụy, nhưng tôi là thằng hai  
lần bị vợ bỏ rơi, tôi dám dạ hờ nghi : Ông Bá Lý Hề, lúc  
nghèo, từ giã vợ, nhà có một con gà, chớ không có cùi,  
phải chẻ cánh cửa, nấu mội bữa cơm tiễn chồng, tình  
nghĩa thương nhau như vậy là tội bức. (câu 31 : "Khi đưa  
nhau, phải chẻ cánh cửa hấp gà", mỗi lần ca, ruột như  
dao cắt), thế mà hai lần như kể trên đều có nhắc "tay dắt  
con trẻ" và "gắng gượng ôm trẻ con", thêm nữa, bài Văn  
thiên đường, câu 29 còn nhắc một lần nữa : "Tay ôm con,  
theo đường kiếm ăn dò hước qua Tần". Hề ôm con là con  
còn nhỏ, nhưng căn cứ theo sử và theo nhà khảo cứu mà  
tôi quên tên, Ông Bá Lý Hề xa nhà 19 năm mà bà Bá Lý  
Hề, "tay ôm con", "tay dắt con", tôi xin hỏi : "Con nhà ai  
đó ? Cái nghè viết văn, cao hứng, muốn cho thêm lâm  
ly, mà quên thời gian, đưa trai 19,20 tuổi mà dám nói  
"tay ôm con", không sợ phạm tội ngoại tình !"

Hộp trà Thiết Quan Âm mang lên từ Hòn Kông đem  
về, không còn mội cộng. Tôi không tiếc, chỉ tiếc câu  
chuyện Ông Năm kẽ không được kéo dài. Nếu vậy mấy  
cái đĩa đen có rún ngay ở giữa, cũng có chỗ xài được, và  
thú thật, từ khi thôi học lấy chồng, tôi mới được nghe  
một buổi nói chuyện có chút ít văn chương.

Cái thú đi ngồi bụi lụa đĩa hát tiệm lạc sơn hây giờ  
mới thấy có chút nghĩa. Tự nhiên người ngồi nghe đã  
thâu vào họng như đâu có hiểu nó như tôi.

Có lẽ trưa chúa nhựt nào cũng có tiệc "lư hưu", bốn  
người quen nhau trong những khi lụa đĩa dơ trong hốc  
tôi, làm cái việc không thua gì mấy chị tay xách giò rách,

tay cầm cây sắt đâm qua trong thùng rác lượm lợm lợm bà. Đầu có như ông Mai Thọ Truyền ngồi ở lô lảng bóng và chờ người tảng bốc, mà cũng gọi là làm Văn hóa !

Tiệc rồi qua phòng khách, nghe các dĩa lợ thầu lượm trong tuần. Nghe rồi thâu băng, còn dĩa chánh, nhà tôi cất giữ. Có nhiều dĩa cũ mềm, tiếng kêu the thé như tiếng dưới âm phủ. Có dĩa khác nghe đờ đờ, là lúc thâu dĩa, không kỹ, để tiếng động cơ máy bay vô lợt phòng ghi ầm. Nhưng họ đều để vội, cho thấy buổi thâu băng lúc phôi thai, và buổi trong nước chiến tranh còn dai dẳng.

Họ chẽ kim thép mau hư dĩa, họ nói kim sa phia, tuy nhỏ giọng, mà với cái ống loa, nó bắt mình nhớ ông bà ông vài năm xưa, cõi giặc kỳ đầu, 1914 mà xưa thấy mẹ.

Một ông bác sĩ, nói với giọng dạy các cô y tá ở nhà thương : "Dĩa không nên hất mồi lần hơn mười phút đồng hồ. Không vậy thì dĩa hư mòn hết".

Một kỹ sư nhỏ tuổi cãi lại : "Dĩa cũ coi vội mà bền. Hát rồi có đủ ngày giờ người lại. Không thì đâu có dĩa cũ còn lại đến ngày nay.

Một người chen vô, nói : - Tôi nói ăn thua tại kim bén hay kim tà.

Nói câu ấy, rồi cả đám cười xòa, không biết tại câu tôi nghĩa, hay tại họ nghe vấn đề này mà hiểu qua vấn đề khác.

Các đề tài đều được đem ra bàn luận, không sắp đặt

trước mà cũng không câu chấp trật tự, như vậy mà cõi mờ và vui vui. Không khi luôn trắc trung và bình đẳng :

- Hồi trước Nguyễn Tùng Bá đòn kìm hay. Du côn Ba Sơn thổi ống tiêu bằng đồng; khi đánh lộn thì đó là một bình khí lợi hại. Tám Thưa ca hay. Tư Út ca còn hay hơn nữa, lúc gần chết, thủ vai Như Nam vương Trịnh Ân, hát xuất thần. Trước kia, thày Bảy Thông, Tám Cang, cô Cúc tuy ca xưa mà hay theo lối xưa. Bảy giờ có Út Trà Ôn, Thành Được, mà người biết nghe còn tiếc giọng Tư Thạch, Tư Út. Duy các cô giải Thanh Tâm bảy giờ đê chữ nghe êm lẩm, may thời là mình gần thành Phật thành ma ! Cô Ngọc Giàu ca mù...

Nói đến đây có người cắt ngang câu chuyện và hỏi qua hát bội :

- Về hát bội, ngày xưa có Sáu Ất thủ vai Quan Công là xuất sắc. Có một người tên Hành, chuyên về vai Trương Phi. Thậm chí lớp đó, trong gánh hỏi với nhau : "Tôi nay ai làm Hành?", có nghĩa là tôi nay ai thủ vai Trương Phi, lớp Thủ Cổ Thành". Có Tám Tri ăn đứt vai Vương Tư Đồ xảo thủ liên huyền kế. Còn về vai đào, nên tìm dĩa cô Sáu Sển ở Trà Vinh hát lớp làm vợ Trần Nhựt Chánh dắt mẹ đi tìm chồng, và vai Lưu Kim Đinh giải giá Thọ châu. Đặc biệt nhứt là gánh cô Ba Ngọạn, có cô Năm Nhỏ, khi thì diễn lớp ông Trương ghẹo Tiên Bửu, một mình cô có hai giọng, vai mang hình nhọn dạo trên lưng, khi thì hát giọng ông già (Lão Trương), khi thì che mặt, hát giọng con gái lạnh lùng, làm cô lái đò Tiên Bửu trả lời cho lão già đê; nhưng tuyệt xảo, ngày nay không ai bì

kịp là khi cô một mình đóng năm vai khác nhau mà cả thầy đều xuất sắc vô song địch. Bây giờ muốn diễn lại tuồng Ngũ biến báo phu cừu của cô thì phải cần dùng đến năm cô đào khác nhau, tỷ như :

- Vai đào diễn (cô Hai Nhỏ, đã mất);
- Vai già cùi (cô Năm Sa Đéc);
- Vai già lão trượng (cô Ba Út);
- Vai già Sơn động mai vồ (cô Cao Long Ngà);
- Vai đào thích khách, đánh gươm (cô Năm Đồ).

Năm cô đào ấy diễn đủ năm lớp ruột của cô Năm Nhỏ mà chưa chắc hay hơn cô này.

Tôi ngồi nghe khín, bụng nghĩ thầm : Thôi như vậy cũng đỡ khổ, mấy ông này mảng lo sưu tập dĩa mà quên chạy theo mấy cô nhót. Xin đế họ yên.

Nhớ lại đã lâu không mời các bạn cũ gọi là "phàn đậu" (phận hữu, bạn quen nhau thích nhau trong buổi cơm buổi nhậu), tôi nài ép lắm, chòng tôi mới chịu mời, nhưng bữa cơm té lạnh làm sao. Qua tuần cà phê, kéo nhau qua xa lồng, người bạn hát cho nghe bần giựt gân, người muốn bắn nhắm mắt rà rà lết lết, chòng tôi cười ngó bạn một cách tội nghiệp và bắt nghe một hồi mười bần hát bài và cài lương xưa, báo hại mấy ông ấy rút lui có trật tự và từ ấy không bén mảng đến nhà chúng tôi nữa.

Chòng tôi đã đổi tính rất nhiều, đã ly dị gần trọn

nhóm bạn đồng nghiệp, đồng song, cũng vì mấy đĩa hát cũ, kiếm mua để thâu băng nhựa, và làm cò-ít-xông.

Tôi khuyên khéo chồng tôi không nên vì mấy đĩa hát mà bỏ hạnh phúc, mua lăm hao tiền, anh em bạn cũ xa lìa, không êm ấm như mấy năm chưa chơi đĩa hát.

Chồng tôi ra chiều suy nghĩ, rồi nói : - Anh xin lỗi em đó. Từ đây chúng ta đổi chương trình lại.

Nhưng đổi chương trình để thực khuya đi là lết ở trong phòng trà ca tân nhạc có khiêu vũ, thoát y, tôi lại thấy nguy hiểm hơn đi ăn bụi lạc-son. Qua tuần thứ ba, chính tôi đề nghị ở lại nhà nghe đĩa hát thâu băng cho đỡ buồn nước cam. Rồi tôi lại phải cảm ơn chồng đã chiều ý mình. Tôi đã thua trí ông chồng tôi rồi đó.

Tôi phải nhìn nhận nhà tôi có sưu tập được một số đĩa có giá trị. Có bộ Mạnh lè Quân thoát hải, cô Bảy Phùng Há làm Lịch thừa tướng, đổi đáp với ông vua đế Nguyễn Thành tôn (kép Tư Út đóng), nhưng không khi nào tôi nghe được trọn bộ và anh thừa dịp lấy đó nhèm tôi như nhèm trẻ nhỏ băng me chua.

Ngày ngày anh càng lạm, lấy kiếng chiếu đại ra sẩm soi, dùng bàn chải lông quét nhẹ nhẹ; lấy vẹt-ni sơn lại cái "mác" rồi cũng cất vào tủ, không dám lấy ra hát, như vậy hỏi mua để làm gì ? Có nhiều cái đĩa, tiếng nhò rí như đế kêu, lại có cà khot cà khét như ông già tám mươi thức dậy buổi sáng, nhưng vậy mà anh hăng diện nhất, vì có ai hỏi, anh cũng đáp gọn lòn : "Tôi đã có rồi" !

Thết rồi, phong lan anh cũng dẹp một bên, sách quý anh cũng xem bằng thường, đồ trân ngoan cũng không ham, anh chỉ ham và sưu tập dĩa hát cũ.

Chồng tôi lục đục ở nhà mái, tiệc tùng sang trọng cũng thối thác không đụ, đám cưới đám tiệc vui, anh gởi tiền mà không đi, chồng tôi nay chỉ biết chung tình với mấy miếng tròn tròn dẹp dẹp mà tôi muốn ghen cũng không được.

Xin hỏi có ông nào lầm vì dĩa hát cũ hơn chồng tôi chưa ?

Một hôm, nhờ người mách bảo, chồng tôi mua được ở xóm chợ Đồi, một dĩa hát bội bốn thu, nghe đâu của con quan Thủ tướng họ Phan, nay cha con đều đã qua đời, mua được ảnh lái xe về, tôi thấy cái mặt sáng và vui còn hơn mặt hột xoàn tách ly nước trăng.

Tôi đọc trên nhãn hiệu : "Tuồng Ngũ hổ bình Tây, của Cụ Tú Nhơn Ân Nguyễn Diêu soạn". Tôi đã được đọc bản tuồng này của hai ông Trần Văn Hương và Lê Ngọc Trụ sao chép và trình bày. Nay tôi gấp bộ dĩa hát do chồng tôi mua được, hai đứa tôi đều mừng như nhau. Trọn bữa trưa, ăn cơm rồi, hai đứa không ngủ. Chồng tôi ghi vào sổ mục lục, lấy phiếu dán kín để sổ, xong rồi thì hai tay đã tèm lem, ró đâu dính đó.

Để giúp chồng tần ơn và làm vui cho chồng, tôi làm tài khôn, bắt ghế cao, một tay ôm chồng dĩa bốn cái, chòn thì bước lên nấc thang lanh lẹ cho xứng mặt thể thao gia nữ anh tài. Nhưng tôi lật đặt lưỡi dưới thế nào, muốn làm cho mau để được tiếng khen, tôi bỗng

hụt chân, đánh rột mội cái, quăng trọn cái bàn tọa xuống gạch, đưa bốn cẳng lên trời, chồng dĩa ôm trong tay cũng rớt xuống theo, nghe cái rảng, thôi rồi công chúa Thoại Ba, nguyên soái Địch Thanh và tiên phuông Lưu Khánh gì cũng đi đời nhà ma. Tôi quên đau, rảng với chụp cái dĩa đang quây vòng vòng, nhưng với làm sao tôi? Tôi đau khấp mình mấy nhứt là nỗi bàn tọa, tôi đang nằm chờ tinh thần, thì tôi thấy mặt chồng tôi dòm sát mặt tôi mét xanh như tàu lá, cái không có chút máu. Trong lòng tôi vừa buồn, vừa tức, tự trách mình quá đờ, và mối xúc cảm quá mạnh làm cho nước mắt tôi đi đâu mất hết.

Tôi định chồng tôi sẽ làm tôi một trận lớn như B. 52 dội chiến trường Cầm-bù-chia. Nhưng tôi chỉ thấy chồng tôi bụm mặt khóc, miệng hỏi: "Mình đau chỗ nào? Đã bảo đừng làm gì hết. Đề đó cho tôi. Tại mình không nghe tôi, nên mới có sự này. Trời hỡi trời! Biết bao giờ mới mua lại được nữa?"

Tôi té đau mà quên khóc. Nay thấy anh này khóc mà nước mắt tôi tuôn trào. May trong phòng không có ai, nên cũng đỡ mắc cỡ.

Chồng tôi đỡ tôi dậy rồi lại cúi xuống vừa ho vừa lượm mấy mảnh vụn dĩa hát.

Tôi không dám nói một lời nào. Nhưng cũng từ ngày ấy, đến phiên tôi xách xe chạy như điên, bò hổi tơ nít, tẩm bích xinh; mỗi ngày đảo lên đảo xuống không biết mấy chục lần qua các tiệm lạc son quen. Xì bo của tôi

bây giờ là thế. Tôi có tự ái của tôi. Tôi muốn không ai được phép nói tôi chỉ là đàn bà biết làm bể dĩa, dĩa đây là dĩa hát chớ không phải dĩa trà xưa.

Nhờ chịu trả giá cao và khéo nói, Chèc Cười đã tìm cho tôi ba dĩa "Lạc Thượn" số 2,3,4.

Nghĩ cũng nực cười, bây giờ tôi lại lamen nặng với dĩa tuồng Ngũ hổ bình Tây, và ai biết ở đâu có dĩa số 1, Xin làm ơn mách giùm.

Tôi đã suy xét cạn cùng. Thà có một ông chồng mê dĩa hát cũ, - giàn thật, - nhưng biết an phận thủ thường, còn hơn mấy ông hôi Whisky, nói tục, ham ăn chả lén và động động là nhảy dù.

Vái trời cho tôi tìm được dĩa số 1 tuồng Lạc Thượn.

Mặc ai cười mình ương; gái tân thời gì mà đi làm cò-léc-xio-nơ ?

Nhà tôi là nhà nề nếp, ghét sự đổi trắng thay đen. Có chồng phải chiều chồng, mới được bầu tròn ống thằng.

Tôi đã xét kỹ. Lúc còn non nớt không biết gì thì chẳng nói làm chi. Nay đã chịu chút ít tuổi đời, thì phải kiểm một cây violon d'Ingres để làm đít. (1) Một đời trông rỗng là đời nguy hiểm dê hư, không bài bạc, ngồi lê đói mách, cũng dê lạc vào đường lội lối. Người

(1) Dominique Ingres (1780 - 1867), nghệ sĩ vẽ tranh dầu, danh khấp hoàn cầu. Ông dàn vĩ cầm không thua ai, nên "violon d'Ingres" hiểu là nghệ phụ lối lạc.

đàn bà Âu Mỹ, có chồng tỷ phú, lại thường đến thăm  
làm việc xã hội, đến gần đồng bào nghèo.

Tần thời hay thủ cựu đều là hai danh từ rộng tuếch.

Bây giờ tôi muốn cho chồng tôi trở lại với cây vợt  
tơ nít và ở nhà cầm kéo dưỡng phong lan. Để cho tôi  
chạy bận, tìm dĩa hát với mớ mùng mền áo cũ cho chị  
em cơ hàn. Dẫu tôi may thời gặp dĩa số 1 tuồng Lạc  
Thơ, nhiệm vụ cũng chưa hết. Nay tôi muốn viết và  
tập viết.

Có người thích đi du lịch. Người khác ham săn thú,  
hay lội bát cá dưới biển sâu. Ngẫu nhiên, tôi không lừa  
nghề, mà gặp nghề đi săn dĩa hát cũ. Phải nói là "cái  
thú", phải hơn.

12/17 Xbre 1971

\*

## 2

### CHUYỆN HỌA SĨ HÒA LAN VAN MEEGEREN BỊ KẾT TỘI PHẢN NGHỊCH, VÌ BÁN TRANH CỔ CHO THỐNG CHẾ ĐỨC QUỐC XÁ GOERING

*Dân.* - Không có gì khó cho bằng sự giáo nghiệm tranh vẽ : đó là tranh cổ, đúng của các bậc đại tài đời xưa để lại, hay đó là tranh giả ? Các triệu phú, tỷ phú không tiếc tiền với các chuyên gia giáo nghiệm. Họ ăn rất mắc, mỗi lần giáo nghiệm một chữ ký, một tấm tranh. Và lại một bức tranh cổ, giá cao hơn mấy lần giá tài lớn bên ta nhập lại. Nghề bán tranh bên Âu rất thạnh hành. Nhưng rồi lại, số tranh giả bên Mỹ, nhiều hơn số tranh sản xuất và có tổng kè đằng hoàng. Các vụ kiện đòi tiền giữa người mua lầm và người giáo nghiệm trật, nằm chật đống nơi các tòa án Âu Châu, không làm sao kết thành án cho hết.

Sau đây là một vụ án điển hình.

\*

Ngày 29-10-1947, - cách nay 24 năm, - tại kinh đô Hòa lan, nơi thành Amsterdam, có đem ra xử một tội phản

nghịch, vì bị cáo đã thông đồng với nghịch, khi bán một bức tranh cổ ký tên Van Vermeer cho thống chế Đức quốc xã Goering. Nguyên năm 1947, cuộc chiến tranh đệ nhì thế chiến Âu châu đã chấm dứt, và tòa đang kể tội Goering cũng như bao nhiêu tướng Đức quốc xã khác vào tội đại ác gây chiến tranh, đầu dây mồi nhợ của cuộc đại sát sanh những năm ấy. Còn Vermeer là tên gọi tắt của một đại danh họa Hà Lan, tên thật là Vermeer de Delft (Jean), cũng ký Van der Meer, sanh tại Delft (1632 - 1675), khi còn sanh tiền sống vô danh lu mờ, ngày nay giới hội họa công nhận là một thiện tài, để lại những tranh vô giá, như các bức "Vue de Delft" (phong cảnh bến sông Delft, nay chung bày tại viện bảo tàng La Haye), "La Liseuse" (mỹ nhom đọc sách), "La Dentellière" (người đẹp đan darning), "Le Peintre dans son atelier" (Họa sĩ trong phòng làm việc).

Bán một tranh cổ ra khỏi nước đã là một tội. Nay bán một bức đại danh họa cho kẻ địch thù cõi Goering, thì tội nặng vô số kể, đầu rớt dưới chân dao phủ thù kẽ như chổi. Vậy ta hãy nghe kể lại vụ án này, như sau :

\*

Buổi sáng hôm 29-10-1947, trong một xóm nhỏ có vẻ rất xưa của thành Amsterdam người ta thấy một ông già dậy rất sớm, vừa hứng tung, đã ra khỏi nhà, khóa cửa cái cẩn thận, và ung dung tự tại, bước từ bước đều, hướng về tòa án; ông không với vàng hối hả, vẫn thản

nhiên bình tĩnh, tựa như chẳng có sự gì xảy đến cho mình. Nhưng nếu ai nhìn kỹ sẽ thấy lưng ông đã còng, mặt ông đã nhăn, tuy vậy mó tóc trắng phau chạy viền trên trán cao, xem ông rất nghệ sĩ và phong lưu. Ông tên Van Meegeren, nay xin gọi tắt là V.M. cho dễ nhớ.

V.M. vừa tới phòng số 4 là phòng xử đại hình. Một tốp phó nhòm tay xách máy ảnh bu lại như bầy kiến bu cục đường, và các phóng viên những tờ báo lớn, cũng chạy lại không chịu thua về sốt sắng. Nhưng hai người lính gác lành nghề, đã giải thoát vòng vây và đưa khéo ông ta theo một cửa kín vào phòng xử, chỉ chỗ cho ông ngồi iè chình nơ hàng bị cáo.

Nơi các băng dành cho công chúng hiểu kỳ, đã có khá đông người, phần lớn là phú ông ngoại kiều vô tích sự, đang dum năm dum ba, nói chuyện xì xào vì phiên tòa chưa bắt đầu.

Có nhiêu mặt rất quen trong giới mỹ thuật và chơi đồ cổ: nhà phê bình X. chuyên về tranh xưa, viên quản thủ viện bảo tàng, ông giám định có uy tín thê, vài người buôn cổ ngoại và không sót viên gốm búa ngà của phòng đấu giá phát mãi của đô thành.

Băng dành riêng cho nhà báo hôm nay cũng đầy chật các tay đại hút phóng viên.

Xem qua cử chỉ khiêm tốn đạo mạo và nét mặt phúc hậu của ông già ngồi ghế bị cáo, tôi dám ra ngại ngại, hay là bợn mình, luôn cả các tay láy phòng xử đại hình làm rạp hát không tốn tiền mua vé, có phải chẳng đã

ngồi lện phòng ? Ông này xem hiền từ như vậy, làm gì mà tối đại hình ?

Đang nghĩ ngợi, bỗng có tiếng chuông reo. Cả phòng đều đứng dậy. Tiếng đồng đặc như thường lệ của thửa phát lại, tiếng hú súng chào trong bầu không khí không có một con ruồi con muỗi dám bay, tòa bắt đầu xử.

- Ông tên là Han Van Meegeren ? Ông là họa sĩ ? Ông 58 tuổi ? Phải vậy không ?

- Bẩm, phải. Tiếng thốt nhỏ rí, nhỏ như hình vóc người đứng trước mặt tòa.

Kế đó, viên lục sự bắt đầu đọc tờ cáo trạng. Trong phòng có tiếng xao xuyến... Quan tòa phải yêu cầu công chung giữ nghiêm lặng để tiếp tục xử.

- Ông, quan tòa hỏi, bị tố cáo là phạm tội mạo chữ ký. Theo cáo trạng, ông đã phạm tội tám lần cả thảy, sáu lần giả chữ ký của Vermeer, hai lần mạo chữ của Hooch, trên tám bức tranh này, phải không ? Nói cho công chung biết, Vermeer và Hooch là hai đại danh họa Hà Lan của thế kỷ thứ 17.

Rồi ông tòa dùng tay áo rộng có viền lông trắng, chì qua tám tấm tranh treo lủng lẳng nơi vách, trước mặt quan tòa, mà sau lưng công chung. Khi ấy mấy trăm con mắt đều chăm chú ngó theo tay chì, và bây giờ ai nấy mới để ý đến tám bức tranh treo nơi phòng đại hình, - nay trở nên đồ tang vật, - tranh tả cảnh mà treo trong phòng xử, quả không phải là đúng chỗ, vừa

chương chương mất vč nghiêm trang, vừa như tời trên.

Kế đó, nghe tiếng ôn tồn hiền hậu của quan tòa hỏi :

- Ông nhìn nhận các tội trạng này chứ ?
- Đẹ, bẩm tòa, tôi nhìn nhận.

Và lần lượt đến phiên những giám nghiêm viên và các nhân chứng khác đưa nhau ra trước vành móng ngựa khai lại đầu đuôi sự những gì nghe thấy trong mấy kỳ mua bán những tranh kia. Trong khi ấy, bị cáo vẫn giữ một mực điềm tĩnh lạ lùng, xác tuy ngồi đó mà hồn như ở đâu đâu.

Theo hình luật Hòa Lan, các tội ông đã phạm có thể đưa đến án mười năm tù. Nhưng ông vẫn bình chân như vạc. Thỉnh thoảng nếu có ông giám định viên nào buộc tội ông quá nặng, khi ấy nếu nhìn kỹ sẽ thấy ông nhếch mép với dáng khinh bỉ ra mặt. Về phần thính giả, dường như họ lấy làm khoái trá, lát lát nghe tiếng cười khúc khích đó đây, vì không mấy thuở được nghe mấy ông đạo mạo giám nghiêm già này khai ra giữa mặt tòa và giữa mặt công chúng, cái phần dốt nát bệ vệ của họ. Tưởng đâu là thánh là thần, dè đâu ngoài giấy, trong bùn với tre.

Bị cáo có vẻ buồn chán, quên mình là cây dinh của phòng xử, ý như muốn thăm trách ai đã làm mất công mất linh cho mình hôm nay như vậy !

Khi các nhân chứng đã khai, và bên nguyên bên bị, đã có trạng sư thay mặt, luân phiên đọc lập luận

của mình, bên buộc bên cõi gõ, cãi nhau vài chập, đâu chặng ra đâu, bỗng tòa đồng đặc tuyên bố : "Đình lại 15 ngày, sẽ đọc án"

V.M. uể oải đứng dậy, bước ra khỏi tòa, vội kéo bâu áo lên, vì ngoài trời tuy đã xuống trăng đường, gió thổi lạnh thấu xương. V.M. rời pháp đình, ung dung đi dãm bước, theo đường mòn kinh trở về nhà, trong trí như lúc sáng, không nao không núng.

- Nửa tháng nữa, V.M. lầm bầm nói, mười lăm ngày nữa, tòa sẽ đọc án. Công chúng Amsterdam sẽ biết việc gì ta đã làm.

Và sau đây là việc khá ly kỳ mà V.M. đã làm và công chúng đang muốn biết.

\*

Vào khoảng năm 1932, V.M. là một họa sĩ chưa ai từng biết danh. Ông ta sống vô tư lự, "gia tư nghỉ cung thường thường bức trung" (1) Không ai biết mình, thì mình cũng không cần ai biết. Nhưng gãm lại cũng tức. Bao nhiêu thằng tai to mặt lớn, có bằng cấp cao, có địa vị to, chúng có chỉ hơn mình ? Phải làm cho chúng biết mặt. Ở đây, "trần ai vô tri kỷ", hè tất nấm nuối cho thêm nhục. Bọn bay giáo nghiệm viên, phê bình gia mỹ thuật, giám định viên, cả lũ, rồi sẽ biết ta.

---

(1) Nghĩ, đây viết dấu hỏi, nghĩa như hồn, y, nó (Léng Nghệ Tinh).

Nghĩ như vậy rồi V.M. nhất định tạm lìa quê hương là thành phố Amsterdam, đè huề tay nắm tay, cùng người vợ trẻ, tìm nới lập nghiệp mới.

Vì V.M. nuôi một chí lớn, hy vọng đem hết tâm lực tài năng, vẽ cho được một tác phẩm xứng đáng như các tuyệt phẩm của đại danh họa Vermeer, để cho chúng nó sáng con mắt, ta không phải là phường giá áo túi cơm như chúng.

Phải nhìn nhận cái dự ước của V.M. là quá vượt bậc. Nhưng anh ta nuôi nấng suốt nhiều năm, dẫu năm gai nếm mật, mà cũng quyết làm sao cho cái mộng, - tuy hảo cầu phải thành sự thật cho được mới nghe. Và khi lê gót lưu vong ra nước ngoài, trên đường lang bạt kỳ hồ, V.M. không một ngày nào dám quên đại chí.

V.M. tạm định cư ở Roquibrun - Cap Martin, gần Nice (miền Nam nước Pháp), nơi đây khí trời đầm ấm tư mùa, hoa tươi cỏ lạ không thiếu, phong cảnh xinh đẹp, lại có tòa lâu đài cổ của dòng quý tộc des Lascaris, thêm duyên.

Trước khi rời quê hương, rấn thân vào cõi lạ, V.M. già tâm nghiên cứu đẽm ngày những tuyệt phẩm của Vermeer trình bày tại viện bảo tàng ở Amsterdam, và đọc ngẫu nhiên những danh sách tham khảo về bút pháp của nhà đại danh họa này, vì khi đến xứ lạ làm sao tìm được các tài liệu hiếm có ấy, để khảo cứu nữa.

Một ngày nọ, cũng như nhiều ngày đã trôi qua trong các hiệu bán đồ lạc son chung quanh vùng Nice, V.M.

xách về nhà một bức tranh cũ kỹ gói trong bọc giấy  
ẩm bã la. Tranh này không có chút giá trị nào về kỹ  
thuật, nhưng đối với V.M., đó là vật quý vô giá, vì quả  
là một bức tranh vẽ vào thế kỷ 17, đồng thời với các  
tranh tuyệt tác của Vermeer vẽ hời xưa. Nay V.M. mua  
được đem về, lại phải bị bà xã làm trận, khóc lóc bò  
cơm bò cháo, vì cây diêm quẹt chè hai, xú lạt quê người,  
anh không biết tiết kiệm đồng tiền, lại sanh súa sám  
thứ tranh không đáng một khúc bánh mì đỡ đói hay  
một bó cùi hơ đỡ lạnh.

V.M. để cho trận cuồng phong qua khỏi rồi, bà xã  
người giận, V.M. mới ờn ỉ cất nghĩa tiết kiệm là từ đây  
đừng mướn tôi tớ, tự mình làm lấy, chòng xách nước  
quét nhà, vợ nấu ăn giặt gièm, nhờ vậy mà vợ chòng  
một cõi giang san, dầu có lập kế xui mưu làm loạn cũng  
không một ai hay biết. Yên được bè đó rồi, V.M. sẽ lén  
không cho vợ thấy, o bế tẩy sạch lớp sơn dầu cũ và  
nhờ khéo tay, bén chí V.M. có được một tấm bố xưa,  
cùng một tuổi, một màu với những tấm tranh ký tên  
Vermeer đời trước. Cái khó đầu tiên đã vượt, thần tài  
đã hé cửa cho V.M. rồi đó.

Trong khi ấy, V.M. mỗi ngày mỗi luyện tập theo bút  
pháp Vermeer, và nhờ trí tâm khổ chí, chẳng bao lâu,  
V.M. vẽ được một bức đầu tiên giả mạo. Đó là bức Pháp  
gọi "les Disciples d'Emmaüs" (Chúa Giêsu, sau khi Phục  
sinh, hiện hình lần đầu cho các tông đồ thấy tại Emmaüs,  
gần Jérusalem). (Bức tranh giả này, sau đó được viện bảo  
tàng Roymans Rotterdam (Hòa Lan) mua lên với một giá

không lồ và treo suối mây năm trước thập mục sở thị, chỉ nghe tiếng trầm trồ khen ngợi và suối thời ấy, không một ai biết đó là tranh giả).

Nay nói về phương pháp V.M. giả tranh cổ. Có thể nói là thần xuất qui mội, ít ai nghĩ đến và không ai bắt chước kịp. Chẳng phải V.M. nhái được diệu vê của Vermeer, và học được nét bút và các bí quyết xưa của nhà đại danh họa này, chẳng những V.M. kỹ cang đến lựa cho được một thủ bút xưa đồng một thời, một cách thức dệt với loại tranh mành muôn già tạo, đảng này V.M. nghiên cứu cao siêu đến biết được Vermeer ba trăm năm trước quen dùng cọ vẽ kết bằng lông con blaireau (một giống chồn phương Tây), nên và cũng sắm cho được một bộ cọ vẽ đủ cỡ lớn nhỏ kết bằng lông blaireau cho được mới nghe. Các dụng cụ bí mật ấy, V.M. dùng rồi thì giấu rất kỹ, trong hộp tủ kín có khóa cẩn thận và V.M. không rời xóu chìa khóa phút nào. Cái tánh kỹ lưỡng và kín miện ấy, V.M. đưa đến mức tuyệt hảo, vì muôn cho bà xã đừng nghi nan sự gì, nhiều phen V.M. giả vờ mời vợ vào phòng làm việc, giả đò đầm đạo thân mật để cho bà xã thấy rõ ràng mình vẽ tranh xoàng xĩnh để giết thời giờ, như vậy đâu có ngồi lê đài mách cung khôi sơ lậu sự : mình có vẽ các bức tranh cỡ lớn.

Và nơi đây, chúng ta cũng nên biết nỗi khổ tâm của V.M. , trước khi trở nên tên đại gian hùng, bán trời không chứng, chuyên giả tranh cổ đánh lừa thiên hạ, mà toàn là bọn triệu phú chuyên môn, hay bọn lầm tiền mua tranh có người bảo lãnh. V.M. nghiên cứu mỗi

việc hết sức tý mỷ, dấu một chi tiết nhỏ nhặt cũng không bỏ qua, ban đầu tưởng đó là những việc không quan trọng mấy, không để sau rõ lại nhở chú ý để tâm từ chút nên V.M. thành công, trở nên nhà già mạo chuyên môn, nếu không kể đó là phạm tội gian, thì rõ là một thiên tài, một bậc kỳ tài, một génie chớ còn gì nữa ? Nói ra các nhà già đạo đức sẽ cho là mình ngụy biện chớ anh trộm mà được các ổ khóa bí hiểm, anh làm giấy bạc già, anh khéo mạo chữ ký và tuồng chữ của người khác, mấy anh ấy theo tôi, đều là bức sưu, bức kỳ tài trong thiên hạ, hiếm vì không biết dùng tài nghề của mình cho đúng chỗ. Và nhiều khi những người lương thiện như thợ làm khóa và nhà chuyên môn vẽ giấy bạc nhà băng, cũng phải mời các sư tổ ra khỏi khám, để chỉ mách nghề hay cho mình học đạo.

V.M. thắc mắc phải dùng dầu gì để vẽ y như thật màu dầu của Vermeer đã dùng cách ba trăm năm về trước khi tìm ra, thì V.M. là một nhà đại thông thái rồi chớ gì ? V.M. dư biết nếu dùng những thứ màu trước Vermeer đã dùng, nếu pha màu cũng dùng một thứ dầu y như Vermeer đã xài, nhất là nếu cân đóng cho thật đúng đồng cân đồng lượng như trước, và khi nhái được y những lỗi tật nhỏ của Vermeer đã phạm, và sau rốt làm sao cho bức tranh trở nên cổ, đồng một màu với các tranh cũ trưng bày ở các viện bảo tàng, thì chắc ăn như chơi. Nhưng V.M. vẫn muốn cho sau này không ai bắt tẩy mình được, nên khi tranh khô rồi, V.M. còn phải luyện nó trong một chất hóa học chỉ có một mình anh biết, để tranh được đúng cổ.

V.M. dư biết là tranh già mà làm theo những cách ấy, coi vậy mà chỉ qua mặt vài nhà mới học chơi tranh hay các tay mơ, chớ làm sao qua mặt được bọn cáo già, và trong các tay lão luyện chuyên về giáo nghiêm trên trường buôn tranh quốc tế trước sau gì mình cũng phải gặp tồi sứ bồ đề.

Cho nên về sau, V.M. phát minh được một thứ dầu tự mình chế luyện, và khi lấy dầu ấy vẽ tranh, đến lúc hơ tranh ấy trong lò điện mà cũng tự anh chế ra, thì tranh sẽ có vẻ cổ đến ba trăm năm, giống như các tranh cổ tự nhiên của thời đại "tam bách niên tiền" mà V.M. cố bắt chước. Như vậy chưa phải thiên tài à ? Nhưng đến đây, V.M. vấp phải một vấn đề gần như nan giải. Số là dầu cây gai (huile de lin) và dầu trái thầu (huile de pavot) mà thường các họa sĩ năng dùng, khi cho vào lò điện, với sức nóng vừa vừa thì còn chịu nổi, bằng gấp lửa nóng quá độ một chút thì mấy lớp sơn vẽ bằng hai thứ dầu này sẽ sùi bọt và phai màu, biến ra màu khác. Cho nên V.M. phải cẩn thận và chính anh ta tìm lại được đủ các màu và dầu sơn của Vermeer dùng đồi trước. Nói tý dụ nghe chơi và không phải để bắc cầu cho các cha ngày nay : muốn có màu xanh da trời, danh từ chuyên môn gọi "bleu Vermeer" thì V.M. chế bằng loại ngọc bích lapis-lazuli, màu hoàng anh chế bằng một thứ mủ cây pha với thô hoàng (le jaune s'obtient avec une résine dure et de l'ocre), và nhiều màu khác, xin dùng tiếng Pháp cho đúng làm lạc (...une terre additionnée d'oxyde de fer, du rouge de cinabre, du blanc de plomb, etc).

V.M. xây lén trong phòng làm việc, chính bà xã cũng không ngờ, một lò kín giữa một tủ sách lớn, lò này chạy bằng điện lực, làm bằng nhiều phiến đá không sợ lửa ráp lại, có máy giàm nhiệt độ, cũng do tay khéo léo của anh ta tự chế.

Nhưng kể về sự phát minh thần diệu của V.M. thì có lẽ là tìm ra một chất dầu dùng pha màu để vẽ mà không kỵ lửa, nóng đến độ nào màu cũng không đổi sắc và đó là huile de lilas (theo tự điển Đào Duy Anh là dầu tử đinh hương, cây xoan).

Nhưng sự phát minh dùng dầu huile de lilas đem lại V.M. một rắc rối ngô nghênh bất ngờ. Đó là dầu xoan vẫn có mùi thơm tử đinh hương (lilas). Bỗng nhiên trong phòng làm việc của V.M., ngày như đêm phảng phát mùi lilas đặc biệt ấy, và để đánh lạc dầu bà xã cũng như vài bạn thân, V.M. già chước thỉnh không đâm ra say mê mùi lilas và từ ấy luôn luôn trên bàn làm việc đều có bình hoa xoan tươi thay mới không bao giờ dứt.

Bước đầu xuân năm 1936, V.M. kết thúc cuộc thí nghiệm hơ tranh vẽ bằng dầu lilas chế với phénol và formaldehyde.

Nhắc lại, V.M. chọn bối đúng thời đại (thế kỷ 17) là để đồng thời với Vermeer. Nên nhớ, đó là một điều kiện rất quan trọng, vì người chơi tranh có kinh nghiệm năng giao nghiệm già chơ bằng cách đếm từ tao từ sơ bối của các bức họa cổ.

Tỷ dụ như bức chánh thức gọi "Résurrection de

Lazare" (Sự hồi sinh của Lazare do chúa Giê-su hóa phép). Ai ai cũng biết bức tranh kiệt tác này, Vermeer vẽ vào lúc tuổi đài mươi, tức lối năm 1650. Bức chánh (thiệt) khá rộng, cỡ 1,10 x 0,90.

Khi giả tạo, V.M. tìm mua được một tấm tranh cùng một cỡ và một thời đại. Mua được rồi, mang về phòng, nột cách tháo, cũng trần ai. Không dám làm gãy hay trầy dầu một cây đinh cũ. Sau này đóng lại, sai một chút xíu cũng không được. Thậm chí mấy tấm da cát vuông vuông để chêm lót cây đinh cũng giữ y chõ nào theo chõ này, không sơ sót. Khi gỡ tấm bõ ra khỏi khuôn tranh rồi, thì V.M. lấy bõ ấy cõng trên một tấm ván ép thật bằng phẳng, đoạn khởi sự cạo chùi lớp sơn vẽ cũ cho thật sạch và không động chạm gì đến mặt tấm bõ. Ban sơ, V.M. làm y như mấy tên học trò bị sơn dính tay, nay lấy đá bột thấm nước cọ mài cho sạch vết. Nhưng nhớ phải cọ hết sức nhẹ, không khéo lõ tay, trầy da mặt bõ một chút xíu, cũng lộ tẩy. Phải làm làm sao cho sau này đừng thấy dấu sơn cũ hoặc dấu trầy trên mặt bõ, vì các giáo nghiêm già thường dùng quang tuyễn (rayon X) rọi vào từng mội phân vuông, nên không phải giả ngộ đối trả với họ được. Lúc chùi tấm tranh cũ này, chõ sơn nào V.M. cũng tẩy êm thấm, duy đến những chõ trước vẽ bằng phấn chì, thì V.M. gấp mọi trở ngại bất ngờ. Nguyên hồi thế kỷ 17, các họa sĩ đời đó quen dùng phấn chì (blanc de plomb) vẽ thay màu trắng, nay thử blanc de plomb này, sau ba trăm năm, dính khẩn vào bõ, cọ mài cách mấy cũng không sạch. V.M. thấy vậy, dành chữa chõ trắng trên

tấm bối cũ. Nhưng như đã nói, V.M. là người đã mưu túc trí, nên sau đó khi về thiêt họ, V.M. đã có một sáng kiến tài tình là cung về trang lại y như cũ mấy chỗ bôi không ra, thành thử mấy chỗ đó vẫn tiệp màu, con mắt thường không sao biêt được. Tuy vậy vẫn còn một chỗ có vui tiêng trọng cõi đầu ngón tay út. V.M. không làm sao lấp khuất được, tung thê, V.M. dùng màu tiệp nhau phết nhẹ lên trên, và đây là chỗ yếu nhứt trên bức tranh già tạo phen này, may thời các giáo nghiêm gia sơ ý không rời quang tuyến X, khiến nên khi bắt V.M. ra xử, chỗ đó vẫn không đá động đẽn. Vì có ai ngờ chỗ về màu trang mà lại có ẩn tàng một vật màu trang cũ, cạo không ra.

Khi V.M. đánh lại lớp sơn nền xong rồi, V.M. mới khôi sự bắt tay qua phần khó nhứt của bức tranh là về cho đủ mặt các tông đồ của Chúa, gọi "les Disciples d'Emmaüs" Nhắc lại Emmaüs là một ấp nhỏ bé tại xứ Judée cổ, ở gần thành cổ tích Jérusalem, và theo Kinh Thánh dạy, đây là nơi Chúa Giê su xuất hiện lần đầu cho các môn đệ ngài thấy, sau huỗi Phục sinh. Phần quan trọng nhứt, làm cho V.M. bối rối vô ngần là làm sao diễn tả cho thật thần tình gương mặt của Chúa. Các phần kia, V.M. lần lượt đã về một cách thoát thần, nào nét mặt kinh tởm, nào nét kinh sợ, nào nét lám lết của đám đệ tử, nhưng đến khi muốn hiện rõ gương mặt đặc biệt của Chúa lúc ấy, làm sao cho đúng với hai chữ "xuất thần", thì V.M. ngã lòng, gần như thúc thủ, không biêt giải quyết thê nào cho ổn thỏa, khó tâm nhứt là nay cách biệt Amsterdam đã lâu, bức tranh

chánh, bức tranh mẫu ấy, hiện không có trước mặt, thì làm sao vẽ nổi nét mặt siêu phàm thoát tục của Chúa do ngòi bút thiên tài của Vermeer đã phác họa rồi. V.M. có nhớ mại mại trong trí, nhưng khi vẽ lên tờ bố khác thì không bằng bụng chút nào. Đã vẽ phác họa mấy lần mà không xong, vẽ esquisse hay essai rồi cũng thất bại, khi thất vọng đã thấy trước mắt, bỗng một buổi sáng sớm, vừa mở cửa dòm ra đường cái, V.M. giụt mình như quả có thần linh xuất hiện. Từ xa lù lù đi lại một tên khất từ Ý Đại Lợi hình như muốn tiến đến xin một khúc bánh mì cũ để gặm đỡ đói. Áo quần tuy tối tè, nhưng nhìn nét mặt thì quả là gương mặt thanh thanh bình dị, tha thứ, vừa xót thương vừa quảng đại, một gương mặt siêu phàm mà V.M. đang moi óc suốt mấy tuần nay mà không sao vẽ lên tranh được.

V.M. lập đặt mời anh khất sĩ vào phòng vẽ, đóng cửa lại, cho ăn cho uống từ tết, và chỉ trả tự do cho chú chàng sau ba ngày bắt ngồi làm mẫu để V.M. vẽ đủ kiểu慈善 dung, nói rằng : "để nghiên cứu và vẽ chơi chớ không có ý gì khác". Khi đưa anh miễn tử lưu linh ra cửa, V.M. tặng anh một bộ y phục ấm lành lẽ, và bắt ngờ nhứt cho anh khất sĩ, là rờ trong túi có thêm một ngàn quan tiền nặng nặng, làm anh chàng giụt mình không biết là chiêm bao hay tình.

- Phiền bác đừng báo tin cho phường vạn bác hay, vì nếu họ kéo đến thì tôi chỉ còn cách dọn nhà đi nơi khác.

Một thời gian sau, đếm kỹ từ bắt tay vào việc đến đó là đã sáu con trăng tròn trặn, V.M. đã hoàn thành một

kiệt tác nữa. V.M. lấy làm bằng lòng khi thấy bức tranh mạo tết này, từ biết cầm cọ vẽ đến nay, anh chưa họa bức nào được hoàn mỹ như vậy. V.M. vừa lấy bút, vừa huýt sáo, nháy chữ ký của nhà đại danh họa đã từ trần từ ba trăm năm trước : I. MEER, tức Vermeer đó.

Bây giờ đến lượt làm một công việc rất khó khăn nữa, là hơ bức tranh trong lò điện, để già cổ, tức là làm cho tranh mới có màu cũ như tranh ba thế kỷ trước.

V.M. lấy dầu lilas đánh một lớp mỏng trên mặt tấm tranh, và có pha thêm chút đinh nhựa cây thay thế cho màu sơn. Anh vừa thoa dầu, mà lòng khôn xiết hối hòp, ngực đánh nghe thình thịch. Công trình đến đây kể như thành tựu, nhưng lo một nỗi đặt nó vào lò điện không khác thằng Poucet đi dội hia bảy dặm, tấm tranh sẽ có màu cũ "tam bách niên tiền" như mong muốn, hay chay thành một tấm bối không hồn chẳng đáng một đồng xu ?

Không biết dầu lilas và các loại thuốc màu dùng vẽ tranh này, có chịu nổi sức nóng 110 độ này chăng ? Hay sẽ biến ra màu khác sắc khác, thi chết một cửa Tử ! Không tiếc cho công trình gò gãm trong sáu tháng sẽ bay trôi theo hơi, khói; chỉ ngại việc bắt thành thi mình rõ là một tên vô dụng chi nhơn.

Trước đây, mỗi lần pha một thứ màu để vẽ, V.M. đều thận trọng từ chút, nay nếu lúc đó có sơ sót chỗ nào, thì lát nữa hơi nóng của lò điện sẽ làm cho lộ ra : " xin Trên Cao phù hộ cho tôi !".

V.M. trong bụng sợ nhất là cái đốm trắng hôm trước không dám tẩy thật sạch, nay gặp sức nóng sẽ đậm màu hơn hay trổ ra vàng vàng thì người ta cũng biết ngay, khổ quá ! Lại nữa, như mấy chỗ chấm thanh lục, tuy biết đú là đúng phương pháp của Vermeer hồi trước, nhưng cũng chưa chắc gì nó không biến thể, khi gặp sức nóng 110 độ trong lò. Nghĩ tới nghĩ lui, khổơi là khổ !

Suốt hai giờ, V.M. cho điện chạy, rồi đi qua đi lại trong phòng, tay vẫn cầm một đồng hồ quả quít, và canh chừng từ phút từ giây.

Khi tắt điện, lấy tranh ra, V.M. thở nhẹ nhõm, vì toàn tấm tranh xuống màu và ăn đều, toàn diện cổ như ý muốn. Khéo quá, hay quá, may phước quá ! Cám ơn Trên Cao cõi độ ! Và chính V.M. khi nhìn tấm tranh cũng phải tấm tắc khen lấy mình : bức tranh này quả không thua thần bút Vermeer chút nào. Quả không chỗ nào chê ! Như vậy, không ai dám nghĩ ngờ tranh giả đâu mà ngại !

Nhưng vậy, cái khó chưa phải là hết. Cứ bình tĩnh mà xét, tấm tranh như vầy có vẻ còn sảo quá. Nếu để như thế mà vội đem trình bọn giáo nghiêm cú vọ kia, thì chúng nó ăn thịt mình ngay. Bây giờ còn phải làm làm sao cho da trổ rạn và cũ mềm thêm chút nữa, bỗng túc những cái tinh vi mà lò điện kia không tạo ra được. Nghĩ rồi V.M. mới chẽ ra một ống tròn bằng thiếc bắc kinh tám độ sáu tấc Tây, hình giống cái hũ lô cán đường, đặt cái ống trên bàn viết, rồi cột sát tấm tranh kia ôm tròn cái ống rồi lấy tay vuốt nhẹ nhõm

và đều đều, vuốt hết sức kỹ, khiến cho lớp sơn dầu nứt rạn ra theo chiều ống thiếc, giống hệt tranh cổ lâu năm phải nứt, và V.M. cũng không dám làm nứt quá nhiều, e mất tự nhiên thì bọn giào nghiêm ma quái kia sẽ bắt được mối gian xảo của mình.

Phương pháp của V.M. dùng tỏ ra rất hiệu nghiêm. Tấm tranh lấy từ ống ra, trên mặt trổ lăn tăn lấm tấm lăn nứt mìn và đều giống y lăn nứt thường thấy trên tranh cổ.

Muốn để sau này có bằng chứng rằng tranh này của mình sáng tác chứ không phải của ai vào đây, V.M. bèn lấy kéo cắt rọc một chút bìa và cắt kỹ làm dấu tích. Xong rồi V.M. mới gắn bức tranh trở lại khuôn cũ của nó, nhưng phải dùng lưỡi cưa thợ mộc rà lại bốn góc khuôn, cho thật khít kha, vì tấm bối đã cao đôi chút khi bị hơ nóng trong lò điện; đoạn V.M. lấy đinh cũ và da cát vuông cũ đóng lại đâu vào đó, xem giống hệt bức tranh lâu đời không hày hấn chút nào, vì V.M. là tay kỹ lưỡng, trả đinh và da chõ nào về chõ nấy, không cho thấy dấu cạy dấu tháo nào cả. Tranh gắn y vào khuôn của nó rồi, V.M. lại lấy mực Tàu bôi khắp mẩy chõ da rạn và khi mực khô thì mẩy lăn rạn càng giống nhung kẽ rạn lâu đời bị bụi bặm bám vào kẽ sâu, và đến đây là đã đến phần chót của các công việc già một bức tranh cổ mà V.M. đã thực hành.

Cách vài bữa sau, V.M. lên đường đi bán tranh. V.M. đáp tàu hỏa lên Paris, là nơi đô hội, đủ mặt các nhà sưu tầm cổ ngoạn, chơi tranh mắc tiền và đều là hạng triệu

phú, tỳ phú thập phương. V.M. đem theo chỉ một mớ y phục đổi thay, không quên cái bàn chải răng và cây dao cạo, còn bức tranh cưng nhất thì gói kỹ trong lớp giấy ấm-ba-la thật dày. Vừa đến Paris, V.M. đi ngay lại ngân hàng lớn, ký thác bức tranh cho yên nơi yên chỗ rồi mới tìm phòng tá túc.

Qua bữa sau, V.M. tìm được phòng văn viên chưởng khế từng quen năm trước. Chào hỏi xong, V.M. thông thả thuật lại cho viên chưởng khế nghe câu chuyện đã đưa anh đến tìm, mà anh đã sắp đặt trước như vầy :

- Thưa chưởng khế, ông dư biết chúng tôi là hàng họa sĩ vô danh, nếu chỉ sanh nhai bằng cây cọ, thè màu, thì không bao giờ đủ sống. Bụng đói chân phải chạy cho nên chúng tôi phải sống thêm nghè phụ, hoàn toàn lương thiện, là chúng tôi chuyên lùng kiếm tranh xưa mai mốt; nếu may thời gặp, mua lên bán lại thì cũng có đồng ra đồng vào, đỡ khổ. Hiện nay tôi được may mắn lật lùng, có lẽ là ân huệ của ông bà để lại, hoặc trời nhỏ phước, hoàng thiên bái phụ thiện tâm nhơn. Tôi đến nhờ ông săn lòng giúp tôi bán một bức tranh thế kỷ 17, thuộc loại quý phẩm hạng quốc tế cũng nên.

Ngưng một lát để chờ phản ứng của vị chưởng khế, nhưng không thấy nói gì, V.M. lại kể tiếp :

- Thưa ông, tôi quả quyết tranh tôi nói đây là một bức quý vô giá, đó là tranh cổ ký Vermeer, bấy lâu lưu lạc không ai thấy. Một gia đình vong tộc, tôi xin giấu tên, có nhờ tôi xem giúp và cho ý kiến một bộ tranh do

tổ tiên để lại. Gia đình ấy bằng lòng bán đứt cho tôi một bức mà hiện tôi đã gởi cất tại ngân hàng Mô. Tôi dám cam đoan với ông, đó là tác phẩm mai một của Jan Vermeer một nhà đại danh họa Hà Lan của thế kỷ 17, giá đáng ngàn vàng.

Có lẽ chưởng khế sẽ hỏi tại sao tôi không bán ên (1), tức nhiên có lợi nhiều, thay vì phải đến đây nhờ ông cho thêm phí lớn ? Thưa chưởng khế, thú thật vì tôi mua nó mà hết vốn, nên nay cần bán gấp là một lẽ. Một lẽ khác nữa, chắc ông dư rõ, là giữa các chuyên môn giáo nghiệm và nhóm họa sĩ, ít có thuận thảo nhau lâu; và không giàu gì ông, tánh tôi thì nóng, vì ăn gay nói thật nên ít có cảm tình với họ. Nếu nay tôi đến ngay thương thuyết thì hỏng ngay. Nên tôi tưởng phải nhờ ông giúp cho một tay đặc lực, mà chắc ăn hơn. Tốn kém bao nhiêu có hệ gì. Bọn giáo nghiệm ở đây, ở Paris này, tôi đều quen biết hết. Hiếm gì tôi đã kích họ đá nhiều, cho nên ác cảm khó quên; ngày nay nếu tôi bỗn thân xách bức tranh đến cầu họ giúp cho giấy chứng chỉ thì cũng bằng trong Tam Quốc, Lỗ Túc sách Kinh châu. Họ đâu có khung, không chứng họ lại đặt điều kiểm chuyện, nghi kỵ nọ kia, gây rắc rối cho tôi thì có. Cho nên trong vụ này, chưởng khế giúp giùm tôi, và cần thận hơn hết là không nên hại danh tánh tôi trong tờ mua bán. Như vậy chưởng khế săn lòng với tôi chứ ?"

Ông chưởng khế ưng thuận, V.M. ra về đã yên tâm

(1) Tự mình bán lấy.

một phần. Cách vài bữa sau, như đọc báo, V.M. thấy tin ông Bredius là nhà giáo nghiêm danh tiếng ở Hà Lan hiện có mặt ở Paris. V.M. lập đặt xách tờ báo trở lại tìm chưởng khế và yêu cầu đem tranh nhờ Bredius giáo nghiêm vì dịp may ít có.

Chưởng khế nghe theo lời, tức tống lanh tranh nõi ngắn hàng, bốn thân đem đến tìm ông Bredius và hai mươi bốn giờ sau là có giấy chứng của Bredius nhận tranh nõi là tranh cổ, chính do Vermeer, thế kỷ 17, sáng tác.

Đã có chứng chỉ hợp thức, thêm chưởng khế này là người đầy đủ uy tín, nên tranh bán cấp kỳ. Người mua không ai xa lạ, vốn là viện bảo tàng Boymans, ở Amsterdam (Hà Lan), giá mua là 58.000 livres. Trừ ra tiền xe pháo, tiêu nghệ, tiền hoa hồng Bredius và hoa hồng chưởng khế, V.M. còn 40.000 livres : giàu rồi !

Tranh được giao phó cho chuyên gia sửa chữa và o bế lại những chỗ trầy do V.M. tạo ra cho thật đúng cổ. rồi đem về Hà Lan trưng bày tại viện bảo tàng quốc gia, suốt mấy năm trường, trân trọng như một "quốc gia chi bảo". Viện bảo tàng cưng như cưng trứng, hưng như hưng hoa và lấy làm mừng mua được vật báu.

Trong khi ấy, V.M. tướng mạo tể thành công như vậy là dù, lòng dạn lòng không tái phạm làm chi. Bây giờ không ở Roquebrune nữa, có tiền rồi, dọn lên Nice ở cho sướng thân. Nhưng cổ nhân đã nói : "Ăn quen, nhịn không quen", ít lâu V.M. bắt bén, tự hỏi : "Sao không giả tạo tranh cổ khác ?"

Phen này đã thành thạo lắm rồi, nên bất qua nhái nghệ thuật của Frans Hals và của De Hooch, đều là đại danh họa thế kỷ 17 của nước Hà Lan.

V.M. hăng hái làm việc không nghỉ tay và suốt mười hai tháng nỗ lực, tạo được sáu tranh mạo tě khác :

Hai bức kẽ như kiểu lập (échantillons), V.M. nhái điệu De Hooch, và bán cho hai sưu tập gia ở Rotterdam, gọi để làm quen. Sau hai nhà này thích quá, nên mua thêm của V.M. hai bức ký Vermeer, mà không biết là giả.

Hai bức tranh này bán, không ký công tra, nên số thu định lối 68.000 livres. Cứ tính theo tỷ lệ số tiền bán tranh ký nhứt thì phen này, phần của V.M. cũng không dưới 40.000 livres.

Tháng tám năm 1939, bên Âu châu xảy ra cuộc đụ nhì thế chiến. Mây mù sát khí, máu chảy tràn đồng. Lại một phen người giết người, đờ hại sanh linh.

Khi giặc chưa khởi, V.M. cùng vợ đáp tàu hỏa, về thăm cố hương là Rotterdam. Nghỉ tin khai chiến, cũng chưa sợ. Định bụng rằng phen này bạo phát bạo tàn, chuyễn này sẽ mau điều đình và không dây dưa đâu. Vợ chồng sẽ trở về nhà, ở Côte d'Azur, việc gì mà lo ?

Sáu tháng sau, giặc đã không dứt, càng bành trướng thêm. Hà Lan bị chiếm, dân chúng phải sống kham khổ thiếu thốn dưới gót sát bách thắng của quân Đức. Sự sản của V.M. đang vững vàng đờ sộ, bỗng bị tê liệt bất ngờ. Được bao nhiêu thì tiêu pha hoang phí, tính cho vô tận :

mua một tòa lâu đài cổ ở Nice, tu bổ cho vừa con mồi, đến gần cạn túi, nay thịnh khồng thịnh khồng kẹt ở đây, làm vậy, khổ chưa ? Đầu muôn bán hết sự nghiệp ở Pháp, qui nhứt thống về Hòa Lan, nay c'ng khồng kịp. Chỉ còn một phương duy nhứt, giải thoát, được cơn nguy, ấy là mạo chế tranh cổ thêm nữa. Nhưng hãy nói nhỏ nhò, đừng cho ai biết !

V.M. bây giờ đã trở nên một tay xảo thủ, việc giả tạo tranh cổ đã trở thành một nghề chuyên môn. Chứ chỉ vẽ thực và ký thực à ký thực tên mình, thì đâu có chuyện. Nhưng ngựa quen đường cũ, phải giả tranh cổ mới bán tiền nhiều hơn.

V.M. vẽ thêm năm bức ký Vermeer già nữa và lấy đc tài trong Thánh kinh, để dễ bề nói dối, vì V.M. biết rõ khồng ai hiểu biết đời sống của Vermeer cho bắng mình, đã từng thích dùi vào vẽ, treo tóc lên rường khi tham khảo và nghiên cứu năm xưa về nhà danh họa trứ danh này, nhứt là khoảng đời của Vermeer, từ thanh xuân đến lão mại, sách vở nói rất lờ mờ, lại càng dễ cho V.M. lựa chọn đe tài và dễ bề nói khoác cho trôi việc đổi trả của mình làm.

Vẽ rồi năm bức, V.M. lại vẽ thêm một bức, gọi Cène. Nguyên Cène là tên của một bức họa thật lớn của Léonard de Vinci vẽ năm xưa trong vách phòng ăn của tu viện Santa Maria delle Grazie, tại thành Milan ở Ý Đại Lợi. V.M. dám nghĩ đến việc họa bức này thì cái kiêu ngạo của anh ta đã lên tới tuyệt đỉnh, vì dám sánh tài mình với bức hậu tố nghề hội họa Tây phương.

Nhưng khi V.M. có ý định rời thi đem ra thực hành ngay. V.M. đem hết tài nghề và sở trường để vào đó, dường như muốn cho ngày sau đời biết tài minh cũng do bức tranh đại họa này. Khi bắt tay vẽ Cène được vài tháng, thì V.M., nguyên là người kỹ lưỡng, bèn nghĩ lại rằng : " Nếu mình vẽ phóng ưng như vậy, e có chỗ sơ hở." Nghĩ như vậy, nên V.M. ngưng vẽ bức tranh lớn ấy để vẽ trong bối cát rồi, từng nét mặt và từng chi tiết nhỏ của mỗi nhân vật, tức là làm esquisses và quyết vẽ sao cho tuyệt diệu hơn bức "các tông đồ tại Emmaüs" cho được mới nghe. Khi muốn vẽ lại "đầu cổ chúa Giê-su", V.M. phóng họa ra nhiều kiểu để tìm lựa kiểu nào ưng ý nhất. Có một kiểu "gương mặt Chúa", khi vẽ rồi, đem làm cho cũ trong lò điện, lúc ấy ra, V.M. ưng ý quá nên khoe với một nhà buôn đồ cổ, dối rằng đó là phác họa cổ của chính họa sĩ Vermeer đời xưa đã vẽ cho một bức tranh nào mà nay ông đã quên tên.

Ông này nghe nói, mê quá nên cố nài cho được. Không dè vài tháng sau, V.M. trở lại nài nỉ hết lời rằng nay ông vừa tìm được một bức tranh lớn gọi Cène và ông nhớ ra rồi, vậy cái mẫu gương mặt kia, xin cho ông chuộc lại, giá nào cũng được, miễn sao ông được trọn bộ là toại nguyện. V.M. làm hộp như vậy, để sự việc ấy dồn ra, nên năm 1940, có một triệu phú sao giào nghiệm viên đến mua vừa tranh lớn Cène, vừa tranh nhỏ esquisse, với một giá mắc kinh khủng : 215.000 livres.

Một lần nữa, và mặc dầu chiến tranh, V.M. trở nên giàu sang như cũ.

V.M. lấy tiền bán tranh, tậu nhà mua phố, lập lại một sự nghiệp kề đến trên năm chục bất động sản có lợi tức. Và trong nhiều tháng dài, và sống phong lưu nhàn hạ, không làm gì động đến móng tay, gọi để xả hơi, bù lại những năm lận đận, anh ta thường nhắc và cho rằng trần ai vô tri kỵ.

Vào cuối năm 1940, V.M. bắt đầu cầm cọ và vẽ lại. Trong mười tám tháng, ông vẽ xong được ba bức tranh mạo tέ nứa và đây là ba tác phẩm sau chót của V.M. Nhưng lạ thay, nay đã giàu sang, có tiền nặng túi, thì tài nghề lại nhụt đi. Ba bức tranh sau rốt này, kém phần độc đáo và thua xa những bức khi xưa vẽ trong cảnh cơ hàn, ăn bánh mì mốc với bánh sữa rẻ tiền.

Chớ chi V.M. bán mấy bức tranh này trước cuộc đế nhị thế chiến, thì đã qua trót lọt và chưa bị lộ tẩy. Nghĩ ra trời cũng hết sức chiều tên đại bοm này, nên khiến cho bấy lâu, không ai để ý mà hỏi và vây chớ trong một thời gian cũng không lâu gì mấy, - từ năm 1932 đến năm 1940, - mà làm gì và đào ở đâu ra, và có hoài hoài những tranh cổ quý giá đến thế ?

Cuối năm 1943, V.M. bắt tay tạo bức tranh giả thứ tám của ông, bức tranh này cũng là một tuyệt tác của ông mà cũng là bức tranh xui xèo sẽ đưa ông đến cửa tung đinh, và ví sao ông lựa đè tài quái gở "Christ et la femme adultère" (Chúa Cứu thế và con dâm phụ). Người mua bức tranh này là vai tá phụ hữu bật hé tа lừa của Hitler, tức Thống chế của Đức quốc xã, tức ông Goering. Nói cách khác, bức tranh đã đem lại cho V.M.

ba chữ "Chấn Gia Thịnh". V.M. đánh nồi như cồn.

Tranh này là tranh thư tẩm, giả tạo, mang chữ ký của Vermeer. Nói tuyệt tác, thật tình chưa đúng, vì tranh vẽ hơi hả trong hai tháng thời, nên nhiều chỗ còn để cho thấy sự hấp tấp của và và đã mất hết những nét tỷ mỷ kỹ càng, những chú ý cẩn thận của buổi đầu tiên, khi vẽ bức "les Disciples d'Emmaüs" hay bức Cène.

V.M. vẽ tranh này đúng trên một tấm bối thế kỷ 17, nhưng đã làm biếng, không cạo lớp sơn cũ sạch sẽ như mấy lần trước, cho nên sau này khi rọi quang tuyến X, thì thấy rõ lớp sơn cũ và lớp sơn mới chập chùng nhau, và khi hơi nóng già cổ trong lò điện, hai thứ sơn cũ mới ấy khấn nhau lại, cạo không ra. Sở dĩ tranh như vậy mà vẫn bán được, là chứng tỏ sự thiếu sót chuyên môn đáng trách, sự thiếu lương tâm nghề nghiệp của bọn trung gian môi giới giữa ông Thống chế Goering, đã giàu quyền lực lại không thiếu gì tiền, với một họa sĩ phong lưu có địa vị lớn. Bọn môi giới ấy, bởi ham tiền, đã mất lương tâm. Nguyên do cuộc mua bức tranh ấy, là Thống chế Miodl được hộ hạ báo tin ở nhà V.M. có một bức tranh cổ quý giá. Miodl thật tình muốn tẩn ơn nên nhắn với người giới thiệu thường đi mua cổ ngogn cho Goering hay. Miodl không có ăn nhậu gì trong cuộc mua chác này, nên nếu buộc tội ông thì oan lắm. Ai ai ngày nay cũng biết khi Goering bị hạ bệ và tịch thu tài sản thì sự nghiệp của và không biết đến mấy tỷ mà nói, người đồn còn nhiều thùng chưa đỗ cõi léc xông vô giá nằm dưới đáy biển, tìm chưa ra, vì ý Goering

tích tụ của báu là để sau này dùng nó mà đựng cơ đồ đại sự, phục quốc hưng bang chờ không vừa. Trong vụ này, khi người trung gian thắn tin về phúc trình thì Goering xuất tiền trả ngay, số tiền xộn xẹn lên đến 165.000 livres chờ không vừa. Kẽn kẽn quạ quạ thì ăn trên rồng, lòng tong cá chốt thì ria rứt dưới nước, tiền còm mí xông cúng đủ mọi mặt cõi hòn các đàng rồi, chỉ tòn V.M. cũng còn lại 120.000 livres trong ống phe này.

Trong hồ sơ lý lịch nơi tòa án, thì vào đầu năm 1944, thân thế và sự nghiệp của V.M. có thể tóm tắt như sau :

- V.M. sống độc thân, vì đã ly dị vợ; người vợ tảo khang, "tấm mảnh có nhau buỗi hàn vi";
- Tranh của V.M. giả mạo, trưng bày trong viện bảo tàng quốc gia Hòa Lan : những người giàu kinh nghiệm của các nước tới chơi, đều trầm trồ khen là tuyệt diệu ;
- Tài sản, của chìm của nõi, nõu tinh ra tiền, thì to tát không chõ nói.
- V.M. không có con.

V.M. đang vẽ bức thứ 9, giả tạo tranh Vermeer nữa. Phen này va tính kiếp độ 1.000 livres để nhập vào két sắt. Nhưng lúc ấy, V.M. đã năm mươi lăm tuổi đầu mà tóc đã muối tiêu, da nhăn, má cóp : già nhiều hơn số tuổi, cũng vì nay lăm tiền nên sanh sửa : đêm thì thức khuya trác táng, ban ngày thăm mệt, phải dùng bạch phiến, trước để tìm thêm khoái lạc, sau tìm yên si phi lý thuần (inspiration) để có tơ lơ mơ, làm việc thêm hăng hái. Đầu

cho máy băng sắt cũng phải mòn : vì vậy V.M. vướng bịnh đau tim mà chưa hay.

Bấy giờ chỉ còn có hai món giúp V.M. gượng sống : một là bạch phiến, hai là làm việc. Hai lẽ bổ túc nhau trong vòng lẩn quẩn : làm việc, tức giả tranh cổ bán cho thật mắc để có tiền mua ma túy; và chích, nuốt, thầu ma túy, để có sức, có sáng kiến tìm ra tiền.

\*

Nhưng lúc ấy vừa hết giặc. Quân đội Đồng minh Anh Mỹ đổ bộ, giải thoát Hòa Lan khỏi ách chiếm đóng của bọn Đức quốc xã. Hitler đã binh bại, mang cung và tự tử.

Mùa thu năm 1947, quân đội Đồng minh, khám xét đại bản doanh Berchtesgaden là chỗ ẩn sau cùng của Hitler, gặp được bức tranh "Chúa Cứu thế và con dám phụ" lại cũng tìm được luôn tờ mua bán năm trước giấu trong vài thùng lớn chứa đồ báu vật của Goering bỏ lại trong khi thoát thân, đào ty.

Nhắc lại, trong tuần tháng năm năm 1945, có hai hiến binh đến tận nhà V.M. ở khu Keizergracht, tại Amsterdam, để hỏi chủ nhân vài tài liệu không quan trọng lắm. Hai công sai rất rụt rè lẽ phép, phần khớp vì nhà cửa sang trọng, phần thấy một Ông già đạo mạo, có vẻ tiên phong đạo cái, phú quý như yester há đâu phạm pháp cho đánh. Nhưng cũng phải lấy khẩu cung cho có lệ, và chỉ muốn Ông nói cho biết, mách giùm cho mình

tìm ra mạnh mẽ ai đã bán một bức tranh cổ và quý cho một tên thù nghịch hạng nặng, nặng cỡ một nazi bự như Goering tàn sát không biết mấy triệu sinh linh.

- Thưa Ông, một hiến binh hỏi, ban sơ Ông gấp và mua bức tranh cổ ký Vermeer bán cho Goering ấy, ở tại đâu ?

Nhưng V.M. đã hối thời, khiếu cho thần khẩn giục trả lời liền : - Tại Ý đại lợi, trước khi xảy ra trận giặc vừa rồi. Nhưng tôi không nói gì nhiều hơn nữa được, vì tôi đã trót hứa với chủ cũ giữ giùm thể thống của Ông, vốn là một vọng tộc nay đã suy vi.

Hai hiến binh cười thầm mà không nói lời gì và xin cáo lui. Họ vừa bước ra khỏi cửa, V.M suy nghĩ và hối lại không kịp, vì lời khai của mình ban nay, làm sao lấy lại được, khi không minh tự trói mình nạp cho mặt thám.

"Hai tên lính ban nay, V.M. nói thầm dù minh nghe thuộc đội thám quân chánh trị. Chúng nó đã biết tranh ấy bán cho một tên A lơ măng. Thể mà minh nay lại khai tranh ấy trước mua tại Ý đại lợi, tức một nước thù nghịch khác của đồng minh. Như vậy, minh sẽ bị buộc vào tội tư thông ngoại quốc, thông đồng với bọn phát xít Ý và bọn Đức quốc xã nazi. Chao ôi ! Tôi này nặng biết chừng nào !"

Và cái độ tội trọng ấy, chẳng bao lâu cơ quan cảnh sát đã tìm ra mạnh mẽ.

Vừa qua ngày sau, V.M bị mời ra trình diện Sở Cảnh với tội phản quốc.

Thầy thẩm sát viên suýt ngã người trên ghế ngồi, khi nghe V.M. mắng xối xả cho một hồi :

- Tôi thật tình tội nghiệp cho ông ! Ông quả là đồ ngu không biết gì hết ! Tôi có dại gì bán tranh quý chánh Vermeer cho bọn A lơ măng ? Chánh phủ đáng lẽ dựng hình đồng cho tôi mới phải ! Kỳ công lấy tiền Đức quốc tôi xài ! Ủ ! Chính tôi đây, Van Meegeren đã vẽ tranh đó và ký tên I. Meer đó chứ ai ? Goering nó mua với giá bạc triệu một tấm tranh xoàng xĩnh do tên này vẽ ra. Và suốt tấm năm nay, suốt tấm năm trường, Van Meegeren này đã phỉnh gạt mấy thằng thẩm định viên bất tài của Chánh phủ đó ! Tôi nói cho ông biết, chúng nó toàn là đồ ngu dốt, không biết gì về nghề nghiệp, mà làm mặt song tàn, chỉ giỏi vẽ vét tiền cờm.

Lính nghe đầy tai và chép không muối kịp, nhưng lính vẫn không tin. Định cho ông già này, mất trí nói xàm. Rồi họ lại nghĩ cho ông già đặt chuyện như vậy để dể bẽ chạy tội "không đồng quân địch, phản nghịch quốc gia".

Sau một đêm bị cầm lại bót, mà V.M. ngủ vùi như chết, rạng ngày, tới giờ làm việc, V.M buộc Sở Cầm viết tờ biên bản, để ông khai hết tự sự, đầu đuôi gốc ngọn, ông nói đó là lời sám hối của ông, mặc cho Tòa giáo nghiêm lại lời khai này.

Tờ biên bản viết xong, ông ký tên rành rẽ. Điều tra lại, thì tội phản quốc không đứng vững. Tòa lấy làm bối rối không biết dựa vào điều khoản nào mà buộc tội ông già này.

Sau đó có một ông tòa tìm ra một sáng kiến khá kỳ. Ông đòi V.M. ra hầu, và hỏi : - Nếu Ông khai rằng chính Ông vẽ được bức tranh "les Disciples d'Emmaüs" đó, vậy chớ Ông có thể vẽ một tấm copic thứ hai tranh ấy lại được chứ ?

- Sao lại vẽ copie ? V.M. thưa. Tôi có thể thi thoả tại đây tài nghề của tôi cho quý tòa biết sức. Miễn ban cho tôi đủ phương tiện : một tấm bối cũ y như ý tôi chọn, đồ nghề thì lấy tại nhà tôi, và tôi sẽ vẽ lại trước mặt ai cũng được, một bức tranh theo nét bút Vermeer, cho ai đó là chuyên môn chứng kiến và giải phân biệt giả chơn ! Như vậy, quý tòa bằng lòng chứ ?

Tự nhiên tòa sẵn lòng chấp nhận lời yêu cầu của bị cáo.

Tháng tám năm 1945, V.M. biếu diễn tài nghề trước mắt sáu chuyên viên nhân chứng thay mặt đủ các nguyên cáo trong vụ án ly kỳ này. Đó là bức giả tạo thứ 9 tranh Vermeer.

Phải nói, V.M. vẽ liên tiếp không nghỉ tay phút nào, ngoài giờ nghỉ ngơi cơm nước. Lính thay phiên canh gác, các nhân chứng cũng không rời phòng làm việc một giây phút nào.

Một lần nữa, V.M. chọn một đề tài rút trong Thánh Kinh, và cũng dùng bối cũ thế kỷ 17 kiểm được. Màu và dầu sơn thì từ nhà đem lại, đủ cả lò điện để hơ già cỗi, bút cọ bằng lông blaireau và ống thiếc tròn để làm da rạn nhái rạn tranh xưa.

Đề tài bức tranh là "le Seigneur enseignant dans le Temple" (Chúa dạy học trong Thánh đường).

Đến tháng mười, thì bức tranh hoàn thành. Các giám định viện và nhân chứng thày đều công nhận đúng là tuyệt tác, giá trị không thua mấy tranh già tạo trước.

Người họa sĩ có thiên tài mà không ai biết thường thức. Túng nước phải liều nay chúng bay sáng con mắt ra thì đã muộn. Thiên tài phải chịu tù, nhưng cao vọng cũng thỏa mãn.

Luật lệ xứ Hà Lan rất chậm. Phải đợi hai năm nữa mới kết thành án. Tòa buộc V.M. về tội gì ? Chỉ có một lần, V.M. có nói duy nhất một câu : "A mon avis, ce tableau est un Vermeer" (Theo ý kiến tôi, tranh này là đúng của Vermeer). Nhưng bao nhiêu ấy không đủ yếu tố buộc tội V.M. còn có nói những câu na ná như vậy : "Đây là một bức tranh. Các ông nghĩ sao ? Định trả bao nhiêu giá tiền bức tranh ấy ?" Cũng không đủ để kết án V.M.

Sau rốt, tòa phải dựa theo mặt luật sẵn có, tuyên án như vậy : "Vì mỗi tấm bức tranh đều ký tên khi là Vermeer, khi là De Hooch, vậy Van Meegeren phạm tội giả mạo tấm chữ ký : Một năm tù ớ."

Không nghe nhắc chuyện tranh giả tranh thiệt, chỉ nghe nói "giả mạo chữ ký".

\*

Đúng mười lăm ngày sau, V.M. lê chân đến hầu tòa  
cũng với vẻ thản nhiên của một người bị khuấy rầy trong  
tuổi già bồng xế. Án tòa "một năm tù" là nể bị cáo, kém  
sức khỏe rõ rệt.

Tuyên án rồi, tòa chưa cho lệnh bắt giam và cho phép  
V.M. về nhà đợi lệnh.

Chiều hôm nghe đọc án, về nhà, V.M. lên con đau  
tím dữ dội. Một tháng sau bệnh tái phát. Kỳ này ông tái  
hồi luôn, chưa kịp thi hành án tòa. Sống làm chi nữa ?  
Mà gượng sống nữa để làm chi ? Sống giữ tam tùng thì  
trọn đời làm con gánh nước, con dời, con ố. Thay kệ, làm  
như người ta, mà một thuở lên xe, ở nhà lầu, rồi lối đâu  
hay tới đó. V.M. muốn lương thiện, mà cất đầu không nổi.  
Thà làm như đã làm, một thằng gian, mạo chữ ký, mà  
tiếng tăm chấn động hoàn cầu. Vermeer, De Hooch, hai  
ông với tôi, khác nhau chỗ nào ?

*Kết luận.* - Thế gian lầm sự bất công. Cũng thi một  
bức tranh, khi ký tên thật của mình là họa sĩ vô danh,  
thì thiên hạ chê nhiều khen ít. Bức tranh ấy, dưới góc  
nếu có chữ ký họa sĩ đại danh, thì thiên hạ đua nhau  
giành giựt.

Giữa kẻ mua người bán, nước vân minh, thường có  
người đứng trung gian để thẩm định giá. Cố nhiên phải  
trả tiền công. Trong khi ấy, người chơi tranh cổ già và  
người già tranh cổ, mãi còn.

Tranh mua rất mắc tiền. Đợi cho tác giả nổi danh,  
có kẻ người mua đã chốt trước.

Tranh rất bè bộn. Kén chõ treo, và tranh có Picasso mà treo động đầu, chì để cho người đời đâm tiếu. Lấy làm giè chùi thi tiếc, cất trên gác sợ chuột nó khoét. Không bằng đồ sành, đồ sứ. Gắp già, tao lấy mày làm mè kho, tao nướng lên lửa nóng, cho cháy da xám mặt. Mày rên xèo xèo, tiền mất mà tao có bài học khôn.

(23-10-1971)

# 3

## BÀN PHIẾM

### VỀ CHIẾN TRÀ ĐẠI TỔNG (960-1280).

**Đ**ỜI Tống (960-1280) bên Trung Quốc, có để lại ngày nay cho người sưu tập nào muôn tìm của lạ, một loại chén đất nung da màu lông thỏ đỏ, chữ gọi "Thố hào trán", gọi cách khác là "hoàng thổ ban trích châu" (giọt lõm đốm như trong mèn, màu lông thỏ (gouttes et perles (dans l'émail) de la couleur du poil de lièvre) (xin xem tập "Cành Đức trấn đào lục".)

Chén này, vật khinh hình trọng, rất quý, vì xưa trên bảy trăm năm; nhưng nay giả nhiều thiệt ít, những thứ gặp tại Đông Kinh và Hương Cảng, muôn mua phải đắt.

Năm 1960, khi ấy tôi còn làm quản thủ công nhựt nơi viện bảo tàng trong vườn bách thảo (Sài Gòn) tôi có saén và dăng trong báo Bách khoa số 89 đe ngày 15-9-1960, một bài luận về chén trà Đại Tống ấy, hiện nhà tôi có một cái, lấy tựa là "Tứ chén trà Đại Tống đền tích trăm Trịnh Ân".

Đến nay là năm 1971, câu chuyện đã được mười một tuổi. Vậy xin giờ ra viết lại, cho thấy tôi đã tiến hay lùi.



Bài của tôi trong Bách khoa số 89 ngày 15.9.1960, như vầy (có sửa đổi chỗ) :

"Bữa thứ hai 2-10-1939, nhằm 20 tháng 8 năm Kỷ Mão, lúc ấy thái bình lầm, quân đội lùn chưa có mặt tại Sài Gòn, tôi (tác giả), có đến nhà lầm lầm Pháp ở đường Lagrandière cũ, nay là đường Gia Long, lối văn phòng ba luật sư Tuyên Huyền Huệ, đấu giá mua được một cái bát bằng đất nung, thấy lạ vì có cái đế ngà nghênh bằng ngà cũ. Để lên nước đỗ au, có lẽ vì lâu đời, màu đố bầm như cù nghệ thui, toàn diện trong và ngoài đã lạc tinh. Lộ "vân" ngà ngà trắng trắng, bông nỗi đều đều tuyệt khéo, "y như mặt vông đan", quả là một thành công có thiên tạo giúp sức, đành rằng đó là ngà tiên do tay phàm chế tạo, nhưng vân ngà mặt vông này vốn thật thiên nhiên. Trời sanh ngà có vân, để phân biệt với ngà giả (nhon tạo) không khi nào có "mặt vông". Tôi có tánh nói dài dòng, nhưng ai biết nghe lời thì khỏi mua lầm ngà giả tạo, làm bằng keo hóa học.

Nhưng tôi nói có chén dừng, không phải ngà giả tạo là vật bù đỉ, vì tý như bài con chim, khi xưa làm bằng ngà thiệt, thì lâu ngày lên nước, có vân khác nhau, bọn diêm đàng nhìn đó mà biết hết, nên sau chế lại cây bài làm bằng "xục cáo" (thục cao), một loại keo tốt, trắng non không đổi màu, nên ít bị ăn gian, đỗ giả mà hay và nên khen ở chỗ đó.

Mua vì mè cái đế bằng ngà, tính ra cà chén và đế, cộng luôn 10% tiền công lão hộ giả viên Tây gõ búa ngà phát mài, ví chi là 45\$ + 4\$50 = 49\$50. Nay nghĩ lại

giết mình, một đồng năm 1939 ăn một ngàn đồng năm 1971, thì cái chén Tống có đế ngà ấy, nay đáng 49.500\$, hay gọn hơn đáng 50.000\$, một là vì thứ thiêng, hiếm có, hai là vì đồng bạc ngày nay có chén biết chạy, không còn giá trị như trước.

Đem chén về nhà, không dám cho vợ thấy, lén lấy ra xem và tự hỏi : "Đế ngà vẫn đẹp, tiện khéo; có sao dùng kê một cái chén xoàng xinh thế này?"

Mà thật vậy. Chén hình thù thô kệch, thêm trên miệng có mè hai chỗ nhô. Lão Révertégar, thanh tra tiêu học, biết chơi đồ cổ, khi mua rồi, nó nói nhường cho mình cũng vì hai chỗ thon này. Nhưng đã lập lanh mon men sưu tập và học khảo cứu, thì phải cần rằng chỉ ra nửa tháng lương, để có một mẫu đồ đất nung hay đồ gốm chánh hiệu đời Tống để so sánh và học tập thêm. Nghĩ như vậy rồi tự khen mình dám ăn xài, mua một vật hữu ích. Nhưng rồi hối tiếc, vì đã có vật ấy trên tay, nay thử đem đặt cái chén giữa đường qua lại, dám chắc trong nửa ngày không một ai chịu khó cúi xuống lượm chén lên, bằng có lượm cũng không xem vật ấy là một cổ ngọc nhy hữu. Nếu người lượm thuộc hàng mót sợi rác, khi gặp ai hỏi mua, trả năm xu một cái, thì đã lật đật bán gấp kỹ, người nào trả đến ba hào bốn giác thì bợm mót sợi rác sẽ cười thầm, tự cho mình trúng mồi to, hoặc già kẽ kia không ba trọng cũng là người điên của.

Cái bát quả thật xấu xí, không đáng gọi là mỹ thuật phẩm chút nào. Chén làm vầy, gọi nó là cái mè, cái nắp

tìn nước mắm, cũng không ai phản đối. Thế mà được đặt trên đế ngà, kính cẩn sang trọng, và nếu không gàn-sao đếm mua nửa trăm bạc, sướng đời chưa ?

Thú thật hôm ấy, tôi cố mua cho kỳ được vật này vì định ninh trong trí rằng nếu vật ấy không quý, thì chủ nó không đại gì tiện cho nó một chén dài bằng ngà khéo lồng lầy như vậy.

Về sau nhờ nghiên cứu kỹ càng thêm thì rõ ràng trong các sách khảo cứu Pháp-Anh đã từng nói đến chén này. (1) đã có in hình chụp ảnh và mô tả kỹ lưỡng đồ đất nung Tống loại này, và danh từ chuyên môn gọi đó là đồ "*sourrure de lièvre*" (màu da lông thỏ), một danh phẩm gồm của tinh Phước Kiến, sản xuất tại Ki ngan (Kiết An). Gọi theo Nhựt Bản thì đó là chén "Temmoku" và mãi đến nay, tôi mới thấy trong bộ Cảnh Đức trấn đào lục (đã in), gọi "*Thổ hào trán*" và men chén ấy gọi "*hoàng thổ ban trích châu*". (Temmoku, có sách dịch *Thiên mẫu san*, sách khác viết ra chữ Hán là *Thiên*

(1) Lẽ đương phải in hình ra cho mỗi người thấy một chút. Nhưng vì kỹ thuật in nước chưa in hình được khéo, nên chúng tôi lạm chưa hình lại sau sẽ in làm một quyển album duy nhứt. Khi viết xong bộ sách này, và sẽ bán riêng cho những người muốn khảo cứu. Tạm thời, xin quý vị tìm xem trong sách sán cổ, như sách *Les porcelaines chinoises* của bà Daisy Lion-Gold-schmidt, pl.IX.D.Kien, dit Temmoku (musée Guimet), hoặc trong bộ "*Céramique ancienne de l'Asie*" par Fujio Koyama, No 34 page 82, hình rất rõ và khéo, trong một thăm hiếu. Nước người ta in một cuốn sách mỹ thuật, không kể phí tổn. Bên nước ta, sách in đế sang điều, nên có khác. Không phải lối tay soạn già V.H.S.

mục thủ, vậy theo chữ nên đọc Thiên mục thủ.)

Và chặng ngày nay ai cũng biết :

- Nhà Đại Tống, do vua Triệu Khuông Dẫn dựng nghiệp, cai trị Trung quốc từ năm 960 đến năm 1276 hay 1279 mới dứt; tính chung được trên ba trăm năm, chia ra Bắc Nam lưỡng triều :

- Bắc Tống, đóng đô tại Biện Lương (Khai phong phủ), chín đời vua, trị vì từ 960 đến 1127, là 167 năm;

- Nam Tống, thuyên đổi về Hàng Châu, chín đời vua, từ 1127 đến 1279 là . . . . . 152 năm.

Cộng : 319 năm.

Như vậy thì :

- Nếu lấy năm chót (1279) mà đoàn, thì chén này tính đến năm nay 1971, ít nửa cũng đã  $1971-1279=692$  tuổi.

- Bằng như dựa theo lịch dẫn sau đây, và lấy năm Đại Tống nguyên niên (960) mà đếm, thì độ chừng, chén này cao niên nhất, cũng được  $1971-960=1011$  tuổi chẵn.

Đồ đất nung, thứ men mốc mốc, đồ đồ thâm thâm, chỗ thì sót men lòi da cháy sạm, chỗ thì men dày nhều dùn cục dưới chân món đồ, danh từ chuyên môn gọi "giọt lụy" (traces de larmes), những món đồ ấy, coi vậy mà không dễ gì bắt chước, đồng tiền bạn chơi đồ cổ cũng khó ăn, và người đời nay, với dụng cụ và cơ khí tối tân, tuy nhái được mà không giống hệt đồ xưa, vì vậy muốn biết rõ từ món cổ vật, phải chịu xuất tiền ra

mua sách, chờ mua bữa có ngày tổ trác, thì mất tiền mua chờ trách ai.

Có một nước lóng giềng của Trung Hoa, trình độ văn minh đang trong thời kỳ vọt cao, hèn tài chánh ngày nay dồi dào, nước ấy đã chầy năm nghiên cứu và tìm đủ phương thế để nhái tạo thứ đồ đất nung có tráng men như loại chén này, nhưng đến bây giờ vẫn chưa được thành công mấy. Đồ của xứ này sản xuất, chỉ gạt được các tay mơ, còn chập chững, vọc vạch chơi đồ xưa chưa nồng tay, chờ đợi với hạng khá thông thạo, từng đạp gai, từng rờ rẫm quen mắt với món đồ, thì người bán cũng như bọn giả tạo, cũng khó đánh lận tròng đèn, họ được.

Mà nghĩ cũng trớ trêu ngộ thật : cái ông nghệ sĩ nào thuở đó, nặn được cái chén lưu truyền đời đời làm vậy, mà có dè đâu hòng ký tên để danh hiệu của mình vào ! Hay không là ở chỗ đó ! Không bì đời nay chế tạo đồ xấu, đồ giả mạo, lại ký hiệu xưa ngờ ngờ, một cách lóng khai ! Cho nên nhà chơi đồ cổ, không tiếc tiền mua cái chén, cũng vì muốn mua lại cái thành thật quan tử của cổ nhân.

Xin nhắc lại, cái chén Đại Tống, sau buối lộn xộn thất diên hất đảo của thời kỳ trước và sau năm đảo chánh 1945, được tôi (tác giả) giấu kín và đem lên Sài Gòn.

Tôi xin vô làm tại viện bảo tàng từ năm 1947 và ngày 13 tháng 9 năm 1954, có ông Sergc Elissceff, nguyên là người Nga nhập Pháp tịch, lão thông chữ Hán, chức làm quản thủ viện bảo tàng Cernuschi tại Paris, nơi đây tàng

trữ những cổ vật di tích thuộc văn hóa phương Đông. Năm ấy nhóm di công cán bên Nhứt Bàn, sẵn dịp thuận đường, ông ghé viếng viện bảo tàng Sài Gòn.

Sau buổi viếng ở đây, chúng tôi mời ông hạ cổ đến viếng tết thất trong Bà Chiểu, cho ông thấy một nhà cổ Việt Nam như thế nào. Đến nơi, ông trầm trồ khen kiều kiến trúc nhà Việt, có khác đôi chút kiều nhà Tàu và rất khác xa nhà Nhứt bàn.

Xem cuộc thết nhà ở xong, ông day qua xem bộ môn đồ gốm và sứ của chúng tôi sưu tập bấy lâu. Bỗng ông vối cầm cái chén Đại Tống, ngắm nghía hồi lâu kẽ day qua hỏi chủ nhà :

- Ông biết chén này thuộc loại đời nào chứ ? (Giọng ông hỏi như giám khảo hạch sinh viên).

- Thưa tiên sinh, chủ nhà đáp, át đời Đại Tống. Nhưng sẵn đây, dám hỏi tiên sinh, chăng hay Tiên Tống hay Hậu Tống, xin tiên sinh dạy cho biết ? Lại nữa, tiên sinh dạy giùm chăng hay đó là chén uống trà hay chén uống rượu, tiên sinh cao kiến, dạy cho với nào !

- Chén trà phải hơn, ông khách lạ đáp.

- Thưa tiên sinh, theo kẻ hậu sinh này biết, có lẽ chén này trước trước dùng uống rượu, sau đó đổi qua dùng làm chén uống trà.

- Á hay ! Hãy cất nghĩa cho tôi nghe với !

- Dạ thưa, tiên sinh đọc nhiều sách Hán, át dư rõ

**tích Tống Thái Tổ, Triệu Khuôn Dần, khai cơ dựng nghiệp  
như thế nào ? Để thêm sáng câu chuyện, kè hậu sinh xin  
nhắc lại sự tích có thủ có vī cho dẽ hiểu :**

Tiền nhụt, vào đời Ngũ Đại Tàn Đường, bước đầu  
thế kỷ thứ X, giặc dậy từ tung bến Trung Hoa, nhơn  
dân lấy làm khό sờ. Các vị tướng trấn thủ những quan  
ài trọng địa, sẵn binh quyền trong tay, đều nổi lên,  
mạnh ai nấy chiếm cứ một địa phương, kè xưng hùng,  
người xưng bá.

Lúc ấy có ông Quách Oai (Quách Ngạn Oai) làm trấn  
thanh Phàn châu, cũng như ai, bèn ván vị, xưng  
đế hiệu, dựng nhà Hậu Chậu, mở một kỷ nguyên mới.  
Châu Thái Tổ Quách Ngạn Oai trị vì từ năm 951 đến  
năm 954, thọ năm mươi mốt tuổi. Ông không con nối  
dòng, nên lập Sài Vinh, cháu vợ, gọi Sài phu nhơn bằng  
cô, làm Đóng cung thái tử, cho ăn họ Quách.

**Sài thái tử ở với cha nuôi rất có hiểu và Châu Thái  
tổ Quách Oai, lúc gần băng, gọi thái tử đến trói rằng :**

- Vương nhi có biếu vì sao chúa đời trước thường  
bị khai quật lăng tẩm hầu hết chǎng ? chǎng qua cũng  
vì lúc thăng hà, ham chôn vàng bạc châu báu theo quá  
nhieu mà trên đời có chi làm hư lòng người, giục lòng  
người, nhất là của họ vô tín ngưỡng, chúng thèm ước  
của quý vật lạ chôn theo xác chết mà quên hết đạo đức  
lẽ nghĩa. Cho nên trăm dặn vương nhi khi trăm xa băng  
án giá rồi, thì vương nhi nhớ kỹ dẫu một vật báu cũng  
đừng chôn theo. Cũng đừng lẩn lèm băng tơ lụa và

trang sức đất tiền. Vương nhì nhớ bỏ lệ dùng cung  
nhân coi sóc lăng phần và bỏ lập cung viện quanh lăng  
vì xa xì vô ích. Việc phụng tự hãy giao cho người có  
nhà cửa gần lăng, lựa lốt ba mươi nóc già giao phó cho  
họ là đủ giữ gìn rồi. Tùy nơi nhơn tam để lại chờ không  
phải để binh sĩ đóng mà lăng mộ khỏi bị thú vật đập  
phá hay quân gian lén đào mache trộm của qui. Cũng  
tại bỏ lệ tạo người đá, voi đá, ngựa đá, mà trâm cho  
lăng xa xì. Hãy liệm trâm trong một cái hòm bằng gốm  
nung. Cấm tuyệt dùng đá xây huyệt mà. Kim tinh xây  
bằng gạch được rồi. Hãy lựa thứ gạch xấu, không dùng  
lược lần thứ hai. Đò dịch(1). lựa hai tèn là đủ. Nhưng  
vương nhì nhớ cho kỹ, là phải lập cho trâm một bia đá  
cố khắc thật rõ nết, hai câu như vầy :

*"Châu thiên tử bình sanh hao kiêm,*

*Di mạng dụng bối y ngoa quan".*

Dịch : Vua nhà Châu sanh tiền chuông tiết kiệm;

Di mạng dặn liệm bằng bô vải, và dùng hòm bằng  
gốm để chôn(2)

Mấy hàng tài liệu trên đây, đối với người ngoại  
cuộc, khi đọc lên, chỉ đem lại sự ngáp dài buồn ngủ.

(1) Đò dịch phải chăng là người tú mác tội đồ may dùng phục dịch tại  
lăng để quét lá rụng, nhổ cỏ dại và không cho trâu bò lại gần lăng ?  
Hoặc đó là "mọi" chôn cõng theo người chết cho hòn sỏi khiết ?  
Trong sách không nói rõ.

(2) Tài liệu viết theo truyện Phi Long diễn nghĩa, bản dịch Huỳnh Công  
Giác, in lần nhất năm 1908, nhà Phát Toán, Sài Gòn, trang 342.

nhưng đối với chúng tôi, học đối khảo cổ, thì quả vĩ  
cùng hệ trọng, vì đây là một bằng chứng xác nhận rằng  
lại hũ đựng cốt (urne funéraire) đã có, chẳng những  
đời Đại Tống, theo như sách Pháp đã nói, mà có trước  
từ đời Hậu Châu (951-959) rồi. Vả lại hai đời không  
cách xa nhau bao nhiêu, cuối Châu 959, khai Tống 960),  
cho nên đầu gập hai loại ấy cũng khó mà định tuổi một  
cách chẳng sai lầm.



Vua Quách Oai mất rồi, con nuôi là Sài Vinh lên kế vị,  
chọn đế hiệu là Châu Thế Tôn, trị vì từ năm 954 đến năm  
959, tuy ngắn ngủi, chỉ có sáu năm, (thập ba mươi chín tuổi),  
nhưng để lại được hai phát minh nay còn nhắc đời :

1) Thủ nhửi, tương truyền vào đời ông, tìm ra men  
màu xanh da trời. Một hôm, có sờ tâu lên đài lĩnh vua,  
muốn biết vua chọn màu gì cho thợ chuyên làm đồ gốm  
đồ sành, v.v lên các món ngự dụng. Vua phê văn vẹn  
bốn chữ : *"Vũ quá thiên thanh"*. Nhờ đó mà thợ chế ra  
được màu xanh lơ, trong sách Pháp dịch là : *coulur bleue du Ciel après la pluie*. Nghiêm ra, khi mưa tạnh,  
bao nhiêu bụi tràn đều quét sạch, trên trời da xanh  
ngắt trong khe, tuyệt không có một chút bẩn như còn  
giá dẹp hơn ?

Đồ sành đời Châu Thế Tôn, thuộc vào buổi sơ khai,  
vừa hết gốm chở chưa qua hàn sành, hiếm lắm và quý

lâm. Danh từ chuyên môn gọi *Sài dao* hay *Sài diêu* (Tch'ai-yao), ngày nay kiếm không ra. Truyền tụng có câu : "Ngàn vàng dẽ kiếm, Sài diêu khôn tìm". Hiếm cho đến đổi thành huyền thoại, các nhà cổ Tây phương lấy làm ngờ không biết Sài diêu thật có hay không, và không viện bảo tàng Âu - Mỹ tích trữ được một mảnh nào, cho biết mặt. Người Trung Hoa nâng lên hàng *quí như ngọc*, và gọi *Sài ngọc*. Trước năm đảo chánh 1945, có một chủ tiệm Hoa kiều trong Chợ Lớn có khoe với tôi một miếng sành nhỏ màu xanh đậm da trời, cầm trong một miếng vàng vuông. Ông ta làm mặt sứ dây nịt da đeo thường буда. Tôi muốn quá, theo nài nỉ hoài, xin đổi một chiếc vòng ngọc thạch quý giá hoặc bù một số tiền lớn, nhưng nói cách mấy, ông chủ tiệm không肯ng rời miếng sành nhỏ kia. Ngày nay mảnh Sài diêu ấy còn hay đã mất, tôi không biết, vì chính sau cuộc phong ba năm 1945, hai tôi chạy một người một ngả và cho đến ngày nay tôi không gặp cố nhân Hoa kiều. Nay tôi cũng ngờ không biết miếng sành ấy có phải thật là Sài diêu chẳng, cũng chưa ắt. (xem thêm qua bộ Cảnh Đức trấn đảo lục về sự tích Sài dao)

2) Thủ nhì - Đời Chău Thăc Tôn Sài Vinh có chế ra một đồng tiền bằng đồng, ngày nay cũng là một báu vật, người sưu tầm cổ, cho là một vật quý còn hơn vàng. Nguyên mấy năm ấy (954 - 959), vì chiến tranh dây dưa mãi nên đồng kém hụt, có bao nhiêu đều đúc bình khí và mũi tên, nên trong nước có nạn khan tiễn, trong dân gian, việc đổi chác lấy làm khó khăn. Chău Thăc Tôn là người thực hành vì thuở nhỏ từng lưu lạc đó đây với bộ

ba Triệu Khuôn Dần và Trịnh Ân, nay thấy dân bực tiền  
gọi tiền xài mà cốt Phật bằng đồng có thể thay cốt bằng  
gỗ hay bằng đá hay chất khác được, bèn truyền lệnh lấy  
tượng Phật nấu lấy đồng đúc tiền gọi tiền "*Châu Nguơn*  
*thông bưu*". Ngờ đâu dân chúng đời ấy rất sợ Trời Phật,  
khi hay được tiền *Châu Nguơn* là bằng đồng của tượng  
Phật đúc ra, họ đều lấy đeo cổ đeo tay làm bùa hộ mạng,  
khiến nên tiền đã hút khan này lại còn khan hút hơn  
nữa. Sau vua Sài Vinh mất, thọ có ba mươi chín tuổi,  
thiên hạ cũng đỡ thừa trách ông sao dám nấu Phật lấy  
đồng. Về sau, mỗi lần có người từ trần, đều lấy tiền *Châu*  
*Nguơn* mang theo để hộ mạng để nói chuyện với Diêm  
Vương và bọn quỉ sứ cũng kiêng nể, khiến cho tiền *Châu*  
*Nguơn* mất hút, và câu đồng diệu trên cũng lặp lại nữa,  
đối hai chữ : "Ngàn vàng để kiêm, Sài diệu khó tìm", đổi  
lại : "Ngàn vàng để kiêm, *Châu Nguơn* khó tìm".

Tuy thọ không lâu (39 tuổi), tuy làm vua rất ngắn (sáu  
năm), nhưng danh tiếng *Châu Thέ* tồn thật là trường tồn.

Một tiếng thơ thứ ba của Sài Vinh xin kể ra luôn,  
là tính ông rất hiền, ở với hai em là Khuôn Dần, Trịnh  
Ân đều nhịn nhục, sau lên làm vua thì hết lòng với dân,  
chia ngọt xè bùi, đồng cam cộng khổ, sánh với các vua  
chúa đời Ngũ Đại, thì ông được tiếng là minh quân hiền  
nhất, nên khi mất dân chúng tiếc thương ông lắm. Hỏi  
mấy ai được vậy ?

Nhưng Sài Thέ tồn là người bẩm thọ yếu, không  
kham việc chính nam phục bắc, năm 959, đi đánh giặc  
về, đau rồi mất. Con là Lương Vương lên nối ngôi, (sau

bị truất, thụy phong Cung Đế, trị vì hai năm 959 - 960, mất năm 973, thọ hai mươi hai tuổi). Cung Đế lúc lên ngôi, chưa đầy tám, chín tuổi, các tướng sĩ phe đảng của Triệu Khuông Dẫn đều không bằng lòng thần phục một ông vua nhỏ bé và cung lợ hoắc, làm sao biết xét công hán mả của mình. Vì vậy nửa đêm, ngoài mặt trận, binh kéo đến cầu Trần Kiều đóng lại đó, đêm khuya tướng sĩ tụ họp, lấy huynh bào đắp lên mình Khuông Dẫn, xốc ra ngồi ghế giữa rìa tung hô vạn tuế. Sử gọi đoạn này là "binh biến Trần Kiều".

Lúc ấy, người em thứ ba thích huyết thè nguyễn, bộ ba "Sài Vinh, Triệu Khuông Dẫn, Trịnh Ân" (Trịnh Ân sau Tống Thái tổ phong đến Nhữ Nam Vương), đã cùng nhau ăn máu uống thè, nguyễn lấy gương Đào Viên tam thệ Lưu - Quan - Trương dời Tam Quốc, nay anh lớn Sài Vinh vừa mất, anh thứ là Khuông Dẫn lại truất ngôi của con Sài Vinh, từng gọi mình bằng chú, giành làm vua lấy, Trịnh Ân là người bộc trực ăn ngay nói thẳng, hễ mỗi lần có chén, "rượu vào lời ra", thường không dè đặt lời nói và một đồi khi xúc phạm đến Tống Thái Tổ. Chỗ anh em thì tha thứ được, mà nay là niềm tôi chúa sao nêu ? Bởi vậy, trong truyện "Tam hạ Nam Đường", tác giả bịa ra chuyện "Xích tu long túy lùu hắc hổ qui thần" để nhắc việc Tống Thái tổ, không biết say già hay say thiệt, nhè nhẹ lời súng phi là Hàn Tổ Mai, hạ bút trong cơn say, phê chử "trâm" trên tờ sớ, để cho Hàn Phụng chém đầu Trịnh Ân, cơn say qua, thì đầu Trịnh Ân đã rụng !

Nhữ Nam Vương vương phi là Đào Tam Xuân, dấy binh quyết báo thù chòng.

Non nước này, ta lại thấy ngón "giang hồ mĩ thương" của ông vua từng ăn cơm đạo khắp xứ, quen gần đủ mặt gái sông hồ, tôi muôn nói Tống Thái tổ Triệu Khuông Dẫn. Vì để thù tiêu luôn một nhân chứng bếp xếp lõ miệng không thua Tam đệ Trịnh Ân, Thái tổ bèn già sơ oai Trịnh Vương Phi, nên nạp mạng ái phi là cục cưng Hán Tổ Mai cho Đào võ trạng Tam Xuân, để cho bà này lán đèn đổi sống Tổ Mai tể chòng là Trịnh Ân. Kẽ rất độc, một mũi tên giết hai con điểu, vừa thù tiêu một bà phi quá hiếu biết việc trong cung cấm (Tổ Mai), vừa làm hết giận một nữ tướng giỏi, còn nhiều hữu dụng mai sau (Tam Xuân) !

Sau khi làm hai việc, có một không hai ấy, chém bạn giết vợ, có lẽ vừa ăn năn, vừa để chứng tỏ bản linh cao cường của mình, Tống Thái tổ họ chỉ giỏi ười. Từ đó cấm dùng rượu mỗi khi có lẽ sự, và khuyên nên dùng trà thay cho rượu, vì trà vừa tinh khiết vừa hiền hơn rượu, trà uống mãi không say, trà không làm hư hại sự.

Vì thế, thưa tiên sinh Elissocoff, tôi, một tiều sinh nước Việt, dám nói : chén Đại Tống, trước kia dùng để uống rượu, sau đó đổi lại làm chén dùng để uống trà.

Nghé đến đây, nhà học giả Pháp trầm ngâm không kết luận rằng thuyết của tôi đúng hay sai, chỉ gật đầu ra chiều suy nghĩ lung lám. Trước khi từ giã, tôi mời nhà học giả ký vào sổ vàng, ông Elissocoff niêm nở ký tên, hạ

bút phê một câu này tôi còn giữ làm kỷ niệm quí :

"*Avcc toute notre reconnaissance à Monsieur SEN,  
pour avoir fait de notre escale à Saigon, une pierre blanche  
sur notre route*".

13-IX-54

Serge Ellisseeff

*Dịch : "Đa tạ Ông SEN, Ông đã, trên bước đường tôi  
ghé Sài Gòn, giúp tôi ghi dấu cuộc viễn du bằng một viên  
bạch thạch".*

Dường như chưa bằng bụng, khách nói với thêm :

- Vậy mà thuở nay chánh phủ quí quốc không khứng  
gởi những người thiện chí qua học thêm bên xứ tôi, để  
ngày nay trở lại trách chúng tôi không sớm đào tạo cho  
quí quốc những chuyên gia lành nghề.

Nghe mấy lời có hơi chua chát chủ nhà đánh liều  
chát chua trả lại :

- Dạ dám thưa tiên sinh, nói thì dễ, đến khi thực  
hành mới thấy khó vô cùng. Nghĩ cho, trước đây, muốn  
học khoa như tiên sinh nói, ít nhất phải có văn bằng  
tú tài Pháp. Học xong mấy năm, nếu không có Pháp  
tịch thì cũng không trông mong gì gia nhập sở chuyên  
môn là trường Viễn Đông Bác cổ (Ecole Francaise  
d'Extrême Orient) và cũng vô phương xuất đầu lộ diện  
các sở thương đương đời đó. Mà Việt tịch, dẫu hèn cõng  
thế, cũng là quốc tịch của chúng tôi, bỏ sao nê, bỏ  
saô dành ?

Cho nên không trách đồng bào chúng tôi, cho đến ngày nay, qua được Pháp Quốc, chọn nghề Luật, hoặc nghề thuốc, tương lai thấy sẵn sàng, thêm chắc ăn hơn!"

Hết đại nhơn thì đại độ. Vốn một học giả chon thành, khách nhã nhặn siết mạnh tay chủ nhà, từ giã mặt không sắc giận, mặc dầu câu trả lời, gầm lại, vì quá thành thật đã gần như trống trơn.

\*

### *Phụ trương.*

Hình chén Đại Tống (960 -1279) (anh 1 pl. 1)

Kính tâm : 185 ly Tây (0m185m/m)

Bè cao : 50 ly Tây (0m50 hay 50m/m)

Giá mua : 49\$50 (bạc 1939).

Chỗ và ngày mua : Phòng đấu giá Lagrandière cũ, ngày 2-10-1939.

*Chú thích.* - Chén uống trà đời Tống : miệng rộng, túm lần xuống đến chun, xem giống hình u con tay (tê giác) tiện tròn, túm đít và để lật ngược (en forme de cornue de rhinocéros renversée).

Danh từ chuyên môn : Trung Hoa gọi : Thố hào trán - t'ou hao tsien (lasse sourrure de lièvre); cũn gọi "hoàng thố ban trích châu" hoàng t'ou pan ti tchou (gouttes de perles dans l'émail) de la couleur du poil de lièvre).

Có khi lại tùy màu khác đi và gọi "tasse plumes de perdrix" (chén màu lông chim da da, chim giá cò) (thiếu danh từ gọi theo Tàu). Chén này rắn ri, sắc đen sắc trắng xen lộn nhau (Pl. VII, C sách *Poteries et porcelaines chinoises* của bà Daisy Lion - Goldschmidt).

Khi khác gọi tắt là "kiên", vì làm ở Kiến An, tỉnh Phước Kiến (Fo kien).

Nhật bản gọi : Temmoku.

Chất bên trong, (gọi cốt của món đồ) : đất đen, nặng, da nhám xám (trước, trong Bách khoa, tôi gọi đất sa thạch (grès), nay tôi rõ lại không phải sa thạch, nên xin dính chính), đây là đất đặc biệt tỉnh Kiến An, và Phước Kiến có mà thôi.

Men ngoài : Khi hồng hồng (màu lông thỏ); khi đen bóng rắn ri (lông da da), thường đóng giọt nơi chưn, nơi đít, gọi "giọt lụy" (gouttes de larme); trong chén màu đen, thường ẩn lộ ánh sáng chói chói do chất kim khí lẫn lộn; và vì da có lỗ có sọc, do đó người Trung Hoa đặt tên rồi các nước khác họa theo mà gọi : danh từ "*sourrure de lièvre*" và "*plumes de perdrix*" người Anh, người Mỹ, cũng để y mà gọi theo. Những ánh sáng chớp chớp trên món đồ, nguyên là phản ứng của chất sắt, chất kim, do sức nóng của lửa lò biến ra, có chỗ tụu lại thành "vết dầu" (taches d'huile), hoặc, "giọt lụy" (gouttes de larme), thấy đều giống y như danh từ đã gọi. Vì không khi nào trong lò lấy ra, cái nào giống cái nào, nên ngày xưa người thợ tin chắc đó là biến hóa

phi thường do thần linh ám trợ (người đời Tống rất nghiêm sâu đạo Lão Trang, khác với người đời Đường nghiêm về Phật giáo). Người nay biến hóa đến cung trang cũng thám hiểm được, nhưng chưa tìm ra bí quyết chế tạo đồ gốm Tống, có lẽ vì xưa dùng cùi chum lò bằng thớt gỗ gì đó, và vật liệu đất trộn, màu pha, gì gì đó, đến nay đã thất truyền, thậm chí ngày nay sử dụng cơ khí tinh xảo thay cho bàn tay người thợ Tống, và lò chạy điện hay đốt dầu cạn (mazout) có thể giữ hỏa độ không sai chay chút nào, thêm vật liệu chọn lọc kỹ lưỡng tinh vi, không sai phân hào nào, vậy mà không làm sao trở lại y như đời Tống được. Trong sách *Les poteries et porcelaines chinoises* của bà Daisy Lion Goldschmidt có kê lại rằng năm 1935, nhà khảo cổ J.M. Plumer có gặp tại Kien ning (Kiến Ninh, thuộc miền bắc tỉnh Phước Kiến), một đồng cao như núi, gồm hàng hà sa số đồ Temmoku hư bể vô dụng của lò xưa bỏ lại, thêm có rất nhiều hộp đất để đựng các món Temmoku lúc đặt vào lò hầm cho chín, - các hộp đất này (Pháp gọi *cassettes*) chứng rằng đời Tống, nghệ thuật hầm gốm đã biến hóa tinh vi lắm chứ chẳng ch襌. Trong sách kê tiếp, tại tỉnh Giang Tây, nơi gọi *Yung lo* gần *Kingansou* (Kiết-an-phù), năm 1938, nhà khảo cổ A.D. Brankston cũng gặp rất nhiều Temmoku tại phủ *Kingan* này, màu gốm da lu (grès) vàng lợt (grès chamois). Thủ Temmoku này, men mịn, màu tối sậm, có đốm da qui (écaille de tortue), bên phía trong Temmoku này lại có màu lông thỏ (fourrure de lièvre). Có nhiều miếng chén còn cho thấy hình chim chóc, hoặc lá cây giống hệt lá thiệt, có

thứ khác thì vē màu đen, hình này nọ trong bộ ô (đóng khung). Thú chén trổ hình lá cây, có gân có chì y như thật, nay nghiêm ra khi đó người thợ lấy lá cây tươi đặt vào lòng chén rồi đẽ luân vào lò hầm, gặp lửa nóng, lá cây cháy ra tro, biến mất, đẽ lại gân, chì và cọng cuống của lá mù thổi, rõ ràng đời Tống bên Tàu đã phát minh cách in rập trên đồ sành (décalcomanie) rồi đó. Đủ hiểu đời Tống, họ tiến hóa trong nghề chế tạo đồ gốm đến bực nào. Sách kể tiếp rằng lò ở *Kingansau*, qua thế kỷ XV, vẫn còn thịnh hành.

Hình số 2 - (Xem Pl. 22 fig. 22, 22b trong tập số 4 H.C.Đ.S "Khảo về đồ sứ cổ Trung Hoa")

Đây là một cái hũ sành đẽ đựng hài cốt đốt thành tro (Pháp gọi *urne funéraire* và cho rằng làm vào đời Tống).

Cốt thai là đất nung, lòng đẽ tròn, ngoài có tráng men sành trắng ngà trổ rạn, lớp như "ổ nhện" (craquelé en toile d'araignée), lớp giống da kỳ đà (craquelé en peau de lézard) lại có chạm sâu trong cốt thai, hình nhánh và lá cây, dưới lớp men trắng ngà, không có vē màu. Nơi nắp và nơi miệng hũ có đắp nổi *diên kiêng hoa sen*. Trong này có đẽn hai kiểu, biệt từ đời Tống, là a) chạm sâu vào cốt thai, và b) đắp nổi lên hình cốt thai. Xong rồi mới áo thêm lớp men cho thêm khéo, vừa che néi chạm, vừa bít kẹt những nơi đắp nổi.

Hũ này đào gắp tại làng Đà Hào, Huyện Hán, tỉnh Thanh Hóa, lúc làm đường xe lửa xuyên Đông Dương (Trans Indochinois).

Không kể những tài liệu trong các sách Pháp - Anh, nói nhiều về hữ dụng tro cốt này, mà cho đến nay vẫn còn tồn tại phong tục người Tàu đem tro cốt người chết của họ về Trung Quốc. Nguyên người Tàu rất sợ cảnh chết tha phương, hãi cốt lạnh lẽo chôn chở đất lạ quê người, nên họ có phong tục trước đây, sống tụ tập làm bảy bang (Phước Kiến, Quảng Đông, Triều Châu, Hẹ (Akas). Hải Nam) vẫn vẫn, và khi chết cũng chôn cất trong nghĩa địa phân biệt của bảy bang ấy. Mỗi năm họ đều có đóng góp tiền chung đậu lo việc cúng quải hồn người chết. Và trừ phi những người có thế lực, nhưng thân quyền bên Tàu đã không còn hay còn rất ít, như Chú Hòa, Quách Đàm, thì làm mà mồ thật đỗ sộ chôn cất tại đây, còn lại bao nhiêu người chết, có lè chôn quá ba năm thì phải đào mả, lấy cốt, rửa sạch, sấp vào cái tiểu sành hay cái hộp nhỏ bằng cây gỗ sao, niêm phong tử tế rồi gởi hết sang Trung Quốc, tinh nào theo tinh này. Thân nhơn được báo tin, đến lanh hãi cốt về, được thêm tiền để chôn cất (nhờ độ sáu đồng bạc, bạc trước 1945). Cũng có lưu manh nhận diện lanh cốt về bỏ không chôn, miễn được sáu đồng bạc (6\$00) đã ngọt nghèo, nhưng luôn luôn họ vẫn dùm bọc lấy nhau, như người bạc số không ký quí dù tiền đem xương khô về xú, thì đã có sẵn bang trưởng hay người đồng tánh xuất tiền làm cho mát dạ người quá vãng, tôn trọng chủ nghĩa có từ đời Hạng Võ : "Phú quý bất huân hương, như y cầm dạ hành". Nghĩ cho lính Nhựt trước đây cũng đóng hộp cây chờ cốt về xú và nay lính Mỹ khi chết cũng đem xác liệm về

quê. Và cũng vì phong tục đáng khen ấy, cho tương truyền đời Tống, khi người Tàu qua đây gây chiến tranh cùng người nước Nam, vùng Thanh Hóa, khi tử trận, có khi họ lựa phong thủy, chôn kín tại chỗ; có khi, họ liệm hài cốt tướng tá hay binh sĩ vào những hũ sành loại này. Hũ có cái da trơn, vẽ chạm chim, lá, có khoét ba chân dính nhau bằng một vành tròn bằng đất nung, hình như để đặt đèn chong dưới hũ cho ấm nấm tro tàn, chờ vẫn không cho lạnh hồn lạnh cốt. Có thứ thật lớn, vẽ chim lạc và hoa lá màu đỏ, tôi từng thấy ở viện bảo tàng ở Bruxelles, át dành cho hàng tướng hay quan chức to, - ở viện Guimet tại Paris cũng có một cái; có cỡ trung trung lõi hai tấc Tây bề cao, da rạn, vẽ hoa vị đỗ sáu kiểng, có thứ da trơn, có thứ vẽ hổ vẫn rất khéo, có thứ in hình nồi kiểng sen như hũ tại nhà. Lại có hũ nhỏ cỡ một tấc Tây bề cao, theo sách dùng để đựng mễ cốc cho người đã chết, bao nhiêu đồ đất nung da gốm da lu có từ đời Tống ấy, ngày nay các nhà sưu tập vẫn quý nó hơn đồ sứ men lam và mua rất cao giá. Nét vẽ tuy mộc mạc, nhưng khi xem kỹ mới thấy điều luyện vô cùng, vì mỗi nét đều có một ý nghĩa kín, dường như người họa sĩ Tống nuối một ẩn ý giấu trong nét bút, nói cách khác, nét bút của họ như "nhốt" trong hình bông lá, chim cò, một ảnh hưởng không nói ra của đạo Lão, Trang, cũng như họ đã nhốt linh thần và nét bí ẩn đạo Phật trong kiểng sen, cuống sen hay lá sen thì vị hóa mà ngày nay nhờ lạc tinh sau bảy tám năm bị chôn dưới đất, lại trổ màu ngọc thạch, da céladon, có nét rạn rạn hồng hồng kiểu "đen nhện" càng

tăng nét độc đáo. (Xin xem ký chương 3 tập "Khảo về  
đời sứ cổ Trung Hoa", H.C.Đ.S. tập số 4). Có nhiều lăng  
mộ vùng Thanh Hóa xưa đến đời Hán (xem B.E.F.E.O).



# 4

## ĐỒ SỰ ĐẠI TỔNG VÀ TRANH ĐẠI TỔNG

(bài của Ông Nguyễn Văn Thư -  
Tạp chí BÁCH KHOA, số 92 ngày 1-11-60)

*Dẫn.* - Bài của tôi (VHS), được tạp chí Bách Khoa đăng vào số 89 đã ngày 15-9-1960. Qua số 92 ngày 1-11-1960, báo Bách Khoa cho đăng bài nhau là "Đồ sự và tranh Đại Tống". Dưới bài, ký tên Nguyễn Văn Thư, trước ngôi Thẩm phán ở Quảng Trị, sau về Sài Gòn và năm 1967, tôi có hân hạnh được gặp tại Huế đó.

Nguyễn đại nhân là bạn viết văn, tôi tưởng không hép gì mà không cho tôi trích đăng lại đây, bài của Ông viết năm trước có nhắc đến bài của tôi, và tiện đây tôi cũng xin anh bạn thân Lê Ngộ Châu cho phép, với tư cách chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ Bách Khoa, vĩnh viễn gần như lớp xưa, Ông René Doumic, bình hút tờ *Revue des Deux Mondes* (Tạp san Lưỡng Thế Giới), - Paris) Đa tạ. V.H.S.



*Đồ sự Đại Tống và tranh Đại Tống.* - "Nhân đọc bài "Tử chén trà Đại Tống đến tịch tràm Trịnh Ân", của Ông Vương Hồng Sển, tôi có dịp nhìn nhận tại trang phụ trướng mấy hình chén Tống và một cái hũ.

Ai đã nhập môn nghệ sưu tầm cổ vật, tất phải được  
nghe giảng về giá trị của các cổ vật :

Đồ đồng như kiếng, lư đinh thì tìm nhà Chu, nhà Hán.

Đồ sứ men màu thì hỏi nhà Tống, nhà Minh, và men  
chàm thì phải tìm niên hiệu Khang Hy nhà Thanh.

Đây là chuyện đồ sứ thuộc về thời đại nhà Tống, tức  
là thứ đồ sứ quý giá nhất trong các loại đồ sứ.

Tác giả đã vui vẻ giảng cho ta một cách rất rõ  
ràng, ý vị - và rất thú vị, nếu có thể nói thế được -  
quá trình của cái chén Tống, từ lúc nó là chén uống  
ruou cho đến ngày ngự bút giáng xuống làm chén uống  
nước trà, nghĩa là tất cả mảnh khíc của vua Thái Tổ  
nhà Tống, trong tần tuồng "Xích long tuy tuu, Hắc hổ  
qui thàn". Tuy nhiên về chỗ chiếc hũ Tống, thì chúng  
tôi còn vài điểm muôn thinh thị Vương quân.

Vương quân có trình bày tấm ảnh một chiếc hũ  
nhỏ có chay cánh hoa sen và viết rằng : " Tương truyền  
dời nhà Tống, người Tàu qua chiến tranh cùng nước  
Việt Nam ta, khi chết thường liệm hài cốt tướng sĩ tử  
trận trong hũ sành loại này."

Về loại hũ xù này, chúng tôi cũng có được một chiếc  
và thấy nó cũng có những đặc điểm như chiếc hũ trong  
ảnh; nghĩa là :

- Cao độ 20 phân Tây.
- Mẫu da trắng ngà ngà, có rạn mạn nhẹn (khác với màu

da xanh rêu (hỗn hay xanh đen của men Tống Trung Hoa).

- Chất đất nhạt (khác với chất sứ của đồ Tống Trung Hoa).

Loại hũ này, cũng như vài món vật dụng khác thuộc loại bát chén, đều chung một sắc men và một chất nguyên liệu, đều tìm thấy được ở vùng Thanh Hóa, cho nên loại đồ sứ được mệnh danh là đồ Tống Thanh Hóa.

Vấn đề đồ Tống Thanh Hóa và đồ Tống Trung Hoa cần được nhận định về nhiều phương diện :

a) *Phương diện nghệ thuật.* - Tuy rằng hai thứ đồ sứ đều do người Trung Hoa thời Tống chế tạo ra, nhưng hai nghệ thuật khác hẳn nhau.

Đồ Tống Thanh Hóa rất mỏng mảnh, nhạt, làm bằng đất nung, men ngà ngà và bóng. Không bao giờ có ánh kim sa, chỉ có đường nét mượt màu gạch.

Đồ Tống Trung Hoa nặng trịch; hơn nữa các chén đĩa, bình hoa đều dày dặn và mát lạnh (do đó những bát, bình hoa Tống dùng để thực vật trong mùa nực có năng lực giữ cho vật lâu hư, cầm hoa lâu héo).

Có người cho rằng sứ đồ Tống mát và nặng vì nguyên liệu chế tạo là một thứ sa thạch. Đem đá lán nhỏ cho thại nát, lọc qua mẩy từng héc nước rồi rây qua lụa được một chất bột sứ, chất rất mịn. Vì lẽ phải dùng công phu như thế nên đồ sứ đồ Tống rất hiếm và quý giá. Nghệ thuật hời ấy chỉ đủ để phụng sự quý tộc. Đồ sứ là một trong những sản phẩm ít khi lọt ra ngoài nhân gian. Làm được chiếc nào thì đem

tiến nội. Vua dùng vũ thịnh thoảng ban cho các đại thần để thưởng công, các quan đem cho lại thân thích của mình để truyền từ lưu tồn làm kỷ vật.

b) *Mục đích khác nhau*. - Đồ Tống Trung Hoa được chế tạo với cựu cảnh dĩ nhiên của nó: chén để uống rượu, uống trà, bình để cắm hoa và bát đĩa để đựng quả vật.

Đồ Tống Thanh Hóa, như Vương quân đã nói đúng, hướng về một mục đích khác. Các hũ sành được chế tạo ra cốt để lưu trữ di hài của người Tống chết ở tha phương trong khi chờ dịp đem về Bác địa. Thắng hoặc người ta có thể tạo các chén bát khác thì cũng chỉ là những thứ làm thêm chứ không phải là mục đích chính.

Sau khi hoàn toàn đồng ý với Vương quân về nhiều điểm tôi nhận thấy, về đoạn giải thích, tôi cần trình bày một vài ý kiến riêng mong Vương quân chỉ chính.

Các đồ sứ Tống gọi là Tống Việt Nam đều đào được ở Thanh Hóa. Ngoài ra không đâu có nữa, vì vậy nên được hồn danh là Tống Thanh Hóa. Người Trung Hoa ở Thanh Hóa, tác giả các loại đồ sứ này, có một lịch sử :

Khi ông Lý Thường Kiệt và Tôn Đản, vào khoảng năm Ất Mão (1075)(1), đem quân sang vây châu Khâm, châu Liêm, để phản đối chính sách của Tể tướng Vương An Thạch có bất về một số tù binh. Số người này được phát lưu vào Thanh Hóa để dùng vào công cuộc khẩn hoang. Đất Hóa châu hồi đó là biên cương phía Nam

---

(1) Lý Thường Kiệt hung hinh đánh với Tống (1075-1077)

của nước Đại Việt. Nhưng người Tống này mang nghệ thuật nung đồ sứ của Trung Hoa sang để cung ứng cho nhu cầu cần thiết của họ là đem tro xương của kè mện một chôn đất khách về chôn nồi quê nhà (khi có người chết họ đem lên giàn hỏa thiêu lấy tro để vào hũ, y như kiểu các nhà sư làm lě Trà Tý).

Vì không có nguyên liệu và sẵn phương tiện tại chỗ, nên bọn Tống binh đã dùng đất nung chứ không dùng sa thạch. Do đó bên ta mới có một thứ Tống Thành là sản phẩm của dân Bắc quốc trên con đường di cư cưỡng bách : cố nhiên những đồ Tống này không có giá trị bằng những đồ sứ của chính quốc Đại Tống, làm bên Trung Hoa.



Từ đồ sứ nhà Đại Tống, ta di sang các họa phẩm.

Các họa tranh vẽ đời Tống, đời Minh, đều quý giá không kém gì các loại đồ sứ; có khi còn hơn cả đồ sứ nữa, vì lẽ đồ sứ giữ và các bức họa thường chịu ảnh hưởng của thời gian.

Xét các bức họa nhà Tống thì có lẽ quý nhất vẫn là mấy bức tranh hoa điêu của Tống Huy Tôn (1253-1278) (1)

(1) Huy Tôn (Hoai-tsang) tên ngự năm 1101, và thoát vị năm 1125; bị Kim Phồn dồn lên Bắc năm 1127, mất năm 1135, thọ 34 tuổi, mất tại Ngũ quỷ thành, nay Ninh cổ tháp tại Kí-lâm (Ou-kouo-ich'eng. - Ning-kou-t'a. - Kí-lín) theo Mathias Tchang. Synchronismes chinois. Về hiệu Tuyên Hòa là 2 năm 1119 và 1120, chưa biết năm nào vua Huy Tôn ngự bài vẽ tranh này, tính theo dương lịch. Sân)

Một nhà phê bình nghệ thuật có nói rằng "nghệ thuật Trung Quốc có thể tượng trưng bằng một lọ Túy Hồng và một bức tranh chim Ưng Dương."

Lọ Túy Hồng là lọ tráng men ửng đỏ mà hiện giờ thứ men ấy đã thất truyền.

Tranh Ưng-Dương thuộc về loại tranh cầm điều mà chính vua Tống Huy Tôn ngự bút vẽ ra.

Để quý vị có ý niệm về các bức họa của Tống triều, tôi xin hiến quý vị một mẫu ảnh chụp bức tranh Ưng Dương mà chúng tôi có may mắn giữ được.

Sau đây là các đặc điểm của bức tranh ấy :

1) Hình vẽ ngay ngắn ở giữa bức tranh, biểu lộ sản phẩm của ngòi bút đặc vương, lúc nào cũng ngay ngắn, nghiêm trang và chính vị.

2) Vẽ trên lụa, vì lâu ngày lụa đã nhuộm mùi thời gian và mòn gần hết tơ.

3) Vẽ bằng thuya mạc, điểm tròn chau phẩn, khiến cho trải qua bao nhiêu năm mà màu trắng không bị phai nhạt.

4) Chính giữa bức tranh và về phía trên có đóng một dấu son, nét son đã xuống màu.

5) Dấu son quắc bão đóng lên một dòng chữ đại tự chấn phương ghi câu :

### "TUYÊN HÒA NGỤ BÚT"

6) Bên phía ta là bài bạt của Đoàn Minh Điện Đại

Học sĩ Hạ Chấp Trung. Đại ý nói rằng : "Bé hạ đã dùng  
diệu bút, lấy màu sắc mà diễn tả một thế võ cánh vượt  
qua ngàn dặm, trông rõ như muôn bay muôn kêu. Thật  
là thần trí của Đức Vua ngang với Tạo Hóa vậy.

7) Bên hữu là thủ bút của hai danh họa Trường Châu  
và Đặng Sơn. Hai người này đã từng được mắt coi bức  
họa (Tá quan), nên ghi chữ làm bằng và có dấu son làm  
tín hiệu.

Nguyễn Văn Thư

# 5

## BẮC CẦU

1) *Bài thư nhâ... - Trà lời muộn cho Ông Nguyễn Văn*  
*Thư :*

Nguyễn tiên sinh nhâ giám.

Mấy lời vàng ngọc tiên sinh chỉ giáo trong Bách Khoa số 92, tôi giữ ký từ năm 1960.

Sở dĩ không trả lời lúc ấy, vì trong khi Ông nhẹ bước đường mây, tôi vẫn lận đận thân làm công nhục nơi Viện bảo tàng, cuối năm 1960, giao kèo tái tuyển châm kí, chén cơm gần muỗi vàng, bụng dạ nào ngồi viết chuyện hũ Tống và tranh "cầm điếu" Tuyên Hòe ?

Từ ấy, cánh bèo trôi giạt, nhô có một lần gặp Ông tại Huế đô, nhưng làm sao đủ thời giờ nhắc chuyện phù phiếm ?

Rồi cho đến nay, tôi đã về vườn, viết được 4 cuốn trong bộ *Hiếu cõ đặc san* tập 4 khảo về đờ sứ cõ Trung Hoa, có đoạn tả rõ hũ đựng cõi Tống đại.

Tập sê tôi số 5 là *Cánh Đức trấn đài lục* sê nói nữa về đờ Tống và các đài khác. Ngày nào mắt xanh bắt gặp, đó là ngày kè này chờ lời chầu ngọc chỉ giáo thêm của cõ nhân.

Mấy trang trước tôi chép y bài soạn của Ông, mà không viết bài trả lời năm trước. Ông muốn phúc đáp cũng không làm sao được, nên tôi dành ngay.

Quan hè diệu vời, tình nghĩa còn nhiều. Ngay năm nay đã 70, không biết còn diệu kiết lòn nhan và còn được bắt tay nhau?

Trân trọng kính báu,

V.H.S.

Gia Định ngày 27 tháng 10 năm 1971

2) *Bài thư nhì. - Kính tặng Ông Huỳnh Đắc Ứng ở Nha Trang.*

Bài tôi viết về chuyện "Tử chén trà Đại Tống đến tích Trâm Trịnh Ân" đăng trong Bách Khoa số 89 ngày 15-9-1960.

Tiền nhuận bút, tôi đã ăn trót lợt, lâu hoắc.

Ngoài bài của Ông Nguyễn Văn Thư trên đây, cách ba năm sau, tờ báo hàng ngày TỰ DO có cho in liên tiếp hai bữa, trong mục "NÓI HAY ĐỪNG", hai bài dài, số 1780 ngày 21-2-1963 và số 1781 ngày 22-2-1963, đều lừa nhan là :

**"BÀI PHIẾM VỀ SỰ TÍCH CHÉN ĐẠI TỐNG".**

Tác giả là Ông Huỳnh Đắc Ứng ở Nha Trang.

Về tác giả, tôi chỉ biết được bao nhiêu đó và đến nay tôi còn hối hận vì cho đến giờ này, tin tức ảm hao, diệu mạo, sức khỏe của Huỳnh tri kỷ (xin cho phép gọi là vậy), tôi cũng không rõ biết, như buổi ban đầu.

Hôm nay giờ tập hồi sơ cũ, soạn về "Cuốn sổ tay của người chơi cổ ngoạn", trước hết, tôi xin sao y nguyên văn hai bài của Huỳnh tiên sanh, để rồi tiếp theo đó, tôi sẽ ghi lại những gì tôi hiểu biết hiện thời về cái chén trà đời Tống và sự tiến triển của nghệ thuật đời Tống về đồ gốm, đồ sành.

Biết làm sao tỏ sự tri ân ? Nếu Huỳnh ngọc hữu đọc mấy hàng này và cho tôi biết địa chỉ, - đảng này tôi sẽ hỏi thêm nơi tòa soạn Bách Khoa, - tôi sẽ dâng sách đến nhà, thuộc những lối năm xưa chénh mảng.

Xin nhận lời và tri ân :

V.H.S (27-X-1971)

# 6

## BÀN PHIẾM VỀ SỰ TÍCH CHÉN ĐẠI TỔNG

*Bài của ông Huỳnh Đức Ưng (Nha Trang).  
(Trích báo TỰ DO số 1780 ngày 21-2-1963,  
mục "Nói hay dưng").*

**D**ỌC lại tạp chí BÁCH KHOA số 89 ra ngày 15-9 năm 1960, thấy ông Vương Hồng Sển có viết một bài với đề: "Tử chén trà Đại Tống đến tích tràm Trịnh Ân". Tác giả kể lại giá trị của chén ấy và trình bày cho ông bạn ngoại quốc, sự tích chén Đại Tống mà ông cho là ở sự tích Triệu Khuông Dần nghe lời Hán Tố Mai chém Trịnh Ân. Ông kể cho vị này nghe, rồi xác nhận chén Đại Tống, trước đó dùng để uống rượu, sau mới dùng uống trà, tác giả viết :

"Lúc ấy, người em thứ ba, thích huyết thè nguyễn, bộ ba "Sài Vinh, Triệu Khuông Dần, Trịnh Ân" (Trịnh Ân, sau Tống Thái tổ phong đến Nhữ Nam Vương), đã cùng nhau ăn máu uống thè, nguyễn lấy gương Đào Viên làm thè Lưu Quan Trương đời Tam Quốc, nay anh lớn Sài Vinh vừa mất, anh thứ là Khuông Dần lại truất ngôi của con Sài Vinh, từng gọi mình bằng chú, giành làm vua lấy, Trịnh Ân là người bộc trực, ăn ngay nói thẳng, hễ mỗi lần cú chén, "rượu vào lời ra", thường không dè đặt lời nói và mọi đói khi xúc phạm đến Tống Thái tổ. Chỗ anh em thì tha thứ được, mà nay là niềm

tôi chúa sao nên ? Bởi vậy, trong truyện *Tam hạ Nam Đường*, tác giả bịa ra chuyện "Xích tu long túy túu, Hắc hổ qui thần", để nhắc việc Tống Thái tổ, không biết say già hay say thiệt, nhè nghe lời sùng phi là Hàn Tố Mai, hạ bút trong cơn say, phê chữ "trảm" trên tờ sớ, để cho Hàn Phụng chém đầu Trịnh Ân, cơn say qua, thì đầu Trịnh Ân đã rụng !"

"Nhữ Nam Vương vương phi là Đào Tam Xuân, dãy binh quyết báo thù chòng. Non nước này, ta lại thấy ngón "giang hồ mã thương" của ông vua từng ăn cẩm dạo khắp xứ, quen gần đủ mặt gái sông hồ, tôi muốn nói Tống Thái tổ Triệu Khuông Dẫn. Vì để thủ tiêu một nhân chứng bếp xép lỗ miệng không ihua Tam đệ Trịnh Ân, Thái tổ bèn giả sợ oai Trịnh vương phi, nên nạp mạng ái phi là cục cưng Hàn Tố Mai cho Đào vő trạng Tam Xuân, để cho bà này lăn đèn đốt sống Tố Mai tể chòng là Trịnh Ân. Kế rất độc, một mũi tên giết hai con diều, vừa thủ tiêu một bà phi quá hiếu biết việc trong cung cấm (Tố Mai), vừa làm hết giận một nữ tướng giỏi, còn nhiều hữu dụng mai sau (Tam Xuân)."

"Sau khi làm hai việc có một không hai ấy, - chém bạn giết vợ, - có lẽ là vừa ăn năn vừa để chứng tỏ bản lĩnh cao cường của mình, Tống Thái tổ hạ chỉ giới túu từ đó cấm dùng rượu mỗi khi có lẽ sự, và khuyên nên dùng trà thay cho rượu, vì trà vừa tính khiết, vừa hiền hơn rượu, trà uống mãi không say, trà không làm hư hại sự."

"Vì thế, thừa tiên sinh Elissœuf, tôi, một tiêu sinh

nước Việt, dám nói : chén Đại Tống, trước kia dùng để uống rượu, sau đó đổi lại làm chén dùng để uống trà." B.K. số 89 tr. 12 và 13).



Chúng tôi thành thật mừng Ông Vương Hồng Sển ó của quý là chén Đại Tống; lại nữa chúng tôi thành thật nhận lối kể chuyện của Ông Vương Hồng Sển rất hấp dẫn, khi Ông kể sự tích chén Đại Tống của Ông cho Ông bạn Serge Elisseff nghe.

Sau đây tôi cũng xin có vài nhận xét riêng về chiếc chén Đại Tống để xem nó dùng vào việc uống rượu hay uống trà. Một vấn đề trên ngàn năm mà lại của nước người, không có một tài liệu nào chính xác, mà cứ như Vương tiên sinh kể trên, thời Ông bạn gốc Nga, Pháp lịch thế nào cũng tin mạnh rằng cái chén ấy trước dùng rượu sau lại dùng trà.

Theo chỗ hiểu của chúng tôi thời thuyết đó không đúng và Vương tiên sinh đã nêu ở trên là truyện "Tam hạ Nam Đường", tác giả bịa chuyện Triệu Thái Tổ nghe lời Hàn Tổ Mai trảm Trịnh Ân, rồi giết luôn Tổ Mai, để rồi lại phải hạ chỉ giới tửu..., tội chứng đó đã mâu thuẫn rồi. Và lại chính tiên sinh cũng cho là chuyện này là bịa, cho nên Ông cũng không tin chắc là trước chén Đại Tống dùng uống rượu, cho nên Vương tiên sinh đã phải nói : "Thưa tiên sinh, theo kè hậu sinh

này cho biết, có lẽ chén này, trước dùng uống rượu, sau đó đổi qua dùng làm chén uống trà". (tr. 11, B.K. số 89).

Thật ra, chén Đại Tống có phải trước dùng uống rượu sau mới dùng trà không? Về điểm này ta cần biết về cái chết của tướng Trịnh Ân thì sẽ rõ.

Như trên đã nói, tác giả "Tam hạ Nam Đường" bịa ra câu chuyện Triệu Khuông Dẫn giả say phê chiết trâm Trịnh Ân, chứ thật ra theo Nam Tống diễn nghĩa, thời lúc Triệu Khuông Dẫn đã được quân Trần kiều phủ áo bào lòn lèn làm hoàng đế, lập ra nhà Đại Tống thì ở Lộ châu có tiễn đạt sứ là Lý Quân không phục, liền kêu quân về đánh lại Triệu Thái Tổ tại kinh đô. Khuông Dẫn liền ngự giá thân chinh đi đe ép Lý Quân; lúc bấy giờ có Trịnh Ân, Cao Hoài Đức, Thạch Như Tín, Mã Tần Nghĩa, và năm muôn binh theo hộ giá.

Đoạn này trong truyện có nói rõ về cái chết của Trịnh Ân như sau :

"Khi ấy đại binh Tống Thái Tổ gần tới thành Thạch thành, thì gặp binh Lộ châu của Lý Quân vừa kéo tới. Thái Tổ liền hạ lệnh dừng binh lập trận thế rồi lên ngựa ra đứng dưới cờ mà hỏi Lý Quân rằng: "Nhà ngươi với trâm đều là cựu thần nhà Châu, nay phước trời đã lập trâm lên ngôi thiên tử, lẽ ra nhà ngươi phải khuông phò cho đe ép lòng bá tánh mới phải, chớ sao nhà ngươi lại phản trâm là nghĩa gì?"

Lý Quân giận lắm, nói rằng: "Nhị công ý thế chúa

mà đoạt ngôi vua, trời đất nào dung ? Nay ta đếm bình  
tới hỏi tội, nói cho nhà ngươi biết".

Triệu Thái tổ giận lắm, liền ngó chư tướng mà hỏi :  
"Ai ra chém thằng nghịch tặc ấy cho trẫm."

Sau đó có Trịnh Ân múa dao giục ngựa ra đánh Lý  
Quân. Hai bên đánh nhau hơn 80 hiệp. Lúc ấy bên quân  
Bắc Hán có tướng Lư Táng thấy Lý Quân đánh không  
lại Trịnh Ân, bèn lấy một mũi tên lắp vào cung rồi bắn  
một mũi trúng ngay mặt Trịnh Ân nhào xuống ngựa, nhờ  
có Cao Hoài Đức cứu kịp đem về trại.

Huỳnh Đức Ứng (Nha Trang).

\*

Qua ngày sau, 22-2-1963, báo Tự Do, mục "Nói hay  
đừng" cho in tiếp bài này :

### BÀN PHIẾM VỀ SỰ TÍCH CHÉN ĐẠI TỔNG (II)

Trịnh Ân bị tên nặc mè man. Thái tổ lo sợ, khen  
người mõ lấy tên ra, huỷt chày không ngọt. Lúc tỉnh  
lại, Trịnh Ân biết mình sống không nổi, liền than với  
Triệu Thái tổ rằng : "Từ khi tôi gặp bệ hạ đến nay, thì  
việc gì cũng chung có nhau trong sớm tối. Tôi cũng ước  
ao lo giữ mối giềng cho bệ hạ mau an bốn bờ, không dè  
nay gặp nước như vậy, chắc là tôi phải vĩnh biệt bệ hạ."

Thái tổ khóc rằng : "Khanh với trẫm, tuy khác họ  
mà niềm ruột thịt cũng không hơn. Nay khanh bị nguy

hiếm như thế này, nhờ thuốc men át cung khai đặng, bà tất khanh than điêu ấy làm như dao cắt ruột trám." Nhưng rồi Trịnh Ân thắc.

Sách còn chép rằng, lúc Trịnh Ân thắc, Thái tổ Triệu Khuông Dân vì quá thương cảm nên té xiu bất tỉnh nhơn sự, khiến chư tướng hết sức lo lắng.

Sách truyện không thấy đoạn nào nói Triệu Khuông Dân tỏ ý ghét Trịnh Ân, chớ đừng nói tới việc trám như tác giả Tam hạ Nam Đường bịa ra cả.

Theo ngụ ý, thời tác giả bộ Tam hạ Nam Đường là người nhà Thành đã bịa ra để xuyên tạc trao Tống đế làm cho nó có vẻ "não nùng ai oán", chớ một mình quân sảng nghiệp như Triệu Khuông Dân, người đã làm lụng danh đời Đại Tống, có lý nào lại nghe lời một mụ súng phi mà giết một danh tướng lại một nghĩa đệ bao giờ?

Hơn nữa lúc dịch bộ Nam Tống diễn nghĩa, ông Trương Minh Chánh, cũng đã phải nói như sau :

"Thứ nay ai ai cũng đều nói rằng "Trịnh Ân thắc là vì bởi Hàn Tổ Mai muốn trả thù cho chú mình, mà phục rượu cho Thái tổ say, rồi cầm tay phê chí chém Trịnh Ân. Đã vậy, thường thường hát bài cũng hát theo như thế. Nay tôi dịch bộ truyện này từ đầu chí cuối không thấy chỗ nào nói sự tích ấy kiêm cũng hết hơi, hoặc công thì có chớ chả thấy đâu. Có nhiều ông bác lâm quần thơ nói rằng : "Tích này không có trong sử Tàu; ấy là do người Thành đặt ra như vậy; mà nay bàn chánh mất rồi, nên xin chư vị miễn chấp."

Sử liệu Trung Hoa lưu truyền tại Việt nam, mà kẻ thiển học như chúng tôi, chỉ biết có thể, nên về sự tích chén Đại Tống, tạm kết luận như thế này :

- Nếu Trịnh Ân bị Triệu Thái tổ đời Đại Tống trảm, thời chén Đại Tống trước dùng uống rượu, sau lại để uống trà là đúng.

- Nếu Trịnh Ân chết vì bị Lư Tăng bắn, thì sự tích đó sai.

Mà đúng hay sai, việc đó không cần thiết lắm, tuy có điều chắc chắn nhất là chén Đại Tống hiện nay có trên ngàn năm và ở tại tư trang của Vương tiên sinh thì đó là một bảo vật vô cùng quý giá.

Riêng kè viết bài này, cũng chỉ vì tánh tò mò hay lục lạo sách vở, vậy xin Vương tiên sinh hãy xem đây chỉ là một việc :"đọc sách cũ, nói chuyện xưa" mà thôi.

Ký tên : Huỳnh Đức Ứng (Nha Trang).  
(Trích nhặt báo TỰ DO số 1780 và 1781  
ngày 21 và 22 tháng 2 năm 1963).

\*

## BÀN PHIẾM TRỞ LẠI CHIẾN TRÀ ĐẠI TỔNG CÒN TÀNG TRƯ TẠI NHÀ TÔI

**O** đời, có vay có trả. Sau tám năm (1963 - 1971) im hơi lặng tiếng, tôi phải trả lời. Đúng ra cũng không phải trả lời, vì biết hai ông bạn tri kỷ bây giờ ở đâu? Ông Nguyễn Văn Thư thì chắc chắn đường mây nhẹ gót, địa chỉ ông còn dễ kiếm; chờ như ông Huỳnh Đắc Ứng ở Nha Trang, bặt vô âm tín, mới khó làm sao?

Câu chuyện "Tử chén trà Đại Tống đến tích tràm Trịnh Ân", tôi tưởng đã lui vào dĩ vãng, không dè đến nay anh em bạn tôi gặp tôi còn nhắc, nhất là ông Huỳnh Đắc Ứng đã khơi từ năm 1963 về cái chết của Tướng Trịnh Ân, theo ông, là "tử tại trận tiền", thế là "hy sinh vì chúa", chết danh dự vì một mũi tên của Lư Táng bên phe Bắc Hán, chết như vậy phải nhắc lại để nhớ đời chờ há nào để mai mốt.

Huỳnh Tiên sinh đã dạy cho như vậy, và khiêm tốn hơn nữa, tiên sinh gọi rằng "bàn phiếm" mà thôi, chẳng qua là một việc "đọc sách cũ, nói chuyện xưa", chờ "đúng hay sai" không cần thiết lắm.

Bởi ý "không cần thiết", nên tôi mới dám "nói" tới ngày nay; và vì tiên sinh chỉ dạy "bàn phiếm", vậy tôi cũng xin "bàn phiếm" cho vui câu chuyện.

Tóm tắt lại, thuyết của Huỳnh tiên sinh là thuyết vừa nêu cao gương trung liệt của Trịnh Ân, vừa gõ gác cho Tống Thái tổ, cả hai đều được danh thơm. Thuyết ấy, tôi có khảo cứu rồi, chẳng qua là của nhà Nam Tống, sửa lại cho "Xuôi chèo mát mái". Tống Thái tổ khởi mang tiếng, nhất là vì không "ăn thua" gì với cái chén "trước rượu sau trà", nên tôi mạn phép đã lướt qua độ nọ cho khỏi rãm rà câu chuyện. Người Tàu họ hay lầm : sứ của họ nhiều khi họ không nhắc, vì sự dụng chạm đó đây; họ có cách nói khêu, họ chế ra tuồng hát, "bình dân hơn" và bởi vì "ngoại sứ" nên mặc tình thêm mắm thêm muối... Và đầu cho tích tràm Trịnh Ân rất xa sự thật, nhưng nó đã bị đóng đinh vào đầu anh thợ đồ gốm nhà Tống quá sâu, nên hắn có dịp là anh thợ ấy, nặn cái chén theo sự hiểu biết rất bình dân của mình, để cởi mở chút lòng, vì từ xưa đến nay, có chánh phủ nào được dân chúng bằng lòng, nhất là vua chúa thì thương hay độc tài, dận không nói được nên lời, thì để cho bọn nghệ sĩ tỏ ra lòng ấm ức, tội tình gì ta "vua hơn vua" (plus royaliste que le roi), nghe theo sứ là thuyết của vua tuy nhiều khi cũng đúng sự thật, nhưng cũng có khi, vua sai viết để che lấp những gì muôn được che lấp. Truyện rất khác với sử : *Tam hả Nam Đường và Nam Tống diễn nghĩa*, đều một thư, binh vực mỗi một ý nghĩa, người đọc truyện cần tìm cho thấy, thì mới thú vị, như giải được một bài toán đố.

Khi cầm cái chén Temmoku trên tay, thấy nó nhò nhít, uống rượu cũng được mà uống trà cũng xong, thêm càng đọc sách nghiên cứu về đồ gốm Tống và càng đọc

sách Pháp viết về đạn sứ nhà Tống, tôi mới viết năm đó dựa theo tuồng hát bội : chuyện "Xích-su-long tuy túu, Hắc hổ qui thắn", tôi viết bài luận nhỏ như đã thấy, ngụ ý ngầm chỉ trích một ông vua có tiếng là minh quân (mùa năm 1963 tôi từng sang chiêm chør dung trên bức tranh lụa quý tàng trữ tại lện bảo tàng Đài Bắc, và lúc đó khi đọc *Phi long diễn nghĩa*, tôi quý trọng như thanh thánh), thế mà có một án mờ ám giết bạn, sát thê, say thiệt, say giả ? Lời tục nói : "không có lửa, làm sao có khói?", và "cứ tách mới dịch ra tuồng".

Còn việc đổi vua Thanh nói xấu đổi vua Tống, là thế gian thường tình, nhà viết văn đổi Tống viết dặng có bay đầu ? Và dấu cho bịa, cũng có một phần nào gần với sự thật.

Tôi kính ông Huỳnh Đắc Ứng như bạn tri kỷ, nên tôi hơn thuyết của ai thì nấy giữ, thêm nữa về phần tôi, chữ Nho tịt mù, tôi rất sợ cuộc bút chiến. Nhưng thắng đui nhờ có giác quan thứ sáu, tôi không đui, nhưng dốt chữ Hán thì tôi đọc và tìm hiểu qua chữ Táy, vừa sách nghiên cứu nghệ thuật, vừa sách khảo về lịch sử, Tôi sẵn lòng phục thiện, chuyện chén trà hay chén rượu, xin dể y như vậy, không tội gì làm cho "bình địa khôi phong ba" trong một cái chén lớn không hơn tròng mắt con trâu, nhứt là Trịnh Ân đã chết, và "tử giả biệt luận."

Duy đã gọi bàn phiếm, trên chiếu di tìm hiểu nghệ thuật có xin hãy tha thứ cho nhau, và trong khi di khai thác dể hiểu, xin cho phép tôi kể lại như sau, - gọi dể

thêm vui câu chuyện. - những gì tôi đã khám phá trong khi đọc sách, một phần thuộc chánh sử, một phần thuộc sử của nghệ thuật (*histoire de l'Art*), và những khía cạnh tôi đã học lỏm với cõi bắc và ngoài đường ngoài sá, vì lối tôi, không có trường dạy và không có thầy hay như bây giờ. Nếu tôi nói sai, xin chư tôn chỉ giáo, tôi xin vạn tạ. (Trong bài đăng B.K.89, mấy câu "có lẽ..." "tôi tưởng..." là một cách nói để đặt người đọc ngang hàng với mình, cho câu chuyện dễ trôi, chờ hễ mình quả quyết, thì một là mình vô duyên, hai là độc giả dám ra nghi ngờ, tôi khai huých tết, không phải tôi làm phách mà vốn muôn gởi gắm chút gì cho các anh học trò cũ, nếu đã ra trường mà còn tìm đọc sách của tôi.)

Một điều tôi quan trọng, là trong tầm mắt chuyện môn mặc dù có gần đỗi chút là đến nay tôi còn tin chắc đến gần dám quả quyết, cái chén tàng trữ trong tủ nhỏ tại lè xá, vốn thật là một di vật đời Đại Tống. Xét ra nó cũng không quá gì lầm, vì vẫn nhiều người có, chờ không phải một mình tôi. Nhưng bởi ngày nay có một đại quốc gần Trung Hoa, chuyên làm chén giả, khó phân biệt xưa nay, cho nên tôi mới dám lấy chút hiểu biết riêng, tưởng thuật ra đây, dặn bà con khá nêu đề phòng, không nên quá ham mà mua làm đồ giả. Chỉ có thế thôi. Đó là chén "*bol Song, fourrure de lièvre*", nay mới biết dịch "*chén Tống, Thố hào trán*" (xin xem bộ "*Khảo về đồ sứ cổ Trung Hoa*" và bộ "*Cánh Đức Trần đao lục*", nói rành rẽ hơn).

Chén này, năm 1960, tôi định làm vào đời Tống

Thái tổ, lối khoảng năm 960, tức được 1011 tuổi có đư (1971 - 960). Nhưng năm nay, với chút kinh nghiệm già hơn, dựa theo danh từ ngày nay cũng gọi chén Kiến (tasse Kien), nghiệm ra "Kien" là chữ tắt trong "Kien ngan" (Kiến An) hoặc "Fou kien" (Phước Kiến) là nơi sản xuất loại chén này, vậy thì chén thuộc đời Nam Tống (1127 - 1279), và có ít nữa 844 tuổi (1971 - 1127). (Sở dĩ tôi không kể năm 1279, vì năm này nhà Tống mất nước, làm gì chế tạo đồ (từ khí nữa). Phàm, trong nghề khảo cổ, tuổi của mỗi món cổ vật, đều được phép dời qua xít lại theo lập luận khá vững chắc và mở kinh nghiệm đích xác của mình, chờ không ai dám dùng những danh từ quả quyết, như "rựa chém đất" bao giờ. Trừ phi, gặp lại những món quá quen thuộc, từng nghiên cứu rồi, thì mới dám định tuổi món đồ liền khi đó, để lấy lệ, cho người ta thấy mình lão luyện.

Một điều thứ nhì là tôi thấy chén tại nhà, nơi đây và chung quanh phía ngoài có một thứ ẩn quang sáng sáng, chỗ mờ lu, chỗ chớp chớp, đó là cái mà Pháp gọi "traces d'irisation", trong sách Tàu có khi gọi "thủy ngân lầm" (traces mercurielles), đó là triệu chứng chén lâu đời lầm, đã cao niên lầm. Tiện đây, trong B.K. 92, thấy Nguyễn quân dạy rằng "đồ Tống mát và nặng, vì nguyên liệu chế tạo là một thứ sa thạch" (tr. 14). Tôi không dám cãi với Nguyễn quân và xin ghi nhớ để học thêm. Riêng đây, tôi từng nói trong bộ "khoa vè đồ sứ cổ Trung Hoa" số 4 trong bộ Hiếu Cố Đặc Sản đã phát hành. Trong ấy, tôi có mạn phép ông Đào Duy Anh, vắng mặt, rằng : trong Tự điển Pháp Việt do Đào quân

sau, nhà Minh Tân xuất bản lần hai tại Paris, thì Đào quân dịch :

"Grès n.m. Đá sỏi, sa thạch. - 2 Đồ, bình bằng sa thạch. *Grès flammés ou flambés* : đồ gốm bằng sa thạch.

Về nghĩa số 1, tôi xin đồng ý với Đào quân.

Còn về nghĩa số 2, tôi xin mời nhị vị lật cuốn *Petit Larousse*, sẽ thấy : Grès n.m. (empr. au francique).

1. Roche sédimentaire formée de grains de quartz réunis par un ciment siliceux ou calcaire, utilisée pour la construction ou le pavage (grès des Vosges).

2. Poterie très dure, opaque, formée d'argile plastique, de sable et de bases (chaux, baryte, etc), appelée encore grès cérame.

Về danh từ 2, Đào quân định nghĩa như trên : "Đồ, bình bằng sa thạch" lại thêm : grès flammés ou flambés : đồ gốm bằng sa thạch."

Tôi lấy làm ngờ, vì dịch như vậy, có hiểu lầm, tai hại về sau cho người ít học tiếng Pháp. Dựa theo câu diễn của *Petit Larousse*, poterie très dure..., tôi hiểu : trong loại grès, có đất sét dẻo (*argile plastique*) có cát (*sable*), vôi (*chaux*) và base (trong đó, loại đất rất nặng như *baryte*) như vậy mà Đào quân dịch "đồ, bình bằng sa thạch". Và Nguyễn quân ở đây cũng dạy rằng về chén Tống, "nguyên liệu chế tạo là một thứ sa thạch."

Tôi xin nhị vị, học nhiều hơn tôi, xem lại và dạy cho.

Tôi không nói khiêm và thật tình muốn thỉnh giáo.

Cũng trường 14 B.K. số 92, Nguyễn quân nói gốm Tống chế tạo rất ít, thỉnh thoảng, vua ban cho các đại thần và các quan cho lại thân thích để truyền từ lưu tôn, làm kỷ vật.

Tôi đồng ý với Nguyễn quân rằng gốm Tống làm ra rất ít, và các quan khi được thi cất để dành làm kỷ vật truyền từ lưu tôn.

Nhưng đọc trong bộ *Cảnh Đức Trấn đảo lục*, một chỗ có nói : mỗi lần lò nào làm đồ ngự dụng nạp vào cung vua, thì có lệ "mỗi trăm món đăng vô, lựa lấy mười" trả lại "chín chục", và "mỗi ngàn món nạp, thì trong Nội phủ trả ra chín trăm", như vậy người chủ lò cũng khôn quá, có lỗ lả chỉ mà sợ, vì các món sa thải được miễn thuế mà chờ, lại đâu hèn cũng thế, cũng là đồ đặc biệt "ngự dụng". bán rất chạy, ē ẩm chí mà ngại. Tôi không biết đời Tống đã có phong tục này chưa, xin mời Nguyễn quân mua giùm một cuốn khảo về đồ sứ cổ Trung Hoa và một cuốn *Cảnh Đức Trấn đảo lục*, một ông tòa không đến nỗi nghèn, mà thằng già mửa máu viết sách, đỡ biết mấy. Chừng ấy, Nguyễn quân sẽ đọc và dạy cho. Nếu muốn chữ ký, tôi sẽ không tính tiền thêm.

Xin Nguyễn quân đừng giận. Tôi cũng ngừng nơi đây, nhưng cũng nói với rằng Nguyễn quân đừng danh từ "đồ sứ Tống", tôi không dám thổi lồng tim vết, nhưng riêng phần tôi, vì sách cũ đã dạy, nên cũng vì "méo mó nghèn nghiệp", xin thày lay :

T'ao = dào, là danh từ dùng đến đời Đường.

Yao = Dao, diêu, danh từ có từ Đường về sau, để thay cho "dào".

Yen = Diêu và Yen = dudu, vân vân (tôi gần đây cũng vì mấy chữ này, nay không tiện viết ra Hán tự vì tốn kém) đều dùng để gọi porceric, porcelaine, còn chữ "Sứ" (do từ khí) thì có từ đời Minh, hoặc đời Thanh đây thôi, mà tôi riêng muốn để dành dùng gọi "đồ sứ là đồ đi sứ mang về = porcelaine diplomatique, ou porcelaine d'ambassade. (Trong Nam, porcelaine là đồ sành, tốt hơn nữa là đồ kiều (để làm kiều : porcelaine d'échantillon); tốt hơn hết là "đồ sứ : porcelaine d'ambassade). Về Poterie Song, tôi dịch là đồ gốm đời Tống.

Nay giờ tôi nói nhiều, là vì lâu ngày nhớ Nguyễn quân nên muốn giải bày những gì tìm tôi được hãy lâu chờ không khi nào dám múa rìu qua mắt thợ, đúng hơn không dám "đánh trống trước cửa nhà sấm" vì Nguyễn quân vốn là một vị cầm cân này mực bên pháp định. Và tôi vẫn : thành tâm thỉnh giáo.

Để vui câu chuyện, gồm trong hai chữ "bàn phiếm", tôi xin dọn đường bằng cách trình bày ra đây những tài liệu tôi thâu hái được trong khi đọc vài sách Pháp. Nhưng tôi xin thanh minh : các tài liệu này nghiên cứu về khía cạnh nghệ thuật đồ gốm đồ sành gọi Tống diêu hơn là sứ đời Tống. Tôi cố gắng giải thích theo sức tôi, vài đoạn sứ của nghệ thuật Tống. Phàm muốn nghiên cứu một đề tài sứ liệu gì cho chu đáo, ít nhất phải

thông thạo và lão luyện chữ nghĩa cổ văn, kim văn của nước đó. Nay lấy chuyện Trung Hoa đời Tống ra nói như tôi đang làm, mà không đọc được chữ Hán và cũng không đi được đến tận chỗ thấy tận mặt những đồ gốm, chén bát, di tích các lò đúc Tống sót lại bên Trung Quốc, chỉ dựa theo một bản dịch từ Hán tự qua Pháp văn của cố Wieger, gọi *textes historiques*, in năm 1905, dịch lại lần nữa như tôi đây mà vẫn có chỗ dịch chưa bằng bụng vì không đủ tài, có chỗ lại tự thêm phần nghe thấy của mình vào cho sáng câu chuyện, kê ra một bản Hán văn dịch qua Pháp văn rồi dịch lại lần nữa từ Pháp ngữ ra Việt văn, tôi thú nhận là đã làm một việc "bạo hổ bằng hà" (1) nhưng tôi có chỗ miễn thứ là tuổi đã không chờ ngày chết, tài liệu này lấy cuốn kèn cũng không đủ liêm, thời thì cứ in ra mặt giấy, mong các bạn có dịp sẽ bỏ túi giữm những sơ sót không thể tránh.

Trong những bài lần lượt kể sau đây, tôi cố gắng viết lại những chuyện tôi thấy biêt có ảnh hưởng nhiều vào mỹ thuật Trung Hoa, như là về đồ gốm đồ sành, của các vua :

- Nhà Hậu Châu, từ Quách Oai, Sài Vinh,...

---

(1) **Bạo hổ bằng hà** : Rất hổ tay không; không thuyền bè. lội qua sông dữ; làm việc khó.

- Về chén Tống, người Nhật gọi *Temmoku*, theo sách Pháp (không nhớ cuốn nào), *Temmoku* át do ba chữ Tàu đọc giọng Nhật, dịch là *Thiên mẫu soi*; một chỗ khác dịch "Thiên mục thiui", thú thật không biết bản nào dịch đúng.

- Nhà Đại Tống : Triệu Khuông Dẫn, Triệu Quang Nghĩa, Huy Tân, Cao Tân, v.v...

\*

### Đời Hậu Chu (951 - 960).

T'ai tsou (Thái Tổ) (951 - 954) - Châu Thái tổ, Quách Oai, từng nói với tể tướng Vương Tuấn (Wang Tsouunn) : "Trẫm từng sanh trong cảnh hàn vi, sống trong cảnh hoạn nạn, nay được làm vua do một cuộc khởi nghĩa từ binh dân đưa đẩy lên, bởi vậy nay trẫm không lòng nào quên gốc nguồn và dám phạm đến "dân đen con đò."

Khanh hãy ra truyền rao cho dân chúng biết từ nay trẫm bảm bảm tục cũ bắt dân nộp lỗ vật cho vua chúa."

Một khi khác, ông lại nói : "Trẫm xuất thân vô tướng, kém học, nên không rõ đạo trị dân. Phàm chư khanh, văn quan cũng như vô thần, người nào biết cách đem lại cho lê dân sự ấm no, hạnh phúc, thì cứ tâu bày cho trẫm rõ."

Khi Thái tổ thấy các món ngoạn phẩm xinh tối sỏi lại trong cung vua Hậu Hán, thì phán rằng : "Nực cười các vua chúa lốp trước khéo say mê những vật vô dụng như mấy món này. Hãy dẹp và hủy bỏ hết cho trẫm đừng thấy nữa. Tự hậu trẫm không muốn ai đem vào đây, những vật xa xí phẩm, dẹp mắt thì có chớ không dùng được chỗ nào, gọi rằng có ích."

Năm 952, Châu Thái tổ cầm binh đi dẹp giặc, binh đến Khúc Phụ (K'iu-fou), Thái tổ vào khẩu bái trước bài vị đức Thánh Khổng, khi vừa toan sụp lạy, cản thần ngăn lại, rằng : "vua không phép lạy tôi". Thái tổ nạt : "Khổng phu tử là thầy của vua chúa trong muôn đời. Tại sao trẫm không lạy được ?"

Lạy nỗi thờ bài vị rồi còn ra lạy trước lăng mộ và truyền rao không cho phá phách động đến lăng.

Năm 953, Thái tổ phong Sài Vinh làm thái tử, cho ăn họ, đổi là Quách Vinh (K'uo-Joung).

Tử trước, có lệ tế trời tại Lạc Dương (Lao Yang). Thái tổ khởi tiên bày tế tại Khai Phong phủ (K'ai-fong-fou) là kinh đô của Hậu Châu. Thái tổ dạy lập hai đàn, một thờ thần đất đai, một thờ thần mùa màng, và dạy lập miếu thờ tổ tiên họ Quách.

Năm 954, Thái Tổ yếu nhiều, không bỗn thân đứng chủ tế được và cho Thái tử Quách Vinh thay. Khi lâm bệnh nặng, bèn đòi Thái tử đến gần long sàng mà phán rằng :

"Trẫm từng thấy mười lăm lăng các vị đế vương Đại Đường bị quật lên, bày xương cốt tồi tàn, chẳng qua vì theo tục cũ, ham chôn nhiều chau báu theo xác chết. Khi trẫm băng rồi, hãy liệm thây trong y phục giấy, dùng hòm quách băng đất nung, cẩm dùng đá xa hoa xây huyệt mả, nên dùng loại gạch lầm thường, nếu có đào cũng không dùng lại được nữa. Khi táng cũng dùng ép dân khiêng vác nặng nề, hãy lựa chọn ba mươi gia đình gần lăng giai việc coi sóc quét tưới sạch sẽ và được miễn thuế

đời đời. Cũng đừng chôn người sống và sinh thú theo trâm, duy đặt trước mộ người đá, hổ, ngựa, dê bằng đá là được. Nếu sau này có ai chỉ trích vương nhi là bón sén, thì hãy trả lời, đó là lệnh của phụ vương trối lại. Nếu con cái lời này, phụ vương dưới Suối Vàng, sẽ không ban phước cho con đâu". Câu chót như trước đã có nói, là : "Con nhớ chạm trên bia trước mộ hai câu : *"Châu thiên tử bình sanh hao kiem, Di mang dung boi y ngoa quan"*.

*Lời bàn của tôi.* - Vua Châu Thái tổ là người có bản lĩnh. Dối thì xưng rằng dối, dù thấy sự anh hùng. Không thâu lẻ vật của dân là liêm, lạy trước bài vị Khổng Tử là lễ, ghét đồ xa xí phẩm là giàu kinh nghiệm, bày sự cúng tế tổ tiên, là hiếu, bái lệc chôn người sống, thú vật sống là nghĩa. Về phương diện chôn xác trong quách bằng đất nung, phải chăng ông là người chế ra tục lệ này (urne funéraire), hay tục này đã có từ đời Đường, theo đạo Phật, nên dùng hỏa táng. Một ý nghĩa khác của sự chôn trong quách sành, là đời ấy lặn ly không ngót, chôn có xây mộ lớn, sợ giặc đào, chỉ bằng thâu gọn xác chôn vẩn tiều sành dẽ giấu, sau này sẽ mai táng trọng thể hơn.

Ông vua nối ngôi, lại còn đi xa về cải cách hơn nữa, và ấy là :

*Châu Thế Tôn Sài Vinh (Chéu-tsoung) (954-959).*

Sài Vinh, sau đổi là Quách Vinh (Kouo-joung), nối ngôi Quách Oai (Kouo - Wei) năm 954s. T.l. Vua này có can đảm làm nhiều việc phi thường :

- Năm 955, Châu Thế Tôn ra lệnh, ngoại trừ binh khí,

lẽ khí, chung kiêng nhà chùa, còn lại nào tượng cốt Phật bằng đồng, đều phải nạp vào kho nấu thết lấy chất đồng để đúc tiền, vì thuở ấy hút kém tiền đồng dữ lắm. Nhưng mặc dầu linh nghiêm, dân mài mê tín, không dám xài tiền do cốt Phật nấu ra, và đồng *Châu Nguyên Thông Bưu*, dân không xài, và cất giữ l. Để đeo làm bùa hộ mạng, tiền tệ lại càng thêm hút kém hơn trước. (Về sau thấy lợi, bọn trục lợi làm tiền Châu Nguyên giả hiệu rất nhiều).

- Sài Thố Tôn sáng ché gồm Sài Diêu (Tchai-yao) (Về tiền Châu-Nguyên và gốm Sài Diêu, xin xem trở lại bài đầu, đăng trong tập này từ trang 70.

Năm 958, Thố tông ngự giá thân chinh, đánh dẹp Nam Đường. Rồi ông lại hưng binh đánh phạt Khiết Đơn (les Tongouscs K'i-tan), nhưng nửa đường thọ binh rồi băng, tuổi chưa đầy ba mươi chín.

Năm 959, Triệu Khuông Dẫn (Tchao-k'ouang yinn) còn giữ chức Tiết Độ sứ tại Qui Đức phủ (préfet de Kwei-tei), kiêm Điện tiền Độ kiêm diêm.

### *Châu Cung đế* (Koung-li) (960).

Sài Vinh mất rồi, con trai là Quách Tông Huấn (Kouo-tsoung-hunn), vừa bảy tuổi đầu (1), lên nối ngôi cha. Các tướng vũ, trong thâm tâm, không phục một ông vua còn trừng nước làm vây, làm sao biết xét công lao của mình. Giặc Khiết Đơn nổi dậy, Triệu kiêm diêm được lệnh kéo binh đi tiêu trừ. Bình mã vừa đến cầu Trần Kiều thì trời

---

(1) Yêu số, mới năm 973, 18 tuổi.

cũng vừa tối. Truyện đóng trại nghỉ ngơi. Chiều hôm ấy, mặt trời hiện ra hai quầng trên không-trung (Pháp gọi *Parélie, parhélie*). Ngày nay, ta biết đó là một hiện tượng thiên nhiên hằng thấy, do hào quang phản chiếu vào mội đám mây có nhiều giá tuyết rơi ngược tia sáng lại nhau. Nhưng vào giữa thế kỷ thứ X, lòng người còn tin nhiều vào điều lạ (như thực, sao chổi, v.v...), quân sự là Miêu Huấn (Miao-hunnn-hao) bàn rằng mặt trời sanh đới là điều phải thay vua khác, vì đời sắp đổi mới. Các tướng sĩ trong lúc ấy không ngờ xầm xì xậm xịt, dum nǎm dum ba, bàn tán về việc hai mặt trời, trọn đêm không ngủ... Nhóm này nghĩ Cung đế bê thơ c không biết xít công lao; nhóm khác phê bình chỉ có Khuông - Dẫn là báy lâu rất được lòng tướng sĩ... Trong khi ấy, sau rõ lại có em Khuông Dẫn là Triệu Quang Nghĩa (Tcháo k'cung-i) dọn đường, làm tay trong, ám trợ đủ mọi cách và một mặt Quang Nghĩa sai người thám tin bay ngựa về kinh đem tin sắp đặt cho các tướng còn ở tại triều rõ tự sự, một mặt khác, Quang Nghĩa dẫn đầu, thửa lúc trời nhá nhem chưa sáng, kéo rốc bộ hạ chư tướng vào trung dinh, đỡ xóe Khuông Dẫn dậy, lúc ấy hơi men còn nồng, - khoác huỳnh bào lên vai, rồi chư tướng lạy mlop tung hô vạn tuế. Xong rồi, đỡ Khuông Dẫn lên ngựa, kéo binh trực chỉ trở lại kinh đô. Khuông Dẫn đêm qua say vùi, nay tỉnh rượu, ngồi trên tuấn mã gò cương la lớn : "Chư hiền đệ làm việc này chẳng qua vì mấy chữ "Phú Quý Công Danh". Để cho ta nói đồi lời như thuận tình thì luôn luôn phải nghe lời ta, bằng ngày sau đồi ý bất tuân lệnh ta, thì thà hôm nay các em lừa người khác, chứ ta không ưng làm điều trái ngược như vậy."

Các tướng sĩ, một lần nữa, thề quyết không nhị tâm. Khi ấy Khuông Dần đưa ra bốn điều : thứ nhất, không phạm đến Sài mẫu hậu; vợ Sài Vinh, là chị dâu mình; thứ hai, Cung đế vốn gọi ta bằng chú, tức cháu của ta, các em không quyền sát hại; ba là các quan lớn nhỏ tại triều, vốn cùng ta là cố tri bạn cũ, phải để sanh tồn; bốn nữa, các cung điện lăng tẩm Hậu Châu, không nên phá phách.

Binh kéo về Khai Phong phủ, mọi việc đều dàn xếp ổn thỏa, quả nhiên không tổn một sanh mạng nào.

Đến đây, nhà Hậu Châu đếm được ba vua : Quách, Oai, Sài Vinh, Sài Tông Huấn, chia nhau trị vì được mươi năm (951-960).

Đời Ngũ Đại Tần Đường, cộng năm triều đại, được mươi ba vua, kể tám họ khác nhau, trị vì năm mươi bốn năm, thì dứt, nhường chỗ cho nhà Đại Tống. Trong số, Châu Thế Tôn Sài Vinh được tiếng thơm là hoàn toàn nhất, hiền, sáng suốt, nhơn đức, đáng là một bực minh quân. Ông mất rồi, nhơn dân đều mến tiếc.



### Đại Tống, nhà Triệu (Dynastie SONG, famille Tchao) (960-1279)

Triệu Khuông Dần, xích diện liên mi, nay viễn bảo tàng Đại Bắc còn giữ một bức chân dung tôi lừng được thấy, nguyên quán ở Trác quận (Tchouo-tchou). Khi lèn ngôi, dời g đô tại Khai Phong phủ như trước. Việc làm

đầu tiên là lập miếu thờ tổ tiên và tuyên bố chọn Khổng giáo làm quốc đạo. Thái tổ dạy mở thêm trường học. Từ trước thờ chư Thánh bằng bài vị gỗ, nay chế ra đúc tượng và vẽ hình bày nơi các học viện trong nước.

Thái Tổ giữ thói quen như cũ, ban đêm thường giả dạng thường dân ra ngoài phố vừa ngao du chen lén trong chúng dân y như buồm thiều thời, bôn ba khắp xứ, khi bị vua Hậu Hán họa đồ hình lùng bắt, vừa dùng dịp ấy dò xét dân tình. Các quan thường hay can gián, rằng buồm giao thời, nhơn tâm chưa ổn định, không nên đặt mình rồng chung với tép lôm. Nhưng Thái tổ gạt ngang, định ninh "đã là bực chí tôn, đì đâu đã có bá linh phò trợ, nếu xảy ra việc gì, không qua mạng trời."

Năm 961, mẹ là Đỗ Thị, nay là Thái hậu, đau nặng. Thái tổ vốn là người con chí hiếu, ngày đêm săn sóc sóc mẹ không rời. Khi biết mình khó thoát, Thái Hậu dạy đói Triệu Phô (Tchao-pou) vào viết tờ di chúc.

Thái hậu hỏi vua : "Vương nhi có biết nhờ gì ngồi báu về tay con chẳng ?".

- Nhờ đức dày của tổ tiên để lại; nhờ phúc đức của mẫu hậu, nên con mới được như vậy.

- Vương nhi xéi như vậy cũng phải dò chút, nhưng phần khác, là vì nhà Hậu Châu cạn xéi, đặt ngôi báu trong tay ấu chúa còn trưởng mén ngây thơ. Bởi vậy không dù gây tin nhiệm. Nếu lúc trước Cung đế đã trưởng thành, chưa chắc ngôi cửu ngú về tay Vương nhi. Vậy nay ta hãy lấy gương ấy làm răn. Theo ý mẹ ao ước cho đến nay, con nên

lần lượt sau này truyền ngôi lý như cho các em, luôn chuyển từ con qua tay Quang Nghĩa, rồi qua tay Quang Mỹ, đến chưởng Đức Chiêu (con của Thái Tổ) khôn lớn. Quang Mỹ sẽ giao quyền cai trị trở lại. Như vậy ngôi báu luôn luôn luôn phiên được ở trong tay người trưởng thành kinh nghiệm đủ tài đủ trí, thì khỏi lo sự phế lập áu quān.

Thái Tổ mỗi mỗi đều vâng lời, khóc lạy mẹ, sai Triệu Phổ qui, ghi chép lời di chúc, mà sau này Quang Nghĩa bội tín chẳng vâng theo. Thái hậu trối rồi thì tắt hơi.

\*

*Sự thiển cận của Thái Tổ là đầu mối của sự lụn bại của Trung Quốc sau này.*

Thái Tổ thấy cái họa phiên trấn dời Đường và dời Ngũ Đại, lòng hăng hăng lưu ý. Thái Tổ rất ghét cái gươong tướng sĩ mạnh thế, tự chuyên, thường làm cái việc ủng lập Hoàng đế, mà chính mình cũng là do binh lính tôn lên; nên khi lên ngôi và bắc thê vững chắc rồi, thì Thái Tổ tìm hết cách để giảm binh quyền các tướng ngoài phiên trấn, và làm cho quyền ở trung ương được vững mạnh thêm.

Vì vậy, khi các phiên trấn có khuyết, Thái Tổ cho các quan văn ra thay lại đặt ở các châu, chúc Thông phán coi, việc quân chính và dân chính, phải tâu mọi việc về triều đình biết; đem các quan trước kia thuộc các Tiết độ sứ về trực thuộc quyền cai trị của chính

phù trung ương; đặt ra ở các lô chức Chuyển vận sứ trong nom về tài chánh, sổ thu được, trừ sổ chi tiêu trong lô, còn lại bao nhiêu đều gom hết về triều đình; sai các châu chọn lính mạnh đem về kinh cho nhập vào đạo cấm quân, còn lính già yếu thì ở lại các châu làm sương quân, cứ mỗi năm cho lính cấm quân và lính thủ ở biên trấn đổi chỗ nhau một lần, để cho các tướng sĩ khỏi quen thân nhau mà được mạnh thẽ, kẽi vây kết cánh, phép ấy gọi canh nhung. Các tướng công thần như Thạch Thủ Tín (Ông Huỳnh Đắc Ứng gọi Thạch Như Tín), như Vương Thẩm Kỳ là những cố nhân có công trận lớn với vua, được giao giữ cấm quân, nhưng sau đó, Thái Tổ dùng lời nói khéo làm cho các tướng ấy phải tự xin giải lước binh quyền (1)

- 
- (1) Đây là kẽ gọi "bồi lười trich binh quyền" của Tống Thái Tổ (vẫn già say đê đê nói chuyện). Một hôm vua thết tiệc rượu, mời Thạch Thủ Tín, Vương Thẩm Kỳ... Tiệc vừa mèm mõi, Thái Tổ sai duỗi kè tê hưu ra, rồi nói với bọn Tín, Kỳ : "Lâm thiên tử có vây mà khô khăn, chờ không được vui sướng luôn như lúc làm Tiết độ sứ. Trẫm thường ăn ngủ không yên."

Thủ Tín hỏi vì sao; Thái Tổ thở dài đáp : "Ngồi cao quý này, ai lại không muôn ? Thủ Tín lại đặt câu : "Bệ hạ sao lại nghĩ thế ? Thiên mang đá đinh. Ai còn dám nhì tâm ?" Vua nói : "Các khanh thì có nhiên, trẫm tin được. Nhưng bọn thù hạ, ai là không ham phú quý ? Phòng như mọi ngày kia, họ đem hoàng bào đắp vào mình khanh, khanh không muôn cũng không được ! Việc binh biến Trần Kiều trước kia phải để phòng."

Thạch Thủ Tín và Vương Thẩm Kỳ hiểu ý, sáng ngày cáo hịnh, xin giải chức tử quan.

Thái Tổ chấp thuận và an ủi : "Nay chư khanh còn khương kiện, hãy cùng trẫm tận hưởng chuỗi ngày còn lại. Chư khanh về làng thủ vai

Các chánh sách ấy tuy nhất thời trừ được các tích lè (như ngày nay họa đảo chánh của bọn quân phiệt), nhưng về sau kết quả rất tai hại :

1) Cứ theo phép *canh nhung*, binh lính thay đổi nhau luôn, thành thử không hiểu rõ tình thế địa phương nơi biên trấn, thêm nữa các văn thần lại không thể luyện tập, khi lâm sự không thể chỉ huy, vì vậy khi chính chiến, chưa gặp địch, đã tan vỡ trước khi giao chiến.

2) Các quyền binh đều thu về trung ương cả, khiến nên những người có tài ở các địa phương không có chỗ dùng, phải rút về kinh đô, nhưng ở đây chức vị đã có hạn, một là không cất đầu lên được, hai là có nạn tranh giành rồi kết thành phe đảng khuynh loát nhau từ chút;

---

(1)

hương lão, việc nước đã có đoàn hậu lái gánh vác. Khi đây chúng ta dời dời kết làm thông gia, cha truyền con nối, chẳng hơn là nay còn bón danh trục lợi, quên cái già lái thẩn theo sau".

Thái Tổ ban thường cho các tướng rất hậu. Còn truyền tụng, đời Tống, Thái Tổ miễn thuế dời dời hòn Hoa Sơn cho Trần Đoàn vì năm xưa thua một ván cờ. Cũng đời Tống chế ra lệ ban "đom thợ" (bằng cấp bằng son), và "thiết khoán" (bằng khoán bằng sắt), "kim sách" (sách bằng vàng thật) để con cháu công thần (như Sái Tân trong truyện Thủy Hử), cứ giữ và trao lại con cháu những báu vật ấy mà hưởng lộc. Tống Tộ cha truyền con nối. Lời ước thệ của Thái Tổ giao kết với các công thần cũng rất nên thơ. Đó là câu "Đái lệ san hà", (tức khi nào Hoàng hà nhỏ còn bằng giải thất lưng, Thái san bé còn như viên đá mài, khi ấy dòng họ trăm mới có thể quên, công án khai quốc) - lời thề thiêng lâng thiêng vì *đái* là dai áo, *lệ* là đá mài

3) Thâu nhũng kè thất nghiệp, du đảng dữ tợn làm lính, gặp lúc đói kém, thường dùng cách chiêu binh để làm chánh sách cướp hoang, - tuy cũng có chỗ hay, - nhưng về lâu sẽ lính tăng lên mãi, phí tổn cho chánh phủ thêm nhiều, tài chính trở nên kiệt quệ.

Cho nên đời Tống, chỉ có hai đời vua Thái tổ và Thái tông, khoảng mấy chục năm là dân chúng tận hưởng thái bình, qua các triều đại sau, các bộ lạc Liêu Kim Hạ, Mông Cổ xâm phạm bờ cõi, các địa phương mất lực lượng tự vệ, không chống cự nổi.

Về sau, hai vua Tống bị binh Phiên bắt đi hành hạ đến mất nửa phần giang san phương Bắc, nhà Tống chạy dồn về Nam, cái kẽ "bởi tửu trích binh quyền" chỉ tránh nạn gần mà nạn xa không thấy, vua Thái Tổ mưu sâu hóa ra cạn là vì vậy.

Năm 962-963, Thái tổ ra lệnh cấm thiêu xác (hỏa táng). Do điển này, ta biết từ đời Ngũ Đại Tàn Đường, loạn lạc không dứt, nên dân gian theo Phật giáo, dùng hỏa táng cho gọn, và theo lối, những hũ đựng cốt (urnes funéraires) rất thịnh hành vào đời Ngũ Đại Tàn Đường này. Từ 960, thái bình trở lại. Không giáo lại được chọn làm quốc giáo nên Thái tổ cấm hỏa táng là phải.

Theo sách Pháp của cố Wieger, đạo sắc chỉ thứ hai của Thái Tổ lại càng chứng tỏ sự anh minh của vua này. Nguyên trong công thần miếu, có bài vị của tướng Bạch Khởi được thờ từ vua Đức Tông nhà Đường. Thái Tổ viếng miếu, lấy tay chỉ bài vị Bạch Khởi mà phán rằng: "Thân

làm đại tướng mà đang tay sát hại đám ba quân đã quì lạy đầu hàng thì không phải mặt anh hùng. Hãy dẹp bài vị này và từ đây không thờ Bạch Khởi trong Công thần miếu nữa."

Năm 968, nhân dự buổi tế tự tổ tiên, Thái Tổ thấy bày đồ từ khỉ theo cổ lè, phán : "Tổ tiên trẫm vốn hàng thủ dân, làm sao dám hưởng vật cúng bày trong chén dĩa sang trọng này ? Hãy dẹp, dẹp hết đi, và mau mau dọn tể vật trong chén dĩa tâm thường, y như buổi sanh tiền của tổ tiên trẫm đã dùng thuở trước". (Lời nói đúng của một người chon thật và giàu kinh nghiệm, phong trần đã trải).

Năm 972, mưa lớn và lụt nhiều nơi. Quan thiên văn bàn vì âm thịnh, nên có lệnh sa thải nhiều cung nữ.

Năm 973, Cung đế (con vua Sài Vinh) ty tràn. Thái tổ dạy chôn theo bực Vương lè.

Nhưng nét đặc sắc nhất của Tống Thái tổ là lòng hiếu với mẹ, và rất thương em là Triệu Quang Nghĩa, vì đoạn này rất quan trọng, tôi xin được dài dòng, trước lược thuật hành vi của Thái Tổ, sau chép lại bản Hán văn và bản dịch Pháp văn ghi trong bộ *Textes historiques de Wieger* trang 1826, để chư tôn mặc tình xem đoán :

*Phản dịch đại lược :*

Thái tổ rất mến Quang Nghĩa. Thường hay đến nhà, thăm viếng và ban cho nhiều bảo vật. Quang Nghĩa đau, có lần phải dùng đến ngải cứu (moxa). Thái Tổ tự đốt

ngải trên da mình cho em thấy không đau và bớt sợ nóng. Thái Tổ thường khen em có tướng tốt : "long hành hổ bộ" (tướng đi như rồng, bộ như hổ).

Tháng mười năm 976, Thái Tổ băng, Quang Nghĩa nối ngôi. Đoạn này gay cấn nhất, tôi xin đọc nguyên văn dưới đây chữ Hán (phiên âm) và bản Pháp văn, chỉ dịch thoái để cùng nhau chiêm nghiệm và độ chừng những bí ẩn còn nhiều chung quanh cái chết của vị anh hùng Triệu Khuông Dẫn (xem hai bản nốt sau).

Cứ như đoạn Hán văn ấy, Tống Thái tổ chấn một cách mờ ám, sử không dám nói rõ.

*Phần Hán văn (Textes historiques, Wieger, page 1826). - (Bản phiên âm).*

"Đế hữu ái Tấn Vương Quang Nghĩa sở hạnh kỳ đệ.

"An lẽ thâm hậu. Quang Nghĩa thường hữu tật thân vi chước ngại. Quang Nghĩa giác thõng Đế diệc thủ ngại tự viêm. Mỗi đối cận thần ngôn Quang Nghĩa long hành hổ bộ. Tha viết tất vi thái bình thiên tử. Phúc đức phi ngô sơ cập dã. Thập ngoặt đế băng, Tấn Vương Quang Nghĩa tức vị. Lý Đạo Văn. Thượng bất dự dạ triệu Tấn Vương. Thuộc dĩ hậu sự tả hữu giai bất đắt văn đăng diêu kiến chúc ảnh hạ Tấn Vương thời hoặc ly tịch. Nhược hữu sở tồn ty chi sàng. Ký nhị thượng dẫn trụ phủ trich địa. Đại thanh vị Tấn Vương viết. Hảo vi chi. Dĩ nhì đế băng. Cố mạng. Đại sự dã. Thật lục chánh sở giai bất năng ký. Tích tai."

*Bản trích Pháp văn (L. Wieger, Textes historiques, page 1826).*

"Quelques historiens non classiques ont voulu voir du mystère dans la mort de Tchao k'ouang yinn. Son frère Tchao koang i l'aurait achevé, ou aurait déterminé sa mort en le mettant en colère, pour s'assurer le trône. Ces racontars, répétés par beaucoup de lettres modernes, s'appuient plutôt sur ce que Tchao-koang i fit plus tard à son frère cadet et à ses neveux, que sur les circonstances de la mort de T'ai-tsou. Voici le texte : "Etant tombé malade à l'improviste, l'empereur fit appeler au milieu de la nuit son frère Tchao-koang i, pour lui intimer ses dernières volontés. Les deux frères se virent en tête à tête. Du dehors, on vit seulement l'ombre de K'o ang i qui se mouvait. Ses gestes étaient d'un homme qui refuse et s'excuse. Puis l'empereur saisit la hache d'armes suspendue à une colonne près de son lit, et la lui "jeta en disant : "Fais bien la chose !" Le testament d'un empereur, ajoute l'historien, est chose très importante. Cet acte doit donc avoir des témoins. Il est regrettable que les Annalistes n'aient pas été à même de nous laisser sur la mort de T'ai-tsou, des documents bien authentiques... De ces paroles obscures, les uns infèrent que Tchao-k'ouang i voulut céder le trône au fils de l'empereur, et que celui-ci l'obligea à régner, conformément aux dernières volontés de leur mère.

"*Fais bien la chose,*" signifierait "*Sois un bon empereur !*" La hache jetée, exprimerait la remise du pouvoir.

L'histoire officielle interprète ainsi... Les autres pensent que le mourant demanda à son frère de se désister en faveur de son fils, et que celui-ci refusa, s'appuyant sur le testament maternel. La hache jetée, serait un acte agressif. La dernière parole, serait une exclamation de dépit : "Règne donc, puisque je ne puis pas t'en empêcher !" Cette interprétation paraît bien tourmentée; mais, comme elle est romanesque, elle a eu du succès... En tout cas, quand Tchao-k'ouang i sortit de la chambre de son frère, celui-ci était mort. Il avait cinquante ans."

Cứ như hai bàn tay đây thì Thái Tổ mất một cách khá mờ ám. Mấy hàng dịch phiên âm bản Hán văn và bản nguyên văn Pháp gữ cho ta thấy nhiều sử gia phe nghịch thấy trong cái chết của Thái Tổ còn nhiều bí ẩn, đến nay chưa dứt khoát. Theo họ, Quang Nghĩa hình như đã chọc tức anh, làm cho giận dữ và mau chết, hầu để đoạt ngôi báu. Nhưng giả thuyết và lời đồn vô căn cứ này, càng được các lân sử gia khai thác, và nhắc đi nhắc lại do lời thuật của Quang Nghĩa nói cho con cháu nghe sau này : "Thái Tổ thình lình ngoại bình. Nửa đêm lật đật với em là Quang Nghĩa đến nghe lời chì huấn. Hai đàng giáp mặt nhau, trong một vuông phòng kín, không một nhân chứng nào khác chứng kiến. Những kẻ đứng ngoài phòng, chỉ thấy bóng Quang Nghĩa tõ vè khum núm nửa như từ chối nửa như tạ tội. Về sau nghe thuật lại, Thái Tổ lúc đó với chụp cái búa (phủ) treo nơi cột điện gần bên long sàng, quẳng ra và nói lớn ngay mặt em : "Hảo vì chi !"

Theo các sử gia, thì di chiếu của một ông vua như Thái Tổ là một việc tối quan trọng, cần phải có mặt nhiều nhân chứng. Cứ sao về mấy phút cuối cùng của Thái Tổ. Thật Lục chánh sử, không ghi chép đầy đủ, lại viết vòn vẹn ba chữ : "Hảo vi chi !" Và tùy thời, tùy cảnh ngộ, ba chữ "Hảo vi chi" muốn cất nghĩa làm sao, cũng được.

1) Có người bàn, lúc Thái Tổ ngặt mình, với Quang Nghĩa nói chuyện trao ngõi, ý muốn nhượng ngõi báu cho em, y như lời mẹ dặn, nên Thái Tổ quăng cây búa (phủ), tượng trưng sự giao quyền binh, và như vậy, khi phán câu : "Hảo vi chi", là muốn nói : "Hãy nối ngõi báu này và ráng làm cho nên việc", (Đây là thuyết chánh thức được công nhận).

2) Thuyết khác nghi rằng Thái Tổ tỏ ý muốn thấy em mình nhường ngõi cho con của mình, nhưng Quang Nghĩa viện lời mẹ trối, không nhận lời Thái Tổ (nên thấy bóng Quang Nghĩa lom khom vừa xin lỗi vừa tạ tội), và vì vậy, cây búa (phủ) quăng ra nên hiểu sự tức giận gay hờn, câu "Hảo vi chi" có nghĩa : "Nay anh chẳng còn cần trở nữa được, thì đây búa này giữ lấy, ngõi kia cứ lên, hảo lắm, tôi lắm !". Thuyết sau tuy kiểu sút, khấp khểnh, nhưng đượm mùi "tiểu thuyết" và mộng ảo, nên được nhiều người truyền tụng... Khi Quang Nghĩa trong phòng bước ra thì Thái Tổ đã tắt thở. Triệu Khuông Dần thọ năm mươi tuổi.

3) Một thuyết thứ ba, tôi không đảm bảo, vì đọc ở đâu không nhớ, rằng Khuông Dần đau mệt nhợt sau lưng, hình như đau gan làm độc, xì "phát bối", như vậy Quang

Nghĩa chọc tức thì chết liền. Lại nữa ông thọ có năm mươi tuổi, lại ưa giải quyết nhiều việc khó bằng rượu : trảm Trịnh Ân, bồi tửu trích binh quyền, không kể lúc thiều thời, trời nỗi khấp xú thì rượu uống là thường sự, rồi sau làm vua thì tửu sắc đến dâm, khó tránh, cho nên làm sao thọ lâu được, và khi hiểu việc, giờ tửu uống trà là thậm phải. Theo tôi nhớ mại mại, sách tôi đọc còn quả quyết Tống Thái tổ đau abcès du soic mà chết, nhưng xin các bạn đừng tin mà bán lúa giỗng !

Việc nên tin là sử chép lại và khen Thái tổ có nhiều đức tính tốt : biết tiết kiệm của công và bình sanh không thích sự se sua. Sử chép ngày nọ có một bà công chúa được vua yêu dấu, đến triều báu vua cha, mình mặc một chiếc áo rất đắt giá. Thái tổ lập tức sai về thay bộ áo khác, rằng :"Con không nên khoác áo đẹp. Không khéo các em còn mỗi đưa xin một chiếc như vậy thì lốn kém bấy sao mà độ !"

Một hôm khác, cũng một bà công chúa đến xin vua cha cho thợ thếp vàng một chiếc phụng sangled. Thái tổ phán : "Vàng trong kho không thiếu, nhưng đó là của công. Phụ vương không quyền lấy của công làm của tư và làm vừa lòng con được."

Một ngày nọ, Thái tổ đi điền điệp. Ông phi ngựa theo thò rừng, ngựa làm ông té, săn kiềm báu trong tay, ông dâm ngựa chết. Hết giận, Thái tổ lấy làm hối hận, và từ ấy bấy tục đĩ săn.

Ấy là sự tích nhón lại của một ông vua mà tôi mê từ

thuở nhỏ, và nay nếu có xúc phạm là cũng vì muốn định nghĩa một cái chén trước dùng uống rượu sau dùng uống trà. Nếu không phải vậy thì cũng kiểm được một thiên phiếm luận đủ tiền tạm sống.

Nay xin bắc qua tìm hiểu tánh tình Triệu Quang Nghĩa, người em đã được vua anh thương nhiều, hăng khê hơn mình nhiều lè : "Long hành hổ bộ", "tất vi thái bình thiên tử, phúc đức phi ngô sở cập."

**Tống Thái tông (Triệu Quang Nghĩa) (976-997)-**

*L'empereur T'ai-tsoung des Song.*

Theo tôi, Thái tổ thương Quang Nghĩa vì đã thay cho mình, ở gần cha mẹ lo việc phụng dưỡng thể cho mình, mắc tội bỏ nhà chạy trốn, người đi xa thường thương người thân và mến trọng người thân, chớ dưới măt tôi, Quang Nghĩa thua xa anh.

Năm 978, Thái tông sắc phong Khổng Nghi (K'oung-i) là cháu đời thứ 44 của đức Khổng Tử làm Văn Tuyên công (propagateur des Lettres).

Năm 979, vò cờ Thái tông hưng binh đánh Khiết Đan, đánh không lại, đến đồi phải bỏ long xa, trốn trên xe của thường dân mới thoát khỏi nạn nguy. Trong khi vua trốn, Khiết Đan phong con vua Khuông Dân, là Đức Chiêu (Tchao-teitchao)-làm nhiếp chánh vương. Khi Thái tông trở về kinh, Đức Chiêu lâu xin thăng thường các tướng hữu công, vua phán giọng lấy : "Hãy chờ khi lên ngôi, sẽ phong lấy !" Đức Chiêu buồn rầu, về cất cỗ

chết. Thái tông điếu tang, khóc : "Cháu sao dại dột và cạn xót như vậy". (Trong Wieger nói : "Bất một mũi nhọn thứ nhứt."

Năm 981, Triệu Đức Phương (Tchao - tcifang) là em của Đức Chiêu, hống chết, - không rõ vì bệnh hoặc hay vì cớ nào khác, Wieger lại phê : "Bất một mũi nhọn thứ nhì."

Còn lại người con út Thái tổ là Triệu Đình Mỹ (Tchao T'ing-mei), được Thái hậu di chiếu cho hưởng ngôi kế vị Thái tông sau này. Thái tông vẫn kế Triệu Phổ, Phổ lâu : "Vua trước xét cạn : cha truyền ngôi cho con mới gọi là đúng chánh pháp."

Năm 982, Đình Mỹ phạm tội, bị đày và năm 984 Đình Mỹ thác, thế là dòng giống Triệu Khuông Dẫn không còn người nào để tranh chấp ngôi vua với con của Quang Nghĩa.

Năm 983 đê Hoàng Hà vỡ, ngập lớn vùng Khai Phong phủ, nước sông Hoàng chảy phủ tới sông Hoài, lụt lớn khắp nơi, dân chết đến số triệu.

Năm 997, Tống Thái tông thăng hà, con là Huyên (Hêng) ba mươi tuổi, lên nối ngôi, ấy là vua Chơn tông.

Công lao của nhà bác, bác nghe lời mẹ, nay chú và dòng chú hưởng.

Nói cho công bình, đời Thái tông được thái bình, vì Thái tổ và ông, đã dẹp được "an bốn biển", vua lại hay giảng võ, khuyễn nông thương, lại biết yêu chuộng văn chương, kính sĩ dụng hiền, và Thái tông có lập một kho sách, hơn tám mươi muôn cuốn.

Đúng với lời tiên tri của Trần Đoàn, khi gặp bà Đỗ thị trong buổi chạy giặc, gánh hai thúng đựng vua Khuông Dân và vua Quang Nghĩa, Trần Đoàn đã cười ngất mà gọi "thái bình đã đến rồi" và tích này đã ghi trong một dĩa trà có thơ nôm hai câu "Mó rận luận chơi thời sự", "Ngã lửa mừng thuở thái bình" (văn Tây Sơn, tôi sẽ nói khi viết đến thú chơi ấm chén và đồ sứ men lam Huế, sau này) (tập số 7)

**Tống Chơn Tông (998-1022) -**

*L'empereur Tchenn-tsoung.*

Thái tông mất, không lập con nhà bác, dòng Khuông Dân, và lập con ruột là Chơn tông, dòng nhà chú.

Vua này mê tín lắm. Wieger kể lại đời vua này cho phô biến thuyết "trên trời, cao hơn hết có Thương đế, kế đó là Ngọc Hoàng đại đế, và hai ông giáng sắc phong trên cõi dương thế đại diện là Hoàng đế Tống chơn tông, cai trị dân gian. Đời vua này nhìn nhận trong nước có ba đạo chánh : *Nho, Thích, Lão* và phân ra có : lạc thổ (le paradis), địa ngục (l'enfer), ngạ quỷ (les démons assamés, prêtas), tội hồn (les âmes pécheresses), và luyện ngục (le purgatoire) v.v... Nên nhớ năm Cảnh Đức (1004), Chơn tông dạy xây lò làm gốm tại Cảnh Đức Trấn.

Năm 1006, trung thần Khấu Chuẩn (K'cou-tchouann), người mình biết hơn dưới đại danh là ông Bao Công, bị nịnh sàm lầu, vua dạy ra trấn ở Đại Cảnh Phủ (T'ai-mingsou), ông lại được người Khiết Đan rất mến phục, khi họ vào triều thấy vầng mặt Bao Công, nay gặp ở đây,

lấy làm lạ hỏi, ông cười bịa rằng "vì trong triều vô sự, nên vua sai ông ra chấn dân và trấn ái địa đầu này !"

### Tống Nhơn tông (1023 - 1063) -

#### *L'empereur Jenn-tsoung.*

Năm 1022 vua Chơn tông băng hà. Thái tử Trinh (Tcheng), chỉ được mười ba tuổi, lên kế vị, xưng Nhơn tông. Vua này có phước, vẫn có Bao Công, vẫn có Dịch Thanh hết lòng phụ hắc. Tôi rất phục dòng Khuông Dân không tranh giành làm vua (hoặc vì thiếu phe đảng, biết tranh cũng không lại, bị giết oan mạng), thà giữ địa vị Bắc Vương (vua anh) và sau con cháu phong Lộ Huân Vương, tức ông vua ra đường có rắc hoa cho đạp lên hoa mà đi, như vậy mà sướng hơn !

Nhơn tông là con của bà Lý Thần phi, khi nhò nhô bà Nam cung Dịch Thái hậu là dâu dòng Khuông Dân giàu nuối, sau có Bao Công tra án Quách Hộc mới lôi ra mạnh mẽ tích "ly miêu hoán chúa", và tích "xử án Bàng quí phi" rất ly kỳ thống thiết, nên tìm truyện Tàu đời Tống mà đọc : (truyện Vạn Huân lâu, v.v...)

Vua Nhơn tông đáng được gọi ông vua hiết lẽ nghĩa. Năm 1024, ông viếng nhà Đại Học, bồn thân khẩu hái trước bàn thờ đức Khổng Tử.

Đời này thiên hạ thái bình. Các danh thần, văn nhân rất nhiều, xin lược kể không phân biệt thứ tự và tôn phái : Âu Dương Tu (Neouyang-siou) (1007-1072); Phạm Trọng Yêm (Fan-tchoungyen) (989-1052); Hàn Kỳ (Han-

K'i) (1008-1075); Phú Bát (Fóu-phi, mất năm 1083); Tú Mã Quang (Seuma-koang) (1019-1086); Thiệu Hùng (Chao-young) (1011-1077); Trình Hạo (Tch'eng-hao) (1032-1085); Trình Di (Tch'eng-i) (1033-1107); Vương An Thạch (Wangnancheu) (1020-1086); Thái Kinh (Ts'ai-king) (1046-1126); Tô Tuấn (Sou-sunn) (1009-1066); Tô Thúc (Sou-cheu) (1036-1101); Tô Triết (Sou-tchêe) (1039-1112); Châu Hy (Tchou-hi) (1130-1200), v.v...

Năm 1052, đời vua Nhân Tông này, có Nùng Trí Cao (Noung-tchêu-kao) làm phản gần ranh Bắc Việt, tướng Địch Thanh (Ti-t'sing) dẹp xong gặp bà Thoại Ba công chúa, hai người kết duyên (xem tuồng Ngũ hổ bình Tây của Trần Văn Hương và Lê Ngọc Trụ) hai ông này sau chép và trình bày, còn đặt để là do Cụ Tú Nguyễn Diêu, hiệu là Nhơn Ân (có Cụ Đào Tấn sửa một đoạn).

### Tống Anh tông (1064-1067) -

*L'empereur Ying-tsoung.*

Năm 1063, Nhơn Tông băng. Vua này không con, nuôi con nhà thúc bá, tên Thự (Chou) 32 tuổi, truyền ngôi, xưng Anh Tông. (Tiếng rằng con nhà thúc bá, nhưng có nghĩa dòng Quang Nghĩa chứ không phải dòng Khuông Dân). Vua này ở ngôi được bốn năm thì mất, thọ 36 tuổi, con được 20 tuổi, kế vị, ấy là vua Thần Tông.

### Tống Thần tông (1068-1085) -

*(L'empereur Chênn-tsoung).*

Vua Thần Tông được tiếng là ăn cần ở kiêng và hiếu

kính hiền trọng sĩ. Nhưng Ông không được thọ, trị vì được mươi tám năm thì băng (thọ 38 tuổi).

Con tên là Hù, mươi tuổi, nối ngôi.

**Tống Triết tông (1086-1100) -**

(*L'empereur Tchée-tsoung*).

Vua Triết tông lên ngôi, chỉ có mươi tuổi, nên có bà Cao hậu dự chánh. Trong nước may không có nịnh thần, và các Ông Tư Mã Quang, Lữ Công Trữ và các tài hiền khác giúp vua nên nước đặng yên.

Triết tông băng năm 1100, tuổi vừa hai mươi bốn. Bởi không có con kế vị, nên em là Kiết (Ki) nối ngôi.

**Tống Huy tông (1101-1125) -**

(*L'empereur Hœi-tsoung*).

Đây là Ông vua tài tử nhất đời. Ông là con thứ 10 của Thần tông, tước phong Thoại Vương, nối ngôi anh năm 1101, thường xưng mình là Ngọc Thanh giáo chủ hạ giáng. Huy tông ngày nay kè khen người chê, dư luận không đều. Chê là vì đời Ông, nịnh thần đầy triều: Cao Cầu, chỉ giỏi đá cầu mà được phong Thái úy, Thái Kinh, vẫn hay chử tội, ngặt ham ăn hối lộ nhất đời, và giặc loạn Lương Sơn Bạc, 108 vị anh hùng do Tống Giang cầm đầu, chống chánh phủ cũng vào đời này (xem truyện Thùy Hử). Khen là vì Ông là một họa sĩ đại danh, tranh Ông ngày nay bên Mỹ giànhan mua giá trên nhiều triệu đôla; Huy tông biết sưu tầm ngọc báu, nâng

cao mĩ thuật, nâng cao nghề chế đồ gốm Celadon, ham chơi tranh, chơi cổ ngọc, và nếu bức tranh "Cầm điếu" ký "Tuyên Hòa ngự bút" của ông Nguyễn Văn Thư nói trong Bách Khoa số 92 kể nỗi bài của ông, nếu nay ông còn giữ và nếu đó thiệt đúng ngự bút của Huy Tông thì trên cõi Việt Nam này, không ai có phước và giàu hơn Nguyễn quân vây.

Năm 1104, phuơng sĩ Ngụy Hán Tân (Wei-hantsiun) tuân lệnh Huy Tông, đúc chín đỉnh đồng thật lớn, đến năm 1105 mới xong.

Tể tướng đời ấy là Thái Kinh, sùng bái đạo Lão, gây nhiều ảnh hưởng tốt đối với mĩ thuật, nghệ thuật, như là ngành đất nung, gốm, celadon, ngọc chạm, vv...

Một quốc gia chỉ lo việc trong nhà, sợ việc phế tập vì phe đảng, mà quên sức mạnh đang dây lên như nước thủy triều của các phiên quốc vây chung quanh, một ông vua có nhiều máu phong lưu tài tử, nghệ sĩ tối chót đầu móng tay, tội nghiệp thay Huy Tông đã dốt chánh trị thêm lười, lại quá tin và giao hết việc nước cho hai tham quan nịnh thần cõi Cao Cầu và Thái Kinh, nên về sau ông Huy Tông tuy thoái vị năm 1125, mà vẫn tránh không khỏi năm 1127 bị Kim Phiên bắt dây lên phương Bắc, nhốt hay cầm tù trong một cái giếng loạn tại Ngũ quốc thành (Ou-kouo tch'eng), nay là Ninh cổ tháp ở Cát Lâm), và nhện dời nhện khát, kéo dài đời sống đến năm 1135 mới chết lạnh tại đây, tuổi được năm mươi tư. Tôi nói Tống Thái Tổ không thấy xa, và cái họa của kẽ "bồi uulu trich binh quyền", chẳng phải báo hại chì hai vua Huy

tông và Khâm tông, mà còn dí hại đến đời Thành với bọn xâm lăng da trắng nữa là khác.

### Tống Khâm tông hoàng đế (1126-1127) -

*L'empereur K'innitsoung.*

Ông vua chia hoạn nạn với Huy tông là Khâm tông hoàng đế, con của Huy tông, được cha nhường ngôi năm 1125. Huy tông lên ngôi thái thượng hoàng.

Năm 1126, trời lạnh đến nước sông đặc thành giá, binh Kim Phiên thừa dịp tràn qua nước Tống, độ binh qua Hoàng Hà, đến gần Khai Phong phủ. Thế giặc dữ quá, Huy tông phải chạy xuống Trấn Giang, trên sông Dương Tử. Quân Kim bắt Túc Vương Triệu Xu về làm con tin, mới chịu rút lui. Huy tông trở về triều, đày Thái Kinh xuống cù lao Hải Nam, nhưng dọc đường Thái Kinh đã tử tràn.

Tống Huy tông, chưa biết binh Kim lợi hại thế nào, chẳng lành thì chớ, lại sai binh rượt đánh tập hậu, ấy là công khai bội ước và tự chiêu kỳ họa.

Quân Kim dùng dùng nỗi giận, quay đầu trở lại, Tống binh đại bại.

Vua Tống hạ mình tạ tội, nhưng đã muộn, Kim buộc Tống đế Khâm tông và Thái Thượng Hoàng Huy tông nạp mình và cúng bái luôn vừa hoàng thân quốc thích, vừa văn võ quan viên hơn ba ngàn người giải về Phụng Thiên phủ (Kiết Lâm).

**Khâm Tông**, lên ngôi năm 1125, nhưng kế từ 1126. Đến năm 1127, bị Kim bắt về Phiên quốc, cầm tù một chỗ với Huy Tông và đến năm 1156, mới từ trần, thọ 61 tuổi.

**Nhà Bắc Tống** (960-1127), tuy tổ chức binh bị kém, nhưng văn hóa, triết học, lên rất cao. Nghệ thuật chế tạo đồ gốm, đồ celadon, đồ độc sắc (monochromes) đều lên đến tuyệt đỉnh, các đời sau không theo kịp.

#### **Nam Tống (les Song du Sud) (1127-1279).**

Thái tử Triệu Cấu, con thứ 9 của vua Huy Tông, cũng bị binh Kim bắt đem về Phiên quốc nhưng trốn được về Nam, bay ngựa qua sông Dương Tử (huyền thoại để tuyên truyền thuở ấy cho đồn ông có bá linh phù trợ, nên có tích "nê mã độ Khương vương", con ngựa ông cõi qua sông Hoàng Hà, qua được rồi thi rã rót ra thành đất cục, vì là ngựa bằng đất thờ trong miếu, nhờ phép linh biến ra thành mã độ ông qua sông lớn). Đến Nam Kinh, ông tức vị xưng Cao Tông hoàng đế (1127-1162). Đến năm 1162, ông nhường ngôi cho con, và còn sống thêm cho đến năm 1187 mới từ trần, thọ 81 tuổi.

Năm 1138, định đô tại thành Hàng Châu.

Năm 1135, được tin từ Bắc Phiên cho hay Huy Tông đã mất. Đến năm 1142, cõi hài tiên đế và của hai bà Tống hậu, được đưa về Trung Hoa mai táng.

Vua Khâm Tông vẫn bị sanh cầm trên cõi Bắc, mãi đến năm 1156 mới ty trần.

Muốn biết các việc xảy ra đời này, xin xem bộ Thủy Hử và bộ Nhạc Phi diễn nghĩa. Để giúp tài liệu đích xác, đây là vài chi tiết đã thấy trong sách Pháp :

- Nhạc Phi, đầu phe chủ chiến, bị Tân Cối sai giết tại Phong Ba đình, năm 1140. (tho 39 tuổi);

- Ngột Truật (Ou-ichou), đích thủ của Nhạc Phi, nguyên soái Kim Phiên, mất năm 1148;

- Tân Cối (Ts'inn-koci), cầm đầu phe nghị hòa, chết năm 1155.

Từ nhà Tống dời đô về Nam, Trung Quốc ở vào thế người bại trận, vì binh Kim lấy mất phân nửa giang san miền Bắc. Trong miền Nam lại chia ra hai phe rõ rệt :

a) phe chủ chiến, cầm đầu là Nhạc Phi. Nhưng đánh thì bất phân thắng bại, vì vừa thắng thế thì bị triều đình, do Tân Cối ản của hối bên Phiên, làm mất cơ hội tốt : lương thực tiếp tế không đúng thời, tướng giỏi bị kiêu chiểu đồi vè bất giết...

b) phe nghị hòa, cầm đầu là thừa tướng Tân Cối, theo truyện Tàu, là nịnh thần, ham ăn hối lộ của Kim Phiên đút lót, quyết lòng mãi quốc cầu vinh. Nhưng trong sách Pháp, thì đây là nhóm chiến bại, gồm bọn làm giàu về mề cốc, về tơ lụa, muốn nghị hòa với Phiên, bỏ phu lữ Bắc Kinh là kinh đô xa xôi, chỉ giữ kỹ miền Nam lấy Hàng Châu làm đô, tức là bọn kinh tài tư bản, chỉ biết sự nghiệp tiền bạc làm trọng, không thiết gì quốc gia bị chúng chia cắt.

Vì thế, trong nước sanh ra chủ nghĩa yếm thế, mặc cho đời, tới đâu hay đó.

Sở dĩ Nhạc Phi bị hại, một phần cũng tại hay tố ý muốn một hai đánh thầu lên Bắc Phiên, rước nhị đế về, - mà như vậy Cao tông đâu còn làm vua được, - hai nữa, tánh Nhạc Phi thích kết giao với các tướng về hàng để đồng lòng trừ giặc, nên bọn nịnh sàm tấu làm cho Cao tông nghi kỵ, nên Tần Cối giết tướng giỏi mà vua già bộ không hay.

Đạo yếm thế là do đạo Lão chủ trương. Văn chương yếm thế là văn khóc mây bay thương nước mắt, tìm cao siêu trong chút dư vị thanh thanh của trà. Vì đó sanh ra thú hay nghệ thuật uống trà. Mỹ thuật cũng yếm thế, luyện cho được cái biến hóa bất thường : đồ từ khí đẹp như ngọc chuốt (céladon, monochromes), không đẹp thì kỳ hình dị tướng (chén trà đất nung, bình tích da chu, bầu rượu dị hình, hoặc bị lửa già nên đổi dạng, hoặc kính niken nên trổ màu biến sắc, hoặc nứt rạn khác thường... Kiêng vật thì ưa phong cảnh đẹp tươi, hoa kiêng thì thích uống nắn cụm trúc hóa long, cây mai chiểu thùy. Thuật yếm thế tuy vậy có chỗ hay vì đã đem một sinh lực khác thường vào văn hóa Trung Hoa quá cũ kỹ.

Đạo gia, tu sĩ, triết gia, ai ai cũng đều muốn thoát tục. (Vì thế ngày nay tôi muốn đổi lại, không nói chén trà Đại Tống có từ Tống Thái tổ, mà muốn nói chỉ có từ đời đó về Nam, lấy đất sét đen và nặng của vùng Phước Kiển chế ra, nên cũng gọi "kiên" là chén trà màu lông thiòi tôi đã kể năm 1960. Cho hay, trong nghệ khảo cổ,

được phép viết lập luận lại nếu mình thấy sai sự thật, miễn sao đừng lấy nai làm ngựa, và đừng uốn sừng sửa xoáy, phải thấy sao nói vậy, và từ khoảng 1960 đến 1971, kinh nghiệm cho phép tôi trình bày một cách khác hơn năm 1960, chung quanh câu chuyện "từ chén trà Đại Tống, đến lích tràm Trịnh Ân".

Một mẩu chốt khác tôi tìm ra là nhơn đọc bộ "Cảnh Đức Trần đào lục" (Tập 5) tôi thấy có câu : "Quan Đại phu Thiệu Thành Chương (Chao-tch'ing-tchang) khi theo vua về Nam, ông muốn gây dựng cổ tục phương Bắc, nên dạy xây lò hầm đồ gốm trong "Nội Phủ", chế ra một loại gốm gọi "Nei-yao" (Nội Diêu), gốm này dùng đất sét chọn lọc và chế tạo công phu, không thua đồ gốm Bắc Tống".

Nếu vậy, danh từ "đồ Nội Phủ" có lẽ phát sinh từ Nam Tống phải không ?

Nhơn tiện, tôi xin trả lời cùng ông Nguyễn Văn Thư, rằng : "sở dĩ đồ Tống tìm gặp ở Thanh Hóa, nh perchè đồ Tống Diêu làm bên Trung Quốc, và đều rạn "mạng nhện", màu da trắng ngà (B.K. 92 ngày 1.11.60), Nguyễn quân gọi đó là "đồ Tống Thanh Hóa", theo tôi, gọi làm vậy cũng được, nhưng muốn đúng thời gian, ý tôi muốn gọi đó là "đồ gốm do người di thản đời Tống về làm tại Thanh Hóa trong khoảng 1279 - 1368, vì khoảng ấy Trung Hoa bị quân Mông Cổ (nhà Nguyên) chiếm, nên họ kéo về Thanh Hóa lánh nạn, đến năm 1368, nhà Minh dẹp được quân Nguyên, đuổi về Mông Cổ, thì đám nghệ sĩ di thản nhà Tống cũng rút về Tàu, vì đã phục hồi độc lập được rồi, cho nên từ năm 1368,

ta không thấy vùng Thanh Hóa chẽ tạo gốm *post-Song* (hậu Tống) này nữa. Việc gốm nặng hay nhẹ, mỗi người mỗi "cân" (theo ý riêng, không thành vấn đề, bài này viết trả lời Nguyễn quan sau mười năm cách mặt là để nhớ nhau, chờ không dám làm cho giận).

### Tống Hiếu tông (1163-1189) -

*L'empereur Hien-tsoung.*

Vua Cao tông trị vì đến năm 1162, thì nhường ngôi cho con, và tiếp tục sống đến năm 1187 mới mãn phòn, thọ 81 tuổi.

Vua Hiếu tông, rất tôn sùng Khổng giáo, nhưng nghe lời Nho sĩ đánh thuế thầy chùa và đạo sĩ, chỉ làm mất nhầm tâm, vô ích.

Năm 1189, ông thoái vị và mất năm 1194, thọ 68 tuổi.

### Tống Quang tông (1190-1194) -

*L'empereur Koang-tsoung.*

Năm 1189, Hiếu tông nhường ngôi cho con (xưng Quang tông), để lên làm thái thượng hoàng. Quang tông tức vị, lại không thuận thảo với thượng hoàng, vua cha và hoàng đế không hề thấy mặt nhau cùng vì hoàng hậu, họ Lý, phao vu tin đồn thượng hoàng tiếc hối, muốn thuốc vua để lấy ngôi báu lại.

Bà Lý hậu này, nước ghen không ch襌 nói. Sử chép có một bà phi một hôm dâng rượu cho vua được vua khen có hai bàn tay xinh tốt; qua bữa sau vua nhận được của

Lý hậu một hộp dâng đồ ngự tiễn : mở ra xem thì đó là hai bàn tay ngọc của bà phi vô phuớc có chòng là một ông vua mắc chứng sợ vợ.

Năm 1194, thượng hoàng Hiếu Tông đau nặng. Quang Tông già cớ cũng đau nên viện lè ấy không đến viếng thượng hoàng. Đến khi Hiếu Tông băng, Quang Tông không đứng chủ tang, để cho thái tử 27 tuổi, thay thế. Bà Thái hậu đã ghét sẵn, lấy cớ này, hãi tội bất hiếu của Quang Tông mà truất ngôi tôn.

Thái tử có công đứng chủ tang thượng hoàng, nay được nấy trao quyền binh ấy, là Ninh Tông.

**Tống Ninh Tông (1195-1224) -**

*L'empereur Ning-tsoung.*

Ninh Tông lên ngôi, nhưng cũng không được thấy mặt cha là Quang Tông.

Năm 1200, Lý hậu từ trần. Chứng ấy cha con Ninh Tông mới diện kiến nhau, nhưng chẳng bao lâu thì vua cũ Quang Tông nhầm mắt lia dời.

Năm 1204, Hán Đà Trụ (Han t'ouatchcou) tâu vua xin với phong Nhạc Phi và làm tội Tần Cối.

Năm 1206, Hán Đà Trụ mạt sai chinh tu binh mã, dự bị phạt Kim nhưng cơ mưu bại lộ, binh Tống vừa ra quân, binh Kim đánh thua xiêng liêng.

Năm 1208, Hán Đà Trụ bị xử trảm, đầu lâu bị lấy ra khỏi hòm, bêu giữa chợ rồi gởi nạp vua Kim. Tần

Cõi, chết năm 1155, lại được phục vị như cũ.

Năm 1206, bên nước Kim, Thí Úi Mộc Chơn (T'ie-mou-tchenn) (Tcmudjin), tức vị xưng đế xứ Mông cổ. Ông này có nhiều tên đế lại trong sử sách : Thành Cát Tư Hãn (Tch'êng ki seu han), (djenguis khan, Gengis khan, le Khan des Forts), tên khác nhau nhưng người vẫn một. Yelu tch'outs'ai, quân sư của Thành Cát, có nói một câu bất hủ, theo Pháp văn, là như vầy : "C'est en chevauchant que vous avez coquis l'empire; c'est en l'organisant que vous le conserverez". (Bè hạ ngồi trên lưng ngựa (nhiều công hân mĩ) mà gầy dựng nghiệp đế; nay muôn giữ đế nghiệp cho vững bền thì phải ra công sắp đặt trong ngoài cho có trật tự, mới được).

Yelu tch'outs'ai (Du Lục Sở Tài), mất năm 1243, làm tối được hai triều, quân sư của Gengis khan và của Ogotai. Khi lâm chung, có người dèm pha nén bà hoàng hậu nhà Nguyên, là reine Tourakina, sai khám xét dinh thự, thì chỉ thấy vốn vẹn một cây cithare (một loại lục huyền cầm), còn sách vở thì không bao nhiêu mà đếm.

Du Lục Sở Tài đế lại ơn lớn cho quan lại nhà Tống. Không thì bọn này đã bị tàn sát hết rồi. Lão thông Hán văn, ông từng tâu với Nguyên chúa Ogotai, rằng : "Muốn giữ vững nền cai trị cõi Trung Hoa, thì phải tín dụng bọn Nho gia và dung dưỡng dám Nho thần." Lời nói có nhân đạo ấy vừa giải nguy cho bọn di thần nhà Tống, vừa đặt an triều đại mới trên lãnh thổ Trung Nguyên.

Cái gì có hại, cũng có lợi mỗi bù nà. Đó là luật bù

trữ. Nhờ Mông Cổ là dòng du mục, xâm chiếm Trung Hoa, mà mỹ thuật, âm nhạc và văn hóa của nước Tàu cũng chịu ảnh hưởng một phần nào. Đồ sành da tráng vẽ men lam, có lẽ là do binh Nguyên đem sang Trung Hoa.

### Tống Lý tông (1225 - 1264). -

#### *L'empereur Li-tsoung.*

Vua này nối ngôi Ninh tông. Năm 1237, vua truyền chỉ các trường phải dùng bộ sử ký Tư mã Quang (le Miroir historique de Scuma-koang), làm sách học. Bộ sử này Châu Hy dọn lại.

Nhưng việc làm của Lý tông, tai hại nhất cho vận mạng về sau của nhà Tống, là liên hiệp với Nguyên để tiêu diệt nước Kim; thê ba chân vạc : Tống Nguyên Kim không thù, nay làm cho Kim mất, dc đâu Tống cũng không còn. Sơ khởi, binh Nguyên mượn đường nước Tống, để tiến quân đánh Kim. Tống không cho. Nguyên cứ kéo binh tràn qua Trung Quốc đến giao chiến với quân Kim, kế hai bên nghị hòa. Sau đó, Mông Cổ sai sứ qua xin Tống hiệp binh đánh Kim, chuyền này Tống nghe theo. Nước Kim vì vậy, mất năm 1234, tính ra được chín đời vua, trị vì 120 năm.

Từ đó Mông Cổ càng ngày càng thịnh, năm 1237 kéo quân sang đánh Âu châu, rồi đánh Cao Ly và đánh Tống.

Năm 1251, Mông Kha lên làm Đại Hán, sai em là Hốt Tất Liệt (Koubilai) bình nước Đại Lí (Ta li), trước kia gọi Nam Chiếu (Nan tchao), rồi bình vùng T'ou fan (Thô

Phồn), Tây Tạng (Tibet), đến năm 1255 giao tranh cùng nước ta, Giao Chi.

Năm 1260, Koubilai tức vị xưng Đại Chúa khắp Mông Cổ (Grand Khan). Cũng từ đây Mông Cổ đổi lại xưng Đại Nguyên (Yuan).

**Tống Độ tông (1265 - 1274).** -

*L'empereur Tai-tsoung.*

Kế vị cho Lý tông là vua Độ tông. Ông rất tôn sùng Khổng giáo. Năm 1267, bốn thân đứng chủ tế đức Khổng Tử. Năm 1274, Độ tông băng.

**Tống Cung đế (1275 - 1276).** -

*L'empereur Kaung-ti.*

Khi lên ngôi, Cung đế vừa được năm tuổi đầu. Kế bị Mông Cổ bắt và giam cầm tại Hàng châu một lượt với bà Thái hậu (la Régente) và các hoàng tộc.

Trạng nguyên Văn Thiên Tường (Wen-tien-siang) sau làm Thủ tướng, tận trung cùng Tống, phò hai vị hoàng tử chạy về Phước châu (Fou tschéou), và lập hoàng tử lớn, vừa được tám tuổi, nối ngôi. Đó là Đoan Tông.

**Tống Đoan tông (1276 - 1278).** -

*L'empereur Tuan tsoung.*

Đoan tông không làm gì được, phần tuổi bé thư, phần vẫn nước đã suy vi, vô phuơng cứu chữa; thêm Koubilai khôn khéo, biết thừa cơ hội, dựng đao Lão, Thích ngang

hàng đạo Nho, đặt người cầm đầu Lão giáo, Thích giáo, chống Khổng giáo do Tống đặt làm quốc giáo.

Năm 1274, gần Hàng châu, hòn Thiên mẫu san (T'ien mou chan) bỗng gãy sụp một góc lớn. Nhìn đó, người mê tín bàn rằng vận nước Tống đã đến lúc mạt vận. (Nên nhớ do núi này, người Nhịt đặt tên các chén do họ chế tạo nhái chén Tống là Temmoku). (Sách The ceramic wares of Siam của Ch. Nelson, tr. 34 dịch Thiên mục thủ (Temmoku ic), tường nên đọc thao thuyết sau).

Năm 1278, Doan lông băng, tuổi vừa mươi một.

**Đế Bình (1278 - 1279).** -

*L'empereur Ping, dernier roi des Song.*

Nước Tống đã hối thời, đếnỗi có một tăng nhơn tên Dương liên trình gia (le bonze Yang lien tchenn kia), lưu manh đào quật cả thảy 101 lăng tẩm các vua nhà Tống chôn lại Thiệu hưng phủ (Tchaohing sou).

Năm 1279, một đại thần ôm vua Đế Bình nhảy xuống sông, nhà Nam Tống dứt.

\*

*Kết luận.* - Nhà Tống trị vì ba trăm hai chục năm, gồm :

- Bắc Tống, đô là Khai Phong Phủ : 9 đời vua, trị vì 167 năm (960 - 1127);

- Nam Tống, đô Hàng Châu, 9 đời vua, trị vì 153 năm (1127 - 1279).

Nếu luận về tài cai trị, thì quả đời Tống, vua và quan, phần đông không biết sắp đặt việc nước. Cái họa mất nước bắt đầu từ trái lời Thái Hậu, không luân phiên chọn người lớn tuổi và thông minh làm vua, lại để vua bé thơ giữ ngôi báu, khiến cho nịnh thần lộng hành, lại thêm lừa thuyết yểm vỗ tu vǎn, đến lúc hữu sự, trước nạn xâm lăng, cây bút lông không thay cây kiếm sắt.

Nhưng luận về các phương diện khác, triết lý, văn học, mỹ thuật, nghệ thuật, nghệ điêu khắc, chạm ngọc, chạm ngà, chạm gỗ, làm đồ gốm, Nho, Thích, Giáo, đua nhau nẩy nở, gây một tiếng đời rất lớn khắp hoàn cầu, đến nay tiếng dư âm vẫn còn chưa dứt. Ngày nay, đồ gốm Tống, nhất là đồ celadon, các hũ đựng cốt, tranh đời Tống, ngọc cổ, đồ sơn mài, chữ đại tự Tống, v.v.... để tiếng thơm cho đời Tống, chứng minh đến ngày nay, với khoa học hiện đại, các nước Âu Á Mỹ, vẫn chưa theo kịp.

Có thể nói từ khi gây chiến với Khiết Đan rồi Mông Cổ (Kim và Nguyên), mà có sự trao đổi nghệ thuật văn hóa: ảnh hưởng nước ngoài nồng nàn vào Trung Quốc không ít. Nếu Huy tông xa hoa, ham chơi ngọc, thi nghệ chạm ngọc tự nhiên được nâng cao. Bởi Huy tông ham đá cầu, ham vẽ tranh mà trong nước biết trau giồi các môn ấy. Nghệ thuật Bắc Tống có vẻ đon đả trang thêm đượm màu Nho - Thích.

Từ Cao tông đi đỗ về Nam, các đạo sĩ trong núi tìm được nhiều giống trà, nên có nghề trồng trà, nghề làm chén trà, và thú uống trà được nâng lên làm một nghệ thuật, hơn nữa làm một đạo thuật (như ngày nay người Nhật Bản còn truyền giữ), quả hoàn cầu họ hương văn minh đời Tống không ít. Nghệ thuật Nam Tống chuộng và gần Nho - Lão hơn đạo Thích.

Nhưng chuộng văn đến quên việc võ, quên sự phòng bị biên cương, tập luyện quân sĩ, thì cái hại mất nước đã kẽ, và cái triết lý yếm thế, đóng cửa tham thiền, không đủ ngăn giặc dữ bên ngoài. Rồi dữ lầm cũng phải có ngày tàn, luật thiên địa tuần huần là như vậy.

Sau Tống, nhà Nguyên trị vì Trung Hoa chưa đầy một trăm năm, thì vì chiếm văn minh của nước bị chiếm, mà bị nhà Minh đuổi trở về vùng du mục.

21-3-1963/2-11-1971

*Lời bàn thêm.* - Theo quyển "Céramique ancienne de l'Asie" của ông Fujio Koyama (do bà Daisy Lion Goldschmidt dịch ra Pháp văn), thì tác giả Nhật định đồ gốm Bắc Tống chịu ảnh hưởng của Khổng giáo (xem đồ bán ở sau), và đồ gốm Nam Tống, trái lại chịu, nhiều ảnh hưởng của Phật giáo (tr. 64 sách dẫn thương). Thuyết này, các chuyên gia Âu châu cho quá thiên về bí thiên về bí truyền, bí giáo (éthologique) và không công nhận.S.

## THẾ HỆ HAI TRIỀU : BẮC TỔNG và NAM TỔNG

Triệu Hoàng Ân (vợ là bà Đỗ thị), tách triều Bắc Hán

1. Thái tổ (Khuông Dần)

(960 - 976) .

2. Thái tông (Quang Nghĩa)

(976 - 997)

3. Cảnh tông (998 - 1022) THƯƠNG VƯƠNG

Triệu Đức Chiêu

(? - 979)

4. Nhân tông (1023 - 1063) BỘC VƯƠNG

5. Anh tông (1064 - 1067)

Triệu Đức Phương

(? - 981)

6. Thần tông (1068 - 1085)

Triệu Định Mỹ

(? - 984)

7. Triết tông (1086 - 1100)

8. Huy tông (1101 - 1125)

9. Khâm tông (1126 - 1127)

NAM TỔNG

1. Cao tông (1127 - 1162) (hăng n. 1187)

2. Hiếu tông (1163 - 1189)

3. Quang tông (1190 - 1194)

4. Ninh tông (1195 - 1224)

5. Lý tông (1225 - 1264) PHƯỚC VƯƠNG

6. Độ tông (1266 - 1274)

7. Cung dế (1275 - 1276) 8. Đoan tông (1276 - 1278).

9. Đế Bình (1278 - 1279)

# 8

## VỀ MỘT ĐĨA SÀNH LỚN MÈN LAM, VỀ TÍCHI BIỂN THƯỢC, CHƯA BIẾT THƯỢC ĐỜI NGUYÊN HAY ĐỜI MINH

*Một cách mua trả góp.*

Tập "Khảo về đồ sứ cổ Trung Hoa", đã in xong trong bộ Hiếu Cổ Đặc Sản số 4, nón trương 305, có ghi mấy hàng như sau. Trước đó vì tập H.C.Đ.S. số 5 chưa in xong, và để khỏi đợi chờ thất công, tôi có chép lại trương ấy như vầy :

"Nhà tôi may có được một đĩa Swallow (Sơn dầu) thật to và hoàn hảo. Kính tâm 4 tấc 8 phân, dạo sâu gần một tấc Tây. (Số mục lục 380 VHS, xem hình pl. 33 tập 4).

"Theo tôi, đó là một đĩa lớn sâu dạo, hơn là đĩa quà tử, hoặc nói tò trẹt lòng thì đúng lý hơn, vì xưa ắt dùng đựng thức ăn có nước như canh, chứ không phải dùng đựng hoa quả. Giữa lòng vče núi mày, cây mọc kẹt đá, có một ống đựng, mình mặc áo rộng, đầu đội mao, trước mặt có một người quỳ dâng một mâm hình chữ nhật; sau lưng có một tiều đồng cầm quạt to, cán thật dài, che mắt.

"Chung quanh đĩa thì chia nhiều bộ ồ : bốn ồ đối chiếu nhau, vče bốn người đội nón, vai vác cuốc, và có

quay một bô được tháo, xem kẽ với bốn ô lớn ấy có vẽ mươi hai ô nhỏ khác, mỗi ô đều có vẽ một loại y dược, những loại nhìn được là ngải cứu, cây thầu lầy mù chẽ á phiện, củ nhơn sâm, còn những cây kia không biết tên mà kẽ. Nhưng định chừng cũng là loại được thảo có ích cho nhơn loại.

Hỏi ra đây ấy vẽ tích ông Biển Thước là iỏi nghề y được, và bốn người kia có lẽ bốn môn đệ chia nhau đi hái thuốc bốn mùa.

Phía hậu của cái dĩa to này, vẽ sơ lược trong mươi ô : năm ô dài và năm ô hình quả tim, trong cũng vẽ hoa thảo.

"Dĩa này màu lam dại đến hóa xám, và vẽ nét thật đơn sơ mộc mạc.

"Món này là tuyệt phẩm, Minh Vạn Lịch (1573 - 1620), không cãi gì được nữa. (Mua ngày 24-5-1958).

\*

Hôm nay 7-11-1971, lấy hồ sơ cẩn dĩa xem lại, dâm ra ngờ vực không biết dĩa phải Minh Vạn Lịch như đã nói trên đây, hay là cổ hơn nữa, lên đến đời Nguyên (1280 -1367) chăng ? Trong thè ghim trong hồ sơ, tôi gấp lại những hàng này đã viết từ trước, nay tôi cũng chép lại để so sánh những tư tưởng đổi thay của tôi về một cái dĩa này trong hai giai đoạn khác nhau :

a) *Hình thức* - Bên ngoài đĩa, đáy chưa tráng; có dấu săn sương y như dấu dao bén gọt trên bàn quây, nên có dấu khoanh tròn nhieu vòng cùng một trung tâm. Căn cứ theo dấu vòng tròn và dấu gọt chân đĩa, sách bà Daisy Lion Goldschmidt nói rằng đó là dấu hiệu các đồ sành chế tạo đời Minh Thành Hóa (1465 - 1487). Danh từ chuyên môn Pháp gọi đó là "traces de couteau".

Nhưng xét kỹ thêm nữa, lại thấy dưới đáy đĩa có dấu lợn cợn của hột đá hột cát dính theo, thì đó là triệu chứng thứ nhì chứng rằng đĩa này chế tạo vào thời kỳ cuối Minh làm để xuất dương bán ra nước ngoài, Pháp gọi "*porcelaine d'exportation, fin Ming*", mà hổ "fin Ming" thì đúng đời vua Vạn Lịch (1573 - 1620) rồi. (Thuở ấy, ở lò sứ Sơn Đầu (Swatow), thợ thường rải rắc cát mịn hột trên lò để cho vật hầm khi bị lửa đốt nóng, không dính đất và đáy vào lò".

"*Về cách vẽ vời* - Chung quanh vành đĩa chia ra năm ngãm không đều đặn lắm, vì chia bằng tay, không dùng cái qui (compas). Mỗi ngãm vẽ một nhánh cây thuốc (được thảo) xen kẽ với năm bộ ô vẽ hình hoa sói.

Trong lòng đĩa, chia ra tám ngãm lớn và tám ngãm nhỏ, vừa xen kẽ vừa đối diện nhau, bốn lớn bốn nhỏ :

- 4 ô vẽ một người đi hái thuốc, tức 4 mùa, vẽ khác đối chút cho hiểu rằng đó là xuân hè thu đông.

- 4 ô vẽ mỗi ô một loại thảo mộc khác : phù dung (thầu á phiện), ngải cứu, nhơn sâm, cây thủ tư nhìn không ra, nên không nói tên được.

- 8 ô hép bù ngang, cao bù đứng trong mỗi ô cũng vč  
thảo mộc y được, nhưng tôi không kể tên ra đây được vì  
không biết mặt được thảo.

Nơi giữa lòng đĩa, trong một ô thật lớn, vč một  
nhơn vật chắc có địa vị to, nên đầu đội mào cánh chuồng,  
một tay bắt ấn quyết, sau lưng vị quan ấy, có một tiều  
đồng che quạt to để tỏ rằng vị quan này không phải là  
vua chúa cũng là trùng tể trọng thần chỉ đây. Trước  
mặt vị này có một đứa trẻ khác quì dằng một mản lộc.  
Theo người chủ cũ nói với tôi, đây là tích ông Biển  
Thước, tò sự nghè y. Chung quanh ô lớn vč hình Biển  
Thước ấy, có mười sáu ô nhỏ ở vành đĩa cách ô giữa  
bằng một đường hồi văn hình như chữ S đóng xiên  
xiên, theo sách Tây đó là hình con lăm kèo tơ chớ không  
phải chữ S."



Theo cách tôi là cái đĩa làm hai lần và theo hình  
ảnh in theo đây (xem tập 4) vẫn không được rõ nét lắm,  
để chư tôn không nhận thức mấy về giá trị cổ kính và  
mỹ thuật của đĩa này.

Nay xin để vấn đề ấy ra ngoài, tôi muốn nêu ra đây  
một khía cạnh của nghệ thuật "mua đồ cổ trả góp". Đây  
là một thú riêng của người chơi ít vốn. Nếu thừa thãi  
đồng tiền, không ai dùng nó làm chi. Nhưng nếu thật  
ghiền đồ xưa và quả thật có gan muốn mua sắm đồ cổ

ngon vừa mắt, thì chỉ có cách ấy mới đương đầu nổi với hạng nhà giàu cùng một bình mè thích dù có như mình. Nhưng trước hết phải có sự thỏa thuận của người bán. Người bán có khi vì cảm tình riêng, có khi vì mình có phần may, hiểu theo chút dự đoán của người xưa là "của tim người", cho nên người buôn vui bán chịu món đồ tốt cho mình được dù bộ, hơn là bán cho người khác, tuy trả tiền mặt, nhưng tỏ vóc ý giàu và khinh người.

Tỷ như cái dĩa lớn Nguyên hay Minh này, chủ trước của nó, không phải là nhà buôn đồ cổ Ông vốn con quan đàng cựu, người cha xưa đậu tiến sĩ, nên trong nhà trước đây có gác trên vách chín miếng sành, một miếng tròn ở giữa và tám miếng hình cánh quạt, nguyên là chín miếng sành cẩn mực một cái bàn tròn cổ, lúc tôi thấy thì bể mất hai miếng cánh quạt, nên ông đặt thêu hai chữ "Tấn Sĩ" ráp vào cho đủ bộ, thành thử chín miếng sành vê tích chín vị hảo hớn trên Lương Sơn Bạc (trong truyện Thùy Hử) nhà ông lúc ấy chỉ còn bày tướng cướp và hai chữ thêu "Tấn Sĩ" lơ trơ trên và chửi nhau, khập khiễng trông buồn cười.

Không phải tôi nói sa đè, nhưng nhờ mấy miếng sành này mà tôi mua được cái dĩa lớn kia. Tôi đã để ý từ lâu đến mấy miếng sành này, muốn mua ngặt không đủ tiền; nên mỗi lần tôi đến đường Phát Diệm để thăm Ông thì tôi chỉ mờ đầu câu chuyện bằng mấy miếng sành và hai chữ thêu kim tuyến "Tấn Sĩ".

Ngày 24-5-1958, tôi cũng theo mùng cũ gãi ngay chỗ ngửa, bỗng Ông lấy từ trong tủ kín ra một bình tích bát

giác, vẽ y một kiểu với tám miếng sành cành én đã nói trên đây (bình tích ghi số mục lục 381), và ba món khác nữa, cộng là năm món, (với cái dĩa số 380 này), ban đầu ông định giá là 12.500 đồng cà thảy, sau ông đứt giá là 10.000 đồng (bình tích 2.000 đồng và dĩa 4.000 đồng), phân ra cho tôi trả làm mươi tháng, mỗi tháng một ngàn đồng, xứng với đồng lương tôi lãnh lúc đó là 7.790 đồng mỗi tháng.

Sau đó tôi bán ra ba món kia gỡ đủ vốn 4.000 đồng, còn lại cái dĩa này và cái bình tích vẽ tám anh hùng Lương Sơn Bạc.

Năm 1970, tôi ăn quen gầm ghé muốn nài cho được khuôn gần bảy dĩa và hai chữ "Tấn Sĩ", nhưng ông thách 100.000 đồng, cao quá tôi với không tôi; sau rõ lại ông đã bán bộ sành cổ ấy cho một Mỹ kiều, dường như còn cao hơn giá ông đã định với tôi. Cũng từ ấy, nhà ông đã hết đồ cổ, mà ông cũng nguội lạnh đối với tôi, ý như ăn năn rồi giận lây, sao không để dành cho đến nay bán sướng tiền hơn !

Dĩa lớn số 380 này, đem so sánh với những dĩa đồng một loại mà tôi đã thấy năm 1963 tại viện bảo tàng Topkapyl ở Istanbul (Hồi quốc) thì cùng một nước men và một màu lục tinh (patine).

Trước đây các khảo cổ gia và chuyên gia đều định tuổi những đồ sành chưng bày tại viện Topkapyl, lên đến đời Nguyên (Yuan) (1280 - 1368). Nhưng sau đó, nhà chuyên môn Mỹ quốc John Alexander Pope định lại các

vật ấy có lẽ làm vào đời Minh Vĩnh Lạc (1403 - 1424) mà thôi, (xem cuốn Fourteenth Century Blue and White a group of Chinese porcelains in the Topkapu Sarayi Muzesi, Istanbul, by John Alexander Pope, Washington, 1952). Theo tôi, thuyết sau này của ông Pope là đúng, vì đời Vĩnh Lạc, có sai thái giám là ông Trịnh Hòa, chở đồ sành xuất dương đi bán khắp nơi xa lị từ An Nam, Xiêm La, quần đảo Mã Lai đến tận Istanbul (lúc ấy gọi thành Constantinople), để thừa dịp lùng kiếm lông tích vua Kiến Văn là tử thù của vua Vĩnh Lạc (xem tập "Khảo về đồ sứ cổ Trung Hoa", tr. 254).

Vì vậy tôi xin sửa lại và nói dĩa số 380 này để làm vào đời Vĩnh Lạc, để theo cho đúng thuyết của ông Pope.

Đây là tôi căn cứ theo một tài liệu có phần vững chắc và tin được, chớ nói gì hổ động tới các nhà buôn đồ cổ ít thủ tín, thì họ sẽ quả quyết dĩa này là cổ vật đời Nguyễn để họ bán ngon lành với bạc triệu.

Thế gian thường nói : "Đất là quê, Ế là cùi". Khi tôi mua dĩa 4.000 bạc năm 1958, anh em đều chê mắc nhưng ngày nay khi biết dĩa ấy có giá trị, thì ai nấy đều thèm và muốn hiểu về thủ công cỗ ngoạn để tự tìm những cổ vật vô danh còn lạc loài trong xó. (Năm 1972, có một chuyên gia Mỹ ghé nhà, trầm trồ và định giá dĩa này đến 3.000 dollars, nhưng tôi cười năn nỉ xin đừng nói lớn sụ kè khắc nghe).

Tóm lại, trong tập H.C.Đ.S. số 4, tôi định món này làm vào đời Minh Vạn Lịch (1573 - 1620), rồi nay tôi lại

cho lên đến đời Minh Vĩnh Lạc (1403 - 1424), việc ấy cũng có chỗ châm chọc, vì một khi cổ vật đã mất khai sinh, thì mạnh ai nấy nói và định chừng tuổi tác. Trừ phi người nào nêu ra được bằng chứng vững chắc như Ông Pope đã từng nghiên cứu lại chỗ các cổ vật ở viện Topkapyl, thì khi ấy không khác nào đã lập án thế vì khai sinh cho các vật ấy rồi. Đại phàm, một vật ở một chỗ, tỷ như đồ sứ men lam tàng trữ tại viện bảo tàng Huế đó, khi vật ấy có lý lịch, có vở sổ mục lục và chẳng hề bị đổi đi chỗ khác, thì vật ấy gọi là chuẩn thằng, để làm mẫu so sánh với các vật sau này tìm được. Cũng như loài muôn cầu có giấy chứng bảo đảm về giống dòng (pédigréc); ngoài ra các vật mua lại nhà buôn có dòng mòn bài hẵn hai thì, nói mà tội, không khác nàng Kiều lạc bước lầu xanh lầu đỏ, không kể các cổ vật mua của vị thành niên, chẹt ve chai bán đồ lậu, thì phải đề phòng phạm tội ca trữ đồ gian có ngày.

Một điều nên biết và tiện đây tôi nói luôn, là khi nào mình mua một cổ vật tại nhà buôn có mòn bài thì không sợ tội và chỉ cả, vì câu tục ngữ thành luật của Pháp là "*possession vaut titre*" tôi dịch tạm "*ai cầm trên tay, nấy làm chủ*", không khác tờ giấy bạc (trừ phi có ghi số của cơ quan hành pháp), và việc buộc tội mua của gian cũng khó; có tội chẳng là có nhà buôn gánh hết. Trái lại, nếu mua của lụ của lù chưa đúng tuổi thành nhơn huy của người không căn với (chẹt ve chai bán dạo, người vô giá cư nhứt định,...) thì đó là việc nên tránh, nếu không muốn cõ họa vào thân, vì khó mà chứng minh sự thành thật của mình.

Trở lại việc mua đồ cũ bằng cách trả góp, cái lợi thiêng  
thực là mua được một món đồ vừa ý mà không phải trả  
tiền lập tức và bằng một số tiền to không có sẵn. Sau  
khi góp đủ số thì món đồ thiệt thò về mình, nỗi thích  
thú càng tăng, lại thêm được một kỷ niệm vui vui và  
tránh sự lâng phí. Vả lại trong khi chưa trả hết, mình  
có đủ thời giờ xem xét và suy nghĩ, nếu vật đó không vừa  
ý thì còn đủ thời gian đếm trả lại, số tiền đưa trước nếu  
không lấy về được thì đổi món vật khác cũng không muộn.  
Chứ nếu thấy một cổ vật có giá trị mà còn do dự, trả đi  
trở lại, thì mấy người dư sức mua, họ sẽ rước mất.

Mua trả góp phải tin nhau mới được. Người bán tin  
nơi lòng chon thật của người mua, hoặc vì là thàn chủ  
quen lâu năm, hoặc vì tư lợi kín, chịu bán góp để nhờ  
nhõi mượn thế lực, hay nhờ giúp bán một mồi lớn cho  
kẻ khác mà người bán chưa từng giao thiệp, một lý do là  
hơn hõi là để mua lòng.

Người bán nhiều khi chắc ý món đồ bán trả góp là  
tối quí, nên bán cho người mua góp, phần đông là hàng  
sưu tập si mê nhưng ít vốn, vì cái đức tính tối của những  
nhà buôn có lương tâm, là biết hối các thàn chủ của mình  
và khi có món có vật nào lụ, luôn luôn muốn cho nó được  
về người sưu tập săn bộ môn của vật ấy. Lại nữa, người  
mua trả góp, đôi khi mua được giá hơn người mua trả liền  
mặt, nhưng đối với người mua, sự thích thú cũng được  
kéo dài, từ khi mua đến khi trả hết, mình vẫn có cái nom  
nợp nợ trả không nỗi, người bán sẽ lấy món đồ lại thì tiếc  
và tủi lầm, người nào chơi đồ cổ mà biết và có cái nợ ấy

thì mới đúng là hàng lầm, biết thường thức thật tình thú chơi cổ ngoạn. Vì cũng có người ham mua góp, mà chênh mảng sự trả tiền, mấy người ấy không khác mấy người đánh cờ đợi chúng nhắc mới đi một nước, lấy sự trì hoãn như vậy làm một thế cao, chọc tức chơi cho bỏ ghê.

Một chút tâm lý khác, là có ý xem, những vật giả mạo hay có tì vết, nếu khi người buôn chịu bán góp vì trước sau người mua sẽ biết và sẽ có sự lôi thôi.

Những món cổ vật giả, không khác cải b López xô, phải ăn lẹ, bán mau, bán tốt nhất là cho khách tha phương, mua rồi không trở lại. Nước gian hết chỗ nỗi, và theo tôi nên tìm phương pháp ngăn cấm sự buôn bán đồ giả, đồ cổ giả tạo, và sẽ làm mất uy tín của xưởng.

Người mua không nên lạm dụng cách trả góp, vì mua đồ mua dập, thâm thiêum quá nhiều thì mất vui, không khác một chiếc thuyền, muốn về tới bến thì thuyền chả đừng ham chờ nặng, ghe khắm rồi mà còn chồng chốt lên mãi, thì đó là vì thuyền chả không biết lo xa mà chờ và đó là cách mình tự giết mất thú vui của mình.

Tôi xin nhắc lại một lần nữa, mua trả góp là một phương thế của kè yếu, mua giành mua giựt với người nhiều tiền, dù dự cung mất món lợ, họ tới sớm đớp ngay thì tiếc không kịp. Người mua trả góp phải biết nuối cảm tình của các nhà buôn.

*Kết luận.* - a) Về đồ cổ đời Nguyên, xét lại vốn không được đẹp, vì làm vào huối lão sơ. Nó chỉ được cổ mà không. Đối với người khảo cứu thì nó là một vật đáng sưu tầm

để đem về nghiên cứu cho thòi tình. Đối với nhà sưu tập  
để chơi thì tốt hơn không nên mua đồ cổ dời Nguyên, vì  
thường có đồ giả mạo, nên dành tiền mua cổ ngoại khác,  
vừa đẹp hơn lại vừa ít tốn kém hơn. Nhưng bá nhơn, bá  
bụng, lỡ khuyêñ này cũng bằng thừa.

b) Về cách mua trả góp, đó là cả một nghệ thuật, còn  
tùy mỗi người và tùy món vật sở thích hay không. Nó  
như con dao bén : biết sử dụng thì nó đem lại sự vừa  
lòng, không biết sử dụng, thì đứt tay có ngày, và không  
nên trách người sư bày cách mua đồ cổ trả góp.

8 - XI - 71.

\*

# 9

## CỔ BÌNH "HỒNG VŨ NIÊN CHIẾ" (1368-1398)

### *Dẫn. - Nho gia và khảo cổ gia.*

Một khảo cổ gia, vừa có thể là một nho gia, vì muốn rành về khảo cổ học, Việt Nam, ít nhất phải biết Hán tự và nôm tự là hai thứ chữ cần nhất.

Trái lại, một nho gia, dẫu cho khoa bảng xuất thân, chưa át trời nên một khảo cổ gia thành tài, nếu bản thân không săn có khiếu về sự sưu tầm cổ vật và không săn có máu hiếu cổ.

Đọc suối được chữ Hán, chữ Nôm, có ích cho nghề khảo cổ; nhưng còn phải đọc được chữ triện, trong Nam gọi chữ cổ tự, thêm những chữ khó đời xưa, nhất là những chữ chuyên môn, nay đã ít thấy hoặc không dùng nữa. Một ông quản thủ một viện bảo tàng nhỏ có viện trong vườn bách thảo, phải biết Hán tự, Nôm tự thì đã đành, mà còn phải biết chữ Chàm, chút ít chữ Cơ me cổ để tìm hiểu các bia cổ hoặc các chữ Chàm trên vách đá hay tháp xưa của hai dân tộc này.

Một lý do nhỏ, học thông Hán tự, có chứng chỉ cao học, thử lấy bộ Trà kinh của Lục Vũ, đọc chơi cũng thấy toát mồ hôi, vì nội danh từ về "trà", mỗi địa phương bên Trung Quốc xưa đều dùng một chữ riêng biệt để gọi.

Biết được các thứ chữ ấy rồi, cũng chưa phải một vị quân thủ giỏi, nếu chánh phủ vẫn tiếp tục cấp ngân quỹ không đủ dùng. Dẫu may thay, chánh phủ cấp tiền bạc dồi dào mà trao cho một ông quân thủ "công chức", không có máu mề đòn cổ mà thiếu máu nhiệt thành với nghề nghiệp, thì tuy dấu ông ấy ở Mỹ ở Tây phương học có đủ thứ bằng cấp về, thì cũng hoài của vô ích, vì theo tôi biết, ở Pháp có dạy về nghề khảo cổ thật nhưng chuyên về mỹ thuật Hy Lạp, Pháp, art byzantin (mỹ thuật của thành Constantinople) của cổ La Mã, chờ chưa dạy về mỹ thuật Đại La hay Bát tràng, hay mỹ thuật Trung Hoa, nhưng tôi cũng nghe mờ ở mà không biết đích xác. Còn bên Mỹ, tôi chưa biết ra sao, nên không dám nói.

Trong Chợ Lớn, trong giới văn nhân học giả Trung Hoa, một ông tôi biết đã trên hai mươi năm và kính phục như thầy là ông Đới Ngoại Quân, lại không nói được tiếng Việt, mỗi lần gặp nhau chỉ ra dấu như hai tháng cầm diếc, thì còn hưng thú gì mà đàm với đạo? Đới tiên sinh biết nhiều chữ "chết", không có trong vài từ điển và tự điển thông dụng, nhưng ông khiêm tốn, ít nói và khó gặp, nên cũng như không.

Học giỏi, uyên thâm chữ Hán chữ Nôm, có thể ví như lá sen, lá môn. Trên lá tự nhiên có lớp nhung mịn, làm cho nước mưa không thấm, và trời càng mưa già, sen môn càng tươi chờ không ướt. Học chữ thường dùng mồ hôi, cũng có thể ví như sen như môn, nhưng lớp nhung mỏng quá, cứ ngày phải ướt vì mưa nặng hạt.

Cũng có người dối chữ Hán, nhưng nhờ đọc được

một ngoại ngữ dịch lại Hán tự thì đã được một vài. Chính tôi ở trong tình trạng ấy. Trong khi trong nước chưa đào tạo được khảo cổ gia chuyên môn, thì tôi cũng có lạm bàn chung quanh một vài vấn đề dễ dãi; nhưng tôi tự ví không khác một y tá già, trong vài cơn cấp bách, cũng giải quyết được vài cơn đau bệnh nguy cấp nhỏ nhò, chớ làm sao dám ví với các bác sĩ thiêt thợ, vừa có tài vừa có cấp bằng đảm bảo tài năng. Duy tôi được rất nhiệt thành với khoa chơi cổ ngược, và nhờ tập tành từ nhỏ, nên tuy dại tôi mà nhờ kỹ nên như sáng, gấp chữ khó tôi cầu thày dịch trước, cho nên công việc tôi làm vẫn không đến đỗi tệ. Nếu tôi không đọc được lại chỗ, thì tôi cũng mà được một vài chữ mà tôi đã có gấp rồi, khi về nhà sẽ tra lại những bản cũ rập cũ, nên tôi cũng ít làm. Thêm tôi có linh tánh trời cho và sẵn có khiếu và có kinh nghiệm lâu năm, nên chỗ thay biết của tôi, có khác, mặc dầu sút kém về Hán tự, dứt ngay chớ không che giấu làm gì. Đây là tình trạng tạm bợ của một người miên cưỡng làm nghề khảo cổ. Muốn đáng bức chuyên viên hành rồi, người ta gọi nhà khảo cổ, mà mình không thích, thì tôi phải trau giồi cho được tình thông chữ Hán như chữ Nôm, chữ cổ như chữ mới, nhưng được vậy thì tôi xuống lỗ từ lâu rồi. Các bạn đừng hắt chước tôi ở chỗ này, và nhược điểm của tôi, chính tôi cũng tự trách. Nhà khảo cổ phải là người hữu học, như bác sĩ phải có cấp bằng. Ngoài ra đều dung y hết thảy.

Tôi thuộc về hạng dở dang, lúc nhò cha mẹ ép học chữ Tây, giận chữ Nho là "chữ của người mất nước" nên

không cho học, nay đâu dám trách mẹ cha, chỉ ăn năn lấy mình. (Sau ở Sa Đéc xin họ giáo với ông cù nhơn Võ Hoành, ông nhận dạy nhưng thay vì dạy chữ, ông dạy tôi cách ăn ở trong đời, nhất là ông dạy tôi uống rượu trắng, và tôi vẫn dốt). May nhờ tôi vọc vạch đồ cổ từ bé thơ và suýt đời không xao lảng giờ phút nào với khoa chơi cổ nguyễn, nên nay, bảy mươi tuổi đầu, tôi có một kinh nghiệm của một cu li già trong nghè, và tôi muốn truyền chút nghè riêng ấy trước khi ra đi vĩnh viễn. Tôi nói hết ra đây, không phải để khoe, kỳ thật tôi muốn mượn dịp, khuyên các bạn nhỏ đừng thối chí, hãy sưu tầm và tìm hiểu đồ cổ trong lúc còn kịp thời, đừng để thừa không thạo chữ Hán, không đọc được chữ viết trên tò trên chén xưa rồi ngã lòng, bởi vì mình có thể mượn các nhà hay chữ đọc giúp, điều cần yếu là phải biết mua kịp thời các vật cổ lạc loài, kèo mài cơ hội tốt.

Học chữ Hán nhiều năm, đọc rát kim văn, mà không có lòng với khoa cổ nguyễn, thì đâu một đời làm việc trong viên khảo cổ, cũng chưa phải là người lành nghè.

Đầu giao quản thủ một viện bảo tàng mà không thiếp tha với nghè, thì ấy chẳng qua là công chức, ngồi chơi xơi nước.

Nước ta bị nạn chiến tranh nên rất nghèo. Ngày nay không thể nhác đến chuyện khai quật đào lìm các di tích và cổ vật. Người chuyên môn đã không có mà ngân quỹ súc tích cũng không. Công việc mỗi người con dân làm được là có một chút lòng với cổ vật, và ráng giữ nó lại khỏi tay vơ vét của ngoại bang.

Để mau hiểu vấn đề xưa là quí, tôi xin lấy một lý dụ thiết thực sau đây. Đò xưa quí có ở khắp chung quanh chúng ta, tại mình không biết và σ hờ với nó mà thôi.

Nói không phải để khoe của, nhờ mấy năm làm việc ở Sa Đéc, tình cờ tôi mua được một cổ bình vô giá, để hiệu "Hồng Vô niên ché" một cách gần như bất ngờ, mà tôi quen gọi "lục bình con sáo", vì trên bình có vẽ một con chim, trông không biết chim gì, Ba tôi gọi chim sáo thì tôi cũng gọi theo làm vậy.

Và sự tích của nó, dài dòng như sau :

\*

Hôm nay, nhơn lật hồ sơ "lục bình con sáo" để viết bài này, tôi đồng giựt mình, tội nghiệp cho số phận hẩm hiu của đồng bào nước ta.

Vừa rồi, ông Cử Tạ Chương Phùng ghé nhà thăm (31-10-1971). Nhưng năm nay ông điếc quá, nên tôi để cho ông nói, chờ không hỏi được lời nào. Người như ông, ngày nay rất hiếm. Tiếc vì ông đã không thể dạy mình, không phải ông vô phước, mà chính mình mới rủi hơi ai, vì không sớm biết ông, khi tai mất ông còn tôi.

Ông ngồi dài liền bằng gỗ trắc treo tại phòng, chư vàng sáng chói; ông ~~đẹp~~ lớn :

"Tu vō tu vān, bái nhược tu tâm vi thương sách,

"Tích kim tích ngọc, hoàn tu tích đức thị lương đờ.

Ông cười lớn và dịch lớn :

*Luyện võ luyện văn, văn không bằng tu tinh lòng  
mình là hơn hết,*

*"Chưa vàng chưa ngọc, phải nên chưa đúc mới là hay.*

Tiếp theo ông đọc câu khác (câu này viết thấu, chứ  
rất hay, thuở nay chưa ai đọc nổi):

*"Lộ ấp phượng lan, ngọc diệp kim chi sanh tịnh mậu,*

*"Yên phi bảo thụ, xuân hoa thu kết cọng thành lâm.*

Ông cười hả hả, dịch lại cho tôi nghe gần bể nhà :

*"Sương móc tưới lâm bông lan thơm, tưới tối nay nở  
cành vàng lá ngọc,*

*"Khói mưa bao trùm cây báu, rậm rạp như rừng, mùa  
uân đâm bông, mùa thu kết trái.*

Ông trở về bàn viết, đọc tiếp hai câu ngó ra thiên  
tinh có hòn non bộ xinh xinh :

*"Lộ hành chánh, trạch an cư, sanh bình thư thái.*

*"Kê thánh kinh, cưu hiền truyện, sự nghiệp cao minh.*

Ông gật gù, vừa dịch vừa nói dù ông nghe : ai cho  
anh hai câu liền này nghe được :

*"Đi đường ngay thẳng, ở nơi yên ổn, đời sống bình  
thường dễ chịu,*

*"Học sách thánh nhân, nghiên cứu truyện hiền già,  
sự nghiệp cao sang sáng ta.*

Đoạn Ông ngó lên tấm biển có hai chữ "LAN HINH",  
nơi lục khoản, hai hàng chữ nhỏ :

*Trưởng huynh thành gia chi khánh,*

*Nội đệ Vương Minh Quan cung hạ.*

Ông nắm tay tôi siết mạnh ra về. Tôi đưa Ông, bỗng Ông gấp một cắp liền tre nứa :

*"Mạc phóng xuân thu giải nhật khu,*

*"Tôi nan phong vỗ cỗ nhân lai. (1)*

Ông cười xòa ngó lại tôi mà nói : "Nhà anh nhiều chữ với nghĩa quá. Để bữa nào tôi trở lại đọc nốt mấy câu kia xem thế nào !"

Tôi tiễn Ông ra đến tận cổng, hai tôi còn bịn rịn, bỗng Ông trực nhớ điều gì, Ông nói : "Anh mua mấy đôi liền ấy, mấy chục ngàn mét cắp ? Mà anh biếI hôn ?

---

(1) Dịch. - Đừng để uống phi tái cả những ngày tôi đẹp của mùa xuân, mùa thu trời qua đi; Khó khăn nhất trong khi mưa gió có người bạn cũ tìm đến.

Cặp linned này chèm trên gá trên bèn Tàu, nay lên nước Ðô zu, nguyên của Ba tôi cho tôi, và tôi giữ mãi, mặc dầu mấy phen chạy giặc. Đai ý nói :

"Tuổi xuân xanh có hạn, cần phải gắng cống sự nghiệp, chờ có làm biếng, sẵn lửa tháng ngày, để uống phi trời qua, khi già cả không còn làm được việc chi nữa.

"Lúc bình thường có rất nhiều bạn bè lui tới thăm hỏi, nhưng đến khi hoạn nạn biến cõi, ví như trong khi mưa gió đến tôi, thì thiệt là khó thấy có một cố nhân nào lùm đùm để chia sẻ nỗi lo âu với mình". Câu này ví cũng như câu tục ngữ của ta thường nói : "Khi vui thì vỗ tay vào; đến khi hoạn nạn ai nào thấy đâu".

Chầu xưa, lúc tôi mới thi đậu ra làm quan, lương tháng là 12\$00 và 12\$00 là giá một cặp lì xì bằng gỗ trắc liền lạc, chử mạ vàng thiệt bóng như của anh đó. Ngày nay xóm tôi bán những hộp vịt xấu, mỗi hộp là mươi hai đồng (12\$00). Té ra hồi đó anh em chúng tôi ăn lương không bằng một cái hộp vịt !"

Rồi ông nhảy lên xe máy, đạp đi thoát thoát như thanh niên. Đó là Cụ Cử Tạ Chương Phùng, làm quan cùng một chỗ với Ông Diệm, từng ở tù trào Ông Diệm, ra tranh nghị sĩ kỳ đầu thất bại, nay trên tám mươi còn đi xe đạp, vì không tiền. Nhiều người chê quan đảng cựu là thối nát. Lời nói ấy trót trên áo người quân tử này.



Nhưng chuyện mày dòi liền trắc chưa bằng chuyện bình con sáo sau đây :

### CỔ BÌNH "HỒNG VÔ NIÊN CHẾ"

Ông Châu Nguyên Chương, năm 1368, đánh đuổi được quân Nguyên ra khỏi Trung Quốc, lên ngôi Hoàng đế, đổi quốc hiệu là Minh, đóng đô ở Kim Lăng (Nam Kinh ngày nay), gọi là Ứng Thiên phủ, lấy đất Khai Phong làm Bắc kinh. Ở ngôi được 30 năm (1368-1398). Ấy là Minh Thái Tổ (Hồng Võ).

Với chiếc lộc bình "con sáo" còn sót lại này, nếu tôi

chứng minh được nó là cổ vật chính, không phải đồ giả hiệu, thì tuổi nó là :

Cao niên nhất, lấy năm đầu Hùng Võ mà tính thì được :  $1971 - 1368 = 603$  tuổi.

Thấp nhất, lấy năm chót Hùng Võ (1398) mà tính, thì cũng được :  $1971 - 1398 = 573$  tuổi.

Nay, thực tế mà nói, cứ tính mỗi năm mướn một người gìn giữ nó, theo giá tiền kim thời, nếu người ấy chịu giữ nó với giá một ngàn đồng một tháng thôi, thì trong 603 năm, tức là 7.276 tháng, đồng họ người đó, từ ông sơ ông sờ ông sắm cho đến ngày nay, sẽ lãnh được tiền công là  $1.000\$ \times 7276 = 7$  triệu 276 ngàn đồng.

Không nữa trong 573 năm, tức 6876 tháng, cũng lãnh 6.876.000 đồng.

Áy là chưa kể tiền mua bình, và số tiền ấy sanh hoa lợi đến năm nay bao nhiêu mà kể.

Thế mà tôi mua nó ở Sa Đéc, ngày 24-1-1933 giá có bốn chục đồng (40\$00), như vậy, các bạn đã thấy sự ích lợi của thú chơi đồ cổ chưa, và giá thứ năm nay tôi bán và tôi thách 10.000.000\$ thì cũng chưa phải là điên, vì một tấm tranh cổ đời Minh rõ ràng đấu giá có người mua đến mươi triệu bạc kia mà ! (Nhưng tôi nói đây là tỷ dụ chơi, xin các ông sờ thuể chớ tin rằng thiệt).

Trong giới chơi đồ cổ, đồ đài Minh đã là hiếm có lắm rồi. Thường thường có thể gặp trong vài viện bảo tàng lớn ở Anh, ở Pháp, ở Mỹ, ở Nhật, một vài món

Mình chính cống, kỳ dư đồ già hiệu Thành Hóa (1465-1487) vẫn có bán ngờ ngờ, nhưng chính bên Nhựt Bản, tôi cũng chưa từng nghe nói có tàng trữ cổ vật Minh Hùng Võ. Nhưng muốn bán giá bạc triệu không phải dễ, phải đủ bằng chứng, có lẽ họ mới tin, còn mua hay không là việc khác.

Nhưng xin các bạn ráng chịu khó đọc tiếp. Tạm thời, tôi dám tuyên bố: "Bình này quý lắm, đáng gọi là "độc nhứt vô nhị", hoặc "cỗ kim hy hữu".

Tôi viết đến đây nhớ mấy ông Đạo Chích, Ông nào thính tai, cũng đừng bận rộn rình nhà vô lich, vì lấy ra được thì chiếc bình đã hể và trả nên vô giá trị, thà để vậy cho tôi làm tài liệu viết sách còn hơn.

Và xin cho phép tôi dài dòng thơ thẩn, để rọi sáng vấn đề.

*Gốc lich.* - Năm 1931 tôi để ý cái lục bình này, tại mé sông Tân Qui, chầu hành Sa Đéc, nơi nhà một ông thợ bạc họ Phạm, nay đã quá cố.

- Năm 1932, tôi theo dõi và hỏi thăm các bạn quen biết nhưng chưa dám giáp mặt ông chủ chiếc bình, tuy đã có xem mấy lần.

- Năm 1933 tôi dời về quê nhà ở Sóc Trăng, và ngày 24 tháng giêng Tây, tôi đã làm chủ thiệp thợ chiếc bình, khi ấy tôi mới dốc lòng tra lâm lý lịch của nó.

- Đến năm nay 1971, tôi mới viết ra bài này. Từ trước năm 1945, tôi không viết chi hết, lấy tôn chỉ văn người

hay hơn văn minh, mua sách đọc sướng hơn, và tôi gì bối lợ mẩy tờ giấy trắng. Nhưng từ chạy lên Gia Định, bụng tôi mới bắt đầu viết để kiểm thêm miếng cà và miếng cơm. Tóm lại tôi ham đọc văn người để học thêm, và cùng cực khi nào tôi biết chắc một vấn đề nào và cần thiết lầm, khi ấy tôi mới cầm viết.

Như đối với chiếc lục bình này, tôi biết đã khá nên xin chất vấn hải nội quản tử, chờ được dạy thêm.

Đối với con là Bảo, đây cũng là lời dặn riêng chờ xem thường một vật phải có điểm phúc lợ mới có được trong nhà. Vương Hồng Bảo, con nên nhớ.

*Kích thước - Chiếc bình do bè cao 0m45.*

*Kinh tâm trên miệng : 0m15 (đo phủ bì)*

*Kinh tâm nơ đáy (đít) : 0m17.*

*Nơi hông, chỗ rộng hơn hố, đo được 0m21.*

*Giá mua : bốn chục bạc, bạc năm 1933 (kinh lỗ khung hoảng, giá lúa 0\$90 một tạ).*

*Ngày mua và nơi mua : Mua ngày 24-1-1933 ở Sa Đéc, nhờ ông phủ Võ Văn Nhiêu chờ về giùm.*

*Số mục lục : 64 VHS. (Xem hình nơi tập H.C.Đ.S. số 4) pl 28-29 fig 28A-28B).*

*Hình dáng. - Hình dáng rất thanh và cân xứng, không lòng chòng, không ôm, chuộng bè thế vững chắc. Nói theo giọng chuyên môn Âu Mỹ, bình này quả có một*

về châm thắt bình thường (bonnête et simple), rất cổ điển, y như muốn nhái một bình đài Thương qua Hán, bằng đồng đen. Quả hình dáng có duyên, không hào nháng se sua, cũng không quá cổ lỗ, thấy chiếc bình đủ tin đeo trước một cổ vật đặc sắc, có chút giá trị.

*Tử trên tả xuống* : trên vành miệng có một viền hời văn đắp nổi (xem Pl. VIII, kiểu hời văn A). Đây là những kiều đầu như ý (modèle de tête de sceptre), đặt kế nhau theo thể cách giao liên, cái này nối tiếp cái kia, thành một đường dài y một kiều, ta gọi những đầu như ý liên tiếp ấy là "đây hoa sòi" hay "đây sòi". Theo sách, sòi là hình đầu chiếc nấm linh chi, mỹ thuật hóa thêm cho đẹp. Sòi, nay còn thấy thêu trên gốm Trung Hoa hoặc vẽ trên trang sách quý hay trên cổ những cháo Khang Hy, nết vẽ đơn thanh, chỉ chừa nhiều khoảng trống để khoe sắc đẹp của da trắng sành trưng diệc (blanc "œufs de héron")

Tiếp theo miệng bình, và trên cái hông bình, có một khúc thắt nhò lại, quen gọi "cái cổ của chiếc lộc bình". Nơi khúc cổ ấy, hai bên tả hữu, có đắp nổi hai nhánh mai, nhánh màu đen luốc luốc, bông nấm kiêng trắng bạch, cả hai nhánh đắp dạng đầu, cuống trở lên, đọt và hoa trở xuống, kiều ấy gọi "mai chiếu thủy". Dưới cái cổ, tiếp hai đường viền hời văn màu đồng đen, chỉ đắp nổi, đường viền trên là hời văn chữ S nằm trái trả.

*Đường viền* dưới nhái trở lại dây sòi "đầu như ý" y một kiều với hời văn đắp trên miệng (xem Pl. VIII, kiểu hời văn B).

Dưới hai đường hời vẫn màu đồng đậm này là lớp cái hông bình. Hông này, một phần không về vời, cói để khoe men đẹp và cái đẹp của da rạn, vừa rạn da rắn (craquelé en peau de serpent), vừa men màu hột vịt lộn (couleur "oeuf pourri").

Phía bên kia của chiếc bình, về tích "mẫu đơn điểu", nhưng cách vẽ cũng không giống các cổ bình tôi thường thấy. Trên cổ bình, thường ký niêm hiệu "Thánh Hò" thường vẽ kiểu "mẫu đơn trĩ"; nhưng trên chiếc bình "Hồng Võ" này, con điểu ấy không phải là chim trĩ nữa, mà là một con chim "kỳ cục", có mỏ dài màu trắng, trên đầu có chóp mao, còn lông cánh thì xệ xệ, lông đuôi thì tua lớn sợi và xụ xuồng, trông không biết đó là chim gì; đến nỗi các anh em giới chơi đồ xưa ở Sa Đéc, luôn và Ba tôi, đều tặng cho nó là "bình con sáo của bác thợ Thiệu". Duy ai nấy đều nhìn nhận nét bút công phu, và màu xanh lơ thiêt đúng là màu xanh sau cơn mưa (vũ quá thiên thanh) của đời Minh vậy. Ngày nay, học thêm chút ít, thấy trong sách Cảnh Đức Trần đào lục chép Hồi Thanh làm ra màu "vũ quá thiên thanh" phải đợi đến niên hiệu Chánh Đức (1506-1521) mới mua được nhiều của người Hồi Hồi, nhưng thuyết này không đủ chứng minh đời Hồng Võ chưa có Hồi Thanh do các cuộc trao đổi di sứ đem về, nhưng ít thôi, và đồ ngự dụng mới được dùng đến.

Nay tôi xem kỹ, con chim lạ ấy đậu trên một gốc tùng, tùng thiên niêm lụp đá cằn cỗi và nhiều chỏ, nhánh đá mục nay chỉ còn dấu khuyết trên da. Chung quanh và

dưới con chim trĩ, có bốn bông mẫu đơn thật lớn, nhờ mẩy đóa mẫu đơn này, tôi mới dám chắc đó là kiều "mẫu đơn trĩ", tượng trưng cho sự phú quý, vì thuở nay ai cũng biết : mẫu đơn là phú quý chi hoa, và trĩ (sau này biến thành phụng) là chúa các loài điểu.

Dưới chân bức họa "hoa điểu", sát tối đụng chân bình, là một viên hời văn màu đồng đen, cao đến hơn năm phân Tây, hời văn này chạm sâu vào da bình, kiều sóng búa có vòi, chạy giáp vòng quanh chiếc bình. Đây là kiều "thủy ba đơn sóng". (Ba là "hoa", vì kỵ húy tên bà phi, vợ Ông Minh Mạng, nên ngoài Huế có tục lệ nói "ba" thay vì "hoa" (xem Pl.VIII, kiều hời văn C).

Sau rốt, nơi sát đáy bình, có chừa một viên tròn kiều "lá hẹ nồi". Đây là đường viền chót, nhái viên đồng đen thường gặp trên các cổ đồng đời Hán (206 tr T.I. - 220 sau T.I).

Chiếc bình này chứng tỏ đời Minh còn chuộng kiều bình xưa thời Thượng cổ, đều làm bằng đồng, sau vì chiến tranh lấy đồng đúc binh khí, nên mới tìm ra đất nung, gốm và sành, làm đồ tử khí thay thế đồ bằng đồng.

Trên chiếc bình tôi đang tả, dưới đất, chỗ nào men đen cái viên "nhái da đồng", chỗ nào màu đen không phủ khắp thì lộ ra một màu do đỏ như màu gạch lòm, nói cách khác, như màu gạch đỏ bầm, đây là một triệu chứng sót lại của các cổ vật bằng đất nung đời Tống đời Nguyên lòn lại (Song 960-1279; Yuan : 1279-1368).

Từ nay giờ, tôi tả dài chiếc bình Hồng Võ, mà

nào có thấy bằng chứng gì là Hồng Võ đâu ? Và đây là bằng chứng ấy : Số là nơi đít bình, khi lật lên xem, sẽ thấy giữa một khoảng trắng da săn rạn ố nhện, có hình một con dấu to, nét chạm rất sâu, vuông vức như vầy, màu da đồng đen (hình dưới là rập lại y kiều nơi đít bình (xem Pl.IX).

Trong lòng chiếc bình, có tráng men, màu trắng, da trỗ rạn da rắn từ trên miệng xuống đến cổ, còn trong bụng chiếc bình không thấy da trỗ rạn nữa.

Bốn chữ trong con dấu trên đây, nhiều người đọc, chữ được chữ không và vẫn làm cho giới anh em chơi đồ cổ ở Sa Đéc đều ngã lòng, vì vậy chiếc bình ế độ mới lọt về tay tôi. Có phần hay không là vậy.

Bây giờ tôi xin để ý câu chuyện cái nghĩa bốn chữ ấy, và bắt qua thuật chuyện cách mua chiếc bình như thế nào :

*Cách mua chiếc bình.* - Tôi đã nói trước đây rằng trước năm đảo chính 1945, đồng bạc Đồng Dương rất có giá trị. Nhứt là khoảng 1932-1933, kinh tế khủng hoảng, có người trộn đồi không thấy tờ giấy bạc mội trăm đồng, gọi "giấy xang". Còn dân đen, nói gì, trộn năm không kiểm đâu ra bốn đồng rưỡi bạc (4\$50) đóng thuế thân, phải ở tù lên ở tù xuống.

Lúc ấy, năm 1932 tôi làm thơ ký hạng 3 của Chánh phủ Pháp, lương mỗi tháng 81\$78 (có vợ không con). Tôi truất ra 40\$ mua cái lục bình. Nay bình trị giá sáu, bảy triệu đồng. Nhưng chiếc bình này quý hơn chiếc Mercédès nhiều. Mercédès giá trên mươi triệu mà nhiều người có;

chiếc bình từ Minh Hồng Võ, lẽ nào giá trị kém chiếc xe bao giờ !

Giá thử năm 1932, tôi không mua chiếc lục bình này, thì số bạc 40\$ kia, tôi cũng xoay xở tiêu pha mất hết rồi. Hoặc tôi có khôn khéo dùng số bạc ấy cho vay đặt nợ, bòn tro dài tráu, thì cũng chưa át két quả có đến số bạc do chiếc bình đẻ ra trong óc tưởng tượng của tôi, không khác bài toán còn bán sữa và bình sữa, của ngũ ngôn Pháp !

Bí quyết của nghệ thuật chơi cổ ngoạn là đó. Nhưng ngày nay giờ lập hồ sơ cũ, (có cả mảnh lưu chiểu hưu phiếu 40\$40, số 104, séric 006,983 đè ngày 19-11-1932 gởi cho một bạn ở Sa Đéc nhờ mua một chiếc bình), tôi thấy lại cả cái rị mọ dẽ ghét chầu xưa của tôi mà không khỏi buồn cười.

Tôi cần phải thuật các chi tiết lại đây, mặc dùn dài dòng, để các bạn hiểu đỗi chút về tánh gàn của một tên chơi đồ cổ, vừa có dịp so sánh đời sống miền Nam trong hai khoảng năm 1932 và năm 1971, khác nhau xa thế nào.

Sơ khởi, lúc tôi đỗi về làm việc tại Tòa Bố Sa Đéc, từ năm 1928 đến năm 1932, tôi đã nghe danh chiếc lục bình này và đến xem tận mắt nhà chủ cũ của nó là Ông họ Phạm (nay đã mất). Ông cũng là chủ cũ của cái lô Bá Nha Tử Kỳ có bài thơ nôm mà tôi sẽ nói nỗi sau trong tập này, và cũng là chủ của cái lỗ có nắp, di vật của chúa Nguyễn Ánh, tôi sẽ nói nỗi sau, lại cũng là chủ cũ

của bộ chén trà năm Giáp Tý (1804) tôi sẽ nói qua tập số 7 "Thú chơi ấm chén". (Tóm lại những món quý của ông, sau đều về tay tôi cả).

Nhắc lại khi thấy chiếc lục bình, tôi ưng bụng ngay và định mua, nhưng các bậc đàn anh dẫn đường cho tôi, đều khuyên nên chậm chậm, một là để đủ thời giờ xem đi xét lại, hai là có sợ mất mát gì đâu mà hòng lật đặt, vì buổi ấy tiền bạc trong nước kiếm không ra, tôi tươi một đồng bạc bốn thùng thiếc, "ăn đến kiết", và hắp trái trên cây, một trăm trái bán có hai cắc bạc; nay tôi gì xuất ra bốn chục đồng bạc (40\$00) mua một cái lục bình mà nội chợ không ai thèm ngó !

Tháng tư năm 1932, tôi đổi về làm việc sở quản thủ địa bộ ở quê nhà, tại Sóc Trăng, tuy xa cách Sa Đéc, nhưng không quên cái bình.

Lúc ấy, tôi bèn gởi thơ cho một ông bạn rất tốt (nay đã mất) và rất sành sỏi về đồ xưa, là ông Trương Văn Hanh, nhà ở đầu cầu Vĩnh Phước, mé sông Tân Qui, cùng một xóm với ông thơ Thiệu. Trong thơ của tôi (lúc ấy tôi chưa có lật giữ bản sao thơ gởi đi) tôi nhờ nài chiếc lục bình, nhưng thơ thứ 1 đề ngày 15-XI-1932, ông Trương viết như vầy và tôi xin chép lại cho thấy giọng văn của ông : "Tôi có được thơ cây hỏi lục bình con sáo từ 40\$ đổ xuống mà tôi thì trả có 30\$, nên và còn dù đư, vì thiệt vốn và tính cho tôi nghe thì là 32\$. Tôi tính để trả cho y 35\$ là cùng mà thôi, thế thì phải được vì năm nay không còn chờ chi là cao giá, và lúc này y cũng cần tiền hơn.

"Vậy chừng mua được, mới làm sao ? Phải gởi cách nào ? Muốn vậy thì mua được trong tay; xin gởi ngay 40\$ và chỉ cách gởi gấm đồ ấy. Có lẽ tôi mua dưới 40\$, theo y nói thì bốn chục cũng chưa đắc ý bán, vì vốn đã 32\$ mà đã ba năm rồi, lời có mấy đồng còn chê ít, nhưng mà không ai mua chỉ cho mắc hơn mình mà sợ.

---

Ký tên : T.V.H

Tiếp theo bức thơ 15-XI-32 trên đây, tôi có nhận một bức khác có kèm thơ của chủ cũ chiếc bình, cả hai thơ ấy, tôi xin sao lục ra đây, y nguyên văn :

1) *Thơ đánh dấu a).* - Sadec le 16 novembre 1932.

"Lời cho chú Tư rõ, (Ông Hanh thứ tư) Cái lục bình,  
xin chú làm ơn vui lòng trả lời với người đó. Xin chú cất  
nghĩa giùm nó đã hay mà lại xưa lắm, như họ muốn dùng,  
tôi định chắc "40\$00".

Ký tên : Thiệu

2) *Thơ đánh dấu b).* - Cùng hiền hữu yêu dấu.

"Sớm mai này, mới được tin của M. Thiệu nói vậy đó,  
liệu sao ? Như mọi khi thì không mắc lầm, mà lúc này  
thì lự ý, tôi đã trả rồi 35\$00, y nói để tính rồi trả lời,  
nên y trả lời vậy, nghĩa là nhất định 40\$00. Hôm qua,  
tôi tính thế nào cũng mua được 35\$00, nên mới gởi thơ  
nói chắc dưới 40\$00. Nay mới đặng tin của y nói vậy, nên  
xin gởi theo cho mà coi. Tùy ý muốn sao cũng được hết.  
Hết là 40\$00 thì giờ nào cũng được.

"Ít lời cùng hiền đệ dặng hay.

Ký tên : Hanh

3) *Thơ đánh dấu c).* - Sa dec, le 16 novembrc 1932.

"Thơ vừa rồi đã niêm phong lại chờ gửi đi, kẽ gap dịp may, có người điềm chỉ rằng : Tại Cao Lãnh, có nhà Tư Chương, lúc trước sắm đồ cũng mấy ngàn, nay vì kinh tế nên tính bán hết. Tay này cũng biết chơi lầm, tôi có đến nhà một khi, nhà ấy ở gần nhà Hội Đồng VINH, nhớ in là hiền hưu có đi một chuyến với tôi là phải ? Như bụng còn muốn sắm nữa, bồ nào cũng nhọc công, vậy tốt hơn là lên một chuyến mà lựa thì chắc ý lầm. Liệu sao tự ý rồi trả lời tôi biết.

Ký tên : Hanh

Tiếp được mấy bức thơ trên, tôi trả lời như sau :

Sóc Trăng 19-XI-1932.

Trương huynh Ông.

"Hai ngày được liên tiếp của Ông hai bức thơ nói về một chuyện, thẽ đú rõ tấm lòng sốt sắng với tôi là bao. Cái thanh tình ấy, tôi xin đa tạ.

"Lẽ dâng thì tôi không nên deer đuổi theo các lục bình mà làm nhọc Ông, nhưng cũng vì cái ham cái muốn đồ cổ khiến tôi bất kẽ phép lịch sự và xin Ông vụ tất việc này một phen nữa.

"Sau đây, tôi gửi số bạc 40\$00 (mandat bưu điện số 104 ngày 19-11-1932).

"Xin Ông tùy nơi người chủ bán, chờ người mua vẫn  
trồng cây vào Ông. Được rẻ hơn thì may, bằng không thì  
giá đó cũng vừa, vì tôi muốn lầm. Nhưng xin Ông cho  
thêm cái chum tiện bằng cẩm lai.

"Như Ông mua được rồi thì hãy đem về nhà Ông, hoặc  
đóng vào thùng sắn để đó cho tôi, rồi mười bữa nửa tháng,  
có dịp có người đi Sa Đéc, tôi sẽ cậy ghé lấy, chờ gởi theo  
nhà thơ, tôi không yên dạ.

"Còn việc Ông cho hay mấy món nơi nhà Ông Tư  
Chương, hiện nay đồ đường lên mua đồ cổ thì không thể  
được, để có dịp nào thuận tiện, tôi sẽ thơ cho Ông hay.

"Thơ chẳng hối lời, kính chúc Trương huynh-Ông  
vận an.

Nay kính,

Ký tên : Sển

Sau đó lục bình đem được về Sóc Trăng, nhờ Ông bạn  
đồng liêu cũ, nay đã quá vãng, Ông Võ Văn Nhiêu, chờ  
về giùm.

Lúc ấy tôi ở chung với Ba tôi, số 33 đường Hai Bà  
Trưng, ngay chỗ rạp chiếu bóng bây giờ. Phố lắp nập,  
người qua kè lại rần rần, anh em bạn đến nhà chờ  
không thiếu một ai, nhưng đều không biết giá trị cái  
bình : kè chê "con sáo vẽ kỵ cục", người nói nước men  
không giống các bình đã thấy, v.v., và phần đồng đều  
bất bέ sao trên miệng có một vết màu không y như da  
sành chung quanh.

Tôi nghe mãi muôn điên đầu... Lúc ấy, tại chúa thành Sóc Trăng, ở tiệm bán sắt hiệu "Vĩnh Sanh", ở xeo xeo phố Ba tôi ở, có một ông tài phú người Quảng Đông, tên là Trần Phụng Hữu, có tiếng lù người hay chèo nhút trong vùng. Lúc còn ở Trung Hoa, ông đã dỗ Tú tài Hán văn, sau bị lùng bắt vì có tên trong đảng đối lập Chánh phủ, nên ông trốn qua Nam ở lâu năm trong Sóc Thố, mai danh ẩn tích, rồi mới ra làm thơ ký bút toán cho hàng Vĩnh Sanh này.

Mỗi hôm, tôi rước ông đến nhà, nhờ đọc giùm bút, chử cổ tự nốt đáy chiết bình, "con sáo", bốn chử con dấu. Tôi đã rập lại nốt đoạn trên.

Ông Trần Phụng Hữu trở ngược đầu chiết bình, nhìn một hồi lâu, xoay qua trở lại dù hướng mà không đọc được dù bốn chử kia. Ông tức lòng vì mình đã xưng đậu Tú tài bên Tàu, nay không đọc được chử cổ, bèn rút húi máy, viết lịa lịa một bức thư văn tắt, đe ngày 30-1-1933, gởi qua Hương Cảng cho nhóm văn hữu quen bên ấy, nhờ đọc giùm. Thơ của ông có kèm cái rập hình con dấu, tôi đã nhờ người phiên âm và dịch lại. Việt văn như sau :

"Thử tự tự nỗi hệ cổ bình đe sở tạc chí tự dĩ ký niêm  
hiệu chi ý HỒNG VÔ CHẾ.

"Tạm tự thương vị trí thực phủ.

"Thử tự ký vi vấn các xá huynh nồng tà triện tự già  
hoặc nồng tường xuất mồ tự ký trịch phán; thị tri; Thị  
hà. Dịch. - "Bốn chử này là chử tạc ở đít cái bình xưa đẽ  
ghi láy niêm hiệu chế ra cái bình này trong năm thuộc

trào vua Hồng Vũ. Ba chữ còn chưa biết thật không.

"Xin gởi mấy chữ này hỏi chữ ông là người thường viết lối chữ "triệu" hoặc biết rõ lối chữ ấy ở đâu (đời nào) xin trả lời cho biết. Cám ơn".

Kế đó, ông Trần Phụng Hữu nhận được thơ trả lời, và ông vẫn giao kết cho tôi giữ làm tài liệu, ngót mấy lần biến cố, tôi vẫn giữ được y và nay xin chép ra sau bản phiên âm và bản dịch văn xuôi :

*Phiên âm. - "Phụng Hữu tiên sanh giám : kim nhật  
thần liếp bút đại hàn kính thừa dĩ văn "Triệu" "thơ chí tự.*

"Trà "Thiên tự văn" từ thể "Triệu" thư nội. NIÊN  
THÌ MÔI THÔI" chỉ niên tự, dữ tự tương đồng.

"Trà, biệt thư từ niên tự hữu dĩ "HÒA" dĩ "NGƯỜI"  
giả, đại ý niên tự, vô nghĩ.

"Chất chí ngâm hữu ý, kiếm gian đồng dĩ "HỒNG  
VŨ NIÊN CHẾ" độc dĩt khứ, thư vì Minh trào niên chế  
vô nghĩ, cô giả".

*Dịch xuôi. - Cùng ông Phụng Hữu,*

"Sáu mai này nhận được thơ của ông hỏi về lối chữ  
"Triệu".

"Xét trong "Thiên tự văn" có bốn lối viết chữ "Triệu".  
Có câu "Niên thi môi thôi" (thì giờ tên tuổi đi mau  
như tên bẩn), thì chữ "Niên" ấy cũng giống như chữ  
"Niên" này.

"Xét trong sách khác có viết chữ "Niên", thì có chỗ dùng chữ "Hòa" và chữ "Ngưu" làm ra chữ "Niên". Đại ý chữ ấy là chữ "Niên" không còn nghi ngờ gì nữa..

"Tôi đã hỏi anh cm bạn tôi đều cùng ý kiến với tôi mà đọc là "HỒNG VÕ NIÊN CHẾ", thế thì món đồ đó chế ra hồi trào vua này, không còn nghi ngờ nữa được".



Thế là từ đó tôi có tài liệu vững chắc, chứng minh lục bình con sáo chế tạo vào niên hiệu vua Minh Thái Tổ Hồng Võ : Câu "Tra biệt thư tả niên tự hữu dĩ hòa dĩ ngưu giả, đại ý niên tự vô nghi" (Xét trong sách khác có viết chữ Niên thì có chỗ dùng chữ HÒA và chữ NGƯU làm ra chữ NIÊN, không còn nghi ngờ gì nữa).

Câu này quan trọng nhất, đại khái nói dời xưa viết chữ "Niên" khác với chữ "Niên" ngày nay, và chữ Niên dời trước là do chữ Hòa (một giống lúa) ráp với chữ Ngưu, hiểu rằng con trâu làm được hột lúa trong thời gian MỘT NĂM.

Chữ Niên (dĩ hòa dĩ ngưu) này, bạn giả tạo không biết, nên đó là một triệu chứng chắc chắn món đồ này là thiệt.



*Kết luận.* - Như các bạn đã thấy, trong vụ mua được

lục bình con sáo, chẳng phải tại tôi giỏi, nhưng mà tôi may mắn.

Nghệ thuật chơi cỗ ngoạn là nhiều khi do một sự tình cờ.

a) Chiếc bình, nếu còn trong tay người chủ cũ, thì bất quá, nếu cất giữ được, thì chịu phận thiệt thòi không ai biết; hoặc giả nếu lấy ra dùng thường rủi ro đã bể, và mảnh vụn nát vứt đi, còn ai đọc chữ "niên dĩ hòa dĩ ngưu" cho?

b) Tôi tiếc không hỏi được lý lịch của chiếc bình, khi trước ông Sáu Thiệu tìm được ở đâu, xóm nào, nhà ai, mà có chứa món này và có lẽ còn nhiều món là loài đáng tiếc khác. Công việc ngày nay là nên tìm ra mạnh mẽ đó.

c) Nếu bình này, hồi 1932, ở Sa Đéc có người biếu giá trị của nó, thì làm sao về tay tôi? Trong nghệ thuật cỗ ngoạn, nhiều khi người đi trước không biếu và người đi sau lại được của quý, cho nên có câu "của tìm người" là vậy.

d) Cái gan lớn của tôi lúc đó là nhà không đủ tiền đi chợ hàng ngày mà vừa thấy là định tâm mua cho được. Nếu tôi có trù trừ dự định là vì kiêng kính bạn tác, không dám mua mắc là sợ mitch lòng các bậc đàn anh đang dạy mình chơi đồ xưa, và những cái lần thắn tôi đã nói nơi đoạn trước cho thấy thử ấy, đồng bạc rất có giá trị, khi xài ra ke-re các rắc, đếm từ đồng, bớt từ xu, không như bây giờ phung phí hời hợt, vì tờ

giấy một trăm, tội nghiệp, giá trị không bằng một đồng xu Tây hời đó. Gói xôi một xu trước ăn no bụng, gói xôi hai chục nay không đủ nhét kẽ răng.

c) Lục bình con sáo, sau khi giáo nghiêm bốn chữ niêm hiệu, đã trở nên quý, như nàng quốc sắc, nhờ có người cất nhắc mới đẹp mặt nở mày. Trong khi ấy, vì thiếu đờ đầu, cô gái đẹp phải đi gánh nước mướn; cũng như chiếc dĩa xưa lọt vào tay thằng lắc bầu cua cá cọp.

f) Tuy tông lịch đã thất lạc, nhưng nhờ khảo nghiêm được bốn chữ hiệu chính cổng "Hồng Võ niêm ché", nên nay lục bình con sáo trở nên một vật dùng để so sánh và định tuổi các vật khác sê gắp (élément de datation), nhờ sự giáo tự đáng tin của các chuyên gia đọc rành chữ triện ở Hương Cảng, thêm nhờ sự lạc tinh (patine) của chiếc bình. Nếu bình còn mới, chưa lạc tinh, thì không làm vật chứng minh được.

Trong cái lục bình này, tôi tóm tắt lại những cái khéo của nó : Về men, dưới đáy, men trắng và rạn nhỏ, trong lòng men trắng rạn da rắn lớn miếng, ngoài bình men màu vàng sậm rạn da rắn to, cổ và giữa hông cũng như phần chót gần đít bình, luôn hai nhánh mai, thì men da đồng đen, chỗ xanh lam thì xanh màu "vũ quá thiền thanh", chỗ men nồi trắng như hoa mai hay kiếng hoa mẫu đơn thì màu trắng bạch gọi "duyên phấn", tóm lại bình này không phải bình "trắng xanh" (bleu et blanc), mà là bình "ngũ thái" (cinq couleurs), hội đủ các tài hay và sự thành công của các bí thuật đời Minh vậy.

Thêm nữa, vẽ cây tùng cắn cỗi, lá lúa đơn sơ xen với bốn  
đóa mẫu đơn sơ tách xanh trắng phân minh; trên cây tùng  
vẽ một con chim giống lợn, có lẽ là chim của Trung Hoa, nước  
ta không có, gọi con sáo là gọi gượng chớ không biết chim gì.

Màu da đồng đen là nhái lại các cổ bình đời Thương  
dời Hán.

Dưới đáy, nơi men không ăn tối, thì da đất trồ màu  
đỏ điệu *céladon* xưa.

Hai bên hông, nơi có đắp nhánh mai da đồng đen, hoa  
mai nấm kiếng trắng diệu Bạch định (blanc de Fou-kien).

Quả là một độc bình lạ lùng. Từ ngày tôi gặp, và mỗi  
lần tìm một món khó định tuổi, nhưng gần giống màu  
sắc, kiểu vở, tôi đều đem lại lợ với bình này mà đánh giá  
và định tuổi vật kia.

Xin cho tôi căn dặn đôi lời :

1) Ngày nay, thị trường đồ cổ tràn ngập đồ giả  
hiệu, phần nhiều rất khéo và thường ký nhái hiệu  
Thành Hóa (1465-1487), chớ không bao giờ dám dè  
Hồng Võ, vì sợ lộ tẩy sớm. Nhưng đồ giả Thành Hóa  
Ấy cũng đắp hông nồi nhánh mai hoặc mặt bợm (thao  
thiếc) màu đồng đen, hai bên cổ chiếc bình. Vành miệng  
cũng thường nhái da đồng. Phải cẩn thận và cho tinh  
mắt, không nên nghe lời tán tụng của con buôn mà  
mua đồ báo đỡi, chỉ mất tiền mà không dụng vào đâu.

2) Nhờ chữ "Niên" viết theo lối xưa, bọn giả tạo không  
biết được, mà tìm ra sự chộn chánh của cổ bình này.

3) Thường thường khi đổi thay một triều đại, thì triều đại sau bỏ hết các kiểu vở của triều đại trước, nước nào cũng vậy và đời nào cũng thế.

Vua Hồng Võ lập nhà Minh. Các lò gốm của Nguyên đế lại đều bị dẹp hoặc bị đốt phá. Thường các vua khai quốc chỉ lo về binh bị, không đủ thời giờ lo việc chấn hưng mỹ thuật, văn hóa.

Vào đời Minh, vua Thái Tổ mất (1398). Con trưởng là Tiêu, được phong Thái tử, ông này mất sớm, con là Kiến Văn (Huệ đế) bị chú là Yên Vương (tên Lê) đánh đuổi giành ngôi, xưng Thành Tổ (Vĩnh Lạc 1403-1424). Vì vua Huệ đế bôn đòn, không biết sống chết, vua Thành Tổ sai Thái giám Trịnh Hòa giả dạng đi buôn đồ gốm đồ sành để tìm vua Huệ để dặng trừ hậu họan, cũng vì dịp ấy mà đồ gốm đồ sành xuất dương ra nước ngoài, nay nhiều nhất là ở Istanbul nơi viện Topkapı của Thổ Nhĩ Kỳ. Vua Thành Tổ đồng thời với Hồ Quý Ly, và thành nhà Hồ là kiểu mẫu Minh vậy. (Trịnh Hòa dẫn thuyền kéo cờ Minh đi khắp biển trong 30 năm từ 1405 đến 1433 : được người Trung Hoa xuất ngoại nhớ ơn thờ làm ông Bổn (Bổn đầu công) (xem lại tập 4 tr. 254).

Hồ Quý Ly (1400-1407) chống Minh nhưng cự không lại, để bị bắt và làm mất nước, tài có dư mà không có thời, nên tội cũng nhiều.

4) Bình Hồng Võ niên chẽ này, theo tôi, là vật chẽ riêng với tất cả sự khéo léo đặc sắc thuở ấy (Mạt Nguyên Khai Minh), để chứng tỏ sự mở màn của một đời thái

bình thạnh trị. Vì sao lọt được khỏi Trung Hoa để vào vùng Sa Đéc ? Hay là cổ vật buồm lưu vong nhóm di thần nhà Minh Trần Thắng Tài, Dương Ngạn Địch ? (Hậu nhựt trị).

5) Bình này có lẽ là "unique" từ trong xứ đến nước ngoài.

(Xem hình trong H.C.D.S. số 4 pl 28-29, fig 28A, 28B).

11-XI-1971

*Về một chén trà ký hiệu "Tuyên Đức niêm ché" mà chữ "niêm" viết một điệu như chữ "niên" trên bình Hồng Võ và rất khác với chữ "niêm" kim thời. - (xem Pl.IX).*

Trên đời có nhiều việc bất ngờ. Chuyện bình Hồng Võ có chữ "niêm" khác thường, tôi viết xong từ ngày 11-XI-1971, ngờ đâu tôi và bạn Sơn Nam, nhóm soạn tài liệu cũ để viết tập số 7, bỗng gặp một cái chén quan lè bộ, đề hiệu 4 chữ "Tuyên Đức niêm ché" mà chữ "niêm" lại viết một cách khác nữa, không giống chữ "niêm" tân thời chút nào. Có lẽ đồng một điệu với chữ "niêm" trên bình Hồng Võ. Tôi mừng quá đỗi mừng. Tôi lấy thẻ tra lại, mới biết chén này, (mục lục số 537), tôi mua ngày 22-4-1960 của ông Hoàng Đặng, giá 200 bạc (vì lè bộ nên bán rẻ). Cái tật của tôi là thấy vật lạ mắt thì mua, mua rồi để đó chờ cũng không để ý cho lắm. Tôi mua là hy vọng sẽ còn gặp nữa, và thỉnh thoảng nếu bừa chí sẽ ráp thành nguyên bộ có ngày. Ngờ đâu đây là một chén đặc biệt, có một không hai, và nay dấu yêu cầu ông Hoàng Đặng trở lại chỗ cũ tìm thêm, ái Ông cũng không tài nào nhớ chỗ để trở lại tìm cho đủ bộ.

Chén kiều "mản họa tùng đình", nhưng nay xem kỹ thì đây là vẽ cảnh kéo vỏ. Vỏ là một thứ lưỡi vuông, nhẹ nhàng, lưỡi ấy căng bằng bốn gọng tre cột một đầu vào gốc lưỡi và bốn đầu kia cột giüm, lại vào một cần tre khác để tiện nhắc lên bô xuống và khi thả vỏ dưới nước thì cá tôm nhào vỏ rồi kéo lên mà bắt. Nay thấy vẽ trên chén có hai người đang kéo hai vỏ, và ngang chỗ hai người ấy đứng thì có hai chiếc thuyền câu đang đậu núp dưới bóng một cây tùng, tùng này vẽ lá thật đậm, nổi bật trên chén, chung quanh cảnh vật vẽ màu lam đậm, chiếc thuyền thứ ba không đậu dưới bóng cây, mà tách ra ngoài xa, ý nói chỗ nào có cá thì phải đi tìm mà bắt, chờ đậu khít một chỗ tranh giành nhau làm gì không tốt. Xây cái chén lần tối nữa thì thấy vẽ nhà vẽ xóm trong xa xa, cảnh thật nào nhiệt, và gần nơi bến lại thấy lâu dài cao vút y cảnh chùa Thiên Mụ và lăng Tẩm Huế đỗ, nơi cổng xóm thấy rõ ràng một người đứng lom khom giữ cổng, ngoài ra núi non chập chùng, cây cối um tùm và trời nước bao la, cảnh này là cảnh bên Tàu và tại tôi giàu tưởng tượng nên tả ra cảnh Huế ! Chén có hai lần vẽ, - men thật trắng loanh, - màu lam thật xanh, và đặc biệt có vẽ một nhánh tùng chiểu thủy, men thật đậm, tách nổi hơn chỗ khác. Nếu có bấy nhiêu đó thôi thì chén có chi là lạ. Đáng nay, tôi nói chén quý là ví lấy so sánh với con dấu bốn chữ hiệu bình Hồng - Võ, thì sẽ thấy "chữ niêm" Hồng Võ viết chữ "hòa" trên chữ "ngưu" còn chữ niêm đời Tuyên Đức cũng lại viết chữ "ngưu" (xem Pl. IX) và đều ngụ ý một con trâu làm ra hột lúa là giáp một "niêm" vậy. Sơn Nam

và tôi trầm trồ và phục lamen ông học giả năm xưa đọc đầu tiên chữ "niên" trên bình Hồng Võ. Phải có học lực uyên thâm và từng nhiều kinh sách cổ kim mới nhìn ra chữ "niên" này và cổ nhiên bọn giả tạo không làm gì biết mà hòng giả mạo được. Có câu : "qui tại tinh, bất qui tại da", đúng như câu Pháp văn "Plutot la qualité que la quantité". Như nội cái chén bé tí tẹo này dù làm đích thủ một bộ môn tỷ dụ của một nhà buôn, có cả ngàn món mà không có lấy một cổ ngoạn báu. Nội chữ "niên" viết điệu cổ này, dù chứng minh hai vật là bình Hồng Võ và chén Tuyên Đức này đúng là cổ vật chính chánh của hai đời ấy, và không thể nào là vật giả tạo được. Ngày nay bạc triệu còn dễ kiểm, chớ không kể bình Hồng Võ, nội cái chén bé tí tẹo này cũng kiểm không ra. Và cái may này không phải riêng dành cho tôi, mà những ai dày công sưu tầm cổ ngoạn cũng sẽ có ngày được thường, cái sướng là ở chỗ ấy !

18-3-1972.



Hôm nay 7-5-1972, trước khi in sách, tôi lấy cái chén Tuyên Đức - 537 - ra xem kỹ lại, khiến tôi ngờ vực và xin có mấy hàng này cái chính, như tôi đã nói nơi trang trước, chữ "niên" Hán tự trên chén, viết bằng chữ "hàn" trên, thêm chữ "ngưu" ở dưới, và đó là một chữ "niên" mắc mỏ của thuở cựu thời, lối Minh triều, lấy nghĩa con trâu làm ra hột lúa "hàn" là giáp một năm. Nhơn đó, tôi

kết luận phải chăng cái chén có chữ "niên" như vậy, thuộc đời Tuyên Đức (1426 - 1435) chánh hiệu ? Nhưng nay tôi đã trên bảy mươi tuổi đều, lòng muốn để lại một cái gì về sau, khác hơn là tiếng cười mai mỉa hay ngạo ngắt của hậu thế, nên chi tôi xin thêm mấy hàng này :

- a) Về tâm lý, không lẽ tôi tốt phúc đến vừa có một bình Hồng Võ chánh Minh, thí nghiệm bởi chuyên gia Hương Cảng, vừa thêm có cái chén này, cũng chánh hiệu cổ vật Đại Minh;
- b) Về mặt kỹ thuật, tôi hồ nghi cái sự kéo vỏ để bắt cá, không biết bên Tàu vào đời Minh đã biết hay chưa, hay cái phương thức ấy rặc ròng là của người Việt Nam. Bao nhiêu ấy đủ thấy đời khác cái lập luận trên kia của tôi rồi;
- c) Sau đời Minh, tôi tự hỏi có người thợ làm đồ sứ nào khéo hay chữ đến biết viết chữ "niên" (hoa + ngưu) này chăng; và tức khắc tôi nhớ lại Ông Đường Anh, đời Kiên Long, là người mà theo sách nói, vẫn nhái được các kiểu cổ khí đời trước và nhiều khi ông thành công đến đỗ ông chế tạo còn khéo hơn nữa là khác;
- d) Một điều nữa là đầu sao cái chén Tuyên Đức này, nước men còn sắc sảo và chưa lạc tinh bằng các món sứ cổ đời Minh mà tôi đã gặp.
- e) Trong bộ Vũ Trung tùy bút, Ông Phạm Đình Hồ lại cho biết phép uống trà bằng chén nhỏ chỉ có và bắt đầu từ đời Thanh Khang Hy.

Bởi các cớ ấy, nên nay tôi xin đính chính :

1) Thủ nhứt, hoặc chén Tuyên Đức này do tay ông Đường Anh ché, và cách ký hiệu Tuyên Đức, chẳng qua là ông tỏ ý đồ khéo không thua đồ đời Tuyên Đức vây thôi;

2) Thủ nhì, kiểu kéo vó đẽ bắt cá cần phải điều tra lại kỹ, nếu quả bên Tàu không biết bắt cá tôm theo kiểu này, và nếu kiểu kéo vó chỉ có người Việt Nam dùng trong bắn xù, thì nên kĩ luận rằng cái chén Tuyên Đức này là một chén sứ "ký kiểu" bởi Việt Nam, lối đời Kiền Long Gia Khánh, khi ông Đường Anh hoặc các môn đệ của ông còn sống, và như vậy cái chén này cũng đủ quý báu lắm rồi.

Một lần nữa, tôi lặp lại, không nên động động mỗi lần là khoc mội mòn dù cỗ xưa đến đời Minh Thành Hóa hay Minh Tuyên Đức. Phải coi đi coi lại cho kỹ, và khi nào thiệt chắc, sẽ tuyên bố không muộn. Hữu xá tự nhiên hương, cổ nhân dặn đã lâu rồi. Ham nói láo, mội ngày kia cái láo té mồi, thì có khác nào thằng đi dây hay xích đu hát xiếc, bị dây đứt. Hối xương đã muộn.

Ở đây, tôi không nhắc có người nói với tôi, chén trà đời Minh thường vế vời bên trong, để khi uống sẽ ngầm nghĩa cảnh vật trong chén, và qua đời Thanh mới bày ra vế bên ngoài cái chén cho phân biệt với kiểu Minh. Thuyết này chuyên môn và cao kỳ quá, tôi không biết rõ lắm, nên không dám đưa ra làm luận thuyết, rủi sai lầm thì tôi bằng ba cái sự không nói hôm nay. Nghè khảo cùu đồ cổ, coi vậy mà rất khó. Không phải muốn viết bao nhiêu cuốn đều được, và phải thận trọng từng chữ từng hàng.

Bút sa gà chết. Ngày trước tôi thăm chùa mấy Ông học giả Pháp trường Viễn Đông, Bác Cổ Hà Nội, thường hay trở đi trở lại về vấn đề định tuổi một Ông Phật bằng đá của Chiêm Thành hay định niên kỷ của một đèn đá xanh nhám Đế Thiên Đế Thích. Ông Phillippe Stern, Ông Georges Coedès, Ông Pierre Dupont, Ông Jean Boisselier, Ông Bernard Phillippe Groslier, mỗi Ông đều giữ một luận thuyết về năm sinh ngày chế tạo của nhiều cổ tích Cao Miên và Chàm. Nay giờ đến lượt tôi thắc mắc và lầm cảm đối với một cái chén trà không lớn hơn mắt trâu.

Tôi bỏ công nghiên cứu thêm nữa... May sao trong nhà hiện có một cái chén Tống số 785 hiệu "Bích Ngọc" và một cái chén quân hiệu "Trân Ngọc" cũng số 785, đều vẽ y một kiểu săn bắn : một người cưỡi ngựa, đây chắc là chủ, giương cung bắn tối trước. Ba người chạy bộ theo sau. - đây chắc là bọn bộ hạ, mỗi người đều có cầm trên tay một món binh khí cổ thời : trường thương, chia ba và roi dài. Có một con thú chạy nhanh đằng trước mặt, đuôi cong lên kiểu đuôi chó mà đầu lại giống đầu ngựa, nên tôi không dám quả quyết đó là con thú gì, chó hay là ngựa. Nhưng sau đó, khi tôi nhìn được trên cái chén nước số 375 hiện tàng trữ tại nhà Ông Cổ Trung Ngươn, cũng vẽ lối di săn này nhưng vẽ lớn nét và rõ ràng hơn (chén Khang Hy chánh hiệu số nói nơi đoạn sau), khi ấy tôi mới biết con thú đó rõ là loại chó săn Mông Cổ, hoặc chó phượng Bắc Trung Hoa, lớn con và đầu chàm vằm như loại chó Danois ngày nay. Trước xa chó con chó chạy, vẽ một con nai vừa chạy tối vừa ngoái đầu dòm lại sau lưng, và trước mặt con

nai ấy lại vẽ trên cây một con chim rất lớn và dưới đất một con mảnh hổ, bộ ngữ nghè dữ tợn. Khoảng trống phân chia thợ săn và mảnh hổ, vẽ cảnh núi non, có cầu nhỏ bắc ngang dòng nước, một chiếc thuyền to giường thẳng buồm nhảy trên sóng, và trên khoảng đó lại vẽ cảnh đá trơ, danh từ chuyên môn gọi "huyền nhai", có đề hai câu này trong một ô hình chữ nhật :

"Thương tòng anh hùng hội," "Thiếu tráng mịch lộc tông", dịch là :

"Bóng thông xanh hội khách anh hùng", "Tim dấu lộc, dày công tráng sĩ".

Câu văn Hán, vừa ngắn gọn vừa có vẻ cổ phong, rõ là giọng người đời xưa. Tôi để ba cái chén gần nhau và so sánh kỹ, thì hai chén "đi săn" thấy "già giặn" hơn chén Tuyên Đức, hay nói cách khác, quả cái chén Tuyên Đức kém về cù kỹ và có vẻ "non" hơn hai cái chén Khang Hy một bức. Thấy vậy tôi tinh ngộ và giục mình cho những gì đã viết nơi trương trước đây về chén Tuyên Đức, và nay nhìn nhận lúc viết tôi đã quá hăng say, quá cao hứng, nên nay xin dính chính. Bây giờ tôi đã cạn lời, lòng thấy lâng lâng nhẹ nhõm, dầu có nói sai, thiện chí không thiếu. Và tôi kết luận : hai chén Khang Hy 758, xưng Bích Ngọc và Trân Ngọc, vừa là hiệu lò vừa ngụ ý quý như ngọc trân ngọc bích; còn chén Tuyên Đức 537, định là do tay thợ học vấn uyên thâm cõi Đường Anh hay môn đệ ông này chế tạo vào thế kỷ Kiến Long mới biết dùng chữ "niên" (hòa, ngưu) mắc mò như thế.

# 10

## CHUYỆN CHUNG QUANH CHỐC RƯỢU VÀ LU NƯỚC

(Về lu Thành Hóa (1465 - 1487) và "long thăng long giáng", số mục lục 872) (ảnh số 7 PI 2).

Bài này, tôi không viết dài, vì tôi đã có nói rõi về cái lu này trong H.C.Đ.S. số 4 "Khảo về đồ sứ cổ Trung Hoa", trang 259. Nay tôi chỉ nhấn mạnh về mấy chi tiết mà tôi cho là quan trọng, và người chơi đồ cổ cần biết :

### 1) Nên phân biệt chén rượu và lu nước :

a) Phàm chén đựng đựng rượu, muốn cho rượu để được lâu ngày và còn ngon mãi thì cái chén có thêm bốn mặt bọc trên hông, có xoi lỗ. Ngày xưa rượu đựng đầy rồi thì niêm phong lại bằng giấy cho thật kín, và dùng dây chắc, ràng rịt cái nắp cho không ai mở ra mở vào; như vậy rượu mới khỏi bay hơi, lại phải để phòng kẻ thù tra thuốc độc. Và luôn luôn chén rượu phải có nắp(1)

b) Trái lại, lu thì lớn hơn chén nhiều, và hông để tron tru không có gân mặt bọc. Khi làm, vẫn có nắp cái.

(1) Nên để ý chỉ có rượu để rượu trắng chưa trong lu mới được và không sợ bay hơi mất ngon chất rượu Tây phương Cò nhá, Whisky phải dày kín mới không mất thơm ngon.

nắp cùng một kiểu cho thêm đẹp, và vòi rất khéo. Nhưng những nắp này, thường cắt lên rồi thất lạc, vì khi dùng lu để đựng nước thì lấy ván gỗ nhẹ làm nắp tạm, để tránh sự dụng chạm, lu sẽ khòn mẻ hay bể đi.

Những lu lớn ở viện bảo tàng Huế là đồ trong Nội lấy ra. Thường vẽ kiểu nhứt thi nhứt họa, tích Đằng Vương Các, hoặc Tô Động Phà du Xích Bích, có vẽ hai mặt phong cảnh xen kẽ với hai mặt chữ, chép đủ hai bài phú : Tiễn và Hậu Xích Bích. Những cổ vật chánh hiệu, nét chữ như dao cắt, và ngay hàng thẳng lối, khéo như viết ngoài giấy trắng. Đây là vật ngự dụng, hàng lê thử không bao giờ có. Tuy vậy, từ bị Pháp đỗ hộ và từ mấy năm sau này, ông Bảo Đại thoái vị, biến cố năm Mậu Thân (1968), v.v... ở Huế mất mát nhiều, ban đầu các quan đại thần lập công to, vua ban thưởng (Nguyễn Hữu Độ được vua Duy Tân cho nhiều báu vật, lối năm 1916), còn sau này những vật ấy có chọn và không đợi vua ban.

Xét lại cho cùng, khi tôi viết "cái lu sành", nghe như nhẹ giá báu vật này, nhưng nếu gọi đó là cái chum như ngoài Bắc, hoặc gọi cái ghè như miền Trung, vẫn không thấy tăng phẩm glá thêm chút nào.

Tiếng Việt Nam coi vây mà mắc mò. Dân ta nghèo là nghèo tiền nghèo bạc chờ chữ nghĩa không nghèo.

Từ Bắc vào Nam, khi nói về đồ chứa đựng vật lỏng : nước, dầu, rượu, nước mắm, mắm muối, v.v..., trong khi tiếng Pháp có năm ba chữ *jarre, vase, pot*, gia vị thêm

chữ *grand* (lớn), và *petit* (nhỏ) để cho thêm rậm đầm, thì tiếng ta có đến cả chùm, kể ra không hết, như :

*Chum* : đồ làm bằng đất nung, miệng nhỏ vai phình ra, dưới thót, dùng để đựng nước. (Tự điển Khai Trí Tiến Đức);

- *Ghè lớn bầu hông* (Đại Nam Quốc Âm Tự Vị Huỳnh Tịnh Của).

*Chóe, Ché* : thứ lọ lớn làm bằng sành sứ, dùng để đựng rượu hay đựng nước (K.T.T.D.).

- Đồ bằng sành, đựng trái, người ta hay dùng mà đựng rượu trong lúc làm lễ cưới hỏi (Paulus Của), (thêm *Ché đựng nước* : thứ ché lớn dùng đựng nước). *Ché* : (Génibrel dịch là vase à vin).

*Chinh* : Tiếng đường trong : cái chinh nhỏ (K.T.T.D.)

- Đồ đựng bằng đất, to hông, rộng miệng mà thấp (P. Của) (đồ chinh tương : ghen).

*Chinh* : thứ đồ gốm, nhỏ hơn cái vại và dài (chinh gạo, chinh tương) (K.T.T.D.).

- *Ghè chinh* : vò thông nhỏ (P. Của). *Vò chinh* : (Tự điển Génibrel).

Tỷ dụ : mưa như cầm chinh mà đổ ; chuột xa chinh nếp, hú gạo).

*Ghè* : đồ gốm, thường để mà đựng nước, đựng đồ nước (P. Của). (Ghè tương).

*Ghè mái* : thứ ghè lớn nhất, to hông, cũng gọi *ghè xưa* (P. Cửa).

*Ghè xưa* : cũng như *ghè mái* (P. Cửa).

*Ghè*, trong *Tự điển Khai Trí Tiến Đức* cho nghĩa khác, không dùng để gọi cái lu :

*Ghè* : đặt khé khé một vật gì vào vật gì cứng để cho mè dần đi : *ghè miệng* bắt. Nghĩa rộng : đánh : *ghè* cho một trận) (K.T.T.Đ.).

*Ghè vò* : đồ đựng nước, xây bằng đất, ghè lớn vò nhỏ (P. Cửa)

*Ghè Chính* : vò thông nhỏ (P. Cửa).

*Hũ* : đồ đựng bằng sành, nhỏ hông to miệng : hũ rượu. 2) Đồ dùng để cất rượu hay cất nước hoa. Tối như hũ nút (T.ng.) (K.T.T.Đ.)

- Đồ đựng bằng sành nhỏ miệng mà to hông. Trầu mâm rượu hũ (P.Cửa)

*Kiệu* : thứ chum to : nhà buôn dầu hay dùng kiệu để chứa hàng (K.T.T. Đ).

(Trong *tự điển Paulus Cửu*, chữ *Kiệu* không dùng để gọi cái lu)

*Kiệu da bò* : kiệu đựng nước mưa, da men mùa vàng như lông bò vàng. S.

*Lu* : thứ lọ to (K.T.T.Đ.).

- Đồ bằng đất thường dùng mà chưa nước; và đựng nước (P. Của)

*Lọ* : bình nhỏ bằng sành, bằng sứ, v.v.... (lọ rượu, lọ nước hoa). (K.T.T.Đ.).

*Lọ rượu* : đồ đựng rượu, ve rượu, bầu rượu (P. Của).

*Mái* : ghè xưa, ghè lớn (P. Của) *Lu mái đầm* : lu rất lớn thấp, hông thật rộng.

*Mái vu* : cái mái có bốn cục u ở gần miệng để cột dây ràng rất cái nắp dày.

*Mái*, có nghĩa là lu, ngoài Bắc không dùng nghĩa này, nên K.T.T.Đ. không ghi.

*Tín* : thứ lọ to bằng sành dùng để đựng nước mắm : tín nước mắm (K.T.T.Đ.).

*Tín* (đầu hỏi) đồ đựng bằng sành, bầu bụng, giống cái hũ mà trít miệng. (P.Của) .

*Tín tài* : Tín đựng tài muối. (P. Của).

*Vại* : đồ đựng bằng sành, hình ống : vại nước, vại cà (K.T.T.Đ.) (Bằng chân như vại).

(Tiếng "vại" không có trong P. Của và cũng không có trong Génibrel).

*Vò* : thứ hũ lớn : vò rượu (K.T.T.Đ.) (Một con lợn béo, một vò rượu tắm):

Vò : đồ đựng bằng đất, tròn hông, lớn miệng mà cao (P.Của).

Đến đây, tôi tưởng cũng đã nhiều, nên không kể nữa. Xin chư tôn lụa lấy danh từ nào thanh bai và xứng đáng thì dùng mà gọi món cổ vật đài Thành Hóa này.

Riêng tôi, tôi lấy làm phân vân giữa hai danh từ "ché" và "lu". Tuỳ biết có thứ "ché đựng nước", nhưng chữ "ché" không bày tỏ hết vóc dáng lớn của món vật này cho nên tôi gọi nó là *cái lu*, để cho thấy đó là một vật chứa đựng to lớn khác thường, như lu nước mưa của mỗi nhà đều có, tuy tiếng "lu" nghe không thanh nhã và làm mất đi phần sang quý của cổ vật này. Nên gọi đó là "ché lớn chứa nước dùng pha trà cho vua ngự dụng", nhưng đã dài mà khenh kiệu nên tôi không dám dùng.

Về ché rượu dám cưới, tôi thấy ngoài Huế, có nhà sắm với đủ mâm sơn quả nắp luôn và phu khiêng vác có măc sắc phục theo lịnh cổ thời để cho mướn trong lễ cưới hỏi theo lối xưa. Trong Nam giữa giới đồng bào miền Bắc tôi cũng thấy có nhà cho mướn đủ cuộc tiệc dám cưới, nhưng thiếu cặp ché, một là vì măc tiền hay bê và sắm ché nay ché xấu thì coi không sang và thất cách, hai nữa là rượu ngon dầu đựng ché xưa cũng không bằng rượu Tây rượu Mỹ, và thanh niên ngày nay thích Whisky chánh hiệu Ăng lê hay sâm banh của Pháp hơn là ba xi để hoặc rượu trắng hiệu "Lò Chong", tức làng cho (của hối lộ cho quan). Tôi tưởng ông bà trên bàn thờ, khi chứng kiến lễ cưới, cũng thường cảm giùm : cặp đèn sáp không phải bằng sáp ong ... bằng

sáp nhơn tạo tục gọi đèn cây, có hoa hòe cẩm bông già, còn cắp ché ngày xưa đã được thay thế bằng một mâm có một cắp hay bốn chai Ballantine (Finest Scotch Whisky), hoặc Prince Charlie (spécial réservé), hoặc Whisky chai ba góc hay Champagne Mumm cordon rouge, hay demisec.

Hôn nhơn bền chắc không cần đèn rượu Âu - Mỹ, hôn nhơn "con lợn béo vò rượu tẩm" cũng đẻ con dùm đẻ; và trong Nam, lúc gấp rút cưới cho được vợ kịp ăn Tết, lấy hai cái tìn rửa cho thật sạch, phết giấy hồng đơn giáp vòng, đổ vào vài lít rượu lậu, cũng đủ vui say, cần gì mướn ché.

Ché ngày xưa dùng đi lể cưới, vẫn có cái dai cái đẽ làm bằng gỗ sơn son thếp vàng, có quai mây bịt vải đῷ cho thêm sang. Ngày nay, nhà nào còn ché, đều tháo dai gỗ đẽ, cho khỏi bụi bặm, và chưng cắp ché hai bên bàn thờ cho rõ ra đây là nhà sang trọng, xưa có ché có mâm.

Ở miền Nam, ché rượu lôi thấy, phân ra mấy cỡ này :

1) Ché vē son thủy, hai cỡ nhứt, nhì. (Xưa đến đời Tự Đức là cùng).

2) Ché ám long. (rồng ăn trong mây) vē lam nền trắng, có một cỡ nhì và chia ra nhiều kiểu :

a) Kiểu rồng đuôi cắn đuôi nhau gọi kiểu "rồng rượu" (Minh Mạng đến Tự Đức).

b) Kiểu rồng đầu mặt nhau, gọi kiểu "rồng chầu", (xưa đời Minh Mạng đến Tự Đức).

3) Ché nền trắng rồng xanh lam, khi vẽ rồng đầu mặt, giữa cổ vàng tròn, gọi kiểu "lưỡng long tranh châu", "lưỡng long triều nhau", hoặc vẽ rồng bay lên và rồng đáp xuống, gọi kiểu "long thăng long giáng" (bay lên mùa hạn, đáp xuống làm mưa cho dân cày, chờ không phải đáp xuống là biểu hiện sự mất chức, truất giáng).

4) Ché độc long bốn móng, nền trắng nét lam, rồng mặt lớn, trông cai nghiêm, đây là ché cỡ nhủi, cổ lê do vua thường đại thần có công ta, nên vẽ rồng bốn móng với ý hiểu ngầm "độc lập chí thiêng trung", dưới vua một bực mà không ai lớn hơn mình nữa.

5) Ché vẽ cây tre và lá tre lắn lộn thành màu xanh lam và da sành trắng xen kẽ nhau, gọi "ché trúc đệp", cổ nhì, cổ lê dài Tự Đức riêng cho dân dùng (năm xưa tôi thấy hai cặp ché như vậy, đều vẽ khéo và độc đáo, lại phô buôn chợ Sa Đéc, nay đã bán rồi. có lẽ đó là đồ kiêu của các bá hộ miền Nam cuối đời Tự Đức, chờ trong Nam ít có đồ sứ và đồ sành cổ quý như đất Bắc và đất Thanh kinh, vì trong nam, sớm bị làm thuộc địa Pháp, ít sản xuất quan lại và chử Nho bị bỏ từ mất Lục Tỉnh Nam Kỳ đời Tự Đức kia lận. (Ở viện bảo tàng Sài Gòn, có một cặp lánchez lê thật tốt).

6) Ché vẽ cúc dây, cổ nhì, cổ cung để dân dùng, và có lử đời Tự Đức, như ché kiểu "trúc đệp".

7) Ché men phun, màu xanh đậm trên vče mạ vàng kiểu lâu dài, rồng hay chử (thi phứ). cổ cao cổ nhủi, thật lớn, và cổ nhì, trông vừa vừa, có nắp. Đây là loại ché Tàu,

thú nào chữ và nét vẽ bay mất lu mờ là thứ thiệt; thứ nào chữ và nét còn sắc sảo là đồ mới. Loại sành men phun sần xuất nhiều nhất vào đời Kiên Long (1736-1795). Sành men phun, người Pháp gọi "*bleu soufflé*", hay là "*bleu soufflé*". Loại này, người Nhật Bản có ký kiếu, vì vậy các nhà buôn Huế có tiệm ở Sài Gòn lại gọi là "*đồ Lưu cầu*". Xét ra *Lưu cầu* là dịch danh từ Nhựt "*Riou kiou*" là cù lao Lưu cầu, nơi có lò gốm Nhựt ký kiếu đồ Tàu.

Tóm lại, ché rượu, đầu vẽ kiếu nào, đều gồm trong ba bốn cỡ :

1) *Cỡ thường hạng*, thường không có gân mặt bơm và dùng đựng nước. Bè cao cỡ 65 phân Tây, chưa kể nắp. Kiểu sành thùy, kiểu nhứt thi nhứt họa, kiểu vẽ rồng hoặc vẽ "*tam tú*" (ba con sư tử), chỉ có trong Nội hoặc ở viện bảo tàng Huế do.

- *Cỡ nhứt hạng*, cao cỡ 50 phân Tây chưa kể nắp. Nếu kể nắp cao độ hơn 60 phân. Loại ché này cũng không thấy có mặt bơm.

- *Cỡ nhì hạng*, có bốn mặt bơm, cao cỡ 35 phân Tây, luôn nắp cao 40 phân, trên đầu nắp, thay vì có ngù tròn thì nắn con sư tử. Đây là ché rượu, thấy thường nhứt, kiểu tôi đã nói nơi đoạn trên. Không có cái nào xưa đến Minh Mạng (1820 - 1840), thường là vào đời Thiệu Trị (1841 - 1847) hoặc đời Tự Đức (1848 - 1883). Ít có cái nào lành lě, thấy đều kinh nứt, và mất nắp là thường.

- *Cỡ tam hạng*, lè dẹp nhỏ nhứt và kiểu vở không khéo. Theo tôi đây là loại ché của mấy năm suy tàn của thời

đại cũ, làm sau đời Tự Đức, từ 1888 đến 1910, nhưng  
chỉ sau đó không đáng kể là đồ sưu tập vì kém mỹ thuật  
và phần nhiều là giả tạo.

Đời bà Từ Hy Thái Hậu (1835 -1909), có để lại một  
loại ché, lùn, hông tròn ống thẳng xuống đáy, miệng lùm  
nhỏ nắp đẹp, trên có chữ "Song Hỷ", chung quanh ché  
vẽ lấm tấm những nút tròn, và hai hoa xcn kẽ với hai  
chữ "Song Hỷ", nét vẽ cũng yếu, màu lam lại mcn mèt  
không đẹp, chưng là lúc ấy nghệ thuật đã xuống dốc. Tôi  
không ép mua, nhưng ai sẵn tiền và có óc hiếu cổ, cũng  
nên sắm chơi để dành. Riêng tôi thì chưa có. Kiểu này  
tôi đặt là "Liên hoa song hỷ".

Lúc còn ở Sóc Trăng, trước năm 1947, tôi có một cặp  
ché nhỏ rất cổ duyên. Nhỏ thôi, đựng chừng một lít rưỡi  
rượu. Hiệu hai vòng tròn cùng một trung tâm (marque  
double cercle). Vẽ tinh Nhị độ mai (mai trổ hai lần). Sành  
da thật trắng, màu lam thật xanh, vẽ dưới gốc mai có hai  
nhân vật : một người đầu trọc là Trần Nhựt Cao, bác của  
Trần Hạnh Nguơn, nay xuất gia đầu Phật, còn người tròn  
là Mai Lương Ngộ đương gặp hoạn nạn mai danh ẩn tích  
trong chùa, chép kính cắt kiêng đợi thời. Nắp dù cả hai  
và toàn vẹn, trước mua một cặp là 30\$00, ba chục đồng  
bạc lối năm 1930 ở Sa déc, về sau tôi ché còn mới nên  
hờ hững, trong kỳ tản cư năm 1945, bị đần thô cướp mất.  
nay mới biết tiếc thì sự đã rồi.

Trong việc cử hành lễ thành hôn, tôi biết có hai vật  
tượng trưng có ý nghĩa ẩn ý sâu xa, đó là :

a) Một bộ chén trà đời Minh Mạng (1820 -1840), chỉ có hai quan, một tống và một đĩa bàn, véc tích "hạc rập" hay là tích "chim liền cánh, cây liền cành", bộ chén này có hình rập trên bìa tập Hiếu cổ đặc san, và tôi sẽ dẫn giải điển tích trong tập tôi, số 7; (thường, chén trà dù bộ có bốn chén quan, bộ này có hai chén mà thôi, tượng trưng vợ và chồng (lần nhọn và lần nương).

b) Cặp ché nói đây, véc tích "Nhị Đệ Mai". Ẩn ý thứ nhứt là lụa đồi vợ chồng Mai Lương Ngọc và Trần Hạnh Ngươn, chồng bị hám cạn, nịnh sàm lầu, cha bị tội, gia đình ly tán, còn vợ vì có nhan sắc, bị nịnh lầu cho đi cống Hồ, sau hết cõi bĩ cực, có mai trổ hai lần báo điềm trùng phùng và duyên xưa lại nỗi.

Tượng trưng cho duyên lành mà lụa cặp ché véc tích Hạnh Ngươn - Lương Ngọc, thì còn ẩn ý nào bằng ?

Ẩn ý thứ hai, không kém trầm là ché này làm cõi nhò, vừa đủ chứa một mớ rượu cho một gia đình vui vẻ không say. Lại nữa đặc biệt nhứt và ý nghĩa nhứt là ché ra cái nắp tròn vo như trái cam cắt nửa úp lại, không có chưn đứng, phải úp lại trên miệng ché, và khi hành lễ thành hôn, ông mai dongs chứa một ché cho họ hàng thân hữu, còn lại một ché, ôm vô phòng hoa chúc, lật ngửa cái nắp trao cho tân lang cầm, bồn thân mai dongs rót rượu vào nắp (tạm dùng làm chén, chúc câu hỷ sự, tân lang húp một nửa chén rượu rồi hai tay dâng chén ấy cho tân nương, rồi vì chén dít tròn vo, không đặt vào đâu được, nàng phải tiếp uống cạn chén rượu lành, xong rồi trà và chõ cũ là dậy lên

miệng ché, ấy là đã thành lề "hợp cẩn", ý nghĩa vậy thay. Trên cái nắp ché ấy thường vẽ hình một đứa nhóc tay nắm một cành hoa sen, ngụ ý sanh con nối nghiệp lông đường.

Cái ché đầy ý nghĩa này, nghe nói là của tỉnh Phước Kiến, theo tôi, vừa bình dân, vừa giàu ẩn ý hơn những ché to vòc, chỉ biểu lộ sự giàu sang khoe của.

Nay nghĩ lại, tôi không biết giữ để cho mất, ấy cũng là một sơ xuất mà người chơi cổ ngoạn cẩn thận nên tránh.

14-XI-1971

**Chú ý :** - Dù cổ dẽ hiệu Thành Hòa niêm ché viết làm bốn chữ như cái ẩn vuông, hoặc chạm sâu vào đáy bình bốn chữ ấy trong một ô vuông màu chocolat, phần nhiều (9/10) đều già tạo, dùng tương mìn h có thời hơn người khác, mua là làm ngay với bọn con buôn thiêu lương tâm nghề nghiệp.

# 11

## CHUYỆN CÁI THỔ BỤ CỦA TÔI

(Khởi thảo 13-XI-1961. - Viết tiếp từ 17-8-1962 đến 23-8-1962). (Viết theo diệu phiếm  
lẫn không có tánh cách nghiên cứu).

**M**ỘT vị giáo sư trẻ, dạy sử ở Đại học Văn Khoa, chủ trương : "Văn nghiên cứu sưu tầm, luôn luôn phải có giọng nghiêm chỉnh, nghị luận phải xác đáng, tài liệu mượn trong sách nào và của ai, xuất xứ ở đâu, phải cho mình bạch".

- Đúng vậy rồi, và tôi làn thành.
- Người khảo cứu biết thương nghè, vị giáo sư trẻ tiếp, phải có một lối văn gãy gọn, không thiếu không thừa, sót một ý là hư, dư một chữ là hỏng".
- Úy chà ! Nếu như vậy, thì phải một tay cù mới viết nổi !

Và đây tôi xin bàn phiếm, không có tánh cách nghiên cứu.

\*

Những người ra trường sớm, có điểm phúc đi du học nước xa, nhưng kinh nghiệm chưa đầy một tay nải.

chưa chi cũng bắt chước mấy ông giáo sư già ở ngoại quốc, giờ giọng kiêu này, không khéo hiện thời sẽ xuất hiện một thứ văn không tiêu hóa nổi, Tây chưa ra Tây, Mỹ không ra Mỹ, Việt không thành Việt, khô khan bời rời, chỉ nặng đầu nhức óc người xem, hơn là bô lich. Bọn sinh viên cần thi đậu với ông thầy ra bài, thì cố nhồi sọ cho đầy rồi để khi ra trường, trả lại cho ông giáo sư gần hết; còn những người có tuổi, muôn đọc và suy luận chør, sẽ đọc không vô.

- Nếu tôi được có phước như họ, đi học phương xa vče, đầu may có giỏi bằng mấy, tôi cũng không phô trương quá sớm, thủng thằng để sau lâu ngày người đọc xét thấy công phu học hỏi, lăn ra phục tài, chẳng là quí hơn ?

Tôi rất sợ giọng dạy dời của mấy ông có tiền có địa vị, giờ giọng sư, ít khen nhiều chê, và tôi rất ước ao được đọc văn "dúng mức" của các học giả có chơn tài. Tôi sẵn lòng gài áo khi lấy ra đọc và hoan nghinh lối văn ấy trước hơn ai.

Riêng tôi, bình sanh tôi rất sợ, nếu không nói là kiêng kỵ, lối văn nửa mùa, chạy chọt sờ nầy sờ kia in thành sách cho có cớ để lánh tiền chia nhau xài, sau đó có bán cho chetc ve chai cũng không cần biết.

Mười bảy năm tôi được may thời làm việc với nhân viên và học giả trường Viễn Đông Bác Cổ, nhưng hễ buông tôi ra để tôi tự nhiên, thì tôi trả lại chưng nào tật nầy, là không thích giọng nghiêm, và tôi chủ trương :

đồng bào ta hiện nay chưa đủ sức linh hôi các loại văn  
thông thái cao kỳ như bên Âu Mỹ, chỉ bằng ta tạm  
dùng lối văn bình dân rẻ rẻ, để dọn đường trước đã.  
Giọng tuy nói cà rỡn nửa đùa nửa thật, nửa giicism chưa  
nửa tiếu ớt, thỉnh thoảng đôi chỗ có chọc cười, cho bớt  
buồn ngủ, - vẫn ấy các học giả có tánh lập nghiêm và  
chưa quen tai, lấy làm khó chịu, nhưng thật rồi cũng  
phải nhìn nhận, biết nói pha lùng như dọn cơm trong  
cảnh nghèo, lấy trái ớt心跳 hành để dỗ nuối cơm; và  
chọc cười cho dễ nhớ, thêm nhớ được lâu, nhưng trước  
khi quen mùi, có khi phải chảy nước mắt sống. Tôi đã  
từng nghèo, từng khóc, nên nay tôi chỉ muốn cười.

Kinh nghiệm là ông thầy tốt. Học quẹt quẹt, học lóm,  
học đường học sá như tôi, nào ai dám trở giọng thầy !

Cũng như khi bắc qua vấn đề nói về đồ cổ ngọc, nếu có ai cầm tôi sa đà đôi chút cho đỡ buồn, thì tôi hơn thà để tôi cảm và đừng cho tôi viết. Già hảm, mèm môi, nói đi nói lại, cũng có lý do, vì muốn nhắc tôi nhắc lui là muốn cho mau hiểu và dễ nhớ. Đã là chuyện phiếm, cùng nhau bàn bạc buổi trà dư tửu hậu, thì mọi việc thà trừ hao, cho nó dư đi đôi mèo. Gãi gòn làm chi ? Gò gãm làm gì trong buổi này. Cứ để hông thùa, như vậy mà được nhẹ nhàng, mà dễ cởi mở với nhau. Muốn cạn đà, trước nên cho cạn chén !

Cũng như tôi thấy quanh năm nhiều người quen "khăn chầu áo ngự", luôn luôn đi đến đâu cũng mặc toàn dạ phục và đại phục. Cha ôi ! Tháo dạ bất tử, khi ấy, mặc đồ lớn cho mà biết !

Tôi thì "đít không khổ" đã quen. Bị rầy bị quẩ, cũng vì mầy, áo ơi ! Năm trước có một ông bộ trưởng bắt lỗi tôi sao "y phục không xứng đáng".

Theo tôi, ăn cắp của công mới là không xứng đáng, ngồi chơi xơi nước bê trễ công việc, mới là không xứng đáng. Chứ mặc dù tôi để cho các chú nó tưởng giàu đập thẳng tay, thà cho phép tôi xập xê mà chỗ nào tôi cũng chen vô được và tôi mua đồ cổ được nổi giá, thì tôi gì ông không cho tôi mặc sơ sài ?



Như nay, tôi muốn giờ *chuyện cái thố bự* trong nhà ra nói, không khéo có người sέ nhieć tôi tật khoc của không chữa. Và cái chi của mình, đều quí đều xưa hết thảy.

Sự thật có khác : tôi biếć được chút nào, không dám giấu và không chịu để dành, nên cứ viết. Tôi muốn truyền bá nghè chơi cổ ngoạn, để cưu vớt đồ cổ lạc loài. Bà con cô bác, xin để tôi nói hết, rồi sέ phê phán sau.



*Cái thố bự.* - Trong Nam gọi *thố*, ngoài Bắc gọi *liễn*, miền Trung gọi "đọi" (ăn không nên đọi, nói không nên lời). Có ý xem, liễn, đọi, thố, phải có nắp dày, cho nên trên miệng, vẫn không có men tráng, để cho ăn khít với nắp. Khi nào thấy một vật không tráng men ở miệng mà

người buôn nói là cái tó bự, là người ấy nói không thiệt, vì vật ấy chẳng qua là cái *liển thiếu nắp* (chứ không phải cái tó, vì luôn luôn cái tó, tráng men trên miệng kỹ càng chứ không chừa da thô tráng) (không men).

Tiếng "thổ" ngoài Bắc và Trung, không dùng, nhưng ở Sài Gòn có cái thú "*đn cám thổ Chợ Cũ*", ai ai cũng biết.

Cái thổ bự tại nhà, do tôi sắm, và có từ năm 1933. Ba tôi có công o bế, lấy vàng bít miệng, vành nắp và chun thổ. Nay ba tôi đã mân phòn, tôi viết bài này để tưởng niệm người đã sanh ra tôi, lại còn nhịn ăn làm cho thêm đẹp một món đồ mà sau đời tôi, với thời cuộc đổi xay, và tư tưởng quên cũ theo mới, biết con trai tôi giữ nỗi hay về tay người khác ? Tuy vẫn biết đây là đồ hương hỏa bái di dịch.

Miễn đừng làm bể và xin cho ai đó biết giá trị của nó thì được rồi.

*Hình trạng.* - Thổ này sức chứa : đúng mươi chín lít nước (một thùng thiếc nước loại chứa dầu hôi, đổ vào, vừa sém tối miệng).

Trục kính, đo trên miệng thổ..... 0th, 380.

Trục kính cái nắp..... 0th, 386.

Trục kính dưới chân..... 0th, 200.

Bề cao toàn thể, nắp dậy rồi và  
đo từ chun lên chót nùm ..... 0th, 425.

Bề cao cái thổ, nắp lấy ra, và  
đo từ chân lên miệng thổ..... 0th, 260.

Thố này hình tròn duyên dáng, toàn thể to lớn, giống như quả địa cầu bằng giấy bồi thường thấy trong văn phòng nhà sử học. Nắp cũng tròn vo, trên chót nắp có gắn một quả núm, hình búp sen, xanh đậm màu lam và còn nguyên vẹn.

Trên nắp cũng như trên thân cái thố, đều vẽ kiểu "hoa liên", nôm gọi "hoa dây", "bông dây". Chỗ nào vẽ nhánh và lá cây thì dùng màu lam (Lam hồi, Pháp gọi *bleu musulman ou bleu de cobalt*). Chỗ nào điểm bông hoa, thì dùng màu đỏ (*rouge "oxyde minérale"*), nhưng thường ấy chưa chế được màu đỏ không bay, nên sau mấy trăm năm thử thách với thời gian và thời tiết, ngày nay các bông hoa màu đỏ đã biến thể, chỗ còn chỗ mất. Hiện thời, trên nắp thố, hình bông các hoa vẫn còn thấy rõ rệt, lôi định cho nhờ lúc xưa có lẽ đã cẩn thận lấy nắp cái lên vì sợ nứt bể, cho nên nắp vẫn còn và bông hoa cũng không hề hấn; trái lại trên thân cái thố, vì lúc xưa lấy ra dùng như đồ từ khi thường dùng, nẵng rửa nẵng lau, và đựng thức ăn khi nguội khi nóng hổi thường, vì vậy mấy chỗ vẽ bông hoa màu đỏ nay đã lu mờ rất nhiều, chỗ thì còn thấy dạng chút ít, chỗ khác hoa đỏ đã bay màu mất trọn chì còn trơ trọi cái cuống vẽ lam xanh, chỗ khác nữa, hoa sót lại vài nét lơ thơ, và độ chừng theo những hoa còn nguyên đủ kiêng, thì có lẽ đó là loại cúc đỏ (hồng cúc) và nhìn kỹ thì lá vẽ là lá cúc rõ ràng. Đặc điểm của cái thố là nơi vẽ mấy viên đá cuội, thì màu lam lam đậm đà vẫn còn rành rọt, nhưng đã lạc tinh di rất nhiều. Vì thế, toàn diện cái thố vừa cổ kính, vừa có vẽ "chín mùi chín rệu", có

chỗ lại như đóng hờm nhưng rửa không ra, mới biết đồ cổ khi đã lạc tinh, thì có một nét đặc đáo, không tay mạo tể nào, dấu khéo đến đâu, có thể bắt chước được. Về cách rạn, cũng lạ lùng, không giống món cổ vật nào, chỗ trống miếng lớn hình như vảy rắn, chữ gọi "xà vân khai phiến", chỗ rạn lì ti như "giăng ố nhện" (craquelé en toile d'araignée) và đây mới thật là nét huyền bí của Tạo công, quả tay phàm ngày nay có tinh xảo bực nào cũng không dẽ gì bắt chước.

Cứ theo hình thù của món đồ và kiểu vẽ với mà xem, và lấy nhau mắt nhà kinh nghiệm đã từng thấy nhiều món giống như vậy ở nhiều nơi nhiều chỗ, thì quả thố này, dời trước chắc là một vật dụng thông thường trong cung nội, nhưng vốn là vật ngự dụng trong nội thất, nội cung, loại từ khí chở không phải loại trang trí phẩm, đặt ở chánh điện hay văn phòng, nên chỉ vẽ hoa lá đơn sơ, chứ không vẽ rồng vẽ phụng như các cổ khí ngự dụng khác.

Dưới đây cũng không thấy đề niêm hiệu chữ nào. Không đề niêm hiệu, theo tôi, là một triệu chứng lốt, vì niêm hiệu hay chữ ký là những dấu hiệu dời hỏi bởi người Tây phương, nên người Trung Hoa buộc lòng chép ra và viết thêm để dễ bán món hàng và làm ưng lòng khách mua dời nát, chở kỳ thật, người Trung Hoa ít khi đề hiệu trên đồ từ khí, vì sợ bê đi thì đạp trên hiệu vua hay chữ của ông Thánh là điều đại kỵ. (Tôi còn nhớ lúc còn nhỏ, còn thấy mấy người Tàu già, đàn ông có và đàn bà có, gánh hai giỏ cẩn xé không trên

vai và ra công di khấp nèo đường và hẻm nhò, để lượm mót đem về đốt, những giấy có chữ nho chữ Hán, và khi nào họ làm bể một món sành có chữ viết lên trên, thì họ đào đất chôn vật các mảnh sành ấy, không bao giờ dám lấy giấy có chữ viết dùng vào việc đơ uế, hối phản hay dùng thay giấy vệ sinh, vì thuở ấy, người Tàu thủ cựu lầm, một lòng tôn trọng chữ của thánh hiền, và sợ mắc tội bất kính với chữ thiếp sau sẽ trở nên con người dốt nát. Ngày nay tôi đã già và rõ lại, những người lượm chữ rớt rơi này là những người trong nhóm Thiên Địa Hội Tàu, họ dùng chước này để thông tin và lấy tin mà chánh phủ Pháp lúc ấy không nghi ngờ cũng không hay biết. (Nhưng đó là việc khác, không dính líu chi với chuyện cái thố này). Trở lại cái đáy thố, nhìn kỹ sẽ thấy có hai vòng tròn lớn cùng một trung tâm, vẽ bằng màu lam hồi, không một chút sai và thật khéo. Đó mới là cái hiệu chính của thố này. Pháp gọi "*marque au Double cerle*". Tôi xin nhắc lại là theo sách Pháp, thì những vật đáy có vẽ hai khoanh tròn ấy, hoặc đồng thời với triều đại vua khang Hy (1662 - 1722), hoặc trễ nữa là đồng thời với vua Kiền Long (1736 - 1795), vì hai vua này vừa sống dài (ông nào cũng trị vì đúng một con giáp : 60 năm), vừa là minh quân sáng suốt, một lòng triệt để ưng hộ văn hóa và mỹ thuật cổ truyền, Trung Hoa, tuy họ vẫn là dòng Mân tộc.

Ngày nay, nhờ đọc sách, tôi tìm ra chính là đời vua Khang Hy, năm 1677 có sắc chỉ của vua cấm các lò làm đồ sành ghi niêm hiệu của vua trên các món đồ ché tạo

ra. Nhờ tài liệu này, tôi biết được các dấu hiệu riêng như "double cercle" (hai vòng tròn cùng một trung tâm). Ngoại ngọc, Chánh ngọc, v. v... xưa hơn hết là lối vào lối năm 1677 (Khang Hy) này. Và khi nào có món đồ có nước men chưa lạc tinh lầm, thì ta sẽ kéo món ấy xuống dưới Kiền Long hoặc dưới Gia Khánh, là hai vua có thợ xuất sắc, chế tạo được đồ sành cổ giống y lớp Khang Hy hoặc xưa hơn nữa. (Xin đọc lại kỹ hai tập trước số 4 và 5 H.C.Đ.S). Nhưng tôi lập lại một lần nữa là khi gặp một món đồ có vẽ nồi đáy *hai vòng tròn* (double cercle), xin chờ vội liệt kê nó vào ba hiệu của vua trên (Khang Hy, Kiền Long, Gia Khánh), và còn phải xem đi xem lại cho thật kỹ, vì các hiệu này bị giả tạo nhiều lầm. Nếu gặp hai vòng không ăn khớp với nhau, hoặc vẽ không ngay ngắn, miễn có một chút sơ hở, chỗ giáp mí vụng vè, là phải loại ra ngay vì đó là đồ giả tạo rồi. Cái việc vẽ hai vòng tròn cùng một trung tâm ấy, coi vậy mà rất khó. Phải là tay thợ tuyệt khéo dưới Khang Hy, Kiền Long mới đủ tài vẽ được cái nào giống cái này, và đây là bí quyết dạy cho ta nhìn được món ấy thật là đồ chén chén Khang Hy, Kiền Long. Sách Cảnh Sức Trấn đào lục còn dạy thêm rằng phần việc vẽ niêm hiệu hay đĩa, ký hiệu riêng, trong lò vẫn cắt việc ấy cho thợ coi vẽ bàn quay trong trại, vì chỉ có thợ chuyên môn vẽ bàn quay này, mới vẽ nổi hai vòng tròn không sai chay ly hào nào. Tôi nói bàn quay đặt trong trại, là cái bàn quay để sửa chữa lại các món đồ đã khô trước khi cho vào lò hầm. Bàn quay này vẫn khác hơn *bàn quay ngoài trại* là tuy cũng bàn quay

nhưng đặt ngoài trời, nơi nhồi và nắn từng mòn đồ sơ khởi. Tôi viết đoạn này đồng dài và lần thẩn là có ý cho người đọc dễ hiểu, nếu rảng theo tôi từ đầu chí cuối. Vì nào đọc thấy chán thì nên xếp sách lại là tốt hơn, cái việc tôi sợ nhất là làm trò ôm đòn khảy cho người thích nghe sáo thổi, vì đòn hay mặc đòn, người thích sáo vẫn chờ nghe giọng sáo !

Với giọng sa là dẽ ghét như trên, tôi đã định tuổi cái thố này là lối năm 1677 của niên hiệu Khang Hy. Như vậy cũng là vinh dự cho cái thố này lầm rầm vì tính cho đến nay nó đã được  $1971 - 1677 = 294$  tuổi; nhưng nếu các dở lại tập số 4, H. C.D.S. trang 351, các bạn sẽ thấy tôi đã cho cái thố này lên đến đời Minh Vạn Lịch (1573 - 1620) và lấy năm chót 1620 mà đoán, thì thố này đã được  $1971 - 1960 = 315$  tuổi, chứ không vừa.

Nhưng việc đâu còn có đó, tôi chưa vội chứng minh hai lý đoán trên đây và xin mời quý vị theo tôi để tìm hiểu cái thố lạ lùng này thêm :



*Theo dấu Cao Hoàng* - Để dựng một bảng chứng mới, vừa để xả hơi hối nặng nề vì cách kể chuyện như trên, vừa giúp thêm phần soi sáng vấn đề cho có tánh cách sử liệu, tôi xin nhắc một cỗ tích về cuộc khai phá miền Nam này :

Tháng 7 năm Đinh vị (1787) (Lê Chiêu Thống

nguyên niên) (ngày Tây là 13-8-1787), chúa Nguyễn Ánh thối ty nạn bên Xiêm là quốc, và kéo rốc bộ hạ binh sĩ về Nam. Một nơi hiểm cù và sầm uất mà người lựa chọn để đồn tạm binh mà để lo việc chỉnh tu trước một trận thư hùng với binh Tây Sơn, ở vùng Sa đéc, là Nước Xoáy, chử gọi "Hồi oa" (Ông đóng binh ở đây đến tháng giêng d. l. 1788)

Nước xoáy, nay ở về làng Long Hưng, trước kia là một trong ba làng được Chúa Nguyễn đặt tên là Long Hưng, Long Thắng, Long Hậu (tôi còn làm việc ở Sa đéc (1928 - 1932), thì thuộc quận Lai Vung, nay đã sáp nhập về địa hạt nào tôi không rõ lắm). Cuối thế kỷ XIX, Nước Xoáy có tên là làng Tân Long, khi Chúa Nguyễn dừng chân nơi đây mới sửa tên lại là Long Hưng, và "ngự tu" hai tên khác cho hai làng kế cận, để tượng trưng cho sự hy vọng về sau, là Long Thắng và Long Hậu như đã nói. Một điều đáng để ý là buổi ấy, Chúa đã thích dùng "Long" để đặt tên chỗ này chỗ nọ, và không biết có dính dấp gì chăng, hay do sự tình cờ, mà nơi Long Hậu thân, thuở ấy là nơi cư trú của một nhân vật sẽ nói nhiều trong bài này và tiêu sử của Ông vẫn dính liền với bước tiền đồ của Chúa Nguyễn buổi truân chuyên ban đầu này, tôi muốn nói Ông Nguyễn Văn Hậu, một nhà giàu có lớn thuở đó ở vùng Nước Xoáy. Và những điều tôi nói đây đều là truyền thuyết, tôi không dám quả quyết là đúng lắm, chỉ làm phận sự gộp chút sử liệu vụn vặt cần phải dải lọc lại trước khi dùng. Một phần trong chánh sử nhà Nguyễn, thường che giấu những sự không tốt đẹp gì mấy buổi lưu vong

thua Tây Sơn, chạy dài và trốn tránh, "ăn nhở ở đậu" vùng rừng lõi thuộc Mui Cà Mau ngày nay; một lẽ khác nữa, hay là thuở đó, vua chúa được dân tiếp tế lương thực chở ăn chở ngủ, vẫn thường coi đó là thường sự, là bốn phận của con dân phải như vậy, phải dâng của và hy sinh tánh mạng mình cho chúa chở không kể đó là một kỳ công rất lớn, vì nên nhở buổi ấy là thời bất ổn định và còn chưa ngã ngũ, nếu bên Tây Sơn hay được thì "công bên này mà lội nặng bên kia", có thể bị chém bay đầu chẳng chơi.

Năm 1931, tôi có đến tại chở, vùng Hồi Qua Nước Xoáy, và có lên bờ ghé lại cung chiêm cổ tích xứ này. Lúc ấy thú thật tôi ý của tôi là đi cho biết đó biết đây với người ta, chở không có ý gì là nghiên cứu hay khảo cổ gì cả, nên khi lên bờ và đi sâu vô độ vài trăm thước, thì tôi thấy dạng một nền đất cao, lù lù trong cỏ rậm và dây leo chằng chịt, chau vi lõi sáu công lăm ẩn. Ông cai tổng Lê Đình Quảng chỉ cho tôi xem và cất nghĩa đó là cổ tích di truyền : "Nền đồn cũ của Chúa Nguyễn Ánh". Bước trở lại ngoài mé nước ngay chở nền đất cao, không rõ ngày nay cuộc diện có thay đổi gì không, chở hồi năm 1931, tôi thấy dưới mé nước có một gốc da thật to tàn che mát hết một vùng rộng lớn và là nhứt là nhánh nhóc gie ra dòng sông, đối diện với hòn kia là một gốc hòn cũng to không thua gốc da, và cả hai đua nhau cùng các cổ thụ khác che tàn làm cho khúc sông ấy ngày đêm tối sầm không thấy mặt trời, địa thế đã vắng vẻ, cảnh lại âm u và hùng vĩ lạ.

Tương truyền lúc ngài còn nương náu chốn này, ngài thường ra ngòi câu cá dưới gốc đa để vận trù quyết sách. Vì vậy, nơi đó còn danh để lại là "Cây đa bên ngự". Ngày 29 tháng giêng năm 1959, Ông Khưu Văn Ba, cố tình trưởng tỉnh Vĩnh Long, có đem giao cho Viện Bảo tàng Sài Gòn, một lư hương cổ làm bằng đá ong Biên Hòa nguyên khối, tương truyền đã tìm được dưới gốc đa và theo lời các cố lão tại chỗ thì đã có từ đời Gia Long lâu quãng.

Một điều tôi để ý lúc đó, **Nước Xoáy** quả là một địa thế hiểm trở, và là một trấn địa hiểm, chiếm được chỗ ấy có thể nhốt nhìn địch vạn. Tính coi lúc tôi đến viếng là lối ba bốn giờ chiều, thế mà trời đã tối om om ngửa tay không nhìn thấy chí, ông cai tổng đứng cách tôi mấy thước mà như xa cả dặm, có lẽ thuộc Cao hoàng, vùng này còn nhiều rường rú và rậm rì hơn nữa, khiến nên sự trốn núp thật dễ như chơi. (Có ý xem mấy địa trấn hiểm trở như vậy cho đến nay, vẫn không thay đổi mấy : vùng U Minh (Cà Mau), vùng Rạch Gầm (Mỹ Tho) vùng Cảnh Én (Khánh Hậu), vùng Đầm Lá Tối Trời (Gò công), vùng Mười tám thôn Vườn Trầu (Hóc môn, Bà Điểm) và một địa danh thường kể trong sách cũ Nam kỳ là "Rạch Giá" ở Gò công tách Đầm Lá Tối Trời nói trên mà cùa đọc và lầm tưởng là Rạch Giá (Kiên Giang).

Nhắc lại **Nước Xoáy** cũng gọi là "Giáp Nước", vì vậy là chỗ hai mảnh nước đụng giáp với nhau : một ngọn từ Tiền Giang, một ngọn nữa từ Hậu Giang, đều là hai sông cái, đều ngày nước đỗ đòn, chảy dọc cung đầu nhau,

sóng dội ầm ầm và xoay tròn thành một "xoáy khuynh khu ốc" sâu thẳm thẳm, ghe thuyền nào lơ lửng đến đây, nếu chờ khâm và không kịp đề phòng, sẽ bị rút tuối vào tròn xoáy, át khó mong thoát nạn chết chìm. Như đã nói, chỗ này tiên thì rừng già thiên nhiên chưa ai khai phá, dưới thì ông dữ tung hoành như con ngựa chừng, làm cho địa taে càng thêm hiểm gay, thuở ấy lại thường đánh thùy chiến, cho nên vùng Nước Xoáy là chỗ dụng vũ thiên nhiên, kế phục binh và kế dụ địch du kích (lúc ấy đã biết rồi), khiến cho binh Tây Sơn ít khi mạo hiểm trong những vùng như vậy.

Theo sử sách chép lại, thì các tướng theo hầu Chúa Nguyễn vào những năm đó, gồm có : *Huỳnh Văn Khanh* và *Tống Phước Nguyện* hiệp nhau giữ đồn tả, có *Võn Trương* và *Tô Văn Đoài* thì giữ đồn hữu, trong khi đồn trung ương, đóng tại Hồi Oa thì tự tay Chúa Nguyễn điều khiển. Vào buổi đó bên Tây Sơn cũng như bên Nguyễn Ánh, khi giới còn theo lối cũ, về súng ống thì đạn được không được sung túc lắm, thậm chí người bắn xúi thuật lại rằng : nghe ông bà nói lại, thuở đó bên Chúa thiếu đạn sắt đạn gang, bèn sai binh sĩ lấy hột cau khô (thứ gọi cau tằm vun cứng rắn lắm) già làm đạn, nắp súng lớn, bắn nghe rào rào, như vậy mà giặc cũng khiếp lui.

Sử chép vào tháng giêng năm Mậu Thân (1788), binh của Chúa Nguyễn còn đóng tại Hồi Oa. (Qua tập số 7, tôi sẽ nói đến một bộ chén trà Huế nhắc lại tích này).

Các tướng hầu cận trong lúc ấy là : *Tôn Thất Huy, Lê Văn Thược, Tôn Thất Hội, và Nguyễn Duy Nhuận.*

Nói về các tân binh, tức dân tráng tuyển được tại vùng, thì Chúa dạy phân làm hai đại đội :

- **Đội nhứt**, gọi "đội chánh binh", thì cho theo ra trận, đánh giặc lập công;

- **Đội nhì**, gọi "đội hương binh", gồm những người theo phụ giúp trong quân, nhưng không đánh giặc. Sau, Chúa xét đạo quân này không cần thi sĩ, và để đỡ tốn kém, nên cho bồi hương binh, dạy về nhà làm ruộng (theo Chánh biên thật lục).

\*

### *Ông Bố, cha nuôi của chúa.*

Tại làng *Tân Long*, thuở đó có một ông phú hộ, giúp Chúa rất nhiều, về sau chúa nhớ ơn, thường nhắc và gọi "*Bố nuôi*". Một phần của phú ông, ngày nay còn thấy tại vùng. Quyển "*Sa Đéc nhân vật chí*", xuất bản trước đây, có ghi rõ sự tích này, cũng như lúc tôi còn ở Sa Đéc, tôi từng nghe những người cố cựu, như thầy Cai Giác, thầy Cai Kinh, ông Đặng Thúc Liêng, vẫn hành diện kể lại tôi nghe, hình như thầm trách Đức Cao Hoàng và dòng họ Nguyễn Phúc, không mấy nhớ ơn Sa Đéc, là nơi phát tích và gầy dựng cơ đô nhà Nguyễn.

Ông tên *Nguyễn Văn Mậu*, cũng gọi là *Hậu*. Chuyện

đã xưa nêu tôi không nhớ rõ, nhưng trong mấy vị tiên bối kể trên, có một ông đã lưu ý tôi, rằng có lẽ "Hậu" là tên của Chúa ban, tên "ngự tư" của Chúa cho, vừa để đánh dấu buổi tương ngộ tao phùng giữa Chúa và nhà Mạnh Thường hiếm có, vừa để nhắc dời, một địa danh "Long Hậu" và một nhân danh "Nguyễn Văn Hậu" trong vùng, và giữa lúc "lỡ chân trái bước" của Chúa từ buổi ở Xiêm về (sẽ nói thêm trong tập 7, *Khảo về đồ sộ men lam đất Huế*).

Khi chúa Nguyễn đặt chân đến xứ Hồi Qua, thì Mậu đang làm chức "Tri thâu" trong làng, có phận sự thâu góp và gìn giữ các sắc thuế trong vùng, trước khi đóng nộp cho quan sở tại. Mậu làm chức ấy, vì Mậu là người giàu có nhứt trong thôn và được tôn làm "Trùm cà" trong làng.

Khi Chúa đến, Mậu được đòi cho ra mắt, hay nói theo lúc ấy, Mậu được cho yết kiến long nhansen. Khi hay tin ông "ngà" về phe Chúa, thì dân chúng trong vùng đã săn lòng ông làm trùm cà, cũng theo ra đầu Chúa rất nhiều.

Khá khen cho Mậu, tuy là người ở chòn thâm som cùng cốc, nhưng có biệt nhơn khác thường. Bình nhựt Mậu có tánh trượng nghĩa khinh tài và hay tế khố phò nguy. Vừa giáp mặt Chúa, là biếu ngay sau này Chúa sẽ làm nêu cơ đồ đại sự.

*Nguyễn Văn Mậu bỏ phe Đông Định Vương Nguyễn Văn Lữ, và đem hối của cải dâng cho Chúa Nguyễn trọn*

quyền sử dụng. Phải biết lúc đó, Lữ là trấn tướng vùng Long Xuyên (Cà Mau ngày nay), có quyền liên trấn hậu táu, và nếu biết tin Mậu hai lòng, át làm cò sạch vùng Nước Xoáy chớ chẳng khống, và việc trả cờ theo Chúa Nguyễn tỏ ra Mậu có gan dạ và bản lĩnh khác hòn ai.

Về phần Chúa Nguyễn, tài xem tướng đoán người cũng tốt chung, vì vừa gặp mặt Mậu là biết ngay "người này dùng được". Khi ấy Chúa sửa tên Mậu lại là Hậu và giao phó việc tiếp tế lương thực. Đề tò cho biết mình là hàng vua chúa, Nguyễn Ánh ban hay giao cho Hậu một kỷ vật, không ai có, là một cái thố to lớn da kiều, dày Hậu từ rày dùng vật ấy để dâng cơm "ngự thiện". Và quả thật, trong những ngày chúa Nguyễn đóng binh vùng nước xoáy, Hậu khai lẩm thóc, xay lúa già ra gạo, thổi cơm, vừa tiễn vua, vừa chạy ăn cho mấy trăm hay mấy ngàn tướng sĩ theo hầu hạ Chúa, không bê trê ngày nào.

Một điều nêu nhả, là lúc ấy, chúa ở Xiêm vè, còn ở thế binh cõi tướng quâ, thời gian nán lại Hồi Ông là vừa chờ thời cơ thuận tiện, vừa nghỉ cánh Đại bàng, vừa chiêu binh mãi mã dutherford sức ba quân. Nay gặp được người hào hiệp ủng hộ mõi cõi lương thực như Hậu, thì còn gì bằng.

Mấy con nhàn rỗi thân mật, Chúa vui vè thường gọi Hậu bằng "Bố", tiếng kêu tảng dong tớ già, hay người cha đỡ đầu, - ngày nay ai muốn hiếu sao thì hiếu.

Cách chuyên vận cơm lương lúc đó, thay đều dùng sức người và dụng cụ thô sơ : xé lồng ba lá để lết lỏi lạch ngòi, và ghe cui, ghe cà vom để chèo mau trên

sông lớn. Vào năm Mậu Thân (1788), Trữ Đường Cái Quan duy nhất, thì trên miền Nam đều dùng đường đất sình lầy bất tiện, xe cộ không có nhiều, lại nữa cũng không có cầu kỳ vững chắc để cho xe qua lại thông thương, lúc ấy, trong nước, việc chuyền vận đều trông cậy vào thủy lộ. Hậu có phật sự cung cấp lương phật cho Chúa. Từ nhà ông ở Long Hậu, đến chỗ đóng binh, Long Hưng, đường xa độ ba bốn cây số ngàn, nhưng thuyền đi cũng tùy con nước và lâu cả buổi. Mỗi ngày, ông sai tôi tớ nấu cơm từ khuya bằng chảo đun lớn, rồi chuyền qua ghe thuyền chờ lẹ qua ngả Hồi Oa, phần nào để binh sĩ dùng thì đựng bằng giỏ tre, thứ ngày nay còn dùng và gọi theo người Tàu là giỏ "cần xé", phần trên trọng dành chúa ngự cùng các tướng thân cận, thì đã có cái liên kia chưa đựng. liên ấy, như đã nói, nội vóc giặc to lớn khác thường cũng đủ cho biết là "vật quý từ trong ấy đưa ra", nó là vật ngự dụng trong Nội Phủ, nay Chúa trên bước đường lưu vong tầu quốc, đêm theo vừa để tiện dùng như thuở còn trong chốn thâm nghiêm kín cổng, vừa để chứng minh trong lê thư biết người sử dụng vật này là người quen ở trên đầu cổ thiên hạ, mới có vật lạ thường này.

May cho cái liên hay cái thố ấy, là khi dùng, ông Bô không dùng cái nắp, cho nên ngày nay vẫn còn nguyên vẹn, và có lẽ lúc ấy, Ông Bô đã dùng lá chuối, lá sen đây thay cho nắp, là tục lệ người miền quê, còn quen dùng cho đến ngày nay. Cơm đây bằng lá chuối, lá sen vừa thơm ngon, vừa giữ nóng được lâu, lại nhẹ nhàng tiện lợi; đây bằng nắp sành thì sợ rủi ro bể vỡ, đây bằng

nắp cây lâu ngày có khi hôi mùi gỗ cũng mất ngon. Cái nắp sành được cứu khỏi nứt hư cũng nhờ mấy kinh nghiệm đó.

Suốt thời gian Chúa Nguyễn dừng chân tại Hồi Oa, cái thố vẫn đi lại lại giữa khoảng đường nhà ông Hậu đến dinh trại Chúa đóng. Nhưng theo sử, thì Chúa ẩn náu nơi đây từ tháng 7 năm 1787 đến ra giêng năm 1788, độ năm tháng ngoài.

Việc binh bắt khà sơ lậu, nên một hôm Chúa đi binh đi nơi khác, không phải không kịp thâu hồi cái thố quí, nhưng có lẽ Chúa để lại nhà Bô, một là muốn lưu niệm nơi đây một di vật buổi lưu vong bát cơm Phiếu mầu, hai là vì quân cơ lậu sự sao nên. Vì vậy, cái thố ở lại vùng Nước Xoáy, từ năm 1788, nơi nhà ông Bô Hậu. (Một lè thứ ba, tôi định lúc ra đi, Chúa còn tinh sè trở lại đây nữa nếu thấy có gì bất lợi).

Một đoạn giả sử khác, cũng do mấy ông cố lão kể trên thuật lại, thì ông Hậu có ý định dâng Chúa nàng con gái út để hầu hạ trong buổi lưu vong, nhưng không hiểu vì lẽ nào, nàng giả điên để khôi se duyên cùng rồng và sau đó điên thật sự nên mỗi duyên ấy không đặt lại nữa. Chẳng bao lâu nàng từ trần.

Về sau, khi Chúa Nguyễn tức vị xưng hoàng đế, ngoài có sắc chỉ dạy đòi ông Bô ra kinh cho ngài thấy mặt; nhưng ông vốn người thiệt thà chật phác, vẫn sợ chốn quan quyền, nhất là chốn kinh kỳ triều đình lê bát không quen, nên khi được chiếu vua đòi ra Huế, ông mượn cớ

tuổi già sức yếu, xin cho được miễn vào chầu. Vua Gia Long không ép, và để tưởng nhớ công ơn năm trước, có gửi ban cấp Bô một số tiền, một bộ phấm phục, một bộ chén trà hiệu năm Giáp Tý (số nói trong tập số 7) và sắc phong "Đức hầu".

Như vậy từ khi đức *Gia Long* tức vị, thì vua và Bô vua không thấy mặt nhau.

Theo quyển sách nhan là "Thời sự cầm nang năm 1939" (một loại agenda) in tại nhà ông Huyễn Của (Imprimerie de l'Union) ở Sài Gòn, nơi truong 382 thì lăng mộ ông Bô xây năm 1807. Nhưng trong một bộ sách khác lại ghi rằng năm Kỷ Tỵ (1809) đức *Gia Long* được tin Bô Hậu mẫn phẫn, có sai bộ Công vào Nam, xây lăng mộ cho Bô và cho nàng con gái bạc số. Lăng này cách *Cây Đa Bến Ngự*, lối hai cây số ngàn.

*Gia đình Bô Hậu* sau này sa sút, và hai vật báu : *cái thó bụi dâng cơn ngự* và *bộ chén trà "Giáp Tỵ"* (1804), phải sang chủ khác...

Tôi lấy làm lạ là bà đốc phủ Hà Minh Phai, đã quá cố, nhà cũ ở đường Trần Hưng Đạo ngày nay, ngang Tống Hành dinh Đại Hành", bà vốn là một nhà lão luyện về khoa chơi cổ ngon trước hòn ai, và bà vốn thuộc dòng gia tộc ông *Bô Hậu Nước Xoáy*, nhưng không hiểu vì cớ nào bà không gìn giữ của quý này, để lưu lạc và nay cả hai món đều nằm trong tủ họ Vương đường Nguyễn Thiện Thuật trong Gia Định ?

Hay là thiên cái hữu phẫn ?

*Phụ lục* - Đã là bàn phiếm thì không bao giờ dứt. Sau đây, tôi xin trích lục vài bài viết lúc tuổi nhỏ, không phải để kéo dài, kỳ thật để thêm đầy đủ và hướng dẫn những bạn học chơi cổ ngoạn, biết thấu các mánh khóc của nghề tiêu khiển nhàn hạ này : các bạn có chia xót mối tình say đắm đầm cõi như tôi không, là việc khác :

1) Trích hai bài bát cú như sau :

### **Viếng lăng Ông Bố**

*Vào lăng Ông Bố, cảm tình Ông,*

*Thấy cảnh, ai không động tâm lòng ?*

*Đất nghĩa tuyết đầm, mao mốc đượm,*

*Nền nhàn sương ấp, cảnh hoa vun.*

*Vầng mây làm giúp cây tàn long,*

*Ngọn gió đưa giùm tiết đức phong.*

*Thức nguyệt đánh đèn soi tỏ rạng,*

*Cho lòng trời biết chút mồ trung.*

**NGUYỄN ĐĂNG KHOA**

• Cảm đẽ :

*Tuần kiệt nghiêm vai đỡ lấy trời,*

*Anh hùng trường lao phải là chổi.*

*Đèn Nam thương phụ không hai mặt,*

*Cõi Việt hờ hẫu biết mây mươi ?*

*Khương từ ngài câu trông mỏi mòn,*

*Võ hầu xếp quật cung hao hơi.*

*Cần vương tấm nhặt người trên trước,*

*Âu phải liều thân giúp với đời.*

Hòa Trại, NGUYỄN VĂN DÂN

(Hai bài trên đây là của ông NGUYỄN BÁ THẾ chép lại, đăng trong tạp san VĂN ĐÀN số 10 bộ III (năm thứ ba) từ 5-1-1962 đến 12-1-1962), nhan bài là : "Di tích lịch sử miền Nam "Lăng Ông Bố", và chuyện một thiếu nữ giả điên đến chấn để khỏi sánh duyên với vua".

\*

2) Trong Hiếu cõ đặc san số 4, trong một đoạn, tôi có nhắc đến một cái nồi đồng do đức Cao Hoàng bỏ lại trên vùng U Minh (Rạch Giá), nhưng tôi không chỉ rõ chỗ ấy ở đâu. Nay tôi xin viết tiếp và thuật lại những gì tôi nghe thấy về cái nồi đồng này, họa chặng ba bà giúp một người biết hơn tôi, sẽ giúp cho Viện Khảo cổ sau này, tìm lại được một di tích buổi Gia Long tầu quốc. Nhưng trong thâm tâm, tôi nghi phẫn lớn là cái nồi đồng này đã bị người lấy mất rồi là phẫn chắc, và đã nấu chay lấy đồng làm việc khác, chớ không để dành, kể như một sưu tập phẩm thuộc sử liệu miền Nam đâu.

Lối năm 1932, tôi có quen ở Sóc Trăng với một ông gọi "Thầy ký Tứ" làm cờ le (clerc) cho trạng sư Pháp

tên là Lafont. Ông ký Tứ, trước đó là một diền chủ có mâu mực, tinh Rạch Giá. Bao nhiêu tiền của, Ông trút vào việc khai phá một sô rừng đến năm chục mẫu tây (50 Ha). Ông khẩn lại vùng U Minh, nơi gọi *Đền Công Chúa*, vì tương truyền đây là nền đất do chúa Nguyễn Ánh đắp để dựng đền cho một nàng công chúa (theo tôi có lẽ là cho cả gia quyến của Chúa, cũng không chứng). Công việc khẩn đất hoang thất bại, nợ nần lũi đầu lút cổ, thầy ký Tứ chạy về Sóc Trăng ở đó, và vì quen thân với Ba tôi, nên thầy nang tới nhà làm đạo, ở số 31 đường Đại Ngãi, là nơi trước kia Ba tôi và tôi ở chung để tôi dễ bề thân tình more khan. Thầy ký Tứ, một hứa kia, vui miệng, thú thật với tôi là trước khi thầy làm nghề đất mỗi thầy kiện như ngày nay, thầy có một sự nghiệp lớn tại *Đền Công chúa*, ở Rạch Giá, và chính mất thầy thường thấy một cái nồi bằng đồng thật lớn, nằm chính ở giữa ruộng nước của ông khai phá, phân nửa cái bụng thì chôn dưới sinh, một nửa cái hông đèn đèn thì phơi lúp xúp trên mặt nước, đứng xa trông như lưng một con trâu chàng nằm phơi nắng phơi mưa dưới sinh lầy.

Thầy ký Tứ vừa cười vừa thách :

- Ấy, nghe nói cái nồi đồng này là do ông Nguyễn Ánh chạy giặc Tây Sơn bỏ lại đó từ ấy những nay, và lệnh thiêng lắm nên không ai dám rinh. Báo hại diền tôi như bị ốm, và nẫu em (tức là tôi) có gan, thì thử theo ông đến ruộng, mặc tình lấy về làm kỷ niệm, vì ông biếI tôi có tay giữ của, ông ta á rặc không dám hại bồn mạng tôi đâu mà sợ.

Nhưng nay tôi nhắc lại để tiếc thì đã muộn, vì thay ký đã viễn du tiên cảnh, còn tôi lúc ấy vẫn mê gà nòi, mê cá thia thia hơn là mê đồ cổ, nhất là khi tôi nghe nói món vật cổ ấy là bằng đồng, tức không phải trong phạm vi đồ sành đồ sứ là những món mà tôi đang lặn vương, cho nên tôi không thấy hứng đi tìm...

Câu tục thường ví : "Nếu tuổi trẻ có cái kinh nghiệm của già, và nếu già mà còn cái hăng hái của trẻ", nếu khi ấy tôi áp dụng câu này, thì đâu có sự tiếc hối muộn màng như nay. Câu này tôi không nói cho tôi và xin gởi nhẩn nhường ai có lòng hiểu cổ.

### 3) *Bước gian truân của cái thắt*

Tôi viết đoạn này, cốt ý không phải để cà kè, và trong thâm tâm lúc nào như lúc nay, tôi chỉ muốn cho các bạn mới tập chơi đồ cổ, thấy rằng trong nghề mới "đi kiếm mồi đồ cũ này", vạn sự đều mới lạ, hoàn toàn thú chơi này ít có tinh cách khoa học, và sự may rủi, cầu may, tiền định, phước phàn, vẫn thủ một phần quan trọng hơn nhiều.

Tôi cũng xin cáo lỗi trước, vì sẽ nói ít nhiều đến đời tư (sẽ khai thác rõ hơn trong tập 8 "Hai nửa đời Hu") và đây là tôi muốn lấy lý dụ bản thân để kê nêu cho các bạn nhỏ biết trước mà tránh cạm bẫy mà trong nghề nào cũng có, nhất là trong giới mua bán đồ cổ, già nhiều hơn thiệt.

Lối năm 1932 - 1933, kinh tế ở trong thời đại khủng hoảng, tiền bạc lúc ấy kiếm đồ con mồi không

ra, và giá trị rất cao, tôi nhắc lại là để đánh dấu một đoạn đường đã từng đi, vừa làm cho dễ nhớ câu chuyện. Phàm trong thư chơi cổ ngoại, đối với các nước lân tiễn bên Âu-Mỹ, chơi đồ cổ phải là các tay triệu phú chơi đồ xưa một phần như để gián tiễn khoe của, cũng có nhà khao cổ mua sắm nhưng nhóm này rất ít, vì họ đã có sẵn cổ vật chọn chính chung bày lại các viện bảo tàng tự do khai thác, còn bên sú ta, người sưu tầm đồ cổ trước khi xuất tiền ra mua sắm, vẫn xem đi xét lại ghê gớm lắm, vì như đã nói : đồng tiền lôi năm 1932 đến 1934, khó kiếm vô cùng, đối với ai cũng vậy, nhứt là tôi đây, đồng tiền lớn hơn của ai hết, tục ví "lớn bằng bánh xe", không phải là ngoa, và khi xài phải cho tôi tính thiệt tính hơn, so do lợi hại.

Và lại ai dám nói đồ cổ là vật vô tri giác ? Nếu vô tri vô giác, sao cái thố này không khác thân Kiều, đã nhiều lưu lạc, lại lầm gian truân ?

1) Từ Trung Quốc, được làm cổng vật gởi vào Nội phủ Huế, tưởng là an phận;

2) Từ Huế chạy qua Xiêm La quắc để trở lại miền Nam nước Việt (1787);

3) Sau năm 1809, từ ngày ông Bô Hậu mất, lưu lạc và rớt lại bán về ông Phạm Văn Thiệu, ở mé sông đường Tân Qui, chợ Sa Đéc, không biết từ hồi nào;

4) Năm 1933, tôi mua được đem về Sóc Trăng, nhưng từ 1933 đến 1942, tôi chưa biết chọn giá trị, vẫn bò bé trên đầu tủ, có khi lại đem bày chân chường gần cửa nhà,

trên một cái bàn độc, trẻ con chạy đua chung quanh, và nếu cái thố không hề tói cũng không hiểu nhỡ mà lực gi. Một năm nọ, trước 1942, tói có dịp lên Sài Gòn, mua được một cái đế sơn mài mỏng mảnh cao ba tấc Tây, tói lại làm tài khôn đặt cái thố lên trên, để nhai quả địa cầu, và lúc ấy, nếu có gió to hay ai lơ đãng đụng mạnh vào bàn, tức nhiên cái thố mất thăng bằng sẽ ngã đổ ngay, thì có còn gì cho đến ngày nay bàn phiếm ?

5) Năm 1942, 19 tháng 3 Nhâm Ngọ, có một người Tàu, bán đồ xưa dạo, đồ đường xuống bán tại chợ Sóc Trăng, có ghé nhà thăm và khuyên không nên để cái thố "đánh đú" trên cái ghế chính không ấy. Ông ta khen cái thố, có da rạn "du lộ hồng", vừa có dạng đồ hồng hồng, vừa rạn như có chất mỡ từ trong cốt thai tướm ra. "Cái thố này chánh hầu là cổ, ông Tàu nói, nên để đựng nước mưa uống, chắc là nên thuốc".

Tôi nghe mấy câu này, tôi mới cẩn thận hơn, và đem cái thố lên lầu. Tuy vậy, mỗi lần nhà có khách, mấy người này vẫn giờ nắp thố và dậy nắp không nương tay, mấy tiếng đụng chạm rồn ràng làm tôi đau lòng mà không dám nói.

Năm ấy (1942), sắn vàng rẻ, 150 đồng mỗi lượng, nên Ba tôi và hai em tôi, ra công kéo chì bịt miệng, bịt nắp và bịt một vòng dưới khu thố, tốn hết 2 lượng 165 vàng hơn ba trăm bạc (19 tháng 3 Nhâm Ngọ). Mấy phen nhà hết tiền chợ, vàng lại lên giá cao, tôi lầm lì muôn giờ vàng, bán lấy tiền xài, nhưng nhớ công ơn cha và em cực nhọc để lại chút kỷ niệm này, tôi lại không gỡ, nghèo thì

chịu nghèo khó không đánh phá mất một dấu tích của cha em để lại, một nghề hay chưng iò cha và em tôi là những mĩ thuật gia có chọn tài, chứ không phải thợ xuềnh xoàng đi bịt đồ dạo và thường bị khinh rẻ, khinh khi. Mỗi lần có ai lạ hỏi cái thố bịt bằng giống gì, tôi trả lời "bịt bằng đồng đồ thủ dâm cáp điện".

Nay nói ra rồi, thì cũng từ đây, khai cái thố là cùa hương hỏa họ Vương.

- Năm 1946, trong tỉnh Sóc Trăng có lịnh tân cư triệt để, tôi chạy vô nương náu điền người anh là Trần Đức Lợi, ngoài gọi "anh Chủ Lý", cái thố được bỏ vào một cái giỏ cần xé, nắp đậy ngược cho đỡ kẽm càng, cũng không chèm không gói vì quá lật đặt, giấu trong lấp lúa trống của anh Chủ, ban đêm không gài cửa, trọn ba tháng trường mà không ai thèm lấy và cũng không bể, vì lúc đó lúa chín bán không ai mua, đồ đồng không ai mót, kè gian cũng lo lèn cư, nào ai vô trong lấp trống làm gì ! (Năm ấy, vì đê trưởng đầy ruộng, bán sáu các mội trâm trưởng, ngày nay nói không ai tin !)

- Năm 1947, tôi có thể không ở Sóc Trăng được nữa, phải chạy lên ty nạn ở Sài Gòn, kế gia đình dời vợ trước tan rã. Tôi vô làm kiếm cơm ở Viện Bảo tàng. Cái thố, tôi nhờ Ba tôi cất giữ ở nhà Ba tôi ở Sóc Trăng.

- Năm 1948, tôi xin được vé máy bay, về Sóc Trăng chở cái thố lên triển lãm vì năm ấy, có ông hàn lâm Pháp René Grousset sang đây diễn thuyết, ông ghé viếng Viện Bảo tàng, có chụp hình cái thố, và tôi cũng xin được gởi

tạm cái thố cùng đồ lễ nhuyễn trong viện. Từ rày cái thố có bồ an phận.

- Năm 1950, có bác sĩ Pháp, Dr André Migot, Ông từng du kinh lịnh *Tư Xuyên*, ngủ đêm tại chùa lớn ở *Ngũ Đài San*, lên đến Tây Tạng, chính phủ Anh không cho Ông viếng cảnh chùa Tây Tạng, nên Ông trở lộn đường qua ngầm ngọn sông *Mỹ Công*, nơi phát khởi vĩ đại của *Cửu Long giang*. Khi Ông dừng chân nơi Viện Bảo tàng Sài Gòn, và khi Ông thấy cái thố Ông cất nghĩa rằng với sức to vóc lớn làm vậy cái thố này khiến Ông nhớ cảnh chùa Ngũ Đài San. Ông nói chùa Phật trên ấy to lớn lạ thường, tăng đồ có đến bốn hay năm trăm người trong mỗi chùa, và mỗi Phật lự Ông từng viếng đều có cái thố nắp lớn cỡ này, tuy không cỗ bằng. Mỗi ngày thiện nam tín nữ đến chiêm bái Phật, đem cơm lên cúng, lễ xong lại thay xuống núi, vẫn chữa lại ba vắt cơm nhồi, chùa sẽ dùng những thố lớn như vậy để chữa đựng, để rồi trưa lại sẽ lấy ra lộn lộn với cơm nấu cháo đun rồi phân phát lại các tăng sãi dưới danh từ "*cơm khai thực*", hay cơm "*phú quyến*".

- Từ năm 1950 cho đến ngày nay, tôi không dám khinh thường nữa, nhứt là sau khi tra cứu kỹ càng về sự tích Ông Bô Hậu ở Nước Xray, mà các người kỹ cựu ở Sa Đéc đều công nhận là đúng, thêm từ khi Ba tôi mẫn phẫn, chút kỷ niệm nào của người, tôi cũng không dám khinh hối, xem thường.



Tôi không nề lán thẩn, xin chép luân ra đây một đoạn đường đời thuở niên thiếu (tôi sẽ trở lại trong tập "Hai nửa đời Hu", cẩn kẽ hơn) để cho thấy vì sao tôi biết cái thố này và tôi đã mua nó với giá bao nhiêu :

"Nhắc lại, năm 1928, tôi được hai mươi bốn tuổi, chán cảnh thi đậu thơ ký "Sài phủ Nam kỳ", mà nhè bị cất qua làm việc tại Trường Máy đường Đỗ Hữu Vị, (nay đổi làm trường Trung học Kỹ thuật Cao Thắng, đường Huỳnh Thúc Kháng), nên tôi vận động xin được thuyên chuyển về tỉnh Sa Đéc, làm ký lục và coi việc phát lương cho công chức binh lính tại tỉnh. Về đây, tôi bắt đầu làm quen và học chơi đồ cờ với các tay thành thạo và hiết nhiều về cờ ngon, như quý ông Trương Văn Hanh ở đầu Cầu Sắt Vĩnh Phước, ông Nguyễn Văn Muôn và ông Phạm Văn Thiệu ở Tân Qui Đồng, cùng với ông giáo Phạm Văn Thư, cả bốn đã từ trần từ lâu.

Buổi đó, lương thơ ký hạng 2 chánh ngạch, mỗi tháng lanh được 80 đồng bạc, mỗi số tiền lương đối rất lớn, thêm tôi có phụ cấp mỗi tháng độ 20 đồng bạc, là tiền sai biệt phát lương, đến bù khi hao hói lúc phát tiền, vì chỉ tôi có mỗi tháng tròn trèm một trăm đồng bạc lớn (100\$00), bằng hoa lợi một ông điện chủ bực trung, mà kể về phong lưu, thì công chức hơn nhiều vì khôi dầm sương trại nắng, khôi lo mất mùa, v.v...

Phải nói người bạn có hồn thú của tôi đất về Sa Đéc, lúc ở Sài Gòn có tiếng là đẹp (tôi không dùng danh từ "hoa khôi" là vì khiêm nhường), hai đứa tôi thương nhau thật tình, và mỗi tháng lanh lương về, hai tôi làm số ngân

sách dâng hoàng lâm : xa cha mẹ, không ai kèm thúc, đầu xanh tuổi trẻ, mặc tình tự tung tự tác : 20 bạc tiền mướn phở, vì ham ở phở mồi, có lót gạch bông (căn phở này ở dưới dốc cầu Vĩnh Phước, gọi Phở Ông Ký Ngọc, (nay có dịp về Sa Đéc, mỗi lần đi ngang, lòng se lại và bồi hồi, luyến tiếc tuổi xanh cũng như nàng năm trước, đều bồi thời ở với nhau, chớ dây không bao giờ phụ).

18 bạc chợ (mỗi ngày, vợ chồng son với con bếp tên *Sáu Lùn*, đi chợ sáu các bạc (0\$60) mà đồ ăn ăn không hết, vỉ vào gà cá, hơn xa tiền chợ 1.000 đồng ngày nay).

22 bạc, tiền mướn Bếp (8\$00), đèn, nước, lặt vặt, luôn cả tiền đi xem cải lương, hát bài và tiền thù lác khi có quan hôn tang tế.

Vì chi mỗi tháng tôi xài 60 đồng, mà phủ phê nhà cửa, còn dư lại 40\$00, tôi nếu không mua đồ xưa, thì cũng cúng hết cho bài thính cầu; vì tôi là con sâu bải, thứ 32 cây này.

Thời buổi ấy, miền Nam được thái bình, hiếm vì có nạn kinh tế khùng hoàng, thêm năm đó Chánh phủ tăng một đồng bạc phụ trội, bắt dân chúng vùng *Cao Lãnh* đóng thêm về thuế thân, khiến dân đã nghèo lại thêm khổ.

... Tay lúc đó đung túng cho chơi cờ bạc, gần như công khai, để dân quên làm quốc sự. Sở dĩ ngày nay rääng tôi rụng sớm, cũng vì tật tham ăn. Chúng tôi hiệp lại, mấy thầy Tào Bố và năm ba ông nghiệp chủ hào phóng, chiều nào tan giờ làm việc, thì qua Cầu lục bộ đánh vợt, và luôn phiền rước anh em về nhà làm tiệc : mùa nước

lụt thì ăn lôm tươi và chồn mướp ket ngọt cây, mùa đói  
đồng thì thịt rùa vàng hay cua đực, cua đinh, khi trè  
bửa thì có gân bò chưng thuốc bắc, có khi chạy xe lên  
Biển Hòa săn thịt rừng, ăn uống ngoài ngõe, rồi bày sòng  
thín cầu ! Không phải tôi say mê cờ bạc, kỳ trung tôi  
muốn thừa dịp tựu hội anh em đầy đủ để gay qua nỗi  
chuyện đồi xưa. Được một năm thua nhiều hơn thắng, tôi  
tỉnh ngộ đứt hẳn chà bài, để triệt để lèm hiểu cỗ ngon.  
Vốn tôi đã chập chbum biết khá về cổ tích và truyện Tàu,  
nhưng tôi biết nồng cạn về lý thuyết mà thực hành thì  
chưa có chút nào. Bởi vậy tôi mới theo đuổi theo các bậc  
đàn anh này hầu luyện tập nghề thêm.

Các ông bạn lớn tuổi ấy đều mách với tôi tại nhà Ông  
Sáu Thiệu, có một cái thố thật lớn. Theo Ông Tư Hanh,  
là người rành về đồ cổ hơn hết, thì ông "cái không ra", ý  
ông muốn nói "xem không biết thuộc đời vua nào", và lại,  
vì thố về màu xanh đỏ tím, nên nói trong vùng từ Vĩnh  
Long qua Sa Đéc, ai nấy đều không rõ đến, cho nên thố  
mới còn lùi ngày nay (1932) (Thuở ấy, nhóm chơi đồ cổ  
tôi quen, đều sưu tập đồ sứ men lam, và chưa biết giá trị  
đồ sành màu (polychrome).

Ngoài Ông Tư Hanh, có Ông hội đồng Nguyễn Việt Luật,  
là người giàu có lớn và mua đồ xưa trả giá cao ai ai cũng biết  
tiếng, lại lập luận : "Đầu cho to lớn bực nào thì nó cũng là  
cái thố, tiếng gọi không thành, thà để liền sầm chót san  
thủy hay độc bình "bá huệ lòn", mới là đúng địệu".

Vì vậy nên cái thố "độ", và có lẽ "của tím chủ", nó  
đẹp tôi.

Một buổi chiều kia, tôi đi làm việc về, đang đứng trước sân nhà, dưới gốc cầu sắt ngó qua Tòa Bồ, bỗng nghe tiếng ai gọi tên mình từ trên cầu. Tôi ngó lên nhìn được thì đó là ông Cử Vũ Hoành, một chánh trị phạm bị Tây cho lưu trú ở Sa Đéc, hiện làm nghề hớt thuốc bắc, và vừa mới quen nhau độ vài tháng.

- Thầy ký ơi ! Ông cứ gọi tôi như vậy, thầy muốn chơi đùa tôi, để tôi mách cho !

- Dạ tôi cảm ơn ông. (Lúc ấy danh từ Cụ, chưa dùng). Ông nói món nào đó ?

- Cái liễn to ở nhà thằng Thiệu.

- Dạ cái thố đó xưa lầm hả ông ?

- Xưa hay không thì chả biết, duy biết nó xài được. (Ông pha hai giọng, vì ở Nam dã lâu).

- Nhà thằng Thiệu, ông cứ nói tiếp, có cái đó là cũ.

- Thưa, theo ý ông, chừng bao nhiêu họ hán ?

- Hỏi họ chứ ! - Ông cứ đáp. - Mắc lầm, bốn chục bắc là đúng.

- Xin cảm ơn ông, để tôi suy nghĩ lại.

\*

Chuyện đâu còn đó, kể lấy tôi được thuyền chuyền về Sở quản thủ địa bộ ở tỉnh nhà là Sóc Trăng, để theo

dối một vụ ăn gia tài bên vợ trước (nay đã ly dị).

Tôi cũng quên lùng chuyện cái thố, tôi nhớ trước khi tách rời tình thân yêu Sa Đéc, tôi có đến từ giã Ông Thiệu, và hỏi thăm vụ cái thố, nhưng Ông đã đưa tôi xem một bức ảnh Ông chụp chung với cái thố như với một nhân tình sủng ái. Ông dứt khoát bằng một câu : "Đó là vật cưng, hễ thấy thố là biết của tôi, và không bao giờ tôi rời cái thố đó được".

Tôi nghe vậy lại càng thêm tiếc muối, chớ chỉ ngày giờ còn ở Sa Đéc, mình nài nỉ thì đã mua được rồi.

Bất ngờ, năm 1933, cuộc kinh tế khủng hoảng tràn lan khắp nơi. Tại Sa Đéc lại thêm nạn nước lụt lớn, ruộng ngập lênh láng, đã thất mùa thêm lúa bẩn không có giá, duy có cá lôm thì không biết làm gì cho hối. Tôm càng nhiều cho đến lôm tươi bán tại mé sông Vĩnh Phước, phải lấy thùng thiếc đóng, chớ không đếm con đếm mồi, và cứ đóng đầy bốn thùng thiếc lôm tươi nhảy sôi sôi, các bạn biết bán bao nhiêu chăng ? Bốn thùng thiếc lôm : vốn vẹn bán chỉ được một đồng bạc (1\$00) không thêm không bớt.

Bắp trái còn vỏ xanh, đồ chắt đống, đến trâu bò cũng chê, bán hai các bạc (0\$20) một trăm trái, muối lấy thêm bao nhiêu cũng không nói, mà cũng chẳng có ai mua.

Giữa lúc ấy, tôi ở Sóc Trăng, vụt nhớ đến cái thố, nên cầu may viết thơ gởi lên Sa Đéc, đặt lại vấn đề với Ông Sáu Thiệu.

Theo trong hồ sơ còn giữ, tôi xin tóm tắt thư đi thư lại, đã viết và đã nhận.

Thư tôi viết gửi đi

Thư ông Sáu Thiệu trả lời

- 1) - Thư gửi nhắc muôn mùa cai thô (không giữ bán sau, định kí tháng 3 năm 1933) 2) 15-3-1933. - Ông Thiệu trả lời, ưng hán 150\$00.
- 3) 17-3-1933 - Trả lời chịu mua 70\$00
- 4) 21-3-1933 - Ông, Th. so sánh thô với cát đào "gánh Huỳnh Kỳ có cát Phùng Hú", "gánh Phuộc Cương có cát Năm Phi" ... và ông không ưng bớt giá cát thô.
- 5) - Tôi nín không trả lời thư 21-3.
- 6) 28-3-1933. - Ông Th. viết thư đề nghị bán thô và kèm thêm một lô lóm "Bát tiên bù thô", cả hai món : 120\$00.
- 7) 31-3-1933 - Tôi trả lời, trả hai món 90\$00 !
- 8) 3-4-1933. - Ông Th. nài hai món 100\$00.
- 9) 18-4-1933 - Tôi trả lời chịu mua, nhưng phải chờ xuống Sóc Trăng cho tôi.
- 10) 28-4-1933. - Tôi viết thư trách ông Th. sao không giao cát thô cho người chị vợ có dịp đi Sa Đéc, đem về cho tôi.
- 11) 28-4-1933. - Thư ông Th. cho hay không thể giao cho bà Thành đi xe đò đem về Sóc Trăng vì sang xe hối tiễn, e sợ rủi ro, bể cát thô.
- 12) 1er-5-1933. - Thư ông Th. hứa sai người đem xuống Sóc Trăng.

- 13) 3-5-1933. - Thơ nói láy, 14) 12-5-1933. - Ông Th. hứa sẽ sai  
nếu đem xuống Sóc Trăng người đem giao cái thõ tận nhà.  
thì mua, không thì mặc ý.
- 15) 19-5-1933. - (25 th. 4 Quý Dậu). - Bốn tháng ông Th. chờ thõ và  
một cái lô rận, đem tới nhà ở Sóc Trăng, dùng một bữa cơm, ngủ  
một đêm tại nhà, sáng ngày trở về Sa Đéc, nhận *Mặt trăng đồng*  
(100\$00).

Phàm người thang trện, không nên khoe chiến công  
của mình vì sợ lùi cho người khuất mặt. Ông Sáu Phạm  
Văn Thiệu là người ơn của tôi vì đã ký thác nhà tôi, nhiều  
cỗ vật hiếm có. Tôi lẽ nào dám xúc phạm đến, nhất là  
nay ông đã từ trần.

Tôi có chỗ tha thứ là vì muốn bày cạn vấn đề, mặc  
dầu dài dòng lẩn thẩn, là muốn để cho độc giả thấy  
ngày trước đỗ cổ không có bao giờ như bây giờ, và đồng  
bạc ngày trước không so sánh với đồng bạc năm 1971  
này được.

Một mặt khác tôi muốn chỉ cho thấy cái tánh rí mọ  
ke re các rắc của tôi lúc nhỏ, chỉ tôi ngày nay đọc lại  
cũng tự ghét lấy mình.

À dám nói vật vờ tri như cái thõ kia, mà cũng có số  
mạng như con người chúng ta ?

Để kết luận, tôi xin khai thiệt nỗi thắc mắc của tôi về cái  
thõ, vì cho đến ngày nay, tôi đã viết hai bài dài về cái thõ, một  
đang trong tập số 4, và bài này, tôi nói trường giang đại hải,  
mà chưa quyết định cái thõ thuộc về thời đại nào :

1) Nếu định chế tạo vào đời Minh Vạn Lịch (1573-1620), tức xét và dựa theo men ngũ sắc (wou-ts'ai : ngũ thái), đỏ, màu cà tím, xanh lục đậu, xanh lam Hồi, và xanh bích ngọc, thì cái mác "*double cercle*" khó nuốt cho trôi...

2) Nếu thấy cái hiệu "hai vòng tròn cùng mội trung tâm", rồi kết luận đó là cổ vật đời Khang Hi (1662-1722), thì cũng không ổn, vì đời Khang Hi đã bỏ dùng men ngũ thái.

3) Một mặt khác là cái hiệu "*double cercle*", tôi chưa dám chắc thuộc đời Khang Hi, vì thời hoàng tôi có gặp cổ khí đời Minh, nhất là của giai đoạn tiếp nối (*époque de transition*) (1620-1680), nhà Minh chưa mất hẳn, và nhà Thanh chưa hoàn toàn được nhìn nhận, thì hiệu "*double cercle*" đã xuất hiện rồi.

Và như vậy, có lẽ năm 1677 (Đinh Tị, Khang Hi năm thứ 16), có lệnh cấm hẳn đúc niêm hiệu vua, nên hiệu *Double cercle* mới công khai ra mặt. Nếu xét như vậy, thì cái thố này chính là chế tạo năm 1677, và đến năm nay 1971, nó đã được 294 tuổi. (Nếu có chô tôi định tuổi thố lên tới Vạn Lịch, thì cũng là ước định).

Vấn đề này chưa ngã ngũ, và xin chữa lại các bậc cao minh quyết đoán.

23-8-1962 - 30-11-1971

## HỮU ĐỰNG NGÁI CAO MIỀN

(Thì iờ lợ nước hoa ngày nay) (xem PI-3).

**T**RONG các món cổ ngoạn nhò nhò xinh xinh, có một thứ mấy năm về trước muôn bao nhiêu cũng có, cứ lượm dưới gốc cây da, cây bồ đề gần chùa gần nghĩa địa, cùng cực lấm mua vài ba cái của trẻ chăn trâu, hay một vài đồng là những cái tuyệt đẹp không khὸn không mè; sau này lựa tuyển trong hiệu huôn, cái nào liền lạc toàn hảo, thì đôi ba trăm bạc là quá sức tưởng tượng, ấy thế mà nay cũng bái chước leo thang, tưởng mình là vật cẩn thiết, như thuốc húi thuốc ăn, và không có bạc vạn trong lồng, đừng mong rót đến, vì các nhà huôn đồ cổ dụng lòng hiếu kỳ của nhà chơi cổ ngoạn, đã đồng hè treo giá, bốn hay năm ngàn bạc mỗi cái, là thường.

Những vật ấy bé tí leo thỏi, cái nào lớn, không trọng hơn trái măng cụt, - lôi muôn nói trái cây tơ chớ không phải măng lão măng đet của cây già, - cái nào nhỏ nhứt cũng cỡ trái chanh, cỡ cau điec, cau tằm vun, nhưng chớ khinh mà lầm, những vật ấy phép lực vô biên, lôi nhắc đến tên, bạn nào yêu bóng vía, át giựt mình trả lại lôi ngay, bạn nào lớn gan, tuy cầm trên tay mà dã rờn tóc gáy, thót dáu lên cổ; những vật bé tí leo ấy, nghe lôi nói đây, ấy là hủ đựng ngái phép của người Cao Miên, và có rải rác ăn dài từ chót Mũi

Cà Mau, Giồng Sóc Trăng, ăn lên trên kia xú Bắc lồm bon, núi Đòn Gánh (Battambang-Phnom Dang-Rék).

Các chủ cũ của nó, xưa kia là bọn thầy bùa thầy pháp, mà người Miền bao giờ cũng có tánh nhát, đã lừa lên hàng *luk kru* (lục cụ, sư cụ), vì tuy chưa bao giờ thấy họ kêu mưa hú gió, nhưng nhiều người đã từng bị họ trù ẻo, thư da trâu vào bụng, ban đầu còn nhỏ, sau nở ra lớn làm cho bụng căng thẳng như cái trống chầu, hoặc thư tóc nguyên nùi lọt vào ruột gan, ăn uống không được, lăn mòn rồi thác. Bọn thầy ngài ấy, là ác quỉ đùi lợp người, chúng nó nhai kim may, rồi hớp nước lạnh như ta nhai kẹo uống trà, và khi chúng nuốt kim luyện phép xong, chúng gồng mình và ai không tin, cứ thử : búa chặt không đứt thịt, dao bén chém trọi ngoài da (tôi có từng mục kích với Ông Dương Văn Giáo và bà André Violis lối năm 1927). Nhưng làng hào lanh, những chốn thôn quê, những nơi không có bác sĩ lương y đến hay không quan quyền tuần phong, là nơi chúng hành nghề, gieo rắc tai họa : bỏ bùa mê khiến cho con gái nhà lành bỏ cha bỏ mẹ theo trai, nhất là các mụ sòn sòn, không chẽi sớm mà lòng nguyệt hoa chưa tái, chúng đem ngài theo ngồi nói chuyện, bồng mụ cuồn gói bỏ con bỏ cái, bỏ sự nghiệp gia tài, ríu ríu xách túi bạc và nữ trang chạy theo hàng thầy "cầm ngài".

Cũng may, bọn thầy ngài ác ôn nay đã tiệt nòi, có còn lại chăng là những hưu bối của chúng, đã trở nên sưu tập phẩm hiền lành, không có khả năng phá hại như xưa. Muốn cho chắc tay, khi mua về, ta nên tẩy

độc cho kỹ trước khi cho vào tủ. Và cũng phải tùy theo chất của mỗi món mà làm cái việc tẩy trừ uế khí, không khéo ta tẩy sạch vi trùng và các chất dơ bẩn mà ta cũng tẩy luôn đến mất lạc tinh (patine), thì cái hũ cũng trở nên mất quí.

Nếu là hũ đựng dầu phép, tức là dầu dừa có ướp hoa lài hoặc hoa sứ mài, thì nước lâ và xà bông là đủ sạch.

Có ai có thể tưởng tượng hoa lài hoa sứ là ngái mê ? Nhưng thử hỏi : "Ngái là gì ? ", nếu không phải đó là một chất làm lay động lòng người trong chốc lát, và thuở xưa kia, gái gặp một người có "xức dầu thơm", thì có khác nào ngày nay tân thời gặp các hiệu Chanel, Coty, duy có chút khác là gái xưa trao tình chờ không bán, không như gái tân thời, bán tình bằng đô, và nước hoa không, không đủ mê hoặc các nàng.

Có nhiều loại hũ, rất dơ bẩn, và cần phải tẩy thật sạch, nhưng cầm còng góm tay :

- *Hũ đựng máu người*, máu đàn bà chết dữ, chết đẻ sẩy, phá thai; máu gái đong trinh bị cướp sát hại; máu phụ nữ có thai con so, bị bọn phù thủy rọc bụng lấy bào thai lớn bằng ngón chân cái, phơi khô ướp phép luyện "*hình nhơn thiền linh cái*", còn máu tươi thì đựng trong hũ. Đây là mè tín dã man nhứt của bọn phù thủy giết người không góm tay, ăn gan người đến cắp mất đô ngầu sát khí, như xưa kia trên Biển Hồ có tên cướp khép tiếng, xưng mình là "Đơn Hùng Tín", và vùng sông Tiền sông Hậu xưa có hai tên cướp, anh em ruột.

anh tên "Mây", em tên "Mưa", quả thật làm mưa làm gió một thời rồi cũng chết trên đoạn đầu dài, tương truyền ba tên hung tợn ấy, mỗi lần xuất trận, đều có bài "thiên linh cái" mách chuyện dữ lành, nhưng rồi cuộc, Đơn Hùng Tín bị bắn chết tại Vầm Mỹ Tho, và xác chiếc ghe cà vom có hai đáy giấu đầy vàng cướp giựt, chiếc ghe ấy sau trôi giật về địa hạt tinh Sa Đéc, được lăng vớt lên và chạy tờ kẽ như vật vô thừa nhận, và bán phát mãi được vài trăm bạc, như vậy thì thiên linh cái không đủ bảo vệ sinh mạng cho bọn gian và hù đựng ngại linh thiêng đâu nào thấy.

Nhưng hù đựng máu này, phải tẩy uế thật kỹ, luộc một lần trong nước sôi có pha bồ tát, rồi lấy ra trưng đi trưng lại vài lần trong nước sạch cho bao nhiêu chát nhớt nhúa mẩy chục năm lưu lại, tróc và trôi sạch. Tuy nghe hành vi bọn chủ cũ, thì gồm ghiếc không muốn xa trữ vật giết người trong nhà làm gì, nhưng khi khẩy da rạn cổ kính và màu men hấp dẫn của những hù này, thì lòng tha thứ đi đôi với bụng ham vật lạ, khiến cầm lòng không đậu, và cũng phải tìm cách thâu dụng, sau khi khử độc để làm thí nghiệm phẩm về sau, vì các hù ấy đều là cổ vật không bao giờ có giả mạo. (Không giả vì bị chê là vật nhò nhít, bán không bao nhiêu tiền).

- Còn một thứ hù khác, nhắc lại đây, còn lạnh mìn hơ nữa. Đó là *hù đựng tóc rói của phụ nữ bái đắc kỹ tu* : chết trầm nich dưới nước, chết treo cổ trên cây, chết bắn chết đâm... Bọn thấy ngại cũng tìm cách lấy những thứ tóc ấy ngâm vào dầu dừa đựng trong hù.

Khi nào chúng muốn phá khuấy một nhà nào, chúng sẽ lén lấy một sợi tóc nhét giấu trong cột nhà để, tức nhiên nhà ấy sẽ bị thư : ma sẽ hiện lên đêm đêm bò tóc xà trèo lên tuột xuống trên cột nhà. Thế là dù cho tên thầy ngài được mời đến cúng, trong nhà làm vặt làm gà, tên thầy được một bửa rượu chè no say, thêm có một hai đồng bạc đưa thầy lên đường kiếm ăn chốn khác. Nó sẽ lén lấy sợi tóc kia phi tang đi, thế là đã trừ an qui mì, và hồn ma cũng thôi phá phách. Tuy nó làm nghề bất lương, nhưng nó có hũ cầm ngài quý giá. Không lý vì ghét nó mà ghét lây đến hũ; nên khi nào gấp được, cứ việc lấy tóc ra dổi sạch, rửa hũ bằng xà bông và phơi nắng cái hũ nhiều ngày cho bay mất hơi hám đơ bần xưa.

- Còn một thứ hũ, tầm thường hơn cả và hiền hậu hơn cả, đó là *hũ đựng sáp thơm*, của bọn thầy ngài, chẽ ra, bán cho dân bà Miềnthora mồi cầu cho "ăn nõi thêm duyên". Phong tục này tồn tại cho đến nay, nhưng vì hũ sành hũ gốm bọn Ba Tàu không chở qua bán nữa, nên hũ được thay thế bằng cái hộp sừng tiễn, ngà tiễn, hay rẽ tiễn hơn hũi là hộp tiễn bằng gỗ cầm lai hay gỗ trắc, nay là hộp thiếc rất bình dân.

Cái phong tục ấy, tưởng chỉ riêng của người đẹp xứ Chùa Tháp, nhưng ngờ đâu khi sang Pháp năm 1963, tôi lại thấy tận mắt bày bán tại các cửa hàng lớn của thành phố ngàn năm họa lè Paris. Nhưng thay vì bằng gỗ bằng sừng, đây là hộp bằng kim khí, có cái lai mạ vàng cho thêm đẹp, và thay đều chứa một thứ nước đặc, gọi

"sáp thơm" có lẽ đúng hơn, vì theo lời cô bán hàng, phụ nữ Paris đã chán nước hoa quá lộ liễu, và vì vậy hàng phải chế ra loại sáp thơm để khi dùng, chấm sau gáy hay sau mép tai, vừa kín đáo, lại chỉ dành cho người yêu, riêng được biết. Tục thường nói : nhí nhảnh là bản tính của người đẹp, mà có ngờ đâu người đẹp thành Paris lại nhí nhảnh đến hắt chước người đẹp Angkor của ngàn năm về trước ?

Tôi có một định nghĩa riêng cho tôi : "Ngài mê là gì ?" Cúng tôi trả lời : "Ngài mê là một chất để gây thêm cảm tình, làm cho hai người thương, thương thêm, trai bỏ ngài gái, cho gái mê mau sa vào vòng tay mình; gái bỏ ngài trai, khiến tuy biết bị cấm sừng, mà trai không bỏ mình, đi lấy người khác".

Đến đây, tôi xin mở một dấu ngoặc. Một hôm, tôi hỏi cô Ba Trà một cựu hoa khôi đất Sài thành lối (1923-1943). "Cô có cấm ngài, và ngài có thật hay chẳng ?" Lúc ấy, tôi quên nói, tôi đã vào đồng, và cô đã quá thu, với tuổi ấy, cũng không ai giấu giếm chi nữa. Cô Ba cười và nói một câu đến nay tôi chưa quên : "Tôi trọng anh là một nhà văn, tức là một người yêu sự thật; nhưng tôi thầm chê anh cho đến bây giờ mà còn theo hỏi một câu ngắn : "dàn bà phải chuộc và cấm ngài, thì bọn trai có tiền, chúng mới mê mình !". Thú thật, từ ngày tôi bước vào nghè này, tôi cũng từng nghe nói chuyện các cô me Tây đời xưa, chuyên lấy máu dơ lúc có tháng, đổi thành than tro, trộn trong rượu chất cho nó uống mà mê mẩn mãi mãi. Tôi lại có nghe một người khác tinh tế hơn, và

không biết được ai dạy một khoa học dị kỳ như thế là nuôi cá mà chẳng thích ăn, trong lu nước, và cho cá ăn toàn huyết dơ của mình khi có kinh nguyệt, đến khi cá lớn, mổ bụng làm thịt, tôi không biết đút lò hay ăn trộn gỏi thì là, nhưng tôi tưởng thằng chồng của người ấy, ăn vỡ ngư độn thêm thì có, chờ tình thương đâu có dơ đáy đến bức này ? Riêng tôi đây, trộn một đồi, người ta lấy tôi thì có và cho tiền tôi xài, chờ tôi có lấy ai lâu dài đâu mà hòng thuộc ngài ? Đã lâu rồi, có một ông hoàng Xiêm, gọi ông Hoàng lưỡi đen, ông áp đồi lấy tôi đưa về xứ, làm bà hoàng; ông cho tôi một hộp đựng thuốc lá bằng vàng y có nạm kim cương hột lớn, phải còn, tôi biếu anh làm kỷ niệm, như anh thấy rõ, ông hoàng nay thủ một vai tuồng rất lớn bên xứ ông; mà tôi cũng vẫn ba chìm bảy nồi, tôi vẫn là tôi, thế thì anh hỏi câu "Có ngài hay không ?" làm gì ? Cô Ba Trà còn nói nhiều nữa, nhưng tôi chưa lại trong tập "Hơn nữa đồi Hu". Đến đây khép dấu ngoặc".)

Trở lại hũ đựng ngài, dưới mắt tôi, đó là những bangle chứng thiết thực và cần ích của người nào chơi đồ cổ, mà muốn thấu đáo nước men, da rạn cùng niên kỷ thật của mỗi món đồ mua sắm. Đó là những vật so sánh và để định tuổi (éléments de comparaison et de datation) mà chưa ai làm giả tạo cho đến nay.

Có cái xanh nước biển (céladon) người Pháp gọi "màu ô liu", mà mình nói "xanh lục đậu" hay "xanh lá cây" thì màu hiểu hơn, (vert-olive, vert-haricot, vert-scuille). Có cái màu "hột gà lộn, hột gà ung", màu gan dê, xác trà,

v.v... thiệt là điếc con ráy, cho đến đời người Pháp người Anh cũng dịch y tiếng họ, vì không có danh từ tương đương thay thế được. Phần nhiều cổ từ đời Tống, xuống đến đời Nguyên là dứt, không thấy hay ít thấy hữ nào thuộc Minh - Thanh.

Tôi còn nhớ tôi từng viết một bài Pháp văn về hữ đựng ngài này, đăng trong tạp san *Hội Cổ học An - Hán*, kỳ đệ tam cá nguyệt năm 1949 (BSEI, 3è trimestre 1949), nay lấy ra xem lại, sai lạc khá nhiều, vì hữ này định tuổi lối đời Tống mà lúc ấy tôi ghi là đời Đường thì cách xa quá. Tuy vậy, mấy đoạn khác không đến đỗi vô dụng, nên tôi xin ghi lại đây để có dịp cùng các bạn chuyên môn nghiên cứu loại hữ này lại một lần nữa; riêng tôi, tôi xin thanh minh chỉ xem đó là tài liệu về nước men và da sú, hơn là hữ ngài của khoa nhân chủng học.

Trong bài Pháp văn, tôi có nói ngày xưa các lục cụ cầm ngài Miên, đều có mỗi người đời tùy một hữ ngài mà họ xem trọng hơn vàng, vì bao nhiêu công phu tập luyện đều chưa đựng trong ấy. Các tín đồ và môn đệ đều coi theo hữ lành hay hữ sứt, mà đoán được tài phép của thầy, cao hay thấp, già hay non tay ấn.

Trong xã hội người Miên, mỗi lần có bệnh, là cầu thầy chữa phép, chớ ít cần dùng thầy thuốc. Hồi đời đó, trước năm 1900, mỗi khi trai tơ trong làng phải lồng một cô gái, thì phải dùng ba cách để làm bạn với nhau. Cách đúng lẽ là cưới hỏi, thì khó mong thành sự, vì tục lệ của họ là theo mẫu hệt, chàng trai muốn cưới vợ phải cất nhà sầm cắp trâu cho chàng gái, tốn hao nặng nề, nên ít khi

họ nhờ đến phương pháp này. Vả lại, theo mè tin, và chồng cưới hỏi ít ăn ở dời với nhau, cho nên họ càng có cớ mà khai phương pháp này ra, trừ phi giàu có mòn đường hộ dời, họ mới dùng.

Còn lại hai phương pháp, *nhu* và *cương*. Muốn *cương* thì tụ tập bạn tát cùng trang lứa rồi phân công chia nhau ra núp theo đường đi của cô gái để bắt sống nàng trên đường nàng đi chợ hay đi coi hát. Tục lệ bắt buộc các trai phu lực bắt sống nàng bằng cách vác nàng trên lưng, vác lật ngửa cho hai lưng đụng nhau, chớ không được phép vác lật úp, vì sợ dụng chạm chô cấm; đến anh chàng "chồng tương lai" thì muốn vác người yêu cách nào tùy ý thích. Sau đó sẽ về nhà gái làm lễ xin thú phật, bèn gì cũng đỡ tốn hơn cất nhà mua trâu. (Thời Pháp thuộc vì không thâm hiểu tục lệ người Miền, nên tòa dời đó xử án như vậy rất nặng, xử đại hình và buộc tội "*rapt suivi de viol*" (cướp người và hãm dâm) tội nghiệp nhất là mấy anh trai giúp cho dàn kia nên vợ nên chồng mà quên thân có thể bị xử đại hình, có khi phải ra Côn nôn hưng gió.

Còn lại phương pháp *nhu hòa* là gọn hơn hết. Chàng trai phải lòng đưa con gái trong làng, ngặt nỗi với địa vị thấp kém làm sao với tói bàn tay của nàng, là con chủ diền hay con nhà giàu trong xóm. Anh này sẽ đến trầu rượu nhan đèn than thi và năn nì sao cho thầy xiêu lòng, thầy sẽ cho "*thỉnh một chút dầu xức tóc*". Chiều lại anh kia tắm gội sạch sẽ, lấy chút dầu của lục cụ ban cho buổi sáng, xức lên tóc chải thơm phưng

phức, thà mấy vòng trước nhà cô bạn, tức nhiên cô ấy bị mùi dầu làm cho không quên được hóng chàng trai đã gặp và vài ba ngày xức dầu như vậy là tự nhiên được vợ dễ dàng. Nàng cuốn gói theo chàng, mà câu "tiền dâm hậu thư" đối với người Miên là một tục lệ tự nhiên của Tạo hóa không quan trọng lắm, không tin hấy lên xứ Chùa Tháp hỏi thăm thì biết.

Một tỳ dụ khác về mà lực của hú đựng ngải. - Một Ông nhà giàu nọ có thù riêng với một nhà giàu khác ở lối xóm. Ông trước tên A, tìm đến lực cụ thuộc ngải. Thầy cũng ban cho một mớ dầu đựng trong một hú khác, lấy dầu này hoặc làm bánh, hoặc chiên xào một thức ăn, rồi mướn người thân tín đem dâng cho người kia, tên B. Miên nếm vào một miếng nhỏ là đã mắc ngải của thầy. Lệ thường khi biết mình phạm ngải, thì cố nhiên phải tìm thầy cao tay ẩn mờ ngải, cứu mạng mình. Bình thường họ cho người đò la lấy tin tức, và có thầy nào cao tay ẩn hơn là lão trước tra độc thù bỏ ngải hại mình. Và tên gian manh ác độc thường bắt cả hai tay, vừa nhặt tiền thằng thuộc ngải tên A, vừa đưa tay tiếp số bạc thằng B xin mờ ngải, do mình ám hại. Tán tận lương tâm đến thế, khiến nên bọn thầy ngải ngày nay đều tàn mạt, không thì cũng đói nghè mới tránh được lời nguyền rủa của thế gian.

Dầu vậy, cho đến tôi khôn lớn, trước 1910, trước khi có bác sĩ lương y mở phòng trị bệnh, thì bọn thầy ngải Miên, với chiếc hú đựng ngải, đã làm mưa làm gió trên vùng Ba Thắc, từ Cà Mau chí đến cao nguyên đất Cám-pu-chia.

Tử bình cầm nhẹ, nóng lạnh vì sương gió, đần bà đau máu, đần ông rét kinh niên, thầy ngài đều trị mọi cách như nhau, dưới danh từ : "Ông bà quở", "ma bắt", hay là "đi khuya dưới cây lâm vồ, bị con quỷ một giờ hớp hồn",.... Nặng thì cúng heo đúng lợ, vừa vừa thì đầu heo và gà vịt đủ mấy con, nhẹ thì một nải chuối và một vóc nếp rang thật nở. Con bình cởi áo, để trần khúc lưng, ngồi trên ván hai chân đưa thẳng ra đàng trước, mặt cúng ngó lối trước. Lão thầy ngài ngồi sau lưng con bình, một tay cầm một ngọn đèn sáp thử thiêt, một tay lấy cuống trầu xanh, vừa đọc thần chú tiếng Phạn, vừa điểm huyệt sau lưng, hoặc lấy hột gà luộc sẵn nhưng không bóc vỏ, lăn khấp hai bên đường xương sống xuống tận chót ngón chân cái, gọi "đuổi tống tà ma". Xong rồi, lão thầy ngâm nước lá có vẽ bùa, vẽ bằng ngọn lửa cây đèn sáp đang cháy, lão ngâm một húng nước phun sương cho con bình rùng mình, rồi thì lấy một sợi dây gọi "cà tha" cột vào cổ cho con bình đeo, dây ấy cũng gọi dây niết, và các bạn đồng trang lứa với tôi ở chợ Sóc Trăng, tuy gốc Việt Nam, đều từng quen biết lúc còn chưa chớp. Nếu bình dây đưa không chịu đứt, thầy ngài sẽ đòi cúng thêm đầu heo luộc và rượu đế, để viện nắc tà (nćak-ta) về tống khử ma. Khi ấy thầy ta sẽ thỉnh hú ngài từ nhà đem tới, để chém chệ trên mâm cúng Tổ. Có khi chủ nhà viện đến hai pháp sư để hiệp nhau đuổi con tà cù khôi. Nếu hai người đều đồng lòng đồng phái, thì việc cúng lẽ sẽ vô sự bình an. Nếu chẳng may, hai thầy thuộc hai phái nghịch nhau, thì lại có cuộc thủ pháp đua tài rất là lạ mắt. Tôi nghe

ba tôi nói lại, một năm đó, trong làng Tài Sum, có cuộc thử phép như vậy, do một thầy ngài trên Nam Vang xuống đòi đấu phép với ông thầy ngài nhà què của làng này. Trước sự chứng kiến của người kỳ lão trong vùng, giữa một đêm không trăng, hai thầy ngài đốt đèn, lấy hũ đựng ngài của mỗi người ra đặt trên bàn Tô, hai cái song song như cặp gà ra chiến trường. Hai người đều thấp nhang cúng vái và trở lại quỳ ngay bàn Tô, mạnh ai nấy đọc thần chú lầm bầm trong miệng, chẳng cho ai nghe. Trời đang thành tĩnh, ngoài vùng đèn sáp sáng trưng, chỉ nghe tiếng muỗi bay vù vù trong bóng tối. Bóng thịnh không như có ai che bóng đèn khuất lại, một tiếng rắc phát ra, đèn sáng lại như cũ, mà cái hũ của ông thầy Nam Vang đã nứt, dầu chảy ra ngoài ướt cả tấm vải đỗ lót trên bàn. Thế là cuộc đắc thắng về tay ông thầy nhà què xứ Xoài Cà Ná, tuy què mùa nhưng công phu luyện tập cao thâm, và ông thầy Nam Vang, tuy tiếng người Kinh mà công học còn kém, chỉ có nước cuồn gói rút êm không đợi trời sáng.

Từ 1910 đến năm 1930, tài phép các lục cụ đều sa sút, nên họ không đọc thần chú trực được vị tà ở trong hũ ngài. Cùng chẳng đái, có ai thách đái, bắt buộc đấu phép, thì họ cụi với nhau, hoặc sẽ dùng tay cầm mỗi người cái hũ của mình, cho chơi nhau, cái nào mỏng mảnh thì vỡ đi, cái nào bền chắc thì còn lại, không hào hứng như lợp xưa, và quá lầm thường như chúng tôi lúc đó "chơi bình mực chai", hay "đá bóng vụt". Vì thế cũng từ lúc đó, hũ còn lại phần nhiều đều mẻ miệng, và ít có hũ nào được toàn vẹn bé xinh.

Kể từ ngày đèn dầu hỏa thay thế đèn dầu mù u, và sau đó, dầu hỏa cũng nhường chỗ lần lượt cho đèn khí đá, đèn manchon, đèn điện và đèn nến, thì hũ ngải cũng lu mờ, và các thầy ngải chỉ còn nước rút lui vào núi cẩm rồng linh, chờ ở chợ búa thành thị, dân đã hết tin tưởng vào phù phép, có ở lại thì chối đổi chờ không được trọng vọng như xưa. Ngày nay bọn con cháu của thầy ngải cũng chán chê nghè dối thần dối thánh, và bỏ nghè cũ của ông cha để lại, để tìm nghè khác, may ra ít nghè lời thiên hạ kêu rêu nguyên rùa hơn.

Khi trong nhà không muốn giữ lại các hũ kia, điều thứ nhất là họ nấu một mâm cơm thịnh soạn, họ lèn đèn cúng vái xong, rồi bưng trọn mâm cúng và các hũ kia, đi một dối cho thật xa xóm xa nhà, rồi lựa một gốc cổ thụ nào đó, gốc da gốc lâm vồ là ấm cúng nhất, họ đặt hũ vào gốc cây, gọi đoạn tuyệt với đám tà mà qui mị này, để thay qua nghè mới. Có khi mấy hũ ấy còn lành lě, thì cũng có bọn thầy ngải mới vào nghè, đến thỉnh đèn trước đem về tiếp tục khấn vái thờ phụng và hành nghè như trước. Nhưng phần đông, các hũ ấy đều làm mồi cho trè chán trâu, chúng thường lấy đem về làm món đồ chơi, hoặc đưa vào lanh lợi sẽ làm mồi bán cho các chú bán ve chai hoặc cho mấy ông Tây khảo cổ đi ngang vùng.

Khi trong gia đình của thầy ngải nhất định bỏ nghè, thì y như các tiên ông bỏ á phiện, không khi nào họ tiếc mà giữ lại các hũ ác ôn ấy, dầu đẹp xinh hay cỗ cách mấy họ cũng không tiếc. Khi họ đem bỏ ra gốc da rồi, họ cũng

không dám bén mảng trở lại chỗ đó, sợ sự ám ảnh và sợ tà ma đánh hơi theo họ về nhà.

Các sóc thô lôi từng bịt ở Sóc Trăng, như Sóc Võ, làng Xoài Cà Nà, xóm Bù Lu Tình, làng Cần Giờ (Phnor Cancho), Phnor Sangke (làng Trường Kê), Kompong-dôn (làng Tham Đôn), làng Chung Đôn và làng Nhâm Lăng, ngày nay nếu khéo kiểm, vẫn còn dấu vết các hũ đựng ngải này. Trước năm 1945, tôi còn mua được với giá con chén trầu, chỉ năm ba bát chở không nhiều.

Ở Sa Đéc, nơi Nước Xray, dưới gốc Cây Da Bến Ngự, tôi vẫn thấy hũ đựng ngải nhưng đã sứt mẻ và vỡ vụng. Chính dưới gốc cây xoài lão trước nhà Bàng ga-lô tinh này, tôi cũng thấy miếng gốm loại hũ đựng ngải ấy.

Ngày nay, chưa có nhà khảo cổ nào để tâm nghiên cứu xem những hũ ở miền Nam, đã có từ đời nào.

Tôi thì không dám lanh chuyen bảo đồng ấy, và lại cũng không phải chuyên nghề khảo cứu. Duy tôi đã so sánh và thấy có nhiều hũ chặc có liên quan nhiều với loại celadon Thanh Hóa, tức vào đời Hậu Tống (post-Song) (tới 1280-1360), nhưng không hiểu do đường nào mà lạc loài đến vùng Ba Thắc này.

Tại nhà tôi có cà thay đến 35 cái hũ khác nhau, để trong một tủ treo bằng gỗ trắc chạm, phân ra bảy hàng, mỗi hàng tôi sắp năm hũ, và trước khi kê khai nơi sau, tôi xin kê sơ sự tích một cái hũ màu hột gà ưng, liền lạc như một khối ngọc, không khòn không mè, do một thày ngải chính cống tặng tôi năm 1932, tại Sóc Trăng, số mục lục 168 (xem pl 3).

Sự tích cãi hú ngài "hột gà ung" ấy như vậy :

Tại xóm Bưng Pilon, làng Tân Hội (?), lối năm sáu mươi  
năm về trước, có một ông thầy ngài Miên, tài phép rất cao,  
nội vùng ai ai cũng nể, và gọi ông là Tà Lên.

Mấy năm tôi còn bé nhỏ, nhà tôi ba căn trại ở đường  
Đại Ngãi (nay là đường Hai Bà Trưng). Ba tôi làm chủ lò  
thợ bạc, và Tà Lên thường lên xuống, và vì Ba tôi nói  
tiếng Thổ rất giỏi, nên hai người quen nhau, và từ quen  
đến thích không xa, vì còn nhà ai mát mè hơn nhà Ba  
tôi, và Tà Lên mỗi lần ra chợ, không ghé nhà Ba tôi, thì  
còn đi chỗ nào thuận tiện hơn, vì chợ là toàn người Việt  
ở, mà Tà Lên là người Khơ Mc không nói được tiếng Việt  
một tiếng nào.

Chính ông nói với Ba tôi, ông không phải tên Tà Lên.  
Ông giấu họ, xưng mình tên Lên, còn chữ Tà, là tiếng Miên  
kêu tàng những người nào tuổi tác ngang hàng với ông nội  
mình là Tà, tức Ông, và Tà Lên là Ông Lên vậy.

Bỗng lối năm 1942, nghe tin ông mất. Ba tôi có gởi  
diếu hai đồng bạc, vì nhờ om lúc nhỏ, học trường tĩnh,  
tôi đã chòng ngòng cái đầu, mà mỗi khi nóng lạnh trời  
gió, tôi không biếI dùng thuốc Tây, - thuốc Bắc thì tôi  
chê đắng, - và chỉ có Tà Lên là docteur duy nhất chữa  
trị và làm cho tôi sống mạnh đến ngày nay.

Cách ông trị, nay tôi còn nhớ rành rọt, cũng là lạ lẫm.  
Nguyên lúc ấy tôi chỉ đau có một bệnh làm biếng, và tôi già  
đò đau hay lấm, chính Ba tôi và Má tôi, sanh ra tôi, mà tôi  
cũng gặt được, có lẽ vì hiếm con và thương nên nhầm mất

bỏ qua, nay Ba tôi và Má tôi đã qua đời, nhớ lại có lý nào trê  
lên mươi, ăn qua cha mẹ nỗi. Nhưng lúc ấy, cứ mỗi lần có  
toán không làm được, hoặc bài Pháp văn chép sẵn đã bị Má  
lấy dậy hú mầm, là bùa ấy tôi ôm bụng nhăn nhó than đau,  
Ba tôi cho nghỉ học, và buổi chiều là có Tà Lên lót tót tôi  
nhà trị bệnh. Ông bắt tôi ngồi trên bộ ván gỗ, mình cởi trần,  
hai chân bỏ ngay ra đàng trước. Đoạn ông ngồi sau lưng tôi,  
một tay cầm cây đèn sáp Cà Mau đang cháy, một tay cầm tô  
nước lạnh trong tô có thả một lá trầu tươi chưa cuống rất  
dài. Ông cầm đèn, miệng đọc thần chú rất giòn, vừa đọc vừa  
quơ ngọn lửa vào nước, sáp đựng nước, chảy nghe sò sò  
nhưng ngọn không tắt. Tôi nghe sáp chảy rơi xuống mặt  
nước, thì ông lấy đuôi đèn sáp rà theo hai bên xương sống  
của tôi. Tôi bắt rùng mình, vừa nhột vừa sợ. Bỗng ông hớp  
một búng nước phun sương khắp lưng tôi, bình làm biến  
biến mất ngay, không phải vì phép ông cao, nhưng tinh thật  
vì tôi nào có bệnh ! Tôi rắn mất, biết ông có hú đựng ngoài  
quí lâm, tôi nài ông trị tôi bằng thứ đó, nhưng Tà Lên cưỡi  
nói rằng bệnh tôi chưa cần đến hú phép kia. Ông nói : "Bệnh  
mày, tao không trị, cũng hết !"

Một hôm nhơn vui miệng, Tà Lên thuật cho Ba tôi nghe  
rằng lúc nhở, ông học đạo trên núi Đòn Gánh, (Phom  
Dangrek) xa hơn Bắc Tam Bon nữa. Thầy ông là người Phù  
Mea (Miến Điện), tức không phải người Thổ, và sau khi học  
thành tài, ông còn thả cầm thi sang tận Xiêm La quốc tẩm  
sư học đạo bùa ngải thêm mấy năm nữa. Sau đó ông từ giã  
vùng núi non nước Xiêm, và lần hồi theo bọn thợ săn đi về  
Căp Chia. Ông đến thành Nam Vang vào đầu thế kỷ XX,  
nhưng ông chịu nghèo chờ không thi thố tài nghề cho ai

biết. Ông có một người cậu ở làng Bưng Phòn thuộc tỉnh Sóc Trăng, nên đầu năm 1910, vì đã lâu không bùa chú, và khi ấy nhọn có thuyền buôn vài lụa của người chà Chau Giang đi từ Nam Vang xuống Phnom-Sen (Vàm Tấn, Đại Ngãi) buôn bán, nên ông xin quá giang về Sóc Trăng thăm cậu. Thuyền đến Vàm Tấn, ông lên bờ, từ giã chủ thuyền vì thuyền xuôi về Mặc Bắc (Trà Vinh). Đường từ Đại Ngãi về chợ Sóc Trăng là hai mươi cây số ngàn, ông định đi bộ, nửa ngày thì tối, vì với tuổi hai mươi, vào buổi đầu xuân, và chí hào tháng, ông không thấy chỉ là trời ngai cà. Con đường từ Đại Ngãi về Sóc Trăng lúc đó đã trải đá đỏ, và nguyên là con đường Cái Quan của thuở Đàng Cựu để lại, thẳng hon như ruột ngựa, hai bên đường trồng cây tràm bóng râm lướt mát, chim chóc lúi lo, rất là nên thơ. Lối 1910, chính phủ Pháp có giao cho người Chau Giang lập một sở giao thông bằng xe ngựa song mã, đóng hít hùng, chờ được hốn hành khách và có cửa kiêng kéo lên kéo xuống được, nên gọi "xe kiêng" và nhọn chạy giấy tờ công văn cho quan, riêng xe chạy đường Đại Ngãi lấy giấy tờ từ Tòa bờ gởi ra tàu Lục tỉnh đậu tại Vàm Tấn để đưa về Sài Gòn, cũng gọi xe đặc biệt này là "xe tờ". Vì sức ngựa có hạn, nên sở xe tờ có lập một trạm đổi ngựa tại nửa đường, là xóm Trường Kế (1) cũng

(1) Làng Miền, Phnom-Sanke, người Việt ta tách ra làm hai làng và đặt tên là : *Phnom* : nghĩa là "giồng", Việt hóa ra "làng Phú Nô"; *Sanke*, dùng ra phải viết *Sang-ke* là tên một loại cây trong rừng, lá vắn thuộc hít được, người Việt ta đổi lại là làng Trường Kế, vì người Tàu ám và đọc Sang-ke rõ ràng. Ngày nay xa xú chờ chưa quên hai làng này, như là ở Phú Nô, tiệm Tàu làm mè lão, mè xưng là ngọt tuyệt, (mè lão cũng gọi "lão hui"), còn hủ tiu và cá cháy Trường Kế. Đại Ngãi là đến chết chưa quên được mùi ngọt.

gọi chợ Văn Cai. Ngựa kéo xe từ Vầm Tấn đến Trường Kế thì thay cặp khác, kéo xe về chợ Sóc Trăng, để bùa sau kéo xe trở về Trường Kế sẽ có cặp ngựa mới kéo ra Vầm Tấn; nhờ luân phiên như vậy mà ngựa không lao, và người Châu Giang rất có tay nuôi ngựa, nên ngựa xe từ vẫn mập lù.

Tuy biết đi xe tơ là khoái, nhưng Tà Lên đâu có đủ tiền để trả tiền xe? Vâ lại Ông ý sức trai, - đi bộ cũng đến. Tiền đâu dư, cho chà ăn uống!

Đi được nửa đường thì tới xóm Phước Kiến Phnor-Sanke. Ông khát nước quá, ráng đi thêm một khúc nữa, tới rẫy một người Miên nọ, bèn xin bỗn thí cho một gáo nước mưa. Ông uống một hơi cạn gáo, cảm ơn người đồng bào, rồi tiếp tục lên đường. Đi chưa giập hai bâ trầu, bỗng nghe có tiếng người chạy theo mình và buông nhiều lời lô mang. Tà Lên dừng chân lại, chưa kịp hỏi lời nào, bỗng nghe người cho nước uống ban này, chửi mang như tát nước vào mặt, và trách móc Tà Lên vong ân bội nghĩa, được uống nước mưa lại còn sanh lòng tham, hái trộm một trái dưa hấu trong rẫy, phải dưa ngọt thì không nói gì, nhè dưa gốc dưa giống của người ta mà trộm, thì ai chịu được?

Tà Lên cố giải thích: mình đã nhờ cho nước mưa uống, cố nhiên đã hết khát, và mình là người tu hành, đâu có lòng tham vô lý như thế.

Nhưng Tà Lên nói gì thì nói, người mãi dưa một hai quả quyết Tà Lên là kẻ trộm.

Thế gian thường nói: tuổi hai mươi có máu nóng, và

Tà Lên là người cương trực nghĩa người kia chửi bới cha mẹ, không dám lòng được, bèn theo gót người mất đưa trở lại đám rẫy mà mình vừa đi ngang qua cách chặng bao lâu.

Người mất đưa chỉ cuống đưa vừa bị ngắt, mù còn ướt ràng ràng.

Tà Lên quên mất lời thề với thầy khi xuống núi, lại vì lòng háo thang khó dàn, học đạo vừa xong, cũng muốn thử tài cho biết. Tà Lên bèn bước lại, miệng đọc lâm râm mấy câu thần chú ruột, tay với ngắt mạnh cuống đưa còn dư lại, chuyền này đứt lìa sát nách dây, không còn khúc nào. Ngắt rồi, Tà Lên đứng dậy, chấp hai tay tạ lỗi người chủ mất đưa mà rằng: "Xin ông đừng chửi tôi nữa, lát nữa dây, ai ăn cắp đưa của ông, thì ông sẽ biết".

Quả nhiên, đến chiều cắp trâu nhà đi ăn ngoài đồng, về chuồng mình ên. Thằng con trai lên tám, sai theo giữ trâu, lại không thấy về. Sanh nghỉ, người mất đưa lật đật chạy ra chỗ trâu ăn thường ngày, thì thấy con mình đã chết, thi thể còn mềm, kể bên thây đưa nhỏ, trong chiếc nón lá cũ, còn lại nửa nón cơm kiến bu đầy, và nửa trái đưa đập té hai, ăn bỏ múa.

Nhưng mạng người là trọng; Tà Lên vì một chút sỉ diện, giết con một mạng sanh linh, thì đâu có bằng an về đến nhà được. Lúc người cha lìm được thây con, quì xuống kêu trời một tiếng, thì cùng một lúc Tà Lên đang đi hổng xây xẩm mặt mày, ló quí bên đường, trong miệng vọt trào ra ba búng máu tươi.

Tà Lên lại đập quì xuống kêu tên thày van vái, và

gương đứng dậy ráng đi ít bước. Nhưng Tà Lên yếu quá, bước không muốn nổi, và máu tươi cứ từ trong miệng chảy ra, ướt cả áo khăn.

Lúc này trời đã tối mịt, thêm chuyền mưa. Hai bên đường, khúc nào có ruộng sâu, có bần mọc, có đốm đốm chớp sáng soi đường. Nhưng những lần chớp nơi chớp trời xa xen kẽ với tiếng trời gầm, như báo tin thiên địa chí công, đang trách giận đứa học trò gọi chớp tu mà nỡ xem mạng người như cỏ rác.

Một lần nữa, Tà Lên quỳ xuống tạ lỗi cùng thầy, và định thẩn lại, bắt đầu đọc kinh sám hối và đọc lại hết những câu thẩn chú của thầy đã dạy. Mỗi lần đọc suôn sẻ thì máu cầm lại, và trong mình thấy khỏe; chỗ nào vấp váp thì chóng mặt ù tai; tai hại nhất là chỗ nào quen sot, thì máu lại trào ra đầm ngất xiu, phải ngồi xuống, đọc kinh sám hối nữa mới lần lần tinh lại.

Tà Lên có gương gạo vừa đi vừa té, đường từ Trường Kế tới chợ Sóc Trăng, không hơn mươi cây số ngàn, mà tối gà gáy sáng Tà Lên mới dòm thấy nóc chùa Nhâm Lăng, là nơi ông xuất gia đầu Phật khi vừa tám chín tuổi đầu. Tà Lên tới cửa chùa thì đã mệt dữ, nhùi đầu xuống mương, nằm thở thoi thóp, bất tỉnh nhân sự. Các vị sư sai, sau hồi kinh sớm, ra cổng thấy, mới lật đật khiêng Tà Lên vào hậu liêu đỗ cháo đỗ trà nóng, giây lát Tà Lên tỉnh lại. Sau đó nhần người trong hân, lên chùa chờ về, thuốc thang cà tháng, Tà Lên mới bình phục. Tà Lên về Bưng Prọn ở nhà người cậu, và nhờ sự săn sóc ngài nghệ kỵ lưỡng, sáu tháng sau Tà

Lên mới trở lại bình thường. Nhưng Tà Lên thù thật với Ba tôi, vì cái tội giết con đực nhỏ chăn trâu ăn cắp đưa của cha nó ấy, mà phép lực của ông mười phần giảm hết ba bốn, ví bằng không, thì trọng cả vùng Ba Thắc, không thầy nào cao tay ấn bằng ông. Ông chê người nào luyện thiền linh cái là kết bạn với tà ma, đến khi hết thời thì thầy nào cũng bị các vị tà hại lại; và luôn luôn con cháu phải tàn mạt, vì hồn con theo phá phách hoài hoài. Ông khoe ông chỉ dùng "quít" (Miền đọc Khuoch) tức hú đựng ngài. Ông cười nói với Ba tôi, hứa bối này, trong trận mưa máu ở Trường Kế, số ông chưa dứt nên ông không lấy quít ra dùng, chờ lúc ấy lấy quít ra, đã không cứu được bốn mạng, mà c khi khiêu khích Tổ giận vạn họng tại chỗ thì đâu có sống đến bây giờ !

Tử Phnor Cancho (làng Căn Giờ) chạy dài đến Xoài-Chrum (làng Tài Sum), ai ai cũng biết danh ông và thầy đều tôn ông là Tà Lên, và kính ông như bậc sư cụ trong vùng. Nhưng chứng nào tật này, lúc ông về hành nghề tại xóm Xoài-Chrum, người trong làng không biết, nên có ý xem thường. Một buổi chiều kia, ông không báo tin trước, ông lấy đầu trong hú, xức tóc láng mướt rồi bắt từ đầu làng đi bách bộ đến cuối làng rồi trở về nhà ngủ. Thời buổi ấy, gái trong làng có tục lệ ngồi dệt chăn từ trước hàng ba, và làng Tài Sum vốn là một làng nhỏ bé, chỉ có một con đường duy nhất, mà cứ sao buổi chiều ấy, sau khi Tà Lên đi ngang qua, các cô gái cô nào như cô này, không chịu dẹp khung dệt, và trời đã tối mù, mà các cô con mắt đỏ chạch, vẫn thập thò lấp ló, như ngóng

trông người nào. Sự việc đồn ra, các vị bô lão biết chuyện, biết các cô bị Tà Lên phá, bèn trầu rượu tìm nhà Tà Lên tá túc xin Ông mở phép giúp cho. Ban đầu Tà Lên chối, nhưng Ông cả làng nói thiệt yểu quâ, Tà Lên chịu thiệt và khuyên nhà nào có con gái chưa vô nhà, cứ về nói: "Tà Lên tha", tức thì vô sự. Mà quả nhiên đúng như lời nói, khi về đọc lớn ba tiếng "Tà Lên tha", các cô ríu ríu vô nhà, bằng an như không có việc gì xảy đến.

Tin này đồn ra, uy tín Tà Lên càng tăng, và các làng lân cận đều không dám khinh thường Ông thầy ngài Tà Lên này nữa.

Sau Ông nói lại, hứa ấy, Ông còn nhá vụ mửa máu ở Trường Kế, nên gheo chơi các cô cho biết tài, chờ nếu Ông muốn, Ông xuống tay thêm một chút, thì các cô đều hứ với Ông hết !

Các xóm Thổ nghe vậy càng sợ, và thầy đều mời Ông đến nhà cho con cháu lạy, và lần Ông làm "Ông nội", cho Ông khôi phá phách con cháu !

Nhưng nói chí đáng, Tà Lên như nhánh cây có chớp, gió mạnh thì gãy, Tà Lên biết thân, nên không dám làm điều bất chánh, và từ khi về xứ, chỉ làm việc cứu nhom độ thế chớ không phá hại ai.

Câu chuyện Ba lôi thuật đến đây thì dứt, và lôi lúc ấy, vừa học ở trường Chasseloup-Laubat về, nghĩ nghĩ ngờ ngờ, nửa tin nửa không, vì dưới mắt lôi, lúc trước thầy không biết lôi già bộ đau đặng trốn học, như vậy thì Tà Lên cũng không tài ba gì, và cũng không có tà ma phù trợ gì.

Trở về già, Tà Lên cưới được một người đàn bà góa cô của, từ ấy, ông mê làm ruộng và ham nghề nông tay, việc ngài nghệ cũng á rặc, thỉnh thoảng những nhà quen mời mọc lầm, ông mới chịu dự.

Năm 1935, một hôm tại sở quan thủ địa bô ở Sóc Trăng, tôi gặp lại Tà Lên, đầu như thúng bông, chống gậy đón tôi trước sở, tay cầm một gói nhỏ học bằng giấy nhụt trình cũ. Ông trao gói giấy cho tôi mà rằng : "Nghe thầy chơi đồ xưa, tôi có vật này, muốn để lại cho thầy làm dấu tích. Tôi nay giài nghệ, cũng không giữ nó làm gì".

Tôi mở gói ra, thì là cái quít "hột gà ung" tôi ao ước từ lúc nhỏ. Nhưng tôi ngần ngại, không dám nhận lời ngay, vì biết vật này là gia bảo.

Tà Lên râu râu nói nhỏ nhẹ, không còn giọng thầy ngài oai vê năm xưa : "Thầy đừng sợ. Tôi đã làm phép đưa tà ma về núi rồi. Con tôi không theo nghề tổ truyền. Như thầy còn ngại, thì thầy cho tôi một số tiền, bao nhiêu cũng được. Ké bán, người mua, thế là đứt khoát."

Tôi dâng hối mười đồng còn trong túi. Tà Lên trả lại tôi năm đồng, cười chum chím : "Cậu học trò làm biếng học, nay thành tài, muốn lấy tiền lo lót tôi hé !".

Rồi Tà Lên chống gậy đi thoát thoát.

Đó là lần chót tôi gặp Tà Lên, và mãi về sau, mỗi lần về xứ, tôi hỏi thăm tin tức của ông, tôi đều gặp những cặp mắt lạnh lùng, như muốn nói : "bởi tôi già, nên lẩn. Ở đây đâu có Tà Lên !"

Trở lại chuyện cái hũ. Bóng Tà Lên đã khuất sau rặng cây ngã ba đường, tôi mở gói xem lại cái hũ thật kỹ, quả Tà Lên đã biến tôi một vật đích đáng, không trầy mè chút xíu nào, lại tròn láng nồi gân đòn đòn như gân máu trên hột gà lộn, không sai. Trưa về tôi đặt hũ hột gà lộn lên chỗ danh dự, trong tủ quý, cho cầm đầu 34 hũ kia, mỗi cái tôi đều lựa kỹ trong số mấy trăm hũ đã gấp. Tuy gọi có 35 hũ, nhưng không kể những hũ trùng nhau, giống nhau, thì còn lại 25 cái, đều hù hì cổ quái, toàn là anh hùng tử chiếng, từ phương trời xa tụ hội lại đây vừa bất trị, vừa hoang dãng, tôi phong chức "cổ vần tối cao" cho hũ Tà Lên, mà xét lại hũ nào cũng xứng đáng là cổ vần, và "nghĩa minh ty liện không dài các" thế mà làm chủ được 35 đầu thủ bất trị này, quả làm vua không đổi ?

Có một cái, mục lục số 87, khi gấp tôi, đã cho tôi ốm liệt suối mười lăm bữa, rồi mới chịu đầu hàng, sự tích cái hũ ấy như vầy :

Ngày 1 tháng 1 năm 1939, tôi viếng lễ tăng tóc và hội chợ (kermesse) trên Kim Biên Thành. Tôi theo các anh em bạn, dạo khắp thành vua, chùa Bạc chùa Vàng tôi xem không sót món nào trong bảo tàng viện, nhưng tôi không quên bóng dáng cái hũ xinh xinh, màu céladon đậm xanh, đã liếc thấy trong gian hàng ông già Miến Điện, bạn áo bông thêu, đội mũ màu cà tím. Xem rồi hội chợ, tôi kéo anh em ghé lại gian hàng ông lão, tôi xin lấy hũ ra coi. Tôi thấy đề giá "*mo riel ha sap sen*", tôi mừng quá, lật đặt trả tiền, lấy hũ cầm tay, không đợi cho ông lão gói lại tử tế. Anh em theo hỏi, tôi chờ ra khỏi gian hàng.

rồi nói : Hũ này trị giá bạc trăm (bạc năm 1939); nay mua có một đồng rưỡi bạc (mo riel ha sap sen) (1\$50) nếu còn lòng không đứng đó chờ gói chờ phong, rủi ông già đối ý không bán, mới làm sao ?"

Trưa hôm đó tôi không cần ăn mà cũng no; tôi chỉ cầm cái hũ sám soi ngắm nghĩa mái. (Tôi nhớ có đưa lên mũi người, cho biết hũ có mùi gì). Và trọn ngày hôm đó không xảy ra chi lụ. Đợi ba hôm sau, khi về đến nhà ở Căn Thơ là tôi nấm liệt, bỏ ăn bỏ uống. Cái bụng meo xệch một bên, gài nút quần không được, nịt dây nịt vào càng thêm đau tức, tôi phải vào nằm dưỡng đường Căn Thơ mười lăm hôm mới bình phục : đau gan sưng gan !

Anh em đỡ thưa tôi mua cái hũ xúi quay, của tên thày ngoài ếm phù, nên tôi bị thư ! Nên thử tiêu cái hũ.

Tôi bào chữa, rằng nay đã lành mạnh. Cái hũ vô can, lại nữa ai dành đập một cái hũ lành lě, trong có ẩn họa mây sòi và bong hoa, ngoài có da men céladon, màu lục đậm "Tổng ngọc" rõ ràng. Nên trách mây anh nhứng hôm đó, cho tôi ăn nhiều dầu mỡ rượu chè vô độ, thêm nêm mùi "con mồi" cầm cung ! Trách mình là phải, trách hũ ngoài sao dành !

Nay hũ đã tẩn phong "cố vấn Miền vụ", chẽm chẽ cầm đầu bốn cái hũ khác đồng một sắc céladon nhưng thanh lục khác nhau đồi chuí; từ ngày được lấy uế hăng xà bong và nước lã, hũ có vẻ an phận và đã giải hòa với tôi, tôi tội gì xa hũ ?

Nhưng hai mươi lăm cổ ván khác, không trào đình

mà cũng có phụ giá như ai, họ Vương không hổ ! - Nay xin lần lượt bài danh tách ra đây, cho chư tôn tường lâm

- 1) Hũ Tà Lên, bằng nấm tay, céladon màu hột gà lớn, hột gà ưng; vì gấp ở Sóc Trăng, (mục lục số 168), nên phong Cố vấn Hạ Miên vụ ;
- 2) Hũ Mo riel ha sap sen, bằng quả cam, ẩn họa "hoa sòi", céladon lục đậm, để so sánh các loại céladon Đế Thien Đế Thich, số 87 : phong Cố Vấn Thượng Miên vụ.
- 3) Hai hũ céladon rạn da rắn, xanh lá cây, dưới đáy cùng có lăn như lăn chì tay, 1 số 176 toàn hào; 1 số 241-E, men già giặn hơn, miệng tuy mè, nhưng Ba tôi dùng cành kiển gắp lại rất khéo, xem không biết;
- 4) Hũ céladon màu "ánh nguyệt" đáy không tò men, màu ửng đỏ như gạch thui, toàn hào, mục lục số 142;
- 5) Hai hũ da không tráng men, chấm lõm đốm màu chocolat như trứng chim, cùng màu với urne funéraire Song (hũ đựng cốt Tống) 248/7, 248/8).
- 6) Hai hũ men trắng, cái nào cũng lạc tinh thấy rõ, 1 rạn như ngọc thạch, số 248/3; 1 không rạn, men mờ da đá, để dành so sánh và định tuổi các loại Bạch Định; vì thiểu số, nên tạm phong "Phụ tá đặc biệt Bạch Định Diêu";

Ba số này dùng định tuổi men loại gốm và sành Tống, nên phong : "Cố vấn tối cao Tống vụ".

- 7) Hũ men céladon xanh da diệc, rạn da rắn, toàn hảo, đáy không men, vẽ hai con lợc trông như hai con voi, mục lục 248/4. - Đây là cổ vật đời Nguyên, không sai chay nữa, nên phong "Cố vấn tối cao Nguyên vụ (Mongol); hũ rất cổ, da trỗ màu tròn với dáng gọi "du lộ hòn" (thì tổ loại men chàm);
- 8) Hũ trống rạn da rắn, đáy cũng rạn, toàn hảo, miệng bịt bạc, mục lục 172; dùng để định tuổi các loại sành có rạn da rắn;
- 9) Hũ rạn ố nhện, đáy có tráng men, số 248/5;
- 10) Hũ rạn ố nhện, nhưng rạn kiểu khác, số 241/A
- 11) Hũ rạn trứng cá, đáy có dấu chì tay, toàn hảo số 247 - D
- 12) Hũ rạn trứng cá, da màu vàng lươn, mè miệng, đáy tráng men, số 171;
- 13) Hũ rạn trứng cá y như số 171, nhưng màu vàng sậm hơn, mục số 173;
- 14) Hũ rạn trứng cá khác nữa, vì màu khác hai hũ 171 và 173, nên phải giữ (số 239);
- 15) Hũ toàn hảo; rạn trứng cá, trỗ da ngà cũ, mục lục số 103;
- 16) Hũ rạn, men nõn không Tống cũng Nguyên, có lõi là hũ đựng sáp môi, vì nhỏ bằng ngón cái, nhưng lõi tinh rất nhiều, mục lục 740, mua trên nhà các chú ở Phú Nhuận (1963).

- 17) Hũ rạn trứng cá rất mịn, nửa bên màu gan heo (trứng cá sặc), nửa bên da ngà cũ, còn toàn hảo, trông rất khác những loại hũ bán tiệm buôn ngày nay (số 240);
- 18) Hũ toàn hảo, rạn ố nhện, số 237; nhìn lâu thấy ố nhện và dây nhện chằng chít rất lạ mắt, nếu muốn làm giả, đời nay không thợ nào bắt chước men này được.
- 19) Hũ rạn trứng cá, khéo mịn như mặt vông, màu ngà cũ, cổ vật đời Nguyên, số 241-B;
- 20) Hũ rạn trứng cá, mịn, màu gan heo, láng trơn như thoa mỡ, cổ vật Nguyên, số 169;
- 21) Hũ rạn trứng cá, màu gan heo dợt, dây không tráng men, cổ vật Nguyên, số 248/1;
- 22) Hũ rạn trứng cá, hả màu : trắng, ngà cũ, xác trà, miệng mè bit bạc, Nguyên, số 248/6;
- 23) Hũ rạn da rắn và ố nhện, celadon Nguyên màu xác trà, tìm gấp ở Sóc Trăng, số 170;
- 24) Hũ rạn trứng cá, lớn bằng quả cam, màu ngà cũ, vče bằng mực hình hai thủ quyển cuốn tròn có cột dây, kiểu gọi "liên thơ" (có lẽ hũ đựng nước để mài mực, nhưng người bán nói là hũ ngoài); (gấp ở Huế, nhà Hoàng Nai, 31-X-1961, 200 bạc);
- 25) Bốn hũ bằng sành tráng, vče "mai điểu", dây tròn láng đà "Ung Chánh niêm chè" (1723-1735), có lẽ khi nung úp miệng xuống dưới nén dây không trầy và tròn, đúng là hũ nước mài mực, nhưng người Miền ở Tiểu cần (Trà Vinh) đem qua bán chợ Sóc Trăng quả quyết đú

là hū ngài. Không thấy dấu đã dùng rồi, chờ hậu cửu (mục lục số 21-A; 21-B (mua ở Sóc Trăng); số 748-1 và 748-2 mua ở Sài Gòn).

*Luận.* - Xưa với nay không đổi. Chỉ đổi danh từ: Ngài, xưa dùng để mê hoặc, để làm xiêu lòng người mến thương. Nếu không thương thì mức cuối cùng là giết: vì vậy có ngài mê và ngài sát nhơn. Nay nước hoa cũng cùng một mục đích. Tóm lại, lòng, loâng là nước hoa, đặc, dẻo là ngài. Và hū ngài đích thị là thi tổ lọ nước hoa. Khi chế với dầu thì gọi dầu thơm, cũng là một thứ nước để gợi cảm tình. Năm xưa, một người Pháp đã khôi hài với tôi: "Nước Nam dàn bà thơm sẩn, nên người nước anh không biết chế dầu thơm! Và nước nào chế giỏi dầu thơm, là người nước đó có mùi nặng nhứt". Lời tuy nhẹ nhưng bất suy nghĩ nhiều. Nay lọ nước hoa làm nắp thật kín để giữ hương thơm được bền. Xưa, hū ngài không làm nắp, vì hiểu rằng để trống cho hồn ma thường xuất nhập dễ dàng. Xưa tự do hơn nay! Riêng đối với tôi, hū nào cũng là vật thí nghiệm, để coi theo đó mà định tuổi đồ sành cổ mà tôi sê gặp. Tôi biết đó là vật không phản bội, vật nào tôi biết căn nguyên, đào gặp ở đâu, tìm thấy trong mộ nào, thì tôi càng quý. Đối với những vật vô danh, gặp ở hiệu buôn hay hốc xó nào, thì tôi cảm động như trong sách nói người đẹp lạc loài lầu Ngưng Bích. Tôi đã gán ương đến phong hú này "Cổ vấn", hú kia "Phụ tá đặc trách", chung quí vì đời đã thiếu bạn trung thành, âu là thử chơi và làm vua trong đồ sứ cổ!

Các bạn cũng nên sám mà chơi. Và lại giá cũng

không cao mẩy, trong lúc vạn vật đều leo thang vụt vút. Dẫu mua lầm cũng không tốn bao nhiêu, mà mỗi lần lầm là một bài học khôn. Đối với tôi, mỗi hú đựng ngoài đều là vật xưa, nắn bằng tay, cho nên hình thù vóc dáng màu sắc, đều không giống nhau. Sau mấy trăm năm lầm đều và vuốt ve bởi đôi chủ biết bao nhiêu lần, lại càng thêm lạc tinh, nên mỗi cái có một nét đẹp riêng. Ghe phen tôi muộn chưa không mua đồ cổ nữa, nhưng với độ tuổi này, chung quanh bao vây bởi danh và lợi, cũng xin cho tôi một lối thoát. Không nói ra, đây cũng là một nét phong lưu.

"Đó ai đánh vông không đưa. Ru con không hái, tôi chưa rượu tẩm" (ca dao cũ).

9-XII-1971.

## TÝ YÊN HỒ (Tabatières)

**K**HÁC với hũ ngài, và cũng là một bộ môn sám không đắt giá lắm, ấy là hũ đựng thuốc hút, chữ gọi "tý yên hồ", Pháp gọi "tabatière". Nếu hũ ngài là vật dùng thí nghiệm men Tống, men Nguyên, thì hũ đựng thuốc hút là vật thí nghiệm chắc chắn men Thanh (1644-1912).

Có sách Pháp nói đời Vạn Lịch (1573-1620), đúng vào năm 1582 (Nhâm Ngọ, năm thứ 10 Vạn lịch), có đạo sĩ Tây phương Matteo Ricci được cho vào bệ kiến và dâng lên hoàng đế Trung Quốc một số cổng phẩm trong ấy có vài hộp "tý yên".

Ta nên ghi tài liệu trên để nhớ, và lại bộ liệu tự điển Pháp "Petit Larousse" để tìm thêm chút tài liệu khác. ta sẽ thấy :

a) Người cho nhập tabac (thuốc lá để hút) là Jean Nicot. Tự điển nói Ông sinh năm 1530 và mất năm 1600. Với tài liệu này, ta ghi : trước năm 1530, người Pháp chưa biết tabac là gì.

b) Một sách khác (1) nói rằng tục hút thuốc (priser), thay vì vấn thành điếu hay hút bằng pipe (ống điếu cối),

(1) L'Amateur chinois des Hauteurs XXè siècle par Michel Beurdelley, 1966. Bibliothèque des Arts, Paris.

thanh hành như vào đời vua Louis thập tử, và vua này có gửi sang tặng vua Khang Hy, không nói rõ năm nào, vài kiệu hộp tỳ yên, và thuốc đâm nát như bài đế hít (tabac à priser).

Tự điển Petit Larousse, ghi rõ :

- Louis XIV (thập tử), sinh năm 1638 và ở ngôi báu từ 1643-1715.

Trong sách Tàu lại dạy cho ta biết :

- Hoàng đế Khang Hy, đời Mãn Thành, ở ngôi báu từ 1662-1722.

Như vậy ta có thể kết luận, tục đàng thuốc lá đế hít và hít, nhập Trung Quốc giữa khoảng 1662 (năm vua Khang Hy tức vị) và năm 1715 (năm vua Louis XIV băng hà). Ta cũng được phép kết luận luôn là nước Việt Nam có tục hít thuốc cũng trong khoảng đó hay từ sau những mấy năm đó. Tôi nói lần thẩn như vậy, vì năm xưa có người khác tôi một cái lục bình có hình đắp nổi hình diều Tàu và đinh ninh bình ấy thuộc đời Thành Hóa (1465-1487) như đã ghi trong dấu hiệu dưới đáy bình. Tôi không chịu và cho rằng người chế tạo bình ấy đã phạm *lỗi sai lầm ngày tháng* (anachronisme), tức là bình ấy già tạo rồi, chờ vua Thành Hóa (1465-1487) sinh trước xa Jean Nicot (1530-1600) cũng trước xa năm 1582 là năm Matteo Ricci đem thuốc hít dâng vua Vạn Lịch. Lại nữa sự chênh nổi hình bình diều Mãn Thành trên sành Thành Hóa là hai lần phạm lỗi, vì kiểu moulage, đời Thành Hóa chưa biết. Người chủ cái lục bình, cho đến năm nay, chưa

hết giận tơi, và cái nghề giáo nghiệm đồ xưa, nó bạc bẽo  
vậy đó.

Ta cũng nên tìm hiểu chơi, là người Âu Mỹ quanh  
quẩn có vài ba cách hút thuốc lá :

- Giản dị là để nguyên lá, cuộn lại, rồi châm lửa một  
đầu mà hút, đó là *hút thuốc xì gà*.

- Xất nhò sợi, cuộn trong giấy mỏng, phì phèo hút  
nửa điếu, phí phạm nửa điếu, không điệu luyện bằng điếu  
An nam hời trước, phì phèo nửa điếu nửa điếu dán cột,  
thằng nào vứt bỏ nay ngòi ghiền ngáp ngựa, thằng dán  
lên cột, gỡ ra ngồi vách đóc, nhớ câu "nhứt gáy mệt con" !  
Cả hai cách đều là *hút thuốc vấn*.

- Một cách thứ ba của người Âu Mỹ, là xắt thuốc ra  
nhò sợi, trùm nhồi vào khúc cây có ống dài khoét họng,  
sau trau giồi cho ra hình cái ống điếu cối ngày nay. Đè  
bập bập kéo nghe ri ri, lúc tím lử violet vẫn, lúc thả hồn  
thoег khói cuộn, nhưng muốn hiểu rõ vấn đề phải tóm cho  
được tập san Bách Khoa số 229 tháng 7 năm 1966, đọc  
cho kỹ bài rất có duyên của ông Vũ Bảo "*Thu hút pipe*".  
Có lẽ hút pipe dành cho người đi núi đi rừng, nhứt là đi  
biển, gió thổi vù vù, đốt điếu thuốc trần ai. Nhứt là dưới  
trời sa mù lạnh thấu xương, kéo mội hơi dài ống pipe, thì  
là vừa ấm vừa khoái chí tử !

Quân vương nước Thổ Nhĩ Kỳ bày ra hút thuốc trong  
nồi sành gọi *narghilch*, có ống dài và mềm như mành con  
rắn, mỗi lần ngài ngụ mội điếu, có nàng phi châm dom,  
sương chưa ?

Nhưng chưa sướng bằng khi thuốc lá sang Việt Nam, người bình dân thì hút điếu cày, hút thuốc láo bằng ống tre không có xơ, kéo một hơ sướng lên đến tận trên đầu, mà còn kèm cái điếu bài của hàng quan "sóng chép mặc bay!", và xin hỏi ai chẽ ra cái bài bằng sứ Tàu, có tra cần dài bằng trúc lục bình địu cát, để mỗi khi quan hờ "điếc mày" thì thằng điếu dây phải quẹt diêm từ hai thước xa, hoặc mồi lửa hăng hơ bưởi phơi khô cho thuốc được thêm ngọt, thêm thơm phưng phức!

Nhưng phải sang tận nước Tàu, mới hưởng tận cái cầu kỳ của điếu hút thuốc theo Tàu máy chục năm về trước: bình đạn có ống điếu bằng tre, nhưng to gấp mấy điếu cày, trong có đế chát nước để lọc thuốc và mỗi lần kéo, tiếng nổ giòn tan như sấm dậy! Hàng phụ nữ có bình điếu bạc đài Thành, mỗi lần hút xong mồi mồi, biếng thổi cho đúng điếu thì có một giọt nước chảy ngược lên đầy tàn thuốc rớt ra, rất là phong lưu tài tú, lại thêm sạch sẽ cho người dùng bình điếu nhồi thêm nồi khác húi thêm cho thêm sáng khoái, nhưng nếu chưa từng sử dụng mà lên mặt làm lạnh, hút hối điếu thứ nhứt, bài chước công tử thạo đời, thổi hơi quá mạnh, nước trong bình thay vì đầy nhẹ mồi thuốc lại phun ra có vòi, áo dài giày lêu gi cũng ướt, đã mất mặt tay ăn chổi, lại làm trò cười mấy năm sau còn nhắc.

Người Tàu quả có lanh xác ngầm, thích gài bẫy chọc cười một cách ngầm ngầm, u mặc (humour) hồn nhiên còn bằng mười chú ăng lê tóc dò.

Đến như điếu hút thuốc bằng ống điếu cán dài của

họ, thì quả hoàn cầu cũng phải phục chủ Ba ở chỗ cầu kỳ lý lắc. Nói cẩn hay cẩn, nghĩa dối quá, phải nói cái xe điếu này, quả một vật kỳ quan, lúc tôi được tám chín tuổi, vẫn còn thấy. Người hút thuốc phải là đệ tử nhóm chơi cổ đồ bát bửu, đi tìm ở đâu cho được xe dài cả thước Tây, một đầu dối thuốc phải làm bằng đồng điếu quất lên, đầu ngậm vào mồm là một khúc ngọc thạch màu bí đao mới đúng mổi; nhưng chỗ đặc biệt nhất, là xe điếu phải lựa trong một khúc tre già bằng ngón tay cái, mắt nhặt thì bảy, mắt thưa thì năm lóng. (ngụ ý câu : nhơn hưu thất linh, ngũ đức) trơn bóng mỹ thuật; hoặc tuyệt diệu hơn nữa là một nhánh cây ớt hiêm có chùm gỏi mọc, không biết đã sống mấy chục năm, hay cả trăm năm, da trổ hình con sóc chùm nho (nho - sóc), hoặc bảy chuột ăn trái (thú quả), nhưng phải dù tai mắt đuôi căng tự nhiên, do nhánh nhóc bị một giỗng sâu đeo dùn cục cong quaco lại, biến ra "mộc hóa thú", chớ cắt sửa tháp vá thì không quý hóa nữa. Ông điếu Tàu cẩn dài này, đời Thanh, là vật cầm tay "trân ngoạn" của hàng phú hò, hay ít nữa là của các xì thầu (sư đầu, cầm đầu một nghè một vạn : thợ mộc, thợ hò, võ sư, v.v...). Có khi đó là một khí cụ cấp thời, lúc xuất kỳ bất ý. Tương truyền xưa, có một ông thầy dạy võ Tàu, một hôm ăn cơm rồi, xách ống điếu vô ngồi thành thoi trong một cầu tiêu công cộng. Bông có một tên học trò ngô nghịch, đá cửa nhảy vào, tay vừa chém, miệng vừa hô : "Đỡ thầy !" Lão thầy không hơi hoảng, vẫn ngồi làm cái việc thư tư trong "tử khoái", lấy xe điếu đầy gạt ngọn dao sang một bên, dao bén ngót chém xe điếu

đứt làm hai đoạn, khúc còn lại lão thầy xóc hết vô bụng tên trò phản thầy chết tốt, xin hỏi có nước nào có ống điếu biết bảo vệ sanh mạng cho chủ như vậy chưa ?

Xin đừng hỏi tôi, chuyện có thật hay không, để tôi kể thêm cách thức người thợ tài ba Trung Quốc chế ra tý yên hồ.

Cổ nhân nói học hoài không hết. Thật như vậy. Nhơn đọc Michel Beurdeley, "L'Amateur chinois des Han au XX<sup>e</sup> siècle", học được vài mảnh sử vụn về hai nhơn vật Tàu dính líu đến đời vua Quang Trung bên nước ta, tôi muôn nói : *Ho chen* tức *Hàn Thành*, và *Souen Che yi*, tức *Tôn Sĩ Nghị*, và như vậy, đọc và chơi cổ ngoạn, đâu phải là vô bổ ích ?

Theo sách kể trên, tục hút thuốc bột (prier), thịnh hành nhất vào đời vua Louis XIV, - tôi nói *Louis XIV* mà không dịch *Luy thập tứ*, vì nói theo kiểu sau, chỉ có người chúng ta hiểu mơ hồ, mà nói *Louis XIV*, được phổ thông hơn, - nhắc lại vua *Louis XIV* có gởi sang Tàu cho đế Khang Hy, một mớ hộp đựng thuốc hít (tabatière), nhưng đây chỉ là những hộp tròn dẹp dẹp, nắp mở được như đồng hồ quả quít lợp xưa, bằng kim khí, hoặc bằng bạc thiêt, hoặc bằng vàng xi, nếu là ngự dụng, của vua dùng, bất quá bằng vàng thiêt có gân kim cương là cùng.

Đế Khang Hy nhận được tabatière, tuy biết cách sử dụng, nhưng đừng quên bên Tàu cũng như bên ta, đời đó có phong tục để móng tay dài, (có ngón để dài và cong qu Coco cả gang tay, chính mắt tôi từng thấy ở

Cái Bè (Mỹ Tho) một cặp đũa, nói làm bằng "ngọc người", kỳ thật đó là hai móng tay người dài đến gần hai tấc Tây, và tuy không ngay thẳng suôn đuôi lắm, nhưng nhờ dày chắc, nên dùng gấp đồ ăn được), với móng tay quèo quào lượn bượt ấy, thử hỏi làm sao nhúm thuốc bột đưa vào lỗ mũi cho gọn mà hòng hít hổi êm thấm ? Vì vậy khi tục hít thuốc đã thông dụng rồi, thì Khang Hy hạ chỉ cho thợ lò Cảnh Đức Trấn cũng như các nghệ sĩ khác phải chế một thứ gì để đựng thuốc bột, vừa gọn, vừa xinh, vừa hữu dụng để thay thế hộp dẹp dẹp kia mà vua chê không khéo. Và nhờ đó, từ đây sanh ra các hũ nhỏ nhò xinh xinh thế cho hộp đựng thuốc và đặt tên là "tý yên hổ". Tý yên hổ có đến bốn năm loại, bằng sành, pha lê, gỗ chạm, ngà chạm hay khắc, nhứt là bằng ngọc từ ngọc thạch đến hổ phách, trân châu, dù thư, dù màu, dù loại không sao kể hết. Mỗi hũ có nắp đậy kín làm bằng một hột ngọc khác màu, dưới nút có tra thêm một cây giăm bằng ngà hay kim khí, nơi chót giăm làm hùng xuống hình như cái muỗng, cái vá, lấy đó mà xúc hột thuốc hít, rút vào lòng bàn tay bên kia rồi mới lấy hai ngón cái và trỏ, bàn tay bên này, chúm một chúm thuốc đưa lên mũi và phải làm sao cho hai ngón tay lọt vào hai lỗ, và sau đó, hít mạnh hơi lên. Tức khắc, bột thuốc dính vào tận chót trong mũi, hơi mạnh xông thấu lên óc ó, làm cho người hít thuốc phải nhảy mũi hất xì một hơi ném bảy cái, bao nhiêu ám khí nghẹt hơi đều thông, và người hít thuốc sẽ có một cảm giác nhẹ nhàng khoái cảm nhứt thời và đặc biệt, tướng người từng

dùng thuốc hít mới biết được mà thôi. Cái hộp tỳ yên của người Âu châu, nhất là các cổ đạo ua dùng, vẫn là cái hộp dẹp như đồng hồ quả quýt, và tục hít thuốc, theo tôi, có lẽ trước tiên là của người đi biển già, gió thổi từ bờ không đốt quẹt diêm được, nên phải bày ra thuốc bột để hít cho đã ghiền. Khi sang quá tay nhà nghệ sĩ Trung Hoa có tài chế biến tài tình, thêm rất giàu tưởng tượng, nên đã biến thè ra hũ lớn hũ nhỏ đủ thứ kiểu, vừa để tra vào dây, vừa cầm trên tay nhồi bóp êm tay như bao nhiêu ngoạn hảo đã quen dùng, và cũng chế ra nắp giầm để xúc thuốc vừa là nắp hũ, nắp là dĩa con để trút thuốc vào đó, nắp là cái phễu (entonnoir) bằng ngọc báu, để đút mũi vào đó mà hít, (khi chưa cắt móng tay quá dài không lọt vào lỗ mũi được). Tóm lại biết dùng thuốc hít là người Âu châu, Trung châu nhưng đưa cách dùng thuốc hít lên một nghệ thuật tinh vi như ta biết, chỉ có anh Ba Tàu, cha sanh của Ông, bàn đèn, đọc tẩu, tiêm thuốc, và bao nhiêu đồ nghề cần thiết của nghệ thuật đi mây về gió, sơ sơ mơ thuốc phiện; chờ quả tình, thuốc phiện hay chỉ á phù dung, hồi còn ở với cha sanh là Trung đồng, chỉ dùng để nhai rồi nhả xác (mâcher) như ta ăn trầu, chờ người tìm thấy cây thầu trước tiên, không có óc thẩm mỹ tuyệt đối như người Tàu, dạy hút, dạy thầu, dạy xát và còn dạy gì nữa; (tôi không biết liên sự của nghệ dạy chích và tiêm vào mạch máu, và không biết nghệ chích và tiêm á phiện vào mạch máu phát minh từ năm nào, chư vị nào biết rành xin dạy cho).

Cũng trong sách Pháp, dạy rằng cây thuốc lá (tabac)

là do Jean Nicot, sứ thần của nữ hoàng Catherine de Médicis, truyền bá sang nước Pháp, trong khoảng lối năm 1530 (định chừng năm ông sinh) đến năm 1600, là năm ông mất phần.

Và khi sách nói năm 1582 vua Vạn Lịch (1573-1620) cho phép ông Matteo Ricci vào bộ kiến và vị đạo sĩ Tây phương này có dâng lên vua Minh, thuốc bột để hút và vài cái hộp tý yên, thế thì nước Trung Hoa biết dùng thuốc lá (tabac) sớm lắm còn nước Việt ta, đến chừng nào mới biết hút thuốc lá thì tôi chưa biết.

Sở dĩ tôi nhắc đi nhắc lại các năm nói về thuốc lá là để nhớ kỹ những dấu chứng chắc chắn về tý yên hò. Đừng như ông hầu tước ăng lê nói trong tập số 5, bị bọn buôn đồ cổ gạt mớp tý yên hò có câu thơ "Minh nguyên tung trung xuất" và câu "Hon khai hựu nhai niên" là cổ từ đời vua Pharaon xứ Ai Cập (1800 năm trước Tây lịch). Dẫu truy ra hai câu thơ Hán trên có từ đời Đường (618-907), cũng không được phép nói đó là cổ vật đời Đường vì tý yên hò, theo mình tra cứu nay giờ, chỉ có từ đời Minh Vạn lịch, Thanh Khang Hy đây thôi.

Nhưng như đã biết, cái gì xâm nhập qua nước Tàu, đều bị Tàu hóa. Ban đầu, hít thuốc lá đẽ khử độc, trị cảm gió, và hộp thuốc được gọi là "yao-p'ing" (diều bình) (diều, dao là đồ sành). Nhưng sau đổi lại là "tý yên hò" (hú nhò đựng thuốc hít). Và có ai ngờ được sau này trong nhóm Thiên Địa Hội, tức hội kín lập ra với tôn chỉ là lật đổ nhà Mân Thanh và chia ra nhiều đảng phái : hội kèo vàng, kèo xanh, kèo đỏ, v.v... đều là người Hán tộc, lại

lợi dụng tý yên hồ làm một ám vật để thông đồng nhau mà người Mân Thanh không một chút nghi ngờ. Nguyên phong tục đời Thanh, có lẽ anh em bạn gặp nhau giữa đường, thường rút tý yên hồ của mình ra mời người kia hít cho biết thuốc của mình là ngon gắt, (không khác ngày nay chúng ta gặp nhau mời kè hút Salem, người Craven A vậy). Người Hán tộc lợi dụng cái tục đó mà liên lạc nhau bằng tý yên hồ dụ như nhóm kèo xanh có tật đưa hũ thuốc bằng cách nào (dùng tay trái hay tay mặt), và quệt thuốc bằng cách nào (quệt sừng trâu ngọc lên, hay quệt râu dê xụ xuỗng), trong lúc ấy người nhóm khác (kèo vàng hay kèo đò) lại dùng cách khác, và nội những dấu riêng ấy đã dùng làm ám hiệu cho nhau được rồi và lột khỏi tánh tò mò nghi kỵ của người Mân tộc. Từ ấy họ chế thêm đủ kiểu tý yên hồ, cái tròn, cái dẹp, cái vuông vuông, và theo tôi, nhìn tý yên hồ ngày nay đủ hiểu óc mỹ thuật của người xưa dùng nó, (như ta ngày nay săm soi ống điếu và ống đốt), cái bằng rễ ổi, rễ bruyère, cái bằng nanh heo rừng hay nanh cá cúi. Ở đây tôi không dám xâm phạm qua co lết xông ống pipe và ống đốt, vì thiết tưởng đó là nghệ thuật Âu Tây, người Á Đông mới biết chơi sau, và riêng của ai nấy biết và nấy giữ).

Trong một bộ sách Tàu, không biết nhan đề là gì, mà Pháp dịch là "*Investigations d'un dilettante*", có kể rằng năm thứ 17 niên hiệu Kiên Long (1752, Nhâm thân), hoàng đế Joseph (không nói nước nào), có dâng đế Kiên Long 22 cỗng phẩm quý lạ, trong số có những hộp tý yên, và để đáp lễ lại, vua Kiên Long có gởi tý yên hồ bằng sành quý giá, tặng lại vua Joseph.

Về sau tý yên hồ được thông dụng trong dân gian, từ người có ăn đến ông giảng đạo. Và tý yên hồ thời được trọng dụng từ năm cách mạng 1911 (Tân Hợi), một lẽ là xem đó là di tích Mân Thanh, hai là nay người Trung Quốc sang đã ăn vận Âu phục, nên không muốn làm dơ hai bên mũi bằng hai quết râu dê hay râu sừng râu như thuở còn đeo bím, thắt bì bì (cũng gọi giốc bín hay đeo đuôi sam).

Sách của ông M. Beurdeley có kể rằng Tôn Sĩ Nghị một hôm dâng vua Kiền long một tý yên hồ làm bằng một hột trân châu lớn bằng cỡ hột gà so, và quý vô giá. Ít ngày sau, Hòa Thân khoe với Tôn Sĩ Nghị rằng mình có một tý yên hồ cũng quý như cái của họ Tôn dâng cho vua. Sĩ Nghị xem kỹ thì quả là tý yên hồ bằng ngọc trân châu của mình dâng vua hôm trước. Hòa Thân chẳng những là sủng thần của Kiền Long, mà lại là một sưu tập gia chúa tể, vì như bao nhiêu sưu tập gia khác trên thế giới, không xin Tôn Sĩ Nghị được thì còn có nước chọt của đức vua, và đủ thấy Hòa Thân ra vào cung cấm như câu thường thấy "xuất nhập bất cấm".

Sách nói Hòa Thân tham nhũng và lộng quyền, chỉ có vua Kiền Long vì yêu nên bỏ qua, đến khi vua băng hà, vua kế vị là Gia Khánh, việc làm thứ nhứt là hạ chỉ xử trảm Hòa Thân về tội khi quân, và dạy tịnh thu tài sản. Tôi đã nói rồi trong tập 4, nơi chương VI, về triều đại Gia Khánh và Đạo Quang.

Nay xin kê khai tài sản của Hòa Thân, theo một bản án cũ đời Gia Khánh vừa tìm lại được, để cho thấy sự

nghiệp của một đại thần chức tể tướng và một sưu tập  
gia đời Kiền Long (1736 - 1795), giàu có đến何处 nào;  
cho đến ngày nay, cũng chưa ai biết Hòa Thân chơi và  
tích trữ cổ vật là vì ham sưu tập vật lạ cổ, hay vì tánh  
tham lam, ham chứa giấu cho thật nhiều thật đông, để  
nửa bán ra hay làm gì, không ai hiểu :

Hòa Thân làm chủ 23 tiệm cầm đồ, 13 hiệu buôn cổ  
nguyễn kỳ trân, trị giá đời đó đến 60 triệu lượng, hai cửa  
hàng lớn buôn ngọc thạch và hai hiệu buôn tơ lụa, một  
hang đếm được là 67.000 dù các loại da thú quý thuộc rồng,  
1907 da chồn (peau de renard), tôi dịch là hổ cầu, 1417  
robcs de zibeline (áo dài bằng da con hắc diêu thủ, (thcow  
tự điển Đ.D.ANH), và hơn 4.000 áo ấm đồn bằng da thú  
đùi loại. Trong các phủ đệ lâu đài của Hòa Thân, chưng  
dọn cực kỳ xa hoa, đếm được 144 sập vàng sơn son thiếp  
vàng, 23 sập khác nạm bằng vàng ròng, và 40 sập sơn  
son mạ vàng khác nữa. Trong các phòng the cung cấm,  
các đồ vật đẽ diêm trang rửa mặt thì hoặc bằng vàng y  
hoặc bằng ngọc thạch. Hơn nữa, các kỳ trân dí bửu chưa  
đựng nơi điện chánh và đã liệt kê kỹ càng trong bản cáo  
trạng nay đọc lại càng thêm ngỡ ngàng, rợn người :

11 đinh ba chân bằng cổ đồng đời Hán.

18 đinh bằng ngọc thạch.

711 nghiên đẽ mài mực cổ, có nhiều cái xưa từ đời Tống.

28 khánh ngọc loại ngự dụng,

10 cổ kiếm Nhụy Bàn.

- 38 đồng hồ trao Tây phương đều có nạm bửu ngọc,
- 140 đồng hồ quả quít bằng vàng, mặt trám men,
- 226 ngọc hoàn bằng hạt trai kết,
- 228 viên hòn ngọc (rubis) cỡ lớn,
- 4.070 lạm ngọc (ngọc xanh gọi saphir).
- 10 cây san hô mỗi cây cao ba thước tám tấc mộc,
- 22 hình nhơn bằng bạch ngọc dương chi tượng hình  
Phật bà Quan Âm và La Hán,
- 18 La Hán kim thân bằng vàng y, mỗi tượng gần sáu  
tấc Tây bắc cao, vàng đặc.
- 9.000 cây như ý bằng vàng nguyên khối, mỗi như ý  
cân nặng ba cân.
- 507 như ý bằng ngọc thạch, có nhiều cây có đề thi  
ngự bút của đế Kiền Long,
- 3.411 cây như ý nhỏ bằng ngọc thạch.
- 500 đài đưa ngà, đầu bịt vàng ròng.
- 1 bộ đĩa bàn Tây phương đến 4.288 món toàn bằng  
vàng đặc,
- 99 tô đế ăn cháo bằng hoàng ngọc topaz,
- 155 tô lớn khác bằng ngọc thạch,
- 124 chén uống rượu thủ lớn bằng bạch ngọc dương chi,
- 18 đĩa bàn lớn bằng ngọc thạch,

18 đĩa hoàng ngọc topazc, bề ngang rộng đến bốn  
tấc mộc.

1 khối ngọc thạch chạm khéo, có ngự thi do thủ bút  
hai vua Vĩnh Lạc và Kiên Long để lại.

Ngoài ra còn đào xối khu hoa viên của Hòa Thân,  
còn tìm được vô số đinh vàng, trị giá đến 35 triệu lượng  
bạc, và 28 ngàn nút trang bằng vàng đủ cỡ.

Không kể những hạt trai không khoát lỗ và đã bọc vàng  
y, tức món thuốc thần giúp cho Hòa Thân tráng kiện và phản  
lão hoàn đồng, một điều làm cho Thành đế Gia Khánh nỗi  
trận lôi đình, trảm Hòa Thân mà còn chưa hết giận, là cựu  
sủng thần của Cao tông hoàng đế (Kiên Long) có đến 200 xâu  
chuỗi hạt trai, và có một xâu quý báu hơn hết, hột lớn kinh  
khủng, chẳng những đính thắt mà còn to hơn xâu chuỗi báu  
của Gia Khánh hoàng đế do ngài thường, có một hột độc  
nhứt vô nhị, vẫn to chót hơn cả hột ngọc trai kết trên long  
miện, Pháp văn viết : "plus grosse que celle que je porte sur  
ma coiffure de cérémonie".

Nay giờ tôi kể xa với gần lạc đà, nhưng tôi cố ý chưa  
lại câu chót của bản cáo trạng chém Hòa Thân, là bộ môn  
tý yên hồ của vị tể tướng quá tham nhũng này, đếm đến  
2390 hũ, toàn bằng ngọc thạch, mă nǎo, trân châu, hoàng  
ngọc và bằng sứ Cảnh Đức Trấn, thảy đều quý giá, không  
thể tưởng tượng nổi.(M.Beurdeley, tr.181).

\*

Kể ra một người có đến 2390 tý yên hồ, thì quả nhiên thật. Cứ tính mỗi tủ chứa đựng một trăm món bày hàng đẽ coi, thì phải 24 tủ mới đủ dùng, và trừ viễn bảo tàng hay nhà buôn lồn, thì không có nhà nào chứa nổi.

Một bộ môn to tát như thế, không biết người chủ của nó có thì giờ sẩm soi và tìm hiểu giá trị của chúng chăng, hay là các món ấy chịu chung số phận các phi l่าน trong Cung ván đã là :

*"Ngán thay cái én ba nghìn,*

*Một cây cù mộc biết chen cành nào ?"*

Giá thử có bị trộm hay có biến cố nào, người chủ có đủ trí nhớ mà thâu hồi được chăng ? Thiệt là có của quá nhiều cũng mệt. Và có quá nhiều thì cái thứ chơi đẽ lạc nghĩa của nó, người chủ chỉ còn là nô lệ của những món đồ đại chi vô dụng này và nô lệ của tật thu thập sưu tầm của mình đã hoạch định lúc ban sơ. Và phải nhớ, vào đời Hòa Thân, đây không phải là của mua sắm, mà là của hối lộ của tư phuơng, do bọn tham quan vơ vét cho mình nay dâng lên thằng lớn ủng hộ ở trên cao, nên cống hiến lại phần nào cho nó. Vì là của hoạch tài nên mới có nhiều như vậy.

Tốt hơn, khiêm tốn và sạch đời hơn là mình biết mình và hãy sưu tập vừa đủ với cái túi tiền và với chí thanh cao của mình sẵn có.

Và chăng tý yên hồ, như đã nói, là một bộ môn bỗ túc bộ môn "hỗn đụng ngài", hỗn ngài là thí nghiệm phảm

để biết men Tống men Nguyên, thì tỳ yên hồ là đồng hồ  
đó giá trị các loại sành và ngọc đời Mân Thanh, vậy thì  
ta phải thiết thực bò tánh tham; và mỗi loại nên gìn giữ  
đó ba món là là vừa : ít món về da sành da sứ, vài món  
về ngọc, chau, một hai món về ngà, hoặc gỗ đá quý là.

Nên nhớ kỹ, một bộ môn quý tại tinh chớ bất quý tại  
đa. Pháp cũng nói :

*"Plutôt la qualité que la quantité".*

Tôi nói làm vậy, và xin cũng ai đừng bắt chước tôi,  
vì nhà tôi có đến cả tám mươi lăm tý yên hồ như sau :

### I. BỘ MÔN KỲ THẠCH

1. Hũ đá ngũ sắc, màu xanh kẽ như da trưởng chim,  
tròn và đẹp, khéo vô song, đáng gọi "kỳ thạch", không  
đề hiệu, nhưng tôi định là Kiền Long. Số 20-B (do Ba  
tôi để lại).

### II. BỘ MÔN NGỌC THẠCH

2. Hũ ngọc thạch huyết lầm, da xanh màu đỏ huyết  
xen kẽ, có một chỗ nám trắng (lạc tinh) gọi chưa sạch  
vài chỗ, toàn thể thật láng như thoa mỡ, hai bên chạm  
nổi sờ, đầu thao thiết, đời Mạt Minh (lối 1600). - (do Ba  
tôi để lại). - Số 163.

3. Hũ ngọc thạch hun khói (jade sumé) hình trái lê,  
chạm hoa dây rất khéo, lạc tinh nhiều, mua 7-V-1969. -  
Đời Khang Hy. - Số 928.

4. Hũ ngọc thạch hun khói, chỗ nào không khói

thì da xanh ửng gân máu, hình dáng rất lạ, và rất tân thời phản cổ điển, nửa phần giống cục đất nén trong lòng bàn tay còn để dấu ngón tay và kẹt ngón tay, nửa phần lại trông giống lưng người đàn bà y như của phái hiện tại chủ nghĩa (existentialisme), đây là cổ ngọc do quý chúa đời Kiền Long chế tác. Tuyệt mỹ. - Mua 7V-1969. Kiền Long. - Số 929. (Hộm mua, tôi gấp hơn lú chục tý yên hồ của một người thời chơi bán ra, tôi lừa có hai món này).

### III. BỘ MÔN SÀNH SỨ

5. Hũ lớn cao 12 phân Tây, sành da trắng không đè hiệu, vẽ hai ô san thủy, chung quanh ô đóng vành chữ THỌ, cao thấp không đều để tránh sự nhảm mắt, còn lại chừa trống để khoe màu da trắng, có nứt mội đường, men lạc tinh Khang Hy, nét vẽ cổ kính. - Số 561 (30-6-1960).

6. Hũ ám thanh, da trắng lạc tinh nhiều, khu tráng men, chạm gà trống và gà mái trong bụi cỏ, không đè hiệu, nhưng định Ung Chánh. - Số 252 (1948).

7. Hũ nhỏ, dáng xinh, đáy không men, vẽ Long Văn Hổ Hộ, Kiền Long. - Số 97-B.

8. Hũ đứng, vẽ độc long ngũ tráo, khu khoanh mảng. - Gia Khánh. - Số 175 (mua nhà Trần Tam Hạp, đường Hai Bà Trưng, 28-XI-1941, giá 5\$00).

9. Hũ nhỏ, đáy không men, vẽ xanh lam rất đẹp, cảnh ba ông già (Tam hưu) ngồi chờ, có tên tiểu đồng ôm đàn

chạy lại. Mua Faa yue 26-XI-1938, giá 3\$50. - Dời Đạo Quang (1821 - 1850). Số 85.

10. Hũ vuông, dáng lồng đèn, bốn ô vế cảnh săn dã bằng màu đỏ xanh lam, (nông phu gấp ông lão ngồi câu, trẻ chăn trâu và người vái mai, trẻ gánh cùi với ông già ngồi nói chuyện; nông phu khoanh tay nghe một lão trưởng phân trần gì đó) đây đề 6 chữ "Đại Thành Hàm Phong niên ché) (1851 - 1861). - Chánh hiệu. - Mua ở Trần Quý Cáp 29-6- 1969 giá 3.000 đồng. - Số 930.

11. Hũ bát giác rất khéo, vế cảnh chúc thọ, trẻ con đốt pháo, đứa trẻ này bùm tai đứa trẻ kia, gia đình đoàn viên, trẻ con cười múa. Nghệ thuật cổ vẫn còn, ảnh hưởng Tây thái hậu vì cảnh chúc thọ đoàn viên, không đề hiệu, nhưng ngầm muốn nói "Thiên hạ nhứt gia xuân". - Định dời Đồng Trị, con bà Tây hậu (1862 - 1874). - Số 253 (mua 7-2-1948, ở Sa Đéc đem lên bán 50\$).

12. Hũ dẹp như vỏ hộp quết cây, góc vuông vức倜 rặng nghệ thuật cổ truyền chưa mất, đây là loại sành in khuôn rồi ráp lại, xem kỹ còn thấy lần ráp, da săn săn nét vế không tinh thắn,倜 rặng nghệ thuật gần xuông dốc, không đề hiệu, đoán theo men là đời Quang Tự (1875 - 1907), mua ở La Perle, Catinat, 11-X-1939, với số 7 trên đây (số mục lục 97-A) cái kia số 97-B, hai món 14\$00.

13. Hũ hình cá kim ngư kỳ vi và đuôi xếp lại, mắt lồi, miệng ngậm nút hũ là một cái hông, chạm trong hột mả não đỏ, cũng loại đúc trong khuôn săn (moulage), rất nhẹ, như vỏ trứng. Pháp gọi "coquille d'œuf" trước mua

ở Trần Tam Hạp, đường Hai Bà Trưng, 15-4-1942, có đế  
chạm rất khéo, trước tượng đài Kiền Long, nay đặt vào  
đài Hồng Hiển (Viên Thế Khải) đây thôi, số 181.

14. Hũ Hồng Hiển, chế tạo năm 1916 đài Viên Thế  
Khải, màu ngù sắc, đã nói trong tập số 4 về sành Hồng  
Hiển. Mục lục số 86. Có lẽ số 181 và số 86 này là tác  
phẩm do một người thợ khéo nhứt sót lại của triều Mãn  
Thanh. Tông thống họ Viên mến tài nên lập lò Cảnh Đức  
Trấn lại, sản xuất có một loạt sành năm 1916, niên hiệu  
Hồng Hiển này thôi.

#### IV. BỘ MÔN PHALY BẮC KINH. - (Verres de Pékin)

15. Hũ bằng pha ly có nứt mội đường ở đáy, vuông  
vức, vẽ ngược bên trong vẽ ra, tích hai tướng quyết tử  
chiến với nhau, giữa có một người cầm cờ đỏ ngù tráng  
chứng kiến. Đây là một nghệ thuật đặc biệt của người  
Trung Hoa, vẽ bằng cọ uốn cong và vẽ ngược từ bên trong,  
cán cọ di chuyển chật hẹp trong cổ hũ không hơn sáu  
bảy ly kính tâm. Nét không run, màu linh động, quả là  
một kiệt tác. Định đài Quang Tự (1875 - 1907) với ảnh  
hưởng ít nhiều của Tây Thái Hậu, vì đài này thích hát  
bội nên cũng thích vẽ tướng ra trận hay đào kẽm y  
phục rực rỡ. Mua 7-V-1969. - Số 928-B.

Còn những bộ môn này, tôi không có đại diện trong  
bộ môn sưu tập : ngà, cây chạm, cây sơn mài, hột cà na  
hay hột quả bên Tàu, dùng lâu năm, lên nước láng như  
ngà cũ hay đồ sơn mài quý giá.

Một lý do không dùng tý yên nữa là vì thuốc bội

để hút, bên Trung Quốc, lúc trước không sản xuất được và phải mua từ Bồ Đào Nha với một giá rất cao. Bồ Đào Nha gởi thuốc hút qua Trung Quốc đến trận chiến tranh năm 1939 mới dứt.

Ngày xưa, người nghệ sĩ Trung Hoa chế tý yên hồ với hai nguyên tắc :

1) Khi dùng vật liệu nghèo hèn, như gỗ, pha ly, sành, sơn mài, ngà, hột cà na, v.v... thì phải thi thoả hết tài năng của người thợ, cho món đồ trở nên tuyệt tác giá trị là cái khéo của thợ : Ký Cổ Nguyệt Hiên, Đường Anh, v.v...

2) Khi hũ làm bằng vật liệu quý : ngọc, châu, hổ phách vàng (để thấy thuốc còn hay hết), với vật liệu quý như vậy, thì người thợ chịu lép vế, chỉ khai thác triệt để những nét quý và đặc sắc của ngọc châu : màu sắc, lẩn gân, nét đẽo đáo phải phô bày cho hết, để thấy cái khéo của tạo hóa. Có khi một viên đá cuối biết khai thác, giá trị nhiều hơn một ngọc quý không biết trau giòi.

Người Tàu quả quyết ngọc thạch có đến 123 màu sắc khác nhau, màu phỉ túy (cánh chim sa sà) được ưa chuộng và mắc tiền nhất, nhưng người Anh lại thích ngọc thạch trắng trong, vì cho rằng tinh khiết không pha trộn với chất kim khí khác. Màu huyết tẩm ngày nay rất được ưa chuộng, nhưng phải coi chừng giả nhiều. Ngọc cổ quý giá đối với người sành sỏi.

Có tý yên hồ làm bằng bạc cũ hay bằng vàng, chạm nét đơn sơ thật khéo.

Người Tây Tạng dùng tý yên hồ có pha lẩn chút huyền bí : sừng nai ưng, nanh heo cổ quái, rễ cây trổ hình kỳ dị.

Nhiều người lần thòi dùng nhiều món trân ngoạn kỵ lạ : cà rá có nhện hột ngọc đỏ xanh, chai nước hoa bé tí tẹo bằng pha lê, có nút đậy kín, mà không ngờ đó là những bộ phận tách rời của tý yên hồ đổi kiếp : ngọc cà rá là nút, chai dầu thơm là tý yên hồ do thợ bạc Paris khoét nút vặn khu ốc thật kín cho dầu hay nước hoa đừng chảy.

Để trong va ly xách theo cung gọn, gấp chuyen bối rối đảo lỗ chôn cung dẽ, khi tung biển nó ra chén cơm manh áo, tý yên hồ và hũ đựng ngoài, quả là bạn trung thành của người chơi đồ cổ thức thời.

12-12-1971

# 14

## HAI CỔ VẬT LÀM TÔI THẮC MẮC :

### A. NAI số 426. - (Pl. 5).

Trong các cổ vật tôi mua sắm để chơi, từ lúc chạy lên Sài Gòn năm 1947, cái nai đánh số 426, mua tại nhà Hoàng Nai ngày 4-8-1959 ở Huế, giá 1.000 bạc, làm tôi thắc mắc nhất.

Nai là một danh từ ngoài Bắc, ám chỉ bình đựng rượu bằng sành, mình to cổ dài. Nhỏ hơn một chút là cái *nậm*, nhỏ nữa là cái *be*, trong Nam gọi *ve*, hay *ve chai*, vì thường làm bằng chai, pha lê.

*Ông có cái giò, bà thò chai rượu* - ý nói ông có giò lợn giò bò, bà mồi chịu hợp tác bằng chai rượu từ chỗ bà giấu, thò ra.

*Nậm này chưa rượu "lò chang".* mời anh ném thử, *làng cho tháng rồi*, là câu tôi làm thay lời một cô gái miền Nam, ghẹo anh khóa từ miền Bắc mồi vào, ghẹo nhau bằng hai tiếng nói lái : *lò chang* là *làng cho*, tức rượu này là rượu chánh phủ chứ nhà tôi không chứa rượu lậu, rượu đế.

Đến danh từ "*be*", thành ngữ và ca dao nhiều đến chép không hết :

- *Coi trầu bê rượu đem ra trình làng* (c.d.);

- Rượu ngọt trong bể, chè đặc dưới ấm (t.ng.);
- Rượu ngọt chẳng lọ bể sành, áo rách khéo vá hơn lành vụng may (c.d.);
- Sống ở nhà- gian đánh chén nhè.

Chết xuống âm phủ giặt kè kè.

Điêm vương phán hỏi "Mang gì thề?",

Bé ! (thơ cổ điệu yết hậu).

- Tết nhà nghèo có cái gì đâu, đánh vài bể cù tôi.

Khách nhà nọ đám ương ra đó, nói ba chuyện cà riềng. (câu đồi xưa).

(trích Việt nam tư điển hỏi Khai tri tiễn đức).

Tốn một ngàn đồng bạc, có một kỷ niệm đi chơi ngoài Huế, mua nhà lão Nai môt cái "nai", và học thêm bao nhiêu tiếng lạ, ấy cũng một lý do khiến tôi si mê dồ cổ ngoạn.

Và lại không phải vô duyên cứ mà tôi phí một ngàn bạc để mua vật này, hiện có mè một chỗ nhỏ trên miệng, nhưng tôi không thắc mắc vì chút đó, vì trong đồi tôi, có món nào đến tôi mà lành lě đâu ? Điều là vả víu, nhưng miễn ăn ở kiếp với nhau, là được rồi.

Hãy nghe tôi tả cái nai này; trong thè mục lục chép để lại cho con, tôi viết :

"Bầu rượu, da trắng ngà ngà, men đồi Tống; cầm trên tay nặng hơn nhiều loại sành khác, đáy trắng men màu

da cam sậm, tức celadon, nồi cổ và trên da, chõ nắp men tróc ra thì lòi cốt thai đỏ đỏ màu chocolate (ta gọi màu gạch mục); chạm sâu trên cổ hình chim hạc, đầu như đầu vịt; hai mặt hông, chạm sâu :

a) Một bên là hoa cúc xòe cánh trở về một bên, quay từ mặt qua trái (xem hình), chung quanh hoa cúc, có viền một viền hồi văn mui nhọn, quốt ngược chiều với cánh hoa, nửa giống bánh xe, nửa giống svastika;

b) Mặt bên kia của cái hông bầu, cũng chạm một hoa cúc xòe, kiếng từ hữu quay qua tả, giống hình bánh xe, nhưng cái viền biên không phải vče mây sồi nữa, nhưng vče miếng chà góc nhọn, y như chéo túi két mao "lý lư" của hòa thượng nhà chùa.

Cái nai 426 này, làm tôi phân vân. Ban đầu tôi xếp nó vào cổ khí Tống, vì là men Tống rõ ràng, thêm mấy chõ rạn, đều cổ kính đúng là rạn Tống.

Nhưng tôi thắc mắc, vì đời Tống trọng đạo Lão hơn đạo Phật. Còn cái nai này tượng trưng đạo Phật nhiều hơn đạo Lão. (1)

Tôi nghiên cứu lại, và muộn xếp nó vào cổ vật triều Lý (1010 -1225); nhưng tôi còn đời chõ chưa quyết định :

- Đời Lý, đạo Phật là thịnh hành nhất rồi. Chim hạc và hoa cúc biến hình ra pháp luân "xa" cũng đúng nữa, (nhưng tại sao kiếng hoa lại day từ mặt qua trái, bất tôi

---

(1) Xem trả lời tr. 131 : Nam Tống chịu ảnh hưởng Phật giáo. Bắc Tống chịu ảnh hưởng Nho giáo (Fujiro Koyama).

như croix gammée của Hitler, khác chiều hướng của svastika Phật giáo) ?

- Đời Lý, (1010 - 1225) đồng thời với triều đại Bắc Tống (960 - 1126) và một phần Nam Tống (1127 - 1279). Cái bầu nãy nặn theo céladon và cối thai đồ, là dấu hiệu cổ vật Tống rõ ràng.

Ngày nay, bên Đại Hàn, còn lưu lại cổ khí céladon, gọi céladon de Corée khá giống céladon Song (Tống) và céladon de Thanh Hóa (Việt Nam). (Xem quyển III, Korean arts, ceramics, Ministry of foreign affairs Republic of Korea, 1961, tr. 138). - Tự điển Petit Larousse cho ta hay tại Cao Ly này, triều đại họ Lý cai trị từ thế kỷ XIV cho đến người đại diện chót là Ông Syngman Rhoc (Yi Sung man, ta quen gọi Lý Thừa Văn).

- Một tài liệu khác, cần khảo tra kỹ lại, là mới đây hai ông Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề từng viết "con cháu vua nhà Lý, sau năm 1226, đã di cư dời về tỵ nạn tại Cao Ly quốc" (Bách khoa thời đại số 301 ngày 15-7-1969).

- Xuống đến đời Trần là một triều đại tôn trọng Nho, Thích, Lão như nhau, và đời Trần trị vì từ 1225 đến 1400, cũng đồng thời với nhà Tống và nhà Nguyên bên Trung Quốc, luôn mẩy chục năm đầu nhà Minh.

Lại năm 1279 thì nhà Tống mất nước hẳn. Theo một vài sách kể, thì thợ gốm di thần nhà Tống, không khống thần phục nhà Nguyên, đã kéo đi lập nghiệp nơi ba chỗ khác nhau đều có sản xuất céladon, đó là :Cao Ly quốc,

An Nam quốc (vùng Thanh Hóa) và Xiêm La quốc (vùng Savankhalok).

Nếu nai số 426 này do lò Thanh Hóa chế tạo thì thuộc dưới đời Trần chớ không phải dưới đời Lý, nếu hiểu theo người Tàu, thì lại dưới đời Nguyên (1279 - 1368).

Đọc sách khác thêm nữa, thì cũng mới đây, giáo sư Nguyễn Phương định nêu trong Bách khoa thời đại số 245 ngày 15-3-1967, rằng : nhà Lý cũng như nhà Trần, đều là gốc người Tàu xuống định cư lập nghiệp ở nước Nam.

Để tạm kết luận, có thể nói một cổ vật khi lạc khỏi xa nơi xuất xứ, thì đã mất hết lý lịch đảm bảo. Như vậy, hỏi ta có nên mua chăng ?

- Xin trả lời : Nên mua lầm chứ, vì một khi điều tra lý lịch được, tức đem vật ấy so sánh với vật trưng bày ở Viện bảo tàng hoặc nơi các tư gia có tàng trữ và tin cậy được, nếu phảng ra manh mối, thì chứng ấy cái mường biết bao lớn và công sưu tập thật là không phí uổng vậy.

Tôi nói ra đây, như khoe con dao hai lưỡi. Đối với người hiếu học, thì nên mua nếu có dịp. Nhưng những chuyên gia chuyên môn buôn bán các vật này xin đừng nghe tôi nói mà liếc dao lèn.

Thật sự, loại cổ khí đời Lý đời Trần này, thỉnh thoảng tôi còn gặp tại các nhà buôn ở Huế cũng như ở Sài Gòn. Tôi mách vì tôi không tiễn mua nữa.

## B. BÌNH VỐI CỔ QUAI 230. - (PLS)

Một cổ vật khác làm tôi bối rối không vừa là bình có quai số 230 (xem hình). Bình này tôi mua ngày 13-V-1943 tại nhà buôn ngọc La Perle, ở Catinat cũ, lúc đêm về còn ăn được kẹo ngọt chứa đầy bình, vì bán mùa Phục sinh theo loại trứng gat m López dịp lễ Pâques, thế mà bình xưa kẹo mới, chỉ bán 25 đồng bạc (25\$00).

Bình khéo lầm, toàn vẹn không sứt mẻ, đặc biệt có "quai mây biển cù", da trắng men Tống, bình cầm trên tay thấy nặng, chánh là *céladon*, đáy không tráng men, nồi chun, vành ngắn và lộ ra, có vê một viền biên lớn màu gạch đỏ thúi, theo Pháp gọi *base chocolatée* (xem quyển "*Céramiques à base chocolatée*", BEFEO 1958, vol. XLIV, bài của R.Y. *Lesèvre d'Argencé* viết); viền này nhái lại kiểu xưa các cổ vật đời Tần-Hán đều bịt bằng đồng đen. Trên chiếc bình, da rạn mịn tuyệt khéo và duyên dáng nhất là hai chỗ trổ màu đỏ đỏ, lộ gân huyệt, là dấu chứng đích xác đó là *céladon*, hai hệt ấy dài, giống như rãnh chiều bị mài tròn phản chiều, thật là huyền bí.

1) Lúc mua đêm về, tôi định tuổi bình vối 230 này vào đời Nam Tống (1127 - 1279), và lấy làm tự đắc mình là giỏi hơn ai, vì rõ ràng là phân biệt được men Tống; lại nữa, cái quai dây mây biển hóa ra con giao con cù, hóa không phải biểu hiệu của luân hồi hiểu theo thuyết Phật hay thuyết Lão-Trang, thì là gì? Sướng quá, mua vật quý rất rẻ.

2) Nhưng sau đó, từ ngày vào làm việc nơi Viện bảo tàng Sài Gòn, thất bại đã nhiều, lòng kiêu đã lụt, tôi già tâm nghiên cứu sách vở để giải buồn. Ông J. Boisselier là bạn cũ, tặng tôi quyển "La statuaire du Champa" (BEFEO, vol. LIV, in năm 1963). Tôi hồi tâm nhìn kỹ lại cái bình vôi, nhứt là cái quai. Tuy quả đó là con giao long (cù) do một dây mộc hóa ra, nhưng dây này không phải dây mây, mà đó là cái cuống dài của buồng cau luôn cả và râu ria, đầu buồng biến ra đầu con giao, và bốn sợi râu cau lùi quýu hóa ra bốn chân con thú. Tức nhiên tôi đổi ý lại.

Theo sách J. Boisselier, cau và chǎng là "totem" (động vật tổ) của dân tộc Chàm. Chúng ta để ý nhiều tới người Chàm, từ đời vua Chế Mân, gọi theo Phạn tự là *Jaya Simhavarmā III*. Ông vua đền này mê cái màu huyền của công chúa Huyền Trân, nên đem hai châu Ô và Lý dâng cho vua nhà Trần để cưới công chúa ấy vào năm Bính Ngọ (1306). Sang năm 1307, vua Trần Anh Tôn thu nhận hai châu Ô và Lý, đổi tên là Thuận Châu và Hóa Châu, bắt chấp lời tiếc thương bóng gió (mà đâu lọt tai vua) :

- Tiếc thay cây quế giữa rừng, ai cho thằng Mán thằng Mường nó lco !

- Tiếc thay hột gạo trắng ngần, đã vo nước đục lại vẫn lùa rơm !!

- Tiếc thay hột gạo tám xoan, thổi nồi đồng điếu lại chan tương cà !!!

Nhưng thanh sảng như là ngâm lại bài thơ sau đây, mặc dù tác giả, Hoàng Cao Khải trước làm chuyện bắt phải với vua với nước, đã có người khác phê bình, thơ ông hay ta cứ chép :

### Vịnh Huyền Trần công chúa

"Đời chắc không ngoan cũng nực cười,

"Vốn dà không mãi lại thêm lời.

"Hai châu Ô, Lý vuông nghìn dặm,

"Một gai Huyền Trần của mấy mươi ?

"Lòng đờ khen ai lo việc nước,

"Mỗi son phải giống mài trên đồi ?

"Châu đi rồi lại châu về đó,

"Ngơ ngẩn trong nhau mấy đứa Hồi ! (H.C.K.)

Thêm một bài Nam ai khởi đầu bằng câu : "Nước non ngàn dặm ra đi, là cái tình chi ?" chưa biết chắc phái của công chúa đặt khi lên đường về Chiêm quốc, bỗng năm 1308, bà xuất bị lên giàn hỏa đế chết theo Mân vương, vì tục lệ Chàm, gọi *sati*, chồng làm vua rủi chết, hoàng hậu phải hỏa táng mới là trọng đạo. Nhưng ta hãy để Trần Khắc Chung, tuân lời vua Anh Tôn, rước bà về nước vô sự, việc dung chạm thầm kín giữa hai người ngoài khơi, nếu có, ta cũng không làm gì được và không tìm hiểu làm gì. Việc nên hiểu chẳng, là tháng giêng năm Canh Ngọ (1390), nếu không có tên đầy tá Hồi phản chủ

chỉ thuyền vua Chiêm và nếu phát súng Trần Khắc Chân không trúng đích, Chế Bồng Nga nếu không chết vì mũi súng ấy, thì lịch sử sẽ phải viết đoạn này lại rồi.

Cái bình vôi số 230, mua năm xưa 25 đồng, đã gợi cho tôi bao nhiêu việc cũ, vậy chớ nó chế tạo vào năm nào ? Từ Chế Mân (1306) đến Chế Bồng Nga (1390) ? Bao nhiêu ước đoán về cái nai số 426, đều đem nói lại về bình vôi số 230 này được. Từ trước, trường Viễn Đông Bác Cổ, quơ đưa cả năm, đều cho rằng đồ gốm làm tại Thanh Hóa cũng gọi đồ Đông Thành, đều là gốm Tống (poterie Song). Tuy tôi chưa đi tới chỗ, nhưng tôi mê thích và tìm hiểu nó, tôi định chắc đồ gốm ấy, không phải Song (Tống), mà *post Song* (hậu Tống) tức thuộc đời Nguyên (1280 - 1368) và do thợ di thản nhà Tống chế tạo. Khi làm ra nó, tại Thanh Hóa, những tò có cánh sen nồi và như bình vôi số 230 này, có cái quai "râu cau biển chân rồng", đều chịu ảnh hưởng nhiều của mỹ thuật Chiêm Thành. Về sau nhà Minh lấy lại độc lập rồi, các thợ ấy về Tàu, bỏ lại lò Thanh Hóa hoạt động yếu và chỉ làm được chum vại và gạch ngói tầm thường.

Tôi chấm một dấu hỏi lớn về hai cổ vật số 426 và 230 này mà tôi không biết chắc năm chế tạo. Tôi xin trao việc ấy cho các bạn nhỏ. Tôi ạn ủi lấy tôi, nhờ hai vật này mà quên bớt nỗi khổ của đời.

14.12.1971

# 15

## MỸ THUẬT ĐỒ GỐM SÉ ĐI VỀ ĐÂU ?

(Les pièces scatologiques). - Những loại gốm bình  
giống phẩn.

*Một biển thể lợ lùng của chén trà Nhụt. - (Pl. 6).*

Sau trận đại chiến khốc liệt kỳ nhì bên trời Âu, nhứt là sau hai trái bom nguyên tử thả xuống và lanh đú, bên Nhụt Bồn, cái mộng Đại Đông Á chảng những tiêu tan theo khói bom độc, mà đại nước thiêng liêng thêm bị gót giày ngoại bang chà đạp ô uế. Phận nam tử, con cháu Mặt Trời, trong lòng lấy làm căm tức, vì binh Hoa Kỳ viễn chinh cấy giống máu cõi bò vào giống máu gái Nhụt trong một thời gian. Chú khách mới, mặc dù biết điều, mặc dù tôn trọng kỷ luật, nhưng cũng không sao tránh khỏi sự dụng chạm ngoài da trong máu với dân bản xứ. Một đàng chủ, quen tánh ưa duy trì thủ cựu, bảo lòn đến câu nệ, câu chấp. Một đàng khách, vừa rời lưng bò, đít chưa hết chai, săn tánh hờ hững, bất cứ việc gì cái gì cũng lấy tiền ra mua, săn tánh bốc trời phóng tung, khiến cho khi hai người húc vào nhau, đụng nhau đến đỗ lỗ mà bụng vẫn không dè. Từ ngày Nhật hoàng làm rơi quyền "bất khả xâm phạm" chỉ một lần này, mà dân đảo Phù Tang lào đảo như đứa mồi hồn. Võ phái yếu lại càng thêm tệ : thời phong gãm rủ

là như trước, tuy vẫn biết có lời, vì con cháu thêm cao mẩy tấc, nhưng cuộc giải phóng của phụ nữ quá mau lẹ, cho nên hương thơm khuê phòng càng mau thoảng mất, trách nào bọn tu mi nam tử, con cháu của samourai, lòng anh hùng tuy hậm hực, nhưng cũng phải nuối hận chờ thời. (Cái thời ấy đã đến, Honda bán khấp bầu trời, và chuyển bại thành thắng, nước Nhật nay giàu có hơn ai, trong đám sống sót sau đệ nhị chiến tranh thế giới).

Riêng đối với phương diện mỹ thuật, Nhật khó trả lời rằng sự chung dụng kia có hại hay có lợi cho nước nhà. Cứ kéo lê ngay ra bàn, quả nghệ thuật cổ truyền có mẩn mát mội vài. Một khác, nên thắng thắn nhìn nhện, mẩy mươi năm gần đây, nếu không có bàn tay lồng ngoại bang nhúng vào, thì tự người Nhật chưa dẽ gì dứt khoát với những hủ bại bất hợp thời, còn sót lại của mẩy ngàn năm "bế quan tỏa cảng". Kết luận ngay bây giờ e không nên, phải chờ thời gian trả lời là điều kẽ nhứt. Một điều hiển nhiên ! Ăn nhện là nếu mỹ thuật Nhật có thay đổi như đã thấy vậy, ấy cũng nhờ ai ? Nhưng nhờ khôn tính mới được vậy, chờ thiểu chi dân chung dụng cũng với một thứ người ngoại bang đó, mà vẫn thấy lỗ chờ không thấy lời lóm gì ?

Nay xin lấy vài tí dụ cho dễ hiểu :

- Về môn tranh dầu, quả họa sĩ Nhật chưa phát minh được gì, vẫn chưa dứt khỏi với tật ham bắt chước, ưa nhại kiểu phương ngoài, và vẫn chưa sáng tác...

- Về ngành kiến trúc, Nhật nay có lầu chọc trời,

nhà cao mẩy từng, ngành này tiễn bộ khà quan. Trước kia, người thợ Nhựt noi theo cỗ truyền, thích dùng rơm rạ nhồi quết với đất sét để làm vách phên, và quen dùng lụa vải hoặc giấy nhúng dầu làm cánh cửa đầy qua đầy lại và vách phòng mỏng mảnh, vì nhớ rằng mình hiện sống ở trên hỏa diệm sơn không biết khạc lửa ngày nào; nhưng nay họ đã bắt cháp, chế cửa kiêng dày và sử dụng kim khí làm vách, vẫn mỏng nhưng chắc, và biết dùng ciment cốt sắt kiên cố hơn. Kiến trúc sư Nhựt, nhờ vậy, nên tha hồ chế tạo nhà cửa theo ý muốn, vừa tiện lợi hơn và vừa theo kịp các nước văn minh. Có thể nói nay người Nhựt đã nhồi được kiến trúc theo cỗ, trong vật liệu tân thời. Hiểu theo cách này, thì thấy bên trời Âu đã thoái hóa, và nghệ thuật kiến trúc Âu lui chót không tiến, vì đã đột ngột lấy xi măng cốt sắt thay cho đá hoa, đá chạm, và không biết dung hòa kiến trúc cỗ với nhà cửa tân tạo, phải dù tiện nghi nhưng mà còn phải giữ phong độ xưa như cũ. Bên Âu châu, những tác phẩm đồn đài xưa, hay và khéo vô cùng, ngày nay sót lại không bao nhiêu, và sẽ bị phá hủy tiêu mất lần. Phương pháp kiến trúc cũ đã mất, phương pháp xây cất tân thời không khéo hơn.

- Đối với nghệ thuật chế tạo đồ gốm, đồ đất nung và đồ sành, - nói đến đây, - xin cho tôi nói cho thỏa lòng, vì tôi đã quen tách méo mó "thiên vị vì chức vụ" (déformation professionnelle).

Xét kỹ lại, nghệ thuật tinh vi, siêu phàm của cỗ Trung Hoa, của thời đại Minh triều (1368 - 1644), và

Thanh triều (1644 - 1912), đường như nay đã thất truyền.

Nhắc lại khi nhà Nam Tống (1127 - 1276) mất đi, thì bên nước Cao Ly cũng như bên nước Thái Lan, hai vùng *Savankhalok* và *Sukhothai* chế tạo được đồ gốm nặng dày men nước biển *céladon*. Đồ *céladon* hai vùng Thái Lan này, tương đương khéo không kém đồ *céladon* *An Nam* vùng Thanh Hóa (Đông Thanh) cũng xuất hiện đồng một thời đại ấy. Sau này, nhơn mở đường thiết lộ xuyên Đông Dương (chemin dc fer Trans Indochinois), trường Viễn Đông Bác Cổ đã tìm được rất nhiều đồ *céladon* trong các ngôi mộ cổ Tàu, chôn đáy từ đời Đường, Tống, có khi xưa đến đời Tây Hán và Đông Hán.

Nhưng vì có nào, khi nhà Nguyên (Mông Cổ) (1279 - 1368), bị nhà Minh đánh đuổi ra khỏi lãnh thổ đất Trung Hoa (1368), thì không cùng một lúc, cả Thái Lan và An Nam đều quên mất nghệ thuật bí truyền chế tạo đồ gốm *céladon* ?

Bấy lâu các học giả trường Bác cổ vẫn định ninh rằng đồ *céladon* *Thanh Hóa* có từ đời Song (Tống) (960 - 1276), vì màu sắc, men nặng, kiểu thức rất giống nhau. Riêng tôi, tôi lại định các vật này, tuy cũng một tay thợ làm, nhưng chỉ có từ đời Nguyên (1279 - 1368), tức khoảng gần một trăm năm sau, vì lẽ khi nhà Nguyên lấy nước Trung Hoa, thì một mớ nghệ sĩ ái quốc Tàu đã bỏ nước láng nạn, kể thì qua Thái Lan, hay Cao Ly, người thì An Nam, và tiếp tục làm đồ *céladon*, noi theo nghệ thuật cũ, - y như lúc còn ở bên Tàu, - đến khi Minh Thái Tổ thống nhất giang san (1368) độc lập trở lại, người Nguyên bị đuổi về Mông Cổ thì con cháu các nghệ sĩ

Tống xưa, đều rút về cố quốc họ là Trung Hoa, khiến Thái Lan và An Nam, nuôi họ lúc thời loạn, đến thời bình họ về nước họ, và sẵn người Tàu có tánh giấu nghề, nên họ đi rìa, người dân bản xứ, Xiêm cũng như Việt, chỉ biết chế tạo đồ tầm thường, lú mài chum vò, còn mỹ thuật cao làm đồ céladon, đã thất truyền, thật là đáng tiếc. Một lý do khác, hoặc là dầu họ có dạy nghề, mà ta không có vật liệu hảo hạng, thì biết nghề mà cũng không chế tạo được và cũng như không, cũng huân y như cũ.

Duy nước Triệu Tiên, nhờ địa thế sống chung một cuộc đất ăn liền với Trung Hoa, nên còn duy trì được tổ nghiệp đồ gốm. Người thợ Tàu truyền nghề cho thợ Cao Ly, kế thợ Nhựt thụ giáo với thợ Cao Ly, thành thử ngày nay hai nước này đều nổi dổi được nghệ thuật bí truyền đời Tống, để trở nên các tay xảo thủ, chế tạo được céladon, chỉ thua dù gốm chánh Tống, chớ vẫn hơn các nước khác, luôn cả Trung Cộng, vì mấy ông này quá ý y, đuổi hết thợ đời Thanh, triệt để cách mạng khiến nên mất nghề qui hóa. Trong khi ấy, nước Nhựt đời đời tôn sùng nghệ thuật, chế tạo đồ gốm theo Tống, đúc gốm theo đời Chiết quốc, sơn mài theo Minh, và trau giồi nghệ thuật mài mài không để thất truyền. Chính Phật giáo cũng từ Trung Nguyên truyền qua Cao Ly rồi mới sang Nhựt Bản, nhưng ngày nay chùa chiền ở Nhựt lại được bảo tồn hơn đâu cả.

Từ đầu thế kỷ XVI, trên lãnh thổ Nhựt, đạo pháp uống trà (Trà đạo) bắt đầu phổ biến mạnh. Nghề chế tạo từ khí dụng cụ để pha trà (chén, đĩa, bình tích)

cũng tiến theo một dà. Nhưng dòng Samourai, tức phái tộc võ sĩ Nhựt, vẫn chưa bò tánh dữ tợn, quen chặt đầu phân thây kè thù không gõm tay. Cũng may, là lần hồi nhở ành hưởng Phật giáo, rồi họ cũng dịu bớt tánh hung và thuần nết lần. Người Samourai có tánh thích deo gươm, và cây kiếm đối với họ là vật bất ly thân, nửa bước không lìa. Phần đông, họ giữ đạo Thiền (Zen). Từ ngày theo thuyết Trà đạo ban đầu họ tập rời cây kiếm, để đứng chiêm bái trước Phật đài. Kế lại, họ chịu buông kiếm để ngồi nghe thuyết pháp. Rồi càng nghiêm sâu đạo Thiền, càng bén mùi đạo lý thiền nghiêm của Tạo hóa, người võ sĩ Nhựt bắt chước theo gương Trung Hoa, cũng săm soi gốc tùng và khóm trúc, lập viễn đại tự, và học phép vẽ tranh.

Nguyên tắc Thiền môn dạy chuộng hai chữ "*thanh khiết*" và các trà phỏng, trà thất phải chưng dọn trong khuôn khổ "*thoát ly trần tục*". Vì thế cho đến nay, người Nhựt, khi dọn bày một phòng trà, vẫn chuộng đơn sơ, tránh rườm rà, thích một cảnh thôn dã hơn cảnh phòn hoa, phiền toái. Trong mắt người Nhựt, một miếng gỗ tăm thường nhưng gân nỗi có vân hông, vẫn quý hóa hơn khúc gỗ mắc tiền sơn son thếp vàng. Một cây trúc "*hóa-long*" mội gốc mai "*biển hồ*", đối với Nhựt ắt có ẩn tàng bí mật, chứa chút gì của vũ trụ vô biên, không nửa thì cũng lạ mắt, muôn nhìn hơn những vật cao giá nhưng nhơn tạo, và chưa chắc là tinh khiết, tự nhiên bằng. Phòng trà luôn luôn phải giữ cho được đơn sơ thanh nhã, lựa mội miếng gỗ đặc biệt đủ tượng trưng tinh thần cao khiết của chủ gia, họa hoằn lấm mờ

khung kèm thêm một gốc cổ tùng thập kỷ niên (xập kỷ nin, nói theo Quảng Đông) hay một bức tranh Tống đại thật cổ kính. Được một cổ vật hiếm có, đặt món ấy đúng vào chỗ của nó, người Nhật còn mừng hơn được một số tiền lớn, quả là "*ngàn vàng không đếm*". Điều tối kỵ nhất là vật trang phẩm nhiều tiền. Người Samourai đầu chiếm địa vị cao sang đến bực nào, cũng đặt tôn chỉ của mình trong ba chữ : "*thanh*", "*tịnh*", "*khiết*". Bình sanh họ lấy đạm bạc thay cho xa hoa, lấy thiên nhiên làm trọng, và càng mộc mạc, thô sơ, giản dị, săn dã, lại càng hay. Các bực cao tăng trong Thiền đạo thêm gia công khuyến dỗ, dạy cho các thợ khéo biết chế tạo chén bát để dùng trà, không cần bằng sành bằng sứ mắc tiền, mà bằng đất nung, đồ gốm, mội lê vì tiết kiệm, mội lê khác là chuộng tinh khiết, tìm cái gì thoát ly trần tục trong "*hoa biến*", ít ra đó là "*vật do lừa đò tạo thành*". Dưới mái các nhà chơn tu cao khiết tao nhã ấy, chưa chắc gì bc vàng chén ngọc là quý, chỉ mắc tiền thì có, chứ chưa chắc tinh khiết bằng đồ đất nung trong lừa lò, và đồ đất nung kia, khiêm nhượng như vậy mới đáng làm vật tượng trưng cho cái khô hạnh của nhà chơn tu, vì người tu hành đắc đạo, có khác gì một cái chén trà dùng lâu đời mà giữ được còn nguyên, chén càng lạc tinh (usé, patiné), càng như ẩn tàng một đạo đức nhiệm mầu, kết quả của mội đời tu hành khổ luyện. Nhà tu hành, có thể ví như mội chén trà thô kệch nhung thanh cao : hình dáng xù xì bè ngoài mà bên trong không giữ mội chất gì đục, từ cục đất biến ra rồi về với đất, không như chén sứ, sạch lấm mà nhiều

khi cũng chưa nhiều thử tanh hôi lấm, và nhờ lớp da trơn mà không ai biếng bẽ trong. Người tu sĩ từ thử dân đào tạo, giữ được một lòng trong sạch, không nói ra, chờ bực vương hầu tham nhũng đâu sánh bằng ? Sen trong bùn, ví với hương trong bằng phân chuồng, hai thử vẫn khác !

Đất nung biến sắc, nhờ lửa lò un đúc, như nhả tu luyện chí công, không để tâm vướng bụi trần. Tự cổ chí kim, nghiêm ra bất cứ thứ gì vào lửa cũng tiêu nát ra tro, duy có đất sét, vào lửa biến hóa, có khi trở nên "ngọc", và có thể nói từ mấy ngàn năm chế tạo, không món nào giống y món nào, và kể về đồ đất nung, thật không có một cái chén thứ hai giống y hay trùng bản với một chén đã làm từ trước : chén hình thù càng quái dị, càng được xem có như vậy mới đáng gọi là "tứ công phu".

Đạo Zen của Nhật Bản có chịu nhiều ảnh hưởng của học thuyết Lão Trang, pha thêm thần giáo sẵn có của người Nhật, tự xưng là con của Mặt Trời. Zen thọ lãnh bao nhiêu màu nhiệm bí ẩn của các vị cao tăng, và của các bậc di thần, ẩn sĩ triều Nam Tống. Mông Cổ, sau gọi Nguyên, dấy binh chiếm đoạt miền Bắc Trung Hoa, nhí để mông tròn, bao nhiêu tinh hoa nước Tống đều dồn xuống miền Nam. Triều Nam Tống thành lập và kéo dài thêm từ năm 1127 đến năm 1279. Tuy binh tàn lực yếu, nhưng họ thu hình giấu vúc, dồn ép tinh thần học thuật vào chung trà an ủi. Càng về lâu, họ càng say mòn đạo lý của chén "trà đạo vô ưu".

Sĩ phu đời ấy, người nào cao khiết thì tinh tu chuồng

mỗ kệ kinh. Người nào nhều cầm khai thì trở nên khoáng đạt, lấy rượu chôn sâu. Người nào sắn tâm hồn nghệ sĩ thì giết thì giờ bằng vẽ tranh, làm thơ, viết liễn đối, luyện viết đại tự. Rồi trong nước, phát sanh một tục xét ra rất có hại về sau, ấy là tội *thanh đàm*. *Thanh đàm*, nghĩa là chỉ bàn cái lý hão, cái lý khô, mà không thiết đến sự thực. Từ ông cựu văn quan trong triều, đến ông võ quan ngoài trấn, cho đến các người ẩn dật cư sĩ, rút sâu trong rừng thẳm, cũng thường tụ hội gặp nhau, thanh đàm. Khi thi hội ẩn ở rừng trúc, khi thi vịnh phú ở lan đình, khi thường nguyệt khi ngâm cúc, có khi lại đề huề có ca nhí mỵ tưu, trốn vào rừng thường thức ti trúc cầm ca. Lúc nào cũng bàn đến sự cao siêu thoát tục, khoáng đạt xuất trần, nhất thiết biết mình là thanh, bao nhiêu người khác, đều rằng không tục, cũng đều ôtrực. Quốc gia chính sự đặc thất thế nào, quân Nguyên đã đến gần hay còn ở xa, con cái chưn quân chưn lính có còn sống hay đã chết rồi, nhất thiết gác để ngoài tai, không cần biết tới. Nếu cứ đà ấy mà sống, thì tiền đồ quốc vận còn gì ?

Nhưng những bức tranh bi quan kể trên, chỉ dùng để tả mạnh mức phát nguyên nghệ thuật uống trà để quên lãng sự đời của người Nam Tống, nhất là của người Hán từ miền Nam, nơi sản xuất danh trà và nơi chế tạo chén để uống trà "*Thố hào trán*" đời Đại Tống (*tasses poil de lièvre des Song*). Riêng nghề đồ gốm, người Trung Hoa đã dạy người Triều Tiên và người Nhật Bản, nên chuộng những chén xáu xí từ trong lò biến ra như vậy và Pháp gọi "*tasses accident de four*". Họ xem chén ấy không khác tượng trưng những người chiến bại như họ, những người

nước mắt nhà tan, bạn di thần nhà Tống, từ Bắc di cư vào Nam và biết bao giờ trở lại quê hương cũ. Chén có da nồi săn săn vì lửa lò quá độ cao, làm cho men chảy, men "khóc", và những giọt lụy đóng dưới chân chén ấy (gouttes, traces de larmes) làm cho chén nồi nồng nỗi u, nỗi cục nỗi bướu, đã không bị vứt bỏ lại thêm được tảng tiu, vì trong mắt họ đó là bạn cùng chung một cảnh ngộ : cảnh ngộ của kẻ chiến bại, thua quân Nguyên, không khác chén kia thua sút nồng hồn lửa lò !

Người đi tu không cần về diện mạo. Hình dung tốt xấu không đáng kể, đáng kể không là đạo đức nội tâm. Như bạn di thần Mạt Tống, còn gì nữa mà khóc sang khóc quí ? Luyện chí cho cao, luyện tâm cho sạch, thì đạo càng tinh vi, chánh quả mau đạt, thành công có ngày. Tinh thần ấy, quan niệm ấy, có lẽ cũng do kết quả một phần nào của sự lập dị của phái chiến bại yếm thế.

Càng truyền làn xuồng đời sau, ý nghĩa chiến bại phai bớt lờ, nhưng trái lại thói lập dị càng tăng : Trung Hoa, Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam, đồng học theo một thuật, theo tôi, một phần nào cũng vì tánh tự ti mặc cảm nhิểm từ nhiều đời.

Ngày nay người sưu tập Á Đông đua nhau tìm kiếm và sưu tầm :

- Đồ đất nung có lưu dấu chì tay của người thợ nặn ra món đồ;

- Cỗ vật đời trước, Đường hay Tống, tuy kịch cạm, men dày chảy không đồng đều, nhieu nhao, vẩy vá, tuy

vậy mà ưa thích, vì cho là cổ quái; nếu men chảy có giọt, nhiều khi ứ đọng dính khăn, đóng đùn cục dưới chân dưới đáy (gouttes de larme), thì lại càng thêm vẻ kỳ quan;

- Món đồ bị lửa táp lèm luốc, có khi từ màu hồng đợt biến ra màu hường mét (rose pâle), hoặc từ hồng sậm trổ ra đủ thứ màu (ngũ sắc) như đồ tam thái, ngũ thái, v.v...,

- Hoặc đồ vật có dấu vết vỏ sò vỏ ốc dính khăn bên hồng, lấy đó nghiệm ra cổ nhân đã biết để chung vỏ sò vỏ ốc chung với các món đồ còn sống vào lò, một là cho các món đồ hầm, khi nào men chảy, sẽ không dính chùm nhau lại; hai là đã biết và kinh nghiệm khi sò ốc hóa ra vôi trắng là lúc ấy hóa độ trong lò đã đúng sức, như vậy chừng đó không nên chum cùi nữa và ngưng đốt lò là vừa. Biết vậy rồi, thì đồ nào có vỏ sò vỏ ốc in dấu lại trên men, là cổ lầm; bởi vậy cho nên ngày nay các nhà khảo cổ cũng nương theo các dấu vết ấy mà định tuổi, hoặc độ chừng thời đại chế tạo của các cổ vật còn lại.

\*

Từ trước đến nay, bên Âu châu vẫn khinh thường nghề làm đồ gốm. Dưới mắt họ, ấy chẳng qua là một thứ mỹ thuật ti tiểu, nhỏ mọn, thuộc hạng thứ (*art mineur*).

Trái lại bên Á Đông, nhất là bên Nhựt, có nhiều môn phái rất trọng nghề chế tạo đồ gốm, cho rằng đó là một

môn kỳ bí, có thể giúp con người thoát ly trần tục bằng tư tưởng, một phương pháp để tìm hiểu bí ẩn của vũ trụ, một nghệ thuật không kém thuật vẽ tranh hay viết đại tự. Người thợ nào đã chế tạo được tý như một chén trà, hay một món đồ gốm kỳ dị, không giống của một ai, người ấy sẽ tự hào "đã đúc đao thành công", và trong nghề nghiệp, nay mình "đã đi đến nơi đến chốn".

Thợ đồ gốm Nhựt, cũng như thợ Triều Tiên, vẫn giữ tục tốt "phụ truyền tử kế" người một nghề thường ở chung xóm, hiệp lại thành phường và luôn luôn không bỏ nghề, nghèo thì chịu, không dời chỗ ở, nhứt là không bao giờ chạy theo nghề khác, cũng không cạnh tranh với người đồng nghiệp.

Họ sản xuất theo phương pháp "bất vị nghệ thuật", không vì món hàng bán chạy mà tăng giá hoặc làm cao, dốc lòng sản xuất để cung phụng nhơn quần xã hội theo phạm vi và khả năng của mình, mai sau món đồ được lưu truyền qua đời khác, là đã mãn nguyện. Thườn trước người nghệ sĩ cũng như công nhân đai nhau "dù hè nhất thế", ngang hàng nhau, không phân giai cấp, và lại luật cung cầu không đòn áp nặng nề như hiện nay. Khác hơn trước, ngày nay nghệ thuật làm đồ gốm đã xuông dốc, các lò chuyên môn khắp hoàn cầu, luôn cả ở Nhựt, muốn cho đủ sống, phải xoay qua nghề hạ cấp, như làm chai đựng rượu, chai dày đựng nước cường toan, làm ống khói thông hơi nhà bếp, thậm chí làm đèn ống dẫn nước dơ cầu xí..., hoặc làm cục đĩa dây điện cao độ, v.v... Nếu còn tiếp tục giữ nghề cao đẹp, chế tạo ấm lịch chén trà thì cũng làm

đủ cung cấp người khách đặt hàng, muốn sản xuất cho mau, cho được số muôn số ngàn cho kịp sự đòi hỏi và chiều theo ý muốn của khách tha phương, không cần thiết đến sự khéo léo và không trau giồi nghệ thuật, tháo nào nghè chẳng suy vi đến độ sấp tàn.

Người thợ gốm Nhựt ngày nay đã mất lòng tự tin, không còn xem mình là nghệ sĩ thuần túy và đã đặt mình vào hàng khổ lụy (coolie), làm thuê làm mướn ăn tiền - khách mua là người xứ lạ, nên thợ chỉ muốn tiền mà quên bản lĩnh quốc phong.

Trừ những người làm nghệ thuật vì nghệ thuật, còn giữ cổ phong, một số lớn lại ham bắt chước kiểu mẫu nước ngoài, làm món đồ nhái theo hình có trong sách mẫu rao hàng, và vì vậy từ người thợ xảo thủ, nay đã mất "hoa tay", quen nhái kiểu của người mà quên mất tài nghệ của ông cha để lại. Đã vậy, thời đại này lại chuộng máy móc, ham món đồ rẻ tiền không kể gì mỹ thuật, làm chén dĩa bằng giấy ép, bằng mủ keo, cho nên nghệ thuật thủ công chế tạo càng lu mờ suy kém.



Giữa lúc người Nhựt bình dân mới nổi cũ, thì người trí thức thức thời nóng lòng đua nhau tìm cách cứu vớt nghệ thuật đồ gốm cổ thời. Các nhà sưu tập hữu tâm hữu sản, không nệ tốn hao, thi nhau đồ xô và đua nhau tìm kiếm mua lại những chén trà cổ các đời trước :

1) Chén Tống được quý chuộng nhất, nhưng làm gì có, vì đồ giả tạo quá nhiều;

2) Chén trà cổ Triều Tiên, hình thù tuy kệch cợm, nhưng người Nhựt mua với giá cao vì chén hạp thời trang lúc này và đúng với ý thức sở thích;

3) Chén trà Nhựt, của thế kỷ XVI, XVII, nếu cái nào còn sót lại, thì quý hơn vàng.

Câu chuyện, nếu chỉ có bấy nhiêu thì tôi chỉ tội viết cho chương mục quý độc giả ? Tập san Pháp văn "Revue FRANCE - ASIE" (Pháp Á tạp san), số 170 xuất bản tại Đông kinh tháng 11/12 năm 1961, trang 2632 - 2639, có ghi một bài khảo cứu lạ. Tác giả là Ông Pierre Rambach, có kể lại tiểu sử một nghệ sĩ Nhựt thật điển hình, tôi nay xin tóm tắt lại để rút một bài học hay :

Ông Kamiguchi xuất thân là chủ một hiệu may y phục lớn bực nhứt nhì tại Đông Kinh. Dương làm ăn xán xẩm và đương phát tài. Kamiguchi bỗng sinh tật chán đời, tự nghiệm rằng : "Đầu tài nghề hay giỏi đến bực nào, đầu cát may được bộ y phục khéo nhứt và vừa vặn nhứt, thì bộ y phục ấy, dùng được vài ba mùa thì cũng phải vứt đi, thay thế bằng bộ khác; không như đồ gốm, nếu mình chế tạo được món nào thì để dùng đời đời, càng giữ được lâu năm lại càng trở nên quý báu". Vì nghĩ vậy, nên từ đó, Kamiguchi tuy vẫn tiếp tục cát may, không bỏ nghề làm ra tiền ấy, nhưng mỗi tuần lě, anh dành riêng bốn ngày nghỉ xả hơi để tự tay mình vui việc lấy đất sét nhồi nặn làm ra từ cái chén nhỏ, phơi khô và đặt chén vào lò

hàm một mình ên, tự anh ta chế tạo được những dụng cụ để uống trà theo sở thích : từ chén uống trà đến chén uống sake. Một điều lạ là Kamiguchi sản xuất thật nhiều nhưng không bán ra món nào, làm được bao nhiêu thì bày biện trong nhà để chơi, ai nài giá nào cũng không bán. Chất là liệt trong nhà, thết rồi chất tới ngoài sân, và chất bít cả lối đi. Một đôi khi, gặp bạn nào tỏ ý thích, thì Kamiguchi tặng riêng vài món, chớ không bán lấy xu nhỏ xu lớn nào. Có ai hỏi, thì Kamiguchi lý luận : "Nếu bán ra, sẽ đổi tính. Ham bán được tiền nhiều, sẽ gặp cái nạn mất tự chủ và phải chiều ý người mua. Chiều theo mãi rồi còn tự do đâu làm theo sở thích của riêng mình ? Tôi chế tạo đồ gỗ, Kamiguchi nói tiếp, là tôi làm tôi chơi, không khác một nhạc sĩ đạo một bản đờn, hoặc anh khách đi đường huýt gió khi cao hứng. Nhữ vây mới thật là tiếng nói của tâm hồn".

Bình sanh Kamiguchi không thích có khách đến nhà. Những người dị tính như vậy, gàn như vậy, đều thích sự yên tĩnh, không muốn ai đến khuấy rầy. Kamiguchi thầm trách những ai kia đã làm cho nước Nhật tan tành, mất vẻ thiên nhiên, nhưng lúc ấy ai kia mạnh mẽ, làm sao Kamiguchi thốt ra lời mà ai kia nghe cho. Kamiguchi trở lại trách bọn tân thời ỷ tiền ham cất nhà chồng chất từng này lên từng kia, cao ngất trời, xem xốn mắt, ngó mỏi cổ, nhứt là các nhà máy ký nghệ, điện chạy rầm rầm, những lâu đài cao chọc trời ấy, che khuất cảnh thiên nhiên chùa cổ nhà xưa, làm mất hết vẻ đẹp săn có và còn gì là danh lam thắng tích ? Trong nước càng ngày càng tiến, càng thêm /nhiều máy móc, những hạng người đa

sầu đa cảm, có tánh câu nệ và thủ cựu như Kamiguchi, lại càng như qui rùa gấp gió bão, càng nén lòng không cởi mở.

Mỗi khi anh ta nung được một chén có nhiều u nồng thì lấy làm đặc chí, tự ví chén nọ có phần giống mình, cũng ghê theo mụn nốt, hế già thì da trổ đồi mồi, và chén cũng có tàn nhang không khác !

Một hôm anh ta nung được một cái chén, lủng một lỗ bên hông, thay vì vứt đi, anh ta kê mắt nheo theo lỗ, để nhìn trời, lại khen : "Chén này tôi tạc giống bầu trời, gầm lại cũng "bé tí too" mà cư thường rằng lớn !

Kamiguchi từng tuyên bố : "Chén tròn vo, chén đều đặn, thì bất cứ đàn bà trè con nào, hế chăm chỉ đều nắn được cả. Có khó khiết gì, miễn đặt cục đất cho ngay ngắn trên bàn quây, đạp cho đều chân, kèm mấy ngón tay cho ngay, thì muốn có chén tròn được như chơi, phải đâu là nghệ thuật ? Đang này, làm được một cái chén méo mó, có véc tự nhiên thiêng tạo, đó là "chén méo mó có nghệ thuật", như vậy mới là khó lăm cho chớ ! Làm được rồi, trong trăm ngàn cái, không giống nhau, phải là mầu nhiệm không ? Và lại vạn vật, hế vào lửa, nếu không tan ra khói ra tro, thì cũng cháy lồng như loài kim khí. Duy có đất sét, gấp lửa hòng nung đở, thì biến hóa vô cùng, không biết trước được, có khi trở nên vật hữu dụng, ngàn thu còn mãi mãi, ngó vào vui mắt đời đời.

Năm 1961, Kamiguchi tuổi ngót sáu mươi mà còn tráng kiện, xem người rất trè. Anh ta sống giữa kinh đô

Đông kinh náo nhiệt, nhưng tuy ở chốn phồn hoa đô hội, mà vẫn giữ phong độ bình thản như một sư hữu trà đạo của thế kỷ XVI, sống ung dung tự tại như người sơn nhơn sống chốn lâm tuyền. Hoa viên của Kamiguchi là cả một tiểu giang san, nói cách khác, là một bài thơ hàn súc. Lúc còn tuổi quân dịch, Kamiguchi từng theo chân đạo binh viễn chinh, quyết xây dựng Đại Đông Á. Mộng bất thành, anh trở về nước, buồn, tạo một hoa viên gợi lại phong cảnh đã thấy. Vẫn còn cảnh cổ điển : cây kiểng uốn lùn, bể cạn có hòn đá cuội kỳ dị; hòn non "giả sơn" như thiêt, có suối rào có cá lội, có hoa lạ, có lan quí, kỳ hoa dị thảo xem thật đẹp mắt, nhưng đặc biệt hơn hết là giữa hoa viên, anh dựng một lều tranh mái lợp lá, vách phên tre, hệt như tháo am của dân ở quần đảo Polynésie mà anh từng dừng chân tại đó, trước lều cũng có treo lủng lẳng một hình nộm gỗ kiêu Polynésien, anh gọi lều ấy là "trà thất tạm thời buổi bất định hiện tại". Sân hoa viên có trái đá cuội dày và trắng muốt, trong hồ sen mọc chen với hoa súng bông tía, có cá thia thia Tàu vảy vàng, lội tung tăng từ cắp, khoe vi giương cánh, xem rất nên thơ. Cảnh hồ có mấy khóm cỏ bồ bồ mọc tràn lan xen với giống lác miền nhiệt đới, che lèc đe một gõ súc nguyên cây thật lớn, thả nầm dài giữa sân y như một con sấu già phơi mình ngoài nắng. Đó là chổ của Kamiguchi tiếp khách. Anh ta bày la liệt chung quanh gõ súc, những chén của mình ché tạo, gọi để cho chén hòa mình trong vũ trụ; và có bao nhiêu cổ vật ngoại phẩm mua được từ ngoại quốc, - giá thử gấp tay người khác ái tảng tiu lộng bày tủ kính giữa nhà, đàng này Kamiguchi bò cản bừa.

nhéi tuốt dưới bụi cỏ dại, lại thả ngầm dưới hồ, mặc cho cá ria và rong bám. Các bạn hữu đều lắc đầu trước cái gàn của Kamiguchi và kết luận có lẽ vì buổi viễn chinh thấy nhiều chết chóc, lại nữa, xung khắc oán ngầm đâm quân đội mèo chiếm đóng lúc ấy tát oai tát phúc, nên tinh thần lão Kamiguchi bị dao động mạnh, và ước mong sau một thời gian để dung hòa mồi cũ và tìm hiểu lương lai, thế nào rồi nước Nhật cũng lấy lại thăng bằng và trở lại truyền thống tổ tiên; thế nào rồi con cháu xứ Mại Trời cũng phản ứng kịp thời và hồi hổ nghệ thuật cổ truyền cho kịp đà tiến hóa vô biền vô tận của thế giới. Đó là lời ước của các bạn hữu Kamiguchi mà cũng là lời ước chung của các người Nhật có tâm chí biết lo cho tiền đồ quốc gia.

Bản tính của Kamiguchi lại thi đời ưa chọc ưa giêu, ưa nói xóc đixels chờ xem phản ứng của đối phương. Và đó là một đặc tính của môn phái đạo Zen. Một hôm có một vị thương khách, cũng hàng lồng bộ, hay quốc khánh chỉ đó, đến xin Kamiguchi tiếp kiến ngay tại lò chén của chủ nhân. Đúng giờ hẹn, quả chủ nhân không mời khách vào nhà, và mùa đông giá rét, Kamiguchi lại tiếp khách tại hoa viên, mời khách an tọa trên gỗ súc xù xì. Một lúc sau, chủ nhân pha trà rồi tự tay dâng lên vị tân khách một chén nóng hổi, mùi trà phưng phức ngọt ngào. Bên hông chén, có chạm một chữ triện rất dễ thấy : "NGỌC". Vị khách không nói gì, vẫn điềm nhiên không tỏ vẻ bức tức, và vẫn hòa nhã ung dung như không có việc gì. Khi ấy Kamiguchi mới chịu thi lễ và tạ lỗi một cách cung kính, và khởi nói khách và chủ từ phút ấy, đối xử với

nhau đúng nghĩa thực Trà đạo có truyền đã dạy.

Khi tôi đọc tiểu sử của Kamiguchi trong bài Pháp văn nói trên, tôi đã đi từ đột ngột này đến kinh dị khác. Chẳng dặng đứng, tôi xin trích ra đây nguyên văn một câu : "Il s'est ...usé à exprimer sa théorie de la manière brute, en faisant des poteries en forme d'excrément". (Chàng thích tò lò lập trường về thuyết sốt sảng của mình bằng cách nắn nặn đồ gốm lấy kiểu theo cục phẩn, cục cứt, lấy những vật dơ dáy thê ấy làm mẫu, để coi theo đó mà nắn đồ đất và đồ gốm (xem hình).

Khi đọc mấy hàng này, tôi tưởng đâu mắt lòa, xem lộn chabay. Nhưng trang sách viết tiếp :

"Pour revenir aux poteries d' inspiration scatologique, il est utile de rappeler le rôle important que joue la défécation chez l'enfant en bas âge. Il veut démontrer que l'art a commencé à se dégrader au moment où les notions sanitaires sont apparues, créant une distinction entre le propre et le sale. Les artistes, par souci de plaisir, ont peu à peu réduit leurs sentiments à une expression édulcorée". (tr. 2637 bài ông Rambach nói trên).

Đại khái tôi dịch :

"Trở lại vấn đề lấy "cứt", lấy "phẩn" làm kiểu mẫu, làm hình thức cho món đồ gốm : cái chén, cái bát, cái be rượu saké, thiết tưởng cần nhớ đến vai tuồng quan trọng của sự bài tiết (di ia) của đứa trẻ sơ sinh. Chung qui người ta nghĩ ra kiểu vở đường ấy, chẳng qua chỉ muốn tỏ rằng nghệ thuật đã bắt đầu suy đồi khi vấn đề dơ sạch

hiện ra, khi con người biết phân biệt cái gì là tình khiết, cái gì là bẩn thỉu. Mảng lo chiều lòng khách, cho nên người nghệ sĩ đã để cho "giảm chua đường ngọt" già giàm, chỉ phổi cà cầm giác chọn chính của mình".

*Phản kết luận.* - Đọc hết bài văn Pháp, luận về nghệ thuật đồ gốm Nhật Bản tân thời, tôi bất ngờ đến những tích cỏ và những dật sử đã học trong truyện sách Tàu thường thấy :

- Chuyện ném phản để bắt mè đau nặng nhẹ, ghi trong cổ tích "nhiệt thập tư hiếu";

- Chuyện Việt Câu Tiên ném cùt trong "Đông chau liệt quốc";

- Chuyện trong *Tây Hán diễn nghĩa*, tích Trương Lương lượm giày tại đầu cầu cho một ông tiên, tên là Huỳnh Thạch Công : ba phen lượm dép quì dâng lè phép; - Ba phen đến chỗ hẹn, trễ đôi phút đều bị quở rầy, thế mà Trương Lương không dám hờn, và nhờ giàu lòng nhẫn nhịn nên được truyền giáo đạo mầu. Cách thử bụng học trò đến nước đó, duy trong truyện và vào đời xưa, mới có thể có được.

- Chuyện một ông tiên, già dạng ăn mày, ghè chốc cùng mình, ngày ngày lại xin cơm và mỗi lần như vậy đều ngồi trên một cái cối giã thuốc của một hiệu buôn thuốc hào chẽ sắn, không ngờ đó là một cách thử lòng nhẫn耐 của chủ nhà, sau ông tiên không trở lại nữa, và cái cối chứa máu mủ dơ dáy ấy lại có phép mầu nhiệm, giã thuốc vào đó thì nồng trừ bách bệnh;

- Còn bao nhiêu diển tích khác chung quanh việc nhớ nhớ thấy bồ ngoài, lại che đậm sự tinh khiết bồ trong : tích Lý Thiết Quai, nhảy vào hòn xác thằng cùi, nên đi cà nhót, tuy xấu xí mà phép thuật cao cường, đứng hàng đầu trong Bát tiên; chuyện đời trước thầy giáo dạy học, hay cha mẹ chồng hoặc cha mẹ vợ, thường hay ép buộc học trò, con cháu, rể dâu, phải ăn cơm thừa, cơm bỗn mửa, ăn uống trong tô chén mình đã dùng rồi, để xem cách phản ứng và tình đỗi đái của đương sự (đôi đã bị trong cảnh này rồi); sau hết, chuyện người sưu tập Á Đông thích đồ vật lạ mắt : ưa cái chén da rận, và rận cách nào (đô nhện, da rắn, trứng cá, chân muỗi,...), thích cái độc bình celadon, nặng như đá và mát như ngọc cầm thạch.

Đàn bà bất cứ nước nào, tân tiến hay thủ cựu, đều ưa thích kim cương hột xoàn.

Phần nhiều đều ưa vật gì cổ quái : con gà ba chưn, cái nanh heo đặc, cái gạc nai ưng, hoặc cục đá nhẵn nhụi bóng người (đá mắt mèo), hoặc cây trúc già nhặt mảnh hình "trúc hóa long", hay là cây tung cành cối gốc lớn giống đầu con lân "tùng biến lân". Đứng tưởng những người hiểu kỹ, ưa các vật này, đều là dân lạc hậu; ngày nay cũng có hiếm người tân tiến vẫn tin tưởng theo, và cũng mua sắm và đeo trong mình, không chỉ cũng an úi lấy mình rằng có vật quý, hộ mạng.

Chung qui chưa chắc ai tiến bộ, ai thụt lùi, chẳng qua cùng một lánh trẻ con còn sót lại, không đeo được vật đắt tiền quý báu thì đeo hình ảnh ý trung nhân.

Hãy khoan cười Kamiguchi giàn, trổ hình chén trà  
giống cục phán khô. Đưa trẻ con nhà giàu, cha mẹ cho  
mặc sang, không muốn; cho ăn sang, không thèm lại  
trả bộ áo thợ máy, ăn húp nước mắm như con chi bắp,  
và khi được cha mẹ biếu đồ chơi mưa từ Mỹ, Pháp, lại  
đem đổi với con vụ ô, cái giàn thun làm bằng nhánh  
đi, của đưa con anh tài xế, nhưng món xáu xí kỳ cục  
ấy lại có ma lực hấp dẫn hơn các con búp bê cử động  
bằng máy, biết cười biết nói và giá mắc hơn căn nhà  
của thằng dân lao động.

Tóm lại, con người thường có tánh ham chuộng cái  
gì thật mới lạ hoặc là khó hiểu. Xét cho cùng, người Á  
Đông hấp thụ nhiều đời huyền bí của thuyết Lão Trang,  
nhiều nhiều thuyết Phật rồi lại mà đạo Gia Tô, muốn  
hiểu Hồi giáo, cho nên nay khó nói giữ được rắc nòi. Chén  
có hình như cục phán khô, người Nhật bán ra với giá  
xấp mươi lần cao hơn chén tròn trịa xinh đẹp, và thi thể  
của chén *scatologique* này, có lẽ là loại *temmoku*, loại thố  
bì trán đời Tống chẳng ?

Khi ta lấy chén thố bì trán lật úp xuống, thì hình  
nó cũng lù lù như đồng kia. Và thử lấy chén trà, gọi  
cham trong sừng "tê giác", lật úp nữa thì cũng lù lù một  
đồng như kia không khác.

Vừa rồi, tôi nghe một người nói với tôi, sở dĩ  
Kamiguchi làm chén hình cục phán, là thâm ý muốn trình  
diện cho ai kia : "Đó ! Chúng bây đã làm cho nước ta nay  
trở nên như vầy !" Người ấy muốn ám chỉ sự tai hại của  
hai quả bom nguyên tử mà nước Nhật đã lãnh dù trong

trận chiến tranh vừa qua. Nhưng nay vết thương đã hàn  
gắn lại rồi, nhắc lại nữa làm chi ?

Uống trà trong chén thố bì trán, ắt do các triết gia  
đời Nam Tống truyền lại. Tự mình đi tìm khổ hạnh để  
nhớ mãi cái vạ nước mài nhà tan do quân Phiên nô miền  
bắc gieo họa. Cũng là một biến thể của sự "nằm gai ném  
mặt" của đời Đông Châu xưa kia truyền lại chớ gì ? Mè  
Nhạc Phi xâm trên lưng con, bốn chữ "Tinh Trung Bảo  
Quốc" cũng không ngoài ý xả thân giữ chữ "trung", cái  
"thù mài nước chớ quên". Nếu phẳng lần lên nữa, mỗi  
phái tu hành đều có tục ép xác, ăn uống kham khổ, cữ  
dùng những vị, những mùi kích thích mạnh, cữ nhiều  
món ngọt ngon, đậm bạc chay lòng, tập không được nhorm  
gорм, tập làm nhiều việc thiện không kể dơ dáy truyền  
nhiêm, nuôi người phế nhơn phung cùi, xông pha săn sóc  
chỗ có bịnh dữ hay lây, nơi trận tiền, cưu nhơn độ thê...  
Tôi lại biết tục người chọn tu cơ miền Ba Thắc, ban  
ngày đi cắm cây lau cây sậy trên các gò mà hoang vu chờ  
khi mặt trời sụp xuống, tư bè sương sa gió lạnh, sẽ đi  
tìm các chỗ cắm nêu làm dấu, đọc một loạt kinh, ý muốn  
giúp những con hồn uổng tử kia sưởi ấm cõi xương khô  
dưới núm mồ tối tăm lạnh lẽo. Như vậy đâu phải đi tu  
rồi ngồi xe hơi bóng rạ ngoài đồng hứng gió, rằng lại đi  
thả chim làm phước ? Khi tâm đã thành, thì chén sứ  
cũng như bát đan : uống trà trong chén xáu xí lùng lõ  
của lão già Kamiguchi, đối với họ, là một chuyện hết sức  
tầm thường. Chén hình phẳng đâu đáng ghê bằng chén sứ  
xưa từng đựng đồ dơ hàn nữa.

Nước Nhựt là một nước đầy hứa hẹn. Dân Nhựt là một dân phi thường đầy nhựa sống. Sau trận đục nhị chiến tranh, tâm hồn họ bị đảo lộn, nên họ lấy chén trà đem ra bóp dẹp rồi lại vo tròn. Tôi không đi qua viếng nước Nhựt nữa nên không biết cái mổi làm chén hình phẩn có còn tồn tại chăng ?

Nay họ đã gượng nổi và tiến rất mạnh. Tôi tưởng mỹ thuật gần kia cũng dứt, ta hãy chờ xem và không nên vội kết luận.

Nếu chén hình phẩn vẫn còn tiếp tục chế tạo, tôi xin trả lại đầu đề, với câu hỏi chán nản : "Mỹ thuật sẽ đi về đâu ?".

Nếu họ thôi làm chén hình phẩn, thì đây là một cơ hội cho các nhà sưu tập, nên tìm để bồi túc bộ môn của mình. Đừng chế nó còn mới, chưa được cổ. Há quên câu thiệu của các nhà chơi đồ xưa, thuở nay gồm trong bốn chữ : "Nhứt cổ, nhì quý".

(Đặng Lần Đầu, Bách khoa thời đại số 213  
tháng Nov. 1965, duyệt lại 15-12-1971)

# 16

## PHẦN THỰC HÀNH : MỘT CUỘC VẤN ĐÁP CHUNG QUANH VẤN ĐỀ "THƯƠNG CHƠI CÓ NGOẠN"

**T**Ư đầu đến đây, chỉ là lý thuyết và bình luận. Nay, bước qua phần thực hành. Tuy quan trọng lắm, nhưng tôi xin vẫn tắt, vì muốn để mỗi người khai thác khả năng của mình. Và xin viết theo điệu vấn đáp, vì viết lý luận đã chán rồi. Và lại, biết làm sao mà nói ? Cũng như cái ăn cái uống, xảy ra thường ngày, ai nấy đều biết làm, nhưng đến lượt cái nghĩa việc làm ấy cho rành rọt có trước có sau có ngăn có nắp, thì mới thấy nó khó làm sao !

Từ cái biết mà không nói được, đến cái không biết mà cũng ráng cái nghĩa hướng, đã tội lỗ miệng, thêm gieo lại hại cho đám thanh niên, nó tìn mình mà làm lạc theo lời nói của mình, tội ấy về ai ? Nhớ lại cái gương năm xưa, có một học giả từ trên kia xuống, chân ướt chân ráo, làm tảng, cái nghĩa trong sách dạy đám trẻ di cư, rằng : Thị Nghè, Bà Điểm, Bà Chiểu, v.v., cả thảy đều là thê

thiếp của Ông làm cái cầu gọi "Cầu Ông Lãnh" ! Nhắc lại  
bấy giờ còn rùng mình phát ớn !

1. *Vấn.* - Ông nói vậy, tôi xin đỡ lời. Ông không nói,  
sau này ai biết nữa ? Nay xin Ông cho biết, giả lý như  
tôi muốn tập chơi đồ cổ, vậy tôi nên mua sắm và sưu tập  
những món loại nào ?

*Đáp.* - Loại nào mình thích, và tùy theo túi tiền và  
sở học của mình trước đã. Mua những món bá láp, thêm  
không đủ tiền mua, thì có thú vị gì mà bắt hén tập chơi  
đồ cổ ? Tôi không nói đây là thú chơi dành cho nhà giàu,  
nhưng khi một người như em mà chập chbum vào nghề  
này, thì anh đây cho hay trước, nó còn độc địa hơn sắc  
đẹp hay ma túy. Biết và biết kèm hám lòng ham muốn,  
thì thấy vui, bằng không dần được lòng dục vọng quá  
mức, đổ nợ ra thì còn vui thích nổi gì ?

Thích sử địa thì ráng tìm các vật dính dấp với sử  
nước nhà : cái tò nòm đồi vua Tự Đức, "Mong chờ an  
sông gió, qua lại mặc người đồi", hoặc bộ chén trà Mai  
Hạc do cụ Nguyễn Du đi sứ đem về : "Nghêu ngao vui  
thú yên hà, Mai là bạn cũ Hạc là người quen". Nhưng  
đừng làm như Ông nợ, muốn lên mặt hiếu cổ, nghe lời  
tán tình, thỉnh đem về cái bồn tắm của vua Khải Định,  
hỏi nó cổ và quí ở chỗ nào ?

Nếu thích về thẩm mỹ, mỹ thuật, thì lựa một món cho  
gắt cù kiệu, tốn bao nhiêu cũng mua, và chơi một món là đủ,  
vì quí tại tình bất quí tại đa. Mua hổ lốn lũ khú, bày la liệt  
dầy nhäuser, dần bà nào dám ưng dám lấy làm chồng ?

Quên nua, đừng khoe chuyên môn sử địa bằng cách  
 sưu tập nút áo nhà bình, nút quần vũ nữ, hoặc như chàng  
 ẵng lê nọ dám tốn một số tiền kinh xù để mua cho được  
 cái nón của ông tùy viên bà hầu tước du Barry, lúc ấy  
 xảy ra cuộc Cách Mạng 1789 bên Pháp, mấy anh Cách  
 Mạng tìm những tui dòng "đờ" là dòng sang, đặng trảm  
 cái thù cắp, bà vốn chính công dòng "de" (đọc đờ), nên  
 sợ quá dắt tùy viên trốn trên gác thượng, nửa chừng bà  
 bỗng mắc tiếu, anh tùy viên phải lấy nón ni của mình  
 hưng hối sợ chảy bậy bạ xuống tầng dưới, người ta thấy  
 dấu, nguy cho hai cái đầu, cái nón ấy, chớ chi tôi làm  
 chủ thì có nước vụt lẹ lúc khỏi nạn, chàng này anh đem  
 về phơi khô cát làm vật kỷ niệm và có một anh chàng  
 diễn thứ hai, từ bên xứ sa mạc, đỗ đường qua biển Manche,  
 nài cho được đem về, để vào tủ kính quí, dưới nón đặt  
 một cái thè nhỏ, ghi hàng chữ vàng : "Kỷ niệm đặc biệt  
 cuộc cách mạng Pháp" (1) Chết những đồ các cớ ấy, đừng  
 vội chê mà lầm. Một sinh viên ra trường chưa chi đã bắt  
 tay mua nó thì không nên, và phải để dành cho mấy lão  
 già giàn hết số, còn lại những gì an ủi bằng con mắt.

Nếu thích hát bài và văn chương, thì nên mua tuồng  
 hát chữ nôm về dịch lại làm luận án thi tiến sĩ, mua mặt  
 nạ trero tuồng, mua mao áo chưng trong tủ sách.

Ôi ! hơi đâu mà nói. Câu cm hỏi : "Nên lựa chơi món

(1) BARRY (Jeanne Bécu, comtesse du favorite de Louis XV, née à  
 Vaucouleurs, guillotinée sous la Terreur (1743-1793).

(Bà là ái nữ của vua Louis XV, chống Cách mạng đến cùng, không  
 chết năm 1789, sau bị bắt và lên án, giam mấy chục đầu năm 1793).

nào", nó ròng bao là như biển cả. Bắt đầu chơi, không biết món nào mà lựa. Duy chơi được vài năm rồi, một buổi sáng bỗng con mắt dày, thấy đầy nhả. Khi ấy mới giựt mình, biết đã trở nên "cò-léc-xio-no" !

Một người collectionneur phải có bản lĩnh, và không bắt chước ai. Đừng thấy người ta có chóc, rồi a dua sắm chóc theo. Không có gì nhảm mắt bằng vào nhà nào cũng thấy chung đụn một kiệu, lư hương vợ mà thượng lên đầu tủ lạnh frigidaire. Thấy người ta chơi bộ môn ấm chén, rồi chạy mua theo ấm chén, không biết để đâu, cẩn phố hép lè, rồi dời qua dời lại trên bàn viết cho đến một ngày kia đưa con dụng nút, đánh nó cũng canh tình : đó là đèn cái vạ về nhà, lợn lén đưa nhỏ có thành kiến xán ghét đồ xưa, xin đừng trách nó. Mua sắm theo người nào là thi đua với người đó; trong Nam gọi là "mua kinh", mà kinh nhau làm chi, trong giới chơi cổ ngoạn ? Phải bỏ túc cho nhau mới phải, nhà anh sắm chén, nhà tôi sắm ấm tích, nhượng nhau mỗi người có một bộ môn đầy đủ, gặp nhau nói chuyện đè huề, phải vui chăng ? Nói gì cái, biết ông X đang nài mua cái ấm da chu nhà anh Y, không để cho ông ấy mua, lại tiêu lòn nài ni mua cao giá khiến anh Y cầm lòng không đậu đè cái ấm lại mình; đem về nhà trơ trên không dám chưng bày, sự ông X, thấy thì mich lòng, mua mà giấu thì mua làm gì, báo hại ông kia mất hứng ? Đại khái, người chơi đồ cổ phải biết nhượng bộ và chớ nên tranh đua với nhau, chỉ làm giàu cho bọn con buôn; như vậy đã vui cả làng, lại được tiếng là người biết điều.

Nếu liền ít, mà sưu tập được một bộ môn, bất cứ hũ đựng ngải hay tý yên hồ, mua lần mua hồi, vốn không là bao mà lâu ngày có một bộ môn đầy đủ hiếm có, như vậy tỏ ra mình đã hiểu sâu thuật chơi cổ ngoạn, hơn xa hai ông nhà giàu kia, từ triệu phú nay thành tỷ phú, tượng trưng bề thế mình, Ông này bằng một cắp lục bình "trồng cây chuối trong ấy cũng được", đứng cao bằng đầu, Ông kia nóng mũi chạy đi rinh về một cắp thống bằng sứ, về nhà để chuẩn hết trọn phòng khách, không còn chỗ để ghế ngồi, bốn món này nghe đâu giá đến hai ba triệu đồng chi đó mà khi tôi thấy, trời đất qui thần ơi, nó là đồ giả tạo, biết để bụng mà không dám nói thiệt, bề gì họ cũng lỡ mua rồi, mà hai lão bán cũng không làm mếch lòng mình, huống hồ mình cần giữ thân thiện, vì chưa chán và còn mua sắm nữa chứ ! Để họ giòn liền trôi kệ, họ khoe của nó rồi, mới sót lại cho bọn bực trung như mình mua với cho vui. Không phải vì thế mà những đồ cổ lớn vóc, không nên mua. Trái lại, nếu trong nhà đủ sức và khi sắm xong vài bộ môn để luyện mắt luyện kinh nghiệm, nếu có vốn, cũng nên mua những vật để độ để dành, có nó trong nhà ra vô cũng mắt tay mắt mắt, thêm được như đồng liền bô ống, khi nào gặp dịp, thì sướng hơn giấu giấy bạc để cho mỗi một nó khoét và làm ổ, kêu trồi. Gởi bạc vào ngân khố để mỗi mòn trong đợi tiền lời đến già con người, sao bằng mua một cái lợn sứ cho thật to, với hy vọng "của người ta bể hết, của mình còn" !

2) Vấn - Thưa, nếu gặp những món ta không thích mấy, nên mua chăng ?

*Đáp* - Mua chử; biết gì là thích và không thích. Lúc còn bú sữa mẹ, đã ưa hơi người chưa ? Tại sao lớn lên, chạy theo kê sát mũi ? Cái gì chưa thích bây giờ, ngày sau trọng tuổi rồi, sẽ thích. Có người ra vò Huế như ăn cơm bữa, mà không để ý thứ gì. Sau hết dịp đi, lại tiếc. Tỷ dụ em ra Huế, thấy ông bình vôi xưa, em nói trong bụng mua làm gì, để mua đem về tặng biếu và nhai chơi sướng miệng "Bao nhiêu tiền ia ra cùi", vậy sao không mua bò đó, nó không ích bây giờ, mà biết đâu chừng ngày nào đau đư ruột, ông bác sĩ chưa mạnh, dâng tiền ông mắng, mà hiến ông cái bình vôi có quai, ông cười.

Cho nên với bao nhiêu tuổi đâu, tôi dám khuyên : một khi đã lật về đồ cổ, và có dư tiền, thay vì bỏ vào con heo đất mà đi đâu cũng sợ chúng ở nhà ẩm mốc, vậy thì cứ mua đồ cổ khi gặp với giá rẻ, đem về không biết chơi thì để đó : hoặc đổi chác với người bạn có đồ mình không dám hỏi : ống sáo đủ âm thanh, nếu mình là người thích chơi ống sáo, hay quyền Kiều xưa, nếu mình là bạn văn chương có tánh ham thích sách lạ. Ở Huế hiện nay có thiếu gì đồ sưu tập bị bỏ bê, mình thấy muốn muốn chết, mà ông chủ nhà lấy tròng ớt tròng hành gói rằng cho có ăn trong mùa nước lụt. Nếu em ra được đất thần kinh, anh chỉ cho mà cưu vớt (nhưng đủ tiền không cái đâ ?) :

a) Đồng hồ trái quít đủ kiểu, cái có nắp đậy lại, cái hiệu Longine mà bán có hai trăm bạc, đem về sửa chạy vo vo, thêm thằng đèo Honda không khi nào thèm. Một nhà nọ anh rất quen, ở trên đường Võ Tánh (Huế), trước

kia gọi đường Minh Mạng khi anh còn ra vô dạy học, anh thấy có một đồng hồ cao cỡ năm tấc, toàn bằng đồng đỏ, nặng đến mươi tám kí lô, ông chủ nhà nguyên là thợ sửa đồng hồ cho đức Khải Định, để lại anh và anh đem về nhà, mượn thợ khéo sửa chạy rất đúng giờ, thám một nỗi khi lên dây thiều xong, mấy ngày đầu nó gõ liên thoảng như mồi lình lương về, đến mấy ngày sau gần cuối tuần, nó gõ uể oải mỏi mệt như người công chức tiền lương cạn thêm thua bời, có chỗ nó rè rè rột rột rồi ngưng làm anh chờ gần mất thở, mà nào biết giờ thứ mấy. Anh ra Huế than phiền với chủ cũ, ông nói đó là cái đồng hồ "cartel Louis XV" của hoàng đế Pháp Louis Philippe 1er tặng đức Minh Mạng, nó vậy đó, như không thích thì xách ra trả lại ông ! Trời ! Mười tám kí lô, làm sao xách, khi biết lịch sử của cái đồng hồ "công chức già" này. Sau đó, một giáo sư Pháp nói nếu đúng cartel Louis XV, thì đem qua Pháp kiểm cả trăm ngàn như chổi, nhưng thuỷ đoàn cũng lấy lại hết. Chủ nhân nói đức Khải Định rất thạo về đồng hồ, như đế Louis XVI là chuyên môn về ống khóa và tủ sắt giấu kín trong tường đá. Từ ngày đó anh có thiện cảm với ông hoàng đế biết sửa đồng hồ này.

b) Ai muốn chơi tiền điều cũ, cứ ra mà hốt. Nhưng phải coi chừng, có một nhà biết đúc tiền giả, lại có một chỗ còn giữ được khuôn tiền "Thiệu Trị thông bưu", với tiền này tôi không biết nên gọi tiền giả hay tiền thiệt, vì đúc năm nay (1971) mà khuôn là khuôn chính thức đời Thiệu Trị (1841-1847). Hay là nên gọi "tiền Thiệu Trị Thiệt mà Giả", hoặc là "tiền Thiệu Trị giả mà thiệt ?".

Và nếu khéo được thông cảm, thì thiếu gì vật sưu tập nhỏ nhò đáng gộp lại lộng kiếng làm khuôn tròn vách : thè bài ngà, kim tiền, ngân tiền, đồng tiền, mè day, bội tinh, tiền bùa của thầy pháp ngồi nghinh, tiền kẽm Gia Long, Minh Mạng, (tiền kẽm nào bể đâm ra hột ngầm vào nước làm thuốc đau mắt thẫn tình.)...

c) Bàn ghế sơn son thếp vàng hoặc bằng cây danh mộc (trắc, cẩm lai, gụ...), tráp hưu (lực là cái hộp bằng gỗ quý chạm để đựng áo chàu), hộp đựng mao quan, hốt ngà, kiếm vỏ cẩn xà cừ, tủ thờ rất khéo, gỗ chạm (liễn đối, biển son) nhưng món nào cũng xục xịch, đẽm vè phải hàn gắn lại, nhưng còn hơn mấy lần bàn ghế mõ đẽt, và tuy thâm niền nhưng đánh sáp lại thì bóng nhơng và quý vô cùng, vì là vật cổ, ít khi nào lên lối Thiệu Trị, nhưng nhiều món đồng thời với các tiền triều Tự Đức, Đồng Khánh, Thành Thái, đều là vật kỷ niệm một thời đại ăn chắc mặc dày và làm ra món đồ nào là quyết để trăm năm chớ không như bây giờ, đã mặc tiền mà dờ çi, mặc mưa cũng hư, mà để ly rượu không có dĩa lót thì lớp vèc ni trôi đi, có quăng như mạt hoa khôi vừa thức giấc.

d) Ngoài ấy, còn có thể sưu tầm được bắc cắc cũ, xu đồng thời Pháp thuộc, lục lắc ngựa, lục lắc kín cho voi tượng, và đồ gốm dày hơn, thiếu gì đồ gat tàn thuốc bằng pha lê chạm, hoặc vỏ hộp quẹt cây với đủ thứ nhãn hiệu quốc tế, vì người biết sưu tập, ngoài ấy không thiếu; đồ kỷ vật của cựu hoàng Bảo Đại cũng còn nhiều ;

c) Nhưng các món ấy đâu có hấp dẫn bằng đồ sứ, dĩa

trà, chén lè bô, hiệu đề chữ "Nhựt" hay đề niên hiệu âm lịch mấy năm đi sứ sang Tàu : Giáp Tý (1804), (năm Gia Long tho phong). Tân Sửu (1841) (Thiệu Trị nguyên niên), nhưng anh chưa nói bấy giờ, em muôn hiểu hãy chờ xem tập 7 "Khảo về đồ sứ men lam Huế".

3) *Vấn. - Những món đồ sứ cổ ông nói đó, nên mua ở đâu, xin ở đâu, hoặc lượm ở đâu ?*

*Đáp. - Sao nóng tánh quá vậy ?* Đã dặn chờ mà còn hỏi. Tôi cũng không hiểu :

- Đầu có mà lượm ! Mấy chục năm về trước, dù đoán còn thịnh hành, không ai dám để vật cổ không dùng nữa trong nhà, thì họa may có thể gấp dưới gốc da gốc cổ thụ nhiều ông bình vôi có quai nhưng nứt mè chút ít, hú đựng ngải, hoặc cà ràng ông Táo gãy đầu hay tết hông, (sau chùa Diệu Đế còn mớ nhấm); nhưng từ ngày có các nhà sưu tập gia đi ngang qua, và bọn trẻ chăn trâu quá quắt, thì các vật ấy, mặc dầu hư bể, cũng bị tháo lượm đem về làm sưu tập phẩm không tốn tiền mua;

- *Nay em nói xin ở đâu ?* Theo anh, xin là hèn, và cũng cực lầm mới dùng chước này. Nhưng phải biết "xin" những gì mình không thể mua được. Theo tục lệ ông bà, "bánh sáp đi bánh qui lại", cho nên xin có nhiều khi còn tốn kém hơn mua mắc trong tiệm. Túng ngặt lầm, thì phải "xin" rồi thọ ơn người mà không biết đến bao giờ trả đặng. Theo anh, điều chác với nhau là lưỡng tiện. Và lại thanh nhã nữa. Nhưng cũng có hạng người không biết mắc cỡ là gì, chuyên môn xin xỏ không ngại miện, và

nhiều khi người đó có nhiều món lạ hơn những người đê cao lòng tự ái, không xin ai cà, ý y vào đồng tiền mình có sẵn, không cần mua cũng có người đem đến ép nài tận nhà. Nhưng xem xét kỹ lại coi : Ông vua, con mái đầy cung, mà còn mơ ước lén ra ngoài phố cho đến vướng bịnh kín như ông vua Đồng Trị. Nghè chơi đồ xưa, phải đì lục lạo mới là thú vị, chớ đem tối nhà có khi phát ngán, đúng như câu "xôi chợ ngon hơn cơm nếp nhà" !

Gãm lại con người, không ai lấy thước đo lòng. Mình kiêm đồ xưa muốn chết, sẩm đê đầy nhà, mà mình xuất thân chỉ là con một người thợ bạc. Ông Bảo Đại trai lại, sanh trong cung cấm, đồ cổ ngọc ngà không bao nhiêu mà kẽ, nhưng ai giữ giùm cũng tối, ai lén cắp bán đi, thì sau sẽ hay; ông xách cây vợt lơ nít, ra đi, mặc ai nói hay ai không nói. Không mích lòng ai mà cũng chẳng giận ai. Anh tiếc không sống đời, chớ anh dám chắc năm mươi năm nữa, đoạn sử về ông, sẽ có người viết lại. Chừng ấy nếu em còn, hãy đọc cho anh ở dưới nghe chơi.

4) Vấn. - Tôi xin trả lại vấn đề "lượm". Ông nói lượm và xin là hèn. Nhưng tôi đọc sách thấy các nước khác họ đào mà xưa, họ làm souille, tức đào sâu dưới đất để tìm cổ tích. Nước này xin đồ cổ của nước khác, lại sao ? Tý như nước mình, chỗ nào có di tích cổ ?

Đáp. - Hãy khoan chậm chậm. Em uống trà đi kèo người. Thùng thủng để anh trả lời. Để anh nhớ lại coi, chớ như vầy là em phỏng vấn anh đây. Mà tra sách rồi mới trả lời thì là dở lắm. Qua sang năm (1972) tháng chín âm lịch, ngày 27, anh sẽ mời, em nhớ bữa đó đi với

anh cm lại đây, ăn bữa đậm đặc "thất tuần". Trời cho chưa lắn, mắt đọc sách khòi mang nhỡn kính, và đi xe lam còn được. Nay trả lời mấy câu cm hỏi :

a) Quả thât làm souille là đi "lượm" cổ vật trong môt xưa. Nhưng nước mìnhs chưa có đào luyện chuyên viên khảo cổ. Thêm nữa tài chánh thiếu hụt, kiết tiền đánh giặc không đủ, có đâu hời hợi xuất ra cho bọn khảo cổ đi làm cái việc chưa đúng lúc.

Em biêt không ? Nội cái việc năm xưa, thời Pháp còn ở đây, trước năm 1945, ông L.Malleret, nay đã quá vãng, ông đi đào bới và tìm cổ vật vàng ngọc tại vùng Óc-Eo, công việc dở dang bỏ lỡ chừng, nên tiếc uổng chờ không có gì mừng : bao nhiêu châu báu vàng ngọc, nay đem về lưu trữ tại viện bảo tàng Sài Gòn, các quắc gia vân minh xem là quý lâm, trong trận đụ nhị thế chiến, đã được gởi qua viện Guimet ở Paris gìn giữ, sau này lối năm 1959, Chánh phủ Pháp sai chuyên viên tìm mang qua trả lại nước Việt Nam đủ bộ, không thiếu vật nào. Nhưng bộ này được có bao nhiêu ấy thôi, và biêt bao nhiêu bị mất mát một cách cm uổng, cm biêt vì sao không ? Vì khi ông L.M. đi đào xới và khi về làm rùm beng lén, khiến mọi người đều để ý vào cuộc khảo cổ này, từ người học giả chon chính đến bọn bối lương bối chính. Anh có nghe, mà tin này cần kiết duyệt lại, rằng : khi đào rồi về, đã có bọn khách trú đến tại chỗ, mướn thô dân đào lén đào trộm, lấy thêm một mớ châu báu vàng ngọc khác, chúng nó mua đắt dàng, tiền trao cháo múc, không như chánh phủ thời đó, buộc ghi giấy thuế thân phiền phức;

lại nữa khi khách trú trở về Nam Vang hay Rạch Giá, thì bọn trộm vẫn tiếp tục đào xới moi mói lượm hết đầm bẩn tại Long Xuyên cho hai người Pháp làm cò lệc xiêng, nhớ như là một ông bác sĩ tên là Dr Piloz, và một lão đốc học trưởng địa hạt tên là Bouscarle, hai lão này nghe đâu, lừa mua đồ vàng Óc-Eo còn quis báu nhiều lần hơn đồ chánh phủ mua, và bọn hôi của rất ham bán vì họ mua dễ dàng đâu có đòi giấy chứng giấy thuế thân, và chừng nào họ chê không mua, thì chừng ấy bọn trộm mới chờ ông Malleret xuống tiếp tục đào, chúng sẽ giả bộ đào được mới rẳng rẳng và ông Malleret nào hay biết gì về việc bị đồ lợp, trút lợp kia. Cho nên có thể nói trong thời buổi an ninh chưa đảm bảo như hiện nay, đi đào xới khảo cổ, là có hại hơn là có lợi, vì không khác nào ta đi chỉ chở có vật báu ẩn núp cho quân gian thưa dịp vắng mặt quan quyền, sẽ đào trước và hưởng nước nhứt, còn hại hơn là để ý như vậy chờ buổi thuận tiện thái bình sẽ hay.

Khi nay anh có nói nước mình chưa đào tạo chuyên môn khảo cổ, nên chưa liệu thực hành công tác sưu tầm. Em biết hồn ? Sức hực ngày xưa trường Viễn Đông bác cổ là một cơ quan đúng đắn thế mà cháu xưa khi đào các mộ cổ ở Thanh Hóa và vùng Trung Việt, có làm biên bản và đăng các việc khảo cứu trong tạp san Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient hẵn hoi, nhưng ngày nay các học giả tân tiến còn chê các việc đào quật thuở đó không được khoa học; mà xét ra rất đúng như vậy, vì các cuộc đào quật về cổ tích Chàm, hay Tàu vùng Thanh Hóa, buổi đầu là do ngẫu nhiên hạy bắt buộc (như khai phá vùng này để đặt đường xe lửa xuyên Đông Dương) và như ông

Pajot đào chụp ảnh hay viết về những vật tìm thấy trong mồ mà là do thiện chí của một người tay ngang, vì ông là nhân viên sở Đoàn chuyên đi bắt rươi lậu thuế chứ không phải chuyên gia chính thức của trường Viễn Đông bác cổ. Năm trước có ông Olov-Jansé, giáo sư Mỹ, vội vàng muôn đi đào tiếp vùng Óc-Éo, thế cho ông Malleret là người Pháp, cũng may chánh phủ Việt lúc ấy khéo khước từ, chứ nếu đi thì tổn hao tiền của là có chứ thâu hái chẳng được là bao, vì trước đó vùng này đã bị thổ dân tại đó đào xới và lượm hết rồi. Quả là "thấy người ta ăn khoai, mình vác mai mà chạy bướng" !

Như anh đây, cũng không khác một y tá chích thuốc dạo, biết quẹt quẹt chuí sít nhở học lóm, khi gấp rút ai đau bụng đẻ, có thể liếp đưa hài nhi cho nó khỏi ngôp thở, chứ nào có đi học trường y khoa đào tạo bác sĩ chuyên môn bao giờ. Vì vui nói chuyện với em, mà vô tình anh dụng chạm đến các ông y tá, chứ anh chỉ muôn nói anh dốt khoa khảo cổ và trong nước cũng chưa có người nào, nên nói chuyện quặt mồ tìm của hau thì nay còn sớm. Duy có bọn trộm tay ngang, nó làm được, vì hành nghề ăn trộm, đâu cần bằng cấp !

Nghe nói các nhà học giả tân tiến làm việc khảo cổ, phải học nghề lâu lăm, và khi ra trường được hậu đãi ăn lương cao như một công chức hành chánh thượng cấp mới dèn bù được sở học và làm tất lòng tham vô lý của người. Ảng bỗng ít không đủ xát, đứng trước một quí ứng trước kinh xù "xúi Phật trên bàn thấy cũng phải nhéo mắt lia lịa trước khi nhang tắt" !

Nghe nói phương pháp khai quật để tìm cổ vật (souille) ngày nay tinh vi, lầm. Y như phương pháp đọc sách công cộng tại thư viện quốc gia. Ngày xưa làm souille là đào một cái mộ nào iên, moi xới lượm hết từ xương khô đến các vật báu chôn theo. Tôi có thể ví như một anh vào thư viện xin lánh một cuốn sách quý, ngồi đọc tại chỗ, nhưng thừa dịp nhân viên thư viện sơ ý, anh bèn xé mấy trang cần thiếp cho anh viết một bài khảo cứu "chạy gạo", trong khi ấy cuốn sách nát bét, mất trọn mấy trang hữu ích cho người khảo cứu đi sau, thử ước lượng tai hại lớn đến bực nào. Ngày nay các nhà chuyên gia khảo cứu không dùng phương pháp Trình Giáo Kim và Uất Trì Cung này nữa. Một cái mộ xưa, không khác một cuốn sách cổ, chép tay có một bản một (en exemplaire unique). Nếu ăn cắp vài trang, (nhứt là nay có cái tục ăn cắp hình ảnh trong sách), thì "chết mẻ" cuốn sách đó rồi. Ngày nay, trước tiên phải chụp hình đầy đủ các chi tiết ngôi mộ, ghi thật rõ chỗ nào mình sẽ làm việc, đoạn dùng đủ các thứ máy để tìm hiểu dưới mộ chỗ nào có chất kim khí, chỗ nào có chất gì máy có thể báo tin cho ta biết trước được và khi làm việc, sẽ dùng khoan máy xới đất lỗ vừa phải, không làm hư toàn diện ngôi mộ như hồi trước, và khi khoan sẽ ghi kỹ đến mấy tấc sâu thì gặp lớp đất màu gì, sâu xuống bao nhiêu nữa thì gặp đất màu gì, vân vân, như vậy tờ biên bản để lại sẽ có thể giúp cho thế hệ sau quan sát và khảo nghiệm lại những gì mình đã tìm gặp, khác nào một cuốn sách còn nguyên sẽ giúp cho hai hay nhiều người đọc, hiểu và tranh luận, nếu họ không đồng một quan điểm như nhau. Ngôi mộ vẫn còn,

di tích xưa không mất, các thế hệ tiếp tục khai thác, như vậy có ích điều chừng nào. Nghe nói mà ham và không biết nước mình chừng nào được như vậy? Không như bây giờ, mặc ai nấy làm theo ý muốn, một số nọ đào đất xới nền nhà, gắp những tượng Phật lâu đời chôn dưới đất, nếu lấy lên sợ người ta đến làm việc khai quật tìm đồ cổ mà mất nền nhà của mình, bèn phi tang lấp đất lại chôn tượng Phật y như cũ, việc làm này nên gọi là ích kỷ được không? Còn những người nữa, tình trạng khác đôi chút, là vì nghèo, di cư đến một chỗ nào đó, cần xây dựng một chỗ ở, bèn lấy những đá cổ tích chàm trong vùng hoang vu, đem về hoặc để nguyên, hoặc đập nát ra làm đá xây nền nhà rồi cất nhà lên trên, trời đất ơi, nếu không ngăn lại kịp, khi dứt trận giặc này, còn gì là cổ tích, cổ bi?

Muốn giữ cho cổ tích còn nguyên, anh nghe nói phương pháp tìm cổ vật theo khoa học tân thời, khi cái máy tìm cổ vật báo tín dưới đất có, già tỳ, một cái ấm tích bằng sọ dừa, nhưng đá mục nát rá rời không thể lấy lên nguyên vẹn được, (nhưng nhà khảo cổ muốn lấy kiều cái ấm ấy để lại), thì họ có cách khoan lỗ cho lối chõ cái ấm ấy, rồi tìm cách rót sáp nóng cho sáp chảy theo lỗ khoan, chan hòa khắp chỗ trống do cái ấm mục nát chừa lại, rồi sau đó họ tìm cách moi lấy cái "khuôn" bằng sáp ấy lên, thì dấu cái ấm không còn mà còn cái khuôn sáp kia, còn hình cái ấm nõ, như vậy khoa học không lỗ là mà hậu sanh còn học được những gì mà nếu theo phương pháp khảo cổ xưa, không thể nào học và biết được!

b) Tại em choc tức, mà anh thì có tật bụng thèa, có gì nói ra hết, nên chúng ta đi xa vấn đề đến bực này. Bây giờ để trở lại vấn đề em hỏi, "có nước nào xin đồ cổ của nước khác chăng ?"

Anh trả lời : Tiếng "xin" của em nghe lịch sự quá. Sự thật, họ "lấy" chớ không xin. Tỷ dụ viện bảo tàng ở Amsterdam còn chứa rất nhiều cổ vật xứ Nam Dương quần đảo, vì quần đảo này là thuộc địa cũ của Hà Lan và khi "mẫu quốc" đem cổ vật của thuộc địa về chung bày tại viện chánh bên mẫu quốc, việc làm ấy, anh nhường quyền cho em tự ý lựa danh từ nào để gọi, anh đều chịu trước : xin, lấy, mượn, hay ăn cướp, cũng nên ?

Như ở vài viện bảo tàng ở Paris, không cần ghi tên, vẫn còn giữ nhiều cái đầu hoặc thân mình bằng đá, mà thân xác chính lại ở hoặc Đế Thiên, Đế Thích, hoặc ở viện bảo tàng Nam Vang. Cũng thì mẫu quốc "giữ giữ" cổ vật của một nước bị bảo hộ. Có nên đòi lại chăng ? Cũng tùy. Anh nhớ lại nước Pháp, thời đại hoàng đế Napoléon I, có đoạt rất nhiều cờ xí xưa của Đức quốc, đem về chung bày làm chiến lợi phẩm tại viện bảo tàng nhà binh "Hôtel des Invalides" trong ấy có môt xô xay bằng bửu thạch của Napoléon, mà năm 1944 bđichi Đức quốc xô kéo binh chiếm đóng Paris suốt một thời gian dài họ làm bá chủ, nhưng họ vẫn có tháo gỡ đem về nước mới cây quốc kỳ nhỏ nào đòi trước của họ đâu ? Như hai đền cổ Đế Thiên, Đế Thích, ngày nay của quí muôn xe còn mất, huống gì một vài tảng đá chạm đá yến tháp bên Pháp, trong những viện bảo tàng có đủ mặt khách quốc

tế đến viếng. Về vấn đề đòi trả lại hay không, anh tướng bây giờ đem ra bàn còn sớm lắm. Không phải khen nước Pháp, chờ anh nhớ dường như năm trước, sau trận đòn nhì thế chiến, Pháp có chờ qua trả cho Nhật Bản một mớ tranh quý của Nhật sau khi Nhật xây cất một viện bảo tàng xứng đáng để chứa đựng những của quốc bảo do nước Pháp hoàn lại.

Riêng nước Việt ta, cũng may đòn, là lúc trước người Pháp khinh khi đòn vè men làm gọi "bleu de Huế", đến khi có việc thì trả tay không kịp, họ không lấy món nào, hay có lấy mà anh không biết, anh không cãi với em làm chi, duy tiếc một điều, từ Pháp ra đi, báu vật ở Huế còn lại thiêu gì, trong biển cổ Mậu Thân (1968), đòn đòn cho tháp cánh bay đi, rồi khi bừng mắt dậy, ông trên hồi, ông dưới đòn nghị tịch thu, thiệt là làm chánh trị "báu lươn đằng dưới" và quên câu "tâm bôn, khôi lô vỗ vè". Sao không giỏi đòn phòng, gìn giữ cho dừng mãi của ? Và có giỏi đòn, trước hãy đòn nơi ngoại quốc, Hàn, Nhật, Xiêm, Mỹ, Pháp, đâu cũng có mua đòn xưa, nơi các nhà có đóng môn bài đúng luật. Đòn làm chi của dân bản xứ, tức là ăn hiếp dân lành, chỉ làm thất nhõn tâm, và không biết khuyến khích những nhà iòn cổ. Câu thành ngữ Pháp "Possession vaut titre" (ai cầm nấy làm chủ), anh dịch làm vậy, và có thể ví chén bát xưa như tờ giấy bạc, trừ phi giấy có ghi số, là chuyện khác, chờ giấy bạc thường thì vè tay ai người đó làm chủ, không lo giữ của lại khéo lo đòn !

c) Xin lỗi em, anh xô hất ra rồi, nay trở lại, nước mình chờ nào còn di tích cũ

Nước ta còn nhiều nơi còn di tích cổ, nhiều lắm.

Trường Viễn Đông Bác cổ lúc trước, có dọn một số mục lục các cổ tích Trung - Nam - Bắc, luôn cả trên Lào và ở Campuchia. Theo anh biết, tại Sài Gòn, vùng gò cao ở sau hội Đức Trí Thủ Dục cũ, (SAMIPIC), sau là Tông tư lệnh Đại Hàn, nơi gò cao đó nhà cửa bình dân ở đây, và che lấp di tích người Khơ me xưa, nếu đào ắt còn gặp. Còn các vùng khác thì như Chùa Gò (Phụng Sơn Tự), vùng Bà Điểm, vùng gần Gò dầu hạ, vùng Biên Hòa (cù lao Phố), vùng đá dựng (monolith) ở Lộc Ninh, v.v... không nhớ hết. Không kể di tích Khơme ở Vầm Tán (Đại Ngãi) còn nhiều ông Tà gãy cổ mất đầu, vùng Tài Sum (Sóc Trăng) cũng có nhiều ông Tà bằng đá cổ. Còn Phật Bốn Mặt ở Văn Trạch, thêm có một chùa gọi chùa Tắc Gồng, cách đây vài chục năm anh có gặp một ông sư cà làm cù léc xiông rất nhiều nồi ơ lợ hũ và đồ đất nung, nhớ lại toàn là cổ vật quý giá, nhưng nay lục cả dã viễn tịch, bộ môn này không biết còn ở chùa hay đã tứ tán thì uổng lắm. (Các vùng này đều thuộc tỉnh Sóc Trăng). Những vùng như U Minh, Nước Xray, Giếng Tượng (Bà Rịa), Trà Vinh, Bến Tranh (Mỹ Tho) vẫn chưa có nhà khảo cổ nào đặt chân đến, còn nói gì ngoài Miền Trung, các đình chùa, lăng tẩm, bị tàn phá rất nhiều, nếu không khéo bảo tồn thì khi hết giặc, các cổ tích cũng hết. Anh kể nghe ra hồ lớn, nhưng đây là buổi cà kêt bất ngờ giữa hai đứa ta, nếu kể lại hết phải làm bàn kê khai mới đầy đủ, và hỏi nhà chức trách từng địa phương một, chớ hỏi anh làm gì vì đã về hưu. Hà Tiên có họ Mạc, Biên Hòa có Trần Thắng Tài, Mỹ Tho có Dương Ngạn Địch, toàn là những nơi còn nhiều cổ tích, nay phải bảo tồn để khi

thái bình sẽ có người chuyên gia đến làm fouille tìm cổ vật và di tích xưa.

5) Văn. - Ông nói đã nhiều, có mệt không ? Như không mệt, mọi lần gặp mọi lần khó, xin cho tôi hỏi : Làm thế nào định giá, định tuổi và chọn một món đồ xưa ?

Đáp. - Đầu cho mệt, đối với một người biết ham thích đồ xưa như cm, thì anh không tiếc thì giờ để giải thích cho rành rọt. Và lại, anh đã đăng bài viết về đồ cổ trong một tập san mà tập này là số 6. Bộ sách này có về trường giang đại hải, vì anh muốn dùng giọng cà rịch cà tang cho hợp với trình độ đồng bào chúng ta. Giá thử có ai đem mấy trang này dịch ra Pháp văn thì sách khảo cứu mà viết lòng thòng lên thèn như vậy, các học giả người ta cười chê. Nhưng anh nghĩ khác, và muốn phổ thông thì phải dùng giọng bình dân, mặc kệ ai cười. Và phải dài dòng trả đi trả lại, mới cầu may làm sáng tỏ được vấn đề.

1) Trước tiên, gấp mọi món đồ cổ, tỳ như trong hiệu buôn nào đó, thì đầu tiên là định tuổi món cổ vật ấy, rồi sau mới đi tới định giá.

Muốn định tuổi món đồ, thì phải có nhiều kinh nghiệm. Anh đã nói nhiều nay xin tóm tắt lại cho nhở, như thầy giáo giúp học trò học ôn trước kỳ thi, và cũng vì phải cần nhiều kinh nghiệm nên trước đây anh sáu sánh phạm thượng anh như thầy y tá. Thứ nhứt, cm nên nhớ, lúc mới học vọc vạch đồ cổ, trước tiên nên đi xem các viện bảo tàng và các hiệu buôn đồ cổ, để thâu thập cho

nhập vào linh nhán, hình vóc và màu sắc các cổ vật nào mình ưa thích. Sau đó nên làm quen và lân la các tay chơi đồ cổ rành nghề, hỏi thăm họ, v.v... (nếu khéo hỏi, có lẽ họ cũng không giấu nghề). Thứ nhất, chớ nên lật xem các sách khảo cứu xộn xện, vì nó làm cho mình chán mắt và ngá lòng thì có, chớ không giúp người tập sự chút gì. Một là trong phần nhiều các sách khảo về đồ cổ, toàn nói và in hình các cổ vật quý giá, từng thấy trong các viện bảo tàng quốc gia chớ nào thấy trong các hiệu buôn, nhứt là ở Sài Gòn này. Việc ấy cũng dễ hiểu, vì những sách ấy viết cho các triệu phú, tỷ phú và in hình toàn những quốc bảo quý báu mắc tiền. Còn tại nhà buôn, phần nhiều đồ trưng bày đều là cổ vật tầm thường lượm mua trong dân gian, thỉnh thoảng mới gặp một vài món của các quan hay của trong Nội Phủ chạy ra, không nên qua đưa cà nấm mà nói đó là đồ ăn cấp ăn trộm trong cung cấm, vì ngày xưa khi nhận được đồ sành của vua Tàu từ Trung Quốc ban cho vua ta và, - do các sứ bộ mang về, nên gọi "đồ sứ", khi ấy vua cũng phân phát cho hoàng thân quốc thích và các đại thần tín yêu, chớ lẽ nào vua thâu nạp hết về trong Nội hay sao? Nhưng nay anh tam gác bỏ ngoài tai các việc nguyên do của món đồ sứ, chỉ bàn với em về cách định tuổi món đồ trước đã.

Lấy một tỷ dụ như em gặp vài cái đĩa vẽ tích "Thái công điếu Vị" (ông Khương Tử Nha lúc chưa gặp thời, còn ngồi câu cá trên sông Vị Thủy). Những đĩa này được nhiều người thích, người mới học chơi cũng như người sành sỏi, - vì câu thơ đẽ trên đĩa rất là khêu gợi : "Vị thủy đầu can nhặt, Kỳ sơn nhập mộng thời".

Em biết chữ Nho chữ ? Hay lầm ! Bằng không biết thì trước tiên, hỏi người chủ hiệu buôn, họ dịch giùm cho, và họ sẽ thao thao bất tuyệt, cất nghĩa mội hơi, mặc dầu đối chữ, vì họ đã quen mặt với dĩa và họ vẫn học thuộc lòng như anh đây.

Trên dĩa em thấy vẽ một Ông lão ngồi dưới cội tùng, buông câu trên dòng nước, gió thổi loạn cả râu tóc, thể hiện một sự vất vả của kẻ sĩ nóng lòng chờ đợi công danh, bất giác em nhớ lại trang sách đã đọc hay trang truyện Phong thần, tả lúc Ông Khương Thượng ngồi câu mà dây câu không lưỡi móc, có người biết nên chê Ông ba trọng, câu không lưỡi lấy gì móc cá, nhưng Ông cười và nói "ta câu công hẫu, nên một sợi dây nhẹ đủ rồi". Tích đã biết sẵn, nay nghe người buôn đồ xưa đọc câu thơ hợp với tình cảnh mình, em nhớ lại bao nhiêu phù phiếm của đời người cầm viết, khi ấy em thấy ngứa ngáy nơi ngực chỗ đê bóp tiễn, nhưng em hãy dần xuống khoan móc ví ra đã. Em sẽ hỏi kỹ người bán đồ xưa cồn dĩa nào cũng vẽ một tích ấy mà đẹp hơn nữa chăng ? Câu hỏi lấy lệ, như có thì họ lấy ra mình có dịp so sánh và lựa; bằng họ trả lời rằng không thì họ cũng đoán biết mình là tay kén chọn chứ không vừa. Một đòn nhỏ tâm lý là em không nên thù thét với hiệu buôn là em dốt không biết gì về đồ cổ và yêu cầu họ lựa giùm. Như vậy khác nào em nhờ họ liếc dao cho bén mà cắt cổ mình. Em hãy lấy cái dĩa đem ra chỗ sáng mà xem lại cho kỹ. Phải xem dưới bóng mặt trời là tôi nhất. Đứng xem dưới bóng đèn, đầu con mắt tôi bao nhiêu cũng không thấy rõ những

vết sùa chưa lỳ thẹo, của cái dĩa kia. Dưới bóng sáng tự nhiên của mặt trời, bao nhiêu cái đẹp và cái xấu đều lộ ra : chỗ nào có thẹo, mà, sứt mà người bán đã vá trét bằng xi măng trắng hay bằng thạch cao, chỗ nào họ đã vẽ lại nhái y những nét màu lam đã mất vì chỗ đó không còn, nhưng vì dĩa cổ và khéo, nên họ cố gắng làm y như cũ để mà con mồi người mua, dĩa như vậy họ mua rất rẻ, nhưng nhiều khi trúng mồi, họ bán chạy vo vo. Chứ chỉ em có đọc rồi 5 tập Hiếu cổ đặc san đã xuất bản, thì anh khỏi cần nghĩa đồng dài: nhưng vui miệng anh cũng xin lóm tắt lại, có khi đọc mà không thấy, chừng người ta nói, mình lại mau lẹn hội hồn. Vậy anh nhắc lại đây một lần nữa cho em. Như hiện nay, đừng nói những chỗ bán đồ cổ ở Huế, mà một ngày nào anh em mình mua vé máy bay ra đó, trước viếng lăng tẩm vua chúa và viếng thành nội, rồi thả một vòng đến nhà những mấy người này, như :

- Nhà ông Khóá Ông, 120 Nguyễn Thành (Thành Nội, Cửa Đông Ba), bán đồ lát nhứt, nhưng nay ông đã mòn phẵn, không còn bán nữa; và nghe nói bộ mâm sưu tập của ông, cũng đã thất tán qua tay các nhà buôn đồ cổ Sài Gòn từ lâu rồi.

- Nhà ông Nghè Hưng, số 47 đường Hàng Bè, nay là đường Huỳnh Thúc Kháng, có nhiều món đến ông Diệm, ông Cẩn cũng cho rằng quý, nhưng nay ông đã dẹp và sang chỗ cho người khác không bán nữa vì cao niên;

- Nhà ông Hoàng Nai, 102 Bờ Hồ hẻm Phan Bội Châu, một dìa chỉ nữa, số 54 đường Cường Đ沽 (Cống

Vĩnh Lợi), nay ông đã mất, từ sau Mậu Thân (1968), đồ cổ vật dời về Sài Gòn, nhập với cổ vật của hiệu Hoàng Lộc, 242-A, Hồng Thập Tự, Sài Gòn;

- Nhà ông Dương Đình Nam, số 4 đường Võ Tánh, nay ông đã từ trần, bà dам đương ở vậy nuôi con, nhà này có nhiều món tuyệt đẹp, vì cụ Ấm là thân phụ bà Nam, vốn một tay biết sành đồ cổ như nay, chỉ bảo và giúp tìm nhiều vật lạ không nhà buôn nào có.

- Ba nhà ở cùng một hẻm trổ ra đường Phan Bội Châu, căn nhà số 30 có chứa nhiều đồ nhửi, hỏi thăm nhà Ông Tám thì gặp.

- Nhà ông Hoàng Đặng, số 101 đường Tăng Bạt Hổ, nay ông ở Sài Gòn, hẻm Kho Đạn;

- Nhà ông Hoàng Giám hay Hoàng Cảng, nay cũng thường ở Sài Gòn đường Đinh Tiên Hoàng (Đất Hộ);

Các nhà họ Hoàng kể trên đều có hiệu buôn chánh ở Sài Gòn, nay xin nhắc lại cho rõ :

- Nhà ông Hoàng Lộc, 242 A, đường Hồng Thập Tự, Sài Gòn;

- Nhà ông Hoàng Cảng hay Hoàng Giám, đường Đinh Tiên Hoàng, gần ngã tư Tự Đức;

- Nhà ông Hoàng Văn Chánh, đường Đinh Tiên Hoàng, bảng hiệu "Chánh Thành";

- Nhà ông Nguyễn Văn Trọng, cùng đường Đinh Tiên Hoàng, ngang Chánh Thành, bảng hiệu là "Trần Nguyện";

- Nhà Ông Vương Văn Khuê, đường Hồng Thập Tự, một dãy với nhà Ông Hoàng Lộc, lấy hiệu "Antiquité de Hué". Bán nơi giá hơn nhiều, chỗ, vì Ông là một kỹ sư canh nông về hưu, chuyên môn về đồ sành đồ sứ và quen nhiều với các giả lập này từ khi còn tại chức; Ông là nhà học giả có lương tâm, bán để nuôi con, chứ không cất cổ;

- Nhà Nguyễn Văn Trọng ở đường Tự Do, chung nhà với hiệu bán đồng hồ Longine;

- Nhà Hoàng Văn Chánh, dọn đường Nguyễn Huệ, gần tòa đô sảnh;

- Nhà Faa yue (Pháp Vũ) đường Tự Do, một hiệu buôn đồ cổ xưa nhất ở Sài Gòn, nay thau hẹp, buôn bán lèo tèo, vì các chủ nhân đã tị trấn, còn lại một ông Tàu làm chủ niên cao kỵ lớn, không hoạt động nữa, vì không tài hàng từ Trung Quốc qua được;

- Nhà Ông Nguyễn Tấn Hạnh, người Pháp quen gọi Tanan, đường Võ Tánh, khu nhà thờ Huyện Si, chuyên bán bàn ghế cổ, sơn mài và đồ gỗ sơn son thếp vàng;

- Nhà Vương Đại ở đầu Cầu Kiệu (Phú Nhuận) chuyên bán đồ gốm xưa, đồ ngà, sứ cổ;

- Nhà Chí Thành, ở đường Hai Bà Trưng, ngang nhà Vương Đại, chuyên bán ngọc cổ, bàn ghế cũ, ván gỗ, và nếu ai biết lục lạo, sẽ gặp nhiều món kỳ ngon bất ngờ;

- Hiệu Huê Hưng, đường Trịnh Hoài Đức, Đèn Năm Ngọn, Chợ Lớn, chuyên bán bàn ghế Tàu chạm trổ kiêu

Từ Hi thái hậu và những sập ba thành và quý phi sảng  
cẩm đá cầm thạch quý giá;

- Hiệu Tái Hiệp Hòn, Chợ Bình Tây, ngang bến xe  
đò Cân Được, chuyên bán bàn ghế như hiệu Huê Hưng,  
và có bán đò sứ Tầu như đôn sành và lục bình màu;

- Trở lại cầu Kiệu, gần nhà Vương Đại có nhà của  
một người buôn đò cổ tên Oai, thỉnh thoảng có đò sứ Huế  
tới; (nay đã dọn ra đường Tự Do, ngang sờ Bách phàn);

- Đường Tháp Mười, gần chợ Quách Đàm (Bình Tây),  
có một nhà khách trú bán ghế bàn, tủ cẩm, ván gỗ, giá  
nồi;

- Trọn con đường Tháp Mười, nguyên một dây bán đò  
lạc son, từ cái chuông chùa, cái mõ bằng gỗ mít đến chun  
đèn tôm đăng, ống khói pha ly kiều xưa, nếu chịu khó ngồi  
lựa sẽ gặp nhiều món vừa ý mà không đâu còn nữa;

- Trong dây lạc son nơi chợ Bến Thành, có khu bán  
lạc son, đò cũ, từ lư thau, chò ba chân, đèn kỳ trà cẩm  
xa cũ, và đặc biệt có gian hàng của Ông Phước Kiến sói  
đầu, Ông ngồi cả ngày trong một lòm vuông vức chừng  
năm tấc bờ ngang mỗi góc, bao vây chung quanh là những  
thập vật hay bể: chén trà lè bộ, cái đĩa Ngoại ngọc tích  
Bá Nha Tứ Kỳ, cái chuông Tây Tạng, lục lạc đồng đen,  
phải tập luyện lâu lắm mới "ngồi tú" như vậy ngày nay  
qua ngày kia mà không met mồi, Ông bán ở đây đã lâu,  
từ cái đĩa "hạc rập" thật cổ, giá hai trăm bạc, nay Ông lên  
giá 12.000 đồng mà vẫn còn rẻ hơn nơi khác thách 17.000  
đồng, (thứ lành lè không tì không nứt).

- Ai từng thả xích phè (đi bách bộ) đường Tự Do, lại không biết nhà kỹ nghệ danh tiếng "Thành Lễ", dưới bàn đồ gỗm tân chế và bàn ghế sơn mài Lai Thiệu còn trên lầu là gian phòng triển lãm thường trực từ cái dĩa céladon 600.000\$ (đã có người mua rồi), đến cái "Ngọ mòn thành" bằng ngà, giá trên 2.000.000\$.

- Sau rổi, những ai biết chơi đồ cổ, phải biết địa chỉ một người Phước Kiến, chuyên bán đồ vạn vật lục son xàp kỵ nìn, nấm ngoại nhà như ổ chuột hai căn trệt lợp ngói chài, ở đầu hẻm Trần Quý Cáp qua Phan Đình Phùng, khoảng giữa hai đường ray xe lửa, nấm nay cái ổ chuột ấy đã biến thành một nhà ba tầng lầu, lát gạch bóng, nhưng nhà tuy đổi mới, nhưng chủ nhà vẫn là anh Ba Tàu chuyên đi mua ve chai và giỏi nghề đi Lục lịnh tài đồ, nghề nái nhà ấy phì tốn xây cất hơn bốn trăm triệu, thế mà cách chung đợi nay vẫn không khác trước, cũng mấy cái bàn xàp xè, mấy tấm bình phong cẩn mốc mao, và vò sò dĩa chén, lư hương, chun đèn, cái này chòng chất lên cái kia, cao tần la phòng, mà nghe nói từ hồi nào không ngá bể rủi ro, để ai biết tại sao, xin thưa lại nhờ bụi đóng dày và màng nhện đóng chằng chịt như bối thiên la địa võng, ngá làm sao được. Đây cũng là một ngón tay lý của chú Ba Tàu, để dơ đáy như vậy người mua không thấy chỗ nứt chỗ vát, và cũng ngắn, không mua lẹ lẹ rồi về, không lục xốc mà mất công va sấp lại. May nấm trước, ở nhà trệt, vợ chồng làm lụ làm ăn, miễn bán được, không treo giá; nay ở nhà lầu, leo thang mãi, tôi nhường cho người khác đến đây và nhà vẫn lắp nắp khách vì tuy vậy, giá ở đây biết điều hơn ở Đinh Tiên Hoàng, và nhứt là ở Tự Do.

Đó em thấy không ? Cái lật sa đà của anh, khi nói, không chén dừng, và không ai bùm miệng kịp. Tuy vậy anh chưa sa đẽ bao giờ, và nay nhắc lại, khi em cầm cái đĩa ra chỗ có ánh sáng, em đặt cái đĩa ngay lần chói mặt trời, em nhìn cho thật kỹ trên mặt đĩa, nếu có lần trầy nhiều thì đĩa đã cổ và đã từng đem ra dùng; và em phải để ý, vì mấy lần này quan trọng lắm. Nửa em biết chổi đồ cổ sành sỏi hay không, là do em biết phân biệt lòn mòn tự nhiên do đĩa chén trâ cọ mài trên mặt đĩa, nó vẫn khác hơn lòn mòn đều do hiệu buôn cho mài đĩa tý dụ bằng giấy nhám, đá bùn, bằng hột cát hội cườm do máy thôi phun ra đến mặt nước bóng của da sành; nhưng ngón gian nhà buôn khó qua mắt người kinh nghiệm, vì em nhớ quên : hẽ mòn tự nhiên do sự dụng chạm của chén trâ vào mặt đĩa, nó không bao giờ mòn đến những kẽ hùng, mấy nồi lún xuống của da sành, còn mài bằng tay hay bằng máy, thì vẫn mòn thật đều và mòn luôn những kẽ những kẽ, em biết chưa ? Các chỗ mòn ấy, anh đặt tên là "lạc tinh", vì anh hiểu "tinh" là cái bóng bẩy của đồ sành, nay tinh lờ lạc đi, bớt bóng đi, ấy là "lạc tinh", tức "patine, patiné" của Pháp. Chứ không lẽ dùng danh từ đối với đồng : "patine" là lén men xanh, ra ten xanh, lén mốc meo, những danh từ ấy áp dụng qua đồ kim khí thì được, mà không hợp với đồ sành, với hàn gốm nữa, và vì vậy, anh đặt danh từ "lạc tinh" - "lạc" là suy bại, lờ lạc như lá rụng, - còn "tinh" anh đã nói như trên, nếu em hoặc một học giả khác có danh từ hay hơn, thì anh xin thọ giáo.

Lạc tinh là da sành mờ đi; như câu của người Bắc

thường dùng để khen một món đồ sành là tết cổ : "men mờ da đá". Em biết không, tiếng Việt rất gọn, nội bốn chữ ấy đủ để đầu người không chuyên món, vì men mờ là lục tinh, con da đá là da trỗ màu da lu da đá (grès), tức món cổ vật ấy không phải đồ sành mà nó là đồ da gốm vì lâu đời nên da lu mờ như da đồ bằng đá, như vậy đó là thi tổ đồ sành (proto proclaine) biết chưa ?

Lục tinh cũng không phải là nứt, bể. Khi nứt là, chỉ mạt lẩn dài nhỏ, người Pháp gọi "cheveu", anh cũng mượn danh từ ấy mà gọi : "cái dĩa có một hay nhiều sợi tóc". Khi chỉ có một sợi tóc người buôn xuýt xoa bao chưa cho món đồ nên dùng danh từ "re" (đẹp thừa, cái dĩa có re một chút, mà có hại gì ! Bởi vì nó cổ quá, nên nó phải re đồ cũ ! xin cụ xéi lại, dĩa nào cổ mà lại không re ?") Đó là những lời biện hộ của nhà buôn, nhiều khi làm xiêu lòng biết bao người hiểu cổ đã có thiện cảm sần với bao nhiêu đồ của thời đại xưa còn lại.

Khi khác, sợi tóc có quá nhiều, đến ba bốn lẩn trên miệng tô miệng dĩa, thì cái tô cái dĩa ấy, giá trị đã mất khá nhiều, vì chơi đồ xưa là chơi những món đồ còn nguyên vẹn, thường cái công phu của người nhiều đời gìn giữ bấy lâu, chớ khi đã nứt và kêu lạch cách, thì đó là miếng bát miếng sành bể, chớ đâu phải là đồ cổ ngon ? Anh nói làm vậy, chớ một đôi khi, đứng trước một món đồ đã bể và nay chỉ còn miếng sứt, nhưng nó khéo là quái và chưa thấy lần nào, thì họ cũng phải châm chẽ mua lên làm mẫu (échantillon), để cho biết một cổ vật hiếm có, chừng nào may mắn gặp món khác nguyên vẹn thì sẽ

thay thế và nhượng miếng bể kia cho người khác nếu họ cần dùng. Em nên ghi nhớ mấy danh từ này :

- *Trân ngoạn*, là một cổ vật quý, còn giữ nguyên vẹn, có giá trị rất nhiều;

- *Cổ ngoạn*, chính là đồ cổ xưa, nếu có chút lì sẹi tóc hay mè sứt, cũng nên châm chẽ, vì luật tự nhiên cái gì già phải có theo vét, ít nữa là da mồi, tóc bạc, đàm bà thì lần càng ngỗng nơi khốc mài gần mảng tang (*rides en patte d'oeie*). không kể những vết theo nơi bụng vì bị cắt ruột dư, hay dấu sẹo nơi bếp chuối khi nhỏ đi hái rau bắt ốc thuở hàn vi hay bị ghẻ chốc ghẻ mụt, mà người xấu hating gọi là *cẩn xa cù*";

- *Kỳ ngoạn*, là đồ xưa là mảnh (*kỳ*) (*kỳ quan*), hoặc cổ quý (*kỳ quý*) tức không giống các vật khác, cùng một loại (*tỷ dụ* đồ hòa biển, Pháp gọi "*accident de sour*");

- *Hảo ngoạn*, những món đồ chơi tối đẹp; Pháp gọi "*biblot de choix*";

- chót hết là những đồ còn miếng, nhưng thật cổ thật lạ, Pháp gọi "*échantillon se porcelaine d'une époque déterminée*" và dùng nó để so sánh định tuổi một món nào sẽ gặp, nên cũng gọi "*élément de datation*" những món này, đối với nhà chơi đồ cổ, thì không quý, nhưng lại rất quý đối với những ai muốn sưu tầm và vì khan hiếm, không dám xưng là học giả.

Còn nữa, như cái đĩa cm đang cầm trên tay để xem xét, nếu đĩa ấy có lần nứt ba nhánh nơi đáy, nếu đĩa thật

cỗ thì cũng nên châm chẽ, và lần cuối ba nhánh ấy, danh từ chuyên môn gọi "rạn ổ nhện". Pháp cũng gọi theo là "craquelé en toile d'araignée".

Nói nay giờ, đồ bột cáp, mà anh không biết cm đã hiểu hết chưa ? Cho nên, muốn chơi rành đồ cổ, phải chịu khó đọc sách đọc sử cho nhiều, và không phải để quảng cáo cho mình, ít nữa cũng đọc qua loa mấy tập Hiếu cổ đặc san của kè hèn này viết để chạy gạo kiếm cơm lúc này, vì về hưu đã lâu, mà không chết, và sống lương буди gạo chau cùi quế.

Nay giờ, là nghiêm xíu về giá trị món đồ, xem nó có xưa không và ở vào tình trạng nào, còn nguyên vẹn hay có hư bể chút ít. Nếu ai có tánh lập nghiêm thì không nên chơi đồ xưa, vì trăm người như một, đến các họa khôi hay mỹ nhơn cũng vậy, vào hiệu buôn đồ cổ, hay đến chơi nhà sưu tập gia nào, khi cầm một món đồ, trên tay, việc làm trước tiên, là lật món đồ úp xuống để xem cái đít ! Đó là cử chỉ bất huộc, để tìm đọc hiệu của món đồ, thường ghi chạm nơi đáy. Nếu cm đã đọc rồi lập số 4 và số 5, thì cm sẽ hiểu niên hiệu và dấu hiệu ký trên món đồ xưa, không chỉ là đảm bảo cho lầm. Anh tỉ dụ như ngày nay cm làm cảnh sát, khi cm đối diện với một thanh niên trốn quân địch hay một quân nhợn đào ngũ, tờ cản cước của họ, y hệt cái dấu hiệu trên món đồ cổ cm đang cầm trên tay. Ở đây, anh xin lỗi cm, anh không cần nghĩa dòng dài, và xin khuyên cm nên tìm đọc những lập sách nhỏ anh đã viết, mà hiện nay các ông bác sĩ và được sư miến Nam này, người nào cũng được biểu tặng bởi chủ nhân

viên được phẩm COPHAVINA số 112, đường Trần Hưng Đạo, Sài Gòn. Nếu em không quen với một ông bác sĩ hay được sự nào, thì trước hết, anh chuyên lời mừng và khen cho em sức khỏe rồi dào và không là nạn nhân của cuộc lên giá thuốc láy - hư hây giờ. Anh chỉ cho em ra chợ trời sách cũ, tìm thử sẽ gặp những tập Hiếu cổ đặc san của những ông không thì giờ đọc và đã áp dụng chính sách gọn tiện của Âu Mỹ : "cái gì không xài thì gởi cho xâm ve chai". Vì vậy có nhiều tập lạc hây, lên nầm trên kệ các quán cóc chợ trời, và em cứ đến các nơi ấy mà hỏi. Hiện anh cũng còn nhiều và để chật tủ, nhưng đây là "của mồ hôi trán", viết gần hộc máu mìn có, và anh đã dành sau này, anh bán lần hồi trọn bộ cho những nhà hảo tâm biết cảnh ngộ anh và thông cảm với anh. Với em, anh bán không dành, mà biếu em thì xót ruột anh quá, em hiểu giüm. Trong mấy tập trước, anh đã viết theo sức anh biết về niên hiệu và dấu hiệu của đờ sứ cổ, nhưng tiếp theo bài này, anh sẽ trở lại vấn đề niên hiệu và dấu hiệu mà trong sách của bà Daisy Lion Goldschmidt, chưa đề cập tới.

Nếu em biết chữ nho thì đọc các hiệu ấy rồi định tuối món đờ. Nếu em dốt, em đừng ngã lòng, vì anh đây vẫn dốt đặc cán mai, mà có mấy nhà buôn nào qua mặt anh nỗi ! Dầu dốt cách mấy, cũng đọc được chữ "Ngọc" nổ rẽ rẽ, hoặc một vài chữ hiệu mà em chơi quen rồi nhìn được. Phần nhiều các hiệu dĩa hay tô trong hiệu buôn đều có chữ Ngọc, tỷ như : Ngọc, Chánh Ngọc, Trần Ngọc, Ngaoan Ngọc, Như Ngọc, Ngọc Lầu, v.v... Khó hơn một tí, là hiệu các đời vua, mà đọc quen, cũng nhìn được.

2) Nói hòn lâu mà chỉ vừa bày tỏ qua loạ về cái việc gọi tắt là "định tuổi" món đồ. Muốn định tuổi kỹ thì còn phải làm bài toán tình từ đời vua ghi tên trên món ấy, nếu quả đúng sự thật, và món ấy không là giả tạo, lấy năm đó trừ cho năm này là năm 1971 coi được bao nhiêu niên kỷ, và đó là định tuổi. Tỷ dụ gấp một cái lô, đồ hiệu "Tự Đức Tân Mùi", về tra sách thấy năm Tân Mùi đời Tự Đức trùng với Tây lịch là năm 1871, - đối với các bạn, tôi khuyên đừng mua làm gì, vì tôi còn mới toanh, chưa lạc tình nhiều, nhưng riêng tôi tháng rưỡi (novembre 1971) tôi vừa thấy, là đã mua lập tức, tuy chưa linh lương hưu, vì đối với tôi, lô làm năm 1871 là một bằng chứng cần thiết để định tuổi nhưng đồ sứ làm được đúng một trăm năm, và mặc dầu tôi còn mới, tôi lại nhớ nó mà dụng chứng đồ sứ một trăm tuổi, vẫn còn mới toanh, và bóng láng, vì có dám đem ra dùng đâu mà mòn lì lạc tình ? Trái lại, cái mè kho, - kho cá kho khô, hay kho mót đồ ăn thập cẩm, một cái mè kho, nếu không hắc vì lửa nóng, và nếu chịu đựng được năm ba tháng, đã thấy rạn như đồ sứ rạn tuổi trên trăm năm.

Việc định tuổi nói dài nhằng mà chưa tới đâu, nay phải bỏ đó nói qua việc định giá món đồ.

#### 6) *Việc định giá và chọn món đồ xưa.*

Cái dĩa em xem này giờ, em đã ưng bụng. Nay đến lượt trả giá để mua. Mục này, anh cướp lời em và tò ra anh hồn quá, và không thử tự chút nào.

Vấn. - Câu hỏi của em là : "Ông làm ơn chỉ cách định giá và chọn món đồ xưa".

Đáp. - Trở lại cái dĩa "Lư Vọng ngồi câu cá sông Vị". Em hỏi : định giá và chọn món đồ xưa. Vậy để tiện và mau hiểu, anh cắt câu hỏi của em ra làm hai câu nhò : thứ nhất định giá, và thứ nhì, cách chọn lựa món đồ xưa.

1) Thứ nhất, muốn định giá cái dĩa em đang cầm trên tay, em trước hết phải giữ thái độ bình tĩnh, nét mặt phải tự nhiên không vui cũng không buồn, vì người buồn thường bắt mạch bắt tay khách đến mua hàng như trong sòng bài phé. Đầu em có mè cái dĩa như em đã mè ý trung nhân của em thưở nọ, trong lòng đã bấn loạn y như lúc Pháp gọi "bị lừa sét đánh" (coup de foudre), em cũng cố dần dần cho chủ hiệu buồn biết. Em cứ trả cái dĩa lại và - trong lúc em làm bài toán trong bụng - em giả đò chê và kiểm cách chê cái dĩa trước tiên:

- Cái dĩa này nhà tôi có rồi. Ông còn cái khác tốt hơn nữa không ? - Nay ông muốn bán dĩa này bao nhiêu ?

a) Em để cho người buồn đồ cổ trả lời, em sẽ tùy cơ ứng biến. Nếu cái giá y nói có phần để chịu, cũng không nên vì đó mà đổi sắc mặt. Cũng phải trả xuống, như được thì tốt, bằng y không khứng sụt giá thì cũng phải giả đò dùng dằng nửa muôn nửa không, để chờ xem phản ứng ra sao.

Không phải hết thảy người buồn đồ cổ đều như vậy, nhưng đại đa số có tánh ưa lấy thè làm chắc, và trầm lẩn như mè, chịu bán và gói món đồ rồi, mà vẫn còn than

bán lỗ, và vị minh, kính minh lầm nên chịu bán lỗ để  
cầu thân :

- Tôi bán món này cho cụ, không lời lám một đồng nào.  
Nguyên tôi mua, vốn đã là bao nhiêu. Tôi còn mướn thợ bịt  
miệng bằng bạc, tốn hết bao nhiêu. Tôi phải ở lại đợi cho  
rồi và tốn thêm sở phí là bao nhiêu. Hôm trước vào đây, ông  
Tây nhà băng trả bao nhiêu mà tôi không bán. Và bà đầm  
quen với cụ, trả tôi mới đây, bao nhiêu; mà tôi cũng cầm giá  
vì không dành bán một món như vậy mà tôi cam đoan  
nguyên là của nhà của cụ cố Phụ Chánh thân thầm. Tôi nói  
láo xin tất với cây đèn ! Xin cụ trả thêm chút ít tiền xe !  
Chuyện này con lỗ nặng; xin cụ thương giùm v.v... và v.v...

Nếu em mềm lòng thì trúng kẽ y rồi. Vì chuyện ông  
Tây và bà Đầm là chuyện bịa. Mười lần hỏi lại nguyên  
chứng thì ông Tây và bà Đầm đều lắc đầu, mười lần cam  
đoan không bước chân từ lâu lại nhà người buôn đồ cổ nọ.

b) Cái ca thứ nhì là khi em hỏi giá, người bán thách một  
giá quá cao. Cái giá ấy có khi cao quá, làm cho em có cảm giác  
té thang lầu, tuy không chết nhưng chóng mặt xẩy bồ bồ hoặc  
choáng váng như em leo quá cao nên thấy ngập thở.

Em lại bình tĩnh suy xét lại :

a) Hay là em không biết lựa ngày xuất hành, vì  
em đến hiệu buôn, nhằm lúc thằng chủ xuất dương bán  
được hết mớ đồ đạc theo và nó đang say sóng với mộng  
sẽ xuất dương hốt bạc nữa. Trong cảnh ngộ ấy, tốt hơn  
là trả món đồ, làm thính bước lui, để chờ nó tình mộng  
sẽ trở lại.

b) Hay là em đến viếng hiệu buôn vào những ngày đầu tháng ? Như vậy em cũng sẽ mua với giá mắc vì hiệu buôn định ninh đầu tháng mấy ông mấy thày lanh lương, có nhiều tiền lời gì không chém, không cắt cổ.

Tại em không để ý, chờ hiệu buôn nào cũng có lập một bàn thờ nhỏ nhò, thờ các đấng cô hồn và mỗi ngày rằm hay mồng một đều có hương dâng trà quà cúng vái kính cẩn, và mỗi ngày ít nữa cũng có mấy miếng trầm hương Huế ngọt ngào và nài chuối cau hường hường ngon mắt. Họ cúng kiêng để được buôn may bán đắt, nói một lời như vàng như ngọc, đồ xấu hóa tốt, bán được tiền và khách mua mau lẹ không trả giá cù lần, đến đỗi phải đốt phong long.

Cho nên anh dặn trước : em muốn đi mua đồ cổ, nên lựa vào ngày cuối tháng, mấy thày cạn lương, mấy ông mèo cũng bị chỉ em rút sạch, nhà buôn đồ cổ cũng bị ảnh hưởng giàn liếp, nên phải nói tay, bán dễ dàng đủ kiểm sở hụi.

c) Bằng vào những ngày ấy (cuối tháng hay nhà buôn kẹt tiền), mà em vẫn bị thách giá cao, (một cái đĩa Thái Công điếu Vị, nếu hiệu Phiến Ngọc hay hiệu nào có ghi trong sách thì nay ít nữa giá tròn trăm hai chục ngàn). Nếu người buôn vẫn cầm giá không hạ hối ngàn nào, thì cái ca ấy thuộc hai tình trạng : nếu anh không lầm :

a) Đĩa ấy quà thuộc loại cổ, khó kiểm và đáng với giá ấy. Nếu em không mua, thì người khác sẽ mua, chủ không sợ hán không chạy, nên quyết tình cầm giá. Em chỉ còn một nước : mua mắc mà có vật quý, vừa lòng; hoặc em để vuột mất một cơ hội : sau này có hối tiếc thì đã muộn.

b) Người chủ hiệu buôn đã bắt mạch biết rõ em là một khách si tình đang lâm với bộ môn dĩa quý, mà cái dĩa Thái Công điếu Vị là một phần tử khó kiếm của bộ môn này. Va đoán em chưa có, và va biết rõ chưa giá trị của cái dĩa kia. Thế là em đã sa vào mè hồn trận của va rồi. Cái câu dĩ dòm đè trên dĩa, anh nhắc khi nhập đè, - *Vị thủy đầu can nhật, Kỳ son nhập mộng thời*, - anh nhớ lại rồi, năm ngoái có một ông Tú đến nhà chơi, dịch giùm anh, là :

*"Ngày sông Vị, hương cần câu cá,*

*"Lúc non Kỳ, năm ngủ giấc mơ".*

em thấy nó thế nào, chờ đợi như anh, ngàn vàng anh không tiếc.

Nay anh không có lời gì khuyên em cho trúng cách, - mua hay là không mua, - vì tình trạng em gấp đó là tình trạng già dối anh vấp phải, - và thế thường lời nói của người đồng bình, nên tin hay là không, cũng tùy. Anh đang trị chứng ấy bằng cách đưa lưng già cho chúng liếc dao, lưng anh dày như lưng hao lăn chai, nên có thể chịu nổi, còn em lưng non nớt quá, biết có kham nổi ba búa của lão Trinh ? (1) Anh khuyên em lấy chứng : nếu đủ tiền thì mua, không thì hãy an phận tùy duyên.

---

(1) Ngày nay truyện Tàu không ai thêm dọc, nên tôi phải cải nghĩa thành ngữ : "Ba búa lão Trinh". Trinh đây là Trinh Giáo Kim, cũng gọi ông Giáo, tướng dời Đường, có sức mạnh đánh ba búa như thiên lôi giáng, nên ra trận tướng địch biết ý, rắng chịu ba búa đầu, rồi thì mấy búa sau, yếu như điện ở Gia Định, từ ngày giao về chánh phủ ta. Giáo Kim lại có tài nát láo, nhưng nhát nốt có duyên, nên không ai gián.

ngó cái dĩa qua tay người khác. Nhưng anh dặn trước, nó  
bứt rứt khó chịu lắm, không khác vợ mình đi nói mà bị  
con trai ông chủ điền phỏng tay trên. Nếu em cố công  
giúp anh sửa chữa mấy tờ morasse bản in, họa may gặp  
ngày hên, anh thường cho một cái, vì tiền bạc thì nhà  
anh không săn, chớ dĩa xưa thiếu gì !

Tóm lại, định giá một món đồ xưa, không làm sao  
nói trước và không biết sao mà chỉ bảo cho rành. Phải  
cho thấy món đồ, rồi mới đánh giá đúng mức. Em nhớ  
đừng làm theo cách "mua trâu về bồng", nghe lời người  
bảo chuối, chưa thấy món đồ ra sao, nghe họ nói và tò  
điểm thêm thắt, rồi xuất tiền nhờ đi mua, nó đã ăn tiền  
đầu, mà có ngày mình sẽ gặp bất mãn lớn. Nói tỷ dụ,  
nay có người đến mách ở vùng Bình Định, dòng họ chúa  
Tây Sơn còn giữ một dĩa bàn hiệu Khánh Xuân, to hơn  
cái mâm đồng, tròn trèm cái bánh xe đẹp, dẫu ham mê  
đồ cổ cách mấy, cũng không nên tin người ấy bằng lời.  
Nếu theo người ấy ra mua tại chỗ, rủi ra xúi lật, bị bối  
lục lung lấy hết của tiền, có khi nguy hiểm đến tính  
mạng, may còn sống thì cười ra nước mắt ! Cần thận  
hơn, mượn người ta đi mua đem về, tốn kém không định  
được, rủi vật ấy là giả tạo hay có chỗ nào không vừa  
ý, thì lại như thằng cầm ăn phải ớt. Như vậy em thấy,  
có tiền mua sắm đồ chơi, cũng khó chớ đâu phải dễ  
như nhiều người tưởng !

7) *Vấn.* - Ông nói nay giờ tôi nghe thầm thầm. Bây giờ xin hỏi : Trong khi chọn được món đồ vừa ý, vậy chỗ  
món nào nên mua giá cao, món nào nên mua rẻ ?

Đáp. - Câu hỏi tuy vấn tắt, mà một khi trả lời xong là rút ruột một đời kinh nghiệm, chớ không chơi. Tại sao em không tìm bộ Hiếu Cố đặc san mà đọc ? Một giờ em phòng vấn, anh mất một buổi viết lách và dành làm một việc không công. Em nên về tìm đọc tạp san anh vừa nói, và nghiên ngắm cho kỹ, từ chương đầu đến chương cuối, phải đọc chấm rái và đừng nhảy khúc, mới mau linh hôi. Nhứt là phải bắt tay tập mua sắm lấy mình, đừng cậy nhờ ai dùi đất và chi bão. Nguyên tắc anh xin lặp lại là : "muốn bê hường, phải chịu gai đâm". Muốn đi xe đạp, có người nào khỏi đầu gối ăn trầu ! Và tự bao giờ mấy ai lập đi xe đạp mà phải mua sách chỉ dạy cõi sao cho khỏi té ?

Thật tình mà nói, nếu em muốn chọn lựa đồ sứ cổ cho khỏi lầm, mà nếu em cứ mượn người khác chọn giùm cho em, thì trọng đời, em không biết gì cả. Thà em chọn lấy, nên hư cũng mặc, rồi sau sẽ thấy vui vui. Mỗi lần lầm lạc là được một bài học khôn, tuy hơi mắc tiền ! Học như vậy, em sẽ nhớ hoài hoài, không sách vở nào hiệu nghiệm hơn phương pháp đó. Cũng không nên ý lại, sẵn anh, mỗi lần mỗi hỏi. Khoái đầu, em mua một vật nhỏ, đầu có lầm cũng không đến nỗi gì. Cũng như trước khi vẽ vào tranh lựa qui giá, nếu em là họa sĩ, việc đầu tiên là vẽ thử ngoài giấy cho nhuần tay. Sau này, kinh nghiệm có thừa, em sẽ không lầm nữa. Có như vậy, một ngày kia họa chặng em sẽ trở nên một tay lão luyện về nghệ thuật chơi cổ ngoạn, hoặc già khi anh đi rồi, em sẽ làm vua không ngôi, thay thế anh trên mảnh đất đầy hoa thơm, thơ mộng và đầy đồ sứ cổ. Nếu em không chịu khó học

lấy mình, nếu anh không chọn lúc cm, đừng nhỡ anh nữa, thì cm vẫn làm ông chủ nhân có tài xế đưa rước, sang thì có sang thật, nhưng giả tỳ giữa đường bắc tài có hịnh kinh phong, sôi bọt mồm mắt trợn dọc, không lý cm bỏ và ở đó rồi cuộc họ về nhà ? Bỏ và ở đó, cm đâu phải là người có nhân có đức ? Tự nhiên, nếu cm không biết lái, cũng phải kè lựng công và tới một hịnh viện nào gần đó. Như vậy, sau này, và sẽ liều chết với cm.

Nghệ thuật chơi đồ cỗ là phải biết tự mình phân biệt giả chơm tối xấu, tự mình lựa chọn sê thích thú hơn, biết trả giá khi mua sắm, - cò kè hời mệt thêm hai, nhất định không cho người buôn qua mặt. Chơi lan là phải tự đặt giờ lan vào giờ vào chậu, tự bón phân tia rẽ, đôi khi phải tưới nước hắt sâu. Trong khi ấy, huýt sáo liền miệng, tuy dở ẹc mà là tiếng huýt sáo khi cao hứng, cái thú riêng của mình mà !

Chơi đồ xưa, khổ bằng mười :

Chờ bà xã đi chợ, len lén ấm một số tiền bự bự; đi canh đi ròn nơi các hiệu buôn, đợi nhà kia lanh xong mấy giờ đồ sứ từ Huế gửi vào, xốc xáo cướp nước nhất, mua được đem về, chén, đĩa nhón gót, đồ kẹp nách non, may thời bà xã chưa về, thử phì nhẹ nhõm, giấu các món vào tủ, lấy máy đánh chữ ra gõ lóc cốc, tinh bợ !

Chẳng may bị bắt tại trận, tay còn cầm gói đồ "đã dặn đừng mua", buồi sáng còn tiếng bắc tiếng chì, hưa cơm tối lên giọng cầm nhẫn cưỡi nhõm, đèn khuya thánh thót giọt dài giọt vắn, cỗ nhiên cm phải chuộc tội, sắm

tết, thay vỏ chiếc vàng xoàn, - ăn một cùi trả tiền hai cùi !  
Nhưng hồi hộp ấy, đó mới là thú vui chơi cổ ngoạn. Đi  
tìm émotion ! Không khác ông tỳ phú, trời đất ôi, ngày  
thường ai dám động đến mày lông, thế mà ưa mua vé chợ  
đen đi coi đánh bốc, để hồi hộp lo sợ bâng quơ, pháp  
phòng từ cú thoi, nín thở vì thảng vô sỉ bị đòn, quên  
rằng nếu hấn rủi bị nốc áo, là cũng tại vì ham tiền đồ.  
Tỳ phú ở nhà chẳng sướng hơn, lại đi xem đấu võ làm  
chi, chẳng qua cũng vì muốn mua hồi hộp. Và émotion,  
với tôi là hồi hộp hơn là cảm động.

Trong đời, không có pháp phòng thì mất thú. Ăn kém  
ngon, ngủ không thảng giấc; phải đi bác sĩ. Chỉ bằng thà  
mua đồ cổ, ngó vui mắt, rờ mát tay, không cần uống thuốc.

Bình dân chơi đồ cổ, thì ăn chận tiền quà tiền ăn  
sáng của vợ con, vậy mà thú !

Tôi đây bận trung, dám mua bạc ngàn mà không dám  
đi một cuốc tắc-xi, có tật đổi vợ đổi con, đi trị bình thi  
bác sĩ cho miễn phí, và trọn đời vẫn đi mua cái hồi hộp  
nơi các hiệu buôn đồ cổ, cố bao nhiêu đem nạp cho họ mà  
họ vẫn chẳng thương tình, ăn tiền tôi mà vẫn bán mắc.  
Cũng một thú riêng, tại mình lựa chọn như vậy.

Hàng thương lưu, như em nay trúng số có đư bạc  
triệu, em chơi đồ xưa mà muốn tiền gửi bâng còn nguyên,  
em mua được rât nhiều của quý, không giựt mình trách sao  
anh chì chọt. Như vậy là em chưa thoát tục, và cuộc  
phòng vấn, nên chấm dứt nơi đây, vì thà mích lòng trước  
mà được lòng sau, anh thà chết đem theo, chứ anh không

chỉ cho người vắt chanh bò vò. Chơi như em là không hiểu thú kia rồi.

Vấn. - *Tôi có nói gì mà ông giận ? Tôi hỏi ông : "món nào nên mua giá cao, món nào mua rẻ kia mà".*

Đáp. - Ấy chết anh thành thật xin lỗi. Hôm rày kiêm mua đủ dù, chợ Gia Định không có bán, nên sanh tật nói bậy.

1) *Những món nên mua với giá cao, theo anh, anh chia ra làm bốn hạng, từ vừa vừa đến tối nhất :*

a) *Những món đã có hình trong sách khảo cứu và sách đã công nhận rằng báu. Người có bàn lĩnh không mua làm chi những vật ấy, vì đã có sẵn và trưng bày trong các viện bảo tàng. Muốn xem cứ vào đó mà xem, trong giờ họ mở cửa. Hãy để cho các phú hộ họ mua giành với nhau, mình coi chơi. Trừ ra khi nào tốt số, gặp chủ tiệm không thành thạo, họ bán giá nói thì phải chớp liền, đợi hỏi đến anh thì đã bị người khác ẵm mất.*

b) *Những món có đề ranh rạnh niên hiệu vua, danh hiệu lò, hoặc tên danh nhôm chẽ tạo ra nó. Nếu em thấy quả có dáng cổ, không già tạo, thì dầu mắc cách mấy, có tiền cũng nên mua, bởi vì tiền còn kiêm được chớ vật cổ khó kiêm vô cùng. Nó còn quý hơn loại a và đó là "vương giá cui hương" còn trong núi, đợi gì mà do dự ?*

c) *Những món không ghi hàng chữ hiệu nào, đáy đẽ tráng hoặc không tráng men, nhưng nhờ đọc sách nhiều và biết chắc đó là loại "période de transition" (thời đại hết Minh qua Thanh), không ai biết, mình mua mới sướng.*

và đó là ngọc nhẫn. Sau khi về tay mình, sẽ cất nghĩa với người đồng điệu, nội cách họ ngó nhau thèm muốn, mình khỏi ăn cắp mà không thấy đối !

d) Những đồ sứ, chén trà, tô có niên hiệu ghi theo âm lịch (giáp tý 1804, tân sửu 1845, v.v...) thì cứ mua đi. Anh chưa vội nói cái hay của nó bấy giờ, sợ làm mất cái duyên của tập số 7. Những tài liệu này nếu nói không nghe kịp đâu, hãy chờ đọc tập "thú chơi ấm chén", và khảo về đồ sứ men lam Huế, vội vàng làm chi !

2) Về những món nào nên mua giá rẻ, hoặc không mua, để dành tiền sau mua món quý và đẹp hơn. Đó là :

a) Những món mình đã có rồi, nay mua nữa át kẹt vốn. Tuy vậy, những món có giá trị, tô dĩa có thơ nôm, dĩa hạc rập, dĩa mai hạc, có bao nhiêu cũng chưa vừa bụng, và hổn rèn thì hốt. Đó là những món tự mình ưa thích hoặc đã khám phá được nét hay. Gặp thì trả thử, gặp chầu nói giá và sẵn tiền, thì cứ mua. Nhà chơi cổ ngoạn nào mà không có tật tích trữ ? Nhưng đây không phải là thực phẩm, nên đầu cơ vô hại, hay chì hại nhỏ trong phạm vi chất hẹp của bọn mua chử nhàn.

Có thứ dĩa mặt giữa vẽ chữ THỌ, gọi đợi ăn cháo trong Nội, nấm trước ở đâu cũng có, nay mặc thầu trời. Người nào có nhiều, lấy treo làm viền lợ phông, tôi tưởng không chán thất bao giờ.

b) Có nhiều món, lạ mắt của người ta mà mình lại không thích. Thì cũng trả rẻ, được thì mua, không thì thôi. Đó là những món, hoặc mình học chưa tới mức, chưa

đọc sách nhiều, nay nghĩ nghĩ trong bụng, bỏ qua thì uổng, mua lên chưa biết để làm gì. Nhiều khi người chủ hiệu buôn, nghe hỏi thì hán liền, đem về bò bù lăn bù lốc, cho đến một ngày nào, đọc sách tự mình thấy, hoặc có người già kinh nghiệm mách giúp, khi ấy lật đật chùi lau rửa ráy và tảng tui còn hơn con vợ bé trờ vè. Đó là vầy may của người chơi cổ ngon dư tiền, họ nói có thần tài mách bảo.

Có khi, vì lật bốn sén, thấy trước mà vì trà quá rẻ nên nhà buôn không bán. Sau biết được chém giá trị thì vật kia đã có chủ mới, tiếc hùi hụi mà việc đã rồi. Tuy vậy, tôi xin khuyên đừng ngã lòng. Nếu khéo xài tiền, nài giá cao, có khi tìm lại được. Một lần cho biết, nếu quyết định là mẹ thành công, thì do dự là anh em thúc bá với thất bại.

8) Văn. - Bây giờ tôi có câu hỏi này nưa : "Chẳng hay cách sắp xếp cho có thứ tự là thế nào ?"

Đáp. - Nếu không muốn cầm em ở lại, anh sẽ nói một câu vấn tắt ; Phải bày sắp sao cho món đồ xứng với bối cảnh của nó. Bí quyết chỉ có bấy nhiêu.

Nhưng đầu sao anh cũng là một tên mọi già giữ gìn viện bảo tàng quốc gia suốt mười bảy năm; còn em lại là một trong những người anh muốn truyền nghề sau này; và hôm nay, không biết mắc chứng gì anh lại muốn phá giải. Anh giữ em lại, để mổ xé vấn đề chút chõi, thêm nữa người ta mới biếu anh một hộp trà Hoa Lục, từ Hương Cảng mang vè. Anh sẽ lấy cái ấm đổi ấm dạy anh bí quyết

trường sanh, với câu khắc dưới đáy : "Ấm chí dĩ vĩnh  
niên" (Mạnh thần, - Thủy bình), - Mạnh thần là danh  
hiệu người chế, em đã biết đư, - còn "thủy bình" là hiệu  
ấm đặc biệt này, mà thật, thả xuống lô nước, ấm thẳng  
bằng như chìm vịt, như le le. Ấm này do đức Thánh lôi  
Nhơn hoàng đế Triều Nguyễn ban cho một ông Ngự sử,  
anh có phúc lâm nên người kế nghiệp ông Ngự sử ký  
thác cho anh gìn giữ từ ngày di cư vào Nam, em hãy cầm  
xem, trước khi anh pha trà. Và đây này là bộ chén "Gia  
Thái" quý nhất trong tủ, dù cả dãm bàn tông tôi, cũng  
của một chủ, anh T.T.Đ. ký niệm. Hai câu thi mới hạp  
với chúng mình làm sao :

*"Tương cố thành đàm khách,*

*"Vô tình viễn tông chu.*

Hôm trước một ông Tú lại nhà, dịch giùm anh :

*"Quay nghe chuyện khách ở bên,*

*"Vô tình đưa tiễn chiếc thuyền ra khơi.*

Đúng như câu chuyện bữa nay, anh nán lại nói chuyện  
với em, mà hụt tiễn chân một bạn xuống tàu về xứ.

Đã lâu rồi, anh tuân lời bác sĩ thân, anh H.V. Nhựt,  
anh để cái ấm đồng mắt của mốc mèo trên xà kỵ. Không  
biết phải tội nghiệp nó, hay tội nghiệp cho anh !

Nay có trà ngon, để em xem anh còn nhớ cách pha  
như Ba anh đã dạy, rồi mai này anh sẽ đến chịu tội với  
anh bác sĩ Nhựt.

Câu hỏi của em ban nầy, nó thuộc về vấn đề mà Pháp gọi "*muséographie*", Ông Đào Duy Anh dịch là "thuyết trình về viện bảo tàng", anh chỉ biết nó gồm những phương thức áp dụng cho viện bảo tàng, mà các người chơi đồ cổ cũng phải hiểu qua loa, không phải với hy vọng sáu nầy đều trở nên ông quản thủ, nhưng cốt để biết cách giữ gìn những vật xưa mình sẽ mua sắm.

Phàm không bàn đến thì thôi, nhưng đã đề cập tới, thì phải giải bày cẩn kẽ; nhưng hôm nay, chung quanh chén trà mau nguội, chúng mình nên nói dù nghe, một dịp nào thuận tiện, sẽ trở lại, hoặc em hay anh, sẽ viết kỹ càng hơn. Như vậy, câu hỏi của em, anh trả lời dài hơn và phân ra nhiều đề mục, mỗi đề anh thảo sơ khi ít khi nhiều, tùy trí nhớ hôm nay, và như em thấy, không cần lật sách. Đúng là một buổi trà đàm, - hòn nữa, - là chuyện lát gừng, - chuyện mà Pháp gọi "*à bâtons rompus*" ấy mà !

Những vấn đề anh muốn nói, để anh phân thứ :

1. Cách trình bày ở viện, ở nhà; viện là viện bảo tàng, nhà là nhà tư gia;
2. Cách giữ gìn bảo vật;
3. Cách săn sóc;
4. Cách sửa chữa;
5. Cách đề phòng mất trộm;
6. Chút ít cẩn bắn pháp lý về đồ cổ : mua đồ gian;

7. Đối chánh lúc còn chơi; bán đi khi đã chán;
8. Ngoại đê : khi bạn đến nhà, nên cho xem những gì ?
9. Linh tinh : những chuyện kéo dài để uống thêm trà, có cơ đồ thừa khi đi cho bác sĩ khám bệnh...

Và nay là các câu trả lời, ít ít thôi :

1. *Cách trình bày ở viện, ở nhà : viện là viện bảo tàng; nhà là nhà tư gia họ Vương, họ Cố. - Xin lỗi em, trả này khá chử ?* Uống vào thăm cổ, lại sanh ngứa nghè. Cho phép anh ôn lại đây những gì anh biết về viện bảo tàng và nói sa đà nội mấy phút này thôi, vì công trình anh chất chưa bấy lâu mà không có dịp nói :

Về viện chuyên về một môn phái hay một kỹ thuật địa phương, bên Âu Châu có đến năm viện nên kể sau đây, mà anh ước ao đi viếng trước khi chết, nhưng chưa, như định, một là chưa có anh Hai cho phép; hai là nghe nói có món thuế xuất dương cao lắm nên chưa vội gì đi !

1) *Musée du Berry à Bourges*, chứa toàn vật kỷ niệm dòng họ Berry, từ 1340 đến 1870;

2) *Musée du pays basque à Bayonne*, chứa toàn cổ vật xứ Basque là dân tộc kết nì không có vành, gần giống cái mũ ông Đạo;

3) *Musée de la Bretagne à Quimper*, chứa toàn đồ vật xứ Bretagne;

4) *Musée de la Réforme à Genève*, chứa toàn các vật kỷ niệm những gì thuộc về cải cách;

5) *Musée de la baroque à Vienne*, chứa toàn những gì kỳ hình quái trạng. Tỷ dụ : *perle baroque* là hòn ngọc trai méo mó. (Như vậy, các sừng nai ưng của anh đem qua dây trưng bày là được hoen nghinh rồi.)

Ngoài ra, nước người ta còn những viện chuyên về một kỹ nghệ, như :

1) *Musée de la Ferronnerie à Rouen*, kỹ nghệ đúc vật bằng sắt;

2) *Musée de la céramique à Limoges*, kỹ nghệ đúc gốm, đồ sành;

3) *Musée du Costume à Paris*, chuyên về phục trang, áo quần các đời, các kiểu, giúp cho nghệ sĩ muốn diễn tuồng thuộc đời nào thì lấy kiểu y phục theo đấy;

4) *Musée de l'Imagerie populaire à Épinal*, kỹ nghệ ấn họa bình dân;

5) *Musée de la Vénerie à Senlis*, tàng trữ những gì thuộc nghệ thuật đi săn bằng cách dùng chó đuôi theo con thịt;

6) *Musée de la coutellerie à Thiers*, tàng trữ những dao mác cò kim;

7) *Musée de la Poste à La Haye*, sưu tập tem cờ và những gì thuộc về hưu trạm;

8) *Musée de l'olivier à Cagnes*, trung tâm và viện nghiên cứu về trái ô liu mà thôi;

9) *Musée du Tabac à Bergerac*, làng trữ những gì kỷ niệm và liên quan đến thuốc hút;

10) *Musée de l'Arène à Valence*, làng giữ cổ vật thuộc địa phương này.

Ngoài ra, người ta lại có viện bảo tàng riêng thuộc một nhơn vật (như Pasteur), hoặc lập ngay thành viện bảo tàng tại nhà cũ của nhơn vật ấy đã chào đời, sống hay từ trần tại đó (nhà kỷ niệm văn sĩ Goethe ở Weimar, nhà Napoléon sinh ở Ajaccio, nhà kỷ niệm học giả Hồ Thích ở Đà Lạt), v.v...

Đến như đồ vật, từ khí, không có món nào mà không làm đồ chơi và không để dành được, từ gậy gộc, baton, cầm bảo, áo lính, nhạc cụ, hích chương, giấy hình. Nói đến giấy hình, và đồ bằng giấy, lại nhớ đến một thắc mắc nan giải : đồ cm đồ bằng giấy nên liệt vào loại nào ? Hiện nay khi thì để nó vào mục văn khố, khi khác và gấp tay ông khác, lại sắp nó qua mục thư tịch, và cả hai đều có lý. Khác nào con dơi, xếp vào loài thú có vú cũng được, sắp vào loài diều có cánh, cũng xong.

Nhiều món cổ ngon, ngày nay ba bốn bộ môn đều giành về cho mình : khoa học, bác vật học, mỹ thuật học, sử học.

Bên Mỹ, hiện thời có giờ dành riêng dạy về bảo tàng học (*l'heure du musée*), và họ đã nghĩ đến dạy về khoa rờ mó, trong khi người Á Đông giỏi về khoa rờ mó từ lúc chào đời : nhô đi chân không thì kẹp món đồ rớt rơi bằng ngón chân ngón tay, lót lót mó người đẹp và rờ cây bài ma chược bằng tay.

Chưa có viện bảo tàng nào chuyên về, và lưu trữ những gì đưa hài nhi sờ mó bằng mồm : bú vú mẹ, bú vú cao su, cái lá, cái muỗng để đổ nước cháo, cái mùng vàu khi cho trẻ ăn cơm bằng mùng...

Nghĩ lại mà tức, nhưng nói không được : ngày nay người ta thích nói chơi không kịp suy nghĩ : gẫm lại miệng con người ăn mầm ăn muối, coi vậy mà rất độc : mỗi lần ghét bỏ một nhơn vật khó thương hay một món đồ nào không biết dùng vào đâu, thường nói đùa : "*Cu cho nó vào viện bảo tàng !*" Tôi nghe mà đau lòng. Nếu thật là đồ phế thải thì tại sao không "*cho nó vào phủ de (sauvrière)*"<sup>6</sup>, hay như bên Mỹ, "*cho nó vào nghĩa địa đồ phế vật*"<sup>7</sup>? Ghét nó mà ra nâng cao nó, vì viện bảo tàng đâu phải chỗ chứa đồ hôi xài, vô dụng. Mà một mình anh cái sao lại trăm miệng bá tánh ?

Khi ta lột bỏ ý công dụng của một cỗ vật, ta sẽ thấy cỗ vật là gì, nếu không phải là một vật cũ sót lại của một thời kỳ đã qua. Tương đối, vật cổ kém vật kim, về mặt hữu dụng, lý như cây súng cổ không bì cây súng nay, và lưỡi cày trâu kén không theo kịp lưỡi cày máy. Nhưng kể về sự hiếm hoi ít cỗ, thì đồng tiền cổ, con tem cũ, về mục sưu tầm, lại có giá trị cao hơn tiền mới, tem nay.

Con người bắt chước con thú mà không dè ! Computer (ta gọi chồn hôi), con glouton canadien (một dã thú xứ Gia Ná Đại), con hermine (một loại hổ lông trắng, lấy da thuộc bán rất mắc tiền), những con thú ấy đều có tánh ưa tích trữ và vốn là *cô-lét-vi-u-nơ* (collectionneur) có hạng !

Con chim ác là (pic), cũng ưa gấp đcm về ổ, nhưng vật chói sáng : hột sỏi, mảnh kiếng.

Năm xưa, ở Sóc Trăng có một vụ án ly kỳ : một nhâthợ bạc mất mấy hột chuỗi hổ phách vừa trau giòi xong và phơi nắng trên sàng để ngoài sân, kẽ mất. Nghi cho con đầm tớ Thổ. Nó khóc hù lu hù loa, thè thổi bán mạng. Thưa tới cò bót. Ba tôi nhà ở ngang, qua kiếng giùm. Bỗng thấy con quạ nuối. Ba tôi có từng nghe, khuyên đến nói xin bồi nại : việc không đáng gì, làm tội con tớ, can cho nó. Sau con quạ chết. Mồ bụng ra, còn đủ mấy hột chuỗi, lén nước, đò au. Nếu hột xuần kim cương, quạ còn nuốt lẹ hơn nữa ! Đâu phải mấy cô gái tân thiền, mới biết sưu tập những hột mắc tiền và sáng sảng ! Sở dĩ quạ chưa mửa nút hổ ra, vì là quạ nuối không có ổ.

Trở lại viện bảo tàng, hiện nay các nước tân tiến sắp : nhứt, thư viện; nhì, văn khố; ba, viện bảo tàng. Theo tôi, phải sắp viện bảo tàng đứng trước hai viện kia, vì phẳng lèn ngọn, đồ dùng có trước, sau mới vẽ hình, ché dấu ghi và chử để nhớ tên mà gọi.

Ông F.H. Taylor, khi định nghĩa viện bảo tàng, viết : "les musée constituent un mal nécessaire" (viện bảo tàng là một mồi họa, cần kíp không có không xong), là vì viện bảo tàng tốn kém, nhưng dạy khôn dạy khéo nhiều lớp người.

Một học giả khác, ông Thoré, viết : "les musée ? Ce sont des asiles posthumes" (viện bảo tàng ư ? Đó là những di thửa, thụy viện), nhà chứa di sản, cỗ vật xưa.

Trong khi ấy, tựi "amateur" là bọn thanh nhã phong lưu chơi theo tài tử, có khi là một Mạnh thường quân tìm sự tận thiện tận mỹ, tận kỳ, ưa ra mới cho đời bất chước, dốc lòng phóng tác, chế mỹ thuật tương lai. (L'amateur est un joueur et généralement un mécène qui recherche la perfection et la nouveauté et qui lance la mode d'avant-garde, cet art du lendemain).

Người cò-lết-xio-na, khi đã cẩn câu, sẽ là một khách si tình, bụng tham muốn tóm thâu bảo vật vào túi càn khôn của mình, nhứt là muốn tìm được cái món sẽ làm chớp mao của bộ môn mình săn có. (Le collectionneur est un mordu, un passionné qui veut tout réunir dans son domaine et surtout celui qui veut posséder l'objet introuvable qui couronnerait la série).

Người phù hoa (snobism) là người lấy làm thích thú và hánh diện, khi có dịp khoe của, một người thích theo thời thượng.

Và có người đã nói : "Tình si của kẻ ham kỳ ngoạn, dù đội chi thua tình ái và thị dục vô nhai, chi vì vật kỳ ngoạn vẫn bé tí teo, còn ái tình và thị dục vốn là vô lượng". (Dịch gấp câu của La Bruyère : "La passion de la curiosité, est si violente qu'elle ne cède à l'amour et à l'ambition que par la petitesse de son objet").

Loài chim oiseau-jardinier xứ Úc Đại Lợi và xứ Tân Guinée, biết làm hoa viên, gấp kẹp vỏ sò vỏ ốc chiếu hào quang về bọc viên cho hoa viên thêm đẹp, và biết lấy nhựa cây đỏ xanh về đan vông làm ốp cho con nầm.

Ở đời có nhiều người có lánh hiếu kỳ, như ông Littré, một mình soạn một bộ tự điển, và hết thảy bọn hiếu cổ, xét ra, đều có lánh "nhát đèn", sợ khách, sợ đàn bà, lấy thú sưu tập, ở cõi độc, làm vui.

Năm 1851, bên Londres, mở ra cuộc đấu xảo vận quốc (exposition universelle), xong rồi, lấy cái lâu dài ấy, lập ra viện bảo tàng *Victoria and Albert Museum*, khai trương từ năm 1857.

Bấy giờ mới đến lượt trả lời câu hỏi của em, (thì liệu anh là người ham nói tha cầu biệt xạ): nhưng anh xin vẫn tắt. Để qua tập số 7 hay tập 8 khi nói về *thú chơi cổ đồ bài bùa*, anh sẽ nói rõ về cách sắp xếp và trình bày đồ xưa. Cũng may, người mình cũng chơi gần như rặc rồng đồ sứ men lam (hécu de Hué), nên cách sắp xếp không khó. Một vài nhà có mấy cái lọ Tống lèo hào, thì cũng không thành vấn đề.

Nên nhớ đừng đợi già rụng răng mới chạy sám đồ xưa. Con trai (huitre perlière) luyện cục ngọc trai, khi còn ở biển. Phải học chơi từ nhỏ. Cái nhà là cái vỏ không cần mấy. Chỉ cần cái ruột, và tục ngữ ta đã có câu giải thích : "chùa rách Phật vàng".

Anh đã dặn sắp đặt chỗ đứng của món đồ là tùy bối cảnh của nó. Lúc mới sám và còn ít, món đồ để chỗ nào cũng được, tùy sở thích và tùy căn nhà đang ở, duy đừng theo kiểu nhà phú ông nọ, trên là bàn thờ ông vải, dưới là tủ kính có chung một cái bình tiếu, chữ gọi "niệu khí" (urinal), thứ đồ đựng nước đái của các quan Huế, hay của ông hoàng, ban

đêm không dám ra ngoài, sợ lạnh hay sợ ma nhát. Kỳ trung, nhà ấy đâu ngờ đó là bình đựng đồ đan, vì dáng nó giống cái bàn là (bàn ủi) có cổ cao để hứng !

Nếu đã có nhiều, nên sắm tủ cho dáng già, thà tốn một lần, khỏi đổi thay tốn kém. Tránh để quá ngay hàng thằng lối, xem nhảm; nên giữ có trật tự và biết sắp theo bộ môn : hú theo hú, dĩa theo dĩa, và biết đề cao những món tuyệt đẹp, nhưng phải tôn trọng niên kỷ món đồ, mới ra người chơi có bản lĩnh.

Vấn đề để gỗ và chun dài, cho đến nay còn chưa giải quyết. Một trăm năm trước, bên Âu châu thích chưng bày đồ sứ cổ, để đèn. Nay họ bỏ hết, theo tôi, có lẽ vì bên ấy khó tìm cây và thợ để tiện chun dài. Bên mình, nên lựa để cũ, để trắc, mun, cầm lai, gỗ, sừng, tê lám cũng để mít, hay gỗ nhãn. Sứ có để, như người đẹp chọn hớn chọn hài. Khó nhứt là lựa cho hai vật, để và sứ, ăn bộ với nhau, vì để nhiều kiều : chun quì ra, chun quì vô, chun cheo, chun gấu, kiều trái ấu, kiều cánh sen, kiều tròn láng. Đề thắt kiều tai hại như mình vận đại phục mà chun mang dép dừa, hay dép Bình Trị Thiên hay cõ dâu lùn mang giày gót quá cao. Người sành điệu phải biết nhà thợ tiện, và mỗi món, tiện chun dài vừa vặn toàn bằng một thứ gỗ quí đồng màu. Những để chạm, để sơn mài, để bát chì, rất kén không phải vật cổ nào cũng để trên nó được.

Về ánh sáng, phải cân cho vừa; và mỗi món phải ngồi đúng chỗ.

Các vật nhỏ vóc, không nên để dồn dập quá nhiều, hóa ra tiệm hàng xén.

Một món cỗ, thật độc đáo, để giữa nhà, khách đến chén, ngồi chung quanh, mà không áng che mặt ai, thì chủ nhà không nên cưỡi vợ; đêm lại, ngủ dưới chén món ấy cũng đủ loại nguyệt! Phải đặt nó trên ghế cao cẳng, nhưng cao vừa phải, ngang tầm mắt, thấp mắt hay, mà cao thì lòng chòng. Món vật đang hay mà để vào két, thì hỏng, cũng như hỏng luôn là những trân ngon nho nhỏ mà để quá nhiều, và phải biết khai thác triệt để luật tương đối, tương phản và xin nhở, chẳng bao giờ "nên khoe hết của", chưng bày ít ít, khách vô nhà thấy thơm nhẹ nhàng, muôn ở lâu và mau thông cảm. Nhà chuộng thẩm mỹ và nhà nghiên cứu, có khác, ở chỗ này.

Anh đã quá ham hàn về vấn đề chưng dọn trong viện bảo tàng hơn là trong tư già đến mắt trọn buổi sáng này mà mấy điều khoản kia chưa được đá động đến. Cũng tại anh đó chút. Một điều anh dặn thêm là chưng dọn là để làm tăng phẩm giá món đồ, và chờ để món nào chìm trong những món khác. Nếu có hông tươi quá thì nên cắm vào bình, không có không ép, và chẳng nên dùng hông giấy và hông giả, làm mất giá trị hồn bình.

Anh chưa nói về tranh giấy, tranh bối; xin hẹn khi khác.

## 2. - *Cách giữ gìn bảo vật.*

Đó gồm đồ sành không đòi hỏi nhiều về cách giữ gìn.

Thứ nhứt là đứng cưng nó lấm, mỗi ngày mỗi lấy ra chùi lau, nhứt là rửa xà bông, là tối kỵ. Sút tay là rồi đời. Nếu để trong tủ thì cứ để yên. Chớ lấy ra lấy vô để khoe, có ngày khoe luôn lần chót.

Muốn lau đồ sành, nên dùng giẻ khô, cũ và mềm, là tối nhứt. Đứng dùng chổi lông gà, chổi ni lông, sợ vướng vào chưn gỗ, quết mạnh tay, có thể làm sa xuống đất thì là ô hô, đâu gọi vợ con ra cung chì có khóc, và chứng kiến sự làm dám ma cho chiếc lục bình. Nếu có mệt mỏi hay làm biếng, tối hơn đừng làm tài khôn làm cho sạch sẽ cái bình. Nó dơ mà còn, hơn nó sạch mà bẩn.

Nhiều khi thối bụi hàng miệng, nhiều người thấy thì cười mình kém văn minh, nhưng cách thức ấy bảo tồn hơn chổi hơn xà bông nhiều. Không sạch lấm mà vô hại.

Nếu cắm hoa huệ hay glaicul, lâu ngày nước hôi lấm, và cần phải rửa, thì nhớ giùm mấy lời trên. Ba lối sành tiễn, có chẽ ra làm, ống thiếc ống kẽm đựng nước được và vừa với cái miệng bình, lấy ra lấy vô rửa và thay nước rất gọn. Nhưng từ ngày chạy giặc lên đây, tôi đã từng làm bể một cái bình ở Sa Đéc, nên tôi lớn khiếp và áp dụng một phương pháp không biết sao mà nói : bình cổ không dùng cắm hoa tươi nữa; một đôi khi có giỗ kỵ, hay ngày tư ngày lết, thì chính tôi thay nước, cắm hoa. Và ngày thường, tôi có sắm lục bình Biên Hòa, đâu có bể nào cũng chưa đến cắn lưỡi và treo cổ.

Các cổ vật, cổ bình, nó lu mờ lạc linh, cứ để y như

vậy. **Đừng** làm tài khôn kỳ mài cho thêm bóng, làm mất giá trị của vật xưa.

Nguyên tắc trong sách dạy : *đừng sửa chữa; nếu cần phải sửa chữa thì sửa ít ít càng hay, không sửa lại càng tốt, và về vien ldm lại càng tai hại.* Một anh đào đất có dịp may đào gặp một cổ vật quý : đó là một hũ đồi, bên đựng nước, bên đựng thóc, màu ngù sặc có lẽ cũ đến đời Đạo Quang (1821-1850). Lần đầu, anh đến tìm tòi nhưng không gặp. Bận về nhà, anh thấy hai cái hũ dính lẹo, anh ghét quá. Hai cha con hè hụi làm sao đến hai cái hũ tách ra, mừng quá chạy lại khoe tòi. Tòi cất nghĩa và từ chối không mua. Cái mặt của anh, lớn cho một đồng.

### 3. - *Cách săn sóc đồ gốm đồ sành.*

Săn sóc khác hơn giữ gìn. Giữ cho nó đừng té. Săn sóc cho nó không bình. Theo tòi, giữ tẩm tranh quý cho đừng rách, mà săn sóc bộ ghế trường kỷ cho thêm lên nước.

Chẳng nên mới chuộng cũ vong. Khi mới mua về, khuya còn thức dậy lấy giày, vợ chồng xò vào kẹt song kẹt mây chồ chạm, kéo qua kéo lại cho sạch bụi. Được đâu vài ngày, nhiều lầm là vài tháng, thủng thảng lơi lỏn, sau rốt, tìm được một phương pháp ông bà đều tán thành là giao phận sự chui kẹt ghế cho chị vú, vừa giữ em vừa chui nghe cột kẹt. Đến lúc chị vú thôi ở, bộ ghế, con lấp búa đập rầm rầm, cũng chẳng thêm rầy !

Muốn săn sóc chiếc bình quý, nên đổ nước mọi phần vào bình. Như vậy, đầu mùa nóng, không sợ bình kinh nứt, hơi nước bay lên, nhà thêm được mát. Nếu không

dùng nước thì dùng cát khô. Chứ nên quá kỹ như thầy giáo kia, dùng xi măng dàn đáy bình cho bình nặng không ngã, và tường đó là thượng sách. Sau muôn cho con đi học bên Tây, lấy bình ra bẩn, chèc ve chai biếu lấy xi măng ra, nó sẽ mua. Nhưng lâu ngày, xi măng đã chết, mỗi ngày thầy giáo đi làm về, tôi nghe chắc lưỡi, tôi chạy qua, hai đứa lấy tay rờ rờ chiếc bình, tôi cũng vô phương. Sẵn sác kỹ quá nên ngày nay ráng chịu.

Nhà nhỏ, có cửa sổ trọt màn xem rất vui mắt. Đứng đế chung lục bình trên bệ, có ngày gió mạnh thổi tấm màn quất cái bình hạ bệ, đó là không biết sẵn sác đồ xưa.

Em còn nhớ câu : "Có phai thi phai bằng sào chở phai hàng rào, rách áo chồng tao". Đó là một câu hát xưa, gồm đủ nghệ thuật biết sẵn sác.

#### 4. - *Cách sửa chữa đồ xưa.*

Sainte-Beuve từng nói : "Sự giả mạo là lời nói cuối cùng của mỹ thuật; giả mạo đời nào cũng có, nó đã xưa như trái đất" (la contrefaçon est le dernier mot de l'art et elle est aussi vicille que lui). Câu này người khác dịch còn hay hơn nữa, nhưng ở đây, anh không tranh luận về văn chương. Anh muốn áp dụng câu này qua cách sửa chữa đồ cổ ngược mà thôi. Vả lại, nói đẽ mà "đổi diện đàm tâm" choi vậy thôi, và tuần trà cũng kể như chấm dứt. Chương này, về sửa chữa, nên nói nhiều nhất là về tranh xưa, còn đồ sứ cổ, việc sửa chữa nó là phụ thuộc. Biết đẽ bụng, và khi có món nào cần sửa chữa, tôi hơn nên giao nó cho chuyên viên, tay ngang mà mó tay vào, làm hư thêm là có.

Sự sửa lại (như vá víu một đồ sứ mẻ sơ hay nứt re chút ít, lắp một lỗ lủng trên tấm tranh quý...), không ngoài ba việc này :

- Sự tu bổ (tu bổ một cuốn sách rách bìa, sứt vài trang);

- Sự trùng tu (sửa một đèn dài, chùa miếu lại y như trước);

- Sự tu phục, tu lý (không kể nhiều nghĩa khác, không thuộc vấn đề cổ vật).

Khôi phục một cổ vật đến làm cho nó cũ quá hớp (restauration abusive).

Giả, nhái cổ vật bằng cách tráo tân thay cựu (trouquage).

Bắt chước ký kiêu theo xưa, nhái hệt vật cũ (copie intégrale).

Bản mô tả in lại theo cách công nghệ (fac-similé industriel).

Ngụy tạo, ngụy tác (contrefaçon).

Mạo tác, thiên hình vạn trạng, làm sao kể hết được.

Đó em thấy chưa, sửa chữa mà sơ ý một chút là lọt vào mẩy bầy rập trên đây, từ một món chén chánh, làm cho nó trở nên giả, xấu hơn trước, em nghĩ thế nào ? Một hàm răng xéo xạo, khi cười, nó có cái duyên của nó, nếu đó là người mình đang thương tư. Loo lên ghẽ ông nha y sĩ có bằng cấp, Ông làm cho hàm răng ngay ngắn, nhưng

không xước mía cây được nứa và khi cười, phải bùm miệng lại sợ có cái nào văng vọt bất tử theo tiếng cười, em muôn cái nào ? Nghệ thuật sửa chữa, không gấp tay xào thủ, nó khốn nạn như vậy đó.

Tỷ như em có một cái đồng hồ thật đắt tiền. Khi nó trục trặc không nhéo, em là người kỹ, vậy chờ em tự tay làm cho nó chạy, hay phải giao nó cho tay thợ khéo và tin cậy được. Ở đời duy có một thứ, mình phải sửa lấy, là người vợ mới cưới (hay cây súng của mình, đừng hỏi anh súng nào !)

Tuy vậy, có trường hợp phải dung nạp công khai những bức ký kiêu chọn chánh (copic avouée), thay vì sửa chữa. Tỷ dụ : tại thánh đường Saint- Bavon nơi thành Gand (Bỉ Lợi Thời), xưa kia họa sĩ *Van Eyck* có để lại một bức tranh tam thể (triplique) nhân là *l'Agneau* (võ tích con trâu). Sau này trong bộ tam thể ấy, có một bức vẽ các quan tòa vô tư (*les Juges intègres*), bị kẻ trộm lấy mất, tìm mãi không ra, dành vẽ lại một bức khác cho đủ bộ, và như vậy là tranh vẽ, ký kiêu chọn chánh, không có gian ý, nên được nhìn nhận không phải là ngụy tạo.

Nói đến đây, ngừa miệng quá, cho anh lạc đê chút xíu.

Trong giới giỏi sửa chữa và giỏi làm đồ giả tạo, có nhiều giai thoại lý thú :

Có anh Sperati chuyên ngụy tạo một con tem quý, bán rất mắc tiền. Anh nhái khéo cho đến đỗi về sau, các tay bán tem sưu tập dành phải điều đình, nạp cho anh trên mấy triệu quan tiền lẻ, để anh làm cam đoan

bỏ nghề ngụy tạo tem cờ, vì anh đã đi đến nghệ thuật tinh vi bất chước được y, đến các tay chuyên môn không phân biệt nổi giả chơm. Và anh vẫn là một tay sửa chữa thiện nghệ vậy.

Anh chưa nói gì về cách sửa chữa cổ vật. Nhưng anh đã nói, nghệ tinh sờ sú, biết vậy thôi, không nên xâm phạm ranh giới người khác. Hết đau thì đi bác sĩ, chữa bậy lụy đến tánh mạng. Và chì bậy, các độc giả nghe theo lời, làm hư vật quý, tôi không có đó, trách móc vô ích. (Có một thứ keo của Mỹ, gồm một chất trắng sệt sệt, và một chất đặc đặc như dầu cặn, hai thứ này phải để riêng và đậy nắp thật kín, khi dùng, hòa hai thứ lại và lấy đó gắn sành rất chắc, khi dính rồi, những miếng sành bể, khẩn lại, gấp nước sôi cũng không sợ. Đó tôi chỉ rồi đó. Nhưng khi cần, phải nhờ các tay chuyên viễn ửng sử dụng chất keo này. - người Mỹ họ gắn gỗ ván làm thuyền nước không lọt, người mình lấy gắn đồ sành, đồ sứ, - nếu bất chấp chuyên viễn, làm lấy mình, đồ cổ quý vị bị chứng "há miệng mắc quai", xin đừng trách tôi chì bậy. Keo này còn hay hơn keo bán trong tube, loại soude-grès, colle de poisson, v.v...).

Dầu sửa chữa khéo hực nào (người Ý, người Nhứt và sành bể hay nhứt hoàn cầu) lâu năm chầy tháng, chỗ sửa cũng đổi màu và thấy được. Vì vậy nhà tôi ít có đồ sửa lại lắm.

### 5. - *Cách để phòng mồi trộm.*

Thứ nhứt chẳng nên chạm tên mình vào món đồ. Nó

vẫn bị ăn cắp như thường, và khi tung bán ra, làm sao bôi tên mình cho người dùng biết ?

Hoa hoạn, sâu mọt, mối, con hổ đuôi, còn tai hại hơn trộm.

Về viện bảo tàng, và nhà tư gia có quá nhiều đồ cổ, vẫn đề trộm đạo liên quan nhiều với vấn đề canh gác. Ngoài sự canh gác cẩn mật, có một cách tìm lại cổ vật mất trộm bằng sự "công bố" (làm cho thiên hạ đều biết) (publicité). Có công bố thì kẻ trộm khó lưu chuyền và bán dễ mòn đồ trộm.

Và chẳng tên trộm lấy món đồ kia chẳng qua với mục đích duy nhất là làm ra tiền, bán nó hoặc trao nó đổi tiền cho kẻ mướn ăn cắp.

Và người mua có gian ý, kè mướn lấy trộm, không ai khác hơn là bọn buôn đồ cổ thiếu lương tâm và có khi là người đã nài mày lần mà mình không bán. Mua không được, sanh tâm mướn cắp. Đầu tên trộm làm bể, thì bát được một cái gai trong mắt. Nay đăng hình, đăng báo, thông tin cho cơ quan mật thám, các nơi mua bán đồ cổ, những tiệm cầm đồ, v.v..., in giấy có hình vật mất trao phát cho giới thích đồ cổ, tức nhiên ta gán trở hành động của tên trộm một phần lớn. Tên này chỉ còn nước, cung đường, phải thủ tiêu món đồ, - anh không bán tiếp vì nghe ghê quá, - nhưng xét về tâm lý, duy có các tay trộm còn mơ chưa lành nghề, mới nghĩ ra cách trộm đồ cổ bán ra lấy tiền. Bọn trộm chuyên môn, già kinh nghiệm, chỉ mê thích trộm ngọc, xàon, vàng, nữ trang, tiền bằng giấy

bạc nhà băng, v.v... để giấu để xài. Bọn ăn trộm lành nghề, rất ghét trộm cổ vật : trộm đồ sứ khó đem ra khỏi chỗ trộm, kính càng, để bị bắt tại trận, trộm ra khỏi rào, chẳng may bể cái bùp, mất công phi tang miếng, lại còn đứt tay đứt mặt. Mang về tới nhà, rất khó bán, và những món hữu danh, ai ai cũng biết, để gì nuôi trôi ? Trộm tranh, khó di lưu, sợ hư rách mất giá trị, khi bán sợ có người nhìn được... Xét như vậy, và rốt lại, chỉ có đồ cổ băng vàng, kim cương, ngọc lục bảo là kẻ trộm côn mề.

Ngày nay các viện lớn đều có canh phòng cẩn mật. Trước đây, các báu vật đều đặt trong tủ kiên cố có điện báo tin khi có ai dụng chạm. Nhưng phương pháp này nay cũng đã lỗi thời, vì điện có thể bị cúp trước thì cũng vô ích.

Có viện đã nghĩ ra chế tủ sắt thật chắc, chỉ chừa một mặt có kính dày cho thấy báu vật chung bày, đêm lại có máy trực cái tủ xuống hầm xi măng cốt sắt, ăn trộm bơm mìn.

Viện Le Louvre cẩn thận hơn, chỉ bày kim cương lần tạo giống hệt những hột xoàn hữu danh, như Le Régent, nặng 28 gờ-ram, mào nạm xoàn của Napoléon, gươm cẩn kim cương của Charles X, và những báu vật vô giá thiêng, vẫn chôn sâu dưới ngân hàng xây dưới đất nhất cử nhất động có máy bơm nước ngập hết, dấu quân giặc cũng không lấy được.

Riêng bức tranh La Joconde, có kính dày súng bắn không lủng che chở, có vòng rào sắt vây quanh, có hai

người gác d่าน, vô nghệ cao cường, mỗi người cự nỗi hai mươi kè gian không bình khí, và dân chúng muốn xem, phải đứng ngoài xa, chờ không được lại gần.

#### 6. - *Chút ít cẩn bản pháp lý về đồ cổ. - Tình trạng mua phải đồ gian.*

Vấn đề này rộng lầm, thêm anh không giỏi luật, nên xin cho anh miến bàn. Nhưng gì anh biết, anh đã nói gần đầy đủ nơi truong 138-139 tập 6 này, em ráng chờ in rồi mượn đọc. Riêng anh, nếu có mảnh trộm hay rác rỗi, anh quyết tìm các luật sư quen và có thiện tài thiện chí. Cũng may, chưa có việc gì xảy đến cho anh.

Duy có luật Nhà nước mỗi người chơi đồ cổ cần phải biết là cấm không cho mang ra ngoài lãnh thổ quốc gia các sản phẩm văn hóa có giá trị lịch sử vì bản thể của nó như : mỹ thuật phẩm, sách vở cổ, những lưu vật quan trọng, các bản sao ảnh, vì ảnh đúng bản chính những loại sản phẩm kể trên bất luận chủ nhân là ai hay cẩn nguyên ở đâu.

#### 7. - *Đôi chút lúc còn chơi; bán đi khi đã chán.*

Vấn đề này, nghe buồn quá ! Nhắc làm gì cho động mỗi thương tâm.

Không gì hay bằng lúc còn bay nhảy, sám cho nhiều những món lạ quí, để tặng hào cho anh em. Một cái đĩa hiệu "Phiến Ngọc" vẽ ba con dê (*tam dương khai thái*) tặng nhau cho đúng lúc, anh xem không phải *ngọc nưa miếng* mà là *ngọc nguyên một khối*. Và dầu sao, anh cũng nhớ đời đời.

Đi lễ mừng tân hôn, mà dâng một dĩa "tại thiền ty  
dực điểu", nghĩa lý nhiều hơn Ông họ đi hồ gởi một tú  
lạnh dâng giá trăm ngàn. Duy ẩn ý ấy, phải người thanh  
mới hiểu.

Ăn khai bằng, dâng một ẩn hay dĩa cỗ, để "trạch nhựt  
cao thăng", nhơn tiệc tân gia, gởi một dĩa quà từ có chưng  
một trái măng cầu, một trái dừa, một trái đu đủ, và một  
trái xoài, ấy là chơi chữ, chúc nhà ấy : "Cầu Vừa Đủ Xoài",  
còn muôn chi hơn nữa ?

Còn vấn đề bán đi khi đã chán, anh để em tìm câu  
trả lời ấy. Vì bấy lâu, hết tiền thì anh ngồi viết sách, chờ  
bán ? Bán không thành. Nhưng riêng dặn em, muốn ra  
người pra-tic (thực tế), phải nhớ giá lúc mua, và chẳng  
nên bán dưới giá đó bao giờ. Túng tiền thà đóng cửa ăn  
gạo lức chấm muối mè, ai đời đờ cõ mà đem bán nài hạ  
giá. Trương Lương cho gươm, lựa người. Và em nhớ chờ,  
cái tích một công tử đời Chiến Quốc, bạn muốn gươm,  
chưa cho được vì còn phận sự; khi trở về, bạn đã mất,  
bèn đến mộ treo gươm gởi về âm cảnh. cái gươm này  
thuở nay anh thích nhất, thanh nhã vô cùng và ý nghĩa  
cao thâm không chô nói.

Cho anh kể lại một gươm này, ít ai biết :

Những người trang lứa với anh, đều còn nhớ Ông Paul  
Gannay, sinh tiền là tổng giám đốc Đông Dương ngân  
hàng của Pháp, giàu nứt đố đổ vách, Ông giữ thuyết độc  
thân cho đến ngày mẫn phẫn, và thú vui của Ông là sưu  
tập đồ cổ. Ông có hai người trung tín; một bí thư và một

tài xế. Ông kỷ niệm lại cho hai người, mỗi người một vuông nhà xinh xắn. Ông sắm đủ tháp vật không thiếu món nào, ông suy nghĩ và dự định tới cây định mốc áo, và đến ngày chư "N", ông mời hai người thân tín ấy, ông trao chìa khóa và hai người chỉ còn đem gia quyến vào ở làm chủ vĩnh viễn, vì bằng khoán, ông Gannay cũng đã lo trước và sang tên cất bộ xong rồi.

Nếu sự tích chỉ có bấy nhiêu thì tôi kể ra đây làm gì ? Tôi muốn nói đến từ chúc ngôn của ông quân tử không ai biết này. Trong chúc ngôn, vì ông sống cô thân, không họ hàng, nên ông ghi hai khoản :

1) Gia sản điền viễn, tiền bạc gửi băng, chưởng khế nô-te phải tìm cho được dòng họ của ông, chia nhau đồng phần;

2) Bộ môn sưu tập của ông, rất nhiều đồ Tống (poterie Song), đồ cổ đồng Thương, Ân, Hán. (bronze Chang-In, Han), ngày nay ước định giá đến bạc tỷ, ông đều di chúc biếu trọn cho viện bảo tàng Sài Gòn, tức Viện quốc gia bác cổ ngày nay trong vườn bách thảo, duy ông xin nô-te phải tôn trọng hai điều nhỏ :

a) Ông có mươi mấy người bạn tri kỷ, (tôi không nhớ rõ đúng là mấy người), khi thi hành tờ chúc ngôn, nô-te phải mời đủ mặt các người ấy và mời họ lựa mỗi người một cổ vật nào họ thích nhất, gọi kỷ niệm của ông lưu lại để tưởng nhắc ông;

b) Trong bộ môn sưu tập, có một cái đồng hồ quà quí, vỏ băng sắt đen, giá lúc đó lối vài ba trăm bạc là

cùng, ông Gannay cẩn dặn nô-te phải tìm cho được người thừa kế của chủ cũ nó mà giao trả lại. Đây là một cái đồng hồ do một người võ quan Thủy quân Pháp cầm cho ông lúc hai người còn hàn vi, và trước khi nhấm mắt ông muối nô-te tuân lệnh ông, cho "châu về Hiệp phò", vì lúc sanh tiền, mân lo sưu tập và làm giàu, ông quên phứt việc tìm con cháu ông võ quan mà trả lại.

Đó em thấy chưa, một người Pháp, qua đây sanh phương lập nghiệp, mà lúc chờ hơi cuối cùng, đã nghĩ tới ơn nhờ đất đai thủy thổ nào mà trả nên triệu phú, nay sắp lìa đời trở về đất đai với hai bàn tay không, đã phân phát sự nghiệp như thế, anh đề cao ông Paul Gannay và khen ông hoàn toàn là quân tử, dầu ai xấu miệng nói anh nịnh Tây, anh cũng cúi đầu chịu vậy, chờ sự thật anh chưa biết mặt mày ông Gannay, biết danh thì có. Tiếc thay, vì không chỗ, nên viện bảo tàng không chưng bày bộ môn sưu tập này cho công chúng xem; và việc ấy bắt anh nhớ lại bộ môn bàn ghế của ông Trương Vĩnh Ký cũng đáng đem ra triển lãm, mà cho tới nay vẫn còn chất đống chờ mục nát trên gác thượng viện bảo tàng, không một ông quản thủ nào đề nghị lấy xuống chưng bày cho dân chúng xem và viện khảo cổ cũng là ngù gục.

Anh nói rồi lại xin bào chữa. Tại chánh phủ không tiền, chính viện Guimet ở Paris, thọ lãnh bộ môn sưu tập của ông Granddidier, hiến chính phủ từ năm 1894, nhưng nay cũng chưng mới nhấm còn phần lớn vẫn còn nằm chình ình trên kho gác, có lẽ vì thiếu chuyên viên sắp xếp, chờ nước Pháp thiếu gì tiền !

8. - *Ngoại đè : khi bạn đến nhà, nên cho xem những gì ?*

Câu hỏi, mới nghe như ngớ ngẩn, nhưng gâm lại, đáng lưu tâm.

*Nhè thang đến mượn tiền, thì chỉ có lấy tiền ra là nó thích, chờ khoe đồ xưa cho nó mếu, ịch gì ?*

Mấy thằng bạn quẩn cụt, xách vại hàng hải vô phòng xin một ly nước, cũng đừng thuyết đồ cổ đồ xưa làm gì.

*Và đồ cổ ngoạn sấp đầy tủ, lại đó mà xem, khéo hỏi !*

Tuy vậy, quả thật phải biết từng người bạn mà nói chuyện cổ ngoạn kỳ trân. Có người chỉ thích dưa trà lè bô. Có người ưa những món lớn và độc đáo. Lại có người chỉ khoái thấy những sử liệu : cái dưa Mai hạc của ông Nguyễn Du đi sứ đem về, cái tó ông Đặng Huy Trứ với bài thi nôm mới lạ.

*Bạn nào thích loại gì, thì lấy loại ấy ra mà bàn bạc hay tranh luận, để quên bớt sự đỗi : vật giá leo thang, đồng bạc giấy biết too.*

Một bộ môn đầu nhiều cách mày, không nên để y như vậy hoài hoài. Phải nắn dỗi chỗ để đổi không khí. Với một môn độc nhứt cũng vậy, phải dỗi chỗ cho nó vui mắt và cho có việc làm. Nhàn cư vi bất thiện !

*Anh lại dặn em nữa. Nhớ sắm tủ ni tắc gần bằng nhau, để dỗi đồ khỏi sửa tủ.*

*Tủ cao quá, mất công với, nó ưa trèo lưng. Lao trèo khi lớn tuổi là điều cấm kỵ.*

Tủ lùn quá, phải ngồi xuống đứng lên để sấp mòn đồ, cũng bất kỳ. Cúi xuống quá, có khi nó trật khớp xương, dưới co không được cả tháng, hết muốn chơi đồ xưa.

Đặt món cổ vật trên cao, bất người xem ngược mặt mãi mãi, sanh ra một bệnh. Pháp gọi *la migraine des musées*; có ý trách treo tranh hay cổ vật quá cao, xem nhức đầu mỏi cổ.

Cái tủ đúng với lý tưởng là đúng với tầm con mắt (người Việt cao bực trung, 1th60, 1th70, đóng tủ cao 1th80, hè ngang 0th90, muốn đổi riêng hay ráp đôi đều được, đã gọn lại vừa tầm mắt của chúng ta). Muốn đổi làm tủ sách, cũng dễ.

Nếu dùng gỗ quý, có vân bông săn thì nên để trơn bén, nẵng lau chùi cho bóng láng, và đánh sáp Cà Mau là hay nhất, không có xi ra hay encaustique nào bằng.

Nếu không có gỗ quý và dùng gỗ đà, gọi "bèn" và nếu có thợ chạm giỏi, chạm theo kiểu vò cổ điền Việt Nam, thì là tuyệt diệu. Nhưng thợ chạm hay, ngày nay khó gặp, lớp đã già, lớp đổi nghề mới dù sống, vì nghè khó học mà cũng ít học cho đến nỗi đến chốn đúng tay xảo thủ. Nhiều khi mua tủ làm săn và cũ, lại lợi hơn tủ cây xấu và vì thợ không khéo.

Bất cứ tủ loại nào, khi để đồ xưa thì phải cho chắc chắn. Các tủ cần xệu xạo và ợp ẹp, miễn cưỡng dùng, có ngày sanh tai hại, tiếc hối thì sự đã rồi.

## 9.- *Vấn đề linh tinh.*

Anh định đến mục linh tinh này, anh sẽ xổ hết những gì tức tức chất chứa trong lòng bấy lâu nay, nhưng khi tới rồi, anh lại quên hết, cái già nó dở là vậy. Và chỉ còn nước nhớ bấy nhiêu nói hấy nhiêu, sau này sẽ hay và em đừng cố chấp; thế nào anh cũng sẽ nói lại về viện bảo tàng cho kỹ một chút anh mới nghe cho :

Anh nhớ về cách trưng bày, viện Metropolitan Museum đề nghị ba thứ viện :

- a) Trình các tranh quý, hoàn toàn không một lời chú thích;
- b) Bên cạnh, trình các bức tranh và có dẫn giải;
- c) Bên cạnh nữa, trưng bày tạm thời, một mớ ít tranh có giải nghĩa thật đầy đủ.

Đó là những viện bảo tàng thiệt thò. Ngoài ra có chung dọn một phòng triển lãm tạm nhất thời và luôn luôn thay đổi các món trưng bày, để cho công chúng có dịp biêt tổng quát về những bảo vật trữ trong kho, vì thiếu chỗ nên không đem ra trưng vĩnh viễn.

Ngày nay bên Mỹ lại nghĩ ra cách, như năm trước, mượn của Pháp bức tranh hau nhất trên đời *La Joconde*, nghe nói trả tiền bảo hiểm cũng ngập, rồi chờ qua bên nước họ, triển lãm cho công chúng xem, cách này mới nghe như chướng tai, nhưng nhờ nó mà những người không nói ra khỏi xú, cũng có dịp cung chiêm các kỳ quan trên thế giới khác. Năm trước, viện của ta cũng

từng gởi châu báu Óc-Eo qua Mỹ theo phương pháp này.

Theo thống kê cho biết, trên thế giới có cả thảy 12.000 viện bảo tàng, chia ra 50% ở Âu châu, 25% ở Mỹ quốc và 25% rải rác khắp các nước khác.

Nước Nhật, khi xây viện bảo tàng ở Tokyo, đã nhờ kiến trúc sư kỳ tài Le Corbusier của Pháp, vẽ đồ án.

Trong năm 1936, làm thống kê thì viện British Museum ở London ăn khách nhất.

Hiện nay các nước văn minh không để viện bảo tàng trong trung tâm thành phố và dời ra chỗ thoáng cảnh, gọi đó là "musée-sitc", vừa ngắm đồ xưa vừa xem phong cảnh, vì nước họ thiếu gì xe, xa mẩy cũng chạy tới, viện bảo tàng lộ thiên (musée en plein air) và viện bảo tàng phong cảnh (musée-site), xuống dưới Danemark thì hai thư viện này không hợp thời nữa, và chỉ có trên vùng Bắc Âu châu.

Có ba thư viện bảo tàng thông dụng nhất :

- 1) Musée-salon de l'Europe Occidentale (viện bảo tàng Tây Âu, trình bày toàn quí vật và bảo vật);
- 2) Musée-club des Amériques (viện bảo tàng Câu lạc bộ bên Mỹ, vừa viện vừa chỗ hội hiệp trò chuyện);
- 3) Musée-école des Soviets (viện bảo tàng có tánh cách học đường bên Nga Xô Viết).

Ngoài ra, còn thiếu gì viện khác, như *musée-laboratoire* để các nhà bác học đến nghiên cứu; *musée*

*d'archéologie* là viện bảo tàng khảo cổ như viện Sài Gòn; *musée de l'Armée*, viện tàng trữ súng ống giáp sắt của nhà binh, *musée folklorique* là viện tàng trữ những gì thuộc phong tục, cổ tích một địa phương; *musée d'art* hay *musée des beaux arts*, chuyên về mỹ thuật *musée d'art moderne*, mỹ thuật Tân thời; *musée industriel*, chuyên về kỹ nghệ; và kể nữa sợ chỉ làm mệt mắt đọc già...

Bên Nga, lúc đầu rất ghét viện bảo tàng, vì trái với tôn chỉ của họ. Nay đổi lại: năm 1917 khắp nước Nga có 180 viện; ngày nay con số ấy lên hơn số ngàn. Lúc đầu, họ rất ghét hình tượng tranh thờ (*iconoclastes*), thành thử ngày nay các cổ vật thuộc bình dân còn rất ít, và trong các viện bảo tàng toàn là đồ lấy trong đền đài cung điện vua chúa vương hầu. Ở Moscow, có hai viện danh tiếng là *musée Tretiakoff* và *musée Pouchkine*. Cung Nga hoàng, nay gọi điện Càn Linh (*Kremlin*) đã đổi thành viện bảo tàng, năm 1956 có cả thảy 880.000 khách đến viếng. Cung điện bà hoàng hậu Catherine II, tên riêng gọi *Palais et musée de l'Ermitage* xây tại *Saint-Pétersbourg* (nay là *Leningrad*), là một viện bảo tàng bức nhứt bên Âu và chứa nhiều bức tranh cổ quý vô giá, năm 1956 có đến 1.500.000 người đến xem.

Năm 1937, tại Moscow, người Nga lập một viện lớn để nghiên cứu các phương pháp thuộc bảo tàng học. Mỹ thuật bên Nga, hiện nay là mỹ thuật cấp trung lưu của những năm từ 1870 đến 1914, và đó là một mỹ thuật có một sứ mạng theo ý họ muốn, vừa thiết thực vừa dễ chụp hình, Pháp gọi "*art engagé*".

Chính bấy giờ, các nước Âu-Mỹ chủ trương đào gắp cổ vật nào thì để lại chỗ mà chưng bày, không mang về viện bảo tàng nữa. Phương pháp này mà đem qua áp dụng bên xứ mình thì nguy, vì gắp biến cố, các cha rinh về nhà hay hủy bỏ lẹ lẹ.

- *Về cách chưng bày và giáo nghiệm vài món cổ vật.*  
*Loupe.* - Từ xưa, giáo nghiệm cổ vật chỉ dùng kính phóng đại (loupe). Nay kính phóng đại tối tân có thể chiếu 30 lần lớn hơn. Bên Đức có ông *Kogel*, và bên Pháp có ông *Bayle* đã tìm ra kính chiếu còn rõ hơn kính phóng đại nữa. Cũng ông Bayle là người lập ra phòng giáo nghiệm tư pháp lý lịch (*laboratoire d'identité judiciaire*), ông đã sáng chế ra phương pháp giáo nghiệm đồ cổ mà không cần kính phóng đại. Anh không nói vì đã vượt tầm bài nhò này.

*Fluor.* - Có ông *Carna* xướng ra thuyết khảo xương thú, xương người chôn lâu đời hăng chất fluor (phát tố). (Đo trọng lượng chất này, và xương mới ít fluor hơn xương cũ).

*Azote.* - Một cách khác là đo chất đạm (azote). Xương chôn dưới đất sanh ra *đàn hạch tinh* (protéine). Chất protéine sanh ra chất đạm. Xương càng lâu đời, chất đạm càng ít.

*Geiger.* - Phương pháp thứ ba dùng đo tuổi các bộ xương tiền sử là dùng *máy đo Geiger*. Máy này đo trọng lượng chất *carbone 14* (thân tố 14). Trong các con vật còn sinh lực thì trọng lượng thán tố khác nhau. Khi vật ấy chết, mất sinh lực, thì chất thán tố 14 sẽ lần lần tan mất.

*Khảo nghiệm tranh bằng đèn điện.* - Tranh cổ khó giảo nghiệm hơn các cổ vật khác. Có cách lấy đèn điện rà rọi trên tranh để biêt già hay ch'on. Nhưng cách này không dùng thử tranh cổ vē theo *détrempe* được. Thông thường bên Pháp định tranh trước 1800 là thuộc loại *tranh cổ*.

*Lumière monochromatique de sodium.* - Có một phương pháp rọi điện sáng một màu duy nhất do ánh diêm muối *sodium*, người Tàu gọi là "nạp". Dưới bóng ánh sáng *sodium*, các màu vē đều đồng một màu như nhau, và chụp hình được rõ rệt. Phép giảo nghiệm tranh là chiếu ra lớn các tranh; ban sơ chiếu ra 10 lần lớn hơn và đồng một màu. Khi chụp được ảnh bức tranh, ta sẽ lấy ảnh trái (*négatif*) chồng lên ảnh mặt (*positif*) và biêt được nét bút, nét chấm phá (hút ý) và nhờ đó mà giảo nghiệm. Phương pháp này bên Hà Lan dùng lần đầu, khi giảo nghiệm tranh của họa sĩ kỳ tài *Van Gogh*.

*Microscope.* - Khi dùng kính hiển vi, thì phóng đại được đến 1.000 lần lớn hơn, và nhờ vậy, biêt được xưa kia, họa sĩ dùng sơn mẩy lớp mẩy vē được một màu nào đó, đoạn dùng phương pháp phóng đại bằng kính hiển vi điện tử (*microscope électronique*), phóng đại từ 20.000 đến 40.000 lần lớn hơn, khi ấy ta sẽ thấy rõ nhiều chi tiết lọt mắt phàm và cũng khi ấy, ch'on hay giả đều lộ ra trước máy.

*Prismes de Nicol.* - Sau đó còn cách giảo nghiệm bằng xét qua lối pha màu, *palette* là bảng gỗ hay bảng sành...; phải dùng máy phân quang để phân tách ra từng màu nguyên thủy. Có thứ kính tam giác, gọi là *prismes de Nicol*, rọi vào thì tách màu pha ra từng màu từng sắc. Khi

đếm được số màu của một bức tranh, thì sẽ lấy số màu ấy mà so sánh với số màu sắc của họa sĩ X, Y, Z xưa đã dùng, và khi biết được chính thức như vậy, cũng nhơn theo đó khảo nghiệm luôn xem con số đó có trùng hợp với thời đại nào đó, với bút ý của họa sĩ đó, và bao nhiêu tài liệu này, gộp lại cho phép ta kết luận là tranh giả hay thiệt, v.v...

*Spectroscopie.* - Sau đó, còn khảo nghiệm bằng cách dùng máy chụp ảnh phản quang, gọi spectroscopic... Từ nay đến giờ, là chúng ta chỉ bàn luận về các phương pháp xem qua các ánh sáng bằng cặp mắt phàm phu. Khoa học hôm nay là khảo nghiệm tranh bằng ánh sáng không thấy được (*rayons invisibles*) và ánh sáng từ ngoại tuyễn (*ultra-violets*) và xích ngoại tuyễn (*infra-rouges*), quang tuyễn (*rayons X*), v.v...

*Một phương pháp nữa.* - Khi nào không thể cắt xén một phần nhỏ để phân tách bằng hóa học (*analyse chimique*), thì nhà giáo nghiệm phải dùng hộp bôitc de Hall, hộp này rọi ra ánh bạch (*rayons blancs*), ánh sáng này phản ứng qua một lớp hào quang và hào quang này sẽ làm nổi bật ra từng vò sô "hộp" màu, đi tới một ánh sáng huỳnh quang thường sắc đen, gọi *lumière fluorescente de Wood*, chỗ nào bôit cạo, mạo chữ ký, nổi chép, tráo đổi, ký tên mới, đều thấy rõ.

*Lampe au mercure.* - Chưa hết đâu, lại có thứ đèn thủy ngân (mercurc), chiếu cho thấy chỗ nào bồi đắp, và víu... Nhiều khi trong lúc giáo nghiệm, nhà chuyên gia còn khám phá ra cái phác họa ban sơ và những nét biến chuyển của cây bút thần từ phỏng tác cho đến thành hình.

Một điều tối quan trọng là nhà giáo nghiêm cần dùng những bảng kê khai làm gốc làm căn, không có những "bảng thầy" này thì dầu có đủ máy tính vi điện đâu, cũng phải thúc thủ, không khác người thợ, biết sắp chữ, mà không hiểu nghĩa, cũng huyền vô ích.

Kết luận, cuộc giáo nghiêm tranh tại phòng khoa học, nhờ các phương pháp trợ lực bổ túc nhau "ba bà giúp một", mà người hữu học, biết sơ qua, sơ mà rất khoa học, từ mỗi bức tranh dưới ba phương diện :

- Phần trụ cột, xây dựng (son support);
- Phần chuẩn bị và điều hợp (sa préparation);
- Lớp da tô điểm màu sắc (sa pellicule colorée).

Nhờ bọn ngụy tạo, ít khi có "chìa khóa bí mật", tức những bảng thống kê hiểu của các chuyên môn để lại, nên trước sau gì cái giả cũng phải lộ tẩy, và bao nhiêu công trạng ấy đâu phải tình cờ mà có. Phải có học mới biết.

Nay giờ nói để mà chơi, nói để hả hơi và để lót em vây thôi, chó anh đây có biết gì đâu, trả bài như kéc mẹ, vốn là không bằng cấp, tự học để giải buồn, một *autodidacte*, dịch ra nôm : "tự học", nghe được rồi, dịch "độc tu" nghe tục tĩu.

Gãm lại nghe quên thù một viện bảo tàng nhỏ như viện ở Sài Gòn cũng phải biết sơ sơ về nhiều môn nhiều khoa khác biệt, nào giỏi về đồ sứ Tàu và Việt, biết về cổ vật Chàm, Miên, Óc-Eo, Nhật Bản. Học về

mỹ thuật byzan-tin, và các mỹ thuật Hy Lạp, La Mã, thì và mà ngáo.

Nhưng không ai giỏi hơn ai và chờ tự phụ.

Năm 1896, bên Pháp xảy ra vụ án chiếc mao vàng *Saintapharnès*. Một người Nga tên *Rouchomowsky* giả tạo một mao bằng vàng gọi mao *Saintapharnès*, đem bán cho viện *Musée du Louvre* của Pháp quốc. Hội đồng chuyên gia khảo nghiệm đều đồng ý là cổ vật giá trị, đáng mua, nên viện trả với một giá rất cao. Sau phát giác, đó là đồ giả, mới làm dây. Ý chuyên môn lành nghề của một viện lớn như *Le Louvre*, mà còn không khỏi lầm lạc.

Năm 1924, một cái án khác về khảo cổ học, cũng xảy ra tại nước Pháp. Một lão nông dân, tên *Fredin* khoe có đào được tại *Glazel*, gần *Vichy*, đến 30.000 món cổ vật thuộc đời tiền sử. Tiếng đồn rầm lên, sau rõ lại, cả thảy đều là ngụy tạo.

Anh nói đã hèn lâu, mà câu chuyện chưa ngã ngã.

Gãm lại, nước người ta, dân giàu thịnh, ý nhiều tiền, nên làm biếng. Phải bày ra trong viện bảo tàng có chớp bóng, có nhạc đệm thì dân mới đến xem. Người già, người tàn tật, lại có xe đẩy và chỗ giải lao, chỗ nghỉ mệt. Như vậy mà còn nhát thây, ngồi một chỗ, làm ra máy tự động đưa ra từ món cổ vật tranh xưa luân phiên chạy đến trình trước mắt, cho công chúng ngồi xem, khỏi mất công di chuyển.

Nếu nước ta bỏ ra một số tiền và có thêm thiện chí thì sẽ có ít nữa ba viện bảo tàng để hỗn túc việc dạy dỗ hậu học đường (*enseignement post-scolaire*). Cũng

không cần xây cất viện cho lốn kém nhiều. Lựa ba công thự xứng đáng rồi tùy nghi sửa đơn chút ít bên trong là được. Tôi muốn nói, ty như :

1) Chỗ viện khảo cổ đường Thống Nhất, lầy làm viện bảo tàng quân sự (*musée de l'Armée*). Sẵn binh khí cổ trên gác viện bảo tàng, súng ống, gươm giáo đời Trần Bá Lộc nay sưu tập thêm binh khí đời bên là trưng bày được, kèo hết chiến tranh việc sưu tầm càng thêm khó, mà mớ có sẵn sẽ mục nát trở nên vô dụng.

2) Chỗ ngang viện khảo cổ, công thự lớn ấy, sẽ dùng làm viện bảo tàng tranh và mỹ thuật bàn ghế (*musée du mobilier*), vì trên musée có sẵn ghế bàn đời ông Trương Vĩnh Ký, any tìm thêm miền lục tỉnh, trong nhiều gia đình xưa, còn cứu vớt kịp;

3) Bên kia cầu Tân Dốc (Pointe des blagueurs) dình lớn gọi "Nhà Rồng" (*Messagerie Maritime cũ*), nên đặt viện bảo tàng "Sài Gòn năm xưa", qui tụ các cổ vật thuộc kỷ niệm Sài Gòn trăm năm về trước, v.v..., vì chỗ ấy đúng là trung tâm Cố Sài Gòn đang cựu.

Anh còn muốn nói nữa, nhưng biết người ta có nghe ? Quên nữa ! Về việc chưng bày, hiện có hai lỗi, một là treo tranh và bày cổ vật ngay hàng đều đặn, mà vẫn đẹp; một lỗi nữa, chủ trương treo và bày không cân đối nhưng cố như vậy (*dissymétric voulue*). Và việc thực hành là làm tự ý mình, không ai sắp mà mình vừa bụng được. Phải vậy không, em ?

(27-12-1971)

Cuốn sách viết rồi, nay đọc lại thấy thiếu sót nhiều mà chẳng biết làm sao. Nơi trang trước, anh có nhắc nên lập "viện bảo tàng sưu tập bàn ghế các đời cũ". Tỷ dụ, nên sưu tầm ngay bây giờ cho kịp thời, không vội vài chục năm nữa có muốn thực hành cũng không người chỉ dẫn, và anh thấy cần kíp nên cứu vớt, hoặc nếu không có, thì làm lại theo kiểu còn sót, và chung bày gấp ba gian phòng.

a) Cảnh di thi lối dang cùu : dụng cụ đồ nghề của thày khóa lối cùu trào : lều, chông, ống quyển dụng giấy, ống dụng bút, con vịt sành để chứa nước và đeo nơi cổ cho có nước mài mực (comptegouttes), nghiên mực, rương, tráp, v.v...

b) Cảnh dám cưỡi lốp xưa, theo kiểu Bắc, Huế, Sài Gòn có dù áo, nón, giày, trang sức phẩm (phải cho giống kiểu và không cần làm bằng vàng thật, hoặc nửa họa hình cho biết, chóe, mâm trầu;

c) Cảnh ra đường : kiệu, vồng, cáng, đồ bắt kẽ ngựa, các thứ xe xưa, v.v...

Trong một tập sau, anh sẽ trích trong Nam phong trọn bộ bài khảo cứu của cụ Đông Châu đã dịch lại bộ Vũ trung tùy bút của cụ Phạm Đình Hổ, nhưng công việc anh làm chỉ cứu vớt được một mớ danh từ cổ mà mặt mày các vật ấy ra sao, dỗ ai ngày nay còn biết, như : về nón dội :

- Nón ngoan xác, tục gọi nón mền giải hay nón tam giang;
- Nón phương đầu đại, tục cái nón lá ngày nay còn thấy; (kiểu xưa cũng vậy hay có khác ?)
- Nón cổ châu, tục gọi nón dâu;
- Nón liên diệp là nón lá sen (nhưng kiểu nó ra làm sao; ?)
- Nón tiểu liên diệp, cũng gọi là nón nhỏ khuôn;
- Nón xuân lôi tiểu lạp, tục gọi nón sọ nhỏ;

- Nón trao lặp, tục gọi nón chèo vành (nón này của người lính tráng đội);
- Nón viên đầu, tục gọi nón khua, của vợ con lính và người hầu hạ đội;
- Nón cầu diện, tục gọi nón mặt lờ, của nhà sư và thầy tu;
- Nón xuân lôi đại, tục gọi nón cắp, của người có tang trở;
- Nón cổ châu có quai bằng dây mây, riêng dành cho người có tang 1 năm trở xuống;
- Nón cầu diện dành cho nhà quan và nhà có quyền thế đội khi có tang;
- Nón Nghệ, hay nón viên cơ riêng của người xứ Thanh xứ Nghệ;
- Nón tiêm quang đầu nhược, của người Mán người Mường ở ngoài trấn;
- Nón toan bì, tục gọi nón vỏ bùa của vùng nhà quê, v.v... - Lớp gân dây, trong Nam có nón lông ngù bằng bạc, chóp bằng đồng mồi, kẽ dến nào mòn casque, nón ni của các hiệu Tournier, Fléchet, Borsalino, v.v... nhớ không hết.

Ngày nay mỗi tân thời là để đầu trần, chờ thuở xưa, nón dù là vật cần thiết để phân biệt階級 trong xã hội. Không phải vì nay không dùng rồi cũng không cần biết đến. Thiếu chí lúc, như sĩ tử thi bị giám khảo bắt bí, và muốn trình diễn cho hụt thời, lại thấy cần có như các nước khác những viện bảo tàng chuyên môn về y phục các thời đại xưa, ít nữa cũng giúp cho nhà đạo diễn xi nê khỏi cop dê trật lết !

Nói hoài không hết, thời dành chịu lỗi, ai biết xin dạy tôi thêm.

28-7-1972

## PHẦN PHỤ LỤC

*Dẫn.* - Từ ngày tập *Hiếu cõi đặc san* được chào đời, cho đến tập này là sáu số. Chúng tôi có nhận được khá nhiều thư, khuyễn khích, an ủi và chỉ bảo. Chúng tôi xin bái lâm lời vàng. Nhưng thư quý hóa, nồng lâm huyết, chúng tôi nguyện ghi ghê phủ, nhưng không công bố, vì lẽ không muốn họa phù thân ái. Duy có hai bức thư dài sau đây, quý vị đọc rồi sẽ biết, chúng tôi, sau khi suy nghĩ kỹ, xin mạn phép hai tác giả, cho chúng tôi đăng trích ra đây, để khỏi mai một các tài liệu vô giá hai thư chưa đựng.

Và đây là bức thư thứ nhì, tác giả, bác sĩ Đào Quân, sẵn sàng cho phép đăng, với câu "*T.B. - Những gì tôi đã viết cho cụ, là của cụ, tùy nghi sử dụng*". Vậy tôi xin vâng lời, và một lần nữa, thành thật cảm ơn bác sĩ.

## 1) *Thơ thư nhút.*

Dalat, 71, Minh Mạng 1-XII-71  
(nhận ngày 4-XII-71)

Bác sĩ ĐÀO HUY HÁCH  
nguyên phụ giáo trường Y Khoa Hà Nội.  
(ancien professeur à la faculté)

Kính cụ V.H.S.

Tôi dường đột viết thơ này hồn cụ, có hai mục đích :  
Mục đích thứ nhất là để cảm ơn cụ, đã cho tôi những phút  
thú vị khi đọc Hiếu cổ đặc san. Sự cảm ơn này thành thật,  
không phải khách sáo để vào đè. Tôi thú vị đọc giọng văn  
Miền Nam, với những danh từ lạ hoặc, nhưng rất gợi cảm,  
với lối hành văn thực thà và giản dị. Thú vị hơn nữa là tôi  
được học hỏi nhiều vì xin thú thực... (lược sáu hàng bác sĩ nói  
sở học Hán văn, ít). Tôi sinh năm Cách mạng Trung Hoa  
Tân Hợi, thành ra nay dùng một giáp rồi, bây giờ bắt đầu  
học lại hơi muộn, nên lấy cái biệt của kẻ khác mà học cho  
mình, tuy không có cái thú của sự tìm tòi, nhưng có cái khoái  
của kẻ dâng biết, và đó cũng là nhở cụ.

Mục đích thứ hai, cũng là mục đích chính, là để phát biểu  
một vài ý kiến, nhất định là thô sơ, nhưng dù đúng dù sai, ý  
kiến nào cũng có ích cho học giả. Cái quan niệm Đại học này,  
Âu Mỹ cũng thịnh hành, chỉ tiếc rất nhiều giáo sư di học ngoại  
quốc về mà không áp dụng.

Hai quyền đầu H.C.Đ.S., tôi ít đọc, nhưng khoái nhất đoạn  
về chim Phụng. Cách diễn tả khoa học của cụ, làm cho tôi hơi  
ngạc nhiên một cách thích thú !

Quyển thứ 3 "Thú chơi cổ ngọc", tôi khoái hơn, tuy đọc chưa hết.

Bắt đầu là bàn về ngọc. Đây tôi nói riêng về ngọc thạch và xin giới thiệu cụ vàl trang tiếng Anh xuất bản bên Mỹ trong một tạp chí Y học tên là MD Pacific. Cụ có thể tìm dễ dàng ở bất cứ một ông bác sĩ nào ở Sài Gòn vì họ biếu không, vol. 4 Nº 7 July 1971. Đó là một bài sưu tầm thô sơ vén vèn có 3 trang cả ảnh, nhan đề Stone of Heaven, nhưng rất dày dù theo ý tôi, để có một khái niệm tổng quát về ngọc thạch, kể cả việc vua Tần hứa đổi 15 thành lấy một cái ấn bạch ngọc "white jade seal" Đó là một điều mới mà cụ không nói tới, vì quý nhất là ngọc thạch trắng trong, vì ngọc tinh khiết nhất sẽ trong trắng không có màu. Màu là do các kim khí khác thêm vào, có thể từ vàng lạt đến xanh, xanh lá cây, xanh lơ và đen hay đỏ. Tôi nghe nói ở Đài Bắc trong Bảo tàng Chính phủ Tưởng Giới Thạch, có một quả dưa dát toàn bằng ngọc thạch, giống y như thiệt từ vỏ xanh trắng, thịt đỏ hột đen ! Đọc qua 3 trang sưu tầm tiếng Anh trên, tôi cũng thấy thầm thía rằng học giả Tây phương tìm hiểu về Đông phương không phải là ít vậy. Đan cùi một ví dụ : Chim Phụng ở Việt Nam ! Đọc cụ, sẽ thấy rằng người Trung Hoa thờ ngọc, mà ngọc lại ít có ở Trung Quốc ! Thủ sần ở Turkestan (Tân cương) và Bắc Miến Điện. Ngọc thuộc về dương nên tìm ngọc hình như ngày xưa họ dùng trinh nữ thoát y đi theo giòng suối ban đêm, vì trinh nữ thuộc về âm !

Chuyện con voi già Sở Thú cũng làm tôi khoái lắm. Cảm tưởng của tôi là lão Thủ y già là tượng trưng cho bợn "thơ lai" chánh quyền bảo hộ, hay trói trách nhiệm, nhưng thích tảng công. Bợn họ không hẳn là ngu, mà thực sự có học. Con voi diễn, ai dám đến mà chặt xích, nếu xảy ra án mạng thì sao ? Tôi tin rằng nếu chặt được xích thì lão Thủ y cũng chưa khỏi được chấn voi. Còn việc cắt nghĩa chia voi đi là bằng đất sét, rất đúng y

học vậy. Cụ ra được phòng Âu Tây và thấy có thuốc Kadinen bán cho người uống.

Thú vị hơn là chuyện Văn Nhược Hu. Đọc xong chuyện, tôi rất ngạc nhiên thấy cụ đoán Động đình hòng là cam là xoài, v.v... Tôi không một phút nào không tin rằng Động đình hòng là quả hòng Động đình (le kaki de Động đình). Đó cũng là vì may mắn sinh trưởng ở Hà Nội. Mà người Bắc thì có hai thứ hòng. Một thứ quả, khi chín thì hơi vàng, nhưng thịt vẫn chắc rắn, ăn ngọt nhưng phải gọt vỏ bằng dao. Quả nhỏ, hơi có gốc vuông 4,5 cm. Người nhất thứ này là Hòng hạc, tên một làng ở Việt Trì. Thứ này, trong Nam cũng có. Thứ hòng có iléeng nữa ở Bắc và Hòng Lạng (Lạng Sơn giáp Trung Hoa), và tôi chắc Động đình hòng thuộc về loại này. Hòng Lạng, quả to tròn dò thấm, vỏ mỏng như giấy, dò bóng như sơn (laque rouge như trong bài cụ viết), thịt mềm nhiều nước, có thể cầm cà quả cắn, khai bóc vỏ và nước hòng chín sẽ chảy tua ra y như trong bài cụ ta người ăn hòng Động đình vậy. Hòng Lạng bóc vỏ bằng ngón tay để dùng không như Hòng Hạc. (1)

Trên là ý kiến riêng của tôi. Thiết tưởng giải quyết vấn đề này không khó ! Chỉ việc hỏi ngay các học giả Trung Hoa.

Nói dối, tên các quả, tôi thấy từ Bắc vào Nam, nhiều quả thay tên. Chẳng hạn ngoài Bắc có quả dơi, thì Huế lại gọi là Dào, và nam gọi là mận. Thật là tung tung, cũng chỉ vì chỉ có Bắc mới có cả 3 thứ : Dơi, dào, (peche), mận (prune), mơ hay mai (abricot). Trái lại ở Hà Nội, trước cũng có nhấp càng cắn Thiều Châu, mà gọi là Cam Sìu Châu vì phát âm giống tiếng Quảng Đông; kẹo lạc, cũng gọi là kẹo Sìu (vì cũng do người Triều Châu làm). Cam làng Bố Hạ (Phù Lạng Thương hay Bắc Giang) giống cam Thiều, quả tròn, vỏ hơi xù xì dà, mủi cũng dà, rất

---

(1) Trước đảo chính 1945, tôi có được ném hai thứ hòng này. S.

ngọt hơi nhàn nhãnh chua, vỏ hơi dày và dính mủi không tách vỏ. Trái lại cam Giàng (tên Giàng ngày nay là Thanh Hóa), ngọt rất như đường (nên gọi là Cam Đường), vỏ mỏng, da bắc đẽ, quả to, đẹp như trái quýt, nhưng lớn hơn nhiều, cũng gọi là cam giấy, vì vỏ mỏng như giấy. Vào đến Nghệ An thì có cam Xã Đoài, to, nhiều nước, vỏ săt, mủi thơm, ngọt đậm đà, ngọt hơn thứ cam nhập cảng ngày xưa, như Sunkiss gấp bội. Cũng như ở Bắc Mỹ Thuận, cũng cam Xã Đoài, tràng sang làng bên là mơi hôi hương vị. Thế mới biết cây cũng như người, phải có mơi trưởng, mới phát triển được. Ở Thanh Hóa, quê tôi, nhiều làng gần biển, cũng có cam ngọt không kém cam Xã Đoài.

Quýt thì có tên riêng là quýt Thái (Thái nguyên), ngọt thơm, "bột" (có nghĩa là vỏ rõ hẳn mủi, rất đẽ bắc). Huế thì có quýt Hương Càn là có tiếng.

Trong tất cả loại citrus (cam, quýt, bưởi), thì trái bé nhất là quýt, chục người Trung Hoa cũng có tên riêng cho từng thứ. Duy ngoại quốc, Anh, Mỹ, gọi cam Thiều là quýt Tàu (Chinese mandarine), dù thấy là khó phân biệt thế nào là cam vây.

Cam làm quýt chịu, nhưng vẫn đèo bòng. Tôi xin thời đèo bòng ở đây, vì không muốn nhầm tai cụ về bưởi, bòng, thanh trà, phật thủ.

\*

Học về Á Đông và Việt Nam, như trên tôi đã nói, người Tây phương, làm rất nhiều, trong khi chính người Việt thờ ơ. Ông Huard là một trong những người Pháp ưa nghiên cứu về Việt Nam, người và phong tục. Ông ấy là thầy giảng cơ thể học chúng tôi ở trường thuộc Hà Nội. Tôi đã làm việc trong phòng thí nghiệm Viện Cơ thể học Hà Nội trên 5 năm và gặp ông

*Huard hàng ngày. Ông Durand, tôi không quen nhiều nhưng có biết. Nếu tôi không làm, ông ấy làm thông ngôn tiếng Việt cho Tòa Án Hà Nội. Ông ấy đã chấm thi Việt văn (Annamite lúc ấy,) khi tôi thi tú tài năm 1931 (1). Ông nói tiếng Bắc như người Việt và giỏi chữ Hán. Tôi rời Viện Cơ thể học năm 1940, mà doanh văn cụ chép của Huard-Durand làm năm 1954. Trước đó, cụ Huard đã sáng lập Hội Nhân học (Société pour l'Etude de l'Homme), dù hiếu Huard đã làm hiếu Việt Nam hơi nhiều người Việt Nam vậy. Nhưng giải nghĩa chữ "Phong lưu" bằng tiếng Pháp, tôi nghĩ, khúc trích như Nguyễn Văn Vinh, thì thật đã là thành công vậy. Tôi còn nhớ lúc nhỏ ở với chú tôi, tôi có được xem bức ảnh của chú tôi cùng các bạn, trong đó có Nguyễn Văn Vinh, chụp chung lúc tôi nghiệp trường Thông ngôn Hà Nội (Collège des Interprètes). Các cụ mặc áo nhiều thâm, đầu chít khăn và bút tó ! Bây giờ không còn ai có thể chối cãi được Nguyễn Văn Vinh là một học giả lỗi lạc của Việt Nam.*

*Nguyễn Văn Vinh đã nói Pháp không có chữ nào dịch được chữ "phong lưu", vậy mà chính cụ đã dùng chữ phong lưu để dịch chữ "hométe homme" nếu tôi nhớ không lầm. Đó là bài ngũ ngôn La Fontaine, tả con chó sáu, cả ngày không thèm ăn thịt này thịt khác, già kén kén hơn, đến chiều muộn ăn chùm nho, nhưng lại không với tay, nên thòi một câu mía mai như sau : "Nho xanh chẳng xứng miệng người phong lưu".*

---

(1) Ông Maurice Durand, sau làm viện trưởng trường Viễn Đông bắc cổ (nay đã quá cố) dựng tên chung tác giả bộ "Connaissance du Viêt Nam" với bác sĩ giáo sư Pierre Huard, nhỏ tuổi ông Huard, có mẹ Việt và vốn là con trai ông Durand làm thông ngôn Tòa Án Hà Nội, mà bác sĩ Đào quan nói đây. Hai người, - Huard và Maurice Durand cố ở lại Hà Nội để điều định, muốn giữ cho được trường Viễn Đông bắc cổ. Về sau, việc bất thành, mới chịu rời Việt Nam để về Pháp quốc và gặp tôi năm 1963, khi tôi được sang viếng viện Guimet hai tháng ( Mai-Juin ).

Tết dịch của Nguyễn Văn Minh, có thể nói là tuyệt. Dịch Perrette et le Pot au lait của Le Fontaine như sau, thì tài cho có thể là hay hơn cả nguyên tác :

(Nguyên tác tôi xin chép tại đây để đọc cảm tưởng.)

"Cô Perrette di mang liền sữa, Perrette, sur sa tête ayant un  
pot au lait,

"Kè dệm bông để giữa đinh đầu. Binc posé sur un coussinet,

"Chắc rằng kè chợ xa đâu, Précoudain arrivé sans  
encoutré à la ville.

Câu này Cụ quen,, tôi xin ghi lại :

"Nhẹ nhàng thoăn thoắt chẳng Légère et courte vêteue, elle attein  
đu ngại gì. à grand pas.

"Chân hòn ấy thì đi dép mới, Ayant mis ce jour-là, pour être  
plus agile,

"Vây xắn cao tay tát bít tốc nhanh. Carrillon simple et scoubiers plats.

"Gọn gàng mà lại thêm xinh; Notre laitière ainsi trousseée

"Vừa đi vừa tính phân minh từng đồng : Complain déjà dans sa pensée

"Sữa bấy nhiêu, bán xong ngàn ấy, Tout le prix de son lait, en em  
phuyant l'argent,

"Trứng mới trăm mươi lây về nhà. Achetant un cent d'œufs, faisant triple couvée;

"Ấp đều có khó chi mà, La chose allait à bien par son  
sựn diligenc.

"Khéo ra mày chắc dùn già D'élèver des poulets autour de  
đầy sân. ma maison :

"Cáo nρ dâu mưu thàn chước giài, Le renard sera bien habile

"Có thà dì cÙng lìi mua con. S'il ne m'en laisse assez pour avoir un cochon.

"Bán dì mua mèi lòn nòi,

"Ta cho òn cám béo tròn  
như trâu.

"Đem ra chợ bày dâu chảng dái,

"Bán lòn dì, lại dái bò vè,

"Thùa tiễn thêm mèi con bé,

"Đe' chon ón hày bón bè mà col.

"Có Bé rét nái ròi cÙng nhúy :

"Nào bò, nào lợn, nào bê,

"Nào gà, nào trâu, cùng dì đồng dái.

"Cò tòi thấy cùa ròi lèn lóng,

"Lùi thùi vè chịu mắng vòi chàng. Va s'excuser à son mari.

"Đòi hì ràng mày gầy là cÙng.

"Đe' cùu chuyện sữa kể dông  
khắp làng.

Le porc à s'engraisser coûtera peu de son :

Il était, quand je l'eus, de grosseur raisonnable

J'aurai le revendant, de l'argent bel et bon.

Et qui m'empêchera de mettre en notre étable,

Vu le prix dont il est, une vache et son veau,

Que je verrai sauter au milieu du troupeau ?

Perrette, là-dessus, saute aussi, transportée.

Le lait tombe : adieu veau, vache, cochon, couvée.

La dame de ces biens, quittant

d'un oeil marri

Sa fortune ainsi répandue,

En grand danger d'être battue.

Le récit en farce en fut fait :  
On l'appela le Pot au lait.

Cụ dứt nơi đây, nhưng tôi tiếp (1)

"*Nghĩ lầm kẻ hoang đường  
cũng là*

Quel esprit ne bat pas la campagne ?

"*Ước xa xôi hay quá phẫn  
mình ?*

Qui ne fait châteaux en Espagne ?

"*Tè Mân, Sở Mục hùng danh,  
cũng như.*

Picrochole, Pyrrhus, la laitière, enfin tous.

"*Vì cùng Bè rét rành rành  
cũng như.*

Autant les sages que les fous ?

"*Rõ mờ mắt trơ trơ mà mông,*

Chacun songe en veillant, il n'est rien de plus doux;

"*Chuyện mờ hồ mờ đờig đến  
lòng;*

Une flatteuse erreur emporte alors nos âmes :

"*Của đất hết thảy thu xong.*

Tout le bien du monde est à nous,

"*Trường thành dấp nấp, A phàng  
về ta.*

Tous les honneurs, toutes les femmes.

"*Khi ta một mình ta thách hổ;*

Quand je suis seul, je fais au plus brave un défi ;

"*Vua nước Tàu dẹp đốn hu  
chợt.*

Je m'écarte, je vais défronner le sophi;

"*Vận may lại thuận lòng người.*

On m'élit roi; mon peuple m'aime;

"*Muôn dân mến phục, ngoại Trời  
ngồi trên.*

Les diadèmes vont sur ma tête pleuvant.

(1) Xin lỗi Đào quan nhớ thuộc lòng hay quá, nên tôi chép tiếp cho toàn bách, để xem chung. S. Và đây là tôi chép theo sách chờ không nhớ được như cụ. S.

"Sách mèo tiếng tinh liền giác  
mông,

"Té vần mình bố Ngồng xưa  
nay. (Nguyễn Văn Vinh)  
(Bác sĩ Đào Huy Hách nhó  
thuộc làng)

Quelque accident fait-il que je  
rentre en moi-même,

Je suis Gros-Jean comme devant.  
(Jean de La Fontaine)

V.h. Sén chép theo sách có tại  
nhà : Thương ngôn c. La  
Fontaine do Ng.v.V dịch (bản  
Trung bắc tân văn Hà Nội, 1928)

(tiếp theo là thơ của b.s D.H.H gởi cho tôi :)

Lời văn nhẹ nhàng, trôi chảy, mỗi vần xuống chót chấn, và  
lưu loát như người kể chuyện, không một chút gò bó, mà vẫn  
châm biếm :

"Cô tôi thấy của rai lèn lèn láng",

Thật là tuyệt, đến nỗi 50 năm nay rồi mà tôi vẫn nhớ !

Tôi nhớ đã đọc hết "Ba người ngự lâm pháo thủ", mà tôi  
được thường khi học ở cao đẳng élémentaire trường Pháp Việt, "Mai  
nương Lê Cát" (Manon-Lescar của Prévost), Kim Văn Kiều, v.v....  
đo ngọn bút lưu loát của Nguyễn Văn Vinh; và tôi đã say mê.

Than ôi ! Người hiểu thấu Phong lưu, lại không được  
phong lưu, ông dì tìm vàng và chét ở Tchepone bên Lào. Đáng  
tiếc thay !

\*

Tôi xin kính cự, và để khi khác,...

Ký tên : Đào Huy Hách.

Tôi bút. - Nhận nói đến giáo sư Huard, tôi xin gởi theo

đây, một bài tôi viết cách đây dã lâu, định đăng vào báo "SỐNG  
trong đá, Nguyễn Thiệu Lâu, nhà học giả nghèo dã viết một bài  
về Nguyễn Văn Tố.

*Nguyễn Thiệu Lâu đã chết và bài tôi đến, thì báo "SỐNG"  
cũng đã chết !*

*Cụ sẽ thấy rằng nếu có những lão "đã hại" như lão Thủ y  
già Sở Thủ Sài Gòn, thì cũng có những học giả như Huard.*

### **NHÀN ĐỌC BÀI CỦA NGUYỄN THIỆU LÂU.**

*(Thêm một vài kỷ niệm riêng về nhà học giả Nguyễn Văn  
Tố). - Đọc bài của Nguyễn Thiệu Lâu, làm cho tôi sống lại cả  
một thời kỳ đã vắng, thời kỳ niên thiếu vô tư và học hỏi.*

*Nguyễn Thiệu Lâu chia Nguyễn Văn Tố ra làm ba nhân  
vật : Ông Hồi trưởng hội Trí tri, nhà khảo cứu tạp chí Tri Tân  
và Viện Bác cổ, và sau cùng là nhà Cách mạng. Tôi rất tiếc  
không được biết nhà Cách mạng Ưng Hè, nhưng có vài kỷ niệm  
riêng với hai nhân vật trên.*

Lúc còn là học sinh, tôi vẫn hằng nhớ cụ Tố lúc giới thiệu  
các diễn già trên diễn đàn hội quán Trí tri, cái hội quán nghèo  
nàn nhưng cũng là một trung tâm văn học thời ấy. Cụ Tố thường  
điều bên cái bục diễn già, dáo mای nhìn tát cả mọi người một  
lực, như giục người ta im lặng, rồi giới thiệu. Lời giới thiệu  
bằng tiếng Việt hay bằng tiếng Pháp tùy theo diễn già sẽ nói  
tiếng Việt hay tiếng Pháp, có điều lời giới thiệu bao giờ cũng  
khác chiết và gọn gàng, văn hoa một cách cổ điển, có thể gọi là  
kiểu cách (mariére). Nhưng điều mà làm tôi ngạc nhiên là bộ  
quốc phục bằng vải trắng nhát là cái khăn xếp cũng bằng vải  
trắng. Tất cả đều sạch sẽ nhưng có vẻ là già nua, vì đưa thơ sẽ  
thẳng hơn, trắng hơn, có nếp hơn. Thời đó, tuy phần lớn dã mặc  
Âu phục, người mặc quốc phục không phải là hiếm. Vậy sự ngạc  
nhận của tôi không ở bộ quốc phục cụ mặc, mà ở cái vải chún

bàu trắng, và nhất là ở cái khăn xếp trắng. Khăn xếp có vẻ trình h  
trọng đúng đắn, nhưng vải trắng không làm cho ta quên cái ý  
nghĩa tang tóc. Cụ để tang ai chẳng? Chắc không, vì cụ dùng  
cái khăn ấy lâu lắm. Sau này có khi cụ đổi cái áo dài vải bằng  
một cái áo dài lụa ta ngà ngà, nhưng chiếc khăn vải trắng vẫn  
vĩnh viễn không thay đổi. Cho nên rút cuộc tôi tin rằng bộ y  
phục ấy, đổi vớ cụ, là một thứ nâu sòng của người học giả nghèos  
tương trưng cho sự sạch sẽ tinh thần và tự trọng, nó là đổi tượng  
của sự lỗi thời, mà mấy nhà văn nhà báo ưa dám minh trong câu  
thà, có khi là do bản đế tò mò là nghệ sĩ. Vì câu thả vật chất  
là hình ảnh của câu thả tinh thần, mà cụ Tố nhất định không  
phải là một người câu thả, Nguyễn Thiệu Lâu đã nhận rõ điều  
đó. Lần đầu tiên, nếu cái khăn xếp vải trắng ấy làm tôi ngạc  
nhịn và hối bức mình, thì sau này, tôi hiểu rõ cụ không câu  
thả và cũng không câu nệ về cái màu trắng tang tóc ấy. Có khi  
tôi lại tự hỏi hay là cụ để tang một cái gì?

Cụ Tố viết nhiều trong tạp chí Tri Tân và tôi còn nhớ, mỗi  
lần đọc quyển sách nhỏ ấy là tôi hâm hố tìm bài cụ viết. Bài  
khảo cứu ít khi quá hai trang, nhưng rõ ràng và cõ dặt, chặt chẽ  
trong lý luận và lời văn. Sách tham khảo trau rõ từ trung số, từ  
án niken. Tôi vẫn lấy làm lạ tại sao tôi lại cõ thể thích đọc cụ  
bàn về những biến đổi về địa danh Việt Nam qua các thời đại,  
các tình tiết của Huyền Trần công chúa, trong khi ở trường học,  
thì tôi lại giải nhất về Sử Địa. Tôi còn nhớ thi tú tài vào vấn  
đáp tôi gấp cõi cõi sõi địa là giáo sư Gourau. Ông ấy hỏi tôi về  
những họa sĩ Pháp thế kỷ thứ 18. Tôi vền vẹn nhớ được một  
tên mà anh chàng này lại cõi ngựa lên thế kỷ thứ 19 (à cheval).  
Đó là tên giáo sư Gourau nói móc tôi trước khi cho tôi 0. Tôi van  
mãi, ông mới cho 1 phần tư điểm để khỏi bị loại. Có lẽ tôi ưa  
đọc bài khảo cứu của cụ Tố là vì cách trình bày chặt chẽ khoa  
học, nhiều lúc hấp dẫn như một chuyện trình thám.

Sau này làm việc 4,5 năm với giáo sư Huard, ở Viện Cơ thể học (Institut anatomique), trường Y khoa Hà Nội, tôi lại có dịp gặp lại cụ Tố Nguyễn Thiệu Lâu có nói đến g.s. Huard hay gặp Coedès và cụ Tố ở Viện Bác cổ, ấy cũng vì ông Huard, tuy là giáo sư Cơ thể học và giải phẫu, lại thích nghiên cứu về nhân hình học (Anthropologie) và nhân sử (histoire de l'Homme), và vì vậy ra vào Viện Bác cổ hàng ngày.

Trong thời ấy đã xảy ra một chuyện vui làm cho không khí yên tĩnh phòng thí nghiệm Viện Cơ thể học nhại lên một lúc. Nguyễn là bên Đại học Khoa học, một giáo sư Vật lý, người Pháp cõi riêng, cho xuất bản một cuốn sách nhỏ về "các loại rắn ở Đông dương" (1) và cũng như các ấn phẩm về Khoa học khác, ở cuối có một bản sách tham khảo (bibliographie). Tôi cũng không nhớ trong những điều kiện nào, cụ Tố đã đọc và ché bản ấy, tuy quyền sách xuất bản vẫn là một cuốn sách khoa học có giá trị. Chắc là cụ Tố không ác ý, nhưng tác giả, giáo sư X, có lẽ hơi tự ái ngượng và nguy biến sao đó, nên cụ Tố đã thảng thốt cho một "chùy" khá nặng, nào là sách tham khảo sai, nào là viết mất luat, v.v... Đọc giả tái cùn nhớ Nguyễn Thiệu Lâu đã viết ông bị cụ Tố sửa ra sao, và cụ Tố đã sửa cả G. Coedès, giám đốc Viện Đông bắc cổ.

Vậy thì một hôm giáo sư Huard đến phòng thí nghiệm Viện Cơ thể học, vừa gặp tôi đã hèn hẹn hạch lên cười. Ông Huard từ khi cười dùa, chỉ khi nào thú vị lắm... mới cười, cái cười hòn nhẹn không ác ý, nhưng hô hố nắc lên như trè con, và ông bảo tôi : - Lão X vừa bị ông Tố cho một vố đau lắm. Vâng ông kể lại tôi chuyện trên. Rồi như nhận ra một mánh khép thú vị, ông

---

(1) Cuốn sách và giáo sư X, phải chăng là cuốn "Les serpents de l'Indochine", par René Bourret, docteur ès Sciences naturelles, professeur à l'Université de Hanoï, Toulouse, Imprimerie Henri Basuyau et Cie, 1936 ? (Tôi chỉ còn toàn II).

lại hench hench lên cười và nói : - Anh đưa tôi cái bản thảo về sách tham khảo luận án của anh, về "Ngôn chẩn người Giao chi." Tôi sẽ đưa cho ông Tố chưa chiều nay. Như thế chắc ổn hơn !

Thì ra giáo sư Huard khôn và có vẻ nể cụ Tố rồi !

Hai bản sách tham khảo ấy có độ lớn 100 cuộn, tôi đã cho đánh máy rồi, nên đưa ngay ông Huard.

Mười hôm sau bản đá trở lại với tôi, và đúng như Nguyễn Thiệu Lâu đã viết, chỉ chít chít cụ Tố sửa từ đầu đến cuối, bằng mực và Chữ nhả, đẹp, có thể nói là nắn nót nữa, thư chử của các ông thư ký cổ ngày xưa. Sách tham khảo có sách Anh, sách Đức, lẽ tất nhiên có chỗ tôi đã chép sai; cụ Tố sửa lại hết, còn chua thêm cả sách in năm nào, tại đâu, Dusseldorf hay London, có khi cả trong thư may nữa. Thì ra, nếu tìm ra sách ở Viện Bác cổ, cụ Tố đã không ngại gì tra ra và đọc ! Tôi phục tinh ra. Lê tinh như : ông Huard đã viết thư cảm ơn cụ Tố và tán dương cụ hết : "Nhận được thư trả lời của cụ, ông Huard lại hench hench cười và đưa tôi xem. Vẫn thư chử nhả, rõ ràng và nắn nót ấy, vẫn giọng văn trịnh trọng và kiểu cách ấy, một điều : thừa giáo sư (Monsieur le Professeur), hai điều : Thừa Giáo sư, và sau cùng kết luận bằng một câu mà tôi còn nhớ mãi : "Je ne suis qu'un rat de bibliothèque" ! Ý khiêm tốn nói rằng tôi chỉ là một con chuột (gồm sách) trong thư viện !

Giáo sư Huard cũng là hạng chử chử, đã trả lời cụ Tố và đưa tôi xem thư ấy trước khi gửi, trong ấy sau những câu xá giao, một điều : thừa ông Tố thân mến (Cher Monsieur Tố), hai điều : Thừa ông Tố thân mến, và kết luận rằng : "Vous êtes un tigre de bibliothèque" (ông thật là con hùm (xám) trong (rừng sách) thư viện !)

Nguyễn Thiệu Lâu có nói đến cụ có khuyên ông Lâu dùng thành con mợt sách, câu chuyện trên chỉ làm sáng tỏ thêm hình

anh cự *Üng Hồi Nguyễn Văn Tố*, và những con mọt sách kieu Nguyễn Văn Tố thiệt là hiếm có vậy !

Sau này ông Huard đã sáng lập và làm hội tritong Hội khảo cứu về Người (*Société pour l'Etude de l'Homme*). Sáng lập viên hội ấy có : G. Coëdès, Nguyễn Văn Tố, Trần Văn Giáp, và mấy anh em chúng tôi trong Viện Cơ thể học, trong ấy có kẻ viết bài này. Sự thật thì G.S. Huard, khi lập ra hội, muôn phải có hội viên, và lại chúng tôi ở viện, ít ru cũng có cái công do mấy trăm cái xưởng khô, ít chục bộ óc ngâm rượu, và giắt phẫu ít chục cái xác chết tiêm formal, ấy là không kể di do vàng số 1, số 2, số 3, và các vòng khác của mấy chục cô dầm lai viện mồ côi Hàng Kèn Hà Nội, công tác mà thường khi được G.S. Huard phải di, chúng tôi không thoát thác. Nhưng bài khảo cứu về Nhân hình học (*Anthropologie*), chúng tôi làm đã được vài năm, công việc sưu chua và lập lại những sách tham khảo, lẽ tất nhiên phải qua cự Tố. Ở đây nên mờ mặt dấu ngoặc. Theo ý kiến ông Huard, thì việc khảo cứu cần nhất ở bản sách tham khảo (*bibliographie*). Lập được bản này đã làm được nửa công việc và giúp ích rất nhiều cho người sau khỏi mải công tìm kiếm. Bởi vậy ông Huard phải lời cho kỳ được cự Tố và nhân viên tritong Bác cổ vào hội Khảo cứu về Người của ông.

Ngày khai mạc Hội trên cũng là ngày tôi thấy cự Tố lần cuối cùng vì sau chỉ gặp cự qua giấy tờ và đến năm 1940 thì tôi rời Viện Cơ thể học. Hòn đó ngoài các sáng lập viên còn có cả ông Tản quyền hay Thống sứ gì đó nữa, vì tôi biết ông Huard, một cựu quân nhân, khoái cái trò tham dự của Chánh quyền như thế. Và lại ông Huard là một con cáo già như trên ta đã thấy, sự tham dự của Chánh quyền làm Hội tritong danh dự cho Hội có một mục đích ti liện hơn là sẽ giúp Hội có phương tiện in sách sau này.

Cự Tố thì vẫn bô quốc phục trắng muôn thuở với cái khăn

xếp vài trảng. Có điều lần này cụ mặc áo dài lụa ta, đó là sự đầu hàng độc nhất cho cái trình trọng bề ngoài này. Giữa cái đám hời hới chục bộ áo phục và binh phục sậm màu, bộ quốc phục trảng của cụ nổi bật như một khêu khích. Cụ vẫn giàn dì, nhưng đầu gối cao, dài mảnh thoảng có những tia sáng miệt thị. Và tôi thấy rõ ràng rằng những kè lạc lỏng nhất trong cuộc họp này lại là mấy ông nhà binh ngực dày huy chương, vì các ông ấy hiểu rằng câu chuyện sắp nói ở thính đường Viện Cơ thể học này không dính dáng gì đến Tôi Ngõ binh pháp. Bộ quốc phục của cụ Tôi quả không phải là bộ quốc phục (có khi sang hơn nhiều), của mấy ông Chánh, Phó Tổng hay Trí Phủ, Tổng Đốc ! Và cái khăn xếp vài trảng ấy đã che một trong những bộ áo thông minh và uyên bác nhất của Việt Nam hiện đại.

Đào Huy Hách



Thưa,

Mỗi bìa nhau lần thứ nhứt bằng bức thư đề ngày 1-XII-1971 trên đây, nhưng tôi đã giật mình và thích thú đọc văn một ông bác sĩ, trước đây là trợ thủ giải phẫu (procoseur) trường Y khoa Hà Nội; rồi lại hốt hồn, nghĩ mình có chi mà cũng viết lách.

Cái kỵ càng của b.s. Đào tiên sinh là sau đó, ông còn gởi tôi một bức thư đề ngày 6-XII, 1971, tôi xin phép sao y ra đây, vì thư không dài lắm :

"Kính gởi cụ V.H.S.,

"Hôm rày, thằng con rể tôi đã gởi từ Sài Gòn lên cho tôi quyển Fables de La Fontaine, để tôi tra lại. Và khi tra lại tôi thấy ngượng mà thú thật rằng trí nhớ sai lạc đã làm hại tôi. Nguyễn Văn Vĩnh đã lấy ý mà dịch câu :

*"Ils sont trop verts, dit il, et bons pour des gaujats !*

thành : *"Nho xanh chẳng xứng miệng người phong lưu !*

và đây là lời con cáo (le Renard et les Raisins), không phải con chó sói. Hôm viết cho cụ, tôi đã đi tìm cá Dalat, không có bán một quyển La Fontaine, nên phải nhờ cháu nó kiểm ở Sài Gòn mua gởi lên, để định chính, nếu cần.

Vịc này tôi đã làm.

Kính,

D. H. H.

\*

Thiệt mà, không nên trao gởi món chi cho một đứa như tôi là chuyên gia sưu tập già, vì đây là một bức thư nữa của Đào quan, tôi xin trình ra đây để cùng tiếc và tưởi nhớ một nhà học giả đã ra đi : (cố giáo sư Hoàng Khái).

Dalat 14-XII-1971

Kính gởi cụ Sển,

Vừa nhận được thư cụ, tôi vội hồi âm ngay, là để cảm ơn cụ đã bò thi giờ quí báu mà trả lời tôi, vì sự thật tôi không chắc gì cụ sẽ trả lời; khi không mong lại nhận được là một cái thư. Âu đó cũng là cái duyên cho tôi vậy.

Tôi rất hiểu cụ, khi cụ nói cụ bận. Tôi có một người em

rê' họ, là giáo sư Hoàng Khôi. Anh ấy đã bò nhiều năm để dịch bộ Cổ văn (Bộ Giáo dục xuất bản).

Mỗi lần tôi về Sài Gòn, là "chú" ấy với lấy tôi nói chuyện, tuy rằng ngồi dịch Cổ văn 10 giờ mỗi ngày.

Tôi gọi bằng "chú", là lấy tình cảm họ hàng vì Bà Hoàng Khôi là em con cô con cậu ruột với tôi.

Vậy thì chú ấy lần nào cũng tâm sự với tôi rằng : - Anh ạ, tôi thấy như tôi không đủ thì giờ để làm nổi những việc tôi muốn làm.

Năm 1970, hồi tháng 11, tôi lại chú ấy, và anh em lại vui mừng hàn huyên, rút không ra. Hoàng Khôi là một nhà nhỏ mà nhỏ là hay thâm và hơi khinh miệt.

Vậy mà anh đã kính cẩn tựa đề biểu tôi Bộ Cổ Văn 3 cuộn mới in xong, dưới ký : "Em Hoàng Khôi", tuy anh ấy đã 67 tuổi; anh ấy lại nhắc lại câu trên : "Tôi chỉ sợ không đủ thì giờ làm việc. Tôi bắt đầu dịch Úc Trai. Thú lầm, anh ạ ! Tập photocopies này của E.F.E.O. mang vào, bò lăn lóc từ Bộ này đến Văn khố nãy bây giờ đến tay tôi. Cả một correspondance với tướng Tàu hồi ấy. Anh biết không : "Hà Nội 36 phố phường, Hàng mứt, hàng đường, hàng muối trắng tinh", có từ đạo ấy. Tại sao lại 36 ? Anh xem rồi sẽ biết".

Cát khoái của người học giả thấy thoáng qua cặp mắt.

Tôi về Đà Lạt và một tháng sau, Hoàng Khôi mất, và vừa giờ đầu được ít bữa nay...

Vậy cho nên tôi rất hiểu cụ, khi cụ nói cụ "sôi sục" muốn viết cho xong cái này cái nọ. Và tôi cũng xin dùng bút nỗi dậy để khôi làm mất thì giờ của cụ, tuy còn muốn nói nhiều. Kính, Đ.H.H.

T.B. Những gì tôi đã viết cho cụ, là của cụ. Tùy nghĩ

sử dụng. H. Tái bút nữa. - *Hồng Làng Sơn* thư đã, khi chín, lấy tay bóc vỏ được. Vỏ mỏng như giấy. Chín rồi không để được lâu. Nhưng hái xanh "dầm", thì lâu mới chín. H.

Tái bút lần nữa. - Góp một ý khác, tuy tôi không chơi đá gà. Tại sao ông em cũ không về chán gục, mò gà, và tên các vây? Như thế tiện cho người tra cứu sau này. Đó là những tài liệu quý báu. Bỏ sẽ mất đi. Tôi thấy một trang đến kinh khan quá và khó nhớ. Có lẽ cũng là mèo mò nghề nghiệp *procateur* của tôi. Xin tha lỗi. Đ.H. Hách.

Trả lời thơ trên. - Thưa, đọc ba bức thơ, tôi quên cả thời gian, quên mình là cây đèn, tuy còn cháy đây, nhưng glo máy tắt lúc nào, dối ai định được, và dầu còn nhiều hay ít, chỉ có ông Trời mà biết. Ngậm ngùi hồi tưởng lại hai tháng Mai và June 1963 ở Paris, hân hạnh ăn cơm khách tôi, nhà bác sĩ Nguyễn Trần Huân, hội kiến lần chót với ông bà Maurice Durand, vào biếu ngày ấy cũng là ngày vinh quyết (8-5-63), và qua hai ngày sau, 10-5-63, được ông bà giáo sư bác sĩ Pierre Huard đặt 1 giờ trưa bữa cơm Việt tại nhà riêng, có bánh cuốn, canh đậu hủ và đậu hủ chiên dòn thịt, đến nay quên mà bặt vò ấm lén, rồi nay hồn bút với bác sĩ mà vẫn chưa biết mặt.

Trước khi lên đường đi cái xú khai cần giấy thông hành, cũng không cần xin phép chính phủ, và lì tôi đã đợi sẵn, chỉ chờ kêu tên, - bây giờ xin trả lời vấn v坚持不懈 : - về trái Đặng Đình Hồng, nó vẫn là trái hồng dài Đặng Đình; nhưng như thằng mèo đây là lười trên chiếc Honda lồng lèo tôi cà kẹ như vậy để nhớ trái cam Tàu, trái cam Tiêu, trái này trái nọ mà tôi đang thèm, lý như à Mỹ Thuận chan chan, mà tôi đâu còn rãnh để cắn! Tôi vẫn biết nó là trái Đặng Đình hồng và nhớ đến Đặng Đình hồn Xin bác sĩ đừng thắc mắc với một người bất chấp khoa học và giàn như tôi. Đây là thơ với thâm trang lúc thèm, như bác sĩ nói không nên, thì từ đây tôi xin cù.

- Bác sĩ nhún nhường, tôi thêm ngai. Nhưng gì tôi viết, cái gì tin được thì tin, không được thì xin bỏ qua cho, nhưng xin đừng đưa lên bàn mổ, sẽ chết tôi một cửa Tú. Thủ thật, mỗi cuốn tôi viết ngay trên bàn mổ, từ hai rưỡi đến ba tháng phải cho kịp, khi in lại bị thợ sáp chữ trác mập, đọc lại thấy lối dài, nhưng phải viết bừa để chạy chết. Sau này, mình rồi, nếu thấy dùng được, sẽ có người hay hơn chữa lại, to gi.

- Về Jade, tôi có biết khá. Nhưng cái gì tôi cũng không dám vào đe, chưa lại để lần sau mới lấy ra khai thác, và như vậy mới dù chạy gạo nuối cám mẩy đưa trẻ, hiện có ba đứa, cho ăn cho học, kể về dính dấp bà con, thì "quảng mươi lăm bâ trầu chưa tốt". Trên kia hay là dưới đá, có cho phép tôi chờ viết lại hay chẳng, tôi cũng không cần, cái gì tôi cũng phải qua, và đó là lợc thú còn lại của tôi : thèm cam thì viết ít câu, nhớ "cái dở" thì la là ít chữ.

- Trong những gì tôi viết rồi, tôi nhớ không từng dụng chạm đến con chó sói của đại tiên La Fontaine. Dịch vẫn là cái tôi sợ nhất. Nay bác sĩ dính chính đó là con cáo, hú hồn cho tôi. Duy xin mách : trong tập 4, tôi tìm được hình cò Perette, vui ldm.

- Sách dày nhà, sách Nguyễn Văn Vĩnh, tôi có đủ bộ bàn nhứt. Nhưng thưa bác sĩ, với mớ tuổi này, tôi muôn đọc lại "Ba người ngự lâm pháo thủ" hết sức, nhưng làm sao có thì giờ nữa, cũng như tôi mua sẵn bao nhiêu sách mới, để đóng gó chờ làm sao thường thức ? Nếu tôi đủ tiền, tôi không thèm viết gì hết, đọc lại từ sách, văn của người ta viết sẵn, thì thú vị biết bao. Ngay nudi lờ mờ bảy cháo "quảng mươi lăm bâ trầu chưa tốt" như cũ nái, thấy chúng nó nheo nhóc, bạo gan làm con chim thòng bè (le Pélican) của Musset, chờ già. (Chòng bè, bồ nông cũng một thứ).

- Vì hai chữ "Phong lưu", tôi khổ tràn ai mẩy tháng nay. Không động tôi nó nữa.

- Xin thành thật chia buồn, với cái tin ông H.K. đã mất. Mai này xuống tìm bộ cổ văn của ông dịch.

- Về cảng gà, vây gà, không về vì khi ấy sách đã lên trang, máy đang chạy, về không kịp, thằng em ở xa, nó giàu nghè, tôi thì làm biếng. Đang chạy nước rút, viết cho hết cái gì đang sôi sục trong óc, sau này có rảnh, sẽ làm con chó giàu xương dưới đất, moi lên gộp sướng hơn.

Bấy giờ, sau khi uống cạn ba chén nước mía, hòn nữa, ba tách mật ngọt Đàlạt, đây là bức thơ dài của một người ký tên : "Hài Dương tình, Châu Khê xā, Lê lộc..., Đạm Trai hlein, VÔ DANH". (1)

## 2. - Thơ số 2.

Tân Định, ngày 18-12-1971 (ngày được thơ : 22-XII-1971).  
(phong bì cũ, cạo sạch, đè địa chỉ của tôi)

Kính thưa ông Vương Hằng Sân, 11, đường Nguyễn Thiện Thuật, Gia Định.

Là kẻ dì cù, vào đây nương náu ăn mày cành thổi ngát nghét 17 năm rồi, đó là cành tình riêng, song cũng chung với đại cục trong nai triệu người xa bỏ nơ sinh quán, đó là việc Giời Đất.

Không quen biết mà biến thơ, sự vô phép này mong tiên

---

(1) Tiên sinh không cho biết địa chỉ, và rằng ba năm không xem báo, nhưng có đọc H.C. Đ.S. mượn. Tôi không biết cách nào xin phép trước, vây tiên sinh tha thứ sao tôi dâng bức thơ này lên đây mà không hỏi trước tôn ý. Nếu mấy hàng này lợi mắt xanh, xin mời đến nhà đừng ngại. Tôi không dám giận tiên sinh quở tôi giành chữ "nghèo". Trái lại tôi sẵn lòng nghe riêng tai nghe dạy và thỉnh giáo về khoa học cổ ngoạn. 7 giờ tối nhà đóng cửa, vì quáng gà giờ ấy không nhìn được người qua lại, sáng thì hay dí vắng, chờ chiều 3 giờ đến 6 giờ ngoài, cửa vẫn mở rộng đón người biết rộng như tiên sinh. Cẩn bá, S.

sinh cảm thông đạt xá, vì nỗi muôn trình bày cùng tiên sinh ít điều về thú vui chơi đồ cổ. - Nơi tập 3, thấy tiên sinh nỗi đã 70 tuổi, ở tuổi Nhâm Dần, mà tới Ất Tỵ, 67, vậy tiên sinh hơn tôi về năm là 3 tuổi. Phàm chung kém bẽ tuổi phải biết kính, nhưng có chỗ không dàn dừng được, vượt lè thường, nên mạo muội viết để cầu lich chư không ràng dung ý xấu xa, đó là chân tâm giải già.

Trong 3 tập H.C.Đ.S. xem cớp do người bạn cho mượn, tiên sinh có phần trần ràng tiên sinh nghèo nhưng... còn có hưu dường đa thấu bát thành vấn đề; đời chiêu cùng tôi lại còn nghèo hơn tiên sinh nỗi hồi hưu và cớp dường, sống trên lưng con gái con rể, mong chóng qua ngày mà chưa được, thì... việc xem cớp sách này tiên sinh rộng tình định đoạt giúp, tôi không dám biết sự phán đoán nặng nhẹ ấy thế nào

Tôi đọc để vui khuây tâm tư siêng, với báo chí đã gần 3 năm rồi, không còn duyên cảm cùng ghé mắt, nòng nỗi này cũng chỉ riêng tôi hay, người ngay thẳng ta nói thật, chính phủ không đánh thuế mà toàn tình đối già, hẳn tiên sinh đã hiện ra rồi cả chuỗi dài tưởng đoán tôi đoạn này. Ý tư chưa đựng trong thơ này hoàn toàn khô khan không rắc rối liên hệ gì đến bút pháp sự trạng kia khác, bút kể khía cạnh nào, duy nơi tập 3, đọc hết 51 trang đầu, thúc bách tôi phải nói thêm cho đầy đủ để lấy suy đoán chung, điều phủ nhận cam đoan không có, với không dám. - Nơi trang 25 đến 28, đã bắt lòng tôi làm điều phi lý này, mong tiên sinh đừng giận, xin xen dấu ngoặc con để thừa thắt ràng :

Nhà nghèo thiều học, cam phận dí kiếm cõi nõi dộm miệng, sự tình đời cõi như mưa gió thoáng qua, chư hết biết phân chia ấm lạnh cùng lợi hại lè nào, vậy mà cũng tí toe hiểu cõi ngoạn.

Nguyên tôi nghiên thuốc lào bắc đỡ tốn hòn thuốc điều các loại, có mua được chiếc điều bình thon quả dưa, vẽ sự tích "Tán

cố thảo lư", về tranh Tàu thì kiếm được bức Mẫu Đơn màu biếc lục có pha tím, thấy và nghe nói rằng khó thấy lắm, thì hẳn có biếc vậy.

Có những dây duyên đưa dây lại, xin khai lại với vòi tu, nghĩa là không có phần nghĩ của tôi, người nói sao thuận lại vậy, nó quả mâu thuẫn với tiên sinh là chỉ có tài khéo giào giử gìn lưu truyền mà thôi, nói QUÍ hoàn toàn khiếm khuyết hẳn.

Ngôn ngữ và nát óc, vẫn tái vây thôi, cùng kỳ ký đã làm tôi tan mộng nguyễn để đi vào già biệt hẳn không có một hãi. - Người ta nói : không thể chối cãi được là không có không đúng giá, nhưng có nó mà chẳng rõ nó quý ở điểm nào vật ấy bắt quả mua đất do sự khéo leo giử bền qua không thời gian thôi, có gì vội cho làm hám thích, báu đến mà người được. - Lực binh, chóc lợ thì để ngụ trên bàn trên tủ, dĩa thì treo tường, không dùng hàng ngày như điều bát, ấm chén nhặt dụng, độc ấm quần ấm, mấy thứ này có giá trị hơn vật trên mặt bục. - Không phải nói để ngụ ý chê bai phú khái, mà tôi (người ta ấy) được thấy, tay tôi được cầm hẳn hời, nếu cần dán chung ngay, xin vòi cùng tùy hỷ, để khỏi mang điều nói nhảm láo (trong đây là nói dối tớ), ta lên đường lập tức hoặc bắt cù lúc nào xét ra thuận tiện. Tiên sinh hẳn nghĩ ra được tâm tình tôi khổ đau đến thế nào rồi, hẹn vào đầu tháng Hai a.l. hội Chùa Hương tích, ta đi chiêm quan cho mục đích sờ thi, xóa bỏ hậm hực vụ vơ. - Thị dây : nó nguyễn là bộ 4 chén sành, không biết có bao nhiêu lâu vì cũng là thừa hưởng của cha ông để lại. - Sự quý lạ là : sau khi rót vào chén ấy, không giò ta không tay chân dụng chạm vào dĩa chén mà mặt nước chén trà có rung rinh như gợn sóng, - nói rằng nó cổ và quý báu là như vậy, hơi vật kia chút tinh túy ấy.

Bình tinh tưởu. - Đây là chính tôi, kẻ viết này, được thẩm mỹ bình ấy (người trọng đạo đức không dối mình mà bịa khái

không nói có). - Bình ấy là già bảo của ông chủ nuôi sống tới  
đến năm gặp nạn kinh tế khủng hoảng nặng nề, hồi mà trong  
này dùng thóc gạo đổi thay thon và cùi như nhà đèn Chợ Quán  
chẳng hạn, thì tớ thấy tan rã chia tay nhau, chủ dẹp tiệm, người  
làm công tự liều lỵ. - Một năm cứ vào sinh nhật bà Chủ già  
(thân mẫu chủ tôi), ta có đại tiệc; bình kia lúc ấy được phô bày  
ra, ngoài lối trang trí và ưng dung việc "giải say" cho mấy người  
non cay hoặc đại bại về tiêu lệnh. Nguyên màu sắc thay đổi của  
men bình này đã làm tôi mơ hồ quang măt như xem trò ảo thuật  
vậy. Sáng sớm, bắt cứ mùa nào, thì toàn thân trắng bạch, từ  
đứng bóng đến chiều tà, da men lại đổi màu hung hung nâu,  
rồi tối hẳn thì hóa màu xám tro, ví chí một ngày hóa thán ba  
lượt. Dùng nước tẩy không thời dỗ vào bình này, nó có tính giải  
tinh tảo mẩy bợn say mà bắt cứ ai muốn tự tay dỗ nước vào, tự  
canh khoảng lấp mà chiêm nghiệm, chủ nhân không bén mảng  
đến làm trò bít mắt ăn tiền.

Ông cậu ruột vợ tôi cũng dì cư vào đây, ở trang Gia Định,  
ngự trong xóm lao động túi tiền có vạy, mãi dà 5 năm rồi lúc  
được 82 tuổi, cựu tư chục sở Nhà đèn Hà Nội (Société Indo-chinoise d' Electricité), có mua được một lô bồn bát (lô) và bốn  
đĩa cùng lục, loại sứ xáu, có vẽ hoa lá xanh đỏ thời, bài thi không  
có Bát chợt khám phá được sự quý báu của nó là có một tò mò  
đĩa của lô này có tính chất không thua tú ướp lạnh như bây giờ.  
Đem tò nọ đĩa kia hoặc trái lại thì chẳng có hiệu lực gì cả. Có  
người lọc mạch với ông Giám Đốc sở hồi ấy là Pierre Château,  
nhất định đòi mua lại kỳ được, cậu tôi trong thế chẳng dùng  
được, phải theo lời đưa vật lấy tiền trong ám ức nái khó tả.

Cái ám gan gà độc ám do lò Mạnh Thần sản xuất, hồi ấy  
vào niên độ 1924 - 1925 thời, theo báo Trung Bắc tân văn đăng  
về vụ cướp sát nhân thì người Tây chủ mỏ vàng tên là Cournillon  
là chủ ná, cướp vào xâm nhũng và bị giết chết. Nạn vụ sau bị vỡ,

thủ phạm bị bắt và đèn mang theo án lệnh Tòa xú, - không biết sao lại được về tay người thợ bạc già (xin miễn nói tên thật, và ma chết mất miệng rồi, tài thuật lại đây tuy là việc có thật song vô căn cứ bảo đảm, cũng không tâm khôn nói). - Nó có tính cách là nóng lâu lắm. Tí dụ ta đun nước sôi pha trà phết khỏi nước ra miệng với là độ nóng nhất, thì chế vào ấm gan gà ấy lát 15 phút sau muộn dem so độ nước nóng của ấm với nước đun trên lò thì không thấy giảm bao nhiêu, lát một hai độ kém nóng mà thôi. Ấm này chắp nồi với hai chén cát còn lại, vì chỉ dầu Ngô mình Sở, chảng cùng bộ, vậy mà ăn thua ở kỹ lưỡng mà thôi. Ấm ấy rời nước vào chén ấy, chỉ uống lèo lèo mỏng manh vậy, lát hai chén còn mà thôi, thì hầu như cả ngày hôm ấy không thấy khát gì cả, dù mình lao động thật lực, mà hờ nhẽ nhại nữa.

Bạn đồng sự với tôi là Lam Wo Sang (Lâm Hòa Sinh) có cho rõ chút bí mật về các lò nung đồ men sứ sành, theo tục lệ miền Giang Tây, hắn là gốc gác tinh ấy, vì tranh phàn hương hỏa lò gốm lò nung ấy, thua bại, mới qua Hà Nội mưu sinh. Vì thấy tôi vô vẹ thích đồ kim đồ cổ, tranh lụa tranh giấy, hắn vỗ vai nói : "Chơi Phải được cái thứ như bình lịnh tưu của ông chủ thì hãy nên mua chơi, chửi cổ lâu năm mà làm gì ? Thú gì thấy người ta ưa bán chạy tay là họ lập tức bảo nhau sàn xuất lò thay thế, vậy nào có ích gi, không có độc quyền, độc đáo, qui hóa thế nào chảng hay, mê ham về cổ xưa là công lao của gìn giữ. Ngộ nói thật : ngộ đây sinh trưởng trong nghè, phải biết rành hồn ai. Ni có từng nghe hay đọc sách truyện, thấy nói về "lẽ khai lò" bao giờ chưa ? đây là bí mật nhà nghè, qui ni nên mới nói. Thời tục người Giang Tây, báu cát ai ai dụng xây lò nung gốm, đều phải phạm tội ác "giết người". Tìm mua hoặc bắt lén hai đứa con, trai và gái, té lò thi cự mới chuyển ru lò thế nào cũng sẵn ra được một hai thứ qui, nhưng mà may ai mồi gặp mới biết được, như cái bình "tinh tưu" của ông chủ khám phá được ra chảng là ngẫu nhiên, phải trải qua nhiều thời gian nhiều người

rồi hình linh tinh ra hiệu lực công dụng của nó - Tự lò làm công việc sản xuất, cũng nhiều người đưa dại làm vật già truyền, nhưng thế nào cũng bị "mất bàn quyền" vì chủ lò làm thêm ra.

Nó cũng lại thích chơi tranh mà nó có hiểu tinh thần thật thi vị của nó không ? Nó chỉ biết nét đẹp, chìi lối, lối diễn hay, điều cái yếu thế nào đâu biết. Phải biết chia 3 loại tranh mới được : 1) người vẽ dồn tinh thần ý chí để lưu tặng nhau, là giá trị bậc nhất; 2) người vẽ ngụ ý thuật cảm hoài vọng về tâm tình riêng ra sao đó để ký ẩn một sự thật vui buồn ẩn huệ, là phẩm quý thứ hai; 3) vẽ phỏng thật nhiều, bất luận kể cảm thương hỷ nộ, cù vẽ bán ra cho nhiều, khoe phô tài thủ lối, có vây thôi. - Nó này có chủ viết của Tiết sĩ Đàm Viên Khải, rồi nó kia cũng có nữa, cả hai bên cùng câu cùng nét chữ, cùng niêm hiệu, vây chấn già là đâu, nó chẳng bao giờ biết được, nếu không gồm chung trong sự trạng ưa chơi đố cổ. - Ngộ kế cho nó nghe chuyện này làm diễn hình để tự suy tư thấu đáo lấy : nhà kia có bức tranh cổ vẽ con ngựa uốn nước sông ao gì đó, thật linh động về nét họa thanh tú tự nhiên. Vì sợ bị maul hư tàn rách, nên đưa đi bồi lại. Người bồi tranh cũng là tay thâm mỹ biết vật quý rất sành, này lòng tham, bèn họa lại bức khác trả lại sự chủ. Sở hữu chủ ngầm thoảng qua nó mục tiêu nào đó, liền bối ngay là, không phải, của già. Thế rồi việc lên đèn quan xù mà không ra trái phải. Sau cùng sự chủ nói riêng cùng quan rằng nếu lấy lại được bức chính đó thì xin lưu dâng lại nhớ ơn, rồi cho hay tại sao biết là già, do vết tích đặc điểm quái ác bí mật này : con ngựa vẽ cùi đầu uốn nước, nhưng chưa vục mõm vào nước nên nước chưa động, trong nguyên, nên bóng nó thu ngược trong nước. Cái kỹ thuật lối tinh vi lại dồn thu hết vào con người : nó hình giá (bóng nước kia), mới là đặc địa tàn nhẫn. Họa sĩ dụng tâm tình "chụp" lại một lần nữa thân hình thật nó trong lòng con người. Đem

loupe ra rồi sẽ mới thấy còn tinh thần lồng lẩy hơn cả nết  
vẽ đã có và thật tinh đặc biệt, vụng và hếch để tả nét linh  
động này, tạm hiểu vậy đã đủ. Ông quan bên theo thế, cho  
đời thợ bồi tranh để tra hỏi; tên này bị lôi vào thế bí đường  
cùng, mới chịu thú nhận, và dâng trình lại. Án xù xong.

Nay nhân chuyện tranh này lại nhớ thêm vụ kiện tranh  
khác nữa, mới đây thôi, khoảng năm 1947 - 1948 gì đó. Người  
đi kiện là compradore của Banque de l'Indochine Hà Nội, quên  
tên, nhờ Mc A. Mayot biện hộ; còn bên bị cũng quên không nhớ  
là ai, tài ngang xứng, đời chả chơi nhau, cũng có hai trạng sư  
cãi cho là Mes Bora và Piton. Vụ kiện xù hoài mãi mà không  
ngã ngũ bờ nào, tới khi đại di cư vào năm 1954才 tiếp tục  
đem vào đây xù nữa, rồi ra sao thì không biết, phần bị mãi liên  
lạc, phần lo cuộc đời canh cát, mới thành ra vụ kiện này không  
rõ biết kết quả ai thắng ai bại. Có gì đâu: má chính X đó, cũng  
đem bồi lại bộ tư hình đặc quyền đặc đáo, bồi họa sĩ sau khi  
hoàn thành xong, rủi bị bịnh chết. Bộ tranh ấy (bộ ấy thôi),  
đương nhiên là đặc đáo, ấy thế mà sao ông Z. bị kiện, lại cũng  
có được, in hết, nên mới có vụ kiện thưa chư !!

Rắc rối tơ lầm là: bảo giả thì trên hình thức là giả, nhưng  
ngâm ngầm lại là thực kia, thế mới vỡ đâu, nguyên do vẫn là  
thợ bồi tranh bày trò do tham lam mà ra cớ. Kỹ nghệ thuật Trung  
Hoa về làm giấy đặc biệt cho danh họa dùng, họ chế biến ra  
nhiều loại lâm, vì chán nản với tay vỡ mộng lành nên từ 45  
năm nay hết còn chú ý, thì tên tuổi mấy loại giấy kia biết ghi  
nửa mà chi, nhưng liên sinh nếu thừa săn dịp, hãi mấy litem  
trong Chợ Lớn, sẽ được thỏa mãn ngay. Tôi nhớ đại để thư giấy  
dùng vẽ bộ tư hình của má chính X, là loại có ba tờ thật mỏng  
chấp ấp với nhau làm thành một bản chính. Họa sĩ vẽ là vẽ thời,  
lần sao biết được nước mực nó thấm đến cả ba hoặc hai hay một,  
nữa, đâu biết. Tôi khi thợ bồi tranh thả vào bể hành nghề, thấy

vậy mới biến tâm, đánh cắp bút di một bàn thủ ba thà, vì phòng hờ sự bị lộ tẩy thì sao? - Công việc êm ru, người không biết, qui thần chẳng hay, người bồi tranh lên khung thành bộ riêng mới, cho người mới giới di ấn khách, mới lọt vào tay ông Z. bị kiện kia. Phát giác vụ này ra để đến chỗ thưa kiện nhau là: X và Z không quen nhau, nhưng cả hai đều biết ông C. Ông này bỗng chợt thấy nhà Z sao có bộ tư binh hệt của X. Bèn lặng lẽ tới nhà X xem binh tinh thì bộ tranh vẫn y nguyên đó, mới thuẬt lại là làm sao nhà Z cũng có được thì độc quyền độc đáo ở chỗ nào? đương nhiên X chướng người, không tin, nhưng đến lúc nhận thức là có thật thì cũng là lúc cả hai bên tái ngày dem của ra di lo kiện cáo giành phần thắng, không biết phần kết cục, tiên sinh có quen biết ai ở Tòa, thì hỏi chở cũng là điều hay.

Mấy sự việc gồm có sơ sơ trong thơ này gửi hồn tiên sinh trong dại ngõi vô lẽ vô phép, như dâ mào đầu, dám xin hồn hồn lượng thư, vì bàn ý muốn góp xen vào đời điều thực hư chân giả được sở thị hẳn hòi nhưng không là phủ nhận hàng hàng gâm thêu của cụ.

Thân phận kém cỏi, không nhiều đức tính hay và cùn cùn như cụ, nên không dám nói thêm gì khác hồn nữa, duy có điều nhận định này bắt buộc thố lộ là: văn pháp, ngũ ý, hàn súc, gửi gắm, thuật hoài, cầm tuồng, thì không hiểu sao tái lại giống đường lối của cụ, sự hiền nhiên là giữa cụ và tái không liên lạc giao tiếp bao giờ cả. Có đọc qua dài bài trong Sáng Dội Miền Nam, hồn lè thân kiém miếng tại Tống Nha Ngân Sách Ngoại Viện thế thà, ngoài ra không có dịp vì nạn kham tiền mua sách báo đọc, đây là sự thật hiền nhiên phủ phàng vây! Thỉnh thoảng dài ba bận bắt lình quang cho mượn tập nào biết tập ấy, cho nên bè học hỏi, quá giang việc đời thật là u u minh minh hồn rùng Sắc, U Minh, v.v...nila vậy. Tôi cũng không mấy đồng ý về khảo luận của cụ nói bàn Hồng Lâu Mộng, điều đó để hiểu, mới

người mải tâm tu và lê nhện thuộc thi sĩ khi hòa đồng hàn. Có câu rằng : bụng đói thì hết nói, vậy mà tôi cả gan kéo được bấy nhiêu lời, thật cũng là quá xa cùng lê đê, rất mong cụ đánh chửi dại xá.

Có dành dời liền này để tự tình khi mà được vào cõi 70, nhưng còn 3 năm nữa kia, mà nay cụ đã tái trước rồi, thì xin vì kính người đến trước mà tặng,... mong rằng đừng nghĩ kia khác, thoát ý lúc Lão tiên chân Khổng, dã nói những gì, cụ tự ý hời tưởng là dù rã. Xin tặng hoặc mừng giờ thọ cụ như sau :

*Hào hoa ý khí hà tuồng phảng.*

*Phong độ thời tâm cảm hóa sinh.*

*Hải Dương linh, Chùa Khê xá, Lê tộc... kính hạ.*

*Đạm Trai hiên*

*Vô danh*

*Không công danh sự nghiệp túc là vô danh,*

*Viết mà không ai biết đến, cũng là vô danh. Xin hiểu cho  
như thế.*

\*

*Viết thêm. - Dời bỏ roi hoặc bị bỏ roi, cũng là thường tình  
cá.*

*Bài khảo luận về ngựa, còn thiếu vài con kỳ tuấn mã. Tôi  
kể tên ra đây sẽ mắc tiếng tranh khôn, nên để tùy nhiên cụ tìm  
nghĩ cho ra, đó là thành thật, bởi dã là kẻ dì xem cợp sách thì  
ý tứ có ra gì, nên không dám lôi thôi.*

*Về Tây Du diễn nghĩa, theo bản dịch hiện lưu hành thôi,*

các bản khác không có duyên nên không biết, có chỗ cụ diễn chỗ thấy trò Tam Tạng ăn nhân sâm, đó là vị tiên Trần Nguyên đại tiên, mà đây cụ nói Trần Đoàn, khiến tôi không biết nghĩ sao cho phải.

Từ tập số 1 đến tập số 3, mới đọc được hết trang 51 thôi, kỳ đư chưa, có thấy đôi ba lần nữa cụ ghi nhớ sai hoặc tam sao thất bản không chừng, suy không là nhà văn nên không dám trình chính sự thề; ví dụ hành pháp ua nồng sán xuất luật lệ mà không thừa hành nổi từ trên xuống dưới, tốt hơn hết chẳng nên có lệnh luật mà làm gì, thi... đã không biết hành văn dùng nói văn chỉ cho nặng iội. Nhưng chẳng biết về văn mà thi lại bập bẹ như sau :

Trống rèn cửa sấm cũng khơ kua,

Mới biết kém thua chẳng nè thua,

Đã hặt mặt gan danh ký dấu,

Mà sao ngõ hé tình làng chua.

Xưa nay kê ngõc nào dành ngõc,

Nên thấy người đua khéo cõi đua.

Tiếng nói là văn, Hồ Thích giải,

Ai dè bạch thoại sáng tua đua.

*Hai chữ "lạc tình", cụ dịch chữ *patine* chưa ổn. Chữ ấy có thể đồng nghĩa với *metamorphose*, một lối biến thể theo chứng triệu của "la mue du ver à soie", điều này thật là có ý cãi cùng cụ chút đỉnh, cũng xin lượng tình, vì phu diễn chờ không tranh ý lý.*

Giấy di xin, phong bì di nhặt,

cụ chó khoe cụ nghèo, cách thức Tiết đại tuyết Tân Hợi.  
tôi đây cụ nghĩ sao ?

- *Thơ trả lời.*

Gia Định, ngày 31 tháng XII năm 1971.

Kính thưa Dạm Trai tiên sinh,

Tôi xin phép xưng hô làm vậy, vì Ông quyết giấu tên. Tôi 70, Ông 67; gảm lại tôi lớn đầu mà dại. Phải được thơ Ông trước khi viết, tôi nói thiệt ba tập H.C.D.S. chắc không ra đời. Nay lò ra tôi tập này là số 6, dành cho Ông "thua me gờ qua bài cào", Ông có giận, tôi xin chịu. Chứ chỉ Ông có ghi địa chỉ trong thơ, tôi đã đến tìm Ông và không có thơ này. Nay in lên mجلد sách, là mong có ngày Ông đọc; đây cũng là một cách hồi ức, nếu Ông cho như vậy là vô lỗ, thì tôi xin lỗi.

Ông và tôi chưa gặp lần nào. Tôi than nghèo, Ông không cho. Trong thơ, Ông hạ câu chót : "Giấy đi xin, phông bì đi nhặt, cự chớ khoe cự nghèo, cách thức tôi đây, cự nghĩ sao ?".

Thưa hiết nghĩ sao ? Giận gì và giận ai dù vậy ? Vuốt giận Ông đi ! Ngày Ông đến tôi, tôi sẽ gởi Ông đem về một chai nước ngọt giải nhiệt, Ông uống thử xem có hạ hán chăng, chứ tôi lo quá. Đây là tình thiệt của người trong Nam chúng tôi, xin Ông đừng tưởng tôi chọc tức Ông, vì tôi dẫu dám giận, bời đang cầu học.

Tôi than tưng, bây giờ tôi khai ngay, là để thêm được ít hàng trong mấy trang viết học máu mới ra lò, Ông không cho; thôi thì thú thật nua, nhà còn đồ xưa và sách thiển gì ? Nhưng đọc lại thơ Ông, thấy Ông viết Ông có bình diệu về "tam cổ thảo lư" và tranh chấm mầu đơn màu biếc lục pha tím; đây là tự Ông khai chứ tôi không phải nhân viên ty thuế vụ, mà Ông hòng sợ.

Sự thật tình và lòng hiếu học của tôi, xin nhờ chư đọc giả chứng minh : tôi viết thơ này để tìm hiểu và học thêm, tôi không có ý nào bút chiến hay làm Ông mất vui. Sau đây,

tôi có mấy điều phân trần lại cho thêm ánh sáng. Một lần nữa, nhà tôi ở một chỗ, trên hai mươi năm là số 5 Nguyễn Thiện Thuật (Gia Định), năm 1971, gần bầu cử, đổi ra số 11 và hôm qua này, tôi mua một trăm đồng tấm bảng số mới 9/1, chưa có dính để treo, xin dặn ông trước chờ không phải tôi mua hai nhà mới và đổi chỗ ở. Vậy ông thấy, tôi nay mới là người không có địa chỉ chắc chắn.

Bây giờ vào đề, kèo sa đà quá :

1) Từ trang 25 đến trang 28 trong tập 3, đó là ý kiến của tôi về cách chơi đồ cổ. Ông nhớ cho, tôi nói đồ cổ chờ không phải đồ báu. Nếu tôi tôn trọng ý kiến của ông, thì tôi cũng có quyền giữ ý kiến riêng của tôi. Huề cá làng.

2) Ông rằng đồ cổ phải quý, mới đáng chơi. Và quý là có ẩn một cái gì lạ, mầu nhiệm, khác hẳn những vật cổ khác. Tôi đồng ý. Nhưng thưa ông, như vậy trên thế gian này cho bao nhiêu báu vật dù cho chúng ta sưu tập ? Như chơi tem, chơi vỏ hộp quẹt, hè tất phải tem báu, vỏ hộp quẹt quý. May mắn ai mong chơi được vật hy hữu như hột xoàn bực Le Régent, tranh quý báu như La Joconde ? Miễn kim cương thật và tranh có giá trị là đáng để dành chơi rồi. Và luôn luôn sưu tập đồ sành miễn cổ vật là được. Và lại, nhan sách của tôi là "thú chơi cổng ngạn" chứ không phải "thú chơi biếu ngạn".

Nếu món cổ vật lại cũng là báu vật, thì cần có chi hem. Nhưng phải có mắt thấy và tự mình thí nghiệm mới tin được :

a) Về bốn chén, khi rót nước vào, tuy không giò thổi, không dụng chạm dến, mà mặt nước rung rinh lay động như gợn sóng, tôi nghe thì thích lắm, ông hẹn đưa đi xem, và tôi muốn đi ngay bây giờ, ngặt không biết địa chỉ của ông...

b) Về bình tinh túu hay "tinh túu bình", nếu đúng như lời ông nói, thì là có một không hai, và phàm báu vật dến

Đực đó thì là thể gian hụt hưu, đâu có cái thứ gì để cho người khác làm cò-léc-xi-ông ? Cho nên phải tạm chơi cổ vật, từ tiền kẽm xu đồng, mà không ai sưu tập tiền vàng và giấy bạc có 1.000 đồng. Tôi biết duy có cổ tống thống Pháp Adolphe Thiers, khi sinh tiền, mỗi năm đúng ngày sinh nhật của bà thì mua tặng bà một hột trân châu (perle), bà sống trên sáu mươi nên ăn lục tuần bằng lắc mùng có một xâu trân châu trên sáu chục hột và xâu chuỗi ấy trở nên vô giá và có danh từ ấy. Về sau, hai ông bà hiến xâu chuỗi cho chính phủ Pháp, nhưng xâu chuỗi hiện để nơi nào hay đã phát mãi lấy tiền nhập kho, tôi không biết.

c) Về tô và dĩa sau bán cho Pierre Château có tính chất không thua tú ướp lạnh, tôi chưa thấy nên không dám làm bàn.

d) Về cái ấm gan gà do lò Mạnh Thần sản xuất, có cách "nóng lâu lầm", cũng phải thấy mới tin. Ông nói trà pha trong ấm này, rồi vào hai chén còn sót lại, sau trận giặc cuồng, uống mồng manh độ hai chén con thôi, mà cả ngày không khát. Theo tôi, trà thật ngon, pha ấm nào và uống trong chén nào, vẫn ngon và còn dư vị mân ngày. Ông không nói pha trà nào, và gấp trà dở, bình và chén còn nét màu nhiệm kia chăng ? Đây là tôi hỏi thật tình, và xin ông đừng giận.

3) Câu chuyện "té khai lò" tôi biết mà không viết lại hai lần, vì cho là đã man quá. Trong tập 4, chương 6, về phép luyện kiêm báu đài Chiến quốc, tôi đã nói một lần, nên không lặp lại.

4) Bạn của ông là ông Lam Wo Sang (Lâm Hòa Sinh), nếu có ở Sài Gòn, xin ông mời giúp tôi lại nhà chơi. Tôi lấy làm hân hạnh được tiếp xúc với người sinh trưởng ở tỉnh Giang Tây bên Tàu, tôi muốn học thêm về đồ gốm và đồ sành, mà không hỏi về tranh.

5) Về bức tranh ngựa uốn nước, theo như ông tá, là quý thật. Theo tôi hiểu, vì nét bút vẽ bông con ngựa trong con người, tẽ vi quá, chắc không thấm xuống mấy lớp dưới rõ ràng được, nên người chủ, lấy tranh bồi vẽ là biết ngay. Tôi ăn cắp original và trả cái copic, là ác quá. Ông quan xử án, nếu nhận tấm tranh quý của nguyên . . . thì làm hư danh một quan thanh; và nguyên cáo vì giận tên thợ bồi tranh gian hàng, hứa dâng bản chính bức tranh quý cho quan thì làm xao động lương tâm và thử thách ông quan kia quá.

Tôi xin hầu ông bốn chuyện giải thoại về tranh quý, tranh bồi và phép bồi tranh, nói nghe chơi cho thêm đầy đủ chờ thật ra tôi học lóm và không biết gì hết :

a) Chuyện thứ nhất, đúng là "độc Tố", tiếng trong Nam mà ông đã dùng. Tôi nhớ trong sách có kể rõ tên ông họa sĩ tài danh sau đây, nhưng tôi đã quên và xin thuật thuộc lòng, nhớ đâu nói đó, chờ bây giờ đi lục sách thì lâu quá, mệt vui.

Mộttri huyện nọ, vừa đổi lại nơi trấn nhậm, đã ôm một bức lụa tơ lụa đến nhờ một họa sĩ mà ông đã biết tiếng, nhờ vẽ giùm một bức tranh làm kỷ niệm. Ba năm trôi qua. Quan huyện mãn nhiệm kỳ, được lệnh đổi đi nơi khác, nên đến nhà họa sĩ, trước để cáo biệt, sau để nhắc việc tấm tranh. Lúc ấy, họa sĩ đang say vui, nghe vậy, gật đầu, sai trè mài mực trong một chậu miệng tròn, thứ chậu vừa vừa nay còn thấy mấy cù đồ còn dùng mài mực mùa viết liên Tết. Mực mài xong, ông họa sĩ mài nhǎm mắt mờ, ngồi phắt dậy, rút một chiếc giày non chân thả vào chậu mực tay trái bức lụa của quan huyện lén mặt bàn, vuốt ve bằng phẳng, đoạn lấy chiếc giày vẩy mực tèm lem, đập một cái "phèp" lên bức lụa quý, kẽ hưng chậu mực úp luôn vào tấm lụa dài tiên, xong rồi xô giày vào chân, đặt chậu xuống đất, còn bao nhiêu mực sót trong chậu, ông mót hết vào lòng bàn tay, rồi dùng ngón tay thay bút, quơ lia quơ lia sửa lại trên mặt lụa, không

biết về gì, trong khi quan huyện, tá hỏa tam tinh, nhầm nghĩ  
mắt lại và ngồi giàn xuống ghế.

Bồi thơ trên tranh xong, họa sĩ trở lại ghế, nằm xuống, -  
giây lát nghe thở đều đều, ông đã thả hồn theo mộng.

Quan huyện tối tăm mặt mày, nửa muôn bô ra về, nửa kiểm  
mà chung quanh không thấy đâu ai để trút cơn tức giận. Tuy  
vậy, vào đời ấy, giữa con nhà cầm bút với nhau, lấy lẽ mà dãi,  
ông cố dồn lòng với mượn một quyền sách ngồi xem, chờ chủ  
giai thức giắc sê cáo từ chờ dung phép lịch sự.

Một lát lâu, quan huyện nghe họa sĩ thở mình, trôi dậy,  
bỗng cười vang rền nha, chắp tay xá quan huyện chỉ tẩm lụa  
vừa ráo mực mà rằng :

- Xin thương quan chờ chắp, nay giờ kê hèn này thử bụng  
quan lớn đó và xin cho chút lèm mọn này dâng thương quan, và  
mừng thương quan, suốt ba năm ngồi trán, nơi huyện này, không  
tai tiếng.

Quan huyện nhìn kỹ lại rõ ràng trên tẩm lụa, cái chậu  
tròn tròn trở nên khuôn trang đầy dặn, mấy lần mực văng  
túa là mấy nét tản vân đậm lạt, và lạ thay, giữa tẩm tranh,  
chiếc giây dơ đâu không thấy, và thay vào đó là một chiếc  
thuyền cột bên cây sào tre, bình bồng trên mặt nước hiện  
lên trên nền bức lụa chùa Trống, lần tần hơi gọn ba lần sóng  
băng ba nét mực vòng vòng tóa rộng, rung rinh như có người  
chao vừa động mới đâu đây.

Câu chuyện dến đây chấm dứt và vừa, nhưng để tạ lòng  
người tặng tôi đôi liễn chưa hiểu hết nghĩa và bài dài cũ tôi  
không họa nổi, người thuật chuyện kể tiếp cho xứng danh "độc  
Tổ", rằng bức tranh "thuyền trang" ấy, trong nhà quan huyện  
xem và trân trọng như một gia bảo độc nhất, lưu truyền đời này  
qua đời kia, và mỗi lần có khách quý, lấy ra treo trên vách, (h)

thấy thuyễn khi xa khi gần và trăng khi xuống thấp khi treo cao, tùy đầu hôm hay khuya khoái, hoặc nước ròng nước lớn.

Đó có phải là dóc 10 theo kiểu "già Ba Tri" chưa ? Và đây là dóc vừa vừa kiểu ở Sóc Trăng (1)

b) Chuyện thứ nhì, - vòn vẹn như sau : một họa sĩ có thiên tài, nhưng có tính làm cao, chỉ xuống bút vẽ tặng người cao sĩ và bình sanh không vẽ cho hạng trọc phú tham quan.

Nhưng Ông có hai tài lòn không chừa, một là rất thích rượu ngon, hai là ham ăn mộc tὸn lòn nhò. Một bữa đi ngang xóm Mới, một luồng gió nhẹ thoảng qua, hai sờ thích dồn lại một : rượu đâu thơm ngọt thế này, và "cờ Tây" ở đâu khéo phết pha nhột mũi ! Ông đánh hơi tìm ra một quán vừa khai trương buổi sáng, trông rất sạch, rất nên thơ. Khỏi nói, Ông vừa thấy đã nhào vô như lân gặp pháo. Bụng sần đói, đánh sơ ba sợi, hừng chí tận mây xanh. Họa sĩ trực nhìn lên vách, bỗng thấy một bức lụa nõn nà phết thành tranh, treo lên đó, nhưng còn chờ người buông tay ngọc. Ông ngạc nhiên quá, không nhịn được, nên gọi người chủ quán trèo đến hỏi duyên do. Thanh niên lè phép chắp tay vái chào và tỏ chí mộc mít, bấy lâu sờ mò tranh của đại danh họa tên mỗ tiên sanh, hiềm vì quán mới lập, chưa rỗi rảnh nên chưa dọn lè đến tìm xin tay tiên hạ bút. Ông cá cười, lự giời thiệu, và sần sàng dang hưng, hối mau mải mực lấy tranh xuống, và "mỗ tiên sanh là ta đây, để ta sinh tài" cho biết mặt.

Vẽ xong lại dề kỹ vào tranh năm tháng ngày và bút hiệu không bô sót. Vẽ rồi quăng bút ra đi, chun cheo đá chun nai, tướng mộc làm một việc kỳ thú trên đời, là tặng không một

---

(1) Ngày xưa ở Ba Tri, thuộc tỉnh Bến Tre, có một Ông già mõi lão có danh, đến nỗi có danh từ "lão mõi Ông già Ba Tri", và tại Sóc Trăng, có Tóc dài là Tài dóc và Tóc dì là "Tỷ dóc". Tài và Tỷ là tên hai nhon vật nói lão hán, trời không chung, của lớp xưa tinh này.

bức tranh quý cho một người hàn sỉ phong lưu, nào dè sì lâu sau, trở lại xóm quen thì quán kia đã dẹp, truy ra anh chủ quán dẹp trai gặp hôm trước, không ai khác hơn là con của thằng trọc phú trong làng mà mình ghét nhất thuở nay, và vì một miếng thịt chó, mình đã lỡ cho cha con nó, mấy nét đậm thanh và chũ kỵ bấy lâu chỉ dành cho người trong sạch. Hồi không kịp. Ăn năn thì sự đã rồi.

c) Giấy mực còn thừa, tôi xin dọn cho tiễn sanh ba chuyện nhỏ sau đây cho trọn bộ :

- Chuyện nhứt thuộc tích một họa sĩ vẽ trên tranh một đôi chim sẻ đậu trên cành, và dưới đất, nơi khoảng trống, ông điểm mấy hột lúa non lành. Lạ thay, vài ngày sau, cặp chim và mấy hột lúa biến đâu mất, định chứng chim vẽ điếc ăn và khi hắt lúa, đã rời bức tranh, bay đi. Thật là kỳ diệu.

- Chuyện thứ hai nói về một nhà họa sĩ nợ vẽ "long vân", ban đầu ông vẽ mây, vẽ mây rồi ông vẽ thân mìn, điểm từ vẩy nhỏ, thêm vì thêm móng, nhưng đến khi vẽ đầu vẽ mắt ông đẽ đẽ, không điểm nhân. Người chủ đến lấy tranh, hỏi ông chấm con người vào mắt rồng, không sẩm chém đúng đùng hai người ngã ra tinh lại thì rồng bay đâu mất !

- Chuyện thứ ba là tranh vẽ con mèo của một họa sĩ say. Từ ngày treo tranh, mỗi buổi sáng đều thấy xác chuột đầu cắn còn tươi, mà nhà vẫn không nuôi một con miêu nào khác hơn là con miêu trên giấy.

Đó là những chuyện nửa hư nửa thật của người Á Đông phô trương nết thản búi của các đại danh họa có cốt tiên, cờ Lữ Đồng Tân vẽ hạc vàng nói "hoàng hạc lâu", cờ tiên trong tranh sống và ăn ở với Tú Uyên, cờ tranh vẽ quỳnh hoa của Vương Thế Sung đem nạp cho Tùy Dương đế, tức đầu dây mối nợ tích thập bát phân vương buồi mặt Tùy.

Tin hay không tin là chuyện của người trên thế, dẫu sao cũng được một buổi trà đàm tội hứng. Tôi nhớ bao nhiêu đó, còn chuyện ngựa cũng nhớ bấy nhiêu, và xin thành tâm thành giáo với tiên sanh, chỉ cho viết thêm cho đầy đủ. Và xin đa tạ.

d) Riêng việc bồi tranh, tôi không thấy "thả tranh vào bể", chắc là phương pháp tiên sanh đã nói có khác, và chuyện tôi thấy, đã xảy ra lúc tôi làm việc ở Sa Đéc lối năm 1928 đến năm 1932 và câu chuyện này xảy ra giữa khoảng mấy năm đó nhưng không nhớ rõ đúng năm nào. Nguyên tại Ba tôi, năm 1922, dỡ nhà ra xây cất lại, và khi nhà làm xong, đã thỉnh một bức tượng Quan Đề mới để thờ, vì dòng họ tôi là gốc người tinh Phuốc kiêm qua đây đã lâu đời, còn bức tượng cổ, vẽ bằng tay, vẽ thủy mặc lớp Thánh Quan ngồi xem kinh Xuân thu, chỉ có một Chân Thương đứng hầu (không có vẽ Thổ tể Quan Bình), bức tượng ấy từ ông Cố tôi để lại, vì lâu đời quá, đã rách và giập tróc hở rã ra từng lớp, không ai ở Sóc Trăng biết bồi, nên Ba tôi cuỗn lại, để trên đầu tủ áo, định lựa ngày tết sê hòa thiêu, nhưng tôi cản lại, mãi đến khi tôi gặp người biết bồi tranh ở Sa Đéc, tôi mới vẽ thỉnh tượng lên, họa may bồi được thì giữ được nết bút xưa và di tích của đời ông Cố tôi để lại. Nhưng khi tôi thấy bức tượng thì tôi đã ngã lòng, vì tranh cuồn tròn để trên đầu tủ ngói lát chín năm, đã xếp giẹp và dựng đến là rã ra từng miếng nhỏ. May quá, khi tôi đem đến người biết bồi tranh cũ, và đó là ông sư già chùa Phật ngay dốc cầu Vĩnh Phuốc, nay đã quên tên chùa gì, và vị sư già, thấy bức tranh, nói còn chừa được, nhưng bảo tôi đem tranh về, hẹn ngày rằm, tối ngày, đem lại cho ông bồi cho mà xem, công bồi và già : ba đồng bạc lớn (3500) (bạc năm 1930 rãt khác năm 1971).

Ông sư này tánh vui vẻ lầm. Dùng ngày hẹn, tôi ôm bức tranh lại chùa, ông đưa tôi đến hậu liệu, thấy có một bộ ván gỗ ba, rất dày, mặt lau chùi láng bóng, tron sáng như gương một

phía dâ cờ sắn một bức giấy dọn rồi, lợn bằng cờ tấm tranh tôi đem lại. Ông cầm bức tranh của tôi, mở dây và tháo tấm nhựt trình bao bên ngoài để nó qua một bên. Xong rồi ông trải bức tranh lên ván, song song với bức giấy dọn sắn, lấy khăn sạch lau nhẹ cho hết bụi bặm, dùng dây cuộn dắn chung quanh cho tấm tranh thật thẳng thắn, lấy thước do và lấy kéo cất lại vành tấm giấy dọn cho thật bằng cữ với tấm tranh cũ, - tôi vừa giơm giao cho ông để ra vè, nhưng vị sư già cầm tôi lại một cách thành thực : - Vè làm sao mà vè ? Cháu dâ thấy mấy bà di nhện kim cương noi tiệm thợ bạc làm chầu cà rá hay mè day xuân, dâ phải bò ăn bò uống ở lại tiệm để canh chừng theo dõi công việc làm của người thợ, tuy dâ tin cậy sắn, nhưng cũng phải để phòng sự tráo đổi hội nhỏ hội lớn hội giả hội thiệt, hoặc là lỡ tay làm động mạnh, hội sẽ kinh sê nứt mồi làm sao ? ấy phép bồi tranh cũng vậy. Người thợ có lương tâm phải cầm người chủ nán lại chúng kiến sự sang tấm tranh qua giấy bồi, xong rồi sẽ vè, vì cháu phải biết, tranh này cổ lăm, có lê dến triều Đại Minh cũng không chừng; nếu giao cho già, mà già động lòng tham thì già có thể sau này có một tấm tranh trả lại cháu, mà già cũng có một tấm y hệt, hoặc để dành treo chơi hoặc bán ra thì thiểu gì người mua bời vì, cháu xem dây này, tranh vè trên giấy đặc biệt ba lớp, nét mực khi vè ăn thâm xuống dù ba tầng, y như cháu viết trên mây dâ tự, muôn sao mấy bẩn duy lót dù mấy tờ giấy than lại không được. Nhưng điều ấy, là già nói già ngộ với cháu cho vui để làm việc quên mồi, chó tranh này dâ "rệu" quá, phải sang cho dù ba tờ qua giấy bồi, họa may nó không rách, chó tham lam ăn cắp một bẩn là dù làm râ bức tranh, sau đó không tài nào sửa chữa lại được. Một điều khác già dặn cháu, là để xem cách già làm, cho biết để có dịp ngày sau so sánh với một thợ khác, coi ai giỏi ai dở, chó cũng cùng một nghề nhưng nghệ thuật mỗi người mỗi khác. Già năm nay dâ bảy mươi hai tuổi, nhưng tay chưa run và hơi thở còn đều, chó sơ hở một chút,

một chút xíu thôi, thì tờ trên sẽ nhăn nhúm lại, đánh từ chuyên môn là "bồi còn rẽ tre nhiều hay ít", tức là không khéo hay đỡ đẽ, và hẽ có rẽ tre rẽ thi vô phương điều trị, vì tranh cổ bực này, gõ lên một lần thôi chó không gõ được lần thứ hai.

Vị sư già, tôi nghe giảng, càng ngày tôi càng kính, nên gọi sư cụ, sư cụ vừa giải thích vừa lấy tô sạch mực nước mực trong lu lớn, rồi bắt đầu ngâm từng búng nước phun kỹ vào cả hai bức, vừa tranh cũ vừa giấy bồi, bên giấy bồi, sư cụ phun vừa se se thì lấy hồ bột gạo thoa một lớp thật đều, thoa vừa rồi, thì bên tranh cũ, giấy thấm đều mặt. Sư cụ cắt nghĩa trong hồ phải để chút phèn hoặc hàn the cho hồ dùng thiu nhót và sau này sâu một không gặm nhấm hư tranh. Còn phun nước, không được phun nhiều sẽ ráo giấy, phun ít thì giấy không tróc đều và khi phun đúng sức, giấy sẽ gõ dẽ nhụt ta gõ bánh tráng, có khi đánh còn dinh và rách, chó giấy tranh, đối với thợ bồi lành nghề, quen tay và biết ý, thì công việc dẽ dàng như lấy đồ trong túi. Ông leo lên đứng trên bộ ván và dạy một chú tiểu, có lẽ đã quen phu giúp sự cụ trong việc này, nên rất nhặt nhẹ, lại đứng nơi đâu ván đối diện hai người đứng thủ thẽ dàng hoàng rẽ, sư cụ ra một dẫu hiệu nhò, và hai người cùng một lượt lấy hai tay, mỗi tay dùng ngón trỏ và ngón cái, nắm chéo góc bức tranh gõ nhẹ một loạt hết sức êm ái và khi gõ xong, chú tiểu và sư cụ cùng bước một lượt sang qua phía tờ giấy bồi, chú tiểu trước tiên hạ nhẹ góc tranh ngay ngắn trên tờ bồi rồi buông tay, dẽ mặc cho sư cụ một mình nín thở hạ nhẹ thật nhẹ tờ giấy tranh lên tờ bồi, công việc thiấy nhẹ nhàng và dẽ ợt, tờ tranh từ từ trôi ra trên tờ bồi, tôi tưởng mấy chỗ rách sẽ nhăn nhéo, nhưng sư cụ làm cách nào mà khi sư cụ vừa hạ tay chấm dứt việc sang tranh, ông vừa nháy xuống đất thở cái phèo, thì chính tôi là người mệt nhất, vì tôi ngậm hơi nín thở có lẽ gần nửa phút ba chục giây; mặt tôi xanh ngắt, sư cụ cười ngắt, ra dấu cho tôi mau hồi tinh; từ gõ tranh và sang tranh lẹ hơn tôi viễn è ạch nãy giờ, mà tôi

tưởng đồng hồ đã ngừng đi và trái tim tôi hối hả. Bây giờ chỉ còn công việc tý mỷ lau tay cho thật sạch và nhìn kỹ chỗ nào giấy rách ngóc lên, thì coi theo chiều hướng lấy ngón tay đè nhẹ nhẹ cho giấy ăn hồ, công việc này coi vây mà lâu lắc hơn việc gỡ tranh và sang tranh, vì gỡ tranh là cả một nghệ thuật không chuyên môn không làm xong, còn đè gốc gây cho dính hồ là việc tí tiếu như may vá thêu thùa, ai kỹ lưỡng là làm được.

Đó công việc bồi tranh chung qui có bao nhiêu việc đó, và tôi nhớ không thấy lúc nào có bể nước hành nghề chi chi cá.

Hay là phương pháp ông Đạm Trai nói trong thơ là một phương pháp khác nữa mà tôi chưa được biết ?

đ) câu chuyện thứ tư là vẫn tắt thời là lúc ông Đồng Hồ còn sanh tiền, tôi có nhờ ông đưa tôi về Chợ Lớn đến nhà một người thợ bồi tranh mà ông quen biết và tin cậy từ lâu. Ông này nhận tranh và bảo tôi về một tuần sau sẽ lại lấy tranh. Tôi thắc mắc và tổ thật mấy lời dặn bảo của sư cụ già chùa Sa Đéc. Nhưng ông chủ nhà là người Tàu có vẻ đạo mạo quân tử cưỡi mà rằng : "không phải mỗi lần đi bồi tranh rồi ngủ canh noi nhà thợ bồi mà không về nhà. Ông chỉ cho xem rằng tranh bán chính, nét vẽ và lăn búi để phân biệt với bán phu, hình vẽ không nét sắc sảo như bán chính. Gần ra tới cửa, Đồng Hồ đã lên xe, tôi còn ở lại hỏi với vì sao giữa nhà tiền sinh ấy để một cái nồi trè nít bắng mây, đựng toàn giấy vụn không được tinh khiết lắm. Chủ nhà cưỡi, đưa ra tận xe và cái nghĩa cho hai tôi biết đó là đồ nghề thiêng yểu của ông, còn quí hơn giấy bạc ngân hàng và càng đơ bẩn lại càng quí báu, vì mỗi khi tranh cổ dem lại bồi mà hoặc rách hoặc thiểu chỗ nào thì giấy mới vá vô làm sao ăn màu và phải nhò cậy noi đống giấy vụn đó mà tuyển miếng nào tiệp một sắc với chỗ thiểu, thì là mới khéo. Thưa Đạm Trai tiền sinh, tôi rất sợ tiền sinh giận, vì muỗn minh bạch, mà có xúc phạm chẳng ?

Tôi lỡ viết quá dài, xin tiên sinh tha thứ. Chừng nào chúng ta đặng gặp ?

Báu thư, Gia Định, ngày 2 tháng Giêng tây 1972.

*Tái bút.* - Sau đây mấy câu đề trên bộ tú bình "bá ngự" của tôi và Đồng Hồ, đếm bìa 1,2,3 (ba tấm tranh vẽ cá) đề bốn chữ : Tuần Khanh, Ngô Tùng, Hai Ẩn : Ngô Tùng chỉ ẩn, một ẩn nữa vọn vẹn hai chữ triện : Tuần Khanh.

Tấm 4 : GHI ĐẦY ĐỦ : Quang Tự Mậu thân niên, đồng nguyệt, tá ư Long Khê biệt thự.

Tuần Khanh, Ngô Tùng (hai ẩn triện : Ngô Tùng chỉ ẩn và Tuần Khanh, như trên).

Dịch : Vẽ tại Long Khê biệt thự, vào mùa đông năm Mậu thân triều vua Quang Tự (1908).



Sẵn dịp nói luônn, nhà còng bốn tấm "tú bình" như sau :

*Mùa xuân* - Vẽ tách Hàn Dũ tắm mai, cởi lừa, ngoài đầu lại, xem theo tay tiếu đồng chí, trên đỉnh treo ngược, bông mai trắng xóa. Đề câu : "Linh sơ hiền diệt dài dài nhã giám chí". Tiếp theo bốn chữ "Tuyết Tam A Mai, và hai đầu-triện : Trịnh Lâm, Tuyết Tam.

*Mùa Hè* - Vẽ một ông ngồi gần thạch bàn dưới gốc liễu, trước mặt : ấm rượu, trái cam, tay cầm chén, cỏ dứa tiếu đồng đứng hẫu. Ba hàng chữ : "Đối Trọng Quân nhật huân đầu túu song cam, nhán vân hà chí, đáp viết : 'Vâng thính hoàng ly thanh'". Tuyết Tam (2 con dâu). Ông Đối Trọng hăng ngày cầm hai trái cam và bình rượu đì chơi. Người ta hỏi : đì dâu, ông

dáp : "Đi nghe chim hoàng ly hót". Tuyết Tam.

*Mùa Thu* - Vẽ tích Tô Đông Pha đưa bạn là một ông hòa thượng tên Phật ẩn dạo dưới rừng trúc, có câu đù : "Tuế Trùng Quang Đại Uyên Hiển Trọng thu hậu ngũ dạ" Tuyễn Tam Huy. (Viết sau tháng trọng thu năm nay, Tân Hợi (năm 1911). - Tuyết Tam. - Án triện hai chữ Tuyết Tam.

*Mùa Đông* - Vẽ một ông lão mặc áo lạnh, hai tay ôm cây gậy, trước mặt có đưa tiễn đồng chí xa xa (tôi không biết tích gì). Có câu : "Tuyết Tam tả u tĩnh, viễn thâm xứ". (Tuyết Tam viết ở nơi im lặng xa xôi sâu thẳm). Án triện : Trịnh Lâm, Tuyết Tam.

(2-1-1972)

\*

## — Đồ đồng thành Thanh Hóa.

*Dẫn.* - Trong hai tập Hiếu Cố Đặc Sản trước số 4 và số 5, cũng như trong tập số 6 này, nơi bài nêu thắc mắc về đồ gốm céladon nói chung là đồ céladon Tàu, Thái Lan và đồ céladon tìm gặp ở Thành Hóa nói riêng, tôi vẫn viết theo sở kiến và kinh nghiệm của một người tự học, dò dẫm đường mòn mình và không ai chỉ dạy.

Nay trong bài khảo cứu dưới đây, ký tên trong "Sở Bảo tồn Cố tích" (Sài Gòn), trước in trong tập Văn Hóa Nguyệt san số 3 năm 1952 do bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, tôi lấy làm mừng và hân diện thấy trong bài có nhiều chỗ phù hợp với những gì tôi đã viết từ trước, trước khi đọc bài năm 1952 của Sở Bảo tồn Cố tích. Vì tôi hiểu tập Văn Hóa Nguyệt san có tinh cách muôn phô biến rộng những gì thuộc văn hóa nước nhà, nên tôi vội trích dặng y nguyên văn trong bài này vào đây, vừa mừng cho riêng tôi không đi lầm đường, vừa dâng lên một tiếng chuông chánh thức của một cơ quan chuyên môn có uy tín.

Tôi tưởng Sở Bảo tồn Cố tích không hép lượng và sẵn lòng cho tôi dặng để quảng bá thêm một bài khảo cứu có giá trị mà Sở đã dặng rồi nhưng ít ai biết mà tìm đọc. Tôi xin đa tạ.

\*

## Đồ đồng thanh Thanh Hóa

Đồ đồng thanh là một loại đồ sứ, men xanh lạt, màu hồ thủy, do người Tàu làm ra trong tinh Triết Giang, từ đời nhà Tống (960-1279), nhà Nguyên (1279-1368). Đến đời nhà Minh cũng còn làm, nhưng không được người ta chuộng lắm, như đồ làm về đời Tống.

Đồ đồng thanh sở dĩ được người ta chuộng là vì men đẹp, đất nặn lọc kỹ, chấm vẽ khéo, và hình dáng lại tao nhã. Nhưng ta cũng quên nói ngay là vì đồ đồng thanh rất hiếm; cái gì hiếm cũng quý.

Đất dùng làm đồ đồng thanh là một thứ đất sét rất mịn, luyện kỹ và lèn rất chặt, gó kêu như tiếng chuông.

Men thì trong và bóng, trát dày, có chỗ dày đến một li (0m001). Đất dùng để làm đồ đồng thanh lúc ban đầu là một thứ đất sét hung hung đòn, vì có nhiều chất sắt; cho nên men phủ phải tráng dày để che kín màu đòn đi.

Sắc men là một thứ màu xanh lạt; người ta ví như màu lá đào non, màu hồ thủy, hay màu nước biển; có thứ tráng tráng xám lạt như màu da trời. Có hai thứ men: men trơn và men rạn.

Nét vẽ là những hoa lá, con giống, thường là chim cá ếch, khắc sâu vào đất hay chạm nổi lên trên; men xanh phủ kín, nom như ngọc thạch; thành thứ đồ đồng thanh là một đồ sứ xanh xanh, đồng màu; chỉ những nét vẽ nổi rõ lên được là vì men chỗ này đậm hơn hay nhạt hơn.

Hoa lá phủ kín cả lòng bát dĩa, hay chia ra từng ngăn, từng ô. Hoa lá có nhiều kiểu, phần nhiều là kiểu liên chi.

Có cái có những vòng cánh hoa, vòng nụ trùm vòng kia, phủ kín đều đặn cả lòng dĩa.

Có cái thì tròn tuột, ở giữa đáy có một con cá hay con ếch.

Có cái không có hoa lá gì, chỉ có thành khía dọc nhỏ, đều nhau từ trên xuống dưới.

Lợi bất lợi dĩa thì hoặc tròn hoặc khía hình lá sồi.

Nói tóm lại, các đặc điểm của đồ sứ đồng thanh là men xanh lạt, trong và dày, đất lèn chặt, rắn và nặng, gõ kêu như chuông.

Nhà Bảo tàng Hà Nội của trường Viễn Đông Bác Cố có nhiều đồ đồng thanh như lọ hoa, ấm pha chè, liên dụng canh, và nhất là bát, dĩa.

\*

Người Tàu gọi đồ sứ đồng thanh là long tuyền dao (hay là long tuyền diêu); nghĩa là đồ sứ ở Long Tuyền, tên một thị trấn thuộc tỉnh Triết Giang, nơi sản xuất loại đồ sứ ấy. Họ cũng còn gọi là đồ thanh từ nưa, nghĩa là đồ sứ xanh.

Người Tây gọi đồ đồng thanh là céladon, lấy màu áo

của chàng Céladon, một nhân vật trong truyện Astrée của Honoré d'Urfé về thế kỷ XVII. Nguyên là về thế kỷ XVII, Honoré d'Urfé có làm ra pho tiểu thuyết nổi danh nhân đê Astrée; nhân vật trong truyện có những chàng chăn đê, mỗi chàng mặc một thứ áo màu; những màu khác nhau, nhưng màu nào cũng là màu lụt và êm dịu cả.

Áo chàng Céladon thì màu xanh lá mạ, được nhiều người ưa chuộng. Giữa lúc tiểu thuyết này được người ta tán thưởng, thì công ty Ấn Độ, mới thành lập để buôn bán với phương đông, đem những đồ đồng thanh vče, mà màu men đồ sứ này lại giống như màu áo của chàng Céladon, người ta liền gọi loại đồ sứ ấy là céladon; thành thử tiếng céladon nguyên là tên người, rồi thành tên màu, sau thành tên một loài đồ sứ.

Ta gọi loại đồ sứ ấy là đồng thanh; có nhẽ là vì những đồ sứ màu xanh mà do phương đông đưa lại, nghĩa là do đường biển đưa lại mà Thanh Hóa thì giáp biển về phía đông.

Như trên kia đã nói, đồ sứ đồng thanh nguyên là đồ sứ của người Tàu làm ra đầu tiên, trong tỉnh Triết Giang về đời nhà Tống (960-1279). Đến đời nhà Nguyên (1279-1368) và đời nhà Minh (1368-1643), cũng có làm. Men đời Tống sẫm hơn men đời sau.

Nhật Bản và Ba Tư cũng bắt chước Tàu làm loại sứ đồng thanh; nhưng sứ đồng thanh của Tàu, gọi là long tuyền dao, vẫn là đồ sứ quý hơn cả. Người Ba Tư và người Thổ Nhĩ Kỳ tin rằng men đồng thanh có cái đặc tính làm

cho biết đồ ăn đồ uống có chất độc; đựng trong bát dĩa đồng thanh thì chất độc hiện ra ngay.

Cứ trong bể ngoài thì khó mà phân biệt được đồ đời Tống, đời Nguyên với đời Minh.

Theo nhà bác học Grandidier, chuyên khảo về đồ sứ Tàu, thì có một cách phân biệt được dễ dàng. Hai thứ đều có men phủ kín cả. Nhưng thứ đời Tống thì chân bát chén dĩa có một vòng không có men phủ; vòng này màu hung hung đỏ, vì trong đất có chất sắt; khi nung, bị lửa nóng làm cháy chất sắt ấy ra. Bát dĩa làm về đời Minh, thì không có vòng ấy, có men phủ kín hết.

Ở Việt Nam cũng có đồ sứ đồng thanh phàn nhiều đào được ở dưới đất, nhất là về vùng Thanh Hóa.

Cách đây hơn hai chục năm, nhân xây đập Bá Thượng, nhân viên sở Công chính đào đất có thấy nhiều bát dĩa lọ hoa về loại đồng thanh, hoặc còn nguyên, hoặc vỡ thành mảnh, cùng với những đồ bằng đồng, như tiền trinh, mũi gươm, mũi mác, thanh kiếm và trống đồng cổ.

Sau đấy, trường Viễn Đông Bác cổ tổ chức những cuộc khảo sát, cho đào nhiều nơi trong tỉnh Thanh Hóa thì từ miền gần bể cho chí nội địa, đã tìm được rất nhiều những thứ như trên, lại thêm những ngôi mộ cổ xây bằng gạch nữa. Trong những thứ tìm được có rất nhiều dĩa bát, lọ về loại đồng thanh, mà thứ cũ nhất là loại đồng thanh đời Tống. Đất dùng để làm cũng rắn chắc, men cũng xanh xanh, kiêu vê và chạm trổ cũng giống như đồ đồng thanh ở bên Tàu.

Nay ta xét tại sao ở Thanh Hóa có lầm những đồ đồng thanh như vậy. Ở bên Tàu đem sang, hay là đã được làm tại chỗ?

Ta biết rằng về thời Bắc thuộc, tỉnh Thanh Hóa là quận lỵ của quận Cửu Chân, là nơi quân Tàu đóng lâu đời. Vì thế mà di tích người Tàu còn lại nhiều lắm. Việc giao dịch giữa dân tộc Việt Nam với người Trung Hoa tất là rất thịnh. Các hàng hóa đem từ Tàu sang ta, trước là để quan quân Tàu dùng, sau là để bán cho ta, tất phải nhiều. Trong những thứ ở Tàu đem sang, lẽ dĩ nhiên là có đồ đồng và đồ sứ đồng thanh. Trong vòng hơn nghìn năm Bắc thuộc, đã có bao nhiêu cơn binh hỏa do người Việt khởi nghĩa để đánh đuổi quân xâm lăng. Trong những cơn binh hỏa ấy, quân Tàu cũng như dân Việt có vật gì quý thì tất phải tìm cách đem chôn đem giấu; song vì loạn lạc luôn, lầm đồ chôn giấu như thế bị thất lạc. Một phần những vật ngày nay đào được ắt là những vật chôn giấu ấy còn lại, mà những đồ sứ đồng thanh tìm được ở Thanh Hóa tất nhiên là có thứ ở Tàu đem sang. Nhưng ở Thanh Hóa, người ta đã đào được, không những đồ sứ đồng thanh còn nguyên lành hay vỡ mảnh, người ta còn tìm thấy rất nhiều những mảnh tròn bát tròn đĩa loại đồng thanh, chồng lên nhau và dính chặt vào nhau vì men chảy, như ta thường thấy ở các lò bát bây giờ. Những mảnh này tất phải là những đĩa bát vì nung nấu hư hỏng, ở những lò thiết lập tại chỗ mà ra; chứ hẳn không phải từ bên Tàu đem sang; vì lẽ rất giàn dị là không ai mang những mảnh bát đĩa vỡ như thế từ Tàu sang đây làm gì.

Xét lịch sử, thì về thế kỷ XI, kinh đô nước Tàu đóng ở phủ Khai Phong.

Đến năm 1138, vì có loạn rợ Kim, kinh đô phải thuyên xuống phía Nam và đóng ở Hàng châu. Ở đây thợ làm đồ sành đồ sứ xay lò để làm những đồ sứ hảo hạng cho nhà vua dùng; đồ sứ này gọi là quan dao (hay quan diêu). Đến khi nhà Tống mạt, nhà Nguyên lên thay, có nhiều người không phục tùng nhà Nguyên mà họ coi là bọn xâm lược, bèn tản cư đi các nước lân cận. Thanh Hóa là nơi có nhiều người Tàu ở, thì tất nhiên có nhiều người Tàu sang ta lánh nạn, mà trong bọn người di cư này tất có những thợ làm đồ sứ ở Hàng Châu. Sang đến Thanh Hóa, họ đem nghệ thuật thống truyền của họ ra để làm đồ sứ như xưa, và truyền bá trong dân bản xứ.

Có thể thì ta mới hiểu được tại sao ở đất Thanh Hóa có lấm đồ đồng thanh, có lấm những mảnh tròn bát-đĩa đồng thanh như trên kia đã nói.

Và lại, trong những đĩa bát tìm được ở đất Thanh Hóa, ta còn thấy những hát đĩa có đặc điểm riêng; mà đồ đồng thanh ở Tàu không có.

Thật vậy, người ta đã đào được những cái bát hình hoa sen nở; thành hất khía dọc như hình những cánh sen dài và hẹp; phần dưới những cánh đó chụm lại với nhau, mà phần trên thì xòe ra, trông giống bông hoa sen.

Kiểu chạm trổ hoa sen như thế, trong nền mỹ thuật Tàu ít thấy; trái lại kiểu ấy là một kiểu rất thông thường trong nền mỹ thuật Ấn Độ và mỹ thuật Chiêm thành; ai

cũng biết mỹ thuật Chiêm thành đã chịu ảnh hưởng nhiều của nền mỹ thuật Ấn Độ.

Khi nước Việt Nam còn đang bị Tàu đô hộ, thì nước Chiêm thành, một nước gần với Thanh Hóa lúc bấy giờ, đã có một nền văn hóa phồn thịnh. Vậy thì những bài đúc hình hoa sen nở, theo kiểu mỹ thuật Chiêm thành tìm được ở Thanh Hóa, có thể là những bài đúc làm ngay tại chỗ.

Và lại, Thanh Hóa có rất nhiều đất sét hạng tốt, nhất là vù phù Quảng Hóa; cho nên ngày nay, kỹ nghệ đúc gốm ở Thanh Hóa rất thịnh đạt.

Đồ đồng thanh tìm được phần nhiều đã thấy ở huyện Nông Cống, huyện Hoằng Hóa, huyện Quảng Xương và phủ Tĩnh Gia, mà bát với đúc chiêm phần lớn.

Nhưng vật đó hình dáng đơn sơ, không có những thủ to như trong đồ đồng thanh Tàu; ở nhà Bảo tàng của trường Viễn Đông Bác Cố, hạng to nhất là hai cái đĩa, mỗi cái đó được 0m325 và mỗi cái đó được 0m213 béc kính.

Những điều nhận xét này gồm với những mảnh tròn bát tròn đĩa, và những bát kiều hoa sen đã nói ở trên kia, có thể là những bằng chứng cho ta nói được rằng nhiều đồ đồng thanh đào được ở đất Thanh Hóa, là do những lò xây dựng ở đây sản xuất, và do thợ Tàu hay thợ người Việt, được thợ Tàu dạy bảo, làm ra.

Sở Bảo tồn Cố tích.

(sao y nguyên văn bài trong Văn Hóa Nguyệt san số 3 tháng bảy năm 1952 của bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản tại Sài Gòn, tr. 318 đến tr. 321)

*Lời bàn.* - Sở Bảo tồn Cố tích, cũng như các cơ quan chuyên môn của Chính phủ khi đặt bút viết về mọi bài khảo cứu nào thì cần nhắc từng chữ một và thận trọng từ lời ăn tiếng nói, và đây là nề nếp của trường Viễn Đông Bác Cố dạy lại. Vì thế bài viết ra có vẻ khô khan, không đi sâu vào đề và chỉ nói những gì chắc chắn, nhưng phàm nói cái gì chắc thì ai ai cũng biết rồi, thành thử bọn chúng tôi ham học không học được gì nhiều. Trái lại, phương pháp của tôi từ trước đến giờ là cứ nói ra hết, những gì cònомнigrì thàthat chất vấn người học uyên thâm hơn. Cha nó lú có chú nó khôn, như vậy một ngày nào chúng ta mới tìm ra thế nào là céladon Tàu và thế nào là đồ đồng thanh Thanh Hóa. Những ai ưa thích đồ céladon, tôi xin đọc lại tập 4 từ trang 203 sắp sau, và đọc thêm tập 5, nói số 82 của lương 89, về đồng thanh khí (vases bleu oriental).

Nhơn tiện, tôi xin định chính, trong tập 4 tôi viết Đông Thanh, chữ Đ và T hoa, nay xin sửa giúp chữ thường cho đồng nhứt loại. Trừ danh từ Tống Thanh thì giữ y chữ hoa, vì ý tôi muốn nói đó là đồ céladon Tống tìm gặp ở Thanh Hóa.

Tôi nhấn mạnh, chữ "đồng" là phương đồng; có người không hiểu, nên viết "đông" là mùa đông, hoặc viết "đồng" là mua lòn mua thu. Kỳ thật, đồng thanh là màu xanh phương đồng : bleu oriental. Vì rắc rối như vậy nên nhiều khi tôi xen danh từ Pháp trong câu văn, để tránh lầm lộn, khiển cho khi đọc thấy như nhức mắt. Nhưng có xen như vậy mới thấy tôi dịch đúng hay sai. Xin chư quán thông cảm cho. Tôi muốn học thêm và không muốn được khen. 9-3-1972. Sén.

## MỤC LỤC

### CHƯƠNG I

1. Lời tự thuật của một cô gái tàn thời có chồng mà dĩa hét xưa.
2. Chuyện họa sĩ Hòa Lan Van Meegeren bán tránh cổ cho Thủ tướng Đức Goering
3. Bản phiếm về chén trà Đại Tống (960-1280)
4. Đồ sứ Đại Tống và tranh Đại Tống (bài của Ông Nguyễn Văn Thư, B.K.I.XI.60)
5. Đề bắc cầu Tàu lời muộn Ông Nguyễn Văn Thư;  
Gởi Ông Huỳnh Đức Úng.
6. Bản phiếm về sự tích chén Đại Tống (bài của Ông Huỳnh Đức Úng, báo Tự Do 21-2-63)
7. Trở lại chén Đại Tống tặng thư tại nhà tôi.
8. Bản và dĩa lớn về tích Biển Thước hải thuốc
9. Cổ bình Hồng Võ niên ché (1368-1398).
- Về một chén nhỏ số 537 ký hiệu "Tuyên Đức niên ché" có chữ niên viết một diệu với chữ niên bình Hồng Võ
10. (Võ Lù Thành Hóa) (1488-1487) chuyện chung quanh chén raku và tò tu nước.
11. Chuyện cái thố bù của tôi
12. Hỗn dụng ngài Cao Miên, thi tế lợ nước hoa ngày nay
13. Tự yên hồ (les tabatières)

14. Hai cổ vật làm tội thắc mắc : Nai số 426 và bình voi 230

15. Mỹ thuật đồ gốm sẽ đi về đâu ?

## CHƯƠNG II

16. PHẦN THỰC HÀNH. - Một cuộc vấn đáp chung quanh vấn đề 'Thú chơi cổ ngoại'

I. Giả tỳ muốn tập chơi đồ cổ, nên mua sắm và sưu tập loại nào trước ?

- a) cổ loại ta chưa thích bày giờ, nhưng mua hụt, sau sẽ tiếc;
- b) bàn ghế, gỗ chạm, lư thau, đèn Tây;
- c) đồng hồ trai quí, tiền đúc, lục lạc;

II. Nếu gặp những món không thích mấy, có nên mua chăng ?  
a) - Mua ở đâu ? b) - Xin ở đâu ? c) - Lượm ở đâu ?

III. VI. a) làm fouille, b) xin đồ cổ nước khác,  
c) di tích cũ trong nước ta, hiện có ở đâu ?

V. Định giá, định tuổi, và chọn một món đồ xưa (điền Vị thủy  
đầu can như, các nhà buôn đồ cổ từ Huế vào Sài Gòn)

VI. Việc định giá và chọn.

VII. Món nào nên mua giá cao, món nào nên mua rẻ ?

VIII. Cách sắp xếp cho cổ thư tự (trình bày, giữ gìn,  
sửa chữa, cẩn bẩn pháp lý) đối chép lúc còn chơi,  
bán đi khi đã chán; Ông Gannay; khi bán đến nhà...  
(cách giáo nghiệm đồ cổ)

## CHƯƠNG III

### PHẦN PHỤ LỤC

I. Dẫn

II. Thơ của bác sĩ Đào Huy Hách, Đà Lạt, nguyên phụ giáo  
trường Y khoa Hà Nội

Thơ tôi trả lời

Thơ một người ở Tân Định không nói tên, xưng  
Lê tộc, Đạm Trai hiên.

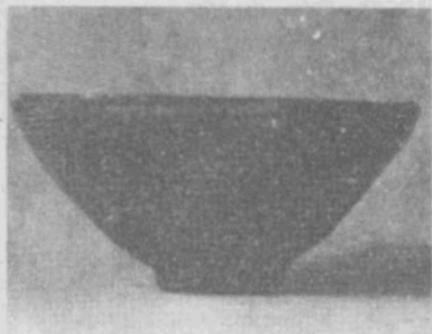
Thơ tôi trả lời ông Đạm Trai

Đồ đồng thanh Thanh Hóa

## MỤC-LỤC CÁC ẢNH CỜ-VẬT

- \* Kiều nấm chén cờ, bằng té-giác, gồm Tổng « Thiên-mục-thủ, gồm Nguyên, Bạch-định Minh, Phát-lam Minh-Mạng (ảnh 1 tới 5 pl. 1)
- \* Lu Thành-Hóa số 872-VHS và lú Khang-Hy số 873-VHS
- \* Bộ hũ đựng ngải Cao-miên (les pots à envoûtement cambodgiens) (pl. 3)
- \* Bộ tý-yến-hồ (tabatières) (pl. 4A và 4B)
- \* Hai cờ-vật làm tói thắc-mắc : Nai số 426-VHS và bình-või số 230-VHS (Pl. 5)
- \* Bình sake thường và bình sake hình giống cục phán của Nhật-bản (Pl. 6)
- \* Ba kiều hời văn đắp nổi trên lục-bình Hồng-Võ niên-chế (mục lục 64 VHS) Pl. 8
- \* Ảnh hiệu lối triện tự viết lại theo chơn tự Pl. IX (của bình Hồng-Võ niên chế 64 VHS)

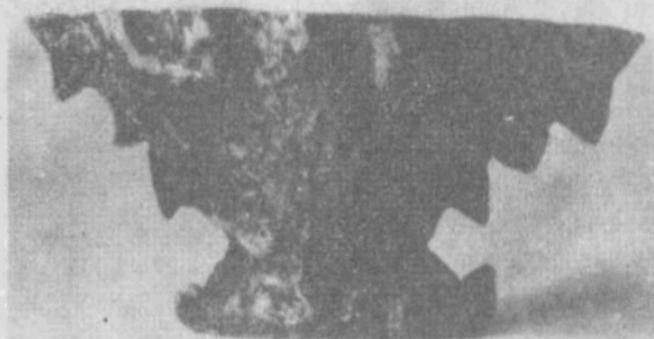




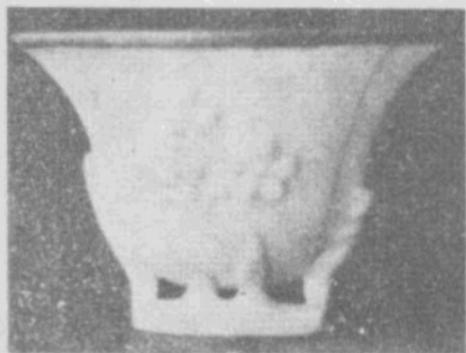
N° 96 Temmoku Song



N° 228 b Chén tê giác Kiền-Long



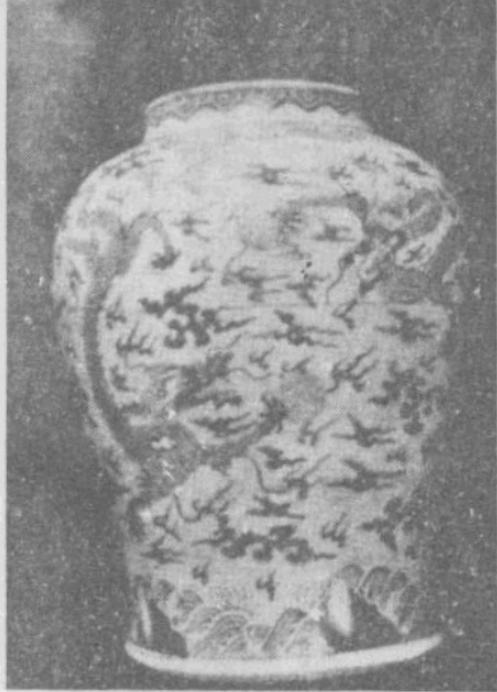
N° 203 d Grès Yuan



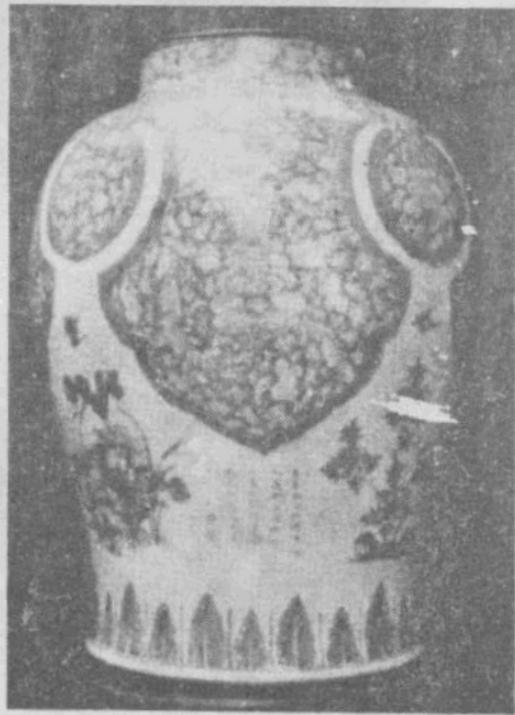
N° 83 Blanc de Fou-Kien (Ming)



N° 200 b Cloisonné Minh-Mạng



Nº 872  
Choé Lớn  
Đại Minh Thành Hóa  
(1465-1487)



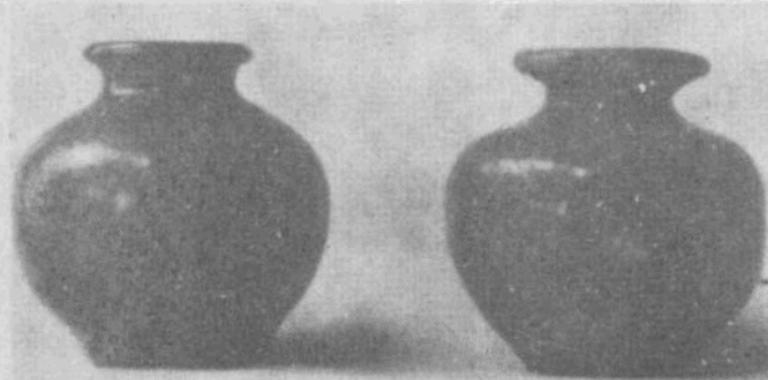
Nº 873  
Choé Lớn  
Vẽ Sỏi Vân Kiên  
Đại Thanh Khang Hi  
(1662-1722)



Nº 142 Song, clair de lune nguyệt ánh (Tổng)



Nº 248/2 Bạch đinh (Tổng)    Nº 248/4 Trắng vẽ lam (Nguyên)



Nº 168 Hũ màu hột gà lộn (Tổng)    Nº 241 E Céladon Song



Nº 181 Sành võ trưng hình kim ngư  
(đời Viên-Thé-Khai 1916)



Nº 929 Cồ ngọc Kiền-Long



Nº 20B Cồ ngọc «Ký Thạch»  
Kiền-Long



Nº 928  
Cồ ngọc Kiền-Long, chogram



Nº 561 Khang-Hi (Sành)



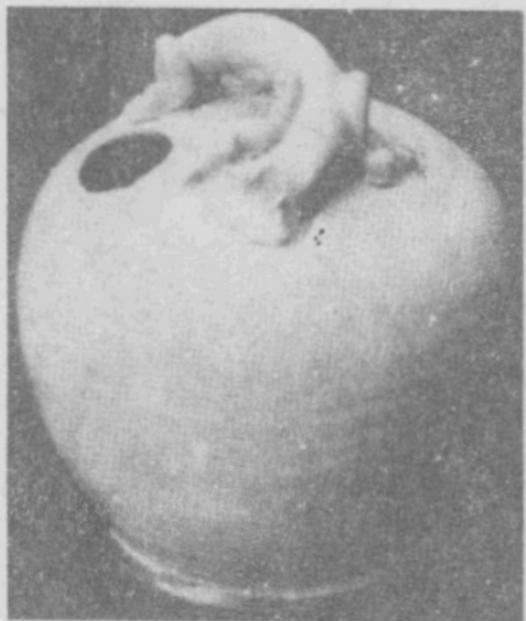
Nº 253 Đồng trị, bát giác (Sành)



Nº 928 bis Quang-Tụ (Pha-Lê)



Nº 175 Gia-Khánh (Sành)



Nº 230  
Bình vôi có quai  
(Tổng)



Nº 426  
Nai đựng rượu  
đời Trần (T-K. XIII)



Nº 765d Bình rượu Sake  
Grès moderne d'imbé (Japon)



Nº 765/4 Hình cục phản  
Hỏa biến tân thời ở imbé  
(Pièce scatologique)



Nº 765  
Đất nung imbé chưa hầm

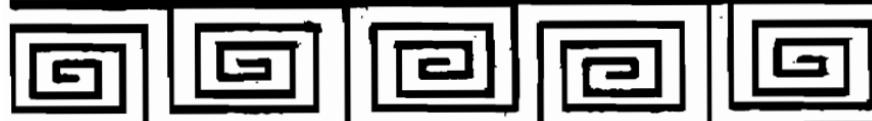


Nº 765/1 Hỏa biến imbé  
hình cục phản (Pièce scatologique)

Ba kiều hời văn (hoa văn) đắp nổi trên lục bình số 64-YHS  
(Hồng-Võ niên-chế) xem ảnh PL. 28-29 trong tập 4



Kiều hời-văn A (hoa văn)



Kiều hời-văn B



Kiều hời-văn C

A.— Ân-hiệu « Hồng-Võ niêm-ché » lối triện-tỵ  
chạm sâu nơi đáy bình 64-VHS



季  
製  
宣  
德  
季  
製  
洪  
武

C.— Bốn chữ « Tuyên-đức  
niêm-ché » trên một chén trà,  
viết cùng một điệu  
(chén 537-VHS)

B.— Bốn chữ « Hồng-Võ  
niêm-ché » trên đáy  
viết lại theo chun-tỵ  
(lục-bình 64-VHS)

# SỔ TAY NGƯỜI CHƠI CỜ NGOẠN của VƯƠNG HỒNG SEN

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận 1

ĐT : 25340 - 96764 - 22726 - 96713

Chịu trách nhiệm xuất bản :

TÂN BỨC

Biên tập	:	HUỲNH TÁM
Sửa bản in	:	NGUYỄN BÌNH
Trình bày	:	
Vẽ bìa	:	

---

In 1600 cuốn kđd 13 X 19cm, tại Xí Nghiệp In số 3 — 387, Trần Hưng  
Đạo, Quận 1 — TP. Hồ Chí Minh. Số xuất bản : 02/KH - 90. In xong và  
nộp lưu chiểu tháng 8 năm 1990.

